

A. Puskin

TUYỂN TẬP VĂN HỌC



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ALÉCHXANDRO
PUSKIN
TUYỂN TẬP VĂN HỌC

**ALÉCHXANDRƠ
PUSKIN**

TUYỂN TẬP VĂN HỌC

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 2001**

LỜI NÓI ĐẦU

Về Puskin

Qua đời vào giữa lúc sức sống và sức sáng tạo đang độ phát triển dồi dào nhất, Puskin, đối với tất cả những học trò và những người kế tục sau ông - những bậc kiệt xuất của nền văn học vĩ đại do ông đặt nền móng, kể cả chính Lép Tônxtôi, - đối với tất cả, dù họ có sống lâu hơn ông bao nhiêu năm tháng đi nữa, vẫn mãi mãi là người anh cả và là người thông minh nhất. Tất nhiên, ngay cả hiện nay đối với tất cả chúng ta ông vẫn như thế và thậm chí về mặt nào đó còn hơn thế, vì rằng Puskin của thời đại chúng ta lớn hơn Puskin mà các thế hệ đi trước chúng ta đã từng biết.

V.G.Bêlinxki đã viết: “Puskin thuộc về những hiện tượng vĩnh viễn sống và vận động, không dừng lại ở thời điểm thần chết bất gặp, mà vẫn tiếp tục phát triển trong ý thức của xã hội”.

Người sáng lập và khai sinh nền văn học vĩ đại mà ý nghĩa thế giới của nó từ lâu đã trở thành hiển nhiên và vững chắc, người nghệ sĩ mà thiên tài sáng tạo của mình ngay cả những đối thủ cũng không thể đánh giá thấp - giờ đây vẫn là nhà thơ được yêu thích,

kính trọng và mến phục nhất của một đất nước vĩ đại, nhiều dân tộc.

Dặc trưng hiếm có của Puskin còn ở chỗ ông chưa hề bao giờ viết xuôi tay cả: ngay cả những bài thơ đầu tay, có tính chất mô phỏng của ông cũng đã được viết ở trình độ cao, còn thường thường là cao hơn những phương pháp sáng tác của nền thi ca Nga hồi đó.

Không dễ gì mà tính toán được vốn sáng tác quý giá của Puskin: bởi vì đó không phải chỉ là “Épghêni Ônhêghin”, “Bôrit Gôđunốp”, “Kỵ sĩ đồng”, là các kiệt tác thơ trữ tình về tình yêu và về triết lý, là các vở bi kịch ngắn, các truyện cổ tích, là “Người con gái viên đại úy” và các tác phẩm văn xuôi khác của ông, mà đó còn là các bài phê bình, các bút ký du lịch, các ký sự lịch sử và biết bao nhiêu các sáng tác khác nữa, kể cả các mẫu mực lỗi lạc của thể loại thư tín.

Khi nói về Puskin, không hiểu sao thậm chí ta thường dùng một cách vụng về hai tiếng “tài nghệ”, giá dùng hai tiếng “tuyệt diệu” thì thích hợp hơn, mặc dù chúng ta biết rõ rằng sự hoàn thiện trong các tác phẩm của ông khiến chúng ta hằng xúc động đòi hỏi “người con cưng của nàng thơ” phải lao động nghiêm túc và quên mình biết bao.

Và khi chúng ta tiếp nhận các sáng tác hoàn thiện nhất của ông, thì quả thật chúng ta cũng khó hình dung được là chúng đã được viết, có nghĩa là đã được sắp xếp từ những dòng chữ, những từ vốn tồn tại riêng biệt và chỉ nhờ có ý chí của nhà nghệ sĩ mà được tuyển chọn và

phân bố theo một kết cấu nào đó. Không, đối với chúng ta, những tác phẩm đó dường như tồn tại dưới dạng như vậy trong bản thân cuộc sống, trong thiên nhiên, và cũng được rút ra hoàn toàn từ đó.

Tâm hồn của Puskin đã thuộc về tương lai, chẳng khác gì đã thuộc về hiện tại, và nó luôn luôn vươn tới tương lai; ông sống ở thời đại mình, cùng với những người đương thời của mình, cùng với môi trường của mình, nhưng dường như ông vẫn sống cùng với các thế hệ khác, và đang sống cùng với chúng ta và sẽ sống cùng với những người sẽ thay thế chúng ta.

Di sản của Puskin khó mà khảo cứu hết được - đó không phải là một đỉnh núi đơn độc, dù rất hùng vĩ, mà là cả một dãy núi oai nghiêm với những đỉnh, những nhánh trùng trùng điệp điệp.

ALÉCHXANDR TVARĐÓPXKI.



NGƯỜI DA ĐEN CỦA PIỐT ĐẠI ĐẾ

Nước Nga biến đổi bởi ý chí gang thép của Piốt

N. Iadukóp'

CHƯƠNG I

Tôi ở Pari

Tôi bắt đầu sống, chứ không chỉ thờ

Dmitoriép²

Tạp chí người du lịch

Trong số những người trẻ tuổi được vua Piốt Đế Nhất gửi ra nước ngoài để học hỏi những kiến thức cần thiết cho công cuộc duy tân có người con đỡ đầu của nhà vua là Ibraghim³, một người thanh niên da đen. Ibraghim được học trong một trường võ bị ở Pari⁴ và ra trường với cấp bậc đại úy pháo binh. Chàng lập được nhiều chiến công trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha⁵, và sau khi bị thương nặng lại trở về Pari. Mặc dù bận trăm công ngàn việc, hoàng đế vẫn thường xuyên thăm hỏi về người con nuôi yêu quý của ngài, và cứ mỗi lần như vậy ngài đều nhận được những bức thư phúc đáp hết lời khen ngợi hạnh kiểm và những thành công của Ibraghim. Piốt rất hài lòng về Ibraghim và đã mấy lần mời chàng về Nga, nhưng Ibraghim không vội về. Chàng tìm cách thoái thác,

viện đủ mọi cỡ khác nhau: nào vì vết thương chưa lành hẳn, nào vì chàng muốn trau dồi thêm kiến thức, nào lại vì thiếu tiền. Vua Piôt cũng khoan dung đối với những điều thỉnh cầu của chàng, khuyên chàng chú ý giữ gìn sức khỏe, cảm ơn chàng đã học hành chăm chỉ, và mặc dù nhà vua là người rất tần tiện ngay trong những khoản chi tiêu riêng của ngài, ngài vẫn không hề tiếc gì với Ibarghim, và chàng thanh niên da đen thường nhận được khá nhiều tiền của ngân khố riêng của nhà vua, cùng với những lời khuyên nhủ và răn dạy của một người cha.

Cứ theo các sử biên ghi chép thì không thể lấy gì mà so sánh với cái tính nhẹ dạ nông cuồng và lối sống xa hoa của người Pháp thời ấy. Những năm cuối cùng của triều Luy XIV⁶ là thời gian mà triều đình đang sùng đạo, trang nghiêm rất mực, và lễ nghi được giữ gìn khắt khe, không để lại một dấu vết nào. Công tước Oóclêăng⁷ vốn là người có nhiều đức tính lỗi lạc pha lẫn với đủ các thói xấu hủ bại, tiếc thay lại không hề có chút đạo đức giả nào. Những cuộc truy hoan ở *Pale-Roian*⁸ không phải là một điều gì bí mật đối với dân chúng Pari; cái gương ấy lan rất nhanh. Vào hồi ấy *Lau*⁹ xuất hiện; thói tham tiền háo của kết hợp với lòng thèm khát khoái lạc và vui chơi; bao nhiêu điền trang khánh kiệt; đạo lý suy đồi; dân Pháp cười cợt và trả nợ, và nhà nước cứ tan rã dần dưới những ca khúc bông lơn của các vở hài kịch châm biếm.

Trong khi đó các giới trong xã hội bày ra một quang cảnh rất lý thú. Học thức và nhu cầu mua vui khiến cho mọi hạng người đều xích lại gần nhau. Ai là người giàu có, lịch duyệt, có danh vọng, có tài ba, hay có một cái gì kỳ lạ, nghĩa là tất cả những người nào có thể cung cấp một món ăn cho trí tò mò hoặc có thể góp phần mua vui cho xã hội, đều được tiếp nhận một cách vồn vã như nhau. Văn học, khoa học và triết học rời bỏ căn phòng làm việc yên tĩnh và xuất đầu lộ diện trong các phòng khách của giới thượng lưu để vừa cung phụng cho thị hiếu thời thượng, vừa hướng dẫn cho nó. Phụ nữ vẫn được trọng vọng, nhưng không còn đòi người ta tôn thờ như trước nữa. Lễ độ hơi hợt bề mặt đã thay thế cho lòng kính trọng sâu xa. Những trò ma mãnh của công tước Risolior¹⁰, một Ankibiát¹¹ của thành Aten ngày nay* đã được đưa vào lịch sử và có thể cho ta một khái niệm về phong tục thời bấy giờ.

Temps fortuné, marqué par la licence,
Où la folie, agitant son grelot,
D'un pied léger parcourt toute la France,
Où nul mortel ne daigne être dévot,
Où l'on fait tout excepté pénitence¹².

Ibraghim xuất hiện. Dung mạo, học thức và trí thông minh vốn có của chàng khiến cho cả thành Pari

* Tức Pari.

chú ý. Tất cả các phu nhân đều muốn được tiếp đón *le Nègre du czar*¹, họ sẵn đón mời mọc chàng; quan phụ chánh nhiều lần mời chàng dự những buổi dạ hội vui vẻ của ngài; Ibraghim có mặt trong những buổi tiệc được cổ vũ nhờ tuổi trẻ của Aruê¹³ và tuổi già của Sôliê¹⁴, nhờ những câu chuyện của Môngteskiơ¹⁵ và Phôngtơnen¹⁶; chàng không bỏ qua một tối khiêu vũ nào, một ngày hội nào, một buổi khai diễn nào. Chàng lao mình vào cơn lốc vui chơi của xã hội với tất cả tính cuồng nhiệt của tuổi trẻ và nòi giống của chàng. Nhưng không phải chỉ vì sợ phải rời bỏ cảnh vui chơi đô hội lộng lẫy này để về với cuộc sống đạm bạc khắc khổ ở triều đình Pêterburg mà Ibraghim quyến luyến Pari. Còn có những mối dây bền chặt khác ràng buộc chàng. Chàng thanh niên châu Phi ấy đã yêu.

Bá tước phu nhân D. tuy đã quá tuổi hoa niên, nhưng vẫn nổi danh là người có nhan sắc. Năm mươi bảy tuổi, khi nàng ở nhà tu¹⁷ ra, gia đình gả nàng cho một người mà nàng chưa có đủ thời giờ để yêu, và về sau người đó cũng chẳng bao giờ lo nghĩ đến điều này. Người ta hay đồn đại rằng bá tước phu nhân có nhân tình, nhưng xã hội thượng lưu vốn rộng lượng về mặt đó, cho nên phu nhân vẫn được trọng vọng, vì chưa từng xảy ra một chuyện gì lộ bích hay ly kỳ có thể để

¹ Người da đen của Nga hoàng (tiếng Pháp)

cho thể gian chê trách nằng. Nhà của bá tước phu nhân là một phòng khách thời thượng vào bậc nhất. Những bậc thượng lưu ưu tú ở Pari đều tụ tập ở đây. Người giới thiệu Ibraghim với bá tước phu nhân là công tử Mécvin, mà người ta thường cho là tình nhân sau cùng của bá tước phu nhân, và chính Mécvin cũng bằng mọi cách cố để cho mọi người cảm thấy như vậy.

Bá tước phu nhân tiếp đón Ibraghim một cách nhã nhặn, nhưng không lộ vẻ gì chú ý đặc biệt đến chàng: điều đó khiến Ibraghim rất hài lòng. Thường thường thì người ta nhìn chàng thanh niên da đen như nhìn một vật lạ, họ xúm xít quanh chàng, chào hỏi rối rít và thái độ tò mò này tuy đã được che phủ dưới một thiện cảm bề ngoài, song vẫn làm cho lòng tự ái của Ibraghim bị tổn thương. Sự chú ý săn sóc dịu dàng của phụ nữ vốn là mục đích hầu như duy nhất của những sự nỗ lực của chúng ta, không những không làm cho lòng chàng thấy vui thích, mà còn khiến cho chàng buồn bực và phẫn uất. Chàng cảm thấy rằng đối với họ chàng là một loài vật lạ mất hiếm có, một tạo vật đặc biệt, xa lạ, tình cờ rơi vào một thế giới không có gì chung với mình cả. Chàng còn thấy ganh tị với những người không hề được ai chú ý và cho rằng cái tầm thường của họ quả là một điều may mắn.

Vốn thường nghĩ rằng tạo hoá sinh ra mình không phải để hưởng một tình yêu được đền đáp, nên chàng không mắc phải những tâm lý tự tin viển vông và

những đòi hỏi thái quá của lòng tự ái. Điều đó khiến cho thái độ cư xử của chàng với phụ nữ có một cái gì đáng mền đặc biệt. Câu chuyện của chàng nói bao giờ cũng đơn giản và nghiêm trang; bá tước phu nhân D. rất vừa lòng lời nói chuyện đó, vì phu nhân đã chán với những câu khôi hài bất tận và những lời bóng gió sành sỏi của óc trào phúng Pháp. Ibraghim thường lui tới nhà phu nhân. Dần dần nàng quen với tướng mạo của chàng thanh niên da đen, hơn nữa còn có một cảm giác dễ chịu khi thấy mái tóc đen xoắn tít của chàng nổi bật ở giữa những bộ tóc giả rắc phấn trong phòng khách của nàng. (Ibraghim bị thương ở đầu, nên không mang tóc giả mà chỉ buộc một dải băng). Chàng mới hai mươi bảy tuổi; dáng vóc cao lớn và cân đối, và đã có không phải một giai nhân nhìn chàng với một tình cảm phỉnh phờ hơn là cảm giác tò mò thuần túy, nhưng Ibraghim đã có sẵn định kiến nên hoặc giả không hề để ý hoặc giả cho rằng đó chỉ là một lối làm dáng. Nhưng mỗi khi mắt chàng bắt gặp đôi mắt của bá tước phu nhân, những ý nghĩ kỳ của chàng không còn nữa. Đôi mắt của nàng biểu lộ một vẻ đôn hậu đáng yêu, cách nàng đối xử với Ibraghim giản dị, tự nhiên đến nỗi không thể nào có chút hồ nghi rằng nàng làm dáng hay có ý chế nhạo.

Ibraghim không hề nghĩ đến tình yêu, nhưng bây giờ được thấy mặt bá tước phu nhân mỗi ngày một bận đối với Ibraghim đã thành một việc không thể

nào thiếu được. Ở nơi nào chàng cũng tìm dịp gặp bá tước phu nhân, và cứ mỗi lần được gặp như thế chàng đều thấy rằng đó là một ân huệ bất ngờ của đấng cao xanh. Bá tước phu nhân đoán được tình cảm của Ibraghim trước chính cả bản thân chàng nữa. Người ta muốn nói gì thì nói, chứ một tình yêu không hy vọng và không đòi hỏi gì còn làm cho tâm hồn phụ nữ rung động chắc chắn hơn bất cứ thủ đoạn quyến rũ nào. Có mặt Ibraghim, phu nhân theo dõi mọi cử chỉ của chàng, lắng nghe tất cả những lời nói của chàng; khi không có chàng, phu nhân có vẻ tự lự và trở lại lơ đãng như thường lệ... Mécvin là người đầu tiên nhận thấy mối thiện cảm giữa hai người, anh ta liền có lời chúc mừng Ibraghim. Không có gì có thể làm cho tình yêu bùng cháy lên mạnh mẽ bằng một lời khuyến khích của người ngoài cuộc. Tình yêu vốn mù quáng, và vì nó không dám tin nơi mình, cho nên thường bầu vùi vào bất cứ chỗ dựa nào. Những lời nhận xét của Mécvin đã thức tỉnh Ibraghim. Cho đến nay chàng chưa bao giờ dám tưởng tượng rằng mình có thể được người đẹp đền đáp; niềm hy vọng bỗng đến làm cho tâm hồn chàng sáng rực lên; chàng bắt đầu yêu mê mết, say đắm. Bá tước phu nhân hoảng sợ trước cái tình cảm quá bùng bột, nồng nàn của chàng, cũng đã có ý muốn dùng những lời khuyên răn ôn tồn và phải chăng của lý trí và tình bằng hữu để cường lại, nhưng vô ích, vì chính phu nhân cũng mất dần sức tự chủ.

Những cử chỉ đèn đáp bất cần cứ liên tiếp theo nhau. Bị sức mạnh của mối tình mà chính nàng đã gây ra lôi cuốn theo, kiệt sức dưới mãnh lực của nó, bá tước phu nhân đã trao thân cho Ibraghim...

Chẳng có gì giấu nổi cái nhìn soi mói của thế gian. Chẳng bao lâu trong giới thượng lưu không còn ai không biết cuộc tình duyên mới của bá tước phu nhân. Trong số các mệnh phụ có người lấy làm lạ về cách lựa chọn của phu nhân, nhưng nhiều người cho rằng đó là một việc rất tự nhiên. Người thì chê cười bá tước phu nhân, người thì cho rằng đó là một hành động bất cần không thể tha thứ được. Trong buổi đầu say sưa hoan lạc, Ibraghim và bá tước phu nhân không hề để ý, nhưng chẳng bao lâu những câu nói đùa bóng gió của nam giới và những lời cạnh khoé của phụ nữ đã đến tai hai người. Thái độ nghiêm trang và lãnh đạm của Ibraghim kể cho đến nay đã giúp chàng thoát khỏi những lời gièm pha như vậy; bây giờ chàng chịu đựng một cách bất kham những lời mỉa mai đó và không biết nói gì để đáp lại. Bá tước phu nhân vốn quen được dư luận kính nể, nên không thể đứng vững khi thấy mình đã trở thành một đối tượng cho những chuyện ngồi lê mách lẻo và giễu cợt. Phu nhân hết khóc lóc than phiền với Ibraghim, lại trách móc chàng một cách chua chát, hoặc van xin chàng đừng lên tiếng bênh vực mình, sợ rằng như thế chuyện sẽ âm thầm và phu nhân sẽ bị đập vùi hẳn trong dư luận.

Một việc mới xảy ra khiến cho tình cảnh của phu nhân càng thêm khó xử. Hậu quả của cuộc ái ân bất cẩn đã lộ rõ. Ibraghim hết lời an ủi, khuyên răn, bàn bạc, nhưng đều bị bá tước phu nhân gạt đi. Phu nhân thấy mình không còn cách gì tránh khỏi cái chết và tuyệt vọng đợi cái ngày bị đất đó.

Tình cảnh của bá tước phu nhân vừa truyền đi, thì những lời ong tiếng ve lại càng xôn xao hơn bao giờ hết. Các mệnh phụ đa cảm kinh hãi rú lên; đàn ông thì đánh cuộc với nhau xem bá tước phu nhân sẽ sinh ra một đứa bé da trắng hay da đen. Người ta làm những câu về chế giễu ông bá tước; ở Pari ông là người duy nhất không hề hay biết tí gì, mà cũng không hề có ý nghi ngờ gì cả.

Cái phút thảm họa đã sắp đến. Tình cảnh của bá tước phu nhân thật là khủng khiếp. Ibraghim hàng ngày đến với nàng, chàng thấy rõ sức lực tinh thần và thể chất của phu nhân ngày một kiệt dần. Nàng luôn khóc lóc, hoảng sợ. Cuối cùng đã đến lúc phu nhân bắt đầu chuyển dạ. Người ta lập tức tìm cách đối phó. Họ đã tìm được cách làm cho bá tước đi nơi khác. Bác sĩ đến. Hai ngày trước người ta đã thương lượng với một người đàn bà nhà nghèo để xin lại đứa con mới đẻ của người đó; một người nhà tâm phúc được phái đi đưa đứa bé về. Ibraghim đứng trong gian phòng sát cạnh phòng ngủ của bá tước phu nhân, nơi người đàn bà bất hạnh đang quần quai trong cơn đau sinh nở. Ibraghim không dám thở nữa, chàng nghe

thấy những tiếng kêu đã khản đặc của phu nhân, tiếng thì thầm của các cô hầu gái và những lời sai bảo của bác sĩ. Phu nhân đau đớn rất lâu. Mỗi tiếng rên rỉ của nàng như vò xé tâm can Ibraghim, mỗi giây lát yên lặng đều khiến cho chàng vô cùng hoảng sợ... Bỗng chàng nghe tiếng khóc yếu ớt của đứa trẻ và không sao đủ sức kìm hãm nỗi vui sướng tốt độ, Ibraghim lao vào phòng bá tước phu nhân - một đứa trẻ sơ sinh da đen nằm bên chân nàng. Ibraghim lại gần đứa bé. Tim chàng đập mạnh. Chàng đưa tay run run làm dấu ban phúc cho đứa con trai. Bá tước phu nhân mỉm một nụ cười nhợt nhạt và đưa bàn tay yếu ớt ra cho chàng... nhưng bác sĩ sợ rằng người ở cũ bị xúc động mạnh quá, bèn kéo Ibraghim ra. Người ta đặt đứa bé mới sinh vào một cái giỏ kín và mang ra khỏi nhà qua một cầu thang bí mật. Họ mang đứa bé kia lại và đặt nôi của nó vào phòng ngủ của phu nhân. Ibraghim ra về, lòng đã bớt xúc động. Người ta đợi bá tước về. Bá tước về muộn; thấy phu nhân đã mãn nguyệt khai hoa bình yên vô sự, bá tước rất hài lòng. Công chúng bấy lâu chờ đợi một tin bất hủ để có dịp làm ồn, nay hoá ra bị tung hứng và đánh giải khuây bằng cách nói xấu suông.

Mọi việc lại trở lại bình thường. Nhưng Ibraghim cảm thấy rằng số phận của chàng phải thay đổi và không chóng thì chầy rồi cuộc tình duyên của chàng cũng sẽ đến tai bá tước D. Đến lúc ấy dù sự thể có ra sao, thì thảm họa tử vong đối với bá tước phu nhân

cũng không thể nào tránh khỏi được nữa. Chàng yêu tha thiết, và cũng được yêu lại tha thiết như vậy; nhưng bá tước phu nhân là người nhẹ dạ, hay đổi thay. Phu nhân yêu lần này chẳng phải là lần đầu. Những tình cảm đầm thắm nhất trong lòng nàng có thể nhường chỗ cho lòng kinh tởm, thù ghét. Ibraghim đã thấy trước rằng phu nhân sẽ có lúc nhạt tình; cho đến nay chàng chưa bao giờ phải ghen tuông, nhưng chàng vẫn kinh hãi thấy trước rằng rồi đây chàng sẽ phải qua đoạn đường đó; chàng hình dung thấy rằng những nỗi đau đớn của phân ly chắc vẫn không đến nỗi day dứt bằng, và chàng đã có ý định dứt bỏ mối tình bất hạnh, rồi Pari trở về nước Nga, nơi vua Piôt và một ý thức bốn phần mơ hồ đang gọi chàng.

CHƯƠNG II

Sắc đẹp chẳng còn ve vuốt nổi,
Niềm vui nào cảm phục được bao,
Trí tuệ đâu còn nông nổi nữa,
Thành công ta đạt - biết nói sao...
Trần trờ khát thêm niềm vinh dự.
Mãi nghe - ồn ã tiếng tăm reo!¹⁸

Dergiavin

Ngày tháng trôi qua, nhưng chàng Ibraghim si tình vẫn chưa đành lòng rời bỏ người đàn bà mà chàng đã quyến rũ. Bá tước phu nhân mỗi ngày một thêm quyến luyến chàng. Đứa con trai của họ được nuôi nấng ở

một tỉnh xa. Những lời bàn tán ra vào bắt đầu im dần, và hai người tình nhân bắt đầu được hưởng những ngày êm ả, lặng yên nhớ lại cơn bão táp đã qua và cố gắng không nghĩ đến tương lai.

Một hôm Ibraghim đang đứng ở cổng toà nhà của công tước Oóclêăng. Công tước đi ngang, thấy chàng thì dừng lại và trao cho chàng một bức thư, nói rằng chàng có thể đọc vào lúc rỗi rãi. Đó là một bức thư của Piôt Đệ Nhất gửi công tước Oóclêăng. Nhà vua đoán ra nguyên nhân thật của việc Ibraghim không muốn về, ngài viết cho công tước Oóclêăng rằng ngài không hề có ý định ép uống Ibraghim bất cứ điều gì, ngài sẽ để cho Ibraghim tự quyết định lấy, muốn về Nga hay không là tùy chàng, nhưng dù có thể nào chẳng nữa thì ngài vẫn không bao giờ ruồng bỏ người con nuôi của ngài. Bức thư này khiến Ibraghim cảm động đến tận đáy lòng. Từ phút đó số phận của chàng đã được định đoạt. Ngày hôm sau chàng cho quan phụ chánh biết rằng chàng sẽ lập tức trở về Nga. Công tước bảo chàng: “Anh hãy suy nghĩ cho kỹ đi. Nước Nga không phải là tổ quốc của anh; tôi chắc anh sẽ không bao giờ thấy lại nơi quê hương nồng nực của anh nữa; nhưng anh đã sống ở Pháp một thời gian rất lâu cho nên đối với khí hậu và lối sống của nước Nga bán khai kia anh cũng đã trở nên rất xa lạ. Anh sinh ra không phải là thần dân của vua Piôt. Hãy nghe tôi: vua Piôt đã rộng lượng để anh tùy ý quyết định như vậy, thì anh nên ở lại Pháp, anh đã từng đổ máu

vì nước Pháp, và xin anh tin tưởng rằng ở đây những công lao và tài năng của anh cũng sẽ được đền bù xứng đáng”.

Ibraghim chân thành cảm tạ công tước, nhưng vẫn kiên trì với ý định của mình. Quan phụ chánh nói: “Thật đáng tiếc, nhưng kể ra anh làm như vậy là rất phải”. Công tước hứa giải quyết việc hồi hưu cho chàng và lập tức viết thư cho vua Nga kể hết mọi việc.

Ibraghim nhanh chóng sửa soạn lên đường. Trước ngày ra đi một hôm, Ibraghim vẫn như thường lệ đến chơi buổi tối ở nhà bá tước phu nhân D. Phu nhân không hề hay biết gì cả. Ibraghim không có đủ can đảm thổ lộ với nàng. Tối hôm ấy bá tước phu nhân rất bình thản và vui vẻ. Nàng nhiều lần gọi Ibraghim lại gần và đùa bỡn cái vẻ tự lự của chàng. Sau bữa ăn mọi người ra về. Trong phòng khách chỉ còn bá tước phu nhân, chồng nàng và Ibraghim. Chàng thanh niên bất hạnh ấy lúc bấy giờ có thể hy sinh mọi vật ở trên đời này để gặp riêng phu nhân một lát; nhưng bá tước hình như đã yên vị quá ư thoải mái bên cạnh lò sưởi, cho nên khó lòng có thể hy vọng đẩy bá tước ra khỏi phòng. Cả ba người cùng im lặng. Cuối cùng bá tước phu nhân nói:

- Bonne nuit*.

Lòng Ibraghim thất lại và đột nhiên chàng cảm thấy

* Chúc ngủ ngon (*tiếng Pháp*).

tất cả những cực hình khủng khiếp của chia ly. Chàng đứng lên. Bá tước phu nhân nhắc lại:

- Bonne nuit, messieurs**.

Ibraghim vẫn không nhúc nhích... Cuối cùng mắt chàng tối sầm lại, chàng thấy chóng mặt và khó nhọc lắm chàng mới bước được ra khỏi phòng. Về đến nhà, chàng liền viết bức thư sau đây, trong một tâm trạng gần như điên dại:

“Lêônora yêu dấu, anh đi đây, anh từ biệt em vĩnh viễn. Anh viết thư cho em, bởi vì anh không thể có đủ sức để bày giải cùng em bằng cách khác.

Hạnh phúc của anh không thể tiếp tục được nữa. Anh đã được hưởng nó, bất chấp số phận, bất chấp tạo hoá. Thế nào rồi em cũng có ngày sẽ không yêu anh nữa; tình say đắm kia rồi có ngày sẽ mất. Ý nghĩ này luôn bám theo anh, ngay cả trong những giây phút mà hình như anh đã quên hết, khi bên chân em anh say sưa uống lấy sự hy sinh cuồng nhiệt của em, nguồn ái ân không bao giờ cạn của em... Thế gian nhẹ dạ lắm, những việc gì mà trên lý thuyết nó chấp nhận, thì trên thực tế nó lại xua đuổi không thương tiếc: không chóng thì chầy, những lời nhạo báng tàn nhẫn của thế gian cũng sẽ thắng được em, sẽ khuất phục được tâm hồn nồng nhiệt của em và cuối cùng rồi em sẽ cảm thấy hổ thẹn về tình yêu say đắm của em... bây giờ anh sẽ ra sao? Không! Thà chết, thà từ biệt

** Chúc các ngài ngủ ngon (*tiếng Pháp*).

em trước cái phút khủng khiếp đó...

Sự yên tĩnh của em đối với anh quý giá hơn tất cả: em không thể hưởng nó, một khi mà mắt thế gian đang đổ dồn vào chúng ta. Xin em nhớ lại tất cả những gì em đã phải chịu đựng, tất cả những gì đã xúc phạm đến lòng tự ái của em, tất cả những cực hình của lo sợ; xin em nhớ lại giờ phút ra đời bi đát của con trai chúng ta. Em thử nghĩ xem: lẽ nào anh cứ bắt em chịu mãi những giờ phút kinh hoàng và nguy hiểm ấy? Tại sao cứ cố ràng buộc cuộc đời của một giai nhân dịu dàng, kiêu diễm như thế với số phận hẩm hiu của một gã da đen, một tạo vật thấp hèn, vị tất đã xứng đáng với danh hiệu một con người?

Tha thứ cho anh nhé, Lêônora, người bạn đáng yêu, người bạn duy nhất của anh. Từ biệt em là từ biệt những niềm vui đầu tiên và cuối cùng của đời anh. Anh không có tổ quốc, cũng không có người thân thuộc. Anh trở về nước Nga buồn tẻ, ở đấy nỗi cô đơn hoàn toàn sẽ là nguồn an ủi đối với anh. Những công việc khắc khổ mà từ nay anh sẽ làm, nếu không dập tắt được thì ít ra cũng giúp anh khuây khoả những nỗi niềm đau khổ về những ngày hạnh phúc hoan lạc bên em... Lêônora, tha thứ cho anh nhé, anh bút ra khỏi bức thư này như bút ra khỏi đôi cánh tay mềm dịu của em; em tha thứ cho anh, anh xin cầu mong cho em được hạnh phúc - xin em thỉnh thoảng nghĩ đến gã da đen đáng thương, đến Ibraghim trung thành của em".

Ngay đêm ấy chàng lên đường đi sang Nga.

Ibraghim thấy cuộc hành trình không đến nỗi khùng khiếp như chàng tưởng. Trí tưởng tượng của chàng đã thắng cõi thực tế. Chàng càng đi xa Pari, thì những gì mà chàng già từ vĩnh viễn lại càng hiện rõ ra trước mắt chàng, sinh động, gần gũi hơn bao giờ hết.

Thấm thoát Ibraghim đã đến biên giới Nga. Mùa thu đã đến. Nhưng mấy anh xà ích, mặc dù đường xấu, vẫn đưa chàng đi nhanh như gió, và ngày thứ mười bảy của cuộc hành trình, vào một buổi sớm, xe chàng đã về đến Kraxnôie Xêlô¹⁹, một làng ở bên đường thiên lý hồi bảy giờ.

Từ đây đến Pêtêrburg còn hai mươi tám véc-xta*. Trong khi những người xà ích thắng ngựa, Ibraghim vào trạm. Một người cao lớn mặc áo ca-phơ-tan màu xanh lá cây đang ngồi trong góc, mồm ngậm một cái tẩu thuốc bằng đất nung, khuỷu tay chống lên bàn, chăm chú đọc mấy tờ báo ở Hăm-bua gửi đến. Nghe có tiếng người bước vào, người đó ngẩng đầu lên. Trông thấy Ibraghim, người ấy vụt đứng dậy, kêu to:

- A! Ibraghim đây à? Chào con!

Ibraghim nhận ra vua Piôt, mừng quá, toan chồm lại ôm chầm lấy, nhưng nửa chừng sức nhớ lễ vua tôi, liền kính cẩn đứng lại. Nhà vua lại gần Ibraghim, ôm

* Véc-xta - đơn vị đo chiều dài cũ ở Nga, bằng 1,067 ki-lô-mét.

lấy chàng và hôn lên đầu chàng. Vua Piôt nói:

- Ta nghe bảo có con về, nên ra đây đón con. Ta đợi con ở đây từ hôm qua.

Ibraghim không biết nói gì để tỏ lòng biết ơn nữa. Nhà vua nói tiếp:

- Con bảo họ đánh chiếc xe của con theo sau; còn con thì cùng ngồi xe với ta về.

Chiếc xe ngựa của nhà vua đã đánh ra. Piôt và Ibraghim lên xe. Chiếc xe chuyển bánh. Một giờ rưỡi sau họ vào địa phận kinh thành Pêterburg. Ibraghim tò mò ngắm cảnh kinh kỳ mới xây dựng đang vươn lên cao tự cánh đồng lầy, tuân theo ý muốn của nhà vua quyền lực tối thượng. Những con đê trần trụi, những con sông đào chưa xây bờ, những chiếc cầu gỗ nhan nhản ở khắp nơi đánh dấu cuộc đấu tranh giữa ý chí của con người với thiên nhiên diễn ra cách đây không lâu, trong đó con người đã chiếm phần thắng. Nhà cửa có vẻ như được dựng lên một cách hối hả vội vàng. Trong khắp thành phố không thấy có gì tráng lệ ngoài con sông Nêva, bấy giờ chưa xây bờ bằng đá hoa cương, nhưng đã chập ních những thuyền chiến và thuyền buôn.

Cỗ xe ngựa của nhà vua dừng lại trước mặt một toà lâu đài gọi là Cung điện vườn Txaritxun. Trên thềm có một người thiếu phụ tuổi chừng ba mươi lăm ra đón vua Piôt. Bà ta rất đẹp, ăn mặc theo thời trang mới nhất ở Pari. Piôt ôm hôn vào môi bà ta và cầm

tay Ibraghim nói:

- Êkatêrina²⁰, có nhận ra cậu con đỡ đầu của ta không? Ta xin mình yêu thương cậu ta như cũ.

Êkatêrina đưa đôi mắt đen và sắc nhìn Ibraghim và niềm nở đưa bàn tay cho chàng hôn. Hai cô thiếu nữ trẻ măng, người cao dong dỏng, tươi như hai đoá hoa hồng, đứng sau lưng hoàng hậu và kính cẩn bước lại gần vua Piôt. Nhà vua nói với một trong hai nàng công chúa:

- Lidavêta, con có nhớ chú bé da đen ăn cắp táo của ta cho con ở Ôranhiênbaum²¹ không? Đây, chính chú ta đây, cha xin giới thiệu.

Công chúa Lidavêta bật cười và đỏ mặt. Họ vào phòng ăn. Bàn ăn đã dọn sẵn chờ nhà vua về. Vua Piôt cùng cả nhà ngồi ăn bữa trưa, mời cả Ibraghim cùng ăn. Nhà vua nói chuyện hàn huyên với Ibraghim, hỏi chàng về cuộc chiến tranh Tây Ban về công việc nội trị của nước Pháp, về quan phụ chánh, là người mà Piôt rất mến, mặc dù có nhiều điểm nhà vua vẫn chê trách. Ibraghim vốn sẵn có trí tuệ chính xác và biết quan sát đúng. Piôt rất hài lòng với những câu trả lời của chàng: ngài nhắc lại vài tính cách trong thời thơ ấu của Ibraghim và kể chuyện vui vẻ, hồn nhiên đến nỗi chắc không ai có thể ngờ rằng ông chủ nhà hiền hậu và mến khách này lại là vị anh hùng của trận Pôntava²², vị vua quyền lực vô song và cũng vô cùng hung bạo đang cải tạo toàn thể nước Nga.

Sau bữa ăn trưa, theo phong tục Nga, nhà vua đi nghỉ. Ibraghim ngồi lại với hoàng hậu và hai nàng công chúa. Chàng cố gắng làm thoả mãn trí tò mò của họ, miêu tả lối sinh hoạt ở Pari, những ngày hội và những thị hiếu thời thượng ở đấy. Trong khi đó một số người thân cận của nhà vua lục tục vào cung. Ibraghim nhận ra công tước Mensikóp²³, một người rất oai vệ. Trông thấy Ibraghim đang ngồi nói chuyện với hoàng hậu Êkatêrina, Mensikóp kiêu hãnh đưa mắt liếc nhìn chàng. Ibraghim còn nhận ra công tước Đôngôruki²⁴ một quan cố vấn rất nghiêm ngặt của Piôt, nhà bác học Bruýt²⁵, một người mà trong dân gian người ta thường gọi là Phaoxtơ²⁶ của người Nga, chàng Ragudinxki²⁷ trẻ tuổi, trước kia là bạn học của Ibraghim, và nhiều người khác nữa, đến tâu trình và đợi lệnh của nhà vua.

Hai giờ sau vua Piôt ra. Ngài bảo Ibraghim:

- Để xem anh chàng này có quên mất công việc ngày trước không nào. Cầm lấy cái bảng đá và theo ta.

Vua Piôt vào phòng làm việc, đóng kín cửa lại và bắt tay vào các công việc trị quốc. Nhà vua lần lượt giải quyết các công việc với Bruýt, với công tước Đôngôruki, với viên tướng cảnh sát trưởng Đêvie²⁸ và đọc cho Ibraghim chép một vài sắc lệnh và quyết nghị. Ibraghim không khỏi kinh ngạc về trí tuệ thông minh vững chắc và mau lẹ của nhà vua, sức tập trung mạnh mẽ và uyển chuyển cũng như khả năng bao quát

nhieu mặt hoạt động của ngài. Giải quyết xong các công việc, Piôt rút quyển sổ tay ra soát lại xem tất cả những việc dự định cho ngày hôm nay đã làm tròn chưa. Sau đó nhà vua ra khỏi phòng làm việc và bảo Ibraghim:

- Muộn rồi, ta chắc con mệt rồi đấy: con cứ ngủ lại đây như ngày xưa. Mai ta sẽ thức con dậy.

Ibraghim ngồi lại một mình, bàng hoàng như trong một cơn mê. Thế là chàng đã trở về Pêterburg, chàng lại được thấy bậc vĩ nhân đã sống cạnh chàng suốt thời thơ ấu: nào hồi ấy chàng đã biết giá trị của người ấy đâu? Trong thâm tâm Ibraghim thấy có một cái gì như lòng hối hận: đây là lần đầu tiên sau khi chia tay, bá tước phu nhân D. không còn là suy nghĩ duy nhất của chàng trong suốt một ngày. Ibraghim thấy rằng cuộc sống mới đang chờ đợi chàng với những công việc bận rộn của nó sẽ có thể làm sống lại tâm hồn chàng vốn đã mệt mỏi vì những dục vọng, vì cuộc sống nhàn tản và nổi sâu thẳm kín. Nghĩ rằng nay mình là phụ tá của một vĩ nhân, được cùng người ấy đổi thay vận mệnh của một dân tộc vĩ đại, lần đầu tiên chàng thấy có một cảm giác tự hào cao cả. Lòng tràn ngập với những ý nghĩ đó, Ibraghim nằm xuống chiếc giường nhỏ dùng khi hành quân đã được dọn sẵn cho chàng, và khi chàng thiếp đi, giấc mơ quen thuộc lại đưa chàng trở lại thành Pari xa xăm, trong cánh tay ôm ấp của bá tước phu nhân dịu dàng xinh đẹp.

CHƯƠNG III

Như những đám mây trên bầu trời
Ý nguyện chúng ta cũng đổi thay đáng
hình mỏng manh
Bữa nay chúng ta yêu thương, nhưng
ngày mai lại đã căm giận.

V.Kiukhenbeker²⁹

Sáng hôm sau Piôt y hẹn đánh thức Ibraghim dậy, phong cho chàng làm trung úy đại đội pháo binh trung đoàn Prêôbragienxki³⁰ là đơn vị mà xưa kia chính nhà vua đã từng làm đại úy. Các triều thần vây quanh Ibraghim, mỗi người một cách cố lấy lòng con người được nhà vua yêu mến. Công tước Mensikốp kiêu ngạo là thế mà cũng thân mật bắt tay Ibraghim. Sêrêmêchép³¹ thì hỏi thăm các bạn quen của ông ta ở Pari, còn Gôlôvin³² thì mời chàng đến ăn bữa trưa. Tám gương này được nhiều người khác noi theo, đến nỗi rốt cục ít nhất là trong một tháng Ibraghim không có ngày nào ăn ở nhà cả.

Ibraghim sống qua những ngày đều đặn giống nhau, nhưng bận rộn, nên chàng không lúc nào thấy buồn. Ibraghim mỗi ngày một thấy lòng mình gắn bó với nhà vua; chàng hiểu rõ thêm, sâu thêm tâm hồn cao cả của bậc vĩ nhân. Theo dõi những tư tưởng của một con người như vậy là một khoa học cực kỳ lý thú.

Ibraghim được thấy Piôt Đệ Nhất trong Pháp viện tối cao³³, tranh luận với Buturlin³⁴ và Đôngôruki, phân tích các vấn đề quan trọng về luật pháp ở hội đồng hải quân³⁵ khẳng định thể lực của nước Nga trên mặt biển, chàng nhìn thấy nhà vua ngồi với Phêôphan³⁶, Gavriin Buginxki³⁷ và Kôpiêvích³⁸ trong những giờ nghỉ ngơi xem những bản dịch tác phẩm của các nhà công pháp ngoại quốc hay đi thăm xưởng chế tạo của một thương gia, xưởng thợ của một người thợ thủ công hay phòng làm việc của một nhà bác học. Ibraghim thấy nước Nga như một công xưởng khổng lồ, ở đó toàn thấy máy móc hoạt động, ở đó mỗi người thợ đều răm rắp tuân theo trật tự đã định mà làm công việc của mình. Ibraghim cho rằng mình cũng có bốn phận phải ra sức làm việc bên bàn máy của mình, và chàng cố gắng làm sao bớt tiếc những cảnh vui chơi nhàn hạ của cuộc sống ở Pari. Nhưng có một kỷ niệm khác, một kỷ niệm êm đềm mà chàng thấy khó xua đuổi hơn: Ibraghim vẫn luôn nhớ đến bá tước phu nhân D., chàng tưởng tượng thấy nỗi phần uất chính đáng của nàng, rồi nước mắt và nỗi đau buồn. Nhưng đôi khi một ý nghĩ khủng khiếp khiến cho lòng ngực chàng như thắt lại: cảnh sống bông lông của giới thượng lưu, một cuộc tình duyên mới, một kẻ khác được diễm phúc... Ibraghim rùng mình; lòng ghen tuông bắt đầu sôi sục lên trong dòng máu châu Phi của chàng, và những giọt nước mắt nóng ran chỉ chực tuôn chảy trên da mặt đen nhánh của chàng.

Một buổi sáng Ibraghim đang ngồi trong phòng làm việc, giữa những tập giấy tờ công vụ, thì chợt nghe một tiếng chào rất to bằng tiếng Pháp; Ibraghim giật mình quay lại thì thấy Koócxakóp³⁹, một người bạn trẻ khi chàng về Nga hãy còn ở lại giữa cơn lốc của thành Pari hoa lệ. Koócxakóp ôm hôn Ibraghim và vui sướng reo lên. Koócxakóp nói: “Tôi mới về liền chạy thẳng đến tìm anh đây. Tất cả các bạn quen ở Pari đều có lời thăm anh, họ đều nhớ anh; bá tước phu nhân D. dặn tôi thế nào cũng tìm anh cho được, đây có bức thư của bà ta gửi anh đây”. Ibraghim run run chộp lấy thư. Chàng nhìn nét chữ quen thuộc mà không dám tin ở mắt mình nữa. “Tôi thật lấy làm mừng, - Koócxakóp tiếp, - rằng anh chưa chết buồn ở cái thành Pêterburg man rợ này! Ở đây người ta làm gì cho qua thời giờ? Thợ may nào chuyên may áo cho anh? Đây có gì xem không, ít ra cũng phải có nhạc kịch chứ?” Ibraghim lơ đãng đáp lại rằng có lẽ bây giờ nhà vua đang làm việc ngoài xưởng đóng tàu ấy. Koócxakóp bật cười: “Thôi, anh chàng này, anh ta nói, bây giờ cũng chẳng còn trí óc nào mà nói chuyện với tôi đâu; để lúc khác hãy nói chuyện cho thoả nhé; tôi đi trình diện với đức vua đây”. Nói đoạn Koócxakóp quay người lại bằng một gót giày và chạy ra ngoài.

Ibraghim ngồi lại một mình, vội vàng bóc phong bì ra. Bá tước phu nhân dịu dàng than thở với chàng, oán trách chàng đã có thái độ vờ vĩnh và không tin nằng. Phu nhân viết:

“Anh bảo rằng sự yên tĩnh của em đối với anh là điều quý giá nhất trên đời. Ibraghim! Nếu quả thật như thế, thì sao anh lại nỡ bắt em phải chịu những phút khùng khiếp như khi em nhận được cái tin bất ngờ là anh đã ra đi? Anh sợ rằng em sẽ giữ anh lại; xin anh tin cho rằng dù em yêu anh say đắm, em cũng vẫn có thể hy sinh tình yêu của em vì hạnh phúc của anh, vì cái mà anh xem là nhiệm vụ của anh”. Cuối bức thư, bá tước phu nhân thiết tha xin Ibraghim tin cho rằng nàng vẫn yêu Ibraghim say đắm và khẩn khoản chàng viết thư cho mình, dù chỉ là thỉnh thoảng, nếu như không hy vọng gì còn có lúc gặp nhau nữa.

Ibraghim đọc đi đọc lại bức thư này đến vài chục lần, lòng bồi hồi cảm động; chàng hôn hít mãi mấy dòng chữ vô giá đó. Ibraghim vô cùng sốt ruột muốn nghe thêm tin tức về bá tước phu nhân, và đã toan lên xe đến xưởng đóng tàu mong gặp Koócxakốp ở đây, nhưng cánh cửa đã vụt mở và Koócxakốp lại bước vào. Anh ta đã đến trình diện vua Piôt và cũng như thường lệ, anh ta có vẻ rất hài lòng về bản thân mình. Koócxakốp bảo Ibraghim: “Entre nous*, nhà vua thật là một con người hết sức kỳ quặc; anh thử tưởng tượng là tôi gặp ngài trên cột buồm của một chiếc tàu mới đóng, mình mặc một cái áo lót bằng vải thô có lạ không chứ, tôi phải leo tít lên trên ấy đưa các thư tín cho ngài. Tôi đứng trên thang dây, không sao có đủ chỗ

* Nói riêng giữa chúng mình với nhau (*tiếng Pháp*).

để làm một cái *révérence*^{**} cho tươm tất, thành ra cứ lúng túng mãi; từ bé đến lớn chỉ có lần này tôi mới bị lúng túng như thế đấy. Tuy nhiên đức vua đọc xong các thư từ, liền nhìn tôi từ đầu đến chân và có lẽ rất lấy làm vừa lòng kiểu ăn mặc rất sang mà lại có “gu” của tôi: dù sao thì ngài cũng mỉm cười và mời tôi đến dự buổi vũ hội⁴⁰ hôm nay. Nhưng ở Pêterburg thì tôi hoàn toàn như một người ngoại quốc, sáu năm nay sống ở nước ngoài tôi quên hết các phong tục tập quán ở đây rồi; anh làm ơn hướng dẫn cho tôi, anh ghé lại cùng đi với tôi, rồi giới thiệu tôi nhé”. Ibraghim ưng thuận và vội vã lái câu chuyện sang một vấn đề thiết thân đối với chàng hơn.

- Thế bá tước phu nhân D. ra sao?

- Bá tước phu nhân ấy à? Ô, cố nhiên là lúc đầu, khi anh mới ra đi, bá tước phu nhân buồn lắm; rồi về sau cô nhiên cũng khuây khoả dần và bất tỉnh nhân với một người khác, này anh có biết ai không? Hầu tước R. đấy; cái anh chàng dài loằng ngoằng ấy mà; ồ, sao anh trợn tròn xoe đôi mắt trắng dã ấy ra làm gì thế? Anh cho những chuyện ấy lạ lắm phỏng; chả nhẽ anh lại không biết rằng người ta không ai buồn được lâu, nhất là phụ nữ; thôi anh nghĩ cho kỹ việc này đi, còn tôi thì bây giờ xin về nghỉ cho lại sức; anh đừng

^{**} Chào cung kính- nghiêng mình, gập chân, hai tay dang ra (tiếng Pháp).

quên ghé lại thăm tôi đấy nhé.

Những tình cảm gì chất chứa đầy tâm hồn Ibraghim kia? Ghen tuông ư? Cuồng dại ư? Hay là tuyệt vọng? Không, chỉ có một nỗi chán chường sâu xa, u uất mà thôi. Chàng tự nhủ: cái đó ta đã thấy trước; việc đó thế nào cũng phải xảy ra. Rồi Ibraghim giở bức thư của bá tước phu nhân ra đọc một lần nữa và gục đầu xuống khóc nức nở. Chàng khóc hồi lâu. Nước mắt tuôn ra khiến cho lòng chàng nhẹ bớt. Liếc nhìn đồng hồ, chàng thấy đã đến giờ phải ra đi. Giá mà được miễn thì Ibraghim thật rất hài lòng, nhưng đi dự vũ hội này là một nhiệm vụ; nhà vua đã ra nghiêm lệnh cho các cận thần thế nào cũng phải đến dự. Ibraghim mặc áo và lên xe đến nhà Koócxakóp.

Koócxakóp mình mặc áo choàng ngủ, đang ngồi đọc một quyển sách Pháp. Trông thấy Ibraghim, anh ta hỏi:

- Sớm thế à?

Ibraghim đáp:

- Xin lỗi anh, đã năm giờ rồi; chúng ta đến muộn mất; anh mặc áo quần nhanh lên mà đi.

Koócxakóp cuống lên, rung chuông rồi rít gọi gia nhân; họ hối hả chạy lại; Koócxakóp hấp tấp mặc quần áo. Anh hầu phòng người Pháp đưa cho chàng ta một đôi giày gót đỏ, một cái quần bằng nhung màu xanh nhạt, một cái áo ca-phơ-tan màu hồng thêu kim tuyến; ở phòng ngoài người ta cuống quýt rắc phấn lên bộ

tóc giả và mang vào cho Koócxakóp. Koócxakóp vội rúc cái đầu húi ngắn vào bộ tóc giả, rồi bảo người nhà đưa kiềm và gang tay, quay đi quay lại trước tấm gương đến mười lần, rồi bảo Ibraghim là mình đã sửa soạn xong. Bọn đầy tớ đưa áo su-ba da gấu cho hai người, và đôi bạn cùng lên xe đến Cung điện Mùa Đông.

Koócxakóp luôn mồm hỏi Ibraghim: ai là hoa khôi ở Pêterburg? Ai nổi tiếng là người khiêu vũ giỏi nhất? Hiện nay điệu nhảy nào hợp thời nhất? Ibraghim miễn cưỡng trả lời ông bạn tò mò. Trong khi đó họ đã đến gần cung điện. Đã có rất nhiều xe trượt tuyết, xe tứ mã cũ kỹ và xe song mã thếp vàng đỗ trên sân cỏ. Trên thềm tấp nập những người xà ích mặc đồng phục và để râu mép, những người xa hậu mặc áo thêu lông óng ánh, đội mũ có tua lông và tay cầm trượng, những người lính hầu, những chú vô đồng, những anh hành bộc lúng túng dưới những đồng áo khoác và bao tay của chủ: đó là bầy tùy tùng cần thiết theo quan niệm của các chúa quý tộc thời ấy.

Trông thấy Ibraghim, trong đám gia nhân có tiếng xì xào: “Ông A Rập! Ông A Rập của Hoàng thượng đây!” Ibraghim hấp tấp dẫn Koócxakóp đi qua đám gia nhân hỗn tạp đó. Người hầu trong cung mở rộng cửa ra trước mặt hai người, và họ bước vào phòng. Koócxakóp sững sốt .. Trong một gian phòng lớn thấp những cây đèn nến mỡ lợn cháy lờ mờ giữa những

đám khói thuốc lá dày đặc, những vị đại thần vai khoác băng xanh, những sứ thần, những thương nhân ngoại quốc, những sĩ quan cận vệ mặc quân phục xanh lá cây, những ông thợ đóng tàu lão luyện mặc áo cánh và quần sọc, làm thành một đám đông lơ nhô đi lại ở giữa tiếng nhạc kèn củ không ngớt. Các mệnh phụ và các tiểu thư ngồi ở sát tường; những người còn trẻ lộng lẫy trong những bộ áo sang trọng hợp thời trang. Vàng bạc óng ánh trên áo váy ngoài, phía trên những chiếc váy xòe có khung cứng, tấm thân mảnh khảnh của họ vươn lên như những cuống hoa; những hạt kim cương lóng lánh trên tai, trong những búp tóc dài lượn sóng và quanh cổ. Họ vui vẻ ngoảnh đi ngoảnh lại, chờ các khách nhảy nam giới đến để bắt đầu cuộc khiêu vũ. Các bà đứng tuổi thì cố gắng phối hợp một cách tinh xảo các kiểu áo mới với lối trang phục xưa: những chiếc mũ kiểu mới trùm lên trên những chiếc mũ chụp bằng lông chồn nâu kiểu hoàng hậu Natalia Kirilópna⁴¹, còn các kiểu áo dài và áo khoác vai của họ vẫn có một cái gì giống áo xa-ra-phan và áo chên bông ngày trước. Hình như họ thấy bờ ngỡ thì đúng hơn là thấy vui thích giữa cuộc vui tân thời này, và bực bội liếc sang các bà vợ và các cô con gái của mấy ông thuyền trưởng Hà Lan mặc váy vải sọc và áo ngắn màu đỏ, tay đan bút - tất và cười nói với nhau như ở nhà vậy.

Koócxakóp cứ ngăn người ra mà nhìn. Thấy có hai

người khách mới đến, một người hầu vội bưng chiếc khay trên có chai bia và mấy cái cốc lại. Koócxakóp hỏi thăm Ibraghim:

- Que diable est-ce que tout cela?*

Ibraghim không thể không mỉm cười.

Hoàng hậu và hai nàng công chúa, đẹp lộng lẫy trong những phục sức sang trọng, đi lại giữa đám khách, vồn vã nói chuyện với họ. Nhà vua lúc bấy giờ đang ngồi ở một phòng khác. Koócxakóp muốn ra mắt ngài, phải chặt vật lắm mới chen được vào đấy, sau khi đã len lỏi qua đám đông rộn rịp di chuyển không ngừng. Số đông các khách ngoại quốc đều ở đấy. Họ trang trọng ngồi hút những chiếc tẩu thuốc bằng đất nung và nốc cạn những cốc rượu cũng bằng đất nung. Trên các bàn có đặt những chai rượu vang và bia, những chiếc túi da đựng thuốc lá, những cốc rượu pun-sơ và những bàn cờ. Bên một cái bàn như thế Piốt đang ngồi đánh cờ với một ông thuyền trưởng người Anh vạm vỡ. Hai người ra sức phun vào nhau những đám khói thuốc dây đặc; nhà vua đang mãi nghĩ một nước cờ bất ngờ của đối phương, cho nên Koócxakóp xun xoe mãi xung quanh bàn mà ngài cũng không hề để ý; vừa lúc đó, một người to béo, găm ở trước ngực một chùm hoa cũng đồ sộ hấp tấp đi vào và lớn tiếng tuyên bố rằng cuộc khiêu vũ đã bắt đầu,

* Cái gì kỳ cục thế này? (tiếng Pháp).

rồi lập tức lui ra; một số đông khách khứa liền ra theo, trong đó có cả Koócxakóp.

Một cảnh tượng bất ngờ khiến anh ta kinh ngạc. Suốt dọc phòng khiêu vũ, trong một tiếng nhạc hết sức bi ai, các khách nhảy nam nữ đứng thành hai hàng dài đối diện nhau; các khách nam nghiêng mình chào rất thấp, các khách nữ nhún mình chào thấp hơn nữa. Lúc đầu họ chào trước mặt, rồi quay sang chào bên phải, bên trái, rồi lại chào trước mặt, rồi lại quay sang phải, cứ thế mãi. Koócxakóp đứng xem cái lối giết thời giờ rắc rối này, cứ trợn tròn xoe mắt ra và cắn môi phẫn vên, chẳng hiểu ra làm sao nữa. Những cuộc cúi chào và nhún mình như vậy kéo dài chừng nửa tiếng. Cuối cùng nó cũng chấm dứt, và cái ông to béo có chùm hoa lớn tiếng tuyên bố rằng điệu vũ nghi lễ đã xong, và ra lệnh cho các nhạc công chơi một bài mơ-nuy-ê⁴². Koócxakóp mừng thầm và đã sửa soạn ra tay trở tài khiêu vũ. Trong số các tiểu thư có một người rất vừa mắt Koócxakóp. Cô ta khoảng chừng mười sáu tuổi, phục sức cực kỳ sang trọng, nhưng rất tế nhị. Cô ngồi bên cạnh một người đàn ông đã luống tuổi, vẻ oai vệ và nghiêm khắc. Koócxakóp lại gần cô tiểu thư và kính cẩn mời cô ra nhảy. Thiếu nữ nhìn Koócxakóp, vẻ bối rối và hình như không biết trả lời ra sao. Người đàn ông ngồi cạnh cô ta mặt lại càng sa sầm hơn trước. Koócxakóp đang đứng đợi tiểu thư trả lời, thì cái ông to béo có chùm hoa trên ngực đã đến gần chàng, đưa chàng ra giữa phòng khiêu vũ và

trịnh trọng tuyên bố: “Thưa ngài, ngài đã phạm lỗi, thứ nhất là vì đã lại gần một cô thiếu nữ mà không cúi chào ba lần theo đúng lệ, thứ hai là vì đã tự ý đến chọn tiểu thư kia, trong khi lệ đã định rằng trong các điệu mơ-nuy-ê thì quyền chọn bạn nhảy là của khách nữ, chứ không phải khách nam. Vì vậy ngài phải chịu trừng phạt, ngài phải uống cạn một cốc *rượu phạt* hoàng lớn”.

Koócxakóp càng sửng sốt. Chỉ một phút sau khách khứa đã xúm quanh đòi anh ta phải thi hành luật lệ ngay tức khắc. Piốt đang ở phòng bên nghe tiếng cười nói nhộn nhạo liền bước ra, vì nhà vua vốn rất thích tự mình tham dự vào những cuộc trừng phạt như thế này. Đám đông dạt ra hai bên để nhường lối cho nhà vua, và một lát sau ngài đã bước vào chỗ phạm nhân đang đứng; trước mặt phạm nhân là người điều khiển vũ hội tay cầm một cái cốc to tướng rót đầy rượu vang Man-va-di. Ông ta không sao thuyết phục nổi cho tội nhân tự nguyện phục tùng pháp luật. Trông thấy Koócxakóp, vua Piốt nói: “A ha! Thế là vớ được anh chàng này rồi! Thôi xin me-xừ uống cho, mà không được nhăn mặt đấy”.

Không còn cách gì thoái thác nữa. Chàng công tử đáng thương kia đành uống một hơi cạn cốc và trả cốc lại cho người điều khiển vũ hội. Vua Piốt nói: “Này, anh Koócxakóp, quần của anh là quần nhung cơ đấy, quần ấy thì đến tôi cũng không dám mặc thế

mà tôi còn giàu hơn anh nhiều. Thật là hoang phí; anh coi chừng, có ngày tôi với anh lại xung khắc nhau đấy”.

Nghe nhà vua nói, Koócxakóp chỉ muốn độn thổ, nhưng cứ loạng choạng suýt ngã nhào ra, khiến cho vua Piôt và các quan khách vô cùng khoái trá. Việc vừa xảy ra không những không có phương hại gì đến tính chất nhất thống và hấp dẫn của hoạt động chính, mà còn làm cho nó sinh động hơn nữa. Các khách nam giới bắt đầu cộc gót giày vào nhau và cúi chào, còn nữ giới thì đánh gót giày xuống sàn một cách hăng hái hơn trước và hoàn toàn không thèm theo nhịp nữa. Koócxakóp không thể tham dự vào cuộc vui chung. Cô tiểu thư mà anh chọn, theo lệnh của ông bố là Gavrilaphanaxiêvích lại gần Ibraghim, đôi mắt xanh cụp mí xuống, và rụt rè đưa tay cho chàng. Ibraghim nhảy với cô một điệu mơ-nuy-ê và dẫn cô ta về chỗ ngồi. Rồi anh đi tìm Koócxakóp, dìu anh ta ra khỏi phòng, đặt anh ta lên xe và đưa về nhà. Dọc đường, lúc đầu Koócxakóp cứ luôn mồm lắp bắp: “Cái buổi dạ hội chết tiệt!.. Cái cốc rượu phượng hoàng lớn chết tiệt!..” - nhưng rồi chẳng bao lâu anh ta ngủ say như chết; khi về đến nhà, người ta cởi quần áo cho anh ta, đặt anh ta vào giường mà Koócxakóp cũng chẳng hề hay biết gì cả.

Sáng hôm sau anh thức dậy thì thấy đầu nhức như búa bổ; chỉ nhớ mang máng những chiếc gót giày cộc

vào nhau, những cái nhún mình chào, những đám khói thuốc lá, ông béo có chùm hoa và cốc rượu phượng hoàng lớn.

CHƯƠNG IV

Các cụ cổ của ta thư thả ăn,
Những cái cốc bạc, những gáo gỗ
Rượu vang, rượu bia sôi như lửa
Thư thả chuyền tay nhau quanh vòng
*Ruxlan và Liutmila*¹³

Bây giờ tôi phải xin phép giới thiệu với độc giả khoan hậu, ông Gavril Aphanaxiêvich Rogiépki. Ông vốn dòng dõi quý tộc lâu đời, có một điền trang rất lớn, là một người hiếu khách, rất thích đi săn bằng chim ưng; gia nhân của ông ta rất đông đúc. Nói tóm lại ông là một lãnh chúa Nga thuần túy; như ông vẫn thường nói, ông không chịu được cái óc sùng Đức và trong sinh hoạt gia đình ông cố giữ những tập quán của cổ xưa mà ông rất yêu thích.

Natalia Gavrilópna, con gái ông đã mười bảy tuổi xuân. Nàng mất mẹ từ thuở hầy còn bé. Nàng được giáo dục theo kiểu cũ, nghĩa là quanh nàng có đủ những u già, cô nuôi, bạn gái và thị nữ; nghĩa là nàng biết thêu chỉ vàng, nhưng lại không biết chữ; cha nàng, tuy rất ghét bất cứ cái gì của nước ngoài, cũng không thể cưỡng lại ý nàng muốn học khiêu vũ Đức qua một sĩ quan người Thụy Điển bị bắt làm tù binh

bảy giờ được ăn ở trong nhà họ. Vị vũ sư thiện nghệ này trạc chừng năm mươi tuổi, chân phải của ông ta bị bắn thủng ở trận Narva cho nên không có khả năng nhảy cái điệu mơ-nuy-ê và cu-ran lăm, nhưng chân trái thì các *pas** khó nhất đều có thể nhảy một cách cực kỳ điêu luyện. Cô học trò thật đã không uống công chỉ bảo của cái chân tuyệt diệu này. Trong các vũ hội Natalia Gavrilópna nổi tiếng là người nhảy giỏi nhất, và đó cũng là một nguyên nhân khiến cho Koócxakóp phạm lỗi, mà hôm sau anh ta phải đến xin lỗi Gavrilá Aphanaxiêvích; nhưng cái vẻ hoạt bát và lối ăn diện của chàng công tử không vừa lòng ông già quý tộc kiêu hãnh kia: ông ta hóm hỉnh gọi Koócxakóp là con khỉ Pháp.

Hôm đó là ngày hội. Gavrilá Aphanaxiêvích đang chờ mấy người bà con và bạn bè đến thăm. Trong gian phòng đại lễ cổ kính, gia nhân đang trải khăn, dọn đĩa trên cái bàn dài. Các tân khách cùng đến với các bà vợ và các cô con gái, những người, cuối cùng, vừa được giải thoát ra khỏi cảnh cấm cung, nhờ các sắc lệnh của nhà vua và nhờ bản thân ngài đã làm gương trước. Natalia Gavrilópna bưng đến cho mỗi vị khách một chiếc khay bạc có đặt chén vàng, và mỗi người cầm lấy chén của mình mà uống, thậm tiếc cái hôn nhẹ được nhận trong dịp như thế này ở thời xưa, nay

* Bước nhảy (tiếng Pháp).

đã bị bãi bỏ. Họ ngồi vào bàn tiệc. Ở ghế danh dự, bên cạnh chủ nhân, là nhạc phụ của ông ta, công tước Bôrit Alếchxêvich Lưkôp, một vị đại quý tộc bảy mươi tuổi; các vị quan khách khác lần lượt ngồi vào chỗ theo thứ tự ngồi bậc dòng dõi đúng như tục xưa - các ông ngồi một bên, các cô các bà ngồi một bên. Ở cuối bàn như thường lệ vẫn có bà quản gia, mặc áo choàng su-sun kiểu cổ và đội mũ kít-ska, bên cạnh có người đàn bà lùn, đã ba mươi tuổi mà chỉ bằng đứa con nít, ăn mặc cầu kỳ, mặt mày nhẵn nhớt, và người tù binh Thụy Điển mặc bộ quân phục xanh đã sờn cũ. Trên bàn tiệc dọn đầy các đĩa thức ăn, một đám gia nhân đông đúc đi lại nhộn nhịp, giữa đám đông đó quản gia nô nổi bật hẳn lên với đôi mắt nhìn nghiêm nghị, cái bụng phệ và cái tư thế đứng im không cử động rất bệ vệ. Những phút đầu tiên của bữa tiệc được dành hoàn toàn cho các vị khách thưởng thức các món cao lương mỹ vị cổ truyền trong nước. Trong phòng chỉ nghe thấy tiếng những chiếc đĩa ráo riết hoạt động chạm vào đĩa ăn. Cuối cùng chủ nhân nhận thấy rằng đã đến lúc cần có câu chuyện vui giải trí cho các tân khách, bèn quay lại hỏi:

- Mụ Êkimôpna đâu rồi nhỉ? Gọi mụ ấy vào đây.

Mấy người đầy tớ đã toan mỗi người một phía chạy đi gọi, thì ngay lúc ấy một người đàn bà già mặt trát bụi phấn, mái tóc giắt đầy hoa và kim tuyến, mặc áo dài bằng vải thô, hở cổ hở ngực, nhún nhảy bước vào, mồm hát khe khẽ. Thấy mụ vào cả bàn tiệc đều vui

hắn lên.

Công tước Lưkốp nói:

- Chào Êkimópna, dạo này thế nào?

- Cũng khá, ông bạn ạ: ca hát, rồi lại nhảy múa, chán rồi lại ngồi chờ các đám đến đàm hỏi.

Chủ nhân hỏi:

- Nãy giờ mụ ở đâu, hở mụ ngọc?⁴⁴

- Tôi đang ăn mặc cho đẹp để ra tiếp khách quý, ông bạn ạ, để mừng hội Chúa, tuân theo lệnh đức vua, tuân theo lệnh các Chúa, ăn mặc theo kiểu Đức, để mọi người cười đùa.

Các tân khách nghe nói đều cười ha hả, còn mụ ngọc thì đến đứng ở sau ghế của chủ nhân, là vị trí thường lệ của mụ.

- Mụ ngọc nói thế mà đúng thật đấy, -Tachiana Aphanaxiépnà nói (đó là bà chị của chủ nhân, vốn được chủ nhân kính trọng rất mực). - Quả thật, lối ăn mặc bây giờ chỉ là trò cười cho thiên hạ. Một khi mà các ông đã cạo mất râu đi và mặc áo ca-phơ-tan cũn cốn như thế thì còn nói gì đến quần áo đàn bà nữa: thật là tiếc chiếc áo xa-ra-phan, tiếc những chiếc dải lụa với chiếc khăn trùm! Trông các cô tiểu thư ngày nay thật vừa buồn cười vừa thương hại: tóc thì xù ra như miếng dạ chải, lại trát mỡ lợn với rắc bột mì Pháp vào, bụng thì thắt thiếu đường đứt đờ ra, váy thì lồng những vòng mây cứng ngắc: vào xe cũng phải nghiêng, vào cửa thì phải lom khom, đứng cũng không xong,

ngồi cũng không ổn, thở cũng không được - tội nghiệp, thật là các cô mình bị trời dày chứ không phải!

- Ô! Thưa bà Tachiana Aphanaxiépna, - Kirila Pêtrôvích nói (ông này trước kia làm lãnh binh Riadan, kiếm được ba nghìn nông nô và một cô vợ trẻ: cả hai thứ đó kiếm được đều chật vật hết sức). - Cứ như ý tôi thì đàn bà ăn mặc thế nào tùy ý: dù nhỏ nhăng như con dỏ, dù diêm dúa như vua Tàu cũng mặc; miễn là đừng cứ mỗi tháng lại đặt may thêm mấy chiếc áo, dù những chiếc khác hãy còn mới cũng cứ bỏ. Ngày trước thì cháu gái còn được hưởng chiếc áo xa-ra-phan của bà nội làm của hồi môn, chứ những chiếc áo dài bây giờ thì hôm nay thấy bà chủ mặc, đến mai đã thấy con ở mặc rồi. Biết làm thế nào được? Quý tộc Nga rồi khánh kiệt mất! Bất hạnh, chà chà, thật bất hạnh. - Nói đoạn ông thở dài đưa mắt nhìn bà Maria Ilinhítsna nhà ông. Bà này hình như không ưa gì những lời ca tụng thời xưa, cũng như kiểu bài xích các tập tục mới. Các bà các cô khác cũng đồng tình với bà ta, nhưng họ im lặng, vì thời ấy tính ít nói vẫn được xem là đức tính tối cần thiết của một người thiếu phụ.

- Thế là lỗi tại ai? - Gavril Aphanaxiêvích nói, tay khuấy tách nước giải khát vắt. - Chẳng phải tại chính ta đó sao? Các cô các bà thì hay vớ vẩn, còn chúng ta thì hay chiều họ.

- Thế ông bảo ta còn biết làm thế nào nữa, cái đó

có phải tùy ở ý ta đâu? -Kirila Pêtrôvích cãi. - Có người cũng muốn giam vợ trong nhà tháp gỗ, nhưng người ta lại đánh trống đòi các bà đi dự vũ hội kia; chồng thì thích dùng roi ngựa, còn vợ thì thích diện quần áo. Chao ôi, những cái buổi vũ hội ấy! Vì trước kia ta lắm tội cho nên đức Chúa Trời mới sinh ra những buổi vũ hội ấy để trừng phạt ta đấy.

Maria Ilinhítsna cứ như ngồi trên bàn chông; lưỡi bà ta cứ ngứa điên lên; cuối cùng bà ta không cầm lòng được nữa liền quay sang phía chồng, mỉm cười mai mỉa hỏi ông ta xem những buổi vũ hội ấy có cái gì mà ông bảo là xấu.

Ông chồng hăng tiết lên đáp:

- A, có cái này đây: từ khi sinh ra những buổi vũ hội chết tiệt ấy các ông chồng không còn hoà thuận với các bà vợ. Các bà vợ quên mất lời dạy của thánh tông đồ: *làm vợ khả kính sợ chồng*; việc nội trợ thì không lo, chỉ lo may áo mới; chiều chồng thì không muốn, chỉ muốn sao cho vừa mắt bọn sĩ quan vớ vẩn kia thôi. Vả lại, bà thử nghĩ xem, một bà mệnh phụ hay một cô tiểu thư Nga mà lại đứng ngồi chung chả với bọn buôn thuốc lá Đức cùng với cả bọn gái làm công của họ, thì thử hỏi có còn lịch sự không? Có đời thuở nào đàn bà con gái lại đi nói chuyện và khiêu vũ cho đến khuya với đàn ông như vậy? Mà có phải bà con họ hàng gì cho cam, đây lại là người lạ mới chết chứ!

- Cũng muốn nói một câu, chỉ hiềm tai vách mạch

rừng, - Gavril Aphanaxiêvích cau mày nói. - Thú thật tôi cũng chẳng ưa gì những thứ hội hè đó: lỡ vớ lại đụng phải một thằng say rượu, hay chính mình lại bị họ bắt uống say mềm ra để mọi người cười cho sướng miệng. Lỡ vớ một thằng du đảng nào lại trêu ghẹo con gái mình; bây giờ thanh niên được nuông chiều quá đâm ra hư hỏng, chả còn ra cái gì nữa. Đấy như thằng con trai cổ tôn ông Êpgráp Xerghêvích Koócxakóp lần vũ hội vừa rồi đến mời con Natalia nhảy, làm ồn cả lên, thật mình bị một bữa ngưỡng chín người đi được. Hôm sau thấy có chiếc xe chạy thẳng vào sân; tôi tưởng là có khách quý nào đến, đoán chừng là công tước Aléchxândơ Đanhilôvích Mensikóp cũng nên? Hoá ra thằng con ông Êpgráp! Thế mà hắn không thèm đi bộ từ cổng vào một tí cho người ta nhờ, hắn cho đánh xe vào tận thềm, nhảy xuống đập gót côm cộp, mồm nói huyền thiên! Mụ ngốc Êkimópna nhại hắn buồn cười lắm; nhân tiện: này mụ ngốc, mụ thử bắt chước cái con khi ngoại quốc ấy xem chơi nào.

Mụ ngốc Êkimópna cầm lấy một cái nắp liễn kẹp vào nách như người ta thường kẹp mũ, rồi uốn éo, cộp gót giày vào nhau và cúi chào tứ phía, mồm nói liến thoắng: "Moxiơ... Mămdem... Átxămbê... pácđôn". Các tân khách lại cười rộ lên một hồi lâu.

Khi yên tĩnh đã trở lại, lão công tước Lukóp vừa quệt mấy giọt nước mắt chảy ra trong khi cười, vừa nói:

- Đúng Koócxakóp không sai tí nào. Nhưng thật tình cũng chả phải một mình Koócxakóp, còn khối đứa đi xứ người khi trở về đất Nga thần thánh này, thì đã thành ra những thằng hề. Không biết con cháu mình học được những gì ở đấy? Cộp gót giày với lại nói những thứ tiếng xì xồ có Chúa biết, không còn biết kính trọng người già cả, chỉ giỏi sẵn đón chạy theo vợ người ta. Trong bọn thanh niên ra ăn học nước ngoài (xin Chúa xá tội), chỉ có anh da đen của nhà vua là còn giống người hơn cả.

Gavrila Aphanaxiêvích nhận xét:

- Anh ấy thì đã đành, thật là một người chững chạc và đứng đắn, chứ đâu ngang hàng với gã lông bông kia... Lại xe ai vào cổng nữa thế? Không lẽ lại con khi ngoại quốc kia chắc? - Rồi lão quay sang đám gia nhân nói tiếp: - Đây lũ súc sinh kia, đứng mà ngáp cả thế hử? Ra bảo với hắn là từ rày đừng có...

- Râu xồm già kia, mê sảng rồi hử? - Mụ ngốc Êkimópna ngắt lời. - Hay là lão mù rồi: xe của hoàng thượng đây, ngài đã đến ngoài kia rồi kìa.

Gavrila Aphanaxiêvích vội vã bỏ bàn ăn đứng dậy: mọi người đều chồm ra cửa sổ; quả nhiên họ thấy nhà vua đang bước lên bậc thềm, tay vịn vào vai người hầu cận. Trong nhà nhốn nháo cả lên. Chủ nhân hồi hả ra đón vua Piôt; gia nhân chạy tán loạn lên như những đứa hoá dại, khách khứa cuống quýt sợ hãi, thậm chí có người đã tính chuyện làm sao chuồn về

nhà cho nhanh. Bỗng ở phòng ngoài vang lên tiếng nói sang sảng của vua Piôt, tất cả mọi người đều im phăng phắc. Nhà vua bước vào, theo sau là chủ nhân, đàn độn ra vì mừng rỡ. “Xin chào các ngài”, - vua Piôt lên tiếng, gương mặt tươi tỉnh.

Mọi người đều cúi rạp xuống đáp lễ. Nhà vua đưa đôi mắt tinh nhanh tìm kiếm cô con gái của chủ nhân trong đám đông và gọi nàng lại. Natalia Gavrilópna bước ra một cách khá mạnh dạn, nhưng mặt nàng đỏ bừng đến tận mang tai, thậm chí đôi vai cũng đỏ ửng lên.

“Con càng ngày càng xinh ra đấy”, - nhà vua nói, và theo thói quen thường có, ngài hôn lên má tóc nàng. Sau đó nhà vua quay sang các tân khách nói: “Sao thế nhỉ? Tôi làm phiền các ngài quá. Các ngài đang ăn trưa. Xin các ngài ngồi lại cho, còn xin ông Gavrilá Aphanaxiêvích, cho tôi cốc rượu vốt-ca a-nít”.

Chủ nhân bỏ đến chỗ người quản gia nô bệ vệ, giật lấy cái khay trên tay ông ta và tự mình rót rượu vào chiếc cốc bằng vàng, rồi kính cẩn dâng lên đức vua. Piôt uống cạn, cắn một miếng bánh và một lần nữa mời các tân khách tiếp tục bữa ăn. Mọi người đều về ngồi ở chỗ cũ, chỉ trừ người đàn bà lùn và bà quản gia không dám ngồi lại bàn ăn uống trước mặt nhà vua.

Vua Piôt ngồi xuống bên cạnh chủ nhân và hỏi xin một ít canh bắp cải. Người hầu cận của nhà vua đưa cho ngài một chiếc thìa bằng gỗ có nạm ngà, một con

dao và một cái đĩa cán xương màu xanh, vì vua Piôt bao giờ cũng chỉ dùng bộ đồ ăn riêng của mình. Bữa tiệc, trước đây một phút đang vui vẻ náo nhiệt là thế, mà nay lặng ngắt, miễn cưỡng. Chủ nhân không ăn uống gì cả vì súng kính và mừng rỡ quá, các tân khách cũng ngồi yên kính cẩn nghe vua Piôt nói chuyện bằng tiếng Đức với người tù binh Thụy Điển về chiến dịch năm 1701⁴⁵. Mụ ngốc Êkimópna được nhà vua hỏi mấy lần, đều trả lời một cách rụt rè lãnh đạm; điều đó (nhân tiện xin nhận xét qua) chứng tỏ rằng cái ngốc của mụ ta chẳng phải là bẩm sinh. Cuối cùng bữa tiệc đã xong, nhà vua đứng dậy, các tân khách đều đứng dậy theo. Vua Piôt bảo chủ nhân:

- Gavrilaphanaxiêvích, tôi cần nói chuyện riêng với ông. Nói đoạn nhà vua nắm lấy tay chủ nhân dắt ông ta ra phòng khách và đóng kín cửa lại. Các tân khách dừng lại trong phòng ăn, thì thầm về cuộc đến thăm bất ngờ của nhà vua, rồi sợ phiền nhà chủ, chẳng bao lâu họ lục tục ra về, mặc dù chưa kịp cảm ơn chủ nhân về bữa tiệc. Nhạc phụ, con gái và chị của chủ nhân lặng lẽ tiễn khách ra cửa và ngồi lại với nhau trong phòng ăn đợi nhà vua ra.



CHƯƠNG V

Ta sẽ kiếm được vợ cho anh
Hoặc ta không còn là người xay bột.

*Ableximốp, trong nhạc kịch
Người thợ xay bột*⁴⁶

Nửa giờ sau cánh cửa ở phòng khách mở toang, và vua Piôt bước ra. Công tước Lukốp, Tachiana Aphanaxiépna và Natalia cùng cúi chào một lượt. Nhà vua trịnh trọng cúi đầu đáp lễ và đi thẳng ra phòng ngoài. Chủ nhân giúp ngài mặc chiếc áo lông tu-lúp đỏ, tiễn nhà vua ra xe và đứng trên bậc thềm một lần nữa cảm tạ nhà vua về cái vinh dự lớn lao vừa được hưởng. Vua Piôt ra về.

Trở vào phòng ăn, Gavril Aphanaxiêvich có vẻ rất đắm chiêu tư lự. Ông ta gất gỏng sai gia nhân dọn sạch bàn ăn cho nhanh, bảo Natalia về phòng riêng, thưa với ông nhạc và bà chị rằng mình có việc cần nói chuyện với hai người, và mời họ vào phòng ngủ là nơi ông thường lui về nghỉ ngơi sau bữa ăn trưa. Lão công tước ngả người trên chiếc giường bằng gỗ sồi, Tachiana Aphanaxiépna ngồi vào chiếc ghế bành kiểu cổ bọc gấm, gác chân lên chiếc ghế con mà bà vừa kéo đến. Gavril Aphanaxiêvich đóng kín tất cả các cửa lại, ngồi lên giường bên chân công tước Lukốp và bắt

đầu nói nho nhỏ:

- Đức vua đến đây không phải không có mục đích; nhạc phụ và chị thử đoán xem ngài đã có lòng nói chuyện gì với tôi?

- Cậu bảo làm sao mà chúng tôi biết được, - Tachiana Aphanaxiépna nói.

- Chắc hoàng thượng lại muốn ông đảm nhiệm chức lãnh binh ở một nơi nào chứ gì? - Lão công tước nói. - Đáng lẽ phải như vậy từ lâu rồi. Hay ngài định cử ông đi sứ? Cũng có thể lắm vì không phải chỉ có bọn thư lại mới đi sứ ra nước ngoài, nhiều khi cũng có cả những bậc quý phái được cử đi.

- Không đâu, - Gavril Aphanaxiêvich cau mày trả lời. - Tôi là lớp người cũ, bây giờ người ta không cần đến công sức của chúng ta nữa đâu, mặc dù một nhà quý tộc Nga chính giáo có lẽ chẳng thua gì bọn trẻ ranh, bọn bán bánh rán⁴⁷, với bọn dị giáo ngày nay, - nhưng đó lại là việc khác.

- Thế thì việc gì hở cậu, - Tachiana Aphanaxiépna nói, - việc gì mà ngài hạ cố bàn với cậu lâu như vậy? Hay có chuyện gì chẳng lành xảy ra? Xin Chúa đoái thương và phù hộ cho chúng tôi.

- Chẳng lành thì cũng chẳng phải là chẳng lành, nhưng thú thực, cũng khó nghĩ.

- Thế thì việc gì hở cậu, việc gì?

- Việc con Natalia đấy: nhà vua đến dạm hỏi cháu.

- Lay Chúa! Bà chị nói, tay làm dâu thánh. - Con

bé cũng đến tuổi rồi, người đi dạm thế nào thì chú rể cũng phải như thế thôi, xin Chúa ban phúc cho cháu nó, thật là hân hạnh quá. Thế nhà vua hỏi cháu cho ai?

Gavrila Aphanaxiêvích đăng hắng mấy cái:

- Hừ! Cho ai à? Chính thế, cho ai...

Lão công tước, bây giờ đã thiêu thiêu ngủ, cũng hỏi lại:

- Cho ai thế hử?

- Nhạc phụ và chị thử đoán xem, - Gavrila Aphanaxiêvích nói.

- Chao, cậu em ơi, - bà già trả lời, - cậu bảo đoán sao được, trong triều thiếu gì đám: ai mà chẳng vui lòng lấy cháu Natalia? Đôngôruki, có phải không nào?

- Không, không phải Đôngôruki.

- Cũng ơn Chúa thôi: ngữ ấy quá ư ngạo mạn. Chắc lại là Sêin hay Tôrôiekurốp?

- Không, đều không phải cả.

- Mà tôi cũng chẳng ưa gì họ: toàn những tay lẳng nhăng, bắt chước kiểu Đức nhiều quá. Thế thì chắc là Milôxlápki?

- Cũng không phải.

- Mà gã ấy cũng chẳng ra gì: giàu thì có giàu, nhưng lại dâm. Thế thì ai nào? Êlétxki chăng? Hay Lơvốp? Không phải à? Thế thì chắc là Ragudinxki? Thôi đi cậu, tôi chả nghĩ nữa đâu. Hoàng thượng hỏi cháu Natalia cho ai nào?

- Cho anh da đen Ibraghim.

Bà già thốt lên một tiếng và vung hai tay đập vào nhau. Công tước Lưkôp nhấc đầu lên khỏi gối và kinh ngạc hỏi lại: “Cho anh da đen Ibraghim?”

- Cậu ơi! - Bà già nói, giọng meo mào, - cậu đừng hăm hại đứa con rút ruột đẻ ra, cậu đừng để cháu Natalia lọt vào nanh vuốt con quỷ da đen ấy!

- Nhưng lẽ nào lại từ chối đức vua? - Gavrila Aphanaxiêvích bác lại. - Ngài đã hứa là việc này mà xong xuôi thì ngài sẽ ban ân cho tôi và cho cả dòng họ nhà ta cơ mà!

Bấy giờ lão công tước đã hoàn toàn tỉnh ngủ, lão bèn kêu lên:

- Sao? Natalia, cháu ngoại của ta mà lại đem gả cho một thằng da đen mua ở đâu mang về!

Gavrila Aphanaxiêvích nói:

- Anh ta không phải là người thường dân, anh ta là con vua xan-tan A Rập kia đấy. Bọn dị đạo bắt anh ta làm tù binh và đem bán ở Txarêgrát⁴⁸, rồi sứ thần của ta cứu thoát anh ta và đem về dâng hoàng thượng. Người anh của Ibraghim có sang Nga mang theo rất nhiều công phẩm quý giá để chuộc lại và...

Bà già ngắt lời:

- Gavrila Aphanaxiêvích, cậu ơi! Chúng tôi đã nghe chuyện cổ tích về Bôva Kôrôlêvích với Êruxlan Ladarêvích⁴⁹ rồi. Tốt hơn là cậu hãy kể cho chúng tôi nghe xem cậu đã trả lời đức vua về việc ấy ra sao.

- Tôi nói rằng chúng ta là tôi tớ của ngài, và ngài

có lòng phán bảo gì chúng ta cũng xin tuân lệnh.

Vừa lúc ấy sau cánh cửa có tiếng động đánh sầm. Gavrilaphanaxiêvich ra mở cửa, nhưng thấy vương, ông ấy mạnh một cái. Cánh cửa mở toang, và họ thấy Natalia nằm bất tỉnh, sóng soài trên nền nhà vấy máu.

Số là lúc này khi thấy nhà vua đóng cửa nói chuyện với cha nàng, Natalia đã thấy lòng bồn chồn lo lắng. Có một linh cảm gì mách thăm với nàng rằng việc này có dính dáng đến mình, cho nên khi Gavrilaphanaxiêvich bảo nàng về phòng, để ở lại nói chuyện với cô và ông ngoại nàng. Natalia không sao cưỡng lại được thói tò mò mãnh liệt của nữ giới đang thôi thúc, nàng đã rón rén lại gần cửa phòng ngủ của cha và đã nghe rõ từ đầu chí cuối cuộc nói chuyện kinh khủng kia. Đến khi nghe những lời cuối cùng của cha, người con gái đáng thương ngất đi và khi ngã xuống đã va đầu vào cái hòm nẹp sắt đựng của hồi môn của nàng.

Người nhà tới tấp chạy đến. Họ nâng Natalia lên, khiêng nàng về phòng riêng và đặt nàng lên giường. Một lát sau nàng tỉnh dậy, mở mắt ra, nhưng không nhận ra cha mình và cô mình là ai cả. Natalia lên cơn sốt nặng, trong khi mê sảng nàng cứ nói lảm nhảm về người da đen của nhà vua, về lễ cưới, rồi bỗng rú lên, giọng rất thê thảm: “Valêrian! Anh Valêrian yêu quý của em! Cuộc đời của em! Anh cứu em với! Họ đến kia kìa! Họ kia rồi!..”

Tachiana Aphanaxiépna lo lắng đưa mắt nhìn ông em trai. Ông ta tái mặt đi, cắn môi và lặng lẽ bước ra khỏi phòng. Ông trở xuống nhà gặp lão công tước. Ông già này vì không leo lên thang gác được, nên cứ phải đứng ở dưới nhà. Lão công tước hỏi:

- Natalia ra sao?

- Nguy lắm, - Gavril Aphanaxiêvich buồn rầu đáp, - nguy hơn là tôi tưởng: trong khi mê sảng nó gọi tên thằng Valêrian.

Ông già lo lắng hỏi:

- Valêrian là ai thế? Có phải cái thằng mồ côi, con lão xơ-rê-lét⁵⁰ tử trận, mà ông vẫn nuôi trong nhà đấy không?

- Chính hắn! Khổ cho tôi là trong vụ nổi loạn⁵¹ cha hắn đã cứu sống tôi, và quý Xa - táng đã xui tôi đem con sói con ấy về nuôi. Cách đây hai năm nó xin đi tòng quân; hôm chia tay với nó, con Natalia oà lên khóc, còn nó thì đứng thần người ra như tượng gỗ. Tôi thấy việc đó có vẻ khả nghi, nên có nói chuyện với bà chị. Nhưng từ dạo đó con Natalia không hề nhắc nhở gì đến thằng kia nữa, còn thằng kia thì cũng biệt vô âm tín. Tôi tưởng con Natalia đã quên nó đi rồi; nhưng bây giờ mới biết là không phải. Thôi, thế là tôi đã nhất quyết: con Natalia sẽ lấy thằng A Rập.

Công tước Lukóp không cãi lại: có cãi cũng vô ích. Lão lên xe về nhà. Tachiana Aphanaxiépna ở lại bên giường Natalia; sau khi cho người đi mời thầy thuốc,

Gavrila Aphanaxiêvích trở về phòng riêng đóng cửa lại, và trong nhà bây giờ mọi vật đều lặng lẽ và u buồn.

Việc đàm hỏi đột ngột này đã làm cho Ibraghim ngạc nhiên ít nhất là cũng bằng Gavrila Aphanaxiêvích. Đầu đuôi như sau. Một hôm, đang làm việc với Ibraghim, vua Piôt chợt hỏi chàng:

- Ta nhận thấy anh có điều không vui; anh nói thẳng ra: anh thiếu cái gì?

Ibraghim quả quyết xin nhà vua tin chắc cho rằng chàng rất bằng lòng phận mình và không hề ước ao gì hơn nữa. Nhà vua nói:

- Tốt lắm. Nếu anh buồn vô cớ như vậy, thì ta biết cách làm cho anh vui rồi đây.

Sau buổi làm việc, vua Piôt hỏi Ibraghim:

- Anh có thích người con gái nhảy điệu mơ-nuy-ê với anh trong buổi vũ hội hôm trước không?

- Tàu hoàng thượng, cô ấy rất dễ thương mà có vẻ hiền lành và tốt bụng lắm.

- Thế thì ta sẽ giúp anh làm quen với cô ta. Anh có muốn lấy cô ta không?

- Tàu hoàng thượng...

- Ibraghim ạ, anh chỉ có một thân một mình, không hề có ai bà con thân thuộc, xa lạ đối với tất cả mọi người, trừ mỗi mình ta. Một mai ta chết đi, thì anh sẽ ra sao, tội nghiệp cho anh lắm, Ibraghim ạ? Anh cần

phải tìm chỗ nương thân, trong khi hãy còn kịp; phải tìm thêm chỗ dựa qua các mối liên hệ, phải kết thân với giới quý tộc Nga.

- Tàu hoàng thượng, được hoàng thượng che chở và ban ơn như thế này, con đã sung sướng lắm rồi. Chỉ xin trời đừng bắt con phải sống sót lại sau khi đã mô côỉ vua, vị ân nhân của con, con không còn ước ao gì hơn thế nữa; nhưng vì thử con có ý định lấy vợ, thì đã chắc gì người con gái và thân nhân của cô ta chịu ưng thuận? Bề ngoài của con...

- Bề ngoài, bề ngoài! Chỉ vợ vắn! Anh có thua kém gì ai? Một thiếu nữ thì phải phục tùng ý muốn của cha mẹ, còn lão Gavrila Aphanaxiêvich Rôgiépki thì để xem lão sẽ nói thế nào, khi chính đích thân ta là ông mối của con.

Nói đoạn nhà vua sai đánh xe trượt tuyết ra và bỏ Ibraghim ngồi lại một mình với những ý nghĩ miên man của chàng.

“Cưới vợ! - Chàng thanh niên châu Phi tự nhủ, - tại sao lại không nưỉ? Chẳng nhẽ ta phải chịu sống cô đơn, không được biết đến những thú vui và những bổn phận thiêng liêng của con người chỉ vì ta sinh trưởng ở dưới vĩ tuyến mười lăm⁵²? Ta không thể hy vọng được ai yêu: đó chỉ là mộng tưởng viển vông của con trẻ! Làm sao có thể tin ở tình yêu được? Trong trái tim nông nổi của đàn bà làm gì có tình yêu? Ta cần phải từ bỏ vĩnh viễn những ảo tưởng êm đẹp ấy, phải

lựa chọn lấy những lạc thú khác, vững chắc hơn. Hoàng thượng nghĩ cũng phải: ta cần phải bảo đảm cho vận mệnh của ta sau này. Cuộc hôn nhân với cô tiểu thư Natalia Gavrilópna sẽ gắn bó ta với giới quý tộc Nga kiêu hãnh kia, và ta sẽ không còn là kẻ lạc loài ở giữa tổ quốc mới của ta. Ta sẽ không đòi hỏi vợ ta phải yêu ta, ta chỉ cần nàng trung thành với ta là được rồi, và thái độ dịu dàng, tin cậy và bao dung của ta sẽ khiến nàng mến ta”.

Ibraghim định bắt tay vào công việc như thường lệ, nhưng ý nghĩ của chàng không sao tập trung lại được. Chàng bèn bỏ giấy má lại và ra bờ sông Nêva đi bách bộ. Bỗng chàng nghe tiếng nói của vua Piôt; chàng quay lại thì thấy nhà vua đã xuống xe đi bộ đuổi theo chàng, sắc mặt rất vui vẻ. Vua Piôt khoác tay Ibraghim mà nói:

- Thế là xong xuôi cả rồi. Ta đã đi hỏi vợ cho anh rồi đấy. Mai anh đến thăm ông nhạc đi; nhưng phải xem chừng, đừng có chạm đến lòng tự ái của ông già quý tộc kiêu căng ấy; phải để xe ở ngoài cổng mà đi bộ qua sân; phải nói chuyện về những công lao của ông ta, về dòng dõi đại quý tộc của ông - rồi ông ta sẽ mê tít ông con rể tương lai cho mà xem. Còn bây giờ thì, - nhà vua lắc lắc cái gậy và nói tiếp, - anh dẫn ta đến nhà thằng đại bợm Đanhilôvich⁵³ ta đang cần phải sửa cho hắn một trận về những trò nghịch ngợm mới của hắn.

Ibraghim chân thành cảm tạ vua Piôt đã lo lắng đến chàng chẳng khác gì một người cha, rồi tiễn nhà vua đến cổng toà dinh thự nguy nga của công tước Mensikốp và trở về nhà.

CHƯƠNG VI

Ngọn đèn dầu cháy leo lét trước khám thờ bằng kính đựng mấy bức ảnh thánh gia truyền lấp lánh trong những chiếc khung bằng vàng và bạc. Ngọn lửa chập chờn của chiếc đèn thờ toả một ánh sáng yếu ớt lên chiếc giường che rèm kín mít và chiếc bàn con đặt đầy những chai lọ có dán nhãn. Bên lò sưởi một người nữ tỳ ngồi quay sợi, và chỉ có tiếng rè rè khe khẽ của chiếc xa quay đều đều vang lên trong cõi tĩnh mịch của gian phòng.

- Có ai ở đây không?- Có tiếng hỏi yếu ớt.

Người nữ tỳ lập tức đứng dậy, lại gần giường và khẽ vén rèm lên. Natalia hỏi:

- Trời đã sắp sáng chưa?

- Bây giờ đã đúng giữa trưa rồi đấy ạ, - người nữ tỳ đáp.

- Trời ơi, thế sao tối thế này?

- Thưa cô, vì cửa sổ đóng kín cả ạ.

- Thôi, nhanh lên, mang áo lại cho ta mặc đi.

- Thưa cô không được ạ, ông đốc-tờ không cho phép.

- Thế ra ta ốm à? Đã lâu chưa?

- Thưa đã được hai tuần nay rồi.

- Lâu thế kia à? Thế mà ta cứ tưởng mới vừa nằm xuống hôm qua...

Natalia không nói nữa; nàng cố gắng sắp xếp lại những ý nghĩ đang rối tung lên trong đầu óc. Nàng nhớ mang máng rằng có xảy ra một việc gì đấy, nhưng cụ thể là việc gì thì nàng không nhớ rõ. Người nữ tỳ vẫn đứng trước mặt nàng đợi sai bảo. Vừa lúc ấy ở phía dưới nhà có tiếng ồn ào khê vẳng lại. Người ốm hỏi:

- Cái gì thế?

- Đây là các đức ông dùng bữa trưa xong, rồi bàn ăn. Bà Tachiana Aphanaxiépna sắp đến đây bây giờ đấy.

Natalia nghe nói vậy có vẻ vui vui; nàng yếu ớt hất bàn tay ra hiệu bảo người nữ tỳ có thể lui ra. Người nữ tỳ buông rèm xuống và trở lại bên chiếc xa quay sợi.

Vài phút sau cửa hé mở và một cái đầu đội mũ vải trắng có thắt dải màu thẫm thò vào hỏi nhỏ:

- Natalia sao rồi?

- Chào cô ạ, - người ốm nói khê. Tachiana Aphanaxiépna vội vàng đến bên giường nàng. Người nữ tỳ nhích ghế bành lại cho bà ngồi. Chị ta nói:

- Cô con tỉnh rồi đấy ạ.

Bà già ứa nước mắt hôn lên khuôn mặt xanh xao, mệt mỏi của cháu gái và ngồi xuống cạnh nàng. Một lát sau ông thầy thuốc người Đức mặc áo ca-phơ-tan-đen và đội tóc giả kiểu các nhà bác học vào bắt mạch

cho Natalia và nói bằng tiếng la-tinh, rồi sau bằng tiếng Nga, rằng cơn nguy đã qua khỏi. Ông bảo đưa giấy mực lại, ngồi viết một cái đơn thuốc mới và ra về. Bà Tachiana Aphanaxiépna cũng đứng dậy hôn cháu một lần nữa, và vội vã xuống nhà tìm Gavril Aphanaxiêvích để báo tin mừng.

Trong phòng khách, người da đen của nhà vua đang ngồi nói chuyện kính cẩn với Gavril Aphanaxiêvích. Chàng mặc quân phục có đeo gươm, mũ cầm trên tay. Koócxakóp ngồi ưỡn người trên chiếc đi-văng, vừa lơ đãng nghe hai người nói chuyện, vừa nghịch với con chó săn nằm dài ở giữa sàn; nghịch đã chán, Koócxakóp lại gần tấm gương soi (soi gương là cách giải trí thường ngày của anh ta). Nhìn vào gương, Koócxakóp chợt thấy Tachiana Aphanaxiépna đứng ngoài cửa đang giơ tay ra hiệu mãi mà ông em trai vẫn không thấy cho. Koócxakóp liền quay sang Gavril Aphanaxiêvích và ngắt lời Ibraghim:

- Gavril Aphanaxiêvích, có người muốn gọi ngài.

Chủ nhân liền đứng dậy ra gặp bà chị và đóng cửa phòng khách lại.

Koócxakóp bảo Ibraghim:

- Tôi cũng lạ cho cái tính kiên nhẫn của anh. Ngồi suốt một tiếng đồng hồ nghe lão ấy nói lảm nhảm về gia phả của hai dòng dõi quý tộc Rơgiép-xki và Lưkốp mà chịu được, mà lại còn dèm thêm những lời nhận xét về luân thường đạo lý vào đấy nữa thì tài thật!

Tôi mà ở địa vị anh thì *j'aurais planté la* cái lão bẻm mép ấy và cả dòng họ nhà lão, kể cả Natalia Gavrilópna nữa. Người đầu mà làm bộ thế, cứ giả vờ ốm ra điều *une petite santé* ... Anh nói thật đi nghe nào, có phải anh cảm cô bé *mijauréc* ... ấy không nào? Ibraghim ạ, ít nhất lần này anh cũng nên nghe tôi; tôi thế chứ khôn ngoan hơn người ta tưởng. Anh bỏ cái ý định gàn dở ấy đi. Đừng có lấy vợ. Tôi có cảm tưởng rằng cô ta chẳng có cảm tình gì đặc biệt với anh đâu. Trên đời này có lắm chuyện lôi thôi lắm. Cứ thử lấy việc này nhé: như tôi chẳng hạn, đã đành cũng chả phải xấu giai, nhưng có những lần tôi đã lừa những ông chồng chả xấu giai hơn tôi tý nào. Chính anh... anh còn nhớ ông bạn Pari của chúng ta đấy chứ... bá tước D. ấy mà? Không thể hy vọng vào sự trung thành của đàn bà được đâu; người nào có thể đứng vững đối với những chuyện ấy, mới thật là có phúc! Nhưng còn anh!.. Với cái tính bông bột mà lại hay tư lự, hay nghi ngờ của anh, với cái mũi tẹt, với cặp môi vều, với chùm tóc xoắn tít như lông cừu của anh, mà anh dám đâm đầu vào hôn nhân? Anh dám lao mình vào một tình cảnh nguy hiểm như vậy?..

Ibraghim lãnh đạm ngắt lời:

- Xin cảm ơn những lời khuyên nhủ chí tình của

* Tôi đã bỏ mặc (*tiếng Pháp*).

** Liều yếu đào tơ (*tiếng Pháp*).

*** Làm bộ (*tiếng Pháp*).

anh, nhưng chắc anh cũng biết câu tục ngữ: “Không việc gì phải đi ru con kẻ khác...”.

Koócxakóp cười, đáp lại:

- Ibraghim ạ, anh coi chừng không khéo về sau lại thực hiện câu tục ngữ này, mà lại theo nghĩa đen kia đấy.

Nhưng ở căn phòng bên cạnh, câu chuyện ngày càng trở nên gay gắt. Bà già nói:

- Cậu đừng giết nó. Chỉ trông thấy thằng ấy nó cũng đủ chết khiếp đi rồi.

Ông em trai cứng cổ cãi lại:

- Nhưng chị thử nghĩ xem, anh ta đến làm rể đã hai tuần nay mà đến nay vẫn chưa nhìn thấy mặt mũi vị hôn thê. Rốt cục rồi anh ta có thể nghĩ rằng những câu chuyện đau ốm ấy toàn là chuyện bịa cả, rằng chúng ta chỉ tìm cách trì hoãn, để rồi kiếm cớ từ chối. Rồi hoàng thượng ngài sẽ nói sao? Ngài cho người đến hỏi thăm sức khỏe con Natalia thế là đã ba lần rồi. Tùy chị đấy, chứ tôi chả dại gì đi sinh chuyện với ngài.

Tachiana Aphanaxiépná nói:

- Trời ơi, rồi con bé sẽ ra sao? Ít nhất cậu cũng để tôi đi sửa soạn trước cho nó bớt bỡ ngỡ vì cuộc thăm viếng này.

Gavrila Aphanaxiévích bằng lòng và trở ra phòng khách. Ông bảo Ibraghim:

- May quá! Nhờ trời cơn nguy đã qua. Bây giờ Natalia đã đỡ nhiều rồi; giá mà anh không sợ để ông

khách quý Ivan Epgraphôvích ngồi đây một mình, thì tôi sẽ đưa anh lên phòng thăm em nó một tí.

Koócxakốp chúc mừng Gavrila Aphanaxiêvích, xin ông ta cứ tự nhiên, rồi nói rằng mình có việc cần đi ngay, và vội vàng lui ra phòng ngoài, không để cho chủ nhân theo tiễn chân.

Trong khi đó bà Tachiana Aphanaxiépna hồi hã sửa soạn cho cô cháu đón sự xuất hiện của vị khách khủng khiếp. Vào đến phòng Natalia, nhưng bà chưa kịp nói lấy một lời, thì cánh cửa phòng đã mở. Natalia hỏi:

- Ai vào thế?

Bà già lặng người đi, không nói nên lời nữa. Gavrila Aphanaxiêvích vén bức rèm lên, lạnh lùng nhìn con và hỏi Natalia đã đỡ chưa.

Người ôm muốn gượng cười với ông, nhưng không cười nổi. Cái nhìn nghiêm khắc của cha khiến nàng kinh ngạc và lo sợ. Vừa lúc ấy nàng có cảm tưởng rằng có ai đang đứng ở đầu giường. Nàng cố gượng ngẩng đầu lên và bỗng nhận ra người da đen của nhà vua. Đến đây nàng nhớ lại tất cả mọi việc, và cái tương lai kinh khủng của nàng lại hiện rõ mồn một ra trước mắt nàng. Nhưng tâm hồn nàng đã quá mệt mỏi, không còn có sức xúc động mạnh nữa. Natalia lại ngã đầu trên gối và nhắm mắt lại... Tim nàng đập mạnh, đau nhói. Tachiana Aphanaxiépna ra hiệu với ông em trai là người ôm muốn ngủ, và mọi người đều rón rén bước ra khỏi phòng, trừ người nữ tỳ vẫn trở lại ngồi với chiếc xa quay sợi.

Cô thiếu nữ bất hạnh mở mắt ra, và không thấy ai đứng bên giường mình nữa, liền gọi cô nữ tỳ lại và bảo đi gọi mẹ lùn đến. Nhưng ngay lúc ấy người đàn bà bé tí tròn như quả bóng, đã lặn đến cạnh giường nàng. Số là Laxtôttska' (đó là tên người đàn bà lùn) hồi nãy đã cố bon đôi chân ngắn tũn ngùn chạy theo Gavrilaphanaxiêvich và Ibraghim, leo lên thang gác và nấp sau cánh cửa - mẹ ta cũng không thoát khỏi cái tính tò mò bẩm sinh của phái đẹp. Natalia thấy mẹ vào liền cho cô nữ tỳ ra ngoài, và người đàn bà lùn đến ngồi lên chiếc ghế con đặt bên giường.

Chưa bao giờ một thân hình bé nhỏ như vậy lại chứa đựng một khối lượng hoạt động tinh thần to đến thế. Mẹ lùn can dự vào mọi việc, cái gì mẹ cũng biết, việc gì mẹ cũng lo. Nhờ có một trí óc láu lỉnh và xảo quyệt mẹ đã lấy được lòng chủ và bị tất cả các gia nhân thù ghét. Mẹ tự quyền cai quản mọi việc trong nhà. Gavrilaphanaxiêvich lắng nghe những lời mách lẻo, những lời kêu ca và xin xỏ vặt vãnh của mẹ; Tachiana Aphanaxiépna thì động một tí cũng hỏi ý mẹ và luôn nghe theo lời mẹ; còn Natalia thì quyến luyến mẹ với một tình cảm không bờ bến và thường thổ lộ với mẹ tất cả những ý nghĩ, tất cả những cảm xúc của trái tim mười sáu tuổi của nàng. Natalia nói:

- Laxtôttska ơi, có biết không, cha gả tôi cho ông da đen đấy. Mẹ lùn thở dài thườn thượt, và cái mặt nhăn

* Chim yến (tiếng Nga).

nhớ của mẹ lại càng nhớ thêm. Natalia nói tiếp:

- Chả nhẽ không còn chút hy vọng nào, chả nhẽ cha tôi không thương hại tôi sao?

Mẹ lùn lắc đầu.

- Thế ông ngoại hay cô tôi không nói hộ cho tôi sao?

- Không đâu cô ạ. Trong khi cô ốm, anh chàng da đen đã có đủ thời gian bỏ bữa mê cho tất cả mọi người rồi. Ông chủ cứ chết mê chết mệt với anh ta, lão công tước thì suốt ngày chỉ nói mê chuyện anh ta, còn Tachiana Aphanaxiépná thì nói: thật tiếc rằng anh ta lại là người da đen, chứ không thì cũng chẳng ước ao được một chàng rể nào hơn thế.

Cô thiếu nữ đáng thương rên rỉ:

- Trời ơi! Trời ơi!

Mẹ lùn hôn bàn tay yếu ớt của Natalia nói:

- Xin cô đừng buồn cô ạ. Thôi thì dù có phải lấy anh da đen đi nữa, cũng vẫn được tự do kia mà. Bây giờ có phải như ngày xưa đâu; chồng có giam vợ ở nhà được nữa đâu mà sợ; nghe nói anh da đen ấy giàu lắm; nhà cô sẽ tha hồ mà sang trọng, cô sẽ sướng như tiên ấy chứ...

- Tội nghiệp anh Valêrian! - Natalia nói, nhưng nàng nói khê đến nỗi mẹ lùn không nghe rõ mấy lời này, chỉ đoán ra thôi. Mẹ hạ giọng xuống có vẻ bí mật, nói:

- Ấy, ấy, cô nghĩ đến gã mề côi ấy in ít chứ, không đến lúc lên cơn sốt lại nói mê tên Valêrian, rồi ông nhà lại nổi giận lên đấy!

Natalia hoảng hốt nói:

- Sao? Tôi nói mê tên Valêrian, cha tôi có nghe thấy ư? Cha tôi nổi giận ư?

Mụ lùn đáp:

- Ấy thế mới khổ chứ. Bây giờ nếu cô xin ông chủ đừng gả cô cho anh da đen, thì ông nhà sẽ cho rằng cơ sự chung quy là vì Valêrian cả. Thôi chẳng còn cách nào nữa: cô phải phục tùng ý cha mẹ đi thôi, rồi sau ra sao thì ra.

Natalia lặng thinh không cãi lại. Nghĩ đến việc cha nàng đã biết nỗi tâm sự bí ẩn của nàng, trí tưởng tượng của Natalia bị kích động rất mạnh. Nàng chỉ còn một hy vọng duy nhất là chết đi trước khi cuộc hôn nhân đáng căm ghét này hoàn tất. Ý nghĩ này khiến nàng đỡ khổ. Tâm hồn yếu đuối và buồn khổ của nàng đành cúi đầu trước số phận.

CHƯƠNG VII

Trong nhà Gavrila Aphanaxiêvich ở bên phải gian phòng mắc áo có một cái buồng hẹp chỉ có một cửa sổ nhỏ. Trong phòng có một chiếc giường đơn sơ trải một tấm chăn chiên, trước mặt có một cái bàn bằng gỗ thông, trên bàn có một ngọn nến mỡ lợn đang cháy, chiếu sáng một quyển vở chép nhạc mở ra. Trên tường có treo một bộ quân phục màu xanh cũ kỹ và người bạn cùng lứa với nó là chiếc mũ ba góc; phía trên chiếc mũ có bức tranh

màu mộc bản đóng vào tường bằng ba cái đinh, in hình vua Căclơ XII⁵⁴ trên mình ngựa. Tiếng sáo vang dội trong căn phòng đậm bạc. Ông vũ sư tù binh, chủ nhân của căn phòng, đầu đội mũ chụp, mình mặc áo choàng vải Tầu đang tiêu khiển cảnh buồn chán của đêm đông cô quạnh bằng mấy bài hành khúc Thuy Điển nhắc nhớ lại thời thiếu niên tươi đẹp đã qua. Sau hai tiếng đồng hồ liền thổi sáo như vậy, người lính Thuy Điển tháo rời ông sáo ra, bỏ vào hộp và bắt đầu cởi áo.

Lúc ấy cái chốt cài cửa bỗng nhắc lên, và một người thanh niên tuấn tú, vóc người cao lớn, vận quân phục, bước vào phòng.

Ông già người Thuy Điển kinh ngạc sợ hãi đứng dậy.

Người khách trẻ tuổi cất giọng cảm động nói:

- Bác không nhận ra tôi à, bác Guxtáp Adamôvích? Bác không nhớ thằng bé mà bác dạy cho học các động tác quân sự của Thuy Điển à? Bác không nhớ hồi bác với tôi suýt gây ra hoả hoạn trong buồng này, vì mang cái súng thần công trẻ con ra bắn ư?

Guxtáp Adamôvích nhìn chàng thanh niên không chớp mắt. Cuối cùng ông ôm chầm lấy chàng, kêu lên:

- Ê-ê-ê! Chào chú, chú về đây lâu chưa thế? Ngồi đây, ngồi đây cậu bé nghịch ngợm của tôi, ngồi đây ta nói chuyện!

.....

1827
Hoàng Tôn dịch

TẬP TRUYỆN CỦA ÔNG IVAN PÊTỜRÔVÍCH BENKIN ĐÃ QUÁ CỐ

Bà Prôxtakôva

Vâng, thưa ông, ông ấy vẫn thích nghe chuyện
từ khi còn nhỏ. Xkôtinin Mitôrôphan giống tôi.

Vị thành niên

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Sau khi đã quyết định xuất bản “Tập truyện vừa của ông I.P. Benkin” mà chúng tôi mang trình đọc giả sau đây, chúng tôi muốn đính thêm vào tập truyện một bản tiểu sử, vắn tắt thôi, của tác giả quá cố để thoả mãn một phần nào trí tò mò chính đáng của các bạn đọc vốn yêu chuộng nền văn học nước nhà. Với mục đích ấy chúng tôi đã định nhờ đến bà Marie Aléchxêepna Tôraphilina, người có họ gần nhất và cũng là người thừa hưởng gia tài của Ivan Pêtôrôvích Benkin; nhưng tiếc thay, bà không thể cung cấp cho chúng tôi được tài liệu nào, vì bà vốn chưa từng được quen biết người đã quá cố. Bà khuyên chúng tôi rằng vấn đề này thì nên hỏi một tiên sinh rất đáng kính ngày xưa vốn là bạn của Ivan Pêtôrôvích. Chúng tôi liền theo lời khuyên của bà; được ít lâu thì chúng tôi

nhận được thư phúc đáp sau đây, đúng như lòng chúng tôi hằng mong đợi. Chúng tôi xin đăng bức thư vào đây, không dám thay đổi hay bèn thêm lời nào, vì đây quả là một di tích quý giá của một trí tuệ bạt thiệp và của một tình bạn cảm động, mà đồng thời cũng là một tài liệu tiểu sử rất đầy đủ.

Thưa quý ngài.

Ngày 23 tháng này, chúng tôi đã có hân hạnh tiếpặng bức thư đề ngày 15 mà ngài đã có nhã ý gửi cho chúng tôi. Trong bức thư quý ngài có tỏ ý muốn có một tài liệu cặn kẽ về ngày sinh và ngày qua đời, về thời gian làm việc nhà nước, về hoàn cảnh gia đình cũng như về công việc và tính tình của ông Ivan Pêtrôvích Benkin đã quá cố, ngày xưa vốn là bạn cố tri và là người láng giềng ở gần ấp chúng tôi. Chúng tôi hết sức vui lòng được chiều theo ý ngài và xin trình đề ngài rõ tất cả những điều mà tôi còn nhớ được qua những câu chuyện của người quá cố cũng như qua những điều quan sát của bản thân chúng tôi.

Ivan Pêtrôvích Benkin sinh năm 1798 ở thôn Gôriukhinô trong một gia đình quý phái rất mực. Lúc sinh thời cụ thân sinh ra ông ta là đại úy Piôt Ivanôvích Benkin lập gia đình với bà Pêlaghêia Gavrilôpna dòng dõi nhà Toraphilin. Cụ không phải là người giàu có, nhưng tính vốn cần kiệm và cụ chăm sóc công việc trong điền trang rất khéo léo. Người con trai của cụ thuở bé được học với một ông thầy trợ lễ trong xứ. Có lẽ nhờ ông thầy trợ lễ đáng kính này mà

cậu Ivan Pêtrôvich có được tính ham đọc sách vở và yêu chuộng việc viết lách tiếng Nga. Năm 1815 Ivan Pêtrôvich sung vào một trung đoàn bộ binh xạ kích (tôi không nhớ số hiệu của trung đoàn) và tòng ngũ trong đơn vị đó mãi cho đến năm 1823. Hai cụ thân sinh ông mất chỉ cách nhau mấy ngày, khiến ông buộc lòng phải xin giải ngũ và định cư ở thôn Gôriukhinô, quê hương của ông.

Bắt tay vào cai quản điền trang, Ivan Pêtrôvich vốn thiếu kinh nghiệm, lại có tính hay thương người, nên chẳng bao lâu ông ta đã làm cho công việc trong ấp trại bê trễ và để lại lòng cái trật tự chặt chẽ mà cụ thân sinh ông đã thiết lập nên. Ông thay đổi người thôn trưởng cũ, một người cần mẫn và dắc lực mà nông dân của ông không bằng lòng (thối họ vẫn thế), rồi giao việc quản lý thôn ấp cho bà quân gia già, được ông rất mực tin cậy nhờ có tài kể chuyện đời xưa. Bà già này có tính lú lẫn không bao giờ phân biệt nổi một tờ giấy bạc hai mươi lăm rúp với một tờ năm mươi rúp; nông dân trong làng đều là chỗ thân bằng cố hữu với bà ta, thành thử chẳng sợ bà tí nào cả; họ bầu lên một viên thôn trưởng mới, lão này dung túng họ và về hòa với họ để lừa dối chủ, đến nỗi Ivan Pêtrôvich buộc lòng phải bãi bỏ lao dịch, chỉ thu một số địa tô rất nhỏ. Ấy thế mà nông dân vẫn lợi dụng nhược điểm của ông, năm đầu họ nài xin ông một khoản chiếu cố vớ vẩn, rồi đến năm sau hơn hai phần ba số tô họ trả bằng hạt dẻ, bằng quả việt quất và

những thứ tương tự như thế; đã vậy mà lại còn thất thu nữa.

Vốn là chỗ bạn bè với cụ cố thân sinh ra Ivan Pêtrôvích, tôi tự thấy có bổn phận phải góp ý khuyên can ông ta và đã nhiều lần ngỏ ý tự đứng ra khôi phục lại cái trật tự cũ mà ông ta đã để cho suy vi. Với mục đích đó, có lần tôi đã đến nhà ông, đòi đưa các sổ sách ra, gọi tên thôn trưởng ăn cắp ấy tới, và trước mặt Ivan Pêtrôvích tôi liền bắt tay vào xem xét các sổ sách. Vị chủ nhân trẻ tuổi lúc đầu hết sức chăm chú theo dõi tôi; nhưng tính toán một lúc thấy rằng trong hai năm gần đây số nông dân tăng lên gấp bội, số gà vịt và bò ngựa lại hao hụt trông thấy, thì Ivan Pêtrôvích đã lấy làm thỏa mãn với những số liệu đầu tiên ấy, và không chịu nghe tôi nói nữa, ngay vào cái lúc mà tôi đã bằng những tìm tòi và những câu hỏi vặn nghiêm khắc của mình làm cho viên thôn trưởng ăn cắp kia hết sức lúng túng không biết đường nào mà chối cãi nữa, tôi bực bội biết bao khi nghe thấy Ivan Pêtrôvích ngồi trên ghế mà ngáy to như sấm. Từ đó tôi không can thiệp vào công việc quản lý điền trang của ông ta nữa và (cũng như bản thân ông ta) phó mặc công việc nhà ông cho Thượng đế.

Song le việc trên đây không hề có phương hại gì đến mối quan hệ giữa hai chúng tôi; vì trong khi tôi lấy làm buồn về cái tính nhu nhược và cái thói cầu thả vô tư thường thấy trong đám thanh niên quý tộc ở nước ta, tôi vẫn thành thật quý mến Ivan Pêtrôvích;

và lại không thể nào không quý mến một người trẻ tuổi hiền lành và trung hậu như vậy. Về phần mình, Ivan Pêtrôvich cũng kính nể tuổi tác của tôi và có lòng quyến luyến tôi rất mực. Mãi cho đến cuối đời hầu như ngày nào ông cũng gặp tôi, thích nghe những lời trò chuyện thô thiển của tôi, mặc dù Ivan Pêtrôvich với tôi không có gì giống nhau cho lắm về tính tình, tập quán hay nếp suy nghĩ.

Ivan Pêtrôvich sống một cuộc sống rất điều độ, tránh mọi sự thái quá; chưa bao giờ tôi thấy ông ngà ngà hơi rượu (ở như địa phương chúng tôi thì điều này có thể xem là một điều kỳ diệu phi thường); đối với nữ giới thì ông ta cũng rất có cảm tình đấy, nhưng bản tính ông ta lại rụt rè bên lén như con gái*.

Ngoài những chuyện vừa mà ngài có lòng nhắc đến trong bức thư, Ivan Pêtrôvich còn để lại nhiều bản thảo viết tay. Một phần các bản thảo đó thì tôi giữ, còn một phần thì được bà quản gia đem sử dụng vào những công việc nội trợ. Chẳng hạn mùa đông năm ngoái tất cả các cửa sổ ở đầu hồi nhà bà ta ở đều được dán bằng phần dầu một cuốn tiểu thuyết mà Ivan Pêtrôvich viết dở. Những truyện vừa nói trên

* Tiếp theo là một mẫu chuyện mà chúng tôi xin miễn dăng vào đây vì trọng nghi là không cần thiết; song le, chúng tôi cũng xin quả quyết thừa với độc giả rằng mẫu chuyện đó không hề có gì phương hại đến hương hồn Ivan Pêtrôvich Benkin (Lời chú thích của A. X. Puskine).

*hình như là thí nghiệm đầu tiên của ông về mặt văn chương. Theo Ivan Pêtrôvich nói, thì phần lớn những truyện đó đều là những truyện có thật mà ông đã nghe nhiều nhân vật khác nhau kể lại^{**}. Song hầu hết các tên họ trong truyện đều là do ông đặt bày ra, còn tên các làng các xã thì mượn ở vùng quê chúng tôi, cho nên tên làng tôi cũng có lần được nhắc đến. Sở dĩ như vậy không phải vì Ivan Pêtrôvich có ác ý gì, mà chỉ vì ông thiếu óc tưởng tượng đó thôi.*

Mùa thu năm 1828 Ivan Pêtrôvich bị cảm hàn, lên cơn sốt nặng và tử trần, mặc dù ông thầy thuốc ở huyện chúng tôi đã cố gắng tận tình vẫn không sao cứu khỏi. Ông thầy thuốc này là một người chữa bệnh rất giỏi, nhất là các bệnh kinh niên như thể bị lên chai vên vên. Ivan Pêtrôvich tắt nghỉ trên tay tôi, hưởng thọ ba mươi tuổi và được chôn cất ở nhà thờ làng Gôriukhinô bên cạnh ngôi mộ hai cụ thân sinh của ông.

Sinh thời Ivan Pêtrôvich là một người tâm thuộc,

^{**} Quả thật là trong bản viết tay của ông Benkin cứ trên mỗi câu chuyện như vậy lại thấy có dòng chữ của tác giả viết: chuyện này tôi nghe một cá nhân nào đó (chức tước hay cấp bậc kèm theo chữ đầu tên họ) kể lại. Chúng tôi xin ghi lại đây để các độc giả hiếu kỳ tham khảo: “Người coi trạm” là do viên quan cứu phạm A.G.N. kể lại; truyện “Phát súng” là do trung tá I.L.P. kể lại, “Người chủ hiệu dấm ma” là do ông quản lý cửa hàng B.V. kể lại, truyện “Bảo tuyết” và “Cô tiểu thư” là do cô C.I.T. kể lại (Lời chú của A.X. Puskín).

mắt màu xám, tóc vàng sẫm, mũi thẳng, da mặt trắng, khuôn mặt hơi gầy.

Thưa tiên sinh, đó là tất cả những gì mà tôi còn nhớ lại được về nếp sống, công việc, tính tình và dung mạo của người láng giềng và người bạn đã quá cố của tôi. Nhưng nếu ngài thấy cần sử dụng bức thư của chúng tôi vào một công việc nào đó, thì tôi thiết tha cúi xin ngài miễn nhắc đến tên tôi; bởi vì mặc dù tôi rất kính trọng và quý mến các nhà viết văn, nhưng tôi thấy mình không cần thiết phải mang danh hiệu đó, và chẳng tuổi tác như tôi mà làm như vậy thì e khiếm nhã.

Tôi xin có lời trân trọng v.v..

Ngày 16 tháng 11 năm 1830

Thôn Nhénaradôvô

Chúng tôi thấy có bốn phận tôn trọng ý nguyện của người bạn đáng kính của tác giả, và xin gửi đến quý tiên sinh lòng biết ơn sâu sắc của chúng tôi về những tài liệu mà chúng tôi đã được cung cấp, và hy vọng rằng công chúng độc giả sẽ quý trọng tấm lòng chân thành và thiện ý của quý tiên sinh.

A.P.



PHÁT SÚNG

Chúng tôi độ súng.

Baratunxk?

Tôi thề sẽ bắn hấn theo đúng luật lệ quyết đấu (một phát súng của tôi đang dành cho hấn).

Một buổi chiều tối ở doanh trại lộ thiên³

I

Chúng tôi đóng quân ở thị trấn X. Sinh hoạt của một sĩ quan trong quân đội thì chẳng còn ai lạ gì nữa. Buổi sáng thao diễn, tập ngựa; trưa ăn ở nhà trung đoàn trưởng hay ở quán rượu của một người Do Thái; chiều tối uống rượu và đánh bài. Ở X. không có một nhà nào mở rộng cửa, chẳng có một cô gái nào đáng để ý. Chúng tôi tụ tập ở nhà nhau, hết nhà này lại sang nhà khác; nơi đây, ngoài những bộ quân phục ra, không còn thấy gì khác nữa.

Trong chúng tôi, chỉ có một người không phải là con nhà lính. Y trạc độ ba mươi năm tuổi, vì thế mà được chúng tôi xem như một ông già. Sự từng trải đã khiến cho y có nhiều ưu thế hơn lũ chúng tôi. Hơn nữa, cái sắc thái đăm chiêu hàng ngày, cái tỉnh tỉnh khe khát và lối ăn nói độc địa của y có ảnh hưởng rất

mạnh tới đầu óc non trẻ của chúng tôi. Có một cái gì bí ẩn bao phủ lên cuộc đời của y. Y có vẻ là một người Nga, nhưng lại mang một cái tên ngoại quốc. Ngày trước y phục vụ trong kỵ binh và được xem như là một con người tốt số. Không ai biết nguyên nhân gì đã khiến y xin giải ngũ và đến trú ngụ ở cái thị trấn khốn khổ này; ở đây y sống một cuộc đời vừa nghèo nàn vừa xa xỉ. Y luôn luôn đi bộ, mặc một chiếc áo dài đen đã cũ, nhưng lại sẵn lòng thết đãi rộng rãi tất cả các sĩ quan trong trung đoàn chúng tôi. Thật ra thì bữa ăn ở nhà y thường chỉ là hai hay ba món, do một anh lính về hưu nấu, nhưng rượu sâm-banh thì cứ tha hồ rót như nước sông. Không ai biết gì về tài sản và nguồn thu nhập của y, nhưng cũng chẳng ai dám hỏi y về những điều ấy. Y có nhiều sách, phần lớn là những sách nói về quân sự và tiểu thuyết nữa. Y vui lòng cho người ta mượn đọc và không bao giờ đòi về, nhưng những sách y mượn của người ta thì y cũng chẳng bao giờ trả lại. Công việc chính của y là tập bắn súng lục. Các bức tường trong phòng y chỉ chít những lỗ đạn bắn trông như tổ ong. Xa xỉ phẩm duy nhất trong gian nhà nghèo nàn của y là bộ sưu tập rất phong phú những khẩu súng lục. Nghệ thuật bắn súng của y đạt tới mức kỳ diệu, đến nỗi nếu y tỏ ý muốn bắn một quả lê đặt trên mũ cát-két của một kẻ nào đó, thì bất cứ ai trong chúng tôi cũng sẵn sàng đưa đầu ra cho y, không một chút e ngại. Chuyện trò của chúng tôi thường đã động đến những trận quyết

đấu. Xinviô (đó là tên của y) không bao giờ xen vào những chuyện ấy. Nếu hỏi y đã có lần nào quyết đấu với ai chưa, thì y trả lời gọn lỏn là có, nhưng không bao giờ đi vào chi tiết, những chuyện ấy hình như làm cho y khó chịu. Chúng tôi đoán rằng trong lương tâm y chắc đã in hình ảnh một nạn nhân bất hạnh nào đó của tài nghệ bắn súng kinh khủng ấy. Và lại không một ai có thể nghi ngờ chút nào rằng y là một người nhát gan. Có những kẻ chỉ nhìn bề ngoài thôi cũng đủ khiến cho người ta không thể nào nghi ngờ như thế được. Một biến cố bất ngờ xảy ra đã khiến cho tất cả chúng tôi đều phải kinh ngạc.

Một hôm, khoảng chừng mười người trong số sĩ quan chúng tôi ăn trưa ở nhà Xinviô. Chúng tôi uống rượu như thường lệ, nghĩa là uống rất nhiều. Sau bữa ăn, chúng tôi yêu cầu chủ nhân cầm cái một canh bài. Y từ chối rất lâu, vì hầu như y không hề đánh bài bao giờ cả. Nhưng cuối cùng, y cũng bảo đem bài ra, ném lên bàn năm mươi rúp và ngồi xuống chia bài. Chúng tôi xúm lại quanh y và canh bạc bắt đầu. Trong lúc đánh bài, Xinviô có một thói quen là hoàn toàn im lặng, không bao giờ cãi cọ, phàn nàn gì hết. Có một nhà con nào tính nhảm, nếu thiếu thì y sẽ chung thêm vào ngay cho đủ, nếu thừa thì y ghi ngay vào đó. Chúng tôi vốn đã quen với điều ấy, nên cứ để mặc y, chẳng ai cản trở gì. Nhưng trong chúng tôi có một sĩ quan mới chuyển đến đơn vị. Hắn cũng đánh bài và vô ý gấp thừa một góc⁴, Xinviô theo thường lệ, cầm

viên phấn ghi số tiền lại cho cân. Viên sĩ quan tưởng rằng y nhầm, bèn lên tiếng phân trần. Xinviô vẫn im lặng cầm cái. Viên sĩ quan không nén nổi bức tức, bèn lấy bàn chải xoa những chữ ghi mà hằn cho là không đúng. Xinviô thân nhiên lấy phấn ghi lại lần nữa. Viên sĩ quan hăng tiết lên vì hơi rượu, vì canh bạc, vì tiếng cười của các bạn, cho rằng như thế là mình bị xúc phạm cay chua, phát khùng lên, vợ lấy cái chân đèn bằng đồng trên bàn, ném vụt vào mặt Xinviô, may mà y nghiêng đầu tránh kịp. Chúng tôi lo quá, Xinviô đứng dậy, tái mặt đi vì tức giận, mắt nảy lửa, y bảo: “Thưa ngài, mời ngài đi ra, và ngài hãy tạ ơn Chúa rằng việc này đã xảy ra ở đây, trong nhà tôi”.

Chúng tôi không còn nghi ngờ gì về hậu quả của việc này và đã xem người bạn mới của chúng tôi như một người chết rồi. Viên sĩ quan đi ra và nói rằng vì sự xúc phạm ấy y sẵn sàng đáp ứng lại ý muốn của chủ nhân cầm cái. Canh bài còn tiếp tục thêm mấy phút. Nhưng cảm thấy chủ nhân không còn tâm trí để đánh bài nữa, chúng tôi bèn lần lượt rút lui về nhà mình, vừa đi vừa bàn luận về chỗ của viên sĩ quan kia sắp bị khuyết.

Hôm sau trong buổi tập ngựa, chúng tôi đang hỏi nhau xem viên trung úy ấy còn sống không thì thấy hần dẫn xác đến. Chúng tôi bèn hỏi. Hần trả lời rằng không nhận được tin tức gì của Xinviô cả. Chúng tôi rất ngạc nhiên, bèn kéo đến nhà Xinviô, thì thấy y

đang đứng trong sân, từng phát một, bắn rất tin vào con bài át dán ở cổng. Y tiếp chúng tôi như thường lệ, và không có lấy một lời nào đả động đến việc xảy ra hôm qua. Ba ngày sau, viên trung uý vẫn cứ sống. Chúng tôi ngạc nhiên đánh dấu hỏi: chả nhẽ Xinviô lại không quyết đấu ư? Xinviô đã không quyết đấu thật. Y bằng lòng nhận một lời xin lỗi rất qua loa và giải hoà.

Việc này đã làm tổn thương rất lớn đến uy tín của y trước bọn trẻ chúng tôi. Đối với thanh niên thì điều khó bề tha thứ nhất là sự thiếu can đảm, chúng tôi cho rằng lòng can đảm là phẩm chất tối cao của con người và nó có thể xoá nhoà được tất cả mọi điều xấu xa. Nhưng dần dần rồi người ta cũng quên hết và Xinviô lại được nể vì như cũ.

Riêng chỉ có tôi không thể gần gũi y được nữa. Tôi bẩm sinh có một trí tưởng tượng lãng mạn; trước đó tôi là kẻ gắn bó hơn ai hết đối với cái con người mà cuộc đời có một cái gì bí ẩn, một người mà tôi có cảm tưởng là nhân vật chính của một thiên tiểu thuyết huyền bí nào đó. Y cũng mến tôi; ít nhất là đối với tôi, y cũng bỏ lời nói độc địa thường ngày và chuyện trò hồn nhiên đủ thứ, nghe hết sức thú vị. Nhưng từ sau cái buổi tôi tai hại ấy, ý nghĩ rằng danh dự của y đã bị một vết nhơ, mà y lại đành lòng bỏ qua, không chịu rửa sạch, ý nghĩ ấy cứ ám ảnh tôi, khiến tôi không thể đối xử với y như trước được. Tôi thấy xấu hổ khi

nhìn y. Xinviô cũng thừa trí thông minh và kinh nghiệm để nhận thấy điều đó và đoán biết nguyên nhân. Hình như điều ấy cũng khiến cho y khổ tâm. Ít nhất thì đã hai lần, tôi thấy y có ý định muốn phân trần với tôi. Nhưng tôi tránh những trường hợp ấy; rồi Xinviô cũng tránh mặt tôi. Từ đó tôi chỉ còn gặp y những khi cùng có mặt các bạn khác, và những chuyện trò cởi mở thành thực trước kia chấm dứt hẳn.

Những kẻ sống bận rộn ở thủ đô không thể hiểu được những xúc cảm rất quen thuộc của dân ở nông thôn hay ở tỉnh lẻ như nỗi chờ mong ngày phát thư chẳng hạn. Ngày thứ ba và ngày thứ sáu, văn phòng trung đoàn chúng tôi chật ních những sĩ quan: kẻ thì đợi nhận tiền bạc, kẻ thì thư, kẻ thì báo chí. Các bưu kiện thường được mở ngay tại chỗ, những tin tức nhận được đem ra kháo với nhau, và trong văn phòng bày ra một cảnh rất náo nhiệt. Xinviô nhận thư theo địa chỉ của trung đoàn tôi và theo lệ thường vẫn có mặt ở đó. Một hôm vừa nhận được một bức thư, y vội vã bóc niêm với một vẻ sốt ruột lạ lùng. Đọc lướt qua bức thư, mắt y sáng lên long lanh. Các sĩ quan đều bận lo thư từ của mình, chẳng ai để ý. “Thưa các ngài,- Xinviô nói,- hoàn cảnh bắt buộc tôi phải rời khỏi nơi này, không trì hoãn được, tôi đi ngay đêm nay; mong rằng các ngài không từ chối một bữa ăn cuối cùng ở nhà tôi. Tôi chờ đón anh,- y quay sang tôi nói tiếp,- thế nào cũng đến nhé!” Dứt lời, y vội vã đi ngay. Chúng tôi thoả thuận với nhau là sẽ đến tụ tập ở nhà Xinviô,

rồi tản mát.

Tôi đến nhà Xinviô đúng giờ hẹn và gặp hầu hết các sĩ quan trong trung đoàn của tôi ở đó. Tất cả các đồ đạc của y đã gói ghém lại; chỉ còn trơ những bức vách trần trụi lộ chỗ vết đạn. Chúng tôi ngồi vào bàn; chủ nhân vui vẻ lạ thường, chẳng mấy chốc niềm vui của y lây ra thành niềm vui chung. Nút chai nổ liên tiếp, cốc sủi bọt lách tách không ngừng và chúng tôi đem hết nhiệt tình chúc kẻ lên đường mạnh khoẻ, gặp mọi điều may mắn. Mãn tiệc thì đã nhá nhem tối. Mọi người cầm lấy mũ của mình, Xinviô từ giã khách, nắm lấy tay tôi và giữ lại, chính vào giữa lúc tôi sắp sửa ra về. “Tôi cần phải nói chuyện với anh”, - y khẽ bảo tôi. Tôi ở lại.

Khách đã về hết; chỉ còn lại hai người chúng tôi ngồi đối diện nhau, đốt tẩu thuốc, im lặng. Xinviô vẻ mặt tư lự, không còn dấu vết nào của cơn vui bỗng bột lúc nãy. Sắc mặt tái xanh, u sầu, cặp mắt sáng long lanh, từ miệng y toả lên làn khói thuốc dày đặc, trông y như quỷ hiện hình vậy. Mấy phút trôi qua và Xinviô phá vỡ sự yên lặng.

- Có thể không bao giờ chúng ta gặp nhau nữa, - y nói với tôi, - trước khi chia tay tôi muốn giải bày với anh một điều. Chắc anh cũng thấy rằng tôi vốn ít quan tâm đến những dư luận kẻ khác, nhưng tôi mến anh và cảm thấy rằng tôi sẽ khổ tâm nếu phải để lại trong anh một ấn tượng bất công.

Y ngừng nói, nhét một nhúm thuốc nữa vào tẩu.

Tôi im lặng, mắt nhìn xuống đất. Xinviô nói tiếp:

- Anh hẳn lấy làm lạ là tôi đã không bắt tên R. điên say rượu kia đền tội. Anh cũng biết rõ rằng tôi có quyền chọn vũ khí; tính mệnh của hắn đã nằm trong tay tôi, còn về phần tôi, hầu như là không có gì nguy hiểm: tôi có thể quy cho thái độ ôn hoà của tôi như sự thể tất của lượng khoan hồng, nhưng tôi không muốn nói dối. Giả tôi có thể trừng phạt R., mà hoàn toàn không có chút nào nguy hiểm đến tính mệnh mình, thì nhất định tôi đã không tha.

Tôi kinh ngạc nhìn Xinviô. Lời thú nhận ấy khiến tôi hết sức bối rối. Xinviô tiếp:

- Đúng như thế, tôi không có quyền mạo hiểm trước cái chết. Sáu năm trước đây tôi đã bị một cái tát, và kẻ thù của tôi vẫn đang sống.

Óc hiếu kỳ kích thích tôi mãnh liệt.

- Anh không quyết đấu với hắn à? - Tôi hỏi. - Chắc là hoàn cảnh đã khiến anh với hắn xa nhau phải không?

- Tôi đã quyết đấu với hắn, - Xinviô đáp, - và đây là kỷ niệm của cuộc quyết đấu ấy.

Xinviô rút từ trong hộp giấy ra một cái mũ vải đỏ có tua vàng và có đỉnh lon (thứ mũ mà người Pháp vẫn gọi là *bonnet de police**); y chụp lên đầu: cái mũ bị một vết đạn xuyên qua phía trên cách trán độ hơn

* Mũ cảnh binh (tiếng Pháp).

bốn xăng-ti-mét. Xinviô tiếp: - Anh cũng biết rằng trước kia tôi đã tòng ngũ trong một trung đoàn kỵ binh. Tính tôi anh cũng không lạ gì: tôi có thói cứ muốn hơn thiên hạ, lúc còn trẻ đối với tôi đó cũng là một ham mê không sao cưỡng nổi. Thời chúng tôi thì ngổ ngáo là một cái mốt: tôi là tay ngổ nhất trong đơn vị. Chúng tôi tự hào với những cơn say rượu: tôi uống rượu còn hơn cả Burtxốp⁵ lừng danh, kẻ mà Đênix Đavưđốp⁶ đã từng ca ngợi. Các trận quyết đấu luôn luôn xảy ra trong đơn vị: nếu không là đấu thủ thì tôi cũng là một người làm chứng, không bao giờ thiếu mặt. Các bạn hữu đều sùng bái tôi và các viên chỉ huy của tôi (họ luôn luôn bị đổi đi nơi khác) xem tôi như là một tai ách không thể tránh khỏi.

Tôi đang thoả mái (hoặc quay cuồng) tận hưởng vinh quang của mình, thì cấp trên chuyển đến đơn vị chúng tôi một người (tôi không muốn nói tên) trẻ tuổi, giàu có và thuộc một dòng dõi danh gia thế phiệt. Thật trong đời tôi chưa gặp một kẻ nào tốt số và hào hoa đến thế! Anh hãy tưởng tượng xem: trẻ tuổi, thông minh, đẹp trai, vui tính đến điên cuồng, dũng cảm một cách vô tư, con nhà tiếng tăm lừng lẫy, tiền bạc thì hẵn không bao giờ đếm mà cũng không bao giờ cạn. Anh thử nghĩ xem ấn tượng của hắn gây ra trong chúng tôi mạnh mẽ đến nhường nào. Ưu thế của tôi bị lung lay. Cảm phục tiếng tăm của tôi, hắn tìm đến kết giao; nhưng tôi tiếp hắn một cách lạnh nhạt và hắn cũng lánh xa tôi không mấy may tiếc rẻ. Tôi đâm

ra thù ghét hần. Lòng ái mộ trung đoàn và của giới phụ nữ đối với hần đã khiến cho tôi hết sức cay cú. Tôi bèn tìm cách gây sự. Những câu châm chọc của tôi được hần đáp lại bằng những lời lẽ mà bao giờ tôi cũng thấy là bất ngờ, sắc cạnh và nhất định là dí dỏm hơn của tôi. Hần thì giễu cợt, còn tôi thì cáu kỉnh. Thế rồi một hôm trong buổi khiêu vũ ở nhà một người điền chủ Ba Lan, thấy hần được tất cả giới phụ nữ chú ý, nhất là nữ chủ nhân, vốn là nhân tình của tôi, tôi liền bảo nhỏ vào tai hần một câu sống sượng và lỗ mãng. Hần phát khùng lên, nện cho tôi một cái tát. Chúng tôi vô lấy gương. Các cô, các bà sợ hãi ngất đi. Người ta can chúng tôi ra và ngay đêm ấy chúng tôi hẹn quyết đấu.

Trời vừa hừng sáng. Tôi đã đứng ở chỗ hẹn với ba người làm chứng. Tôi hết sức sốt ruột chờ địch thủ đến. Mặt trời lên, nắng xuân toả ấm. Tôi nhìn thấy hần từ đằng xa. Hần đi bộ, mặc quân phục, có đeo gươm, kèm theo một người làm chứng. Chúng tôi tiến đến gặp hần. Hần tới gần, tay cầm một chiếc mũ lưỡi trai đựng đầy những quả anh đào. Những người làm chứng đo hai mươi bước làm cự ly giữa chúng tôi. Lẽ ra tôi bắn trước, nhưng lần sóng cảm giận trong tôi mãnh liệt đến nỗi tôi không còn tin ở mức chính xác của bàn tay mình nữa và để có thì giờ trấn tĩnh, tôi nhường hần bắn trước; đối thủ của tôi không chịu. Chúng tôi bèn bắt thăm, hần rút được số thứ nhất:

xưa nay hần vẫn là đứa tốt số. Hần đưa súng lên và bắn trạch. Viên đạn xuyên qua mũ của tôi. Đến lượt tôi bắn. Thế là sinh mệnh của hần nằm gọn trong tay tôi. Tôi hau háu nhìn hần, cố tìm cho ra bóng dáng của một nỗi lo âu... Hần đứng trước mũi súng, chọn trong mũ những quả anh đào chín, ăn và phun hạt ra, hạt bắn tới tận tôi. Sự bình thản của hần khiến tôi tức đến phát điên lên. Tôi trầm nghĩ: tước sinh mệnh của hần có lợi gì cho tôi, một khi mà chính hần cũng chẳng tha thiết gì với cái sinh mệnh ấy? Một ý nghĩ độc ác thoáng hiện ra trong óc; tôi hạ súng xuống bảo hần: “Tôi thấy ngài như đang nghĩ về cái chết, mời ngài cứ về ăn sáng. Tôi không muốn làm phiền ngài”. - “Không, ngài có làm phiền tôi tí nào đâu, - hần đáp, - mời ngài cứ bắn, vả lại ngài muốn thế nào cũng được, phát súng của ngài tùy ngài sử dụng. Và tôi luôn luôn sẵn sàng chiều ý ngài”. Tôi quay lại những người làm chứng, phân trần rằng giờ đây tôi chưa muốn bắn, và cuộc quyết đấu kết thúc.

Tôi xin giải ngũ và lánh về chốn này. Từ đó đến nay, không ngày nào tôi không nghĩ đến việc báo oán. Giờ phút phục thù hôm nay đã đến...

Xinviô rút trong túi bức thư vừa nhận được sáng nay và đưa cho tôi xem. Một kẻ nào đó (bình như là một người đại diện của y), ở Mátxcova viết thư về cho y biết rằng có *một nhân vật cụ thể* sắp thành hôn với một thiếu nữ trẻ và xinh đẹp.

- Anh cũng đoán được, - Xinviô nói, - nhân vật cụ thể đó là ai rồi? Tôi đi Mátxcơva đây. Thử xem trước ngày cưới, hắn có đón cái chết một cách dũng dũng, như hắn đã đón thuở ấy với những quả anh đào nữa không!

Dứt lời, Xinviô đứng dậy, ném phịch cái mũ xuống sàn, rồi đi đi lại lại trong phòng giống như một con hổ trong chuồng. Tôi ngồi yên nghe Xinviô, lòng hồi hộp vì những cảm giác kỳ dị và trái ngược.

Người hầu vào báo là ngựa đã sẵn sàng. Xinviô siết chặt tay tôi. Chúng tôi ôm hôn nhau. Ý ngồi lên xe. Trên xe đã chất đầy hai chiếc va-li, một chiếc đựng những khẩu súng lục và một chiếc đựng đồ đạc của y. Chúng tôi từ biệt nhau một lần nữa và chiếc xe ngựa phóng đi.

II

Mấy năm trôi qua, và công việc nhà bắt buộc tôi phải dọn về ở tại một trại ấp khốn khổ thuộc huyện N. Trong khi chăm lo công việc gia đình, tôi vẫn không khỏi âm thầm luyện tiếc quăng đời ồn ào vô tư trước kia. Tôi khổ nhất là phải lủi thủi một mình một bóng vào những buổi tối mùa thu và mùa đông buồn tẻ. Trước bữa ăn trưa, tôi còn có thể giết thì giờ bằng cách này hay cách khác: nói chuyện với viên thôn trưởng, đi xem người làm, đáo qua những bộ phận

mới xây dựng; nhưng khi bóng tối trùm xuống thì tôi thật không còn biết làm gì nữa. Sổ sách ít ỏi tìm được dưới tủ và trong kho thì tôi đã thuộc lòng như cháo. Tất cả những chuyện mà mục quản gia Kirilópna có thể nhớ được thì mục đã kể đi kể lại cho tôi nghe mãi. Những bài ca của các cô thôn nữ chỉ làm cho tôi thêm buồn. Tôi định uống rượu, nhưng uống rượu thì nhức đầu. Và cũng xin thú thực rằng tôi cũng sợ phải biến thành *một tay uống rượu giải sầu* hay *một con ma men* như người ta vẫn thường thấy khá nhiều ở trong huyện tôi. Tôi cũng chẳng có bạn láng giềng nào gần gũi, trừ hai hoặc ba *con ma men* mà câu chuyện chung quy phần lớn chỉ là tiếng nắc và tiếng thở dài. Thà cô đơn còn hơn.

Cách nhà tôi bốn véc-xta là trại ấp giàu có của nữ bá tước B., nhưng chỉ một mình viên quản lý ở đó, còn nữ bá tước thì chỉ về thăm trang trại một lần vào năm bà mới lấy chồng và ở lại đó chừng một tháng. Nhưng sang mùa xuân thứ hai trong cuộc đời ẩn dật của tôi thì nghe nói rằng đến mùa hè, nữ bá tước và ông chồng sẽ về trại ấp. Quả nhiên sang đầu tháng Sáu thì họ về.

Việc một kẻ láng giềng giàu có về làng đối với dân ở thôn quê là cả một biến cố quan trọng. Các nhà địa chủ và gia thuộc của họ bàn luận về việc ấy từ hai tháng trước và cho đến ba năm sau vẫn còn nhắc lại. Về phần tôi, thú thật rằng cái tin có một người phụ

nữ láng giềng trẻ đẹp về quê đối với tôi có một tác động rất mạnh. Tôi nóng lòng sốt ruột muốn được gặp mặt, và vì thế ngay chủ nhật đầu tiên, sau khi họ về, xong bữa ăn trưa là tôi đi ngay đến trại áp để xin báo với các vị ấy rằng tôi là một kẻ láng giềng gần gũi và một kẻ nô bộc trung thành xin ra mắt.

Người hầu đưa tôi vào phòng khách của bá tước và đi báo tin. Gian phòng rộng rãi, trang hoàng cực kỳ sang trọng. Dọc tường dựng những tủ đựng đầy sách; trên mỗi tủ có đặt một pho tượng bán thân bằng đồng; phía trên cái lò sưởi bằng cẩm thạch treo một tấm gương soi lớn, sàn phủ nệm xanh, trên nệm có trải thảm. Ở trong cái xó xinh nghèo nản này, đã lâu tôi không nhìn thấy những cảnh giàu có và không còn quen với những cái sang trọng, cho nên tôi bỗng dâm ra rụt rè và đợi bá tước với vẻ nhút nhát sợ sệt, giống như một người ở tỉnh lẻ có việc cầu xin phải lên kinh đô đang chờ đợi một vị thượng thư. Cửa mở, và một người đàn ông trạc ba mươi hai tuổi, dung mạo khôi ngô bước vào. Bá tước tiến lại gần tôi, vẻ niềm nở và thân mật. Tôi cố gắng trấn tĩnh và đã toan tự giới thiệu, thì bá tước đã đỡ lời. Chúng tôi cùng ngồi. Lối chuyện trò thoải mái và khá ái của bá tước chẳng mấy chốc đã đánh tan được sự rụt rè vụng dại của tôi. Tôi vừa trở lại bình tĩnh tự nhiên, thì bỗng bá tước phụ nhân bước vào và tôi lại dâm ra bối rối hơn trước bội phần. Quả thật phụ nhân là một trang tuyệt sắc. Bá

tước giới thiệu tôi với vợ; tôi muốn làm ra vẻ tự nhiên, nhưng càng cố giữ cho mình tự nhiên bao nhiêu, tôi càng cảm thấy mình vụng về bấy nhiêu. Muốn để tôi đủ thì giờ trấn tĩnh và quen dần với buổi gặp gỡ ban đầu mới mẻ, họ bèn quay lại nói chuyện với nhau, xử sự cùng tôi như với một bạn láng giềng tốt, không khách sáo câu nệ. Trong khi đó, tôi bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, ngắm nghía các quyển sách và các bức tranh. Về hội hoạ, tôi không phải là tay sành sỏi, nhưng có một bức tranh đã khiến tôi chú ý. Bức tranh vẽ một phong cảnh nào đó ở Thụy Sĩ. Nhưng cái khiến tôi chú ý không phải là những nét vẽ mà lại là một điều khác: bức tranh đã bị hai viên đạn bắn chổng lên nhau.

- Thật là một phát súng tài tình! - Tôi nói to và quay lại phía bá tước.

- Vâng, - bá tước đáp, - thật là một phát súng tuyệt diệu! - Và nói tiếp: - Ông bạn bắn giỏi chứ?

- Cũng không đến nỗi kém! - Tôi đáp, và sung sướng vì thấy câu chuyện rốt cục đã động chạm đến một vấn đề tôi rất quen thuộc. - Cách ba mươi bước, tôi không bắn trượt một con bài, tất nhiên là với một khẩu súng quen tay!

- Thật không? - Nữ bá tước hỏi vẻ mặt rất chăm chú. - Còn anh, anh bạn của em, cách ba mươi bước anh có bắn trúng được một con bài không?

- Hôm nào chúng ta thử xem; - bá tước trả lời, -

trước kia tôi bắn cũng khá, nhưng đã bốn năm rồi, tay tôi không cầm đến súng.

- Ô,- tôi nhân mạnh, - nếu vậy thì tôi cam đoan rằng cách hai mươi bước ngài cũng sẽ chẳng bắn trúng được một con bài: với súng lục phải tập luyện hàng ngày kia đấy. Về điều này, tôi đã có kinh nghiệm. Trong trung đoàn chúng tôi thì tôi được xếp vào hàng những tay bắn cừ nhất. Nhưng có lần trọn một tháng tôi không cầm đến súng, vì súng tôi đem đi chữa, đến hôm tôi tập lại, ngài đoán thử xem sự thẽ như thế nào? Lần đầu tôi bắn trạch bốn phát liền một cái chai để cách có hai mươi lăm bước. Trong đơn vị chúng tôi có một đại úy kỵ binh hóm hỉnh, hay bông đùa. Hôm ấy y tình cờ có mặt ở đấy và bảo tôi: “Này ông bạn, tôi thấy hình như tay bạn không nể cái chai lắm thì phải!” Không nên, thưa ngài, thật không nên lơ là việc tập luyện, nếu không, thế nào cũng ngượng tay. Tôi đã được gặp một tay thiện xạ cừ khôi; y tập bắn hàng ngày, ít nhất là ba phát trước mỗi bữa ăn. Đối với y thì bắn súng cũng thành lệ như uống hớp rượu lót dạ vậy.

Bá tước và phu nhân rất hài lòng vì tôi đã bắt chuyện.

- Nhưng y bắn như thế nào? - Bá tước hỏi tôi.

- Thưa ngài như thế này, y thấy một con ruồi đậu trên bức tường, phu nhân cười ư? Thật đấy mà, y thấy một con ruồi đậu trên bức tường, y liền gọi: “Cudơma, súng!” Cudơma mang lại cho y một khẩu súng đã nạp

đạn. Y đoán một phát và con ruồi bị cắm sâu vào tường!

- Thật là kỳ diệu!- Bá tước nói.- Thế tên y là gì?

- Thưa ngài, Xinviô!

- Xinviô à! - Bá tước kêu lên, giật bản người, vụt đứng dậy, - ông biết Xinviô?

- Sao lại không biết, chúng tôi là chỗ quen thân, y được trung đoàn chúng tôi xem như người anh, người bạn. Nhưng đã năm năm rồi, tôi không được tin tức gì của y cả. Nhưng sao ngài lại biết y?

- Tôi biết chứ, biết rất rõ. Y có kể cho ông nghe... nhưng thôi...tôi chắc là không. Y có kể cho ông nghe một sự việc rất ly kỳ không?

- Có phải chuyện cái tát không; thưa ngài có phải chuyện y bị một người nào đó tát trong buổi khiêu vũ không?

- Thế y có kể cho ông biết tên người ấy không?

- Thưa ngài, không ạ, y không nói. A, thưa ngài, - tôi đoán ra sự thật, liền nói tiếp,- xin lỗi ngài...tôi không biết có phải chính ngài là...

Bá tước đáp với vẻ xúc động lạ thường:

- Chính tôi đấy! Và bức tranh bị đạn kia là kỷ niệm lần gặp gỡ cuối cùng giữa chúng tôi...

- Trời, anh yêu quý ơi,- phu nhân nói,- em van anh, đừng kể,em khiếp lắm.

Bá tước bảo:

- Không, tôi sẽ kể hết, ông khách đây đã biết tôi xúc phạm đến bạn ông ấy thế nào, vậy ông ấy cần biết là Xinvô đã trả thù lại tôi như thế nào chứ.

Bá tước mời tôi ngồi xuống một chiếc ghế bành và tôi nghe câu chuyện sau đây, óc hiếu kỳ bị kích động mãnh liệt.

- Năm năm trước đây tôi cưới vợ. Tháng đầu tiên, tháng trăng mật, tôi sống ở đây, trong trại ấp này. Chính nhà này là nơi tôi đã được sống những giây phút tươi đẹp nhất của đời mình, và cũng là nơi ghi lại một trong những kỷ niệm nặng nề nhất.

Một buổi chiều nọ, chúng tôi cưỡi ngựa cùng đi chơi. Nhưng con ngựa của nhà tôi không hiểu vì sao đâm ra trái chúng trở nết. Nhà tôi sợ bèn giao ngựa cho tôi dắt và đi bộ về. Tôi về trước. Đến sân tôi thấy một cỗ xe của khách lữ hành; gia nhân cho tôi biết trong phòng khách có một người đang đợi. Người ấy không muốn nói tên, chỉ bảo là đợi tôi có việc. Tôi vào phòng khách và thấy trong bóng tối, có một người mình đầy bụi bặm, râu ria xồm xoàm, đang đứng cạnh lò sưởi. Tôi tiến lại gần, cố gắng nhớ lại nét mặt của y. “Ngài không nhớ ra tôi ư, ngài bá tước?” - Y nói, giọng run lên. “Xinvô!” - Tôi kêu lên, và thú thực tôi cảm thấy tóc trên đầu bỗng dựng ngược cả lên. “Vâng, đúng thế, - y tiếp, - còn một phát súng phần tôi; hôm nay tôi đến cho súng nhả đạn. Ngài sẵn sàng chứ?” Y rút trong túi bên ra một khẩu súng. Tôi đếm mười hai bước và đến đứng ở chỗ kia, trong góc ấy, yêu cầu y bắn nhanh

lên, trước khi vợ tôi về đến nhà. Y chân chữ, y đòi thấp đèn. Người ta đốt nến lên. Tôi khoá cửa, ra lệnh không ai được vào, và một lần nữa yêu cầu y nổ súng. Y rút khẩu súng ra và đưa lên nhắm... Tôi đếm từng giây... tôi nghĩ đến nàng... Một phút khủng khiếp trôi qua! Xinviô hạ tay xuống. “Ta tiếc rằng, - y nói, - khẩu súng của ta không phải nạp bằng hạt anh đào... mà chì thì nặng. Ta thấy hình như đây không phải là một trận quyết đấu mà là một vụ ám sát: ta không quen bắn một người không có vũ khí. Chúng ta hãy bắt đầu lại một lần nữa, rút thăm xem ai bắn trước”. Đầu óc tôi quay cuồng lên... Hình như tôi không chịu thì phải... Cuối cùng chúng tôi nạp đạn thêm một khẩu súng nữa; chúng tôi cuộn hai mảnh giấy, y bỏ vào trong mũ lưỡi trai, cái mũ đã bị tôi bắn thủng trước kia, và lần nữa tôi lại bắt trúng số một. “Chà, bá tước thật là may mắn đến quá ư gở!” - Xinviô nói với một nụ cười chế giễu, nụ cười không bao giờ tôi quên được. Tôi không hiểu lúc ấy tôi như thế nào, làm sao y lại có thể cưỡng ép tôi làm như vậy. Nhưng tôi đã bắn, và bắn trạch vào bức tranh này (bá tước đưa tay chỉ bức tranh bị đạn, mặt đỏ bừng như lửa, phu nhân thì mặt nhợt nhạt, trắng hơn chiếc khăn mùi-soa đang cầm nơi tay và tôi thì không thể kìm nổi một tiếng kêu vụt thốt lên.) - Tôi đã bắn, - bá tước nói tiếp, - và lay Chúa, tôi đã bắn trượt; lúc ấy Xinviô (giờ phút này trông y thật khủng khiếp), Xinviô bắt đầu nhắm vào tôi. Bỗng cửa mở toang, Masa chạy vào thét lên, xông

đến ôm chầm lấy cổ tôi. Sự có mặt của nàng khiến dũng khí hoàn toàn trở lại với tôi. “Em yêu quý, - tôi bảo nàng, - em không thấy rằng chúng tôi đang đùa với nhau ư? Sao em lại khiếp sợ! Thôi em hãy đi uống cốc nước, rồi trở lại đây với chúng tôi; anh sẽ giới thiệu với em người bạn cũ, một anh bạn chí thân”. Masa vẫn chưa tin, nàng quay sang phía Xinvô hỏi: “Ngài hãy nói đi, có phải đúng như nhà tôi bảo không, có phải thật các người đùa với nhau không?” - “Thưa phu nhân, bá tước thì khi nào cũng đùa, - Xinvô nói với nàng, - một lần đùa, ngài đã cho tôi một cái tát, lần đùa khác ngài đã bắn tôi một phát vào mũ này, và vừa rồi đùa, ngài đã bắn hụt tôi, bây giờ đến lượt tôi đùa lại...” Dứt lời, y toan chìa súng nhắm vào tôi... ngay trước mặt nàng! Masa quỳ sụp xuống ôm lấy chân y. “Đứng lên Masa, như thế là nhục, - tôi điên tiết hét lên, - và ngươi, ngươi đừng chế nhạo người đàn bà khôn khổ ấy nữa. Bắn đi, có bắn hay không?” - “Không, - Xinvô trả lời, - ta đã hài lòng, ta đã thấy vẻ bối rối và sợ hãi của ngươi; đã cưỡng ép được nhà ngươi bắn ta, với ta thế là đủ... Ngươi sẽ nhớ ta... Và ta để mặc ngươi cho lương tâm ngươi phán xét”. Rồi y đi ra, nhưng đến cửa, y dừng chân, ngoảnh lại nhìn bức tranh bị tôi bắn, nổ một phát vào đó, hầu như không cần nhắm, rồi đi khuất. Vợ tôi ngã lăn ra bất tỉnh; mọi người không ai dám giữ y lại, chỉ kinh hoàng đứng nhìn theo; y ra thêm gọi xà ích và đi mất trước khi tôi có thì giờ trấn tĩnh lại”.

Bá tước im lặng. Thế là tôi đã biết được cái kết thúc của câu chuyện mà đoạn mở đầu trước kia đã khiến tôi kinh ngạc. Tôi không còn bao giờ gặp lại nhân vật ấy nữa. Người ta đồn rằng trong một cuộc dấy loạn của Alếchxanđrơ Ipxilanti, y đã chỉ huy một đơn vị Etêrixto⁷ và tử trận ở Xculani⁸.

BẢO TUYẾT

Ngựa phi qua gò đồng,
Giẫm lên tuyết lún sâu...
Đây miếu thờ thượng đế
Dừng bên đường, cô liêu.

Bông bảo tuyết bao vây;
Trút ào từng mớ tuyết;
Bóng đen và tiếng rít,
Trên cô trượt bám xoay;
Tiếng tiên tri rên rì
Nói lên nỗi u sầu!
Ngựa dựng bồm dòn bước,
Nhìn xa trong đêm thâu...

Giukópxi⁹

Vào khoảng cuối năm 1811, một thời đại rất đáng ghi nhớ của chúng ta, có một người trung hậu tên là Gavril Gavrilôvich R, sống trong trại ấp riêng của mình ở Nhênaradôvô. Ông nổi tiếng khắp vùng vì lòng hiếu khách và tính niềm nở. Khách trong miền thường lui tới nhà ông, ăn uống, đánh bài bô-stôn mỗi ván

năm cô-péch với bà vợ của ông, bà Praxcôvia Pêtrôpna; nhưng cũng có một số người đến là để được nhìn cô con gái nhà ấy, cô Maria Gavrilôpna, một thiếu nữ mười bảy tuổi, dáng người thanh tú, nước da hơi xanh. Nàng được xem như là một đám giàu có, và nhiều người đã nhắm nàng hoặc cho mình hoặc cho con trai của mình.

Maria Gavrilôpna được giáo dục bằng những cuốn tiểu thuyết Pháp, và do đó mà rất dễ đắm đuối yêu đương. Đôi tượng lọt mắt xanh của nàng là một chuẩn uý nghèo, hồi ấy về nghỉ phép trong làng. Lễ dĩ nhiên là chàng trai này cũng chia sẻ môi tình tha thiết ấy, nhưng cha mẹ nàng biết tình ý đôi lứa đã cấm con gái mình không được nghĩ đến chàng trai ấy nữa và ông bà đón tiếp chàng còn lạnh nhạt hơn là đối với một viên hội thẩm về hưu.

Cặp uyên ương của chúng ta vẫn thư từ đi lại và hàng ngày vẫn vai kề vai trong rừng thông hay bên cạnh ngôi nhà thờ cổ. Họ thề yêu nhau trọn đời, thở than cho số phận và bàn định với nhau rất nhiều phương kế. Trong khi thư từ và chuyện trò như thế họ đã đi đến lý luận sau đây (âu cũng là lẽ tự nhiên thôi): một khi chúng ta đã không thể sống xa nhau, nếu như ý muốn tàn nhẫn của cha mẹ cản trở hạnh phúc của chúng ta, thì phải chăng là nên vượt qua quyền cha mẹ? Chắc hẳn là ý nghĩ hay ho ấy đã xuất hiện trong trí óc chàng trai trẻ trước, và cũng quyền

rũ được trí tưởng tượng đầy chất tiểu thuyết của nàng.

Mùa đông đến đã chấm dứt những cuộc hẹn hò của họ. Nhưng thư từ đi lại càng chặt hơn. Trong mỗi bức thư Vladimia Nhicôlaiêvich đều van lơn nàng hãy gần bố với chàng, bí mật kết hôn với nhau, tạm lánh đi ít lâu, rồi sẽ quay về quỳ dưới chân cha mẹ, rồi cục rồi cha mẹ nàng sẽ cảm động trước lòng chung thủy dũng cảm của họ, trước tình yêu đau khổ của họ và nhất định là hai cụ sẽ bảo họ: “Thôi, các con hãy lại đây, ngã vào lòng cha mẹ!”

Maria Gavrilópna ngần ngại mãi; nhiều kế hoạch đi trốn đã bị gạt bỏ. Cuối cùng nàng ưng thuận: đến ngày đã hẹn, nàng sẽ không ăn bữa tối, thác cố đau đầu lui về phòng riêng. Chị hầu phòng cũng đồng mưu; họ sẽ đi ra vườn qua cửa sau, gần vườn đã có một cộ trượt tuyết chờ sẵn, họ lên cộ đi cách Nhênarađôv năm véc-xta đến Giadrinô, đi thẳng tới nhà thờ, Vladimia Nhicôlaiêvich sẽ chờ sẵn ở đấy.

Suốt đêm trước cái ngày quyết định ấy, Maria Gavrilópna không chợp mắt. Nàng sửa soạn, gói ghém áo quần, viết một bức thư dài cho một tiểu thư đa cảm, bạn nàng, và một bức thư để lại cho cha mẹ. Lời lẽ rất cảm động, nàng từ biệt và xin tha thứ cho tội lỗi của mình đã không đủ sức cưỡng lại mãnh lực của tình yêu say đắm. Bức thư kết thúc rằng giờ phút sung sướng nhất trong đời nàng là lúc được lượng khoan hồng trở về quỳ dưới chân của hai thân vô cùng

kính mến. Nàng đóng dấu vào hai bức thư, một con dấu của thành Tula¹⁰ khắc hình hai quả tim rực lửa với một dòng chữ thích hợp bên dưới. Nàng lẫn ra giường trước khi trời hửng sáng và ngủ thiếp đi. Nhưng những cơn ác mộng cứ chốc chốc lại khiến nàng giật mình thức giấc. Khi thì hình như vừa đúng lúc nàng bước lên xe trượt tuyết đi làm lễ cưới, cha nàng đã đến bắt lại, lôi nàng sênh sêch giữa tuyết, toàn thân đau ê ẩm, rồi ném nàng xuống một cái hầm sâu tối mò vô tận... và nàng bay vụt xuống rất nhanh, tìm lịm đi một cách kỳ dị; khi thì nàng thấy Vladimira nằm sóng sượt trên bãi cỏ, tái nhợt, mình đầy máu me. Chàng đang hấp hối, và cất giọng náo nuột xé lòng van lơn nàng hãy mau mau làm phép cưới với mình... Những hình ảnh kỳ quái vô nghĩa cứ liên tiếp hiện lên trước mắt nàng. Cuối cùng nàng thức dậy, xanh xao hơn thường ngày và hoá ra đau đầu thực sự. Cha mẹ nàng nhận thấy con mình có điều gì lo lắng bất an. Ông bà ân cần săn sóc, và không ngớt hỏi nàng: “Maria yêu dấu, con làm sao thế? Con ốm đấy ư, Maria yêu dấu!” Những câu hỏi cứ như xé tim nàng. Nàng cố gắng làm cho cha mẹ an tâm, nàng gương vui, nhưng không thể được. Chiều đến. Ý nghĩ rằng đây là ngày cuối cùng sống giữa gia đình khiến cho lòng nàng thất lại. Nàng như người sắp chết. Nàng thầm chào mọi người, từ biệt mọi vật xung quanh.

Bữa ăn chiều dọn ra; tim nàng đập mạnh. Giọng run run nàng cáo rằng mình không muốn ăn, xin chào

cha mẹ. Hai người ôm hôn con và theo thường lệ làm dấu cầu phúc cho con: suýt nữa thì nàng òa lên khóc. Về phòng riêng, nàng gieo mình trên ghế bành, nước mắt giàn giụa. Chị hầu phòng hết sức an ủi nàng, khuyên nàng hãy bình tĩnh và can đảm. Tất cả đã sẵn sàng. Chỉ nửa giờ nữa thôi, Maria phải vĩnh viễn từ biệt ngôi nhà của cha mẹ, gian phòng riêng và cuộc sống êm đềm của một người thiếu nữ... Ngoài trời đang có bão tuyết; gió rít lên từng hồi, các cánh cửa sổ rung lên, đập bần bật; tất cả đối với nàng hình như là một điều đe dọa buồn thảm. Chẳng mấy chốc trong nhà hoàn toàn im lặng, mọi người đã ngủ yên. Maria trùm khăn san mặc áo khoác ấm, tay xách chiếc hòm con và bước ra cửa sau. Chị hầu phòng mang theo hai gói áo quần đồ đạc. Cả hai đi ra vườn. Bão tuyết vẫn không dịu bớt; gió thổi vào mặt như cố giữ chân người con gái tội lỗi. Khó khăn lắm họ mới tới được phía cuối vườn. Trên đường một chiếc cộ trượt tuyết đã chờ họ sẵn. Lũ ngựa rét cóng không chịu đứng nguyên một chỗ; anh xà ích của Vladimira đi đi lại lại trước cang xe cố tìm những con ngựa đang hăng. Anh ta giúp tiểu thư và cô hầu lên ngồi trên xe, xếp đặt chiếc hòm nhỏ và hai gói đồ, rồi giật cương cho ngựa phóng nhanh đi. Giao phó cô nàng cho sự chăm nom của số mệnh và cho tài năng của người đánh xe, chúng ta hãy quay sang chàng tình nhân trẻ tuổi.

Vladimira chạy vạy suốt cả ngày hôm ấy. Từ sáng

sớm chàng đã tìm đến vị linh mục ở Giadrinô; phải khó khăn lắm mới thuyết phục được ông ấy; rồi chàng chạy đi tìm các người làm chứng trong số những địa chủ quanh đó. Người thứ nhất mà chàng gặp là một thiếu úy kỵ binh về hưu tên là Dravin tuổi đã bốn mươi. Ông này nhận lời ngay và quả quyết với chàng rằng việc này gợi ông nhớ lại thời xưa cũ cùng những thói ngỗ nghịch của kỵ binh. Ông ta cố giữ Vladimira ở lại ăn trưa, khuyên chàng cứ giữ vững lòng tin, và bảo đảm rằng việc tìm hai người làm chứng nữa chẳng có gì là khó. Quả đúng như thế, ngay sau bữa ăn thì có thêm Smít, một bác nhân viên trác địa, có bộ ria mép, mang giấy có cựa¹¹, và một chàng con trai của một viên đại úy cảnh binh, mười sáu tuổi, vừa mới được nhận vào quân khinh kỵ. Không những họ nhận lời yêu cầu của Vladimira mà còn thề sẵn sàng hy sinh tính mệnh vì chàng. Vladimira phấn khởi ôm hôn họ và trở về nhà sửa soạn nốt những việc cần thiết.

Trời tối đã lâu. Chàng dặn dò anh xà ích Têrenti tâm phúc của mình rất tỉ mỉ chu đáo, cho y đem cỗ xe tam mã đi Nhênaradôvô đón, và ra lệnh thắng chiếc cộ trượt tuyết một ngựa, không cần xà ích, một mình chàng ra đi về phía Giadrinô, nơi mà trong khoảng hai giờ nữa Maria Gavrilópna sẽ đến. Đường chàng đã quen thuộc đi chỉ mất chừng hai mươi phút thôi.

Nhưng Vladimira vừa rời khỏi bìa làng ra giữa cánh đồng, thì trời nổi gió mạnh, một cơn bão tuyết dữ dội

ập tới khiến chàng không còn nhìn thấy gì nữa. Chỉ trong một phút con đường bị tuyết phủ hết. Mọi vật xung quanh đã biến mất trong màn sương mù vàng nhạt, bông tuyết trắng bay tới tấp. Bầu trời lẫn lộn với mặt đất. Vladimira lạc giữa cánh đồng, cố hết sức vẫn không tìm ra được đường cái. Ngựa bước vu vơ trên đồng, chốc chốc lại trèo lên gò cao hay tụt xuống hố; chiếc cộ trượt tuyết luôn luôn nghiêng ngả. Vladimira ra sức định thần cho khỏi lạc hướng. Nhưng hình như đi đã hơn nửa giờ rồi mà vẫn chưa thấy khu rừng Giadrinô đâu. Chứng mười phút nữa trôi qua; khu rừng vẫn không thấy tăm dạng. Vladimira đang đi giữa một cánh đồng chằng chịt những khe hố. Bão tuyết vẫn không dịu bớt, trời vẫn không sáng sủa thêm tí nào. Ngựa đã mệt lử, còn chàng thì đổ mồ hôi hột, mặc dù cứ chốc chốc lại sụt trong tuyết đến tận thắt lưng.

Cuối cùng chàng thấy rằng mình đã lạc. Vladimira dừng lại: bắt đầu suy nghĩ, tập trung tư tưởng cân nhắc và quyết định đi chệch về phía bên phải. Chàng đánh xe về phía ấy. Ngựa đã mệt lử, bước không vững nữa. Chàng đi đã hơn một giờ rồi. Giadrinô chắc hẳn đã gần. Nhưng chàng đi mãi, đi mãi, cánh đồng vẫn vô tận. Khắp nơi ngổn ngang những đống tuyết, những khe hố. Chiếc xe luôn luôn bị lật nhào và chàng cứ phải luôn luôn dựng nó lại. Thời gian cứ trôi qua; Vladimira bắt đầu lo lắng.

Rốt cục rồi chàng cũng thấy đằng xa có một khối

gì hiện ra đen đen. Và chàng tiến về phía ấy. Đến gần thì thấy đó là một khu rừng. “Đội ơn Chúa, - chàng nghĩ thầm, - gần đến rồi đây”. Chàng men theo khu rừng và hy vọng trong chốc lát sẽ gặp con đường quen thuộc hoặc vòng khỏi khu rừng này: nhất định là Giadrinô ở ngay phía sau đây. Một lát sau chàng tìm thấy đường cái và đi xuyên vào trong bóng những cây đã trụi lá. Gió không còn thổi điên cuồng vào đây được nữa; con đường bằng phẳng, ngựa hăng lên và Vladimia an tâm trở lại.

Nhưng chàng đi, đi mãi, vẫn không thấy Giadrinô; khu rừng vẫn vô tận. Vladimia kinh hoàng nhận ra rằng mình đang đi giữa một khu rừng lạ. Nỗi thất vọng tràn ngập lòng chàng. Chàng quất túi bụi vào lưng ngựa; con vật khốn khổ rào bước dần lên, nhưng chưa được mấy chốc đã kiệt sức, và chỉ mười lăm phút sau, mặc cho chàng đau khổ thôi thúc, nó lại bước từng bước một.

Hàng cây thưa dần và Vladimia đã ra khỏi khu rừng; làng Giadrinô vẫn không thấy đâu cả. Lúc ấy hẳn đã gần nửa đêm rồi. Nước mắt chàng trào ra; chàng vẫn mò mẫm thúc ngựa đi. Cơn bão dịu dần, mây đã tan hết, trước mắt chàng chạy dài một cánh đồng phủ một thảm bạc gợn sóng. Đêm đã khá quang đãng. Chàng thấy gần đó có một xóm nhỏ độ bốn hay năm nóc nhà. Vladimia tiến vào nơi ấy. Đến bên một túp nhà nhỏ chàng nhảy xuống, cố chạy lại cửa sổ

đưa tay gõ. Vài phút sau cánh cửa sổ bằng gỗ mở ra, một ông già thò chòm râu bạc ra hỏi. “Ai, cần gì đây?” - “Về Giadrinô có xa không?” - “Về Giadrinô có xa không à?” - “Vâng, vâng, về Giadrinô có xa không?” - “Không xa lắm chỉ độ mười véc-xta thôi!” Nghe câu trả lời Vladimia vò đầu bứt tóc và lặng người đi như một kẻ bị tuyên án tử hình.

“Anh từ đâu đến?” - ông già hỏi tiếp. Vladimia không còn đủ tinh thần để đáp lại nữa. “Bác ơi, - chàng nói, - bác có thể cho tôi ngựa đi Giadrinô không?” - “Ngựa nào bây giờ, chúng tôi có đâu”. - “Thôi, thế thì ít nhất tôi có thể nhờ một người nào đưa đường được chứ? Tôi sẽ trả tiền công, đôi bao nhiêu cũng được”. - “Anh hãy đợi đây, - ông già vừa đáp lại, vừa hạ cánh cửa xuống, - tôi sẽ cho thằng con tôi đi. Nó sẽ dẫn đường cho anh”. Vladimia đứng đợi. Chưa đầy một phút chàng lại gõ cửa. Cánh cửa sổ mở, chòm râu bạc lại hiện ra. “Anh cần gì đây?” - “Con bác đâu nào?” - “Ra ngay đây, nó đang đi giày mà. Có rét không, vào sưởi cho ấm.” - “Cám ơn bác, bác giục cậu con nhanh lên cho”.

Cửa cột kẹt mở. Một cậu bé bước ra, tay cầm một cái gậy lớn và đi lên trước, khi thì chỉ lối, khi thì tìm con đường đã bị lấp dưới những đồng tuyết. - “Mấy giờ rồi?” - Vladimia hỏi. “Có lẽ gần sáng rồi đây”, - cậu bé nông dân đáp. Vladimia chẳng nói chẳng rằng gì nữa.

Gà gáy, và trời hừng sáng thì họ vừa tới Giadrinô. Nhà thờ đóng kín cửa. Vlađimíra trả tiền cho cậu bé dẫn đường và đi vào trong sân tìm giáo sĩ. Trong sân không có cỗ xe tam mã nào cả. Tin lành hay tin dữ đang chờ chàng đây!

Nhưng chúng ta hãy quay trở lại cái nhà điền chủ hiền lành ở Nhênarađôvô thử xem xảy ra những chuyện gì?

Chẳng có gì xảy ra cả!

Hai ông bà già ngủ dậy và đi ra phòng khách. Gavrilav Gavrilôvich đội mũ vải mềm mặc áo ngắn phơ-la-nen. Praxcôvia Pêtrôpna mặc áo khoác bông. Người ta đem ấm trà ra. Ông Gavrilav Gavrilôvich bảo con hầu vào hỏi thăm sức khỏe của Maria Gavrilôpna thế nào, và xem cô có ngủ được không? Con bé trở ra trả lời rằng cô chủ ngủ không được ngon, bây giờ đã đỡ và cô sắp ra phòng khách. Qua nhiên cửa mở và Maria Gavrilôpna bước ra chúc sức khỏe cha mẹ.

“Đầu con bây giờ thế nào, Maria?” - Gavrilav Gavrilôvich hỏi. - “Thưa cha, đỡ rồi ạ”, - Maria đáp. - “Đúng là hôm qua con bị ngạt vì khói lò sưởi rồi, con ạ”, - bà Praxcôvia Pêtrôpna nói. - “Vâng, thưa mẹ, có lẽ thế đấy ạ”.

Ngày ấy trôi qua bình yên vô sự, nhưng tới đến thì Maria bị ốm. Nhà phải lên phố mời thầy thuốc. Chiều hôm sau thầy thuốc đến thì bệnh nhân đang mê sảng. Nàng bị sốt nặng, và trong hai tuần liền bệnh tình

trầm trọng tương khó lòng qua khỏi.

Trong nhà không ai biết gì về cuộc đi trốn kia cả. Mấy bức thư viết hôm trước nàng đã đốt hết; chị hầu phòng không dám hở môi ra với ai, vì sợ ông chủ nổi cơn thịnh nộ. Ông giáo sĩ, viên thiếu úy kỵ binh về hưu, bác nhân viên trắc địa có bộ ria mép và chàng kỵ binh trẻ tuổi đều kín tiếng, và như thế không phải là vô cơ. Chàng đánh xe Têrenti chẳng hề bao giờ buột miệng lỡ lời ngay cả trong cơn say rượu. Như thế là điều bí mật kia được giữ kín trong cái số hơn nửa tá những người đồng mưu. Nhưng Maria, trong khi mê sảng không ngớt, đã nói toang điều bí mật của mình ra. Dù rằng những lời của nàng rất khó hiểu, không đầu vào đầu, nhưng mẹ của nàng không rời khỏi giường con một bước, cũng có thể do đó mà biết rằng con gái mình đã say mê đến có thể chết vì Vladimira Nhicôlaiêvích, và cô lẽ tình yêu ấy là nguyên nhân của căn bệnh. Bà hỏi ý kiến chồng cùng vài người láng giềng và cuối cùng tất cả đều thống nhất nhận định rằng âu cái số của Maria Gavrilópna là như vậy, rằng “trời đã định rồi thì phải chịu”, rằng “nghèo không phải là xấu”, rằng “lấy người chứ không phải lấy của” vân vân. Trong những trường hợp như thế này, khi người ta đã cùng đường bó tay thì những câu cách ngôn luân lý kia thật là kỳ diệu để người ta tự biện hộ cho mình.

Giữa lúc ấy thì có gái đã bắt đầu bình phục. Đã lâu người ta không thấy Vladimira đến nhà Gavril

Gavrilôvich. Chàng sợ cách đón tiếp như mọi khi. Người ta đành phải bắn tin cho chàng biết cái điểm phúc bất ngờ này: bằng lòng cho chàng cưới. Nhưng ông bà địa chủ này ngạc nhiên biết bao, khi đáp lại sự ân cần mời mọc ấy, họ nhận được bức thư gần dở của chàng! Chàng nói rõ rằng sẽ không bao giờ bước chân đến nhà họ nữa, và yêu cầu hãy quên con người bất hạnh ấy đi, con người chỉ còn cái chết là điều mong ước độc nhất mà thôi. Vài hôm sau họ được tin chàng Vladimira Nhicôlaiêvich đã gia nhập quân đội. Hồi ấy là vào năm 1812.

Maria bình phục đã lâu mà người ta vẫn không dám cho nàng biết tin ấy. Nàng cũng không hề đá động đến Vladimira. Vài tháng sau đọc thấy tên chàng trong số những chiến sĩ xuất sắc bị thương nặng ở trận Bôrôđinô¹², nàng ngã lăn ra bất tỉnh, người ta sợ nàng lại bị sốt như lần trước. Nhưng nhờ ơn Chúa, cơn bất tỉnh ấy không đem đến hậu quả gì đáng ngại.

Một nỗi đau thương khác lại đến với nàng: ông Gavril Gavrilôvich tạ thế để lại cho nàng quyền thừa hưởng gia tài. Nhưng gia tài đâu an ủi được nàng; nàng chán thành chia sẻ nỗi buồn của bà mẹ đau khổ, và thề rằng sẽ không bao giờ xa lìa mẹ; hai mẹ con từ già Nhênaradôvô, nơi gợi nhiều kỷ niệm đau buồn, và đến ở trại ấp X.

Ở đây cũng thế, các chàng trai chưa vợ cứ vây quanh lấy cô gái chưa chồng xinh đẹp và giàu có, nhưng nàng

chẳng hề ban cho ai một mảy may hy vọng nào. Có đôi lúc bà mẹ khuyên nàng hãy chọn lấy bạn trăm năm. Nhưng Maria Gavrilópna lắc đầu, và tư lự đắm chiều. Vladímia không còn nữa: chàng đã qua đời ở Mátxcơva vài hôm trước khi quân Pháp tràn vào đó. Kỷ niệm của chàng đối với nàng thật là thiêng liêng; ít nhất nàng cũng giữ gìn lại tất cả những gì có thể nhắc nhở đến chàng: những cuốn sách mà chàng đã đọc, những bức hoạ, những bản nhạc, những bài thơ chàng viết cho nàng. Láng giềng biết chuyện ấy đều khâm phục lòng chung thuỷ của nàng, và họ tò mò chờ đợi xem nhân vật nào rốt cục sẽ thắng được lòng chung thuỷ u buồn của nàng Áctêmixa¹³ trình bạch này.

Giữa lúc ấy thì chiến tranh kết thúc thắng lợi. Các trung đoàn của chúng ta từ ngoại quốc trở về. Nhân dân xô ra đứng đón. Âm nhạc cử những bài mới thu lượm được trong chiến tranh: "*Vive Henri-Quatre*"¹⁴, những bài van-xơ vùng Tirôn¹⁵, những khúc điệu trích trong nhạc kịch Giôcôngđơ¹⁶. Các sĩ quan khi nhập ngũ là những thanh niên mới lớn, giờ đây trở về đã trưởng thành trong chinh chiến, ngực đầy huân chương. Quân lính trong khi chuyện trò vui vẻ với nhau thỉnh thoảng lại chêm vào những tiếng Đức hay tiếng Pháp. Thật là một thời đại đáng ghi nhớ! Một thời đại vinh quang và phấn khởi! Nói đến hai tiếng "Tổ quốc" trái tim người Nga xúc động mạnh mẽ biết bao! Những giọt lệ tái hợp sao mà đầm thấm! Trong

chúng ta lòng tự hào dân tộc và tình yêu đối với Nga hoàng chan hoà mật thiết đến nhường nào. Đối với Hoàng đế, giờ phút này cũng thật là tuyệt diệu!

Những người phụ nữ, những người phụ nữ Nga, lúc này thật là kiêu diễm vô song. Vẻ lạnh lùng thường ngày của họ biến đâu hết! Nỗi hân hoan của họ thật là chân thành nồng nhiệt khi đón đoàn quân chiến thắng mà hét to: *hoan hô!*

Và mũ tung lên trời!¹⁷

Ai là sĩ quan lúc ấy mà không thừa nhận rằng họ đã nhận được nơi phụ nữ Nga những phần thưởng quý báu nhất?..

Giữa thời kỳ huy hoàng ấy, Maria Gavrilópna đang sống với mẹ ở vùng quê N. và không thấy được ở hai kinh đô người ta đón mừng đoàn quân khải hoàn như thế nào. Nhưng có lẽ ở các huyện và các thôn xóm nỗi hân hoan chung lại còn mãnh liệt hơn nữa kia. Một sĩ quan về ở nơi đây thì thật là cả một cuộc khải hoàn quang vinh rất mực, và bên cạnh anh ta thì chàng tình nhân nào mặc thường phục cũng phải lu mờ.

Chúng tôi cũng đã nói rằng, mặc dù Maria Gavrilópna lạnh nhạt, nàng vẫn cứ luôn luôn bị những chàng rắp ranh bắt sẽ bao vây như trước. Nhưng tất cả bọn này đều đánh bài rút lui, khi trong tòa nhà của nàng xuất hiện đại tá kỵ binh bị thương Burmin, với huân chương Thánh Ghêoócghi trên khung áo, với nước da “tai tái hay hay” như các cô vùng ấy thường nói. Chàng trạc

độ hai mươi sáu tuổi. Chàng về nghỉ trong trại áp của mình bên cạnh trại áp của Maria Gavrilópna. Maria Gavrilópna đối với chàng cũng có con mắt rất biệt đãi. Gần chàng thì về tư lự đắm chiều thương ngày của nàng bỗng hoá thành linh hoạt. Không có thể nói rằng nàng làm duyên làm dáng với chàng, nhưng một nhà thơ, giả thấy hành vi của nàng như thế, hẳn sẽ nói rằng:

*Se amor non è, ché dunque?...**

Quả thật Burmin là một chàng trai rất dễ thương. Chàng có được cái loại trí tuệ xưa nay rất dễ được lòng nữ giới: một trí tuệ lịch thiệp và tinh tế, không một chút kiêu kỳ, và hóm hỉnh một cách vô tâm. Trước Maria Gavrilópna tư cách của chàng rất bình dị và tự nhiên. Nhưng dường như tâm hồn và con mắt chàng theo dõi sát mọi lời nói việc làm của nàng. Tính nết của chàng trông thì điềm đạm và khiêm nhường, nhưng tiếng đồn lại nói chắc rằng một thời chàng đã từng là tay ăn chơi đáng sợ; nhưng điều ấy cũng chẳng làm tổn hại gì cho chàng trước con mắt của Maria Gavrilópna; nàng (cũng như các bà trẻ tuổi nói chung) vui lòng bỏ qua những trò phóng túng vốn là biểu hiện của tính táo bạo và sôi nổi.

Nhưng kích thích óc hiếu kỳ và trí tưởng tượng của nàng hơn tất cả (hơn cả cái tính nết dịu dàng,

* Đó là cái gì, nếu chẳng phải là tình yêu?... (Tiếng Ý)¹⁸

hơn cả lối trò chuyện hấp dẫn, hơn cả nước da tai tái hay hay, hơn cả cánh tay quần băng) là không hiểu tại sao chàng kỳ binh trẻ tuổi ấy đến nay vẫn lẳng thĩnh không ngó lời. Nàng không thể phủ nhận một điều là nàng rất được chàng quý chuộng. Chắc hẳn với trí thông minh và với kinh nghiệm của mình chàng cũng nhận thấy rằng, đối với chàng thì nàng có một sự biệt đãi: thế thì vì lẽ gì mà đến bây giờ nàng vẫn chưa thấy chàng quý dưới chân nàng, chưa được nghe lời thổ lộ tình yêu của chàng? Cái gì đã kìm giữ chàng lại? Phải chăng đó là tính rụt rè vốn gắn liền với một tình yêu chân thành, hay đó là tính kiêu kỳ, lối làm điều của một tay chim gái lồi đời? Đối với nàng đó là cả một điều bí hiểm. Suy nghĩ kỹ, nàng cho rằng tính rụt rè là nguyên nhân duy nhất, và nàng quyết định sẽ khuyến khích cho chàng thêm mạnh dạn bằng cách tỏ ra ân cần hơn nữa, và tùy trường hợp, sẽ tỏ ra âu yếm nữa là khác. Nàng ráp tâm đón cái kết thúc hết sức bất ngờ và rất nóng lòng chờ đợi giây phút nên thơ mà chàng sẽ thổ lộ tình yêu. Một điều bí mật dù thuộc loại nào, đối với trái tim phụ nữ bao giờ cũng vẫn là một điều day dứt nặng nề. Cuộc tấn công của nàng đã đem đến kết quả như ý muốn: ít nhất thì Burmin cũng trở nên rất tự lự dăm chiêu, và cặp mắt đen của chàng nhìn nàng này lửa, đến nỗi có thể tin rằng cái phút giây quyết định đã gần lắm rồi. Những người láng giềng bàn đến đám cưới, xem như đó là

một việc đã xuôi, và bà Praxcôvia Pêtrôpna phúc hậu sung sướng vì con gái mình đã chọn được kẻ xứng đôi vừa lứa.

Một hôm bà cụ ngồi một mình trong phòng khách, đang bó bài, thì Burmin bước vào và hỏi ngay đến Maria Gavrilôpna. “Em nó ở sau vườn ấy, - bà cụ trả lời, - cậu ra đó mà tìm, tôi đợi hai người ở đây nhé!” Burmin đi ra, bà cụ làm dấu thánh giá và nghĩ rằng: “May ra ngày hôm nay việc ấy sẽ thành”.

Burmin nhìn thấy Maria Gavrilôpna bên bờ ao, dưới gốc liễu, mặc áo trắng, tay cầm quyển sách đúng điệu là một nhân vật tiểu thuyết. Sau mấy câu hỏi han, Maria Gavrilôpna cố ý lặng im không nói nữa để tăng thêm cái lúng túng của đôi bên và tạo ra một tình thế mà họa chăng chỉ có một lời thổ lộ tình yêu đột ngột và quyết định mới có thể gỡ ra được. Sự việc diễn ra đúng như thế: Burmin cảm thấy tình thế khó xử của mình, đã thổ lộ rằng từ lâu chàng đã nhiều lần tìm dịp để cởi mở tâm tình với nàng và cầu xin nàng lưu ý trong giây phút. Maria Gavrilôpna xếp sách lại mắt nhìn xuống, tỏ vẻ ưng thuận.

“Tôi yêu em, - Burmin nói, - tôi yêu em đắm đuối...” (Maria Gavrilôpna đỏ mặt và đầu cúi thấp hơn nữa). “Tôi đã hành động đại dột khi buông mình theo một thói quen đâm thắm, thói quen hằng ngày nhìn em và nghe em nói...” (Maria Gavrilôpna nhớ lại bức thư đầu của *St. - Preux*¹⁹.) “Giờ đây cưỡng lại định mệnh thì đã muộn rồi, kỷ niệm về em, hình dáng kiêu diễm

và tuyệt thế của em từ nay sẽ là nỗi giày vò và là niềm an ủi của đời tôi. Nhưng tôi còn phải làm tròn nhiệm vụ đau khổ, thổ lộ với em một điều thầm kín rất đáng sợ, và đặt ra giữa đôi ta một trở ngại không thể nào vượt qua được...” - “Trở ngại ấy mãi mãi vẫn cứ có, - nàng vội vã ngắt lời chàng, - tôi không bao giờ có thể là vợ anh được...” - “Tôi biết, - chàng sẽ sàng đáp lại, - tôi biết trước kia em đã yêu, nhưng người ấy đã chết và ba năm xót thương... Maria Gavrilópna dịu hiền và yêu dấu ơi, em chớ gạt mắt của tôi niềm an ủi cuối cùng: ý nghĩ rằng em sẽ đem lại hạnh phúc cho tôi, nếu như... Em đừng nói, thế lòng Chúa, em đừng nói. Em xé nát lòng tôi mất. Vâng, tôi biết, tôi cảm thấy rằng em có thể kết duyên với tôi, nhưng tôi là một kẻ vô phúc... tôi đã cưới vợ!”

Maria Gavrilópna nhìn chàng kinh ngạc.

- Tôi đã cưới vợ, - Burmin nói tiếp, - tôi cưới vợ đã bốn năm, nhưng tôi không biết vợ tôi là ai, nàng ở đâu, và không biết rồi đây có bao giờ tôi còn gặp lại được nàng nữa không!

- Anh nói gì thế? - Maria Gavrilópna kêu lên. - Kỳ lạ quá! Anh nói tiếp đi; tôi sẽ nói sau... thôi, anh hãy nói tiếp đi, tôi van anh.

- Đầu năm 1812, - Burmin nói, - tôi đi gấp về Vinna, nơi trung đoàn chúng tôi đóng quân. Đến một trạm nào đó thì trời đã quá chiều, tôi ra lệnh thắng ngựa gấp, bỗng một cơn bão tuyết dữ dội nổi lên, người

trưởng trạm và gã đánh xe khuyên tôi hãy nán đợi. Tôi đã nghe họ, nhưng rồi một nỗi bồn chồn, vô cớ tràn ngập lòng tôi; hình như có một cái gì thôi thúc tôi. Trong khi ấy bão tuyết vẫn không dịu bớt; tôi không chờ được nữa, lại ra lệnh thắng ngựa và đi ngay giữa bão tuyết. Gã đánh xe nãy ra ý đi trên sông, như thế sẽ rút ngắn đường được chừng ba véc-xta. Hai bên bờ đều tuyết phủ. Gã đánh xe đã đi qua chỗ cần phải bắt tiếp lên đường cái, và thế là chúng tôi lạc giữa một chốn lạ. Bão tuyết vẫn không lặng; tôi thấy có ánh lửa bèn ra lệnh đi về phía ấy. Chúng tôi vào một làng. Nhà thờ bằng gỗ ở làng ấy có ánh sáng, cửa nhà thờ mở sẵn, trong sân có nhiều cộ trượt tuyết. Trên thềm cao có người đi đi lại lại. “Về phía này, về phía này!” - có tiếng gọi. Tôi bảo gã đánh xe tiến về phía ấy. “May quá! Anh bị chậm ở đâu thế? - có người nói với tôi. - Cô dâu bị ngắt; linh mục chẳng biết xử trí ra sao cả; chúng tôi sắp sửa ra về. Vào nhanh lên thôi!” Tôi không nói gì cả, nhảy xuống cộ và đi vào nhà. Nhà thờ mờ mờ trong ánh sáng của hai hay ba ngọn nến. Một cô gái ngồi trên chiếc ghế trong một góc tối. Một chị phụ nữ khác đang xoa hai bên thái dương của cô kia. “Nhờ ơn Chúa, - chị này nói, - anh phải vất vả quá nhỉ. Suýt nữa thì anh giết chết cô tôi”. Vị linh mục già đến bên tôi hỏi: “Anh cho bắt đầu đi chứ”. - “Vâng, vâng cha cứ bắt đầu, bắt đầu đi!” - tôi trả lời băng quơ. Họ đỡ cô gái đứng dậy. Tôi thấy nàng cũng khá xinh... Thật là một trò đùa vô nghĩa và không

thể tha thứ được... Tôi đứng bên cạnh nàng trước bàn thờ. Linh mục thì vội vã; ba người đàn ông và chị người hầu đỡ cô dâu và chỉ lo săn sóc có một mình cô ấy. Người ta làm phép cưới cho chúng tôi. “Hãy hôn nhau đi”, - họ bảo chúng tôi. Và vợ tôi quay khuôn mặt tái xanh sang phía tôi. Tôi toan hôn nàng... Nàng vụt kêu lên: “Trời ơi! Không phải chàng! Không phải chàng!” - Và ngã lảo ra bất tỉnh. Những người làm chứng nhìn tôi bằng những cặp mắt kinh hoàng. Tôi quay ngoắt lại bước ra khỏi nhà thờ, chẳng bị ai tìm cách giữ lại, tôi chạy đến xe nhảy lên và ra lệnh: “Đi! Đi!”

- Lay Chúa, - Maria Gavrilópna kêu lên, - thế anh không biết sau đó người vợ khôn khô của anh ra sao ư?

- Tôi không biết, - Burmin đáp, - tôi không biết tên làng tôi cưới vợ là gì, không nhớ ra cái trạm tôi khởi hành. Lúc ấy tôi cũng chẳng quan tâm gì mấy tới tầm nghiêm trọng của trò đùa tội lỗi ấy, cho nên ra khỏi nhà thờ là tôi ngủ quên và đến sáng hôm sau thức dậy thì thấy đã đi quá ba trạm rồi. Người cần vụ của tôi đã hy sinh ở mặt trận...thế là tôi không còn hy vọng gì tìm lại người ấy, người mà tôi đã dẫn vào một trò đùa cay đắng và giờ đây nàng cũng đang phải trả giá một cách cay đắng...

- Lay Chúa! Trời ơi, - Maria Gavrilópna vừa nói vừa nắm lấy tay chàng, - người ấy là anh đấy ư, thế mà anh không nhận ra em ư?

Burmin tái mặt đi... và quỳ sụp xuống chân nàng...

ÔNG CHỦ HIỆU ĐÁM MA

Ngày ngày vẫn chưa thấy ư những chiếc
quan tài,

Và những dầu bạc phơ của vũ trụ già cỗi?

Dergiavin²⁰

Những đồ vật vĩnh cuối cùng của bác chủ hiệu đám ma Adrian Prôkhôrop đã chắt lên trên chiếc xe đòn và cặp ngựa gầy còm ì ạch kéo chuyển thứ tư từ phố Baxmannaia về phố Nikítxkaia²¹, nơi bác đã dọn cả nhà mình đến. Bác đóng cửa hiệu lại, treo lên cánh cửa một tấm biển đề: “Nhà bán hay cho thuê”, rồi đi bộ về chỗ ở mới. Gần đến ngôi nhà nhỏ màu vàng, - ngôi nhà này đã quyến rũ trí tưởng tượng của bác từ lâu, và cuối cùng bác đã tậu nó với một món tiền khá lớn, - bác chủ hiệu già này ngạc nhiên cảm thấy lòng mình không được vui. Bước qua ngưỡng cửa lạ, đi vào trong gian nhà đang bề bộn ngổn ngang, bác nhớ tiếc túp nhà cũ hư nát, nơi mà suốt mười tám năm qua bác đã giữ được một trật tự rất nghiêm ngặt; bác rầy la hai cô con gái và chị đầy tớ làm ăn chậm chạp, và tự mình bắt tay vào giúp đỡ họ. Trong chốc lát, nhà đã gọn gàng ngăn nắp. Chiếc tủ thờ có tượng thánh, tủ chén bát, cái bàn, đi-văng và giường nằm đều đã yên vị ở những góc dành cho nó ở phòng sau; ở nhà

bếp và nhà khách thì xếp các sản phẩm của chủ nhân: những chiếc quan tài đủ các màu sắc, và đủ các cỡ, cả cái tủ chứa mũ áo đám ma và những cây đuốc nữa. Trên cửa hàng, treo một tấm biển có vẽ hình thần Amua kéo tốt tay cầm một cây đuốc chúc ngược xuống²², bên cạnh có đề mấy dòng chữ: “Ở đây bán áo quan loại gỗ mộc và loại gỗ sơn, cũng cho thuê và sửa chữa quan tài cũ”²³. Các cô con gái đã về buồng riêng. Adrian dạo quanh nhà, rồi đến ngồi bên cửa sổ và bảo đun ấm xa-mô-va.

Độc giả có học thức cao rộng chắc cũng biết rằng Séchxpia²⁴ và Uônơ Scôt²⁵ đã tả những phu đào huyệt là những con người vui tính và hay bông đùa, để thể tương phản ấy đập mạnh vào trí tưởng tượng của chúng ta. Vì tôn trọng sự thực, chúng tôi không thể bắt chước các văn hào ấy mà buộc phải thú nhận là tính tình của bác chủ hiệu này hoàn toàn phù hợp với cái nghề âm đạm của bác ấy. Adrian Prôkhô-rốp thường đâm chiêu và tư lự. Thằng hoặc bác có lên tiếng chẳng thì chỉ để rầy la các cô con gái, khi bắt chợt bắt được họ đang rồi rĩ lảng lơ nhìn khách qua đường bên cửa sổ, hoặc để nâng cao giá hàng của mình lên với những kẻ bất hạnh (cũng có khi là may mắn) cần dùng đến thứ hàng ấy. Và đây, Adrian ngồi bên cửa sổ, bác đã uống đến chén trà thứ bảy, và vẫn như thường lệ, đang đắm chìm trong những ý nghĩ buồn bực của mình. Bác đang nghĩ đến trận mưa rào trước đây một tuần đã đón đường đám ma của viên đại tá

hồi hưu ở cửa ô. Bao nhiêu áo tang bị nhấn nhún, bao nhiêu mũ bị quăn cả lên. Bác thấy trước những phí tổn không thể nào tránh khỏi, vì mớ áo tang dự trữ lâu ngày ấy đã trở về với bác trong một tình trạng thảm hại. Bác trông mong vào mẹ nhà buôn già Tơriukhina để bù lại chỗ tổn thất ấy: mẹ này ngặt ngoài đã gần một năm nay rồi. Nhưng mẹ Tơriukhina có chết thì lại chết ở phố Radogulai, và Prôkhôrốp lo rằng những kẻ thừa kế gia tài mặc dầu đã hứa hẹn trước vẫn sẽ không chịu đi xa như thế này để tìm mình và họ sẽ thuê luôn nhà thầu gần đó.

Bỗng ba tiếng gõ cửa theo kiểu hội tam điểm²⁶ đến cắt dòng tư tưởng của bác.

Bác chủ hiệu hỏi: “Ai đấy?”. Cửa mở, một người bước vào: chỉ mới thoát nhìn, ai cũng biết đó là một tay thợ thủ công người Đức; nét mặt vui vẻ, người Đức đến gần bác chủ hiệu. “Xin lỗi bác, ông bạn láng giềng thân mến, - bác ta nói tiếng Nga với cái giọng lơ lớ của người ngoại quốc mà cho đến nay ai nghe cũng vẫn phải bật cười, - tôi đến quấy rầy bác thế này thật không phải. Tôi nóng lòng muốn làm quen với bác. Tôi làm thợ giày tên là Gôtlít Suntutxơ, ở bên kia đường, nơi ngôi nhà nhỏ kia kìa, đối diện ngay với cửa sổ bác đấy mà. Ngày mai tôi có việc làm lễ mừng đám cưới bạc²⁷ của chúng tôi, xin mời bác và hai cô sang dự bữa ăn thân mật”. Lời mời được tiếp nhận vui vẻ. Bác chủ hiệu đám ma mời người thợ giày ngồi

xuống uống chén trà; nhờ tính tình cởi mở của Gôtliip Suntxơ nên chẳng mấy chốc họ đã chuyện trò thân mật. Adrian hỏi: “Đạo này bác buôn bán ra sao?” Suntxơ đáp: “Ồi chà chà, cũng nhì nhằng vậy thôi. Chẳng có gì đáng phàn nàn. Thực ra dù sao hàng của tôi cũng không thể như hàng của bác được, người sống không có giày mang cũng xong; chứ người chết mà không có quan tài thì không thể sống được”. Adrian nói: “Có thể thật, người sống không tiền mua giày, nói thì bác đừng giận, chứ họ đi chân đất cũng được, còn người chết nghèo kiết dù không có tiền trả cũng được người ta bố thí cho chiếc quan tài”. Cứ như thế, chuyện trò kéo dài hồi lâu; cuối cùng người thợ giày đứng dậy cáo từ và một lần nữa nhắc lại với bác chủ hiệu đám ma lời mời của mình.

Hôm sau, đúng mười hai giờ trưa, bác chủ hiệu đám ma và các cô con gái ra khỏi cửa ngôi nhà mới, sang nhà láng giềng. Tôi sẽ không tả cái áo ca-phơ-tan Nga của Adrian Prôkhô-rốp và trang phục theo kiểu châu Âu của các cô Akulina và Đaria (và như vậy là đã vi phạm một thói quen của các nhà viết tiểu thuyết thời nay). Nhưng tôi thiết tưởng cũng nên nói thêm rằng hai cô đều đội mũ vàng, đi giày đỏ, những thứ mà các cô chỉ dùng đến trong những dịp long trọng.

Căn nhà nhỏ của bác thợ giày đã đầy khách, phần đông là những thợ thủ công người Đức cùng đi với vợ và những người thợ phụ. Về phía viên chức Nga thì

duy nhất chỉ có một viên cảnh binh, người dân tộc Tsukhônét²⁸ tên là Urocô, mặc dù chức tước nhỏ mọn, vẫn được chủ nhân tiếp đón nồng hậu. Trong hai mươi lăm năm trời, với chức tước ấy, bác đã phục vụ trung thành và thật thà cũng như bác phu trạm của Pôgôrenxki²⁹. Khói lửa năm 1812 (khi quân Napolêông vào Mátxcôva) tàn phá đệ nhất kinh đô³⁰, đã triệt hạ cả chiếc trạm gác màu vàng của bác. Nhưng lập tức, ngay sau khi kẻ thù bị đánh đuổi, trên địa điểm cũ lại xuất hiện một trạm gác mới, màu xám, với những cây cột trắng theo kiểu Đôrida³¹. và Urocô lại đi đi lại lại bên cạnh cái trạm gác ấy, *tay cầm lưỡi tầm sét, mình mặc áo giáp*³². Bác quen biết được hầu hết những người Đức ở gần cửa ô Nhikítxki, và trong bọn họ có nhiều người còn đến ở lại nhà bác từ tối chủ nhật đến sáng thứ hai nửa là khác. Adrian làm quen ngay với bác này, một kẻ mà chóng hay chầy thì cũng có lúc sẽ phải cần đến; và khi khách khứa đã an toạ thì hai người đã cùng ngồi bên nhau. Ông Sunxtơ, bà Luyda Sunxtơ cùng cô con gái, cô Lôtsen, tuổi vừa mười bảy, cùng ngồi vào bàn ăn tiếp khách, vừa mời mọc vừa giúp chị đầu bếp phục vụ. Rượu bia rót tràn trề. Urocô một mình ăn bằng bốn người, Adrian cũng không chịu kém; các cô con gái thì còn giữ nét; chuyện trò bằng tiếng Đức càng lâu càng náo nhiệt. Bỗng chủ nhân yêu cầu mọi người chú ý và mở một chai rượu đang nguyên xi, cất cao giọng bằng tiếng Nga: “Chúc sức khỏe Luyda vợ hiền của tôi!” Rượu sâm-banh trào bọt

ra. Chủ nhân âu yếm hôn lên khuôn mặt hồng hào của bà vợ trạc độ bốn mươi ngồi bên cạnh, tất cả khách khứa âm ỉ cạ chén chúc sức khỏe bà Luyda. “Chúc sức khỏe tất cả các vị khách thân mến của tôi!” - chủ nhân tuyên bố, tay mở chai rượu thứ hai, khách khứa cảm ơn chủ nhân, rồi lại cạ chén. Những lời chúc sức khỏe bắt đầu như thế và cứ như thế nối tiếp nhau: họ uống chúc sức khỏe từng người, chúc sức khỏe Mátxcơva, chúc sức khỏe cả một tá những thành phố nhỏ ở Đức, chúc sức khỏe các phường hội nói chung, rồi mỗi phường hội nói riêng, chúc sức khỏe các thợ cả, rồi chúc sức khỏe các thợ phụ. Adrian tha hồ ăn uống và cao hứng đến mức bác ta cũng đề nghị nâng cốc chúc bằng một câu khôi hài. Bỗng trong hàng khách dự tiệc, bác thợ làm bánh to béo nâng cốc và lớn tiếng: “Chúc sức khỏe tất cả những người dùng hàng của chúng ta, *unserer Kundleute!*”³. Cũng như mọi lần trước, đề nghị này được mọi người vui vẻ đồng thanh hưởng ứng. Khách bắt đầu chúc lẫn nhau, bác thợ may chúc bác thợ giày, bác thợ giày chúc bác thợ may, bác hàng bánh chúc cả hai người, tất cả mọi người chúc bác hàng bánh, và cứ thế tiếp tục mãi. Giữa những lời chúc tụng lẫn nhau ấy, Ươcô quay sang ông bạn bên cạnh hét to: “Thế nào đây? Bác cũng phải nâng cốc chúc sức khỏe các người chết của bác chứ!”

³Các khách hàng của chúng ta! (*tiếng Đức*).

Mọi người phá lên cười. Nhưng bác chủ hiệu đám ma cho rằng họ mỉa mình và sa sầm nét mặt. Cũng chẳng ai để ý đến điều đó, khách tiếp tục ăn uống, và khi họ đứng dậy thì hồi chuông lễ buổi chiều đã vang lên.

Khách tản mát ra về thì đã quá muộn, phần đông ngà ngà say. Bác hàng bánh to béo và anh thợ đóng sách, khuôn mặt *“trông như một bìa da láng hồng”*³³ vừa khoác tay dắt Ướcô về trạm gác, vừa ngẫm nghĩ về câu tục ngữ Nga trong trường hợp này: “Nợ đời có vay có trả”. Bác chủ hiệu đám ma ra về, vừa say vừa càu: “Thực ra là thế nào hả ? - Bác lớn tiếng suy luận như vậy, - nghề của ta đây không lương thiện bằng các nghề khác hay sao? chủ hiệu đám ma có phải là anh em của đao phủ đâu? tội dị giáo ấy cười cái gì? Chủ hiệu đám ma có phải là thằng hề của ngày lễ Nô-en đâu? Ta định mời chúng ăn mừng nhà mới, thết đãi cho tha hồ; nhưng đã vậy thì thôi! Ta sẽ mời khách dùng hàng của ta, ta sẽ mời những người chết chính giáo”. - “Sao thế hả ông? - Chị đây tớ đang cời giày cho bác hỏi, - ông nói nhảm nhí gì vậy? Hãy làm dấu đi! Mời người chết về ăn mừng nhà mới? Ý muốn gì quái gở thế!” - “Thế đấy, nói có trời, - Adrian nói tiếp, - ta sẽ mời và ngay ngày mai đấy! Các ngài hãy đến cho kịp thời, hồi các ân nhân của tôi, mời các ngài chiều mai đến dự tiệc ở nhà tôi, nhà có gì tôi sẽ đem thết đãi các ngài hết”. Dứt lời bác vào giường nằm và trong chốc lát đã ngáy khò khò.

Ngoài sân còn tối mịt, người ta đã đánh thức Adrian

dây. Mụ lái buôn Tơriukhina đã chết ngay đêm hôm ấy, lão quản lý của mụ cho người phi ngựa cấp báo với Adrian tin này. Bác chủ hiệu đám ma tặng người đưa tin mười cô-pêch làm quà uống rượu, rồi vội vã mặc áo quần, thuê xe và đi ngay đến Radogulai. Trước cửa nhà người chết, cảnh sát đã đứng sẵn, bọn lái buôn lão nháo như lũ quạ đánh hơi được xác chết. Kê quá cố nằm trên một cái bàn, vàng ệu như sáp, nhưng hãy còn chưa trương phình lên. Xung quanh mụ, họ hàng, láng giềng, gia thuộc chen chúc. Các cửa sổ đều mở toang, nền thấp sáng trưng; các linh mục đang cầu kinh. Adrian lại gần người cháu mụ Tơriukhina, một chàng lái buôn trẻ tuổi, mặc áo lễ rất hợp thời trang, trình bày với y rằng: áo quan, nến, vải phủ quan tài và mọi thứ cần dùng cho tang lễ đều sẽ được đưa đến tức khắc, tất cả đều chu tất. Anh chàng thừa kế ấy lơ đãng cảm ơn bác và nói rằng y không mặc cả, hoàn toàn tin cậy vào lương tâm của bác. Bác chủ hiệu đám ma, theo thói quen thề rằng sẽ không lấy thừa một đồng nào; bác trao đổi một cái liếc nhìn đầy ý nghĩa với viên quản lý và chạy đi lo liệu công việc cần thiết. Suốt ngày bác chạy đi chạy về giữa Radogulai và cửa ô Nhikítxki; đến chiều xong mọi việc, bác không thuê xe nữa, đi bộ về nhà. Đêm ấy sáng trăng. Bác chủ hiệu đám ma khoan khoái về đến cửa ô Nhikítxki. Gần đến nhà thờ Mừng Chúa thăng thiên, bác cảnh binh Ươcô quen biết của chúng ta cất tiếng hô “đứng lại”, nhưng nhận ra bác chủ hiệu

đám ma, bèn chúc bác về ngủ ngon giấc. Khuya rồi. Bác chủ hiệu đám ma đã về gần đến nhà. Bỗng bác thấy hình như có ai đi tới trước cổng, mở cánh cửa ra và lẩn biến vào trong. “Như thế là thế nào?- Adrian thầm nghĩ. - Ai có việc cần đến mình bây giờ nhỉ? Hay một tên ăn trộm muốn vào cuỗm cái gì của mình? Hay lũ tình nhân nào đến tìm mấy con bé mất nết? Chắc là triệu bất tường rồi đây!” Và bác đã nghĩ đến việc gọi ông bạn Ướcô đến. Ngay lúc ấy, một người nữa đến gần bên cửa sắp bước vào, nhưng thấy chủ nhân đang chạy lại, thì dừng chân, cất chiếc mũ ba góc xuống chào. Adrian thấy một gã hình như quen quen, nhưng không kịp chú ý nhìn kỹ. “Ông đến nhà tôi à? - Adrian vừa nói vừa thở hổn hển. - Mời ông chiếu cố qua bộ vào nhà”. - “Đừng khách sáo nữa bác ạ, - người kia đáp lại giọng trầm trầm, - xin mời bác vào trước và chỉ đường cho khách!” Adrian có khách sáo bao giờ đâu. Cửa đã mở, bác leo lên cầu thang, và người kia nổi gót theo sau. Adrian nghe như trong nhà có nhiều bước chân người. “Ma quỷ gì thế!”- bác nghĩ thầm và bước vội vào phòng...Cặp giò bác khuyu xuống. Gian phòng chật ních những người chết. Ánh trắng xuyên qua cửa sổ, chiếu lên những khuôn mặt vàng ệu xanh nhợt của họ, những cái mồm sâu hoắm, những con mắt đục nhờ nhờ hé mở, những lỗ mũi toang hoác... Adrian khiếp sợ nhận ra họ là tất cả những người mà bác đã đưa đi chôn, và cùng vào với

bác chính là viên đại tá mà bác đưa đám hôm có trận mưa rào. Tất cả bọn họ, đàn bà và đàn ông xúm quanh bác chào hỏi và chúc mừng, chỉ trừ một con ma nghèo kiết vừa mới được chôn bố thí, lúng túng và thẹn thùng vì rách rưới không đến gần, thủ phận đứng ở một góc. Mọi người khác đều ăn mặc chỉnh tề: những người đàn bà đội mũ mềm có dải lụa, những người chết có chức tước thắt cả các bộ sắc phục, nhưng râu ria không cạo, bọn lái buôn thì khoác áo ca-phơ-tan ngày lễ. “Thấy không, bác Prôkhô-rốp, - viên đại tá thay mặt đám khách lương thiện nói, - theo lời mời của bác, tất cả chúng tôi đều trời dậy. Còn lại chẳng ở nhà là những kẻ đã ruồng nát chỉ còn bộ xương không có da, nhưng kia, tuy thế, trong số đó vẫn có một người không cảm lòng được, - anh ta muốn đến thăm bác quá chừng...” Ngay lúc ấy một bộ xương thấp bé rē đám đông tiến đến gần Adrian. Chiếc sọ dừa mỉm cười thân mật với bác chủ hiệu. Những miếng giẻ dạ xanh màu lá cây và màu đỏ, những mảnh vải rách treo lủng lẳng trên người y như dính trên ngọn sào và bộ xương ống chân va lộc cộc vào đôi ủng kéch sù như cặp chày giã trong cối. “Bác không nhận ra tôi ư, bác Prôkhô-rốp, - bộ xương nói, - bác không nhớ viên đội vệ binh hưu trí Piôt Pê-tơ-rô-vích Curinkin, người bác bán chiếc quan tài đầu tiên năm 1799, chiếc quan tài bằng gỗ thông mà bác bảo là gỗ sồi ấy mà?” Dứt lời bộ xương dang hai cánh tay xương xẩu ôm lấy

bác, còn Adrian thì cố hết sức hét lên và đẩy bộ xương ra. Piôt Pêtrôvích lão đảo ngã rụi xuống, vỡ vụn thành từng mảnh. Tiếng rì rầm bất bình nổi lên giữa đám người chết; tất cả đều đứng ra bảo vệ danh dự cho bạn họ, họ xông vào Adrian mà nguyên rửa và đe dọa, còn bác chủ nhà khốn khổ ù tai vì những tiếng la ó của họ, thấy ngột ngạt, hôn vĩa lên mây, ngã quy trên những mảnh xương tàn của viên đội hưu trí và ngất đi.

Mặt trời rơi đã lâu vào giường của bác chủ hiệu đám ma nằm. Cuối cùng bác mở mắt ra và thấy trước mặt mình chị đầy tớ đang thổi lửa trong ấm xa-mô-va. Bác sợ hãi nhớ lại những biến cố đêm qua. Tơriukhina, viên đại tá, viên đội Curinkin mờ mờ hiện ra trong trí tưởng tượng của bác. Bác yên lặng chờ chị đầy tớ nói chuyện về những biến cố đêm qua.

- Ông Adrian Prôkhôrovích ngủ say quá đi mất, - Acxinhia vừa nói vừa trao cho bác chiếc áo khoác dài.

- Ông thợ may bên cạnh có ghé thăm ông, và bác cảnh binh đến báo với ông rằng hôm nay là ngày lễ thánh của bác ấy, nhưng ông ngủ say quá, chúng tôi không muốn đánh thức dậy.

- Có ai đến đây hỏi tôi về việc làm ma cho bà Tơriukhina không?

- Làm ma à? Bà ấy chết rồi ư?

- Ô, cái con này! Đầu óc để đâu, chẳng phải là chiều hôm qua chính mày giúp tao lo đám ma cho cụ ấy ư?

- Ông nói gì thế? Ông mất trí rồi ư? Hay là rượu hôm qua chưa tỉnh? Đám ma nào chiều hôm qua? Hôm qua ông ăn tiệc cả ngày bên nhà người Đức ấy, lúc trở về say khướt ra, ông lăn vào giường ngủ cho mãi đến tận giờ này, bây giờ đã quá buổi cầu kinh rồi đấy.

- Thật thế ư? - Bác chủ hiệu đám ma vui mừng nói.

- Đúng thật như thế đấy, - chị đầy tớ đáp.

- A, nếu thế thì pha trà nhanh đi, rồi đi gọi các cô lại nhé!

NGƯỜI COI TRẠM

Viên chức vào hạng bát

Độc tài trạm giao thông

Công tước Viademxki³¹

Thử hỏi ai là kẻ chưa từng nguyên rủa những người coi trạm, ai là kẻ chưa từng chửi bới họ? Ai mà chả có lần, trong một phút giận dữ, đã đòi cho được quyền sở tài hại để ghi vào đó những lời than phiền bất lợi về một sự xúc phạm, một thái độ lỗ măng hay một điều sai hẹn? Ai là người chưa từng xem họ như những ác ôn giữa giống người, như là lũ thơ lại³⁵ hiện hình, hay ít nhất cũng như những tên kẻ cướp ở Murôm³⁶? Nhưng chúng ta phải công bằng một chút, hãy thử đặt mình vào hoàn cảnh của họ, và có thể, chúng ta sẽ xét đoán về họ một cách khoan dung độ lượng hơn. Vậy người coi trạm là gì? Đó là kẻ bị đầy ải thực sự ở bậc thang thứ mười bốn, may lắm cũng chỉ nhờ vào thứ bậc ấy mà thoát khỏi những cái đầm đá, nhưng

không phải lúc nào cũng thoát được đâu (điều này thì tôi để tuý lương tâm độc giả xét lấy). Thế thì những con người mà công tước Viademxki vẫn gọi đùa là nhà độc tài ấy, cương vị của họ ra sao? Đó không phải là khổ sai thực sự ư? Cả đêm lẫn ngày chẳng lúc nào được yên. Mọi nỗi bức tức chất chứa trong cuộc hành trình buồn chán của mình, khách lữ hành đều trút cả lên đầu người coi trạm. Trời xấu, đường sá gập ghềnh, người đánh xe cứng đầu cứng cổ, lũ ngựa không chịu kéo - tất cả đều là lỗi của người coi trạm. Bước vào chỗ ở nghèo nàn của y, khách đi đường nhìn y như một kẻ thù; may mắn thay, nếu y tổng tiền được nhanh chóng người khách không cần mà đến ấy; nhưng nếu rồi không có ngựa?... Lạy Chúa! Bao nhiêu lời nguyện rửa, doạ nạt trút xuống đầu y. Giữa trời mưa lầy lội, y vẫn phải chạy vạy khắp các nhà; giữa bão táp, giá băng cắt thịt, y vẫn phải bước ra ngoài phòng đệm, chỉ cốt được yên thân một phút, thoát khỏi những tiếng la ó, những cái xô đẩy của khách đi đường đang cơn thịnh nộ. Một vị tướng đến; người coi trạm run rẩy dâng ngay hai cỗ xe cuối cùng, trong đó có cả cỗ xe chạy công văn hoả tốc. Vị tướng ra đi không có lấy một lời cảm ơn! Và năm phút sau lại có tiếng nhạc ngựa!... Và viên sĩ quan liên lạc³⁷ ném lên bàn cho y một tờ lộ trình!.. Hãy xét cho đến nơi đến chốn mọi nguồn cơn ấy, thì nỗi tức giận sẽ tiêu tan và lòng ta sẽ chan chứa một mối thông cảm chân thành. Xin thêm vài dòng nữa: trong suốt hai mươi

năm trời, tôi đã đi ngang về dọc khắp nước Nga, đã thông thuộc hầu hết các đường trạm, đã biết vài thể hệ những người đánh xe; ít có những người coi trạm mà tôi không quen mặt, và cũng hiếm những người không có việc liên quan tới tôi; những chuyện lý thú lượm lặt được dọc đường tôi sẽ cho xuất bản một ngày gần đây; trong khi chờ đợi, tôi chỉ cần nói rằng dư luận chung quan niệm về tầng lớp những người coi trạm một cách thật là sai lệch. Những người coi trạm bị vu khống quá chừng ấy, nói chung, là những con người bình lặng, bản tính vốn ân cần, dễ chan hoà, chỉ có những ước vọng khiêm tốn về danh vị và không hề tham lam quá độ. Trong những chuyện trò của họ (thứ chuyện trò mà quý ngài hành khách vẫn không thêm lưu ý) có thể rút ra nhiều điều thú vị và bổ ích. Riêng tôi, thú thật là tôi thích những chuyện trò ấy hơn là lời lẽ của các ngài quan chức bậc sáu di chuyển vì công vụ.

Cũng chẳng khó khăn gì mà không đoán ra rằng tôi có những người bạn thân ở tầng lớp coi trạm đáng kính ấy. Quả thật ký ức tôi còn trân trọng hình ảnh của một người trong số đó. Trước đây, hoàn cảnh đã khiến cho chúng tôi gần gũi nhau, và giờ đây, chính đó là người tôi muốn đem ra nói chuyện cùng độc giả thân mến.

Tháng Năm năm 1816, tôi có dịp qua tỉnh X. theo con đường trạm, đường trạm ấy ngày nay đã bỏ rồi.

Tôi ở cấp bậc thấp nên đi xe thư và nhận trả phần tiền hai con ngựa. Do đó mà đối với tôi, những người coi trạm chẳng có gì vì nề, và thường thường tôi cứ phải đấu tranh gay go để giành lấy những gì mà tôi cho là quyền lợi chính đáng của mình. Còn trẻ trung và xốc nổi, tôi công phần vì thái độ luôn cúi và hèn nhát của người coi trạm khi người này đem cỗ tam mã dành phần tôi thắng ngay vào chiếc xe lớn của một vị đại thần quyền quý. Và cũng như thế, trong một thời gian khá lâu, tôi không thể nào quen được với việc người hầu hay bắt bẻ bỏ sót tôi trong bữa tiệc của viên tổng đốc. Ngày nay, việc này hay việc kia, đối với tôi hình như cũng đều là tự nhiên thôi. Thật vậy, sự thể sẽ ra sao, nếu thay thế vào qui tắc phổ biến: *cấp bậc tôn trọng lấy cấp bậc*, ta đem áp dụng một qui tắc khác, chẳng hạn như: *trí tuệ tôn trọng trí tuệ*? Bao nhiêu cuộc bàn cãi sẽ nổ ra! Và những người hầu còn biết ai là người mình cần phải phục dịch trước tiên? Nhưng thôi, hãy trở về với câu chuyện tôi đang kể.

Hôm ấy là một ngày oi bức. Còn cách trạm N. ba véc-xta thì trời bắt đầu mưa đổ hột, và một phút sau thì một trận mưa rào xối cho chúng tôi ướt như chuột lột. Đến trạm, việc đầu tiên là thay quần áo cho nhanh và việc thứ hai là bảo pha trà. - “Này, Dunhia! - bác coi trạm lớn tiếng gọi, - soạn đốt ấm xa-mô-va và đi lấy kem nhé”. Bác vừa dứt lời thì từ sau vách ngăn một thiếu nữ độ mười bốn tuổi đi ra, rào bước về phía

phòng đệm. Sắc đẹp của cô bé làm tôi choáng người. - “Con gái của bác đấy à?” - Tôi hỏi người coi trạm. - “Vâng, con gái tôi đấy! - Bác ta đáp lại với một vẻ hãnh diện, - cháu rất ngoan và nhanh nhẹn, giống hệt mẹ nó lúc sinh thời”. Rồi bác bắt đầu vào sổ giấy lộ trình của tôi, còn tôi thì chú ý ngắm những bức tranh trang trí trong ngôi nhà đậm bạc, nhưng tươi tắn. Một bức tranh kể lại chuyện “Đứa con hư”: bức thứ nhất vẽ một cụ già đội mũ chụp, mặc chiếc áo khoác ngủ, từ biệt một thanh niên có vẻ sốt ruột đang vội vàng nhận lấy lời ban phúc của cha cùng với một túi bạc đầy. Trong bức thứ hai, đời sống hư hỏng trác táng của chàng thanh niên được vẽ nên với những đường nét sắc sảo: y ngồi bên một cái bàn giữa đám bạn bè dối trá và những người đàn bà trơ trẽn. Bức tiếp theo vẽ người thanh niên khốn cùng rách rưới, đầu đội mũ ba góc, đang chặn mấy con lợn và chia thức ăn với chúng; mặt y lộ rõ vẻ buồn sâu sắc và lòng hối hận. Cuối cùng là cảnh anh chàng trở về với người cha; ông già phúc hậu, vẫn chiếc mũ và cái áo ấy, niềm nở ra đón chàng; đứa con hư hỏng đang quỳ trước mặt cha; phía hậu cảnh, người ta thấy chú đầu bếp đang thịt một con bê béo mập và người anh đang hỏi đây đó về duyên cớ của bữa tiệc mừng. Dưới mỗi bức tranh tôi đọc được những câu thơ hoạ cảnh bằng tiếng Đức. Đến ngày nay, ký ức của tôi vẫn còn giữ nguyên tất cả những thứ ấy, cùng chậu hoa phụng

tiên, chiếc giường với chiếc màn cửa sặc sỡ và những đồ vật khác ở quanh tôi hồi ấy. Tôi cũng còn thấy rõ như đang ở trước mặt tôi, người chủ nhà ấy, trạc độ năm mươi, tươi tắn nhanh nhẹn trong chiếc áo hơi dài màu xanh lá cây với ba tấm mẽ đay mà dây đeo đã bạc màu.

Tôi chưa kịp thanh toán xong tiền nong với người đánh xe trạm trước, thì Đunhia đã trở về với âm xamô-va. Chỉ liếc nhìn tôi đến lần thứ hai là cô bé yếu điệu đã nhận thấy tác động của nàng đối với tôi: cặp mắt to và xanh của cô nhìn xuống; tôi bắt chuyện, nàng đáp lại không chút e thẹn như một cô gái lịch duyệt. Tôi mời người cha một cốc rượu pun-sơ; trao cho Đunhia một chén trà, và cả ba chúng tôi chuyện trò như những người đã quen biết nhau từ đời nảo đời nào.

Ngựa sẵn sàng đã lâu, nhưng tôi vẫn chưa muốn rời người coi trạm và cô con gái của bác ta. Cuối cùng tôi cũng đành phải từ biệt họ; người cha chúc tôi đi đường mạnh khỏe, và cô gái tiễn tôi ra tận xe. Trong phòng đệm, tôi dừng lại và xin phép ôm hôn nàng; Đunhia không từ chối... *Kể từ khi tôi làm việc đó*, tôi cũng đã từng hôn nhiều lần, nhưng chưa có chiếc hôn nào để lại trong tôi một kỷ niệm lâu dài và êm đềm đến thế.

Mấy năm trôi qua, tôi lại có dịp đi trên con đường trạm ấy, trở lại những chốn cũ ấy. Tôi nhớ đến cô gái con bác coi trạm già và thấy lòng vui thích khi nghĩ

rằng mình sẽ được gặp nàng một lần nữa. Nhưng tôi lại tự nhủ có thể bác coi trạm già ấy đã đổi đi nơi khác; chắc là Đunhia đã lấy chồng. Tôi thoáng có ý nghĩ rằng bác ta hay cô gái kia đã chết, và tôi tiến gần tới trạm N. với một mối linh cảm buồn rầu.

Ngựa dừng lại trước ngôi trạm nhỏ bé. Vào phòng tôi nhận ra ngay những bức tranh kể lại câu chuyện đứa con hư hỏng; cái bàn và chiếc giường vẫn nguyên chỗ cũ; nhưng bên cửa sổ không còn thấy những đóa hoa như xưa, tất cả xung quanh đều đượm một vẻ tàn tạ và bừa bãi. Bác coi trạm già đang nằm ngủ, mình đắp chiếc áo lông tu-lúp; tiếng chân tôi bước vào đã đánh thức bác; bác đã choàng dậy... Đúng là bác Xamxôn Vurin; nhưng sao già đi nhiều quá! Trong lúc bác vào sổ giấy lộ trình của tôi, tôi ngắm nhìn mái tóc bạc, những nếp nhăn in sâu trên khuôn mặt từ lâu không cạo, cái lưng còng của bác, tôi không khỏi lạ lùng sửng sốt: thời gian ba hay bốn năm đã có thể biến đổi một người đàn ông cường tráng thành một cụ già lom khom như thế ư? Tôi hỏi: “Bác không nhận ra tôi à? Tôi với bác là chỗ quen biết cũ đây mà?” - “Vâng, có thể như thế đấy, - bác cau có đáp lại, - con đường này lớn lắm, tôi đã gặp bao nhiêu khách đi về”. “Đunhia của bác vẫn mạnh khỏe chứ?” - Tôi hỏi tiếp. Ông già cau mặt. “Ồ, có trời mà biết được”, - bác trả lời. - “Thế nghĩa là cô ấy lấy chồng rồi?” - Tôi lại hỏi. Ông già làm ra vẻ như không nghe, và tiếp

tục lăm bằm đọc tờ lộ trình của tôi. Tôi không hỏi nữa và bảo pha trà. Trí tò mò bắt đầu day dứt tôi, và tôi hy vọng rằng một cốc rượu pun-sơ sẽ làm cho ông bạn già của tôi cười mở hơn.

Tôi đã không lăm: ông già chẳng từ chối cốc rượu mời. Tôi để ý thấy rượu mạnh đã xoá dần vẻ cau có của ông. Sang cốc thứ hai ông bắt đầu nói nhiều; ông đã nhớ ra tôi, hoặc làm ra vẻ như đã nhớ ra, và tôi được biết câu chuyện của ông, một câu chuyện đã làm tôi chú ý và xúc động mãnh liệt.

- “Thế ra ông có biết con Đunhia nhà tôi? - Ông ta bắt đầu.- Ai mà không biết con bé kia chứ? Chao, Đunhia! Đunhia! Thật là một con bé khó ai bì kịp! Mọi khách đi qua đều trầm trồ khen ngợi chẳng hề ai chê bai nó. Các bà phu nhân làm quà cho nó hoặc chiếc khăn mùi-soa, hoặc đôi hoa tai. Các khách nam giới thì cố ý dừng lại để ăn bữa trưa hay bữa tối, nhưng kỳ thực chỉ là để nhìn nó được lâu hơn. Các vị công hầu, dù cơn thịnh nộ đến thế nào chẳng nữa, trước mặt nó cũng dịu ngay xuống và ăn nói với tôi rất ôn tồn. Ông có biết không? Ngay các giao thông viên hoá tốc, các sĩ quan liên lạc cũng chuyện trò với nó hàng nửa giờ. Việc nhà việc cửa đều một tay nó lo liệu: cần sắp đặt, nấu nướng gì nó làm đâu ra đấy cả. Còn tôi, một lão già ngu ngốc, tôi cũng để tâm đến nó, có khi tôi cũng nở ruột nở gan về nó nữa; đâu có phải tôi không thương yêu Đunhia, tôi không nâng niu con

gái rượu của tôi; đâu có phải là cuộc sống ở đây không xứng đáng với nó? Không! Con người ta dù cầu khẩn thế nào cũng không tránh được tai hoạ, số trời đã định thì không ai thoát khỏi”. - Rồi ông ta kể cho tôi rõ chi tiết câu chuyện đau buồn của mình.- Ba năm về trước, một buổi chiều mùa đông, giữa lúc bác coi trạm đang kẻ dòng quyển sổ mới, và sau vách ngăn, cô con gái đang ngồi khâu chiếc áo của mình, thì một cỗ xe tam mã đến, một người khách đầu đội chiếc mũ lông kiêu Tséckétxơ, khoác áo ca-pôt nhà binh, choàng khăn san bước vào phòng đòi lấy ngựa. Bao nhiêu ngựa đều đã cho đi hết rồi. Được báo như thế khách lập tức to tiếng và giơ cao chiếc roi da lên, nhưng Đunhia đã quen với những cảnh ấy, liền từ sau vách ngăn chạy ra, dịu dàng hỏi khách: “Thưa ngài, ngài có cần xơi gì không ạ?” Sự xuất hiện của Đunhia đã có tác dụng như thường lệ. Trận lôi đình của khách tiêu tan ngay; khách bằng lòng chờ ngựa và bảo dọn bữa ăn tối. Sau khi khách đã cất cái mũ lông ướt sũng, tháo chiếc khăn san và cởi áo ca-pôt mới thấy rõ đó là một sĩ quan khinh kỵ trẻ tuổi đáng người cân đối, hàng ria mép đen tủa nhỏ. Anh chàng ngồi xuống, chuyện trò vui vẻ cùng bác coi trạm và cô con gái. Bữa ăn chiều đã dọn xong. Giữa lúc ấy có ngựa về. Bác coi trạm không kịp cho ngựa ăn, bảo thắng ngay vào xe của khách; nhưng khi trở vào, bác thấy chàng trai trẻ sóng sượt trên ghê dài, gần như bất tỉnh nhân sự.

Chàng thấy khó chịu và nhức đầu quá, không thể đi được nữa... Biết làm sao đây! Bác coi trạm nhường chiếc giường của mình cho khách, và định bụng rằng nếu bệnh nhân không thuyên giảm thì sáng hôm sau phải cho người đi mời thầy thuốc ở S.

Hôm sau chàng khinh ky càng ốm nặng. Gia nhân của chàng phải phóng ngựa lên phố mời thầy thuốc. Đunhia buộc vào đầu chàng một chiếc khăn tẩm giấm và ngồi ngay cạnh giường khâu vá. Trước mặt bác coi trạm thì bệnh nhân rên rỉ, hầu như không nói được một tiếng nào, nhưng chàng lại uống những hai cốc cà-phê và vừa rên vừa bảo cứ dọn bữa ăn trưa. Đunhia không rời chàng một bước. Chàng luôn mồm đòi uống và Đunhia bung cho chàng cốc nước chanh tự tay nàng pha lấy. Bệnh nhân chỉ nháp môi, và mỗi lần trao lại cốc, để tỏ ý cảm ơn, bàn tay yếu ớt của chàng lại nắm chặt lấy tay nàng. Vào khoảng giờ ăn trưa thì thầy thuốc đến. Ông ta bắt mạch người ốm và trao đổi với chàng bằng tiếng Đức, rồi giải thích bằng tiếng Nga rằng chỉ cần để khách yên tĩnh là khỏi thôi và sau hai hôm là có thể lên đường. Chàng khinh ky trả trả cho ông ta hai mươi lăm đồng rút tiền khám bệnh và mời ở lại ăn trưa; thầy thuốc nhận lời; cả hai ăn uống rất ngon lành, cạn hết một chai rượu vang và chia tay, đôi bên đều rất hài lòng.

Một ngày nữa trôi qua, chàng khinh ky đã hoàn toàn bình phục. Anh chàng cực kỳ vui vẻ, luôn mồm

nói đùa khi thì với Đunhia, khi thì với bác coi trạm; huýt sáo, chuyện trò với khách, ghi giấy lộ trình của họ vào sổ, được lòng bác coi trạm tới mức sớm ngày thứ ba, bác rất lưu luyến khi phải từ biệt người khách đáng yêu ấy. Hôm ấy là ngày chủ nhật; Đunhia sửa soạn đi xem lễ. Xe của chàng khinh kỵ đã đánh ra. Chàng từ giã bác coi trạm và trả tiền trọ, tiền ăn cho bác rất hậu; chàng chào Đunhia và tình nguyện chở nàng đến nhà thờ ở tận cuối làng. Đunhia đang phân vân. Cha nàng bảo: “Con sợ gì kia chứ, ngài đây không phải là con sói, ngài có ăn thịt con đâu mà sợ? Hãy đi nhờ xe ngài đến nhà thờ con ạ”. Đunhia ngồi lên xe bên cạnh chàng sĩ quan khinh kỵ, người hầu nhảy lên chỗ mình, anh đánh xe huýt lên một tiếng và mấy con ngựa phóng đi.

Bác coi trạm khốn khổ kia không hiểu làm sao tự mình lại có thể cho Đunhia cùng đi với chàng khinh kỵ, cái gì làm cho mình mê muội đi, và lý trí mình để đâu? Chưa được nửa giờ, tim bác bắt đầu thất quân và nỗi lo âu giày vò tâm can đến nỗi bác không làm sao chịu được nữa, bác liền ra nhà thờ. Đến nơi bác thấy người đi xem lễ đã tản mát ra về, mà ở trên sân nhà thờ vẫn không thấy Đunhia đâu, trên bậc thềm cũng không có. Bác vội vã đi vào thánh đường, linh mục đang từ điện thờ bước xuống; người trợ lễ đang tắt các ngọn nến, trong một góc hai bà già đang còn cầu nguyện; nhưng Đunhia thì không thấy tăm dạng.

Người bố khốn khổ mãi mới dám đánh bạo hỏi người trợ lý xem Đunhia có đi xem lễ không. Người ấy trả lời là cô ta không đến. Bác coi trạm như người dờ sống dờ chết trở về. Chỉ còn một hy vọng cuối cùng: Đunhia đang ít tuổi nhẹ dạ, có thể lại muốn đi chơi một chuyến đến tận trạm sau thăm bà mẹ dờ đầu ở đó. Trong tâm trạng lo âu quần quai, bác chờ cỗ xe trở về, cỗ xe mà bác đã trót để cho con gái ra đi. Người đánh xe vẫn bật tằm. Cuối cùng, mãi đến chiều tối anh ta mới trở về, chỉ có một mình, say túy lúy, với một cái tin chết điếng: “Đến trạm sau, Đunhia đã tiếp tục đi luôn với chàng khinh kỵ”.

Ông già không chịu nổi điều bất hạnh ấy, ngã lăn ra ngay trên chiếc giường mà hôm trước anh chàng trai trẻ bịp bợm kia đã nằm. Giờ đây bác coi trạm mới nghĩ lại những việc đã qua và vỡ lẽ ra rằng cái trò đau ốm kia toàn là vờ vịt cả. Ông già bị một trận sốt li bì. Họ chở bác đến S. và chỉ định một người khác tạm thế chân. Người chữa cho bác lại chính là viên thầy thuốc đã được mời chữa cho chàng khinh kỵ trước kia. Viên thầy thuốc quả quyết với bác rằng anh chàng thanh niên ấy chẳng bệnh tật gì cả, và ngay bây giờ ông đã đoán được dụng ý hiểm độc của hắn, nhưng không dám nói vì ông sợ chiếc roi da. Không biết người Đức ấy nói thật hay là chỉ muốn khoe rằng mình có con mắt tinh đời, nhưng điều ông ta nói cũng chẳng an ủi gì được cho bệnh nhân khốn khổ. Vừa

mới bình phục thì bác đã xin chủ sự bưu vụ ở S. cho nghỉ phép hai tháng, và không hỏi với ai một lời về ý định của mình, bác cuốc bộ lên đường đi tìm con gái. Xem lại sổ, bác được biết rằng người đó là đại úy khinh kỵ Minxki đi từ Xmôlenxơ đến Pêterburg. Người đánh xe chở y đi đã kể lại rằng Đunhia khóc suốt dọc đường, mặc dù hình như nàng đi là tự nguyện. Bác coi trạm nghỉ: “Có thể ta lại bắt được con cừu lạc của ta trở về!” Với ý nghĩ ấy bác đi đến Pêterburg, nghỉ lại ở chỗ đóng quân của trung đoàn Idơmailốp³⁸, trong nhà một hạ sĩ quan hồi hưu, bạn đồng ngũ trước kia, và bắt đầu việc tìm kiếm của mình. Chẳng bao lâu bác được biết rằng đại úy Minxki ở tại khách sạn Đêmutóp³⁹. Bác coi trạm quyết định đến gặp y.

Từ sáng sớm, bác đã đến tiền sảnh và nhờ vào bẩm với đại úy rằng có một người lính già xin yết kiến. Người lính hầu đang lau một chiếc ủng lông trong cốt, bảo rằng: “Ngài đang ngủ và không tiếp ai trước mười một giờ”. Bác coi trạm bỏ đi và trở lại đúng giờ đã định. Minxki đầu đội mũ chụp đỏ, mặc áo choàng ngủ, thân hành ra đón bác. “Nào, người anh em, cần gì đây?”- Y hỏi. Tim ông già đập mạnh, nước mắt trào ra, và giọng run run chỉ nói được mấy lời: “Bẩm quan lớn!... Xin ngài hãy vì Chúa mà sinh phúc...” Minxki liếc nhìn bác rất nhanh, mặt y đỏ bừng, y chụp lấy tay bác, kéo vào phòng mình, đóng kín cửa lại. “Bẩm quan lớn, - ông già nói tiếp, - dù sao việc cũng đã rồi; ít nhất cũng xin ngài trả con Đunhia tội nghiệp lại

cho tôi. Bây giờ ngài đã thoả thích với nó rồi, xin ngài đừng đẩy nó đến chỗ tàn tạ làm gì”.- “Việc đã qua, ta không bàn trở lại, - chàng trai trả lời, về hết sức bối rối, - tôi có lỗi với lão, tôi mong lão bỏ qua cho; nhưng chớ có nghĩ rằng tôi có thể rời bỏ Đunhia; nàng sẽ được sung sướng, tôi lấy danh dự mà nói với lão như thế. Lão đem nàng về làm gì nào? Nàng yêu tôi; nàng không còn quen với cảnh sống trước kia nữa rồi. Việc đã xảy ra, lão cũng như Đunhia, sẽ không thể nào quên được đâu”. Nói đoạn, Minxki chuôi vào ống tay áo của bác một vật gì đó; y mở cửa ra, và người coi trạm chưa kịp trấn tĩnh thì đã thấy mình đang đứng ở giữa đường.

Bác đứng chờ ra đấy hồi lâu, cuối cùng thấy trong tay áo mình có cuộn giấy; bác rút ra, mở xem thấy mấy tờ giấy bạc năm rúp và mười rúp nhàu nát. Nước mắt bác lại trào ra, những giọt nước mắt phần uất! Bác vò nát năm giấy bạc ném xuống đất xéo dưới gót chân, rồi bỏ đi... Được mấy bước, bác dừng chân suy nghĩ...và quay trở lại... nhưng mấy tờ giấy bạc không còn đó nữa. Một anh chàng trai trẻ ăn mặc bảnh bao thấy bác, bèn chạy nhanh đến một cỗ xe cho thuê, nhảy vọt lên và thét: “Đi đi!...” Bác coi trạm không buồn đuổi theo. Bác quyết định sẽ trở về trạm sở, nhưng bác lại muốn nhìn thấy cô con gái Đunhia đáng thương của mình dù chỉ một lần nữa thôi cũng được. Vì thế, hai hôm sau bác trở lại chỗ Minxki; người lính hầu lạnh lùng bảo rằng quan lớn không tiếp ai cả, lấy

ngực ấy bác ra khỏi nhà và đóng sầm cửa ngay trước mũi bác. Bác coi trạm đứng lặng một lúc, rồi bỏ đi.

Cũng ngay ngày hôm ấy, vào buổi chiều, sau khi xem lễ ở nhà thờ “Tất cả những người đau khổ”, bác đi dọc đường phố Lichâynaia. Bỗng một chiếc xe ngựa sang trọng vụt qua, và bác coi trạm nhận ra Minxki. Chiếc xe dừng bánh trước cổng một ngôi nhà ba tầng và gã kỵ binh bước nhanh lên bậc thềm. Một ý nghĩ bất ngờ chợt loé lên trong trí óc người coi trạm. Bác quay trở lại, đến gần anh đánh xe, hỏi: “Ông bạn ơi, ngựa này có phải của ngài Minxki không?” - “Phải đấy, - anh đánh xe đáp, - nhưng bác muốn gì?” - “May quá, ngài Minxki có bảo tôi đem đến cô Đunhia một lá thư nhỏ, nhưng tôi quên mất không nhớ nhà cô Đunhia ở đâu cả?” - “Ồ, ở đây chứ đâu, trên gác hai ấy. Nhưng bác và thư đến chậm rồi; bây giờ thì chính ông ấy đã đến đây với cô ta”. - “Không cần, - bác coi trạm trả lời, lòng hồi hộp không sao tả xiết, - cảm ơn anh đã chỉ bảo cho, nhưng việc tôi, tôi phải làm”. Dứt lời, bác bước ngay lên cầu thang.

Cửa đóng kín; bác gõ cửa, mấy giây chờ đợi đối với bác thật là nặng nề. Tiếng chìa khoá lách cách, có người mở cửa. - “Có cô Ápdôchia Xamxônốpna* ở đây phải không ạ?” - bác hỏi. - “Phải, ở đây, - cô hầu gái trẻ tuổi đáp, - bác cần hỏi việc gì?” Bác coi trạm không trả lời,

* Ápdôchia tức là Đunhia (Đunhia là tên gọi âu yếm).

bước vào phòng. “Ấy chớ, chớ! - Cô hầu gái gọi với theo. - Ápdôchia Xamxônốpna đang bận khách”. Nhưng bác coi trạm không nghe, cứ đi thẳng. Qua hai gian phòng tối, đến phòng thứ ba thì thấy có đèn. Bác đến gần cái cửa đang mở thì dừng lại. Trong gian phòng bày biện sang trọng, Minxki đang ngồi tư lự. Đunhia phục sức lộng lẫy theo thời trang ngồi trên tay vịn ghế bành trông như một nữ kỵ mã trên chiếc yên ngựa kiểu Anh⁴⁰ của mình. Nàng đang âu yếm nhìn Minxki, mân mê quần mớ tóc quần đen nhánh của chàng vào mấy ngón tay óng ánh kim cương. Tội nghiệp cho bác coi trạm! Chưa bao giờ bác thấy con gái của bác xinh đẹp đến thế; bác ngẩng mặt nhìn. “Ai đấy?” - Đunhia cất tiếng hỏi, không ngẩng mặt nhìn. Bác vẫn im lặng. Không nghe tiếng trả lời; Đunhia ngẩng đầu... và thét lên một tiếng, ngã lăn ra trên tấm thảm. Minxki hoảng hốt vội chạy đến đỡ nàng, nhưng bỗng nhìn ra cửa, thấy người coi trạm già, y bỏ Đunhia, xông về phía bác, run lên vì tức giận. “Người cần gì? - Y nghiến răng hỏi, - tại sao người cứ theo ta khắp nơi như đồ trộm cướp? Hay là người muốn ám sát ta? Cút đi!” - Và bàn tay khỏe mạnh của y túm lấy cổ áo ông già, tổng ra cầu thang.

Bác trở về chỗ trọ. Người bạn khuyên bác đi kiện; nhưng bác coi trạm suy đi tính lại, đành phó mặc trời, và quyết định rút lui. Hai ngày sau bác từ già Pêterburg trở về trạm sở tiếp tục làm nhiệm vụ của mình. “Thế là đã ba năm rồi, - bác kết luận, - tôi sống không có Đunhia và cũng biết vô âm tín về nó. Nó

còn sống hay không, chỉ có Chúa biết. Lường sao cho hết được việc đời. Nó không phải là người đầu tiên cũng không phải là kẻ cuối cùng bị bọn phóng đảng qua đường quyến rũ, giữ một ít lâu, rồi ruồng bỏ. Ở Pêterburg có rất nhiều những cô ả, hôm nay sống trong nhung lụa, ngày mai đã thấy ra quyết đường cùng với lũ người khốn cùng rách mướp⁴¹. Đôi khi nghĩ rằng Dunhia sẽ có thể có ngày lâm vào cảnh ấy, thì dù biết là mang tội với Chúa, tôi vẫn mong cho nó chết đi còn hơn...”

Câu chuyện của người bạn coi trạm giả của tôi là như thế đấy, một câu chuyện luôn luôn bị ngắt quãng vì những giọt nước mắt mà bác lấy ống tay áo gạt khéo đi giống như nhân vật Têrentích⁴² cần mẫn trong bài ca tuyệt tác của Dmitoriép. Những giọt nước mắt này nhỏ ra một phần cũng vì sự kích thích của năm cốc rượu pun-sờ mà bác đã nốc cạn trong khi kể chuyện; nhưng dù sao vẫn làm cho tim tôi xúc động mãnh liệt. Sau khi từ biệt, tôi vẫn còn nhớ mãi bác coi trạm giả và rất lâu tôi vẫn cứ nghĩ đến cô Dunhia đáng thương...

Vừa rồi đây đi ngang qua vùng X. tôi chợt nhớ tới ông bạn cũ; tôi được biết rằng ngôi trạm do bác ấy trông nom, ngày nay đã bãi bỏ rồi. Nhưng khi tôi hỏi: “Bác coi trạm giả còn sống không?”, - thì không một ai trả lời cho thoả đáng. Tôi quyết định tới thăm chốn quen thuộc ấy, và thuê ngựa tư về làng N.

Hôm ấy đang trong tiết thu. Mây xám phủ kín bầu

trời; gió lạnh thổi qua những cánh đồng đã gặt, cuốn theo những chiếc lá đỏ, vàng của cây cối bên đường. Tôi đến làng khi trời đã ngả về chiều và dừng lại trước túp nhà trạm cũ. Một người đàn bà to béo bước ra phòng đệm (nơi xưa kia đã có lần Đunhia hôn tôi), nghe tôi hỏi, bà ta trả lời rằng bác coi trạm già đã mất hơn một năm nay, nhà này bây giờ một người nấu rượu bia đến ở và bà ta là vợ của người ấy. Tôi tiếc cuộc hành trình vô ích và bầy đồng rúp chi tiêu uống phí. “Bác ta vì sao mà chết thế?” - tôi hỏi vợ người hàng rượu. “Vì uống rượu nhiều quá”, - bà ta đáp lại. “Họ an táng bác ấy ở đâu nhỉ?” - “Ở ven rìa làng, bên cạnh mộ bà vợ của ông ấy”. - “Có thể giúp tôi đến viếng mộ bác ấy không?” - “Sao lại không? Đây, Vanhia, thôi đừng có nghịch mèo nữa. Mày đưa ông ấy ra nghĩa trang và chỉ cho ông ngôi mộ của bác coi trạm nhé!”

Bà ta vừa dứt lời, một em bé rách rưới, tóc hoe, chợt mất chạy đến bên tôi và lập tức đưa tôi ra nghĩa trang.

Dọc đường tôi hỏi chú bé:

- Cháu có biết bác coi trạm ấy không?

- Sao lại không? Ông ấy vẫn dạy chúng cháu khoét sáo và (mong Chúa cứu vớt linh hồn ông) đôi lúc ông ở quán rượu ra, chúng cháu vẫn bu theo vôi: “Ông ơi ông, hạt dẻ nào!” - thế là ông phân phát hạt dẻ cho chúng cháu. Ông vẫn đùa với chúng cháu đấy.

- Thế hành khách có ai nhớ đến bác ta không?

- Bây giờ thì ở đây ít người qua lại; hoạ hoằn chỉ có

ông bồi thẩm thỉnh thoảng về đây. Nhưng ông ấy không hơi đâu mà nghĩ đến người chết. Mùa hè vừa rồi có một bà phu nhân đi qua đây, bà có hỏi thăm ông coi trạm và viếng mộ ông ấy.

Tôi tò mò hỏi:

- Phu nhân nào thế?

- Một phu nhân rất đẹp, - chú bé đáp, - đi một cỗ xe sáu ngựa kéo, với ba cậu ả, một người vú và một con chó nhỏ đen; khi nghe nói ông coi trạm chết, bà ấy khóc và bảo mấy cậu con rằng: “Các con ngồi đây cho ngoan nhé, mẹ đi ra nghĩa trang”. Cháu đã toan tình nguyện đưa đường, nhưng bà bảo: “Ta biết lối đi rồi”. Bà cho cháu đồng xu năm bằng bạc, bà ấy tốt quá!..

Chúng tôi đã đến nghĩa trang, một cái bãi trơ trụi, không rào giậu, không một bóng cây, chỉ lơ thơ mấy chiếc thánh giá bằng gỗ. Xưa nay tôi chưa thấy một nghĩa trang nào ảm đạm thế lương đến thế.

- Đây là mộ ông coi trạm già, - chú bé vừa bước tới vừa chỉ một nắm cát có trồng một cây thánh giá mang tượng thánh bằng đồng.

- Bà phu nhân có đến đây à? - tôi hỏi.

- Vâng, đến đây, - em Vanhia đáp; - cháu đứng đằng xa nhìn. Bà ấy sụp xuống đây nằm mãi một hồi lâu. Sau đó bà vào trong làng gặp linh mục trao một món tiền, rồi ra đi, lại cho cháu một đồng xu năm nửa - bà ấy tốt quá!

Tôi cũng thế, tôi cho em bé đồng xu năm và không còn tiếc cuộc hành trình cũng như bảy đồng rúp tiêu phí nữa.

CÔ TIỂU THƯ NÔNG DÂN

Em xinh, em mặc áo nào cũng xinh.

*Boócdanôvích*⁴³

Trang viên của Ivan Pêtrôvích Bêrêxtốp ở vào một trong những tình xa xôi của chúng ta. Thuở còn trẻ lão tòng ngũ trong quân cận vệ, đến đầu năm 1797 hồi hưu⁴⁴, trở về trại ấp riêng của mình và từ bấy giờ không rời khỏi nơi ấy nữa. Lão kết hôn với một phụ nữ quý tộc nghèo, bà ta chết kỳ ở cũ, giữa lúc lão đang đi săn. Chẳng bao lâu công việc trại ấp đã làm cho lão khuây khoả. Lão cho xây nhà theo bản đồ án thiết kế tự vẽ lấy, dựng lên một xưởng dệt dạ trong trại ấp của mình, tăng lợi nhuận lên gấp ba lần, và bắt đầu tự cho mình là kẻ thông minh nhất trong vùng. Về ý nghĩ này của lão thì những bạn láng giềng cũng không ai phản đối; họ vẫn thường cùng gia đình và đem cả chó nữa đến nhà lão ăn uống. Ngày thường lão mặc áo nhung ngắn, ngày hội lão khoác chiếc áo lễ bằng dạ do nhà lão dệt ra. Lão tự tay ghi lấy những khoản chi tiêu và chẳng đọc gì hết ngoài tập “Tin tức của Pháp viện tối cao”⁴⁵. Nói chung, mọi người đều yêu mến lão, mặc dù họ vẫn cho là lão hợm mình.

Không giao hảo với lão thì chỉ có Grigôri Ivanôvich Murômxxki, kẻ láng giềng gần nhất. Lão này là một tay quý tộc Nga chính cống. Lão đã vung phí hết phần lớn gia tài ở Mátxcôva, và đến khi goá vợ lão về ở cái trại ấp cuối cùng còn sót lại. Nơi đây, lão cũng tiếp tục vung phí, nhưng lại theo một cách thức khác. Lão chăm bón một khu vườn theo kiểu Anh và đã ném vào đấy gần hết các khoản thu nhập còn lại. Lũ giữ ngựa nhà lão ăn mặc theo kiểu giô-kê⁴⁶ bên Anh. Con gái lão cũng có một người đàn bà Anh chăm nom. Đồng ruộng của lão cũng trồng trọt theo kiểu Anh:

Nhưng với cách trồng lạ, lúa mì Nga không mọc⁴⁶, và mặc dù đã giảm bớt các khoản chi tiêu đi khá nhiều, thu nhập của lão Grigôri Ivanôvich cũng vẫn không tăng thêm lên được. Và tuy ở thôn quê mà lão vẫn tìm được cách chồng chất thêm những món nợ mới. Tuy vậy, người ta vẫn không thể xem lão như là một người ngốc vì lão là người đầu tiên trong các địa chủ của tỉnh đã đem trại ấp mình giao cho Hội đồng giám hộ trông nom⁴⁷, một hành động mà thời ấy người ta cho là khó hiểu và táo bạo. Trong số những người chê bai lão này thì Bêrêxtốp là người tỏ ra khe khắt nhất. Thù ghét mọi sự canh tân là một nét đặc biệt trong bản tính của Bêrêxtốp. Lão không thể nào giữ được bình tĩnh khi nói đến thói sùng Anh của kẻ láng giềng

* Người cưỡi ngựa đua.

và luôn luôn tìm dịp chỉ trích thói ấy. Những khi đưa khách đi xem các trại ấp, hề khách có khen ngợi cách quản lý của lão, thì lão cười ranh mãnh trả lời: “Thưa vâng, ở nhà tôi không phải như ở nhà ông láng giềng Grigôri Ivanôvich. Tội gì mà lại phá sản theo lối Anh! Tốt hơn là hãy no đủ theo lối Nga cũng được rồi”. Những lời lẽ châm chọc tương tự như thế, được các ngài láng giềng sốt sắng đem đến tai Grigôri Ivanôvich với những lời bổ sung và giải thích thêm. Cũng giống hết như các nhà báo của chúng ta, lão sùng Anh này không thể kiên nhẫn chịu đựng những lời phê bình. Lão phát khùng lên và mệnh danh nhà phê bình ác khẩu kia là đồ quê mùa, đồ gấu.

Quan hệ giữa hai trại ấp đang trong tình trạng ấy thì con trai lão Bêrêxtốp về làng. Anh chàng này đã từng học qua trường đại học X. và có nguyện vọng muốn tòng ngũ. Nhưng cha chàng không đồng ý. Mà phục vụ trong hàng văn quan thì chàng trai trẻ này tự cảm thấy là hoàn toàn không có khả năng. Hai cha con chẳng ai chịu ai, và chàng Alếchxây trong khi chờ đợi vẫn bình tĩnh sống cuộc đời quý tộc nông thôn, để sẵn bộ ria⁴⁸ để chờ dịp.

Alếchxây quả là một trang thanh niên tuấn tú. Nếu cái thân hình cân đối của chàng mà không được bó trong bộ quân phục, nếu đáng lẽ xuất hiện trên mình ngựa mà chàng lại đem cả tuổi trẻ gò lưng trên bàn giấy văn phòng thì thật là đáng tiếc. Nhìn thấy chàng

đi săn, luôn luôn phóng ngựa ở hàng đầu, chẳng thèm để ý đến đường sá, những người láng giềng đều nhất trí bảo rằng anh chàng này chẳng bao giờ trở nên một ông chánh văn phòng cho ra hồn được. Các cô tiểu thư mê mắt đến chàng, có những cô còn nhìn chàng mê mết nữa là khác. Nhưng Aléchxây ít lưu ý đến họ, và họ đoán rằng sở dĩ chàng lãnh đạm chắc là vì chàng đã có nhân tình, nhân ngãi ở đâu rồi. Quả có như thế, họ đã chuyển tay nhau một địa chỉ chép lại từ một bức thư mà chàng đã gửi đi: *Gửi Akulina Pêtrópna Kurótskina ở Mátxcova, trước tu viện Aléchxêépki, nhà bác thợ đồng Xavêliép, trân trọng nhờ chuyển thư này*. A. N. R.

Trong số độc giả của tôi, có nhiều bạn không sống ở nông thôn, các bạn ấy chắc không hình dung được cái duyên dáng của các cô tiểu thư ở các huyện! Được nuôi nấng giáo dục giữa bầu không khí trong lành, dưới bóng những cây táo trong vườn nhà, những hiểu biết về thế giới và cuộc đời họ chỉ thu lượm được từ trong sách vở. Tâm trạng cô tịch, tính tự do và thói quen đọc sách đã làm cho các cô ấy sớm có những tình cảm, những nỗi niềm say đắm rất xa lạ đối với những giai nhân thành thị vốn hay lơ đãng của chúng ta. Đối với các tiểu thư này thì tiếng nhạc ngựa là cả một cuộc phiêu lưu ly kỳ, một chuyến đến thăm một thành phố gần ở đâu đấy đã là cả một biến cố đáng ghi nhớ trong đời, một buổi viếng thăm của một người khách sẽ ghi lại trong họ một kỷ niệm lâu dài, có khi

là vĩnh viễn. Chắc hẳn là bất cứ ai cũng có thể sẵn sàng chế giễu những điều kỳ quặc ấy của họ, nhưng những lời giễu cợt của một người quan sát nông cạn không thể nào xoá mờ được những phẩm chất căn bản của họ, mà chủ yếu là *cái đặc điểm tính cách, cái nhân cách độc đáo* (individualité) mà Giăng-Pôn⁴⁹ cho rằng hề thiếu cái đó là không có cái vĩ đại của con người nữa. Có thể là ở các thủ đô thì phụ nữ được hấp thụ một nền giáo dục tốt hơn; nhưng tập quán của giới thượng lưu nhanh chóng san bằng mọi cá tính làm cho tâm hồn họ cũng rập khuôn với nhau giống như những chiếc mũ cùng một thời trang vậy. Điều này nói lên hẳn chắc không phải là để lên án hay chỉ trích, nhưng, như một nhà bình luận xưa đã nói: *nota nostra manet**.

Aléchxây đã gico vào đám các cô tiểu thư của chúng ta một ấn tượng như thế nào thì cũng dễ hiểu thôi. Chàng là kẻ đầu tiên xuất hiện trước các cô ấy với vẻ u sầu và chán chường, là kẻ đầu tiên nói với các cô ấy về những hạnh phúc đã tiêu tan và tuổi xuân của mình đã tàn tạ; nhất là chàng lại đeo một chiếc nhẫn đen có khắc hình một cái đầu lâu. Tất cả những điều này đều cực kỳ mới lạ đối với cái tình ấy. Các cô tiểu thư cứ phát cuồng lên vì chàng.

Nhưng kẻ chú ý đến chàng nhiều nhất đó là cô con

* Lời nhận xét của chúng tôi vẫn có hiệu lực (*tiếng La-tinh*).

gái lão quý tộc sùng Anh của chúng ta, cô Lida (hay Bétxi^{*} như Grigôri Ivanôvich vẫn gọi). Hai ông bố của đôi bên không đi lại với nhau, nàng chưa được trông thấy Alếchxây, nhưng trong lúc ấy thì tất cả các cô thiếu nữ láng giềng đều một mực chỉ bàn tán về anh chàng ấy. Nàng mới mười bảy tuổi. Cặp mắt huyền đã điểm thêm vẻ linh hoạt cho khuôn mặt nước da bánh mật rất duyên dáng của nàng. Nàng là con một và do đó cũng là con cưng. Tính hiếu động và những trò tinh nghịch không ngớt của nàng khiến cho ông bố rất thích thú, nhưng lại làm cho người gia sư của nàng là mụ Giécxơn hết sức khô sở. Mụ này đã bốn mươi tuổi, nhưng còn rất kiêu cách, đánh phẩn, kẻ lông mày, mỗi năm hai lần tụng đọc “Pamêla”⁵⁰ để nhận khoản lương hai nghìn rúp và chết mòn vì buồn chán *trong cái nước Nga man rợ này*.

Hầu hạ Lida thì có chị Naxchia; chị này lớn hơn Lida vài tuổi, nhưng tính lại cũng nông nổi hết như cô chủ. Lida rất mến chị ta, thổ lộ với chị ta tất cả mọi điều bí mật và thường cùng chị ta bàn bạc những trò tinh nghịch của mình. Tóm lại trong trại ấp Prilútsinô, Naxchia là một nhân vật quan trọng hơn bất cứ người thị tỳ tâm phúc nào trong bí kịch Pháp.

- Hôm nay xin phép cô cho tôi đi ăn cơm khách, -

* Lida là cách gọi âu yếm tên Lidavêta của người Nga, tức tên *Elisabeth* của người Anh. Người Anh thì gọi tắt tên *Elisabeth* là *Betsy*.

một hôm Naxchia vừa mặc áo cho Lida vừa nói.

- Được, nhưng ở đâu?

- Ở Tughilôvô, nhà Bêrêxtốp. Hôm nay bên ấy ăn mừng ngày lễ thánh của vợ anh đầu bếp ở nhà họ, và chị ta đến mời chúng tôi tới ăn trưa.

Lida nói:

- A, chủ nhà thì học hạc với nhau, còn tôi tớ thì lại tiệc tùng với nhau thế đấy.

Naxchia đáp:

- Nhưng việc chúng tôi thì có quan hệ gì đến các ông chủ, hơn nữa, tôi là người hầu của cô, chứ có phải là của ông nhà đâu. Mà cô thì nhất định là không có xích mích gì với cậu Bêrêxtốp trẻ tuổi chứ; các cụ già cứ mặc kệ họ cãi nhau, nếu họ lấy đó làm điều thích thú.

- Naxchia, hãy cố mà nhìn rõ xem Aléchxây Bêrêxtốp ra sao, trông anh ta như thế nào, rồi về kể lại cho ta nghe tường tận nhé.

Naxchia nhận lời, và Lida suốt ngày sốt ruột chờ đợi chị ta về. Chiều tối, Naxchia mới ló mặt ra; chị vừa bước vào phòng vừa nói với nàng:

- Ô, Lidavêta Grigôriépna, tôi đã thấy chàng thanh niên Bêrêxtốp rồi, tha hồ mà ngắm; suốt ngày chúng tôi cùng vui chung mà lại.

- Thế nào? Nào kể đi, kể tuần tự có đầu có đuôi nhé.

- Thưa cô, thế này này, chúng tôi đi, tôi, Anhixia Êgôrôpna, Nhênhila, Đunhia...

- Được, được, ta biết rồi. Nhưng rồi sao?

- Thưa cô, để tôi kể tuần tự cho cô đầu có dưa!
Chúng tôi đến dự bữa ăn trưa. Gian phòng chật ních những người, nào gia nhân nhà Còbin, gia nhân nhà Dakhariép, mụ quản gia và các cô con gái, người nhà Khlupin...

- Thôi! Còn Bêrêxtốp?

- Khoan đã, thưa cô. Chúng tôi ngồi cả vào bàn, mụ quản gia ngồi ở hàng đầu, tôi ngồi bên cạnh mụ... các cô con gái của mụ thì cứ vênh mặt lên, nhưng tôi chả thèm đếm xỉa gì đến chúng...

- Chao ôi, Naxchia, chán cho mày quá, sao nhiều chi tiết miên man vô tận thế!

- Vâng, nhưng sao cô sốt ruột quá chừng thế! Rồi chúng tôi rời khỏi bàn ăn... chúng tôi ngồi suốt ba giờ đấy, bữa ăn thịnh soạn lắm: bánh mật, bánh kem xanh đỏ và rần rện... Và rồi chúng tôi rời khỏi bàn ăn, ra vườn chơi trò đuổi bắt nhau, thì công tử hiện ra.

- Nào, thế nào? Có thực đúng là chàng ta đẹp thật không?

- Đẹp lạ lùng, có thể nói là một trang thanh niên tuần tú. Dáng người cân đối, cao, đôi má hồng hào...

- Thật không? Thế mà ta tưởng rằng da mặt chàng ta tái xanh kia đấy. Thế là thế nào? Mày trông chàng ta thế nào? Buồn rầu chứ? Có vẻ tư lự chứ gì?

- Cô nói gì vậy? Thật trong đời tôi chưa thấy một người nào táo tợn như thế. Cậu ta nảy ra ý kiến chơi

đuổi bắt với chúng tôi kia đấy.

- Chạy chơi đuổi bắt với các người. Dâu có thể như thế được!

- Rất có thể như thế đấy! Cậu ta còn bày ra chuyện này nữa chứ! Hề bắt được thì ôm hôn.

- Mặc kệ này, Naxchia ơi, mà nói dối!

- Mặc kệ cô, tôi không nói dối. Tôi phải cố hết sức mới dứt khỏi tay cậu ta. Suốt ngày cậu ấy chơi đùa với chúng tôi như thế đấy.

- Thế sao họ bảo Bêrêxtốp đã có người yêu và chẳng để mắt đến ai cả?

- Cái đó thì tôi không biết, chứ cậu ta cứ nhìn tôi chằm chặp ấy, nhìn cả Tanhia, con gái ông quản gia, nhìn cả Pasa, đầy tớ gái ông Cônbin nữa, nói của đáng tội, cậu ta cũng chẳng làm cho ai phật ý, anh chàng thật đến hay!

- Lạ thật! Thế mà có nghe người trong nhà nói về chàng như thế nào không?

- Họ nói công tử thật là tuyệt diệu, rất hảo tâm, rất vui tính. Chỉ có một điều không tốt là cậu thích chạy theo các cô gái quá chừng. Nhưng theo tôi, điều ấy chưa phải là tai hoạ gì: lâu rồi cũng phải đầm tính lại.

- Sao mà ta muốn thấy mặt chàng quá đi mất! - Lida thở dài nói.

- Thưa cô, điều ấy có gì là khó khăn? Tughilôvô ở gần ta, chỉ chừng ba véc-xta: cô cứ dạo về phía ấy, hay phóng ngựa đi chơi, nhất định là cô sẽ gặp. Ngày

nào cậu ấy cũng xách súng đi sẵn từ sáng sớm.

- Nhưng không được, như thế không tốt. Bêrêxtốp có thể tưởng rằng ta chạy theo chàng. Hơn nữa, hai ông bố đang xích mích, ta cũng không nên làm quen với chàng... A, Naxchia! Người có biết không? Ta sẽ cải trang làm một cô gái nhà quê!

- Ô, đúng đấy. Cô hãy mặc một chiếc sơ-mi vải thô, một chiếc áo xa-ra-phan và mang đạn đi bộ đến Tughilôvô. Tôi cam đoan rằng nhất định Bêrêxtốp sẽ chẳng để cho cô thoát đâu.

- Ủ, mà tiếng vùng này ta nói thạo lắm. Này, Naxchia, Naxchia yêu mến ơi! Sáng kiến này thật tuyệt diệu! - Và Lida đi ngủ, định bụng sẽ thi hành bằng được cái ý định tinh nghịch ấy.

Ngay ngày hôm sau nàng bắt tay vào thực hiện kế hoạch. Nàng cho người ra hiệu tạp hoá mua vải thô, vải xanh Tàu, khuy đồng. Với sự giúp đỡ của Naxchia, nàng cắt áo sơ-mi và xa-ra-phan, huy động tất cả các chị đây tớ gái may, đến chiều hôm ấy mọi việc đã chuẩn bị xong. Lida mặc thử áo mới ngắm mình trước gương soi và thú nhận rằng chưa bao giờ nàng lại thấy mình xinh đến thế! Nàng tập đi dượt lại vai trò của mình, vừa đi vừa chào cúi sát người, chốc chốc lại lắc lư cái đầu như con mèo đất⁵¹, nàng nói theo giọng gái nhà quê, vừa cười vừa lấy ống tay áo che mặt. Naxchia hoàn toàn tán thưởng tài cô tiểu thư của mình. Duy chỉ có một điều khó khăn: nàng thử đi chân đất qua

qua lại lại trong sân, ngọn cỏ đâm gót chân mịn màng của nàng đau quá, cát và sỏi đối với nàng hình như không sao chịu nổi. Naxchia lại giúp nàng: chị đo bàn chân Lida, chạy ra đồng tìm gã chăn cừu Tơrôphim và đặt cho gã tét đôi giày vỏ cây theo kích thước ấy. Hôm sau trời vừa tờ mờ sáng Lida đã dậy. Cả nhà vẫn đang ngủ. Naxchia ra cửa đón gã chăn cừu. Tiếng tù và vang lên và đàn cừu vùng thôn dã lần lượt đi qua trước cổng nhà lãnh chủ. Tơrôphim đến gần Naxchia, đưa cho chị đôi giày xinh xắn nhiều màu và nhận năm mươi cô-pếch tiền thưởng. Lida lặng lẽ cái trang làm thôn nữ, thì thầm dặn dò Naxchia về cách đối phó với mục Giécxơn, rồi ra cửa sau, băng qua vườn rau, chạy ra đồng.

Bình minh rạng sáng ở phương đông, những hàng mây vàng rực rỡ chờ đón vầng thái dương, khác nào những triều thần đang đón chờ hoàng đế: bầu trời trong sáng, không khí mát mẻ của buổi ban mai, những hạt sương đọng, làn gió nhẹ và đàn chim hót, tất cả khiến cho lòng Lida tràn ngập một niềm vui sướng như con trẻ. Vì sợ gặp phải người quen, nên Lida đi rất nhanh, dường như là bay, chứ không phải bước đi nữa. Đến gần cánh rừng ở ven đường phân ranh giới trại ấp của cha mình, Lida chậm bước lại. Đây là nơi nàng định đến gặp Aléchxây. Tim nàng đập mạnh, tự nàng cũng không biết vì sao. Nhưng cái nỗi lo sợ vẫn cứ đi kèm theo các trò tình nghịch của

tuổi trẻ lại chính là điều làm cho các trò đó càng thêm thú vị. Lida đi vào trong khoảng tranh tối tranh sáng của lùm cây. Tiếng rì rào của cánh rừng chào mừng cô gái. Niềm vui của nàng dịu lại. Tâm hồn nàng bắt đầu phiêu diêu trong cõi mộng. Nàng nghĩ... nhưng nào ai biết đích xác được một tiểu thư mười bảy tuổi đang suy nghĩ gì một mình trong cánh rừng vào lúc năm giờ của một buổi sáng mùa xuân? Nàng cứ thế bước đi, tự lự, trên con đường có những cây cao che phủ dọc hai bên bờ, bỗng một con chó săn tuyệt đẹp chồm về phía nàng mà sủa. Lida hoảng sợ thét lên. Vừa ngay lúc ấy có tiếng gọi: "*Tout beau, Sbogar, ici...*" - và một chàng đi săn trẻ tuổi hiện ra sau lùm cây. - "Đừng sợ, cô thiếu nữ xinh đẹp ơi, - chàng bảo Lida, - chó của tôi không cắn đâu!". Lida đã hoàn hồn sau cơn sợ hãi, nàng lập tức lợi dụng ngay cơ hội. Nàng nói làm ra vẻ nửa sợ hãi, nửa e thẹn: "Trời ơi, thưa ngài, tôi sợ quá, trông nó dữ tợn chưa kia, đây, nó lại chồm lên nữa đấy". Aléchxây (độc giả chắc đã nhận ra chàng rồi) trong lúc ấy chăm chú ngắm nhìn cô thôn nữ trẻ trung; chàng bảo: "Nếu cô sợ thì tôi sẽ đưa cô đi, thế cô có cho phép tôi đi bên cạnh cô chẳng?" - Nàng đáp: "Nào có ai ngăn cản ngài, tùy ý chứ, đường đi là của làng nước kia mà". - "Cô từ đâu đến đây thế?" - "Từ Prilútsinô, tôi là con gái ông thợ

* Im, Sbôga, lại đây (*tiếng Pháp*).

rèn Vaxili, tôi đi hái nấm” (Lida có đeo một cái giỏ lưng lủng đầu sợi dây con). - “Còn ngài, thưa ngài có phải ngài là người làng Tughilôvô không ạ?” - Aléchxây đáp: “Đúng thế, tôi là người hầu phòng của công tử”. Aléchxây muốn cho quan hệ giữa đôi bên được bình đẳng. Nhưng Lida nhìn chàng và phá lên cười: “Ngài nói dối, tôi chưa phải là đồ ngốc đâu. Tôi biết rồi, chính ngài là công tử đấy!” - “Vì sao cô lại nghĩ thế?” - “Vì đủ mọi thứ.” - “Nhưng như thế là thế nào?” - “Thưa ngài, lẽ nào lại không phân biệt được công tử và kẻ hầu ư? Là người hầu thì ngài phải ăn mặc khác, nói năng phải khác, ngài lại gọi chó khác hẳn chúng tôi”. Lida mỗi lúc lại càng khiến cho Aléchxây mê mết. Vốn quen thói suồng sã với các cô gái xinh đẹp ở nông thôn, chàng định ôm choàng lấy Lida; nhưng Lida giật lùi lại một bước, vẻ mặt bỗng trở nên nghiêm nghị lạnh lùng, điều đó tuy khiến cho chàng buồn cười, nhưng đã kìm giữ được chàng lại, không để chàng đi xa hơn nữa. Nàng nói trịnh trọng: “Nếu như ngài muốn sau này chúng ta làm quen với nhau thì xin ngài đừng sỗ sàng như thế”. Aléchxây cười lớn nói: - “Ai dạy cho cô cái nết khôn ngoan ấy? Phải chăng nhà chị Naxchia, người quen của tôi hay là một người hầu của tiểu thư nhà cô. Đấy người ta mách bảo nhau như vậy đấy!” Lida cảm thấy mình suýt quên mất vai trò đang đóng, nàng nói chữa: “Thế ngài bảo sao, há dễ tôi chẳng bao giờ bước chân đến nhà lãnh chủ hay sao, tôi cũng được nghe nhiều và

thấy nhiều chứ? Nhưng, - nàng nói tiếp, - mãi chuyện trò với ngài rồi không hái được nấm. Thôi, công tử, ngài hãy đi lối của ngài, tôi đi đường khác, xin lỗi ngài...” Lida muốn đi xa, Aléchxây nắm tay nàng lại: “Nhưng này, cô tên là gì?” - “Akulina, - Lida đáp, cố gắng gỡ mấy ngón tay của mình ra khỏi bàn tay Aléchxây, - buông tôi ra, công tử, đến lúc tôi phải trở về nhà đây”. - “Được rồi, cô Akulina của tôi ơi, nhất định là tôi sẽ đến chơi nhà ông thân cô, đến nhà bác thợ rèn Vaxili”. Lida cuống quýt hỏi:

“Ngài bảo gì, vì Chúa, xin ngài chờ có đến. Nếu ở nhà biết rằng tôi nói chuyện với công tử một mình ở trong rừng thì sẽ khổ thân tôi; cha tôi, ông thợ rèn Vaxili sẽ đánh chết tôi thôi”. - “Nhưng thế nào tôi cũng phải gặp cô lần nữa”. - “Thế thì có hôm tôi còn đến hái nấm ở đây kia mà”. - “Bao giờ mới được chứ?” - “Thôi thì mai cũng được”. - “Cô Akulina xinh đẹp ơi, tôi muốn ôm hôn cô quá, nhưng tôi không dám. Thế là sáng mai đúng giờ này, thật chứ?” - “Vâng, vâng”. - “Nhưng nếu cô nói dối tôi thì sao?” - “Tôi không nói dối”. - “Cô thề đi!” - “Vâng, giờ này ngày mai, xin thần thánh chứng giám cho, tôi sẽ đến đây”.

Đôi lứa thanh niên chia tay nhau, Lida ra khỏi khu rừng, băng qua cánh đồng, lọt vào khu vườn nhà, ba chân bốn cẳng chạy nhanh vào trong trại, ở đây Naxchia đang đợi nàng. Nàng thay áo quần, lơ đãng trả lời những câu hỏi sốt ruột của cô đầy tớ gái tâm phúc, rồi đi vào phòng khách. Bàn ăn đã bày sẵn, bữa

ăn sáng đã dọn xong, và mẹ Giécxơn, mặt trát phấn, mình bó trong chiếc áo thắt lưng ong, đang cắt bánh thành từng lát mỏng. Cha nàng ngợi khen cuộc dạo chơi buổi sáng của con gái. “Không có gì làm cho người ta mạnh khỏe hơn là dậy sớm” - lão nói. Rồi lão dẫn ra một số ví dụ về những người sống lâu, rút từ trong các tạp chí Anh, và nhận xét rằng tất cả những người sống lâu ngoài trăm tuổi đều không uống rượu mạnh, và mùa đông cũng như mùa hè đều dậy từ sớm tinh sương. Lida không nghe cha nói gì. Nàng đang ôn lại trong trí tất cả những tình tiết trong cuộc gặp gỡ buổi sáng sớm, tất cả những câu chuyện trò giữa Akulina với người đi săn trẻ tuổi và lương tâm nàng bắt đầu bứt rứt. Nàng biện hộ cho mình rằng câu chuyện giữa hai người chẳng có gì vượt ra ngoài điều đoan chính, rằng trò tình nghịch ấy chẳng đem đến hậu quả gì; nhưng vô hiệu, tiếng trách móc của lương tâm nàng vẫn to hơn tiếng nói của lý trí. Điều làm cho nàng lo lắng hơn cả là đã trót hứa với Bêrêxtốp ngày mai sẽ gặp nhau, nàng toan dứt khoát không giữ lời thề trịnh trọng của mình. Nhưng Aléchxây mà đợi nàng không được thì có thể sẽ đi vào trong làng tìm cô con gái của bác thợ rèn Vaxili, cô Akulina thực, béo núc ních, mặt đỏ chằng chịt, và như thế chàng ta sẽ khám phá ra được trò tình nghịch nông nổi của nàng mất. Ý nghĩ ấy khiến cho Lida sợ hãi, và nàng quyết định sáng sớm hôm sau sẽ lại đóng vai Akulina đến cánh rừng nọ.

Về phần mình, Aléchxây đã mê mẩn cả tâm thần, suốt ngày chàng nghĩ đến cô gái mới quen biết; ban đêm bóng dáng người đẹp, nước da bánh mật ấy ám ảnh chàng ngay cả trong giấc ngủ. Bình minh vừa mới hé, chàng đã mặc áo quần xong. Không kịp để thì giờ nạp đạn vào súng, chàng đi ra đồng với con chó Sbôga trung thành, và chạy đến chốn hẹn hò gặp gỡ. Gần nửa giờ đã trôi qua, nửa giờ chờ đợi khiến chàng sốt ruột không sao chịu nổi. Cuối cùng giữa lùm cây thấp thoáng bóng xa-ra-phan xanh, chàng vội lao tới đón nàng Akulina đáng yêu. Nàng mỉm cười đáp lại vẻ hân hoan chen lẫn lòng biết ơn của chàng. Nhưng bỗng Aléchxây nhận thấy trên khuôn mặt nàng có nét buồn và lo âu. Chàng muốn biết rõ nguyên nhân. Lida thú nhận rằng nàng thấy hành vi của mình quá nhẹ dạ và nàng lấy làm hối hận, rằng lần này nàng không muốn lỗi hẹn, nhưng buổi gặp gỡ này sẽ là buổi cuối cùng và nàng xin chàng thôi cho, từ nay chấm dứt việc làm quen chẳng đưa lại một điều gì tốt đẹp cho hai người cả. Lẽ dĩ nhiên là tất cả những điều ấy, nàng đều nói theo lời lẽ của một cô gái nhà quê; nhưng những ý nghĩ và tình cảm khác thường ở một cô thôn nữ chất phác khiến Aléchxây kinh ngạc. Chàng sử dụng tất cả cái tài hùng biện của mình để làm cho Akulina từ bỏ ý định ấy; chàng quả quyết với nàng rằng những ước nguyện của chàng rất trong sạch, hứa hẹn rằng sẽ không để xảy ra một điều gì khiến nàng phải ân hận, sẽ hoàn toàn chiều theo ý nàng và van xin nàng

đừng tước mất niềm vui duy nhất của chàng là được gặp nàng dù chỉ hai ngày một lần hay mỗi tuần hai lần. Lý lẽ của chàng là lời lẽ của tình yêu say đắm chân thành và trong giây phút ấy Bêrêxtốp quả đã say mê nàng thật sự. Lida im lặng nghe chàng nói. Cuối cùng nàng bảo: “Anh hãy hứa với tôi rằng không bao giờ anh vào trong làng tìm tôi hay hỏi han gì thêm về tôi. Anh phải hứa là sẽ không tìm cách nào khác để gặp tôi ngoài những buổi mà tôi đã hẹn”. - Alếchxây toan viện thánh thần ra thề, nhưng nàng đã mỉm cười ngăn chàng lại: “Tôi không cần lời thề, chỉ lời hứa của anh thôi cũng đủ rồi”. Sau đó họ cùng trò chuyện thân mật, cùng dạo chơi trong rừng cho đến lúc Lida bảo chàng là đã đến lúc phải về. Họ chia tay nhau và khi Alếchxây đứng lại một mình chàng không thể hiểu được vì sao một cô gái chất phác ở thôn quê, chỉ mới có hai lần gặp gỡ mà đã có thể chi phối được mình như thế. Mối quan hệ với Akulina đối với chàng có đủ cái sức quyến rũ của một điều gì mới lạ và dù rằng lời giao hẹn của cô thôn nữ lạ lùng này làm cho chàng khổ tâm, nhưng trong đầu óc chàng không hề thoáng có ý định là mình sẽ thất tín. Nói cho thật ra, Alếchxây dù có chiếc nhẫn trầm khốc, dù có những quan hệ thư từ bí ẩn, dù có cái vẻ thất vọng u sầu, chàng vẫn là một thanh niên tốt và nồng nhiệt, có một tấm lòng trong sáng, có thể rung động với cái hồn nhiên.

Nếu tôi chỉ làm theo ý thích riêng, thì nhất định tôi sẽ miêu tả chi tiết những cuộc hẹn hò của đôi thanh niên, nỗi niềm quyến luyến và tin cậy ngày càng tăng giữa hai người, những câu trò chuyện và những việc khác nữa; nhưng tôi biết rằng phần đông các độc giả sẽ không đồng tình với sở thích của tôi. Những chi tiết ấy, nói chung sẽ có vẻ hư cấu quá mức; vì vậy tôi xin bỏ qua và nói tóm tắt là chưa đầy hai tháng mà Aléchxây của tôi đã đắm say ngây ngất và Lida cũng không phải là đứng dưng đối với chàng, tuy nàng lặng lẽ ít nói hơn. Cả đôi bên đều sung sướng với hiện tại mà ít nghĩ đến tương lai.

Thỉnh thoảng trong trí họ cũng thoáng có ý nghĩ về việc kết nghĩa trăm năm, nhưng chẳng ai nói với ai cả. Lý do cũng rõ ràng thôi: dù Aléchxây thấy quyến luyến nàng Akulina xinh đẹp của mình đến thế nào chẳng nữa, chàng vẫn luôn luôn nhớ rằng có sự cách biệt giữa mình với cô thôn nữ nghèo hèn; còn Lida thì biết rõ mối hiềm khích giữa cha nàng với cha Bêrêxtốp và không dám hy vọng rằng đôi bên sẽ hoà giải. Hơn nữa, lòng tự ái của nàng được kích thích bởi một ước mong lãng mạn thầm kín là làm sao rút cuộc được nhìn thấy nhà quý tộc Tughilôvô quỳ dưới chân người con gái bác thợ rèn ở Prilútsinô. Bỗng một việc quan trọng xảy ra suýt nữa làm mối quan hệ giữa hai người thay đổi hẳn.

Một buổi sáng, trời lạnh, quang đãng (cũng như

rất nhiều buổi sáng mùa thu ở nước ta) Ivan Pêtorôvích cưỡi ngựa dạo chơi; như thường lệ, lão đem theo ba cặp chó săn, người giám mã và mấy đứa trẻ con nông nô cầm mõ. Cũng trong buổi sáng ấy, Grigôri Ivanôvích Murômxi thích cảnh trời đẹp, ra lệnh thắng ngựa và phóng nước kiệu dạo quanh khu trại ấp kiểu Anh của mình. Đến khu rừng, lão gặp ông láng giềng, hiên ngang trên mình ngựa, mặc áo khoác ngắn lót da cáo, chực đón một con thỏ đang bị lũ trẻ la ó, đánh mõ đuổi ra khỏi lùm cây. Giá Grigôri Ivanôvích có thể biết trước rằng sẽ có cuộc trạm trán này thì nhất định lão ta đã quay ngoắt sang lối khác; nhưng lão hoàn toàn vô tình đi về phía Bêrêxtốp và đột nhiên thấy mình đứng trước mặt kẻ láng giềng chỉ cách một tầm súng ngắn. Không còn cách nào khác. Murômxi, như một người Âu có học thức, liền thúc ngựa đến trước mặt đối phương, nhã nhặn nghiêng mình chào, Bêrêxtốp, cũng đáp lễ rất sốt sắng, giống như một con gấu bị xích cúi chào *quý vị khán giả* theo lệnh của viên quản trò. Vừa ngay lúc ấy, con thỏ nhảy phóc khỏi bụi cây và chạy ra cánh đồng. Bêrêxtốp và tên giám mã gào hét gân cổ, thả chó ra và phóng ngựa lao theo vết thỏ chạy. Ngựa của Murômxi vốn chẳng hề đi săn bao giờ, nó sợ hãi lông lên. Murômxi vốn tự hào là một tay kỵ mã kiệt xuất, buông cương cho ngựa phóng, mừng thầm được dịp thoát khỏi cuộc chuyện trò miễn cưỡng. Nhưng con ngựa phi đến một cái hố bất ngờ không thấy trước, vụt nhảy sang một bên và

Murôxki bị hất khỏi yên ngựa. Bị ngã khá đau trên mặt đất giá băng, lão nằm nguyên rủa con ngựa của mình. Con vật như đã hoàn hồn, cảm thấy trên yên không còn có người, lập tức dừng lại. Ivan Pêtrôvích phi ngựa đến hỏi thăm lão có bị thương không. Giữa lúc ấy tên giám mã đang túm dây cương dắt cổ con ngựa phạm tội kia lại. Họ đỡ cho Murômxki trèo lên yên và Bêrêxtốp mời lão về nhà mình. Murômxki không thể từ chối vì cảm thấy mình đã bị hàm ơn. Và như thế là Bêrêxtốp trở về một cách vinh quang, tóm cổ được con thỏ và dẫn theo mình cả kẻ đối phương bị thương, gần như bị bắt làm tù binh vậy.

Hai kẻ láng giềng ăn sáng, chuyện trò khá thân mật. Murômxki yêu cầu Bêrêxtốp cho mượn chiếc xe ngựa, và thú thật là mình bị ngã đau không thể cưỡi ngựa về đến nhà được. Bêrêxtốp tiễn lão ra tận thêm, và Murômxki trước khi lên đường nhất định đòi cho được Bêrêxtốp phải hứa danh dự là hôm sau sẽ đến dự một bữa ăn thân mật ở Prilútsinô, (cà Aléchxây Ivanôvích nữa). Thế là mối hiềm khích xưa cũ bất rề khá sâu sắc, hình như sẵn sàng chấm dứt nhờ cái nhất gan của một con ngựa.

Lida chạy ra đón Grigôri Ivanôvích, nàng ngạc nhiên hỏi: "Làm sao thế này? Vì sao cha lại đi khắp khiêng thế? Ngựa của cha đâu? Xe nhà ai thế này?"

- *My dear**, con không đoán ra được đâu, con ạ, -

* Con ơi (tiếng Anh).

Grigôri Ivanôvích trả lời và thuật lại đầu đuôi việc đã xảy ra. Lida không tin ở tai mình nữa. Grigôri Ivanôvích không để cho nàng kịp trấn tĩnh, báo cho nàng biết rằng ngày mai cả hai cha con nhà Bêrêxtốp sẽ đến ăn trưa ở nhà mình. “Cha nói gì thế? - nàng hỏi, mặt tái đi.- Ông Bêrêxtốp, cả hai bố con! Ngày mai ăn trưa ở nhà ta! Không, cha ơi, mặc cha muốn sao tùy ý: con sẽ không ra mắt đâu”. - “Cái gì thế? Con điên rồi ư? - cha nàng bảo, - con hoá ra nhút nhát từ bao giờ thế? Hay là con cứ muốn nuôi mối hiềm khích cha truyền con nối như một nhân vật tiểu thuyết. Thôi, đừng có lời thôi nữa!..” - “Không cha ạ, không có gì trên đời này, không có vàng bạc châu báu nào có thể bắt con ra tiếp cha con nhà Bêrêxtốp được”. Grigôri Ivanôvích nhún vai và không tranh cãi với con gái nữa, vì biết rằng cãi với Lida cũng chẳng ăn thua gì, rồi lão đi nghỉ ngơi cho lại sức sau cuộc dạo chơi ly kỳ của mình.

Lida về phòng và thuật lại câu chuyện cho Naxchia nghe. Cả hai bàn tính mãi về cuộc thăm viếng ngày mai. Alêchxây sẽ nghĩ gì nếu chàng nhận ra rằng cô tiểu thư con nhà thi lễ này lại chính là cô ả Akulina của chàng? Chàng sẽ nghĩ như thế nào về hạnh kiểm, tính tình nết na và sự chín chắn của nàng. Mặt khác, Lida lại rất thích nhìn xem cuộc gặp gỡ bất ngờ này sẽ đem đến cho anh chàng một cảm tưởng như thế nào... Bỗng một ý nghĩ thoáng nảy ra. Nàng lập tức

nói với Naxchia; cả hai lấy làm khoái chá về phát kiến mới của nàng và họ nhất định sẽ thực hiện.

Hôm sau, sau bữa ăn sáng, Grigôri Ivanôvich hỏi con gái có phải là vẫn giữ ý định lánh mặt cha con Bêrêxtốp không. Lida đáp: “Cha ơi, nếu đã là ý cha muốn, thì con sẽ tiếp họ, nhưng cha phải đồng ý là dù con có xuất hiện trước mặt họ như thế nào, con có làm gì chẳng nữa, thì cha cũng đừng quở mắng con và tỏ vẻ gì ngạc nhiên hay phật ý”. Grigôri Ivanôvich vừa cười vừa nói: “Lại những trò tình nghịch gì đây nữa rồi, thôi được, được, đồng ý, ranh con mắt huyền của cha muốn gì cứ tùy tiện”. Dứt lời lão hôn lên trán con gái và Lida liền chạy đi sửa soạn.

Đúng hai giờ chiều, một chiếc xe lục mã tiến vào trong sân và lăn bánh một vòng quanh bãi cỏ dày rậm xanh biếc. Lão già Bêrêxtốp bước lên thềm, có hai tên người nhà của Murôm-xki theo đỡ. Cậu con trai cưỡi ngựa đến ngay sau lão và theo vào phòng ăn. Bữa ăn đã dọn sẵn. Murôm-xki đón các lán giềng của mình hết sức ân cần, đề nghị với họ, trước khi vào bàn ăn hãy đi thăm vườn và chỗ nuôi gia súc, đưa họ đi theo con đường rải cát, quét sạch, giữ gìn rất chu đáo. Lão Bêrêxtốp trong bụng phàn nàn về nổi phí sức, phí thì giờ vì cái trò cầu kỳ vô vị ấy, nhưng vì phép lịch sự nên im lặng. Con trai lão thì cũng chẳng đồng tình với sự phật ý của ông bố hay tính toán so đo, mà cũng chẳng phục gì lão sùng Anh đầy tự ái; chàng sốt ruột chờ đợi sự xuất hiện của cô con gái

của chủ nhân; chàng đã nghe nói đến cô tiểu thư này khá nhiều; như chúng ta đã biết, quả tim của chàng đã bị chiếm rồi, nhưng một cô tiểu thư son trẻ như vậy vẫn có quyền chi phối trí tưởng tượng của chàng.

Trở về phòng khách, cả ba cùng ngồi xuống: hai ông già nhắc nhở lại thời xưa cũ và những giai thoại trong cuộc đời lính của mình, còn Aléchxây ngẫm nghĩ xem mình nên đóng vai trò như thế nào trước mặt Lida. Chàng quyết định rằng trong mọi trường hợp thì vẻ lơ đãng lạnh lùng vẫn là tốt hơn cả, cho nên chàng liền sắp sẵn một thái độ như thế. Cánh cửa mở, chàng ngoảnh lại với một vẻ bình thản, một vẻ thờ ơ kiêu hãnh, nó có thể khiến cho một cô tiểu thư đỏm dáng, quả cảm nhất cũng phải rợn mình. Nhưng rủi ro thay, không phải Lida mà là cô gái già Giécxơn bước vào, mặt trát phấn bôi son, mắt cụp xuống, khẽ nhún mình chào, và cái tư thế oai hùng đẹp đẽ của Aléchxây bị tung hứng một cách vô vị. Chàng chưa kịp trấn tĩnh thì cửa lại mở và Lida bước vào. Mọi người đứng dậy; cha nàng toan bắt đầu giới thiệu khách ăn, bỗng im lặng cắn môi... Lida, cô bé Lida nước da rám nắng của lão trát phấn đến tận mang tai, kẻ lông mày đậm hơn cả mẹ Giécxơn, tóc giả nhạt hơn mớ tóc thật của nàng rất nhiều, tết theo kiểu tóc giả của Luy XIV, *ông tay áo à l'imbécile** xù ra giống

* Kiểu lò lăng (kiểu áo có cánh tay áo hẹp và vai bông lên) (tiếng Pháp).

như kiểu áo lồng khung của Madame de Pompadour⁵², thân hình nàng thắt eo lại như một chữ X và tất cả châu ngọc của mẹ nàng còn lại mà chưa đem gửi ở tiệm cầm đồ đều lấp lánh ở tay, ở tai và ở cổ nàng. Alếchxây không thể nhận ra được Akulina của mình trong cô tiểu thư lỗ bịch và choáng lộn này. Cha chàng tiến đến hôn tay nàng và chàng cũng bực bội làm theo cha; khi môi chàng chạm vào những ngón tay trắng trẻo của cô gái, chàng thấy hình như những ngón tay ấy run run. Và lúc ấy chàng cũng nhận ra được rằng hình như đôi bàn chân nhỏ nhắn chững ra một cách cố ý và mang đôi giày hết sức đốm dăng. Điều này khiến cho chàng hài lòng đôi chút so với tất cả những phần trang phục khác của nàng. Còn về cái mặt phấn và đôi lông mày tô đen thì trong tâm lòng chất phác của chàng, thú thật là ban đầu chàng không chú ý, sau đó thì hoàn toàn không có gì nghi ngờ. Grigôri Ivanôvich nhớ lại lời hứa của mình, nên cố gắng để không tỏ vẻ gì ngạc nhiên; nhưng trò tinh nghịch của con gái nó buồn cười đến nỗi suýt nữa lão không kìm nổi. Nhưng với mục người Anh kiểu cách kia thì đây lại không phải chuyện cười. Mục đoán rằng chỗ phấn son và chì ấy là đánh cắp ở ngăn tủ của mục, da mặt đỏ bừng lên vì bực bội hiện rõ qua lớp phấn trắng. Mục ném một cái nhìn nảy lửa vào cô bé tinh nghịch, cô bé đành để lúc khác sẽ phân trần, vờ như không để ý.

Mọi người ngồi vào bàn ăn. Alếchxây tiếp tục đóng vai trò lơ đãng và trầm ngâm. Lida làm duyên làm dáng, nói lí nhí qua kẽ răng, giọng uốn éo như hát, và chỉ nói tiếng Pháp. Cha nàng luôn luôn liếc nhìn Lida và không hiểu con gái mình định giở trò như vậy để làm gì. Nhưng lão thấy rằng tất cả những trò ấy rất lý thú. Mụ Giécxơn thì câu tiết, ngậm tằm. Chỉ có Ivan Pêtrôvích là cứ như ở nhà, ăn gấp đôi ngày thường, uống thả sức, luôn luôn chuyện trò thân mật và cười ha hả rất tự nhiên.

Ăn xong mọi người đứng dậy; khách ra về, và bấy giờ Grigôri Ivanôvích mới tha hồ cười thoả thuê và hỏi: “Con định giở trò ra với họ để làm gì thế? Nhưng mà này, con biết không? Đánh phắn thế mà hợp với con đấy nhé, cha không đi sâu vào những điều bí ẩn trong cách trang sức của nữ giới, nhưng cha mà như con thì cha cũng đánh phắn, cố nhiên là đừng đánh nhiều quá, đánh phơn phớt thôi”. Trò đùa thành công khiến Lida mừng quýnh. Nàng ôm hôn cha và hứa sẽ suy nghĩ về lời khuyên đó, rồi nàng chạy đi xoa dịu mụ Giécxơn bấy giờ đang cáu; phải khấn khoản mãi mụ mới chịu mở cửa phòng và nghe lời thanh minh của nàng: Lida thấy xấu hổ phải ra mắt những người khách lạ với nước da đen đui của mình; nàng không dám hỏi xin mụ... nàng tin chắc rằng cô Giécxơn tốt bụng và đáng yêu sẽ tha thứ cho nàng...và vân vân... Mụ Giécxơn yên tâm, tin rằng Lida không có ý định

chê giễu mỉa, mỉa bình tĩnh lại, hôn Lida, và để đánh dấu sự giải hoà, mẹ tặng nàng hộp phấn Anh mà Lida cầm lấy với một thái độ biết ơn chân thành.

Độc giả cũng đoán biết được rằng sáng sớm ngày hôm sau, không chút chậm trễ, Lida đã có mặt ở chỗ hẹn trong khóm rừng. “Hôm qua công tử mời cơm ở nhà tiểu thư của chúng tôi phải không? - nàng lập tức hỏi Alếchxây, - công tử thấy tiểu thư thế nào?” Alếchxây trả lời rằng chàng không để ý đến cô ta. Lida nói: “Rõ đáng tiếc!” Alếchxây hỏi: “Tại sao thế?” “à, tôi muốn hỏi công tử xem có đúng như người ta nói không?” - “Người ta nói gì?” - “Người ta nói là tôi giống tiểu thư, có đúng không anh?” - “Nhảm nhí quá đi mất! Trước mặt em, cô ấy chỉ là một con quái vật”. - “Ôi, sao công tử lại nói quá đáng thế? Tiểu thư của chúng tôi trắng trẻo là thế, thanh lịch là thế! Tôi làm sao mà sánh được với tiểu thư”. Alếchxây thề rằng nàng đẹp hơn tất cả các cô tiểu thư trắng trẻo nhất trên đời, và để cho nàng hoàn toàn yên tâm, chàng bắt đầu miêu tả cô tiểu thư của nàng bằng những nét rất hài hước khiến cho Lida cười như nắc nẻ. “Tuy thế, - nàng thở dài nói, - mặc dù tiểu thư cũng có buồn cười thật, nhưng dù sao trước mặt tiểu thư thì tôi chỉ là một đứa ngu ngốc mù chữ”. Alếchxây nói: “Ô, việc ấy có gì là đáng buồn đâu? Nếu em muốn thì tôi sẽ dạy cho em biết đọc và biết viết ngay thôi”. Lida nói: “Ừ nhỉ, việc gì không cố gắng học thực sự

xem sao”. - “Được lắm, cô nàng xinh đẹp ơi, ta bắt đầu ngay bây giờ nhé!” Hai người ngồi lại. Alécxây rút trong túi ra một cây bút chì và một quyển sổ tay, Akulina học thuộc chữ cái nhanh chóng lạ thường, Alécxây không thể không thán phục trí thông minh của nàng. Đến sáng hôm sau nàng đã muốn thử tập viết, ban đầu thì cây bút không chịu nghe theo ý nàng, nhưng sau mấy phút nàng đã tô được những nét chữ khá rõ. Alécxây bảo: “Thật là phi thường, thế là chúng ta học có kết quả nhanh hơn là theo phương pháp Lencátxtơ đấy”⁵³. Quả nhiên sang buổi học thứ ba, Akulina đã có thể đánh vần được truyện “Natalia, cô con gái nhà quý tộc”⁵⁴. Trong khi đọc, nàng thỉnh thoảng ngừng lại nhận xét mấy câu khiến cho Alécxây rất đổi kinh ngạc, và nàng viết đầy trang giấy những câu cách ngôn rút từ trong truyện ra.

Một tuần lễ sau, họ có thể thư từ qua lại với nhau. Phòng bưu vụ được thành lập trong hốc một cây sồi già. Naxchia bí mật làm nhiệm vụ đưa thư. Alécxây mang đến đó những tập thư viết chữ to như con gà mái và nhận được những dòng chữ nguệch ngoạc của người yêu viết trên mảnh giấy thô màu xanh. Akulina hình như đã quen với những lời lẽ ý nhị hơn và trí tuệ ngày càng được mở mang và trau dồi thêm một cách rõ ràng trông thấy.

Trong lúc ấy thì tình quen biết mới đây giữa Ivan Pêtrôvích Bêrêxtốp và Grigôri Ivanôvích Murômxxi

ngày một thắt chặt thêm và chẳng bao lâu đã trở thành tình bạn thân thiết. Số là Murômski thường vẫn nghĩ rằng hễ Ivan Pêtrôvich qua đời thì tất cả tài sản sẽ chuyển sang tay Aléchxây, và như thế thì Aléchxây sẽ thành một trong những kẻ giàu có nhất tỉnh, và không có lý do gì lại không gả Lida cho chàng ta. Về phía mình cũng thế, lão già Bêrêxtốp tuy có nhận thấy lão lẳng giềng của mình cũng có rở đại ít nhiều (hay nói theo lời của lão ta, là mắc bệnh sùng Anh ngu ngốc), nhưng cũng không phủ nhận rằng lão này có nhiều phẩm chất đặc biệt, chẳng hạn như là tài tháo vát hiếm có; Grigôri Ivanôvich là người có họ gần với bá tước Prônxi, một người quyền quý và có thể lực, bá tước sẽ có thể giúp ích rất nhiều cho Aléchxây và chắc hẳn là Murômski (theo như Ivan Pêtrôvich nghĩ) sẽ vui mừng khi thấy có dịp gả con gái mình một cách có lợi. Từ đó hai lão già cứ luôn luôn ngẫm nghĩ về việc ấy, rồi cuối cùng họ cũng trao đổi ý kiến với nhau, ôm hôn nhau và hứa hẹn sẽ chăm lo thu xếp cho ổn thoả, rồi mỗi người bắt tay lo lắng chu tất về phần mình. Một khó khăn đối với Murômski là làm sao khuyên Lida nhanh chóng làm thân với Aléchxây, kẻ mà từ sau bữa ăn đáng ghi nhớ kia, nàng chẳng hề gặp lại lần nào nữa. Hình như đôi bên cũng chẳng thích gì nhau lắm; dù sao thì Aléchxây cũng chẳng hề trở lại đất Prilútsinô, và cứ mỗi lần Ivan Pêtrôvich có lòng chiếu cố đến chơi thăm là Lida

vội lách mắt chạy vào buồng. Nhưng Grigôri Ivanôvích nghĩ rằng nếu ngày nào Alếchxây cũng đến nhà mình, thì rồi Lida sẽ phải say mê nó. Đó là lẽ thường của tạo vật. Thời gian sẽ dần xếp cho mọi việc ổn thoả.

Ivan Pêtrôvích thì ít băn khoăn hơn, lão tin chắc rằng dự định của mình thế nào cũng thành công. Ngay buổi chiều lão gọi con trai vào phòng, châm tẩu thuốc hút, rồi sau mấy phút yên lặng, lão nói: “Thế nào đây con, Alếchxây, sao lâu nay không thấy con nói gì đến việc tòng ngũ nữa. Hay là bộ quân phục khinh kỵ không còn quyến rũ con nữa!..” Alếchxây lễ phép trả lời: “Không, thưa cha, con thấy cha không thích cho con nhập ngũ vào quân khinh kỵ; bốn phần con là phải vâng lời cha”. Ivan Pêtrôvích nói: “Tốt, ta thấy con là một đứa con ngoan; ta rất hài lòng; chính ta cũng chẳng muốn cưỡng ép con; ta sẽ không bắt buộc con phải đi vào chính giới vội... Nhưng trong khi chờ đợi, ta có ý định cưới vợ cho con”.

- Cưới ai thế, thưa cha? - Alếchxây sững sốt hỏi.

- Cưới cô Lida, con gái Grigôri Ivanôvích Murômski,

- Ivan Pêtrôvích trả lời, - đám này thật là có một không hai đấy, đúng không nào?

- Thưa cha, con chưa nghĩ đến việc hôn nhân.

- Con chưa nghĩ, nhưng ta đã nghĩ cho con, đã suy đi nghĩ lại mãi rồi đấy.

- Xin cha thứ lỗi, Lida Murômski hoàn toàn không hợp ý con.

- Rồi sẽ hợp ý sau. Cứ chung sống, rồi sẽ yêu nhau.
- Con tự thấy mình không có khả năng đem lại hạnh phúc cho cô ta được.
- Việc gì mà phải lo cho hạnh phúc của nó. Thế nào? Mà tôn trọng ý muốn của cha mà như thế đấy à? Tốt lắm!
- Cha muốn sao tùy ý, con không muốn cưới vợ và con sẽ không cưới vợ.

- Mà sẽ cưới vợ, nếu không tao sẽ từ mày, còn gia tài tao thế sẽ bán và tiêu xài hết, tao sẽ không để lại cho mày một xu nhỏ! Tao cho mày ba ngày để suy nghĩ, và trong thời gian ấy chớ có liều lĩnh mà dấn mặt ra trước tao.

Alékhxây biết rằng nếu cha mình đã có ý định gì trong đầu thì nói như Tarát Xcôtin⁵⁵, cứ chắc như đinh đóng cột; nhưng Alékhxây cũng giống cha ở chỗ khó lòng mà làm cho chàng thay đổi ý định. Chàng về phòng riêng và bắt đầu suy nghĩ về giới hạn quyền lực của cha, nghĩ đến Lida Murômxciaia, đến lời giao hẹn của cha là sẽ để cho chàng bản cùng, và cuối cùng nghĩ đến Akulina. Lần đầu tiên chàng nhận thấy rõ rằng mình yêu nàng say đắm; một ý nghĩ phiêu lưu nảy ra trong đầu chàng: chàng sẽ cưới cô bé nông dân và hai người sẽ cùng sống bằng sức lao động của mình, càng nghĩ về giải pháp quyết liệt ấy, chàng càng thấy làm như vậy là phải. Từ ít lâu nay, những buổi hẹn hò ở cánh rừng bị gián đoạn vì mùa mưa. Chàng

tự tay viết cho Akulina một bức thư nét chữ rất rõ ràng và lời lẽ rất thiết tha, giải bày cho nàng rõ cơn đông tố đang đe dọa mình và ngỏ lời hỏi nàng làm vợ. Lập tức chàng đem bỏ bức thư ở phòng bưu vụ, nơi hộc cây sồi và đi nằm, lòng hoàn toàn thanh thản.

Ngày hôm sau, từ sáng sớm, Aléchxây, chỉ đã quyết, hăm hở đi đến nhà Murômxi để trình bày thành thực với ông ta. Chàng hy vọng sẽ kích động được lòng độ lượng của ông ta, và sẽ khiến cho ông ta nghiêng về phía mình. Chàng dừng ngựa trước thềm dinh chủ ấp Prilútsinô. Chàng hỏi: “Ông Grigôri Ivanôvích có nhà không?” Người hầu trả lời: “Thưa ông, không ạ, ông Grigôri Ivanôvích đi chơi từ sáng sớm rồi ạ”. Aléchxây thầm nghĩ: “Thật là đáng tiếc”. Sau đó hỏi: “Thế ít nhất là cô Lida có nhà chứ?” - “Thưa, có ạ”. Aléchxây nhảy xuống ngựa, trao dây cương cho người hầu và bước vào nhà, không báo tin trước.

“Tất cả sẽ được định đoạt, - chàng nghĩ thầm khi bước vào phòng khách, - ta sẽ tự giải bày ngay với cô ta vậy”. Chàng bước vào và ...đứng ngẩn ra! Lida... không phải, Akulina, nàng Akulina nước da rám nắng xinh đẹp, không phải mặc xa-ra-phan, mà lại mặc một chiếc áo dài trắng thường mặc buổi sáng trong nhà, ngồi trước cửa sổ đang đọc bức thư của chàng; nàng chăm chú đến nỗi không nghe thấy tiếng chân chàng bước vào. Aléchxây không giữ nổi một tiếng kêu vui sướng. Lida giật mình, ngẩng đầu, thét lên và toan

chạy trốn. Chàng lao người đến, giữ nàng lại. - “Akulina. Akulina!..” Lida cố sức gỡ tay chàng ra: “*Mais laissez-moi donc, monsieur; mais êtes-vous fou?**” - nàng nói rồi rít lên và quay mình đi. “Akulina yêu dấu của tôi, Akulina!” - chàng cũng rôi rít gọi và nắm tay nàng. Mụ Giécxơn lúc bấy giờ được chứng kiến cảnh ấy, không còn biết nghĩ ra sao nữa. Vừa ngay lúc ấy cửa mở và Grigôri Ivanovich bước vào.

- A ha! - Murômxki nói, - hình như mọi việc giữa các con đã ổn thoả cả rồi...

Xin độc giả miễn cho tôi một nhiệm vụ thừa là phải kể lại phần kết cục.

Truyện của ông I.P. Benkin đến đây là hết.

1830

Nguyễn Duy Bình dịch



* Kìa ông buông tôi ra chứ! Ông điên rồi hay sao? (tiếng Pháp)

RÔXLAVLIÉP

Đọc “Rôxlavliép”, tôi hết sức kinh ngạc nhận thấy rằng cốt truyện dựa trên một sự việc có thật mà tôi được biết quá rõ. Trước kia tôi đã từng là bạn gái của người đàn bà bất hạnh đã được ông Dagôxkin¹ chọn làm nhân vật chính trong cuốn truyện của ông. Làm như vậy, ông Dagôxkin đã khiến công chúng lưu ý một lần nữa tới sự việc mà mọi người đã lãng quên, thức tỉnh những cảm xúc công phần mà thời gian đã xóa nhòa, và đã xâm phạm đến cõi yên tĩnh của một nấm mồ. Tôi xin đứng ra làm kẻ bênh vực cho người quá cố, - và xin người đọc vì nể nang những tình cảm đã thúc đẩy tôi viết mà lượng thứ cho ngòi bút kém cỏi của tôi. Tôi buộc lòng sẽ phải nói nhiều về mình, vì cuộc đời của tôi trong một thời gian khá dài đã gắn bó với vận mệnh của người bạn bất hạnh của tôi.

Cha mẹ tôi bắt đầu cho tôi bước vào cuộc đời giao tế vào mùa đông năm 1811. Tôi sẽ không kể lại những cảm tưởng đầu tiên của tôi. Chắc ai cũng có thể dễ dàng hình dung những cảm giác của một người con gái mười sáu tuổi khi bắt đầu rời bỏ chốn khuê phòng,

rời bỏ các bà gia sư để bước vào những cuộc vũ hội liên miên. Tôi lao mình vào cơn lốc của những cuộc vui với tất cả cái bông bột của tuổi trẻ và chưa hề biết nghĩ ngợi... Thật đáng tiếc, vì thời đại bấy giờ rất đáng để cho người ta quan sát.

Trong số những cô thiếu nữ cũng mới lần đầu ra mắt như tôi có một nữ công tước tên là X. (Ông Dagôxkin gọi nàng là Pôlina - tôi cũng xin dùng tên ấy). Chẳng bao lâu chúng tôi thân nhau trong một dịp như sau.

Tôi có một người anh bấy giờ hai mươi hai tuổi. Anh tôi thuộc hạng thanh niên ăn diện ở thời bấy giờ. Anh ấy được coi là người của Hội đồng ngoại quốc² và sống ở Mátxcôva, suốt ngày khiêu vũ và lêu lổng. Anh ấy yêu Pôlina, nên có nhờ tôi tìm cách cho hai gia đình thân nhau. Anh tôi được cả nhà hết sức nuông chiều; còn tôi thì anh ấy tha hồ muốn bắt tôi thế nào tôi cũng phải chịu.

Tôi làm thân với Pôlina chẳng qua cũng chỉ vì muốn chiều lòng anh tôi, nhưng chẳng bao lâu tôi đã thành thật quý mến Pôlina. Nàng có những cái hơi kỳ lạ, nhưng lại càng có nhiều những cái khiến người ta phải say mê. Tôi chưa kịp hiểu nàng mà đã thấy mến nàng rồi. Tôi dần dần bắt đầu nhìn bằng con mắt của nàng và nghĩ bằng ý nghĩ của nàng, tuy không hề nhận ra điều đó.

Cha của Pôlina là một người rất có công đức; nói như vậy nghĩa là ông ta đi xe thắng ngựa thành hàng dọc³; đeo chìa khoá và ngôi sao⁴. Vả chăng ông ta tính cũng xuề xòa và giản dị. Ngược lại mẹ nàng là người rất nghiêm nghị, có một tư thái và một lương tri hơn người.

Pôlina giao thiệp rất rộng; chung quanh nàng luôn luôn có những kẻ tán tụng; ai cũng ra sức chiều nàng, - nhưng nàng vẫn thấy chán, và tâm trạng chán chường khiến cho nàng có một vẻ kiêu kỳ và lãnh đạm, rất hợp với khuôn mặt Hy Lạp và đôi lông mày đen nhánh của nàng. Tôi hết sức vui sướng mỗi khi những lời nhận xét châm biếm của tôi khiến một nụ cười hiện lên trên khuôn mặt đều đặn và chán chường của nàng.

Pôlina đọc rất nhiều sách, và không hề chọn lựa sách đọc. Chìa khoá phòng sách của cha nàng lại do nàng giữ. Tủ sách phần lớn gồm có những tác phẩm của các nhà văn ở thế kỷ XVIII. Nền văn học Pháp từ Môngtexkiơ đến Crêbiông⁵ đối với nàng rất quen thuộc. Rút xô thì nàng thuộc lòng. Trong tủ sách không hề có lấy một quyển sách Nga, ngoài các tác phẩm của Xumarôcôp⁶ mà Pôlina không bao giờ đọc đến. Nàng có nói với tôi rằng chữ in của Nga nàng đánh vần rất khó nhọc, và rất có thể nàng không bao giờ đọc gì bằng tiếng Nga, kể cả những bài thơ tiểu phẩm mà các thi sĩ ở Mátxcova thường đem đến tặng nàng.

Đến đây tôi xin phép ra ngoài đề một chút. Nhờ trời thế là đã ba mươi năm nay người ta mắng mỏ lũ phụ nữ chúng tôi là không đọc được tiếng Nga và đâu như nói một câu tiếng Nga cũng không xong (!) (Cũng xin nói thêm rằng ở đây mà nhắc lại những lời buộc tội nhảm nhí của tác giả cuốn “Iuri Milôxlápki”⁷ thì thật là bất tiện hết sức. Chúng ta ai cũng đều đọc qua, và nếu tôi không lầm thì chính là một người trong bọn chúng tôi đã dịch cuốn tiểu thuyết của ông ta ra tiếng Pháp: đáng lẽ ông ta cũng phải nhớ đến cái ơn đó mới phải). Số là chúng tôi cũng muốn đọc sách tiếng Nga chứ không phải không, nhưng nền văn học của chúng ta hình như chỉ mới bắt đầu có từ Lômônôxốp⁸ thì phải, cho nên rất hạn chế. Cố nhiên trong đó cũng có những nhà thơ xuất sắc, song không phải với bất kỳ độc giả nào cũng có thể đòi hỏi người ta thích thơ một cách đặc biệt được. Tác giả văn xuôi thì ta chỉ có cuốn “Lịch sử của Karamdin”⁹; cách đây hai hay ba năm gì đấy mới thấy xuất hiện vài ba quyển tiểu thuyết đầu tiên; trong khi đó thì ở Pháp, ở Anh và ở Đức vô số những sách hay, cứ nối đuôi nhau xuất hiện liên tiếp. Ở ta ngay những bản dịch cũng không thấy; và nếu chúng tôi có thấy chẳng nữa, thì chúng tôi cũng lại thích đọc nguyên văn hơn. Các tạp chí của ta thì chỉ có các nhà văn mới thích đọc, chứ chúng tôi thì dù là tin tức hay tri thức cũng phải tìm trong các sách ngoại quốc; cứ như vậy thành thử ra chúng

tôi dần dần tư duy bằng tiếng ngoại quốc (ít nhất là những người nào có suy nghĩ và có theo dõi các tư tưởng của nhân loại). Về việc này thì đã có những nhà văn nổi tiếng vào bậc nhất của ta thừa nhận với tôi như thế. Các nhà văn của ta cứ than vãn mãi về cái thái độ khinh thị của chúng tôi đối với các sách Nga; những lời than vãn đó thật giống như lời than vãn của các bác lái buôn Nga, rất lấy làm bất bình rằng sao chúng tôi lại cứ mua mũ ở hiệu Xikhole¹⁰, chứ không chịu dùng tác phẩm của các bà làm mũ ở Côxtơrôma. Tôi xin quay trở về câu chuyện đang kể.

Những kỷ niệm về cuộc sống giao tế trong giới thượng lưu thường mờ nhạt và vô nghĩa, ngay cả trong một thời đại lịch sử cũng vậy. Thế nhưng có dạo một bà khách du lịch đến Mátxcơva đã để lại trong tôi một ấn tượng rất sâu sắc. Người đó là *M-me de Staël*¹¹. Bà ta đến vào mùa hạ, khi phần lớn dân Mátxcơva đã tản mát về nông thôn nghỉ mát. Lòng mến khách Nga-la-tư lập tức xằng xở ra tay; người ta không biết nên làm thế nào để nghênh tiếp cho xứng đáng vị nữ khách ngoại quốc khả ái kia. Dĩ nhiên là người ta tổ chức những bữa tiệc để mời bà ta. Các ông các bà đều đến xem mặt bà ta và phần lớn đều không lấy làm thoả mãn về vị khách. Họ chỉ thấy một bà béo năm mươi tuổi, ăn mặc không hợp với tuổi tác của mình. Cách nói năng của bà ta họ cũng không ưa; nói thì hay nói dài dòng, trong khi ống tay áo thì lại quá ngắn. Cha

của Pôlina quen biết *M-me de Staël* từ hồi còn ở Pari, có dọn tiệc mời bà ta. Trong bữa tiệc này ông ta mời tất cả các nhân vật có tiếng là thông minh ở Mátxcova hồi bấy giờ. Ở đây tôi đã gặp cả nữ tác giả “*Côrina*”¹². Bà ta ngồi ở ghế danh dự, khuỷu tay chống xuống bàn, dùng mấy ngón tay tuyệt mỹ mở ra cuốn vào một cái ống nhỏ bằng giấy. Bà ta có vẻ như có gì không được vừa ý, đã mấy lần định nói, nhưng rốt cục vẫn không nói được. Các nhà thông thái của chúng ta ăn uống thoả thuê, và hình như lấy làm hài lòng về món canh cá của công tước hơn là cuộc chuyện trò với *M-me de Staël*. Các bà thì làm khách. Cả hai loại người này chỉ thỉnh thoảng mới nói đôi câu, vì tin chắc rằng trong đầu óc mình chẳng có gì mà nói cả, và cảm thấy e thẹn trước mặt người đàn bà lừng danh của châu Âu. Suốt bữa tiệc Pôlina như ngồi trên bàn chông. Sự chú ý của các tân khách bị phân chia giữa con cá chiên và *M-me de Staël*. Người ta cứ chăm chăm đợi bà nói ra một *bon-mot**; cuối cùng bà nói một câu có hai nghĩa, và lại là một câu khá táo bạo. Ai nấy đều chộp lấy câu nói đó, các tân khách cười ha hả, một tiếng trầm trồ ngạc nhiên nổi lên; ông công tước mừng quýnh. Tôi đưa mắt nhìn Pôlina. Mặt nàng đỏ bừng và mặt nàng rớm lệ. Các tân khách đã đứng dậy ra khỏi bàn ăn, bấy giờ họ đã hoàn toàn vừa lòng với

* Câu nói dí dỏm (*tiếng Pháp*).

M-me de Staël; bà ta đã nói cho họ một câu hóm hỉnh, và họ sẽ có thể đem kể lại với các bạn bè khắp thành phố.

“Có chuyện gì thế, *ma chère*?” - tôi hỏi Pôlina, - chả nhẽ một câu nói đùa hơi táo bạo một chút cũng có thể làm cho chị khó chịu đến thế ư?” - “Chị à, - Pôlina đáp, - tôi thất vọng quá đi mất! Chắc người đàn bà phi thường ấy phải cho rằng cái xã hội thượng lưu của chúng ta nó tồi tệ hết sức! Bà ta đã quen thấy chung quanh mình những người có thể hiểu được mình; đối với những người như thế thì lời nhận xét sắc sảo, một cảm xúc mạnh mẽ, một lời nói có tâm khí không bao giờ phí hoài, bà ta đã quen với những cuộc đàm thoại thú vị với những người có học thức. Thế mà ở đây. Trời ơi!... Trong suốt ba tiếng đồng hồ không có lấy một tư tưởng, một câu nói cho ra hồn! Chỉ có những bộ mặt đần độn, một vẻ bệ vệ đần độn ngoài ra không còn gì nữa! Chắc bà ấy chán lắm. Bà ấy có vẻ mệt mỏi quá! Bà ta đã thấy rõ họ cần gì, bà ta đã hiểu rõ những loài khí của học vấn này có thể hiểu được những gì, nên đã vút ra cho họ một câu nói “dĩ dâm”. Thế là họ liền vợ lấy, chộp lấy. Tôi thấy xấu hổ đến phát khóc lên được!... Nhưng thôi thế cũng được, - Pôlina say sưa nói tiếp, - dù sao cái xã hội thượng lưu của chúng ta cũng đáng để cho bà ấy khinh

** Cô bạn quý mến (*tiếng Pháp*).

miệt như thế. Ít nhất bà ta cũng đã thấy rõ người dân bình dị đáng yêu của ta và hiểu được họ. Đây, chắc chỉ có nghe thấy câu của bà ta nói với cái lão hề già khà ố đã chế nhạo bộ râu của người Nga, tưởng làm như vậy là có thể lấy lòng người khách ngoại quốc: “Cái dân tộc cách đây một trăm năm đã từng bảo vệ bộ râu của mình, hiện nay đang bảo vệ cái đầu của mình nữa”. Bà ấy tốt quá, tôi mến bà ta quá! Và tôi lại càng căm thù những kẻ đã đày đoạ bà ta!”

Không phải chỉ có mình tôi để ý thấy nổi bực bội của Pôlina. Có một đôi mắt khác ngay lúc ấy cũng nhìn vào nàng; đó là đôi mắt đen tinh nhanh của chính *M-me de Staël*. Tôi không biết bà ta nghĩ gì, chỉ thấy sau bữa tiệc bà ta lại gần người bạn gái của tôi và nói chuyện với nàng. Vài ngày sau *M-me de Staël* viết cho nàng một mảnh giấy như sau:

“Ma chère enfant, je suis toute malade. Il serait bien aimable à vous de venir me ranimer. Tâchez de l’obtenir de m-me votre mère et veuillez lui présenter les respects de votre amie de S.”

Mảnh giấy này hiện nay tôi còn giữ. Chưa bao giờ Pôlina cho tôi biết rõ về mối quan hệ giữa nàng và

* Cô bạn nhỏ quý mến, tôi hôm nay khó ở quá. Nếu cô có thể bớt chút thì giờ đến với tôi cho tôi thêm được chút sinh khí thì thật là quý hoá. Cô cố nhớ xin phép bà cụ thân sinh và nhớ thưa lại với vụ nhà là tôi có lời kính cần hỏi thăm. Bạn của cô: de S. (tiếng Pháp).

M-me de Staël, mặc dù tôi rất tò mò muốn biết chuyện này. Nàng rất say mê người đàn bà trác việt ấy, một người vừa lỗi lạc mà lại vừa trung hậu.

Không hiểu sao miệng lưỡi người đời lại thích nói xấu đến như vậy! Cách đây không lâu tôi có đem chuyện này ra kể trong một buổi hội họp gồm toàn những người tử tế cả. Họ liền bảo tôi: “Có lẽ *M-me de Staël* chẳng qua là một thám tử của Napôlêông đấy thôi, và nữ công tước kia thì cung cấp cho bà ta những tài liệu cần thiết”. Tôi nói: “Xin ngài thứ lỗi, chứ *M-me de Staël*, một người đã bị Napôlêông truy nã trong mười năm trời, chật vật lắm mới nhờ sự che chở của hoàng đế Nga mà trốn thoát được, một người đã từng là bạn của Satôbriăng¹³ và Bairon¹⁴, một người trung hậu, cao thượng như *M-me de Staël*, mà lại là gián điệp của Napôlêông ư?” - “Rất có thể, rất có thể như thế, - bá tước phu nhân B. nhanh nhẩu đáp, - vì Napôlêông là một tên bợm, còn *M-me de Staël* thì lại là một con người láu lỉnh đến tể nhị!”

Ai cũng nói đến cuộc chiến tranh sắp tới, và nếu tôi không lầm, thì họ đều nói năng một cách khá nhẹ dạ. Hồi ấy bất chước phong cách Pháp ở thời Luy XV¹⁵ còn là một mốt. Lòng yêu nước xem như là một thói huênh hoang rởm đời. Những kẻ tài trí thời ấy thường ca ngợi Napôlêông một cách say sưa, bái phục Napôlêông như thần thánh và luôn luôn giấu cợt những thất bại của ta. Tiếc thay, những người đứng

ra bênh vực tổ quốc thì lại hơi ngây ngô: họ bị chế giễu một cách khá buồn cười và họ không hề có ảnh hưởng gì cả. Cái lòng ái quốc của họ bất quá chỉ là kịch liệt lên án việc dùng tiếng Pháp trong các buổi tiếp tân hay đưa những từ ngoại lai vào tiếng mẹ đẻ, hoặc giả chỉ là những lời công kích dữ dội đối với phó Cầu Cudơnhétxki¹⁶ v.v... Thanh niên thì thường có giọng khinh thường hay thờ ơ đối với bất cứ cái gì của nước Nga và vừa đùa vừa tiên đoán rằng nước Nga sẽ cùng chung số phận với Liên minh sông Ranh¹⁷. Nói tóm lại, xã hội thời bấy giờ thật xấu xa khó chịu.

Bỗng nhiên tin quân giặc xâm nhập vào lãnh thổ Nga và lời hiệu triệu của đức hoàng đế làm cho chúng tôi kinh hãi. Mátxcơva náo động. Xuất hiện những tờ truyền đơn kêu gọi dân chúng bình dị của bá tước Raxtốpstsin¹⁸; nhân dân hừng hực sát khí. Những kẻ hay cợt nhả trong giới thượng lưu đã bớt khua môi múa mép; các cô các bà cứ hoảng hốt lên. Những người trước kia thường mặt sát tiếng Pháp và Cầu Cudơnhétxki nay chiếm ưu thế rõ rệt trong các nơi giao tế, và các phòng khách đầy ắp những nhà ái quốc: người thì đổ thuốc lá Pháp ra khỏi hộp, một mực chỉ hít thuốc lá Nga mà thôi; người thì đốt hàng chục cuốn sách Pháp, người thì từ chối món la-phít¹⁹ nhất định chỉ uống nước giải khát evát thôi. Mọi người đều lấy làm hối hận rằng đã nói tiếng Pháp, ai cũng nói đến Pôgiaxki và Minin²⁰. Họ bắt đầu thuyết giáo về chiến tranh

nhân dân, trong khi sửa soạn về miền nông thôn Xaratốp ở lâu dài.

Pôlina không giấu nổi lòng khinh bỉ, như trước kia không giấu nổi lòng công phẫn. Sự thay đổi nhanh chóng và sự nhất gan của họ khiến cho nàng không còn chịu đựng được nữa. Trên các phố, bên bờ đầm Prexnhia nàng cố ý nói tiếng Pháp; khi ngồi ở bàn ăn, trước mặt gia nhân nàng cố tình cãi lại những lời huênh hoang về lòng ái quốc, cố tình nói đến quân số hùng hậu của Napôlêông, đến tài thao lược xuất chúng của y. Những người có mặt cứ tái mặt đi vì sợ có người tố giác, và vội vã trách móc nàng là có thiện cảm với kẻ thù của tổ quốc. Pôlina mỉm cười khinh bỉ. Nàng nói: “Chỉ mong sao cho người Nga nào cũng yêu nước được như tôi”. Nàng khiến cho tôi phải ngạc nhiên. Xưa nay tôi vẫn thấy Pôlina là người nhũn nhặn và ít nói, nên không hiểu tại sao nàng lại có thể bạo mồm bạo miệng như vậy. Có lần tôi bảo nàng: “Thôi, việc gì phải can dự vào đây, có phải việc của chúng mình đâu? Để cho đàn ông họ đi đánh nhau và tha hồ hò hét về chính trị; phụ nữ không ra trận, Bônápácơ thì có liên quan gì đến đàn bà?” Mắt Pôlina sáng lên. Nàng nói: “Chị không biết thẹn sao, chả nhẽ đàn bà không có tổ quốc hay sao? Chả nhẽ họ không có những người cha, những người anh, những người chồng? Chả nhẽ máu của người Nga đối với chúng ta lại là một cái gì xa lạ? Hay chị tưởng rằng chúng ta sinh ra chỉ

để cho người ta ôm lấy mà quay cuồng trong các vũ hội, còn ở nhà thì ngồi thêu những con chó con theo đúng mẫu? Không, tôi biết người đàn bà có thể có ảnh hưởng như thế nào đối với công luận hay đối với lòng người, dù chỉ là một người thôi. Tôi không thừa nhận cái quan niệm miệt thị mà người ta thường có đối với chúng ta. Chị thử xem *M-me de Staël*: Napôlêông vật lộn với bà ta như với một lực lượng thù địch... Thế mà chú tôi còn cả gan chế nhạo về lo sợ của bà ta khi có tin quân Pháp tiến đến gần! “Xin phu nhân cứ yên tâm, phu nhân ạ: Napôlêông đánh nhau với nước Nga, chứ không phải với bà...” Phải! Nếu chú tôi lọt vào tay quân Pháp, thì họ sẽ thả cho chú ấy đi dạo ở Pale -Roian²¹; nhưng *M-me de Staël* mà bị họ bắt thì sẽ chết rục trong nhà lao quốc gia. Còn Sác-lôt Coóc-dê²² thì sao? Còn Marpha Pôxát-nhit-xa²³ của chúng ta thì sao? Lại còn công tước phu nhân Đascôva²⁴ nữa? Tôi hèn kém hơn họ ở chỗ nào? Nhất định tôi không thua họ về lòng quả cảm và kiên quyết”. Tôi ngạc nhiên nghe Pôlina nói. Tôi không ngờ rằng nàng lại có thể sôi nổi, nhiệt thành đến như thế. Than ôi! Có những cảm xúc cao cả như thế mà làm gì? Nhà văn ưa thích của tôi nói thật đúng: *Il n'est de bonheur que dans les voies communes*^{*}. Hoàng thượng đến lại

* Chỉ trên những con đường tầm thường mới có thể tìm được hạnh phúc (tiếng Pháp)²⁵.

làm cho mọi người xúc động gấp bội. Đến bây giờ ngay cả xã hội thượng lưu cũng bùng bùng một lòng ái quốc nồng nhiệt. Các phòng khách biến thành những phòng tranh cãi. Dâu dẫu người ta cũng bàn đến chuyện hy sinh vì nước. Người ta nhắc lại bài diễn từ bất hủ của bá tước Mamônốp²⁶ trẻ tuổi, người đã hiến cả gia tài điền sản của mình. Sau đó một vài bà mẹ có nhận xét rằng như vậy bá tước không còn là một đám hời để gả con nữa, nhưng chúng tôi thì ai cũng say mê ông ta. Pôlina suốt ngày mơ tưởng ông bá tước. Có lần nàng hỏi anh tôi: “Anh có nghĩ được cái gì?” Ông anh tinh quái của tôi đáp: “Hiện nay tôi chưa có quyền sở hữu gia tài điền sản. Trong tay cả thầy chỉ có ba vạn đồng bạc nợ: xin đem món nợ đó dâng lên bàn thờ tổ quốc”. Pôlina nổi giận. Nàng nói: “Đối với một số người thì danh dự cũng như tổ quốc đều là những chuyện không đâu. Anh em của họ thì chết ở ngoài chiến trường, còn họ thì cứ ngồi nói nhảm trong các phòng khách. Tôi không biết có người đàn bà nào có thể hèn hạ đến mức cho phép những con người như thế làm những trò vờ vênh yêu đương trước mặt mình không”. Anh tôi đỏ mặt, cãi lại: “Cô khó tính quá đấy. Cô đòi hỏi người ta phải thấy cô là một *M-me de Staël* và phải nói với cô những lời trích trong truyện “Côrina” kia. Cô phải biết rằng một người biết nói đùa trước mặt phụ nữ có thể không đùa trước mặt tổ quốc và trước mặt quân thù”. Nói đoạn anh tôi quay đi. Tôi tưởng

rằng hai người như thế là đã tuyệt giao với nhau, nhưng tôi lắm: Pôlina lấy làm thích thái độ ngang ngạnh của anh tôi, nàng tha thứ cho anh ấy câu đùa không đúng chỗ, vì anh ấy đã tỏ rõ một lòng công phần cao thượng. Một tuần sau, Pôlina được tin anh tôi đã sung vào trung đoàn của Mamônốp, liền yêu cầu tôi hoà giải hai người với nhau. Anh tôi mừng lắm, lập tức ngỏ ý hỏi nàng làm vợ. Nàng ưng thuận, nhưng xin hoãn việc cưới xin đến khi nào hết chiến tranh. Ngày hôm sau anh tôi lên đường nhập ngũ.

Napôlêông đánh vào Mátxcơva; quân ta rút lui. Dân chúng Mátxcơva hoảng hốt theo nhau bỏ trốn. Hai vợ chồng công tước khuyên nhủ mẹ tôi cùng đi với họ về làng N. của ông bà ấy.

Chúng tôi về làng N., một làng rất lớn cách tỉnh lỵ hai mươi véc-xta. Chung quanh chúng tôi có rất nhiều người lảng giềng, phần lớn từ Mátxcơva về. Ngày nào chúng tôi cũng tụ họp với nhau; chúng tôi sống ở nông thôn mà giống như ở thành thị vậy. Hầu như ngày nào cũng có thư từ quân đội gửi về, các bà già cứ lấy bản đồ ra tìm các nơi đóng doanh trại lộ thiên, tìm không ra thì phát cáu lên. Pôlina chỉ chú ý đến chính trị, chỉ đọc báo và đọc các tờ yết thị của Raxtôptsin, không bao giờ thấy nàng giờ một cuốn sách. Sống ở giữa những người có một vốn hiểu biết eo hẹp, luôn luôn phải nghe những lời bình luận vớ vẩn và những tin tức không xác đáng, nàng đâm ra tư lự buồn bã;

tâm hồn nàng lâm vào tình trạng mệt mỏi chán chường. Nàng tuyệt vọng thấy rằng tổ quốc không còn có hy vọng gì cứu vớt, nàng có cảm tưởng rằng nước Nga đã sắp đến ngày sụp đổ; các tờ thông báo quân sự càng khiến cho nàng thêm tuyệt vọng, những lời bá cáo có tính chất cảnh sát của bá tước Raxtôptsin khiến cho nàng phát cáu lên. Cái giọng bồn chồn của những tờ bá cáo đó nàng thấy hết sức khiếm nhã, và những biện pháp mà bá tước dùng thì nàng cho là đã man đến cực độ. Nàng không hiểu nổi tư tưởng của thời đại bấy giờ, một tư tưởng khủng khiếp mà thật vĩ đại, một tư tưởng khi được thực hiện một cách dũng cảm đã cứu thoát được nước Nga và giải phóng được châu Âu. Nàng thường ngồi hàng mấy giờ liền, chống khuỷu tay lên tấm bản đồ nước Nga, tính toán các khoảng cách, theo dõi những cuộc vận chuyển mau chóng của các quân đội. Những ý nghĩ kỳ quặc nảy ra trong óc nàng. Có lần nàng cho tôi biết rằng nàng có ý định đi khỏi làng, xông vào các doanh trại của Pháp, tìm cách lên vào chỗ Napolêông, và tự tay mình giết chết hắn. Tôi khuyên nhủ cho nàng thấy rõ rằng đây là một ý nghĩ điên rồ. Nàng cũng dễ dàng nghe tôi, nhưng ý nghĩ về Sác-lôt Coóc-đê vẫn ám ảnh nàng rất lâu.

Như quý vị đã biết, cha nàng là một người cũng nông nổi; ông chỉ nghĩ đến chuyện làm cách nào để sống ở nông thôn mà cho thật giống như ở Mátxcova. Ông ta tổ chức những bữa tiệc, lập *théâtre*

*de société** dùng các *proverbes*²⁷ Pháp làm cốt vở, và cố gắng tìm đủ mọi cách để cho những trò vui được nhiều hình nhiều vẻ. Người ta đưa về tỉnh lỵ một số sĩ quan Pháp bị bắt làm tù binh. Công tước mừng lắm, vì như vậy là có dịp làm quen với những nhân vật mới, liền xin với quan tỉnh trưởng cho đem họ về ở trong nhà...

Họ có bốn người cả thảy - trong bọn họ có ba người vốn là những kẻ ít học sùng bái Napolêông một cách cuồng tín, rất thích hò hét, huênh hoang không sao chịu nổi, tuy những vết thương của họ cũng khiến cho người ta trọng nể và chuộc lại một phần nào cái giọng khoe khoang khó chịu của họ. Nhưng người thứ tư lại là một con người rất đáng chú ý.

Hồi ấy người sĩ quan này hai mươi sáu tuổi. Chàng ta vốn con nhà gia thế.

Dung mạo của chàng rất dễ ưa, phong độ rất nhã nhặn. Chúng tôi thấy ngay rằng chàng không phải người tầm thường. Có ai ân cần hỏi han thì chàng đáp lại với một thái độ nhún nhường rất quý phái. Chàng nói ít, nhưng hề đã nói ra là lời lẽ bao giờ cũng tỏ ra vững vàng, có suy nghĩ. Pôlina thích người sĩ quan này ở chỗ chàng là người đầu tiên có thể giải thích một cách rõ ràng phân minh tình hình chiến sự

* Nhà hát nghiệp dư gia đình (tiếng Pháp)

và cách vận chuyển quân đội. Chàng an ủi Pôlina, nói rằng cuộc rút lui của quân đội Nga không phải là một cuộc chạy trốn vô nghĩa: nó làm người Nga sôi sục lên chừng nào, thì cũng làm cho người Pháp lo sợ chừng ấy. Pôlina hỏi chàng: “Nhưng ông thì sao, chẳng nhẽ ông không tin chắc rằng hoàng đế của ông vô địch hay sao?” Xênicua (tôi cũng xin dùng cái tên mà ông Dagôxkin đã đặt cho người sĩ quan - Xênicua), im lặng một lát, rồi nói rằng trong tình cảnh của chàng hiện nay, nói thẳng là một việc khó khăn. Pôlina cứ khẳng khẳng đòi chàng trả lời cho kỳ được. Xênicua nói rằng việc quân đội Pháp tiến sâu vào nội địa Nga có thể sẽ trở thành một nguy cơ cho họ, rằng hình như chiến dịch 1812 đã chấm dứt, nhưng vẫn chưa có gì quyết định tình hình. Pôlina cãi lại: “Chấm dứt ư! Napolêông vẫn tiến, còn chúng tôi thì vẫn rút lui kia mà!” Xênicua đáp: “Như vậy càng nguy cho chúng tôi”, - và chàng nói lảng sang chuyện khác.

Pôlina vốn đã phát ngáy vì những lời tiên đoán sệt sệt cũng như những lời huênh hoang ngu xuẩn của những người lảng giềng của chúng tôi, nàng khao khát lắng nghe những lời phán đoán của một người am hiểu sự việc và không có óc thiên vị mù quáng. Tôi có được những thư từ của anh tôi gửi về. Đọc những bức thư này, chẳng còn ai hiểu đầu đuôi ra sao nữa. Những bức thư của anh tôi đều đầy rẫy những câu đùa, ý nhị cũng có, thô lỗ cũng có, những câu hỏi han về Pôlina,

những lời thề thốt nhảm nhí về tình yêu v. v... Đọc những bức thư này, Pôlina bực mình nhún vai. Nàng nói: “Chị phải thừa nhận rằng cái anh Alếchxây của chị là một con người rỗng tuếch. Trong hoàn cảnh hiện nay, từ nơi chiến trường mà anh ta vẫn tìm cách viết được những bức thư không có nghĩa lý gì, hưởng hồ đến khi sống trong cảnh gia đình, thì câu chuyện của anh ta còn vô nghĩa đến đâu?” Pôlina nhăm. Những bức thư của anh tôi sờ dĩ như vậy không phải vì anh ấy là người rỗng tuếch, mà chỉ vì một thành kiến- và chẳng đó là một thành kiến rất nhục nhã cho chúng tôi: anh ấy cho rằng với phụ nữ phải dùng thứ ngôn ngữ thích hợp với trí hiểu biết non nớt của họ, rằng những vấn đề quan trọng không hề có can dự gì đến chúng tôi. Ở bất cứ nơi nào mà nghĩ như thế cũng là thiếu lễ độ, nhưng ở nước ta mà nghĩ như thế thì lại ngu ngốc nữa là khác. Chắc chắn là phụ nữ Nga có học hơn, đọc nhiều hơn, suy nghĩ nhiều hơn nam giới. Nam giới thì suốt ngày chỉ lo những trò vớ vẩn ở đâu đâu thôi.

Tin tức về trận Bôrôđinô²⁸ truyền đi. Ai cũng bàn tán về trận đánh này; người nào cũng có một tin “đúng nhất”, người nào cũng có một danh sách những người tử trận và bị thương. Anh tôi thì chẳng có thư từ gì. Chúng tôi hết sức lo lắng. Cuối cùng có một người thuộc hạng những kẻ biết lắm chuyện đến báo tin cho chúng tôi biết rằng anh ấy bị bắt làm tù binh, rồi

ghé tai Pôlina nói nhỏ với nàng rằng anh ấy đã tử trận. Pôlina buồn thương thấm thía. Nàng không yêu anh tôi và thường hay lấy làm bực mình về anh ấy, nhưng trong giờ phút này nàng thấy ở anh tôi là một người tuấn đạo, một vị anh hùng, và nàng thầm lén khóc anh tôi, không cho tôi biết. Có mấy lần tôi bắt gặp nàng đang khóc. Điều đó không làm cho tôi ngạc nhiên, vì tôi biết nàng đau đớn rất nhiều trước những nỗi thống khổ của tổ quốc chúng ta.

Tôi không hề nghi ngờ gì về cái nguyên nhân đã khiến cho nàng buồn bã.

Một buổi sớm kia tôi đang đi dạo ngoài vườn; Xênicua đi bên cạnh tôi; chúng tôi nói chuyện về Pôlina. Tôi nhận thấy Xênicua cảm xúc sâu sắc trước những đức tính cao cả của Pôlina và sắc đẹp của nàng đã gây nên trong tâm hồn chàng một ấn tượng rất mạnh. Tôi vừa cười vừa nói với Xênicua rằng tình cảnh của chàng thật hết sức nên thơ: một chàng kỵ sĩ bị thương sống cầm cố ở trong lâu đài của kẻ địch, đem lòng yêu nàng quận chúa trong lâu đài, rồi làm cho lòng nàng rung động, và cuối cùng được kết hôn cùng nàng. Xênicua nói: “Không phải đâu, tiểu thư ạ. Nữ công tước Pôlina xem tôi là một kẻ thù của nước Nga; nàng không bao giờ có thể ưng thuận từ bỏ tổ quốc của nàng được”. Vừa lúc ấy thấy Pôlina từ cuối vườn bước lại, chúng tôi liền đi về phía nàng. Pôlina bước rất nhanh. Khuôn mặt nàng tái xanh khiến tôi phải

kinh ngạc.

Nàng nói với tôi, không buồn đáp lại cái chào của Xênicua: “Mátxcôva đã bị chiếm”, lòng tôi thất lại, hai hàng nước mắt chảy ròng ròng. Xênicua im lặng, hai mắt nhìn xuống dưới chân. Pôlina nói tiếp, giọng run lên vì công phẫn: “Những người Pháp cao thượng, những người Pháp văn minh ấy đã đánh dấu trận thắng của họ một cách thật xứng đáng. Họ đã đốt cháy thành Mátxcôva. Mátxcôva cháy đã hai ngày nay rồi”. - “Cô nói gì thế, - Xênicua kêu lên, - không thể như vậy được”. Pôlina đáp xẵng: “Hãy đợi đến tối, có lẽ ông sẽ trông thấy ánh lửa cháy sáng ửng lên nền trời”. - “Trời ơi! - Xênicua nói, - thế là khôn to cho Napôlêông rồi, sao, chã nhẽ các cô không thấy rằng Mátxcôva cháy có nghĩa là toàn bộ quân đội Pháp sẽ bị tiêu diệt hay sao: Napôlêông sẽ không còn chỗ nào mà cố thủ, sẽ buộc lòng phải rút quân cho thật nhanh qua cánh thảo nguyên hoang tàn, trơ trụi khi mùa đông sắp đến, với một quân đội rã rời và bất mãn! Thế mà các cô lại có thể nghĩ rằng người Pháp đã tự đào ra cho mình một chốn địa ngục như vậy! Không, không, chính người Nga, chính người Nga đã đốt Mátxcôva. Thật là dũng cảm đến mức kinh khủng, đến mức man rợ! Bây giờ thì mọi việc đều đã được định đoạt: tổ quốc của các cô đã thoát ra khỏi vòng nguy hiểm; nhưng còn chúng tôi, còn đức hoàng đế của chúng tôi thì sẽ ra sao đây...”

Xênicua cáo tử. Pôlina với tôi cứ bàng hoàng không sao trấn tĩnh lại được. Pôlina nói: “Hay Xênicua nói đúng, và chính bàn tay của chúng ta đã đốt cháy Mátxcơva? Nếu vậy... thì ta có thể tự hào rằng mình là một người Nga! Thiên hạ sẽ phải sửng sốt vì sự hy sinh lớn lao này! Bây giờ thì dù cho chúng ta có suy tàn, tôi cũng không sợ nữa, danh dự của chúng ta đã được cứu vãn; không bao giờ châu Âu còn dám đòi chọi với một dân tộc đã tự mình chặt đứt cánh tay mình, tự đốt cháy kinh đô của mình”.

Mắt nàng sáng quắc, giọng nàng vang lạnh lạnh. Tôi ôm chầm lấy nàng, chúng tôi cùng hoà những giọt nước mắt xúc động cao quý và những lời cầu nguyện nhiệt thành cho tổ quốc, Pôlina say sưa nói với tôi: “Chắc chị biết không? Anh của chị là một người diễm phúc... Anh ấy không bị bắt làm tù binh đâu, chị mừng đi: anh ấy đã ngã xuống để cứu nước Nga”.

Tôi kêu lên một tiếng và ngắt đi trong tay nàng...

1831

Hoàng Tôn dịch



DUBRÔPXKI

TẬP THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

Mấy năm trước đây có một lão lãnh chúa Nga tên là Kirila Pêtorôvích Tơrôiekurôp, sống tại một trong những điền trang của lão. Nhờ có lắm của, lại dòng dõi quý phái và thường giao thiệp với nhiều kẻ quyền cao chức trọng, nên Tơrôiekurôp có một uy thế lớn đối với bọn quan lại ở trong vùng. Những người láng giềng của Tơrôiekurôp đều vui mừng chiều theo những ý thích nhỏ nhặt nhất của lão, và bọn quan chức trên tỉnh thì chỉ nghe đến tên lão thôi cũng đủ run sợ; Kirila Pêtorôvích chấp nhận những cử chỉ luôn cúi của mọi người như một điều tất nhiên phải có đối với lão; nhà lão lúc nào cũng đầy những khách khứa sẵn sàng mua vui cho cảnh sống vô công rồi nghề của chủ nhân, hưởng ứng những trò giải trí ồn ào và đôi khi thô bạo của lão. Không có ai lại dám từ chối một lời mời của Kirila Pêtorôvích; đến ngày lão đã định thì mọi người đều rầm rập kéo đến ấp Pôkrôpxcôie

với thái độ thành kính đúng mức. Trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà, Kirila Pêtrôvích tỏ ra có tất cả những thói xấu của một kẻ vô học. Được mọi người ở chung quanh chiều chuộng, lão thường quen thả lỏng cho cái tính khí hung hãn của mình hoành hành, và làm theo tất cả những ý thích của một trí óc không lấy gì làm thông minh cho lắm. Mặc dù có một sức khoẻ phi thường, tuần nào lão cũng đôi ba lần bị bội thực, và hễ cứ đến tối là người ta thấy lão chuệnh choáng hơi men.

Một trong những ngôi nhà phụ trong ấp của lão được dành riêng cho mười sáu cô hầu gái, ngày ngày chăm việc thuê thửa vốn là nghề riêng của giới họ. Các cửa sổ của ngôi nhà này đều có chấn song bằng gỗ, cửa ra vào đều khoá bằng ổ khóa, mà chìa khóa thì Kirila Pêtrôvích giữ. Cứ đến giờ đã định, những người con gái bị cấm cung này được xuống vườn đi dạo với hai bà già có nhiệm vụ kiểm soát họ. Lâu lâu Kirila Pêtrôvích lại cho vài cô đi lấy chồng và đưa mấy cô khác vào thay. Đối với nông dân và gia nô lão cư xử rất khắc nghiệt và lại hay dở chứng; tuy vậy, họ rất tận tụy với chủ: họ thường dựa vào cửa cải và danh vọng của lão để lên mặt, và ý vào sự che chở của lão để tha hồ bắt nạt những người láng giềng.

Những công việc thường xuyên xưa nay của Tơrôiekkurôp là đi thăm những điền trang rộng lớn của lão, bày ra những bữa tiệc linh đình và dai dẳng,

hàng ngày nghĩ ra những trò đùa kỳ quặc mà nạn nhân thường là một người khách mới quen nào đấy. Nhưng ngay cả các ông bạn cũ đôi khi cũng không thoát khỏi những trò đùa này, trừ một người là Andrây Gavrilôvich Đubrôpxki. Ông Đubrôpxki này là một viên trung uý cận vệ về hưu, và là người láng giềng gần gũi nhất của Tơrôiekurôp. Ông ta có cả thảy bảy mươi nông nô. Tơrôiekurôp vốn hống hách với mọi người, ngay cả với những người quyền cao chức trọng cũng vậy, nhưng đối với Đubrôpxki thì lại kính nể, mặc dù ông này chẳng có địa vị hay của cải gì đáng kể. Ngày trước họ là bạn đồng ngũ với nhau, và Tơrôiekurôp hồi ấy đã từng có dịp biết rõ cái tính cương trực và quả quyết của ông bạn. Hoàn cảnh khiến cho họ phải xa nhau một thời gian khá lâu. Vì gia tài gần khánh kiệt, Đubrôpxki buộc lòng phải về hưu. Ông ta về ở trong thôn ấp cuối cùng còn lại của mình. Tơrôiekurôp biết tin này liền nghĩ ý muốn giúp đỡ cho Đubrôpxki, nhưng Đubrôpxki cảm tạ lão ta và tiếp tục sống nghèo nàn và độc lập như cũ. Mấy năm sau, Tơrôiekurôp cũng về hưu với cấp bậc tướng. Khi lão trở về ở hẳn trên ấp trại của mình, hai người bạn cũ gặp nhau tay bắt mặt mừng. Từ dạo đó ngày nào họ cũng đến thăm nhau, và Tơrôiekurôp, một người xưa nay vốn không bao giờ hạ mình xuống đi thăm ai, bây giờ cũng xuê xoa quá bộ đến ngôi nhà bé nhỏ của ông bạn cũ. Vốn cùng một lứa tuổi, lại đều là dòng

đôi quý phái, cùng chịu một lối giáo dục như nhau, họ có nhiều chỗ hợp nhau về tính tình và sở thích. Về một phương diện nào đó thì cuộc đời của hai người cũng có chỗ giống nhau; cả hai đều cưới vợ vì tình yêu, cả hai đều goá vợ sớm, và cùng rơi vào cảnh gà trống nuôi con. Người con trai của Đubrốpski đi học ở Pêterburg, còn con gái của Tơrôiekurốp thì ở nhà với bố. Tơrôiekurốp thường nói với Đubrốpski: “Bác Andrây Gavrilôvich này, khi nào thằng Vôlôdia* nhà bác ăn học thành đạt, thế nào tôi cũng gả con Masa** cho, dù nó có nghèo rớt mồng tơi đi nữa”. Những lúc đó Andrây Gavrilôvich thường lắc đầu mà rằng: “Không được đâu bác Kirila Pêtơrôvich ạ. Thằng Vladimia nhà tôi chẳng xứng với cô Maria đâu. Một thanh niên quý tộc nhà nghèo như nó thì thà lấy một thiếu nữ quý tộc nhà nghèo, mà được làm ông chủ trong nhà mình, còn hơn là về làm quản lý cho một bà con cứng nhà giàu”.

Mọi người đều lấy làm thêm muốn cái không khí hòa thuận giữa lão Tơrôiekurốp hống hách và người láng giềng nghèo của lão, và đều lấy làm lạ về cái thái độ cả gan của ông này, khi ngồi ăn cùng bàn với Tơrôiekurốp lại dám nói thẳng ý kiến của mình ra, không hề sợ trái ý chủ nhân. Có mấy người cũng muốn

* Cách gọi thân mật tên Vladimia.

** Cách gọi thân mật tên Maria.

bắt chước làm như vậy, và vượt ra ngoài khuôn khổ vàng của một tỷ, nhưng Tơrôiekuróp lập tức cho họ biết thân biết phận, làm cho họ thất kinh đến nỗi từ đó về sau, không còn ai dám phạm thượng như vậy nữa, và Đubrôpxki vẫn là người độc nhất ở bên ngoài luật chung. Một việc đột ngột xảy ra làm thay đổi tất cả.

Một hôm vào đầu mùa thu Tơrôiekuróp soạn sửa đi săn. Từ hôm trước lão đã ra lệnh cho bọn chăn chó và bọn giám mã chuẩn bị sẵn sàng từ năm giờ sáng. Lều vải và bếp núc đều được đưa trước ra chỗ Tơrôiekuróp sẽ nghỉ ăn trưa. Chủ và khách kéo nhau ra thăm sân nuôi chó. Ở đây có hơn năm trăm con chó sẵn sàng một cuộc đời no ấm, ngày ngày ca ngợi lòng bao dung của chủ nhân bằng cái ngôn ngữ chó má của chúng. Ở đây có cả một nhà thương nhỏ cho chó ốm dưới quyền trông nom của thầy lang Timôsca, và có một nơi dành cho những con chó cái quý phái của nhà này đẻ và cho con bú. Tơrôiekuróp rất lấy làm hãnh diện về cái chính nghiệp tuyệt vời này, và không bao giờ để lỡ cơ hội đem khoe với khách khứa, mặc dù trong số những người này mỗi người đã xem đến vài chục lần là ít. Lão dẫn khách đi quanh sân, theo sau có Timôsca và bọn giữ chó; thỉnh thoảng lão dừng lại trước một vài ổ chó nào đó, khi thì hỏi han về tình trạng sức khỏe của chó ốm, khi thì đưa ra vài điều nhận xét nghiêm nghị và công minh, khi thì gọi một vài con chó quen thuộc đến và nói chuyện với chúng

một cách âu yếm. Các tân khách đều nhận thấy có nhiệm vụ tằm tắc thán phục cái sân nuôi chó của Tơrôiekurốp; riêng chỉ có một mình Đubrốpki lặng thinh, vẻ mặt lăm lăm. Ông là một người rất ham mê săn bắn. Hoàn cảnh của ông chỉ cho phép ông nuôi dăm bảy con chó săn; ông không khỏi thấy ganh tị với cái sân nuôi chó thật là hoàn hảo này. Tơrôiekurốp thấy vậy liền lên tiếng hỏi:

- Sao trông bác không được vui? Hay là sân nuôi chó của tôi có chỗ còn chưa làm bác hài lòng?

Đubrốpki đáp xằng:

- Không, sân nuôi chó của bác rất tốt, nông dân nhà bác cũng khó lòng mà có được một đời sống sung sướng như chó săn ở đây.

Một tên giữ chó chạnh lòng. Hắn nói:

- Chúng tôi nhờ ơn Thượng đế và nhờ ơn Chúa của chúng tôi đây nên sống cũng được sung túc, không hề than phiền điều gì; thật tình chỉ thương cho một vài nhà quý tộc: có lẽ họ dọn đến một cái chuồng chó ở đây mà ở thì chắc là hơn ở nhà nhiều; họ nhất định sẽ được no ấm hơn.

Kirila Pêtrôvich nghe tên nông nô của mình ăn nói hỗn xược như vậy thì cười lên ha hả, và bao nhiêu khách khứa đều bật cười theo, tuy họ cũng cảm thấy rằng câu nói đùa kia rất có thể ám chỉ cả chính bản thân họ nữa. Riêng Đubrốpki thì tái mặt đi và lặng

thinh.

Vừa lúc ấy người ta mang lại cho Tơrôiekurốp một cái giỏ trong có mấy con chó con mới đẻ. Tơrôiekurốp ngắm nghía một lúc, chọn lấy hai con còn bao nhiêu sai đem đi tắm nước. Trong khi đó Andrây Gavrilôvích lần đi mà không ai để ý.

Sau khi đi xem sân nuôi chó, Tơrôiekurốp cùng với khách khứa trở về ăn bữa chiều, và đến lúc không thấy Đubrôpxki đâu, lão mới hỏi. Người ta trả lời rằng Andrây Gavrilôvích đã về nhà rồi. Tơrôiekurốp lập tức sai người cưỡi ngựa đi mời ông trở lại. Xưa nay không bao giờ Tơrôiekurốp lại đi săn mà không có Đubrôpxki là người có nhiều kinh nghiệm, biết đánh giá một cách tinh vi những cái hay cái dở của chó săn và có khả năng giải quyết tất cả những cuộc tranh cãi có thể xảy ra trong một cuộc săn bắn. Người đầy tớ được phái đi phi ngựa trở về báo với chủ rằng Andrây Gavrilôvích nhất định không chịu quay lại. Cũng như thường lệ, mỗi khi rượu say ngà ngà Tơrôiekurốp nổi nóng lên và bắt người đầy tớ cưỡi ngựa đi mời lần nữa, dặn hấn nói với Andrây Gavrilôvích rằng hễ mà ông ta không lập tức đến áp Pôkrôpxcôie nghỉ lại đêm nay, thì Tơrôiekurốp và Đubrôpxki từ nay trở đi không bạn bè gì nữa. Người đầy tớ lại phi ngựa đi. Tơrôiekurốp đứng dậy cáo từ khách khứa và đi ngủ.

Hôm sau câu hỏi đầu tiên của lão là: “Andrây

Gavrilôvích có ở đây không?” Người ta liền đưa cho lão một bức thư xếp thành hình tam giác. Tơrôiekurốp sai người thư ký đọc to lên, và nghe được những điều sau đây:

“Kirila Pêtơrôvích tôn huynh các hạ,

Tôi không có ý định đến ấp Pôkrôpxcôie nữa, cho tới khi nào tôn huynh chịu cho tên giữ chó Paramôscasang đây chịu tội và để tôi tùy ý trừng trị hay xá tội cho nó; chứ tôi không dung thứ được những câu đùa nhả của nông nô nhà tôn huynh, mà cũng không dung thứ được những câu đùa nhả của chính tôn huynh nữa, vì tôi không phải là một thằng hề, mà là người của một dòng dõi quý tộc lâu đời. Nay kính thư

Andrây Đubrôpxki”.

Theo quan niệm hồi đó thì bức thư này thật là không đúng phép xã giao, nhưng Tơrôiekurốp nổi giận không phải vì giọng văn kỳ quặc ở trong thư, mà chính là vì nội dung của bức thư. Tơrôiekurốp chân không nhảy xuống đất, găm lên:

- Gớm chưa! Cho người của ta sang bên ấy để chịu tội ư? Hắn muốn tha thì tha, muốn trị thì trị à? Hắn nghĩ thế nào mà dám nói như vậy? Hắn có biết rằng hắn đang nói với ai đây không? Ông thì ông cho hắn... Rồi còn phải khóc với ông! Tưởng chống lại Tơrôiekurốp này mà được à?

Tơrôiekurốp mặc áo và lên đường đi săn với tất cả những kiểu cách sang trọng như thường lệ, nhưng buổi

sản không có kết quả gì. Cả ngày chỉ gặp được một con thỏ, mà cũng dễ sống mất. Buổi ăn trưa dưới lều vải cũng không ra gì, hoặc giả không vừa ý Tơrôiekurôp: lão đánh đập đầu bếp, chửi bới khách khứa và trên đường về cố ý cưỡi ngựa băng qua đồng lúa của nhà Đubrôpxki.

Đã mấy ngày trôi qua mà mỗi hiềm khích giữa hai người láng giềng vẫn không dịu bớt. Andrây Gavrilôvich không trở lại ấp Pôkrôpxcôie nữa. Tơrôiekurôp không có ông ta thì thấy chán ngắt, bực mình văng cả những câu chửi rửa hết sức tục tằn. Những câu này được bọn khách khứa của Tơrôiekurôp bổ sung và thêm thất lên mà đến tai Đubrôpxki. Rồi một sự việc nữa xảy ra làm tiêu tan mọi hy vọng hòa giải.

Một hôm Đubrôpxki đi thăm khu điền trang nhỏ bé của mình. Đang đi lại gần khóm rừng bạch dương thì nghe có tiếng riu và một lát sau nghe có tiếng cây đổ. Đubrôpxki vội đi vào rừng và chạm trán với mấy tên nông nô ở ấp Pôkrôpxcôie đang điềm nhiên dẫn trộm gỗ nhà ông. Thấy Đubrôpxki đến, họ toan bỏ chạy. Đubrôpxki và người đánh xe của ông tóm được hai đứa, trói lại dẫn về nhà. Ba con ngựa của địch quân cũng được giữ lại làm chiến lợi phẩm. Đubrôpxki giận lắm: trước đây người của Tơrôiekurôp tuy vốn là những tay đầu trộm đuôi cướp, nhưng không bao giờ dám động đến địa phận nhà ông, vì họ biết rằng chúa của họ với ông là chồ thân bằng cố hữu. Đubrôpxki

thấy bây giờ họ đã lợi dụng mối hiềm khích giữa hai người để làm càn, cho nên, trái với tất cả luật lệ thời chiến, ông quyết định mang hai người bị bắt ra và dùng chỗ roi bạch dương mà họ đã dẫn trộm trong rừng đánh cho họ một trận. Còn mấy con ngựa thì cho đi kéo cày với bầy ngựa nhà.

Ngay hôm ấy tin này đến tai Tơrôiekurôp. Lão ta nổi giận đùng đùng, và toan kéo nông nô sang ấp Kixtênhốpca (đó là tên gọi điền trang nhà Đubrôpxki) phá sạch tất cả và vây kín dinh thự Đubrôpxki lại - xưa nay Kirila Pêtrôvích chẳng e ngại gì mà không thực hiện những chiến công như vậy. Nhưng chẳng mấy chốc ý nghĩ của lão lại chuyển sang một hướng khác.

Đang bước những bước nặng trĩu đi đi lại lại trong gian phòng lớn, Kirila Pêtrôvích tình cờ nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy một chiếc xe tam mã dừng ở trước cổng. Một người thấp bé đội một chiếc mũ lưỡi trai bằng da và mặc một chiếc áo choàng bằng dạ thô xuống xe và đi vào gian nhà của viên quân lý. Tơrôiekurôp nhận ra viên bồi thẩm Sabaskin và cho người gọi hắn vào. Một lúc sau Sabaskin đã đứng trước mặt lão, cúi chào lia lịa và khúm núm đứng đợi lệnh. Tơrôiekurôp nói:

- Chào anh, anh tên là cái quái gì nhỉ? Đến đây có việc gì đấy?

- Bẩm quan lớn, con đi ra tỉnh đây ạ, - Sabaskin đáp. - Con ghé vào Ivan Đêmianốp để hỏi xem quan

lớn có gì sai bảo không đấy ạ.

- Anh đến thật đúng lúc, anh ...anh tên là cái quái gì nhỉ? Ta đang cần đến anh đây, nào uống rượu đi, rồi nghe ta bảo!

Cách tiếp đãi ân cần như vậy làm cho viên bồi thẩm ngạc nhiên và sung sướng. Y từ chối không uống rượu và bắt đầu lấy hết sức bình sinh ra lắng tai nghe Tơrôiekurốp nói.

- Ta có một lão láng giềng, hắn là một tên tiểu địa chủ thô lậu, ta muốn chiếm khoảnh đất của hắn. Anh thấy thế nào?

- Bẩm quan lớn, giá có được một số giấy tờ nào hoặc là...

- Thôi đi, làm chó gì có giấy tờ. Thế mới là lệnh cho nhà anh. Chẳng có quyền có hành gì hết, mà đoạt lấy điền trang ấy mới nên chuyện! Nhưng mà khoan, để ta xem... Cái điền trang này ngày xưa là của nhà ta bán cho một tên Xpítxun nào đó, rồi sau tên này bán cho bố tên Đubrôpxki ngày nay. Liệu có thể vin vào đấy được không?

- Bẩm khó lắm, có lẽ mua bán như vậy đều tiền hành một cách hợp pháp cả.

- Anh thử nghĩ xem, tìm nữa đi xem có cách gì không nào?

- Giá mà... ví thử như quan lớn có cách gì lấy lại được văn tự bán đất ở như lão ta, thì cố nhiên là...

- Hiểu rồi, nhưng khôn nổi đạo trước bên nhà hắn

có hỏa hoạn, thế là giấy tờ cháy mất cả rồi còn đâu.

- Bẩm sao ạ? Bẩm, quan lớn dạy rằng giấy tờ của lão ta cháy cả rồi ạ? Thế còn gì hơn nữa - nếu vậy xin quan lớn cứ hành động theo đúng pháp luật, thì thế nào cũng được như ý thôi ạ.

- Thật hả? Thế thì anh xem hộ nhé. Ta trông mong cả vào anh đấy, và thế nào ta cũng sẽ hậu thưởng cho nghe!

Sabaskin cúi rạp xuống gần sát đất, rồi lui ra. Ngày hôm đó hán bắt đầu chạy chọt để lo liệu công việc và nhờ tài xoay xở của hán, khoảng chừng một tuần sau Andrây Gavrilôvích Đubrôpxki nhận được trát từ trên huyện gửi về yêu cầu ông phải lập tức đệ trình những giấy tờ cần thiết để làm bằng là ông có quyền chiếm hữu đất Kixtênhôpca.

Andrây Gavrilôvích rất kinh ngạc trước cái trát đột ngột đó và lập tức viết một bức thư khá lỗ mãng trả lời rằng thôn Kixtênhôpca là do cụ cố thân sinh của ông để lại, rằng quyền chiếm hữu của ông là quyền thừa hưởng gia tài của cha, rằng Tơrôiêkurôp không việc gì phải thò mõm vào đấy, và tất cả những sự dòm ngó vào điền trang của ông đều là vu khống và bịp bợm.

Bức thư này làm cho viên bồi thẩm Sabaskin rất hài lòng. Y thấy rõ rằng thứ nhất là Đubrôpxki không am hiểu gì về việc kiện tụng, thứ hai nữa là một con người nóng nảy và thiếu đắn đo như vậy thì rất dễ cho vào tròng.

Sau khi đã xét lại một cách bình tĩnh các yêu sách

của viên bồi thẩm, Andrây Gavrilôvích thấy cần phải trả lời sao cho thích hợp với hoàn cảnh hơn. Ông bèn viết một bức thư khá xác đáng, nhưng do tính thời gian mà bức thư này thành ra vô hiệu.

Vụ án cứ kéo dài. Tin chắc vào lẽ phải của mình, Andrây Gavrilôvích không lo nghĩ gì mấy đến công việc kiện tụng, ông không hề có ý muốn, mà cũng không có khả năng vung tiền ra để lo liệu. Hơn ai hết, Đubrôpxki là người vẫn thường nhạo báng cái lương tâm có thể đem ra mua bán của bọn nha lại, nhưng ông không hề thoáng có ý nghĩ rằng mình đang là nạn nhân của một âm mưu vu khống. Về phía Tơrôiekurôp thì lão ta cũng chẳng chú ý gì đến việc kiện tụng này - Sabaskin đã lãnh hết mọi trách nhiệm lo toan, lấy danh nghĩa của Tơrôiekurôp mà hành động; hấn dọa nạt, mua chuộc các quan tòa, xuyên tạc công văn này, vặn vẹo pháp lệnh kia. Dù sao thì đến ngày mồng chín tháng Hai năm 18... Andrây Gavrilôvích Đubrôpxki cũng được phòng cảnh sát huyện N. chuyển cho một tờ giấy mời ra tòa án huyện để nghe tuyên cáo về vụ tranh chấp đất đai giữa ông ta, tức trung uý Đubrôpxki, với tướng Tơrôiekurôp, và để ký vào bản tuyên án, cho biết là đã chịu án, hay còn chống án. Ngay hôm đó Đubrôpxki lên huyện lỵ; dọc đường, xe của Tơrôiekurôp vượt qua xe của Đubrôpxki. Họ vênh mặt nhìn nhau, và Đubrôpxki thoáng thấy một nụ cười nham hiểm nở trên môi kẻ thù.

CHƯƠNG II

Lên đến huyện ly Andrây Gavrilôvich ghé vào một nhà buôn quen nghỉ lại đêm và sớm hôm sau ra dự phiên tòa. Không ai để ý đến ông ta cả. Một lát sau Kirila Pêtrôvich vào, mấy viên lục sự liền đứng dậy và cài bút lông ngỗng lên vành tai. Các viên chức trong tòa đều khúm núm chào mời, xịch ghế bành lại cho lão ngồi để tỏ lòng thành kính đối với danh vị, tuổi tác và dòng dõi của lão. Kirila Pêtrôvich ngồi bên mấy cái cửa mở, còn Andrây Gavrilôvich thì đứng dựa lưng vào tường. Trong phòng im phăng phắc, và viên thư ký lên giọng sang sảng bắt đầu đọc lời tuyên cáo của tòa án.

Chúng tôi xin đăng toàn văn bản tuyên cáo vào đây, trộm nghĩ rằng có lẽ ai cũng sẵn lòng muốn biết một trong những phương tiện mà ở nước Nga này người ta có thể dùng để tước đoạt điền trang của một kẻ khác, mặc dù kẻ đó có quyền chiếm hữu hợp pháp đến đâu chăng nữa*...

Viên thư ký đọc xong, viên bồi thẩm đứng dậy và

* Tiếp đó Puskin dẫn ra một bản tuyên án, một kiểu mẫu của lối văn khuôn sáo và có nhiều lỗi ngữ pháp trong các văn bản pháp lý hồi đó, mà chúng tôi không dịch lại ở đây. Bằng những lỗi nói lấp lửng đủ mọi kiểu về mặt pháp lý, bản tuyên án đã "chứng minh" rằng Tơrôiêkưrốp là người sở hữu hợp pháp điền trang của Đubrôpxki.

cung kính cúi chào Tơrôiêkurốp một cái, rồi mời lão ký vào tờ giấy; Tơrôiêkurốp đắc chí vớ lấy bút và ký tên xuống phía dưới bản tuyên cáo của tòa án để tỏ ý hoàn toàn tán đồng.

Tiếp theo là đến lượt Đubrốpxki. Viên thư ký đưa tờ giấy cho ông. Nhưng Đubrốpxki cúi đầu xuống, đứng yên, bất động.

Viên thư ký lại một lần nữa mời Đubrốpxki ký vào bản tuyên án để cho biết là đã hoàn toàn và tuyệt đối tán đồng hoặc dứt khoát không tán đồng, nếu như vạ nhất ông thật sự cho mình là phải và có ý định khiếu nại lên những nơi có thẩm quyền trong những thời hạn đã được luật pháp quy định. Đubrốpxki vẫn lặng thinh... Bỗng ông ngẩng đầu lên, hai mắt sáng quắc. Ông giẫm chân xuống đất, gơ tay gạt mạnh viên thư ký làm cho hắn ngã ngửa ra, rồi vớ lấy một lọ mực, ông ném thẳng vào mặt viên bồi thẩm. Mọi người đều kinh hãi. Đubrốpxki quát:

- Thế nào! Bọn bay không kiêng nể gì nhà thờ Chúa cả sao? Cút ngay, phường vô lại!

Rồi quay sang phía Kirila Pêtrôvich, ông nói tiếp:

- Thưa ngài, có đời thuở nào bọn giữ chó lại dắt chó vào nhà thờ Chúa! Chó chạy khắp nhà thờ kia kìa. Tôi sẽ cho ngài một bài học...

Đội lính gác nghe tiếng ồn ào chạy vào và chận vật lắm mới giữ nổi Đubrốpxki lại. Họ dẫn ông ra ngoài và đặt ông ngồi lên xe trượt tuyết. Tơrôiêkurốp ra

theo, và tất cả tòa án cũng theo sau. Cơn điên đột ngột của Đubrôpxki làm cho trí tưởng tượng của Tơrôîêkurôp bị kích động mạnh và phá hỏng mất cái thú đắc thắng của lão.

Bọn quan tòa trước đây vẫn mong được hậu tạ, nay không có lấy được một lời ôn tồn. Ngay hôm ấy Tơrôîêkurôp trở về Pôkrôpxcôîê. Trong khi đó Đubrôpxki vẫn mê man trên giường bệnh. Viên thầy thuốc ở huyện lỵ, may thay, cũng có biết đôi chút về thuốc men và đã kịp thời dùng địa và ruồi trâu để chích máu cho Đubrôpxki. Đến tối thì thấy đỡ, người ồm hoi tỉnh. Hôm sau người ta chở ông về thôn Kixtênhốpca; đất này bây giờ đã hầu như không còn là đất của ông nữa rồi.

CHƯƠNG III

Một thời gian đã qua, mà bệnh tình của Đubrôpxki vẫn không thuyên giảm. Những cơn điên quả nhiên không phát trở lại nữa, nhưng sức của ông cứ kiệt dần. Andrây Gavrilôvích quên hết những công việc trước đây thường phải làm, ít khi ra khỏi phòng và suốt ngày đêm nằm suy nghĩ. Êgôrôpna, một bà già hiền lành trước kia nuôi đứa con trai của Đubrôpxki, bây giờ lại trở thành u già của ông ta. Bà chăm sóc Đubrôpxki như chăm một đứa trẻ, nhắc cho ông nhớ giờ ăn và giờ đi ngủ, cho ông ăn và dìu ông đi nằm.

Andrây Gavrilôvich vâng lời u già một cách ngoan ngoãn và ngoài u ra không còn tiếp xúc với ai nữa. Bây giờ ông không còn đủ sức nghĩ đến công việc cai quản làm ăn gì nữa, nên u già Êgôrôpna thấy cần phải báo tin cho con ông là Vladimira Andrêevich Dubrôpxki biết mọi việc. Vladimira tòng ngũ trong một trung đoàn bộ binh của quân cận vệ và bây giờ đang ở Pêterburg. Thế là u già xé một tờ giấy trong quyển sổ chi tiêu ra và đọc cho người đầu bếp Khariton viết: Khariton là người biết chữ độc nhất trong làng Kixtênhôpca. Bức thư viết xong, ngay hôm ấy u già cho mang ra trạm gửi đi.

Nhưng đã đến lúc cần phải giới thiệu với độc giả nhân vật chính của câu chuyện mà chúng tôi đang kể.

Vladimira Dubrôpxki được ăn học trong một Trường thiếu sinh quân và ra trường với chức thiếu úy quân cận vệ. Andrây Gavrilôvich không hề tiếc một điều gì để cung cấp đầy đủ cho con, và chàng Dubrôpxki trẻ tuổi này thường được nhà gửi cho nhiều tiền hơn là chàng dám mong đợi. Tính vốn hào phóng và hay sĩ diện, chàng thường tiêu xài sang trọng, đánh bài và mắc nhiều công nợ. Chàng không hề lo nghĩ tới tương lai, và tính chuyện không chóng thì chày sẽ lấy một cô vợ giàu: một ước mơ của thanh niên nghèo hời đó.

Một buổi tối, ở nhà Vladimira đang có mấy người sĩ quan đến chơi nằm dài ra trên các ghế đi-văng hút thuốc lá, thì Grisa, người hầu phòng của Vladimira, vào

đưa cho chàng một bức thư. Nét chữ và dấu ấn trên phong bì lập tức làm cho chàng chú ý. Chàng hấp tấp xé phong bì ra và đọc thấy những dòng sau đây:

“Cậu Vladimia Andrêêvich, chúa của chúng tôi, u già của cậu đây, có mấy lời để trình cậu rõ về sức khoẻ cụ thân sinh của cậu. Cụ nhà hiện nay mệt nặng, thỉnh thoảng lại mê sảng và cả ngày ngồi thừ ra như đứa trẻ dại, có sống hay chết là do Chúa định đoạt cả. Cậu về ngay nhé, con phượng hoàng con yêu quý của u già, u sẽ cho ngựa đến đón cậu ở Pêxôtsnôiê. Nghe tòa án huyện định đặt chúng tôi dưới quyền của Kirila Pêtơrôvich Tơrôiekkurôp: đầu họ nói rằng chúng tôi là người của họ, nhưng kỳ thật chúng tôi xưa nay vẫn là người nhà nhà cậu, - từ bé đến lớn chưa bao giờ lại nghe thấy chuyện lạ như thế. Cậu ở Pêterburg có cách gì trình với đức Hoàng đế, chắc ngài sẽ không để cho chúng ta bị ức hiếp. U già đời đời vẫn là tôi tớ trung thành của cậu.

U già ký:

Ôrina Êgôrôpna Buduriôva.

U gửi lời cầu phước của một người mẹ cho con u là thằng Grisa. Nó hầu hạ cậu có được chu đáo không? ở nhà ta mưa tầm tã đã hai tuần nay và lão chần cừ Rôdia đã chết vào khoảng ngày lễ thánh Nhikôlai”.

Vladimia đọc đi đọc lại mấy lần liền những dòng chữ không lấy gì làm mạch lạc trên đây và thấy vô cùng xúc động. Chàng mô côi mẹ từ thuở bé và hầu

như chưa được biết nhiều về cha, đến năm lên tám chàng đã được đưa lên Pêterburg ăn học. Tuy vậy chàng quý mến cha với tình cảm quyến luyến nồng bột và lãng mạn, và vì ít được hưởng những thú vui êm ả của gia đình, chàng lại càng thấy yêu thích đời sống gia đình hơn nữa.

Y nghĩ mình có thể mất cha làm cho lòng chàng se lại, và tình cảnh của người cha già đau yếu mà chàng có thể đoán biết qua bức thư của u già làm cho chàng kinh hãi. Chàng hình dung cha mình bơ vơ trong một thôn làng hẻo lánh, phó mặc cho một bà già dốt nát và mấy người gia nô, đang bị một tai vạ đầu đầu đe dọa, và chết dần mòn trong cảnh cô đơn, đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần. Vladimira nghĩ giận mình đã có một thái độ tác trách tội lỗi. Từ lâu lắm chàng không nhận được thư từ gì của cha, nhưng cũng không nghĩ đến việc hỏi thăm, cứ yên trí rằng cha mình đang đi đâu vắng hoặc quá bận việc nhà.

Vladimira Andrievich quyết định về với cha và thậm chí sẽ xin giải ngũ, nếu bệnh tình của cha chàng đòi hỏi phải có chàng ở bên cạnh. Các bạn bè thấy Vladimira đang có chuyện lo lắng thì bỏ ra về cả. Ngồi lại một mình, Vladimira liền viết đơn xin nghỉ phép, rồi châm thuốc hút và bắt đầu suy nghĩ miên man.

Ngày hôm đó chàng đi thu xếp việc xin nghỉ, và ba ngày sau chàng đã lên đường.

Vladimira Andrievich đã đến gần chỗ ngôi trạm nơi bắt đầu rẽ về thôn Kixtênhốpca. Chàng thấy lòng tràn

ngập những linh cảm buồn bã, chàng sợ rằng về đến nhà thì cha chàng đã không còn ở trên thế gian này nữa, chàng tưởng tượng thấy đời sống tẻ nhạt đang đợi chàng trong thôn vắng, không bạn bè, nghèo túng và phải cang đáng những công việc mà xưa nay chàng không hề hiểu biết một tí gì. Đến trạm, Vladimira vào gặp viên coi trạm hỏi ngựa. Viên coi trạm hỏi Vladimira đi đâu, và khi đã rõ, liền cho chàng biết rằng ngựa ở Kixtênhópca đưa đến đã chực sẵn từ bốn ngày nay. Một lúc sau bác đánh xe Antôn vào trình diện với Vladimira. Hỏi chàng còn bé, Antôn thường dẫn chàng đi xem các chuồng ngựa và chăm sóc con ngựa con của chàng. Thấy Vladimira, Antôn ứa nước mắt, cúi rạp xuống, chào chàng, và cho chàng biết rằng cụ nhà vẫn còn sống, rồi chạy đi thắt ngựa. Vladimira Andrêevich từ chối bữa ăn sáng mà người ta định dọn mời chàng, và hấp tấp lên đường. Antôn đánh xe đi theo những con đường tắt. Hai người bắt chuyện.

- Bác Antôn ạ, cha tôi với Tơrôiekurôp có chuyện gì thế?

- Có trời biết được cậu ạ... chả biết cụ nhà có chuyện gì xích mích với Kirila Pêtrôvich, thế là lão ấy liền đưa ra tòa, tuy xưa nay có chuyện gì lão cũng thường tự mình xử lý cả. Nông nô chúng tôi thì cũng chẳng dám bàn vào việc các chúa, nhưng quả tình cụ nhà mà sinh sự với Kirila Pêtrôvich thì chẳng ích lợi gì. Lấy trứng chọi đá sao nổi.

- Thế là cái lão Kirila Pêtrôvích ấy muốn làm gì thì làm sao?

- Đúng thế đấy, cậu ạ. Bồi thẩm với cảnh sát trưởng trên huyện thì lão có coi ra gì, họ đều là tay chân của lão, sợ lão một phép. Các ông lớn đều phải đến chào hỏi lão. Người ta nói có đúng thật: có máng thì khác có lợn.

- Có thật là lão định cướp đất nhà ta không?

- Ô, cậu ạ, chúng tôi cũng có nghe như vậy. Hôm trước, lúc làm lễ đặt tên thánh ở nhà lão trưởng thôn, ông thầy dòng bên ấp Pôkrôpxcôie có nói: “Thôi các bố nhé, chơi bởi thế là đủ rồi! Bây giờ sắp làm người của Kirila Pêtrôvích rồi thì liệu cái thần xác!” Anh thợ rèn Mikita mới bảo với hắn: “Thôi xin ông, ông đừng làm phiền lòng người cha đỡ đầu, đừng làm phiền lòng khách khứa ở đây - Kirila Pêtrôvích hay Andrây Gavrilôvích cũng thế thôi, chúng tôi vẫn là người của Chúa và của đức Hoàng đế”. Nhưng nói thế chứ chả ai cài khuyu vào miệng ai được.

- Thế các người không muốn về với Tơrôiekurốp ư?

- Về làm tôi cho Kirila Pêtrôvích ấy à? Lạy Chúa, đừng để chúng tôi lâm vào cảnh ấy! Lão ấy đối với người cũ của lão cũng đã ác chán đi rồi. Người lạ mới đến làm, lão ta không phải chỉ lột da ra mà thôi đâu, lão còn phanh thít ra chứ chả chơi. Không ạ, xin Chúa phù hộ cho Andrây Gavrilôvích được sống, mà cụ nhà có mệnh hệ nào thì chúng tôi cũng chỉ biết lấy cậu làm người nuôi nấng. Cậu đừng bỏ chúng tôi, chúng tôi thế nào cũng bệnh cậu. - Nói đoạn, Antôn quát roi, giật cương cho ngựa phóng nước kiệu.

Cảm động vì lòng trung thành của người lão bộc, Vladimira Đubrôpxki yên lặng và lại trầm ngâm suy nghĩ miên man. Hơn một giờ trôi qua; bỗng chàng bừng tỉnh vì tiếng Grisa kêu: “Áp Pôkrôpxcôie đây rồi!”

Đubrôpxki ngẩng đầu lên - xe đang đi men theo một cái hồ lớn ăn thông với một dòng sông con chảy quanh co giữa mấy quả đồi; trên một ngọn đồi, vượt lên trên một khóm cây rậm rạp, Đubrôpxki thấy mấy cái mái nhà màu xanh thẫm và tầng sân thượng của một tòa nhà đá rất lớn. Trên một quả đồi khác có một ngôi nhà thờ năm tháp và một cái gác chuông cổ kính, chung quanh rải rác những ngôi nhà gỗ có vườn rau và giếng nước. Đubrôpxki đã nhận ra nơi này, chàng nhớ ra rằng chính trên quả đồi này, hồi còn bé chàng đã cùng chơi đùa với cô bé Masa Tôroiêkurôva. Cô bé kém chàng hai tuổi và ngay từ dạo đó đã có nhiều hứa hẹn trở thành một thiếu nữ xinh đẹp. Đubrôpxki muốn hỏi thăm Antôn về Masa, nhưng cảm thấy ngại ngại thế nào ấy, nên lại thôi.

Khi xe đi ngang tòa nhà, chàng thoáng thấy một tà áo trắng lướt qua mấy khóm cây trong vườn. Vừa lúc đó Antôn quát ngựa, và tuôn theo một tâm lý sĩ diện thông thường của những người đánh xe ở nông thôn, lão cho ngựa phi hết tốc lực qua cầu, vượt qua làng Pôkrôpxcôie và bắt đầu lên đồi. Vladimira trông thấy cánh rừng bạch dương và về phía trái, trên một khoảng đất thoáng, một ngôi nhà màu xám lợt ngói đỏ, và tìm chàng đã bắt đầu đập dồn dập: trước mắt chàng là làng

Kixtênhốpca và ngôi nhà thanh bạch của cha chàng.

Mười phút sau xe đã vào đến sân nhà. Chàng đưa mắt nhìn quanh lòng cảm động không sao tả xiết. Đã mười hai năm nay Vlađimia không về quê. Mấy cây bạch dương năm nào mới đem về trồng bên hàng giậu, bây giờ đã thành những cây cao lớn, cành lá sum suê. Cái sân ngày trước có ba bồn hoa đều đặn, ở giữa có một lối đi xén phẳng, nay đã trở thành một bãi cỏ xanh không có vết liềm. Giữa bãi một con ngựa buộc đang ăn cỏ. Mấy con chó xỏ ra sữa, nhưng nhận ra Antôn chúng im bật và ve vẩy những chiếc đuôi xù lông. Các gia nô trong mấy túp nhà gỗ chạy ủa ra xúm xít chung quanh người chủ trẻ tuổi và chào mừng huyên náo cả lên. Vlađimia Đubrốpski phải chật vật lắm mới rẽ được một lối đi trong đám người vô vậ này và chạy lên những bậc thềm cũ kỹ. U già Êgôrôpna đứng đón chàng ở phòng ngoài và ôm chầm lấy đứa con sữa của mình mà khóc.

- Chào u, chào u, - Vlađimia không biết nói gì hơn, chỉ ôm chắt u già vào lòng. - Thân phụ con đâu hở u, người ra sao?

Vừa lúc đó một ông già cao và gầy, da mặt xanh xao, mình khoác áo choàng ngủ, đầu đội mũ chup, khó nhọc nhấc từng bước đi vào phòng. Cụ già cất giọng yếu ớt hỏi:

- Con đây à, Vlađimia?

Vlađimia ôm chầm lấy cha. Sự xúc động quá mạnh

vì vui sướng làm cho ông già đau yếu lão đảo. Chân ông khuyu xuống và nếu không có Vladimira đỡ lấy, thì ông già đã ngã rồi. Êgôrôpna gắt:

- Ông bước ra khỏi giường làm gì? Chân thì đứng không vững, mà người ta đi đâu, là y như rằng muốn đi theo.

Người nhà khiêng ông già vào phòng ngủ. Ông cụ cố sức nói chuyện với con, những ý nghĩ cứ rối bung lên trong đầu, và ông chỉ nói ra được những câu không có mạch lạc gì cả. Ông già không nói nữa và thiếp đi, Vladimira nhìn cha, lòng đau như cắt. Chàng dọn chỗ trong phòng ngủ của cha chàng và xin được ở lại một mình với cha. Mọi người nghe theo và quay về phía Grisa, họ dẫn anh ra phòng gia nhân và niềm nở thết đãi anh theo kiểu nông dân, vừa cho ăn uống, vừa chào mừng hỏi han tíu tít.

CHƯƠNG IV

**Nơi ngày xưa thường dọn tiệc
Bây giờ đặt chiếc áo quan¹.**

Về được mấy hôm Vladimira Đubrôpxki muốn thu xếp việc nhà, nhưng cha chàng không đủ sức trình bày với chàng những điều cần thiết; Andrây Gavrilôvich lại không có người đại biện. Lục lọi giấy má của cha, Vladimira chỉ thấy được bức thư đầu của viên bồi thẩm và bức thư trả lời viết nháp. Đọc lại

bức thư này chàng không hiểu rõ được đầu đuôi vụ kiện, nên quyết định chờ xem kết quả, cho rằng cha mình phải, thì thế nào công việc cũng ổn thỏa.

Trong khi đó sức khỏe của Andrây Gavrilôvich cứ mỗi lúc một kiệt dần. Vladimira biết trước rằng, ông chẳng còn sống được mấy đời, cho nên chàng không rời khỏi cha một bước. Lúc đó ông già đã trở thành ngây dại như đứa trẻ.

Trong thời gian này hạn khiếu nại đã hết, mà vẫn không có đơn chống án nào gửi lên huyện. Thôn Kixtênhốpca bây giờ hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của Tơrôiekurốp. Sabaskin đến chào lão ta và xin cho biết bao giờ thì lão muốn bắt đầu chiếm cứ cái điền trang mới có kia: có thể hoặc thân hành sang thu hồi lấy, hoặc uỷ nhiệm cho một người khác. Tơrôiekurốp thấy hoang mang. Tự bản chất thì lão cũng chẳng tham lam gì, ý muốn trả thù đã đưa lão đi quá xa, và lương tâm lão bắt đầu thấy bứt rứt. Tơrôiekurốp biết rõ tình trạng kẻ thù của lão hiện nay ra sao; kẻ thù đó đã từng là bạn của lão từ thuở trai trẻ, và bây giờ lòng lão không thể thấy vui vì trận thắng vừa rồi được nữa. Lão hăm hăm nhìn Sabaskin và tìm một cơ gì để chửi bới hắn, nhưng tìm mãi không ra, lão giận dữ nói:

- Thôi cút đi! Tao không hơi đâu mà nghĩ đến mày.

Sabaskin thấy Tơrôiekurốp gắt gỏng, liền cúi chào lão và hấp tấp lui ra. Còn Tơrôiekurốp ngồi lại một mình, bắt đầu đi đi lại lại, mồm huýt sáo khe khẽ

điệu “Sấm chiến thắng vang lên”². Hiện tượng này bao giờ cũng báo hiệu rằng đầu óc lão đang suy nghĩ lung lăm.

Cuối cùng Tơrôiekurốp ra lệnh thắng xe ngựa, mặc thêm áo ấm (bấy giờ là cuối tháng Chín) và tự đánh xe đi.

Chẳng bao lâu lão thấy hiện ra trước mắt ngôi nhà của Andrây Gavrilôvích và những cảm xúc trái ngược thi nhau tràn vào tâm hồn lão. Sự thỏa mãn vì đã trả thù xong và lòng hiếu thắng lấn át một phần nào những cảm xúc cao thượng hơn, nhưng những cảm xúc này cuối cùng chiếm phần thắng. Lão quyết định giảng hòa với ông bạn láng giềng già, và xóa bỏ hết mọi sự hiềm khích bằng cách trả lại điền sản gia tài cho người bạn cũ. Những ý nghĩ tốt đẹp đó làm cho Kirila Pêtrôvích thấy tâm thần nhẹ nhõm hơn; lão đánh xe chạy nước kiệu về phía ngôi nhà của Andrây Gavrilôvích và cho xe vào thẳng trong sân.

Lúc này người ốm đang ngồi trong phòng ngủ, bên cạnh cửa sổ. Ông ta nhận ra Kirila Pêtrôvích và nét mặt của ông biểu lộ một sự kích động ghê gớm - sắc mặt thường ngày tái xanh bây giờ bỗng trở thành đỏ tía, mắt ông sáng lên và môi ông lắp bắp những gì không rõ. Con trai ông lúc ấy đang ngồi soát lại sổ sách ngẩng đầu lên thấy vậy hết sức kinh hoảng. Ông già giơ tay chỉ ra phía sân, sắc mặt lộ vẻ sợ hãi và căm giận. Ông hấp tấp vén tà áo ngủ, định đứng lên.

Ông vừa nhòem dây thì bỗng ngã nhào xuống. Vladimira vùng chạy lại. Cha chàng nằm sóng soài trên sàn, mê man bất tỉnh: ông già vừa bị một cơn tê liệt thần kinh đột ngột.

Vladimira hét:

- Nhanh lên, đi ngay lên huyện mời thầy thuốc!

Một người đầy tớ bước vào:

- Thưa có Kirila Pêtrôvich đến hỏi ngài.

Vladimira quắc mắt nhìn người đầy tớ:

- Anh ra nói với Kirila Pêtrôvich là có khôn hồn thì xéo đi cho nhanh, đừng để tôi phải cho người đuổi ra khỏi sân nhà này! Đi đi!

Người đầy tớ mừng rỡ chạy đi thi hành mệnh lệnh của chủ. Êgôrôpna chấp tay khóc lóc:

- Cậu ơi là cậu! Cậu làm như vậy thì thiệt thân cậu thôi! Kirila Pêtrôvich hẳn ăn thịt chúng mình mất.

Vladimira giận dữ nói:

- U im đi! U cho Antôn ra huyện gọi thầy thuốc ngay!

Êgôrôpna lui ra. Không có ai ở phòng ngoài cả: mọi người đều chạy ra sân xem Kirila Pêtrôvich. U già ra đến thềm thì vừa nghe người đầy tớ nói lại lời của chủ cho Kirila Pêtrôvich nghe. Bấy giờ lão vẫn ngồi trên xe ngựa. Nghe xong mặt lão sa sầm lại, tối hơn đêm, và lão mỉm cười khinh bỉ, đưa cặp mắt dữ tợn nhìn qua bọn người nhà, rồi đánh ngựa đi bước một qua sân. Trước khi ra khỏi sân, lão còn ngoái cổ lại nhìn cái cửa sổ lúc này có Andrây Gavrilôvich ngồi,

mà bây giờ thì vắng không. Người u già đứng lặng trên thềm, quên cả lời dặn của Vladimira. Gia nhân đang bàn tán xôn xao về việc mới xảy ra. Bỗng nhiên Vladimira từ trong nhà bước ra cất giọng nghẹn ngào, nói đứt quãng;

- Không cần mời thầy thuốc nữa, cha tôi mất rồi.

Nông dân nhốn nháo cả lên. Họ xô nhau chạy ủa vào phòng của chủ. Andrây Gavriloích đang nằm trên hai chiếc ghế bành mà Vladimira vừa đặt ông xuống, cánh tay phải của ông buông thõng chầm đất, đầu ông gục xuống sát ngực - bây giờ đã không còn có dấu hiệu gì của sự sống trong cái thân thể hãy còn hơi ấm, nhưng đã bị thần chết làm cho biến dạng đi. Êgôrôpna òa lên khóc gào thảm thiết. Gia nhân xúm quanh thi hài của chủ, họ rửa ráy cẩn thận, rồi lấy bộ quần phục may từ hồi 1797 mặc cho Andrây Gavriloích. Xong họ khiêng thi thể ra đặt trên cái bàn lớn mà bao nhiêu năm họ đã từng dọn ăn cho chủ.

CHƯƠNG V

Ba hôm sau lễ an táng được cử hành. Thi thể của ông già đáng thương nằm trên bàn, phủ một chiếc khăn liệm và chung quanh có cắm nến. Gia nhân đứng chật cả phòng ăn. Người ta sửa soạn đưa đám. Vladimira và ba người đầy tớ nâng quan tài lên. Người linh mục đi trước, người giúp lễ theo sau hát những

bài kinh cầu hôn. Chủ nhân ấp Kixtênhópca đi qua ngưỡng cửa của nhà mình lần cuối cùng. Người ta mang quan tài đi qua khu rừng nhỏ. Nhà thờ ở bên kia khu rừng. Ngày hôm ấy trời quang đãng và giá lạnh. Lá thu rụng lá tả.

Ra khỏi khu rừng nhỏ thì thấy ngôi nhà thờ bằng gỗ của thôn Kixtênhópca và khu nghĩa địa nấp dưới bóng bồ đề cổ thụ. Đây là nơi yên nghỉ của mẹ Vladimira. Bên cạnh ngôi mộ của bà người ta đã đào một cái huyệt mới.

Nhà thờ đây áp những người nông dân thôn Kixtênhópca đến từ biệt chủ nhân lần cuối cùng. Vladimira Đubrôpxki đứng cạnh bệ thờ; chàng không khóc và cũng không cầu nguyện, nhưng nét mặt của chàng trông rất khủng khiếp. Buổi lễ buồn rầu đã chấm dứt. Vladimira đến vĩnh biệt thi hài cha trước và sau chàng lần lượt đến các gia nhân. Người ta đến đóng ván thiên vào quan tài, những người đàn bà đến đưa ma khóc nức nở. Bọn đàn ông thì chốc chốc lại đưa nắm tay lên quệt nước mắt, Vladimira và ba người đây tới lúc này khiêng quan tài ra mộ địa. Cả làng ra theo. Người ta hạ quan tài xuống, mỗi người đi đưa ném vào huyệt một nắm đất, người ta lấp huyệt, cúi chào một lần cuối cùng nữa và ra về. Vladimira vượt lên trước và đi vào khu rừng Kixtênhópca.

Êgôrôpna thay mặt chàng mời linh mục và mấy người phụ lễ dự bữa tiệc tang, phân trần rằng

Vladimira Andreievich không có ý định dự buổi tiệc này. Thế là linh mục Anton và vợ của linh mục³ là Phêdôtôpna và mấy người giúp lễ đi bộ về dinh thự Dubrôpxki, vừa đi họ vừa bàn tán với Êgôrôpna về đức hạnh của người đã quá cố và về cái số phận đang chờ đợi người con trai của ông. (Việc Torôiekurôp đến thăm nhà Dubrôpxki và cách người ta đón tiếp lão ra sao thì cả vùng đều đã biết, và các giới am hiểu ở đây đều đoán trước là sẽ có những hậu quả ghê gớm).

Phêdôtôpna nói:

- Đến đâu thì đến! Nhưng kể ra áp này mà không được cậu Vladimira Andreievich làm chủ thì tiếc thật. Cậu nhà quả là người rất tốt.

Êgôrôpna ngắt lời:

- Không cậu ấy làm chủ thì còn ai vào đây được? Kirila Pêtrôvich có tác oai tác quái rồi cũng chỉ công toi thôi. Đừng tưởng dễ bắt nạt được Vladimira. Con phượng hoàng của tôi sẽ không để cho lão ấy làm cán đầu. Mà nhờ trời, ân nhân của chúng ta cũng sẽ che chở cho cậu ấy. Lão Kirila Pêtrôvich hồng hách thật, nhưng hôm thằng Grisa nhà tôi quát: “Cút ngay, con chó già! Bước ngay khỏi sân nhà này!” - thì lão ấy cũng cứ phải cụp đuôi mà chuồn như thường!

Người giúp lễ nói:

- Chà! Bà Êgôrôpna ạ, làm sao mà anh Grisa nhà bà lại bạo mồm, bạo miệng thế! Tôi thì mừng một ông giám mục may ra còn dám, chứ nhìn vào mặt lão ấy

thì cũng xin chịu; hễ thấy lão ta, là cứ sợ cuống lên, và cái lưng cứ tự nhiên khom xuống, cứ thế mà khom xuống...

- Phù phiếm cả! - Ông linh mục nói. - Rồi thì cũng đến ngày đọc kinh cầu hồn cho Kirila Pêtrôvich như hôm nay đọc kinh cho Andrây Gavrilôvich. Có lẽ đám tang sẽ sang trọng hơn, sẽ mời nhiều người hơn. Nhưng đối với đức Chúa trời thì cũng như nhau cả!

U già Êgôrôpna phân trần:

- Ôi thưa cha! Chúng tôi cũng muốn mời thêm những người ở các làng bên, nhưng Vladimira Andrêevich không chịu đấy chứ! Nào thức ăn có thiếu gì, tha hồ thết khách, nhưng mà các ông các bà bảo tôi làm thế nào được?.. Thôi thì bây giờ có ít khách thế này, tôi sẽ đãi các vị một bữa thật linh đình.

Lời hứa hẹn êm tai này, và mối hy vọng được một bữa ăn ngon lành làm cho cả bọn rảo bước, và mọi người đều bình yên vô sự đến dinh thự của nhà Đubrôpxki. Ở đây, bàn tiệc đã bày xong và rượu vót-ca đã dọn sẵn.

Trong khi đó, Vladimira đi sâu vào trong khóm rừng, cố vận động cho thể xác nhọc mệt để át cái đau khổ trong tâm thần. Chàng đi không có chủ đích, không nhìn đường; cành cây móc vào áo sây cả da, chân lún sâu xuống bùn, chàng cũng chẳng để ý. Chàng dừng lại bên một khoảnh đất trũng chung quanh đều có rừng bao bọc; một con suối nhỏ yên lặng uốn quanh

dưới những khóm cây mà hơi thu đã cuốn gần trụi lá. Vlađimira ngồi trên cỏ lạnh và những ý nghĩ đen tối thì nhau tràn vào tâm hồn chàng... Chàng cảm thấy một cách sâu sắc nỗi cô quạnh của mình. Chàng thấy tương lai hiện ra như một bầu trời phủ những đám mây đen dày vẻ dọa nạt. Mối thù với Tơrôiekuróp sẽ đưa lại những tai họa mới. Cái gia tài thanh bạch của chàng có thể vào tay kẻ khác, và lúc đó chàng sẽ lâm vào cảnh khốn cùng. Vlađimira ngồi yên một lúc lâu, không cử động, thần thờ nhìn dòng nước suối chảy yên lặng, mang theo mấy chiếc lá vàng - và thấy rõ trước mắt hình ảnh của cuộc sống thường ngày. Cuối cùng Vlađimira chợt nhớ ra rằng trời đã bắt đầu sẩm tối, chàng đứng dậy tìm lối về nhà. Chàng đi loanh quanh trong rừng một hồi lâu mới gặp một con đường mòn nhỏ, dẫn thẳng về cổng dinh thự.

Bỗng Vlađimira thấy lão linh mục cùng mấy người nữa đi ngược lại phía chàng. Chàng thoáng có ý nghĩ rằng đây là một điềm gở. Chàng bắt giắc rẽ sang một bên và lẩn ra sau một khóm cây. Họ không thấy Vlađimira và cứ tiếp tục bàn cãi.

Lão linh mục nói với vợ:

- Hãy tránh điều ác và làm điều thiện⁴; mình không có việc gì phải ở lại đây. Việc này về sau có ra sao, thì cũng chẳng thiệt gì đến mình.

Vợ lão trả lời một câu gì đấy, nhưng chàng không nghe rõ.

Về gần đến nhà, Vladimira thấy có một đám rất đông người; nông dân và gia nô đều tụ họp cả trong sân. Từ xa Vladimira đã nghe thấy tiếng người nói xôn xao và một tiếng ồn ào khác thường. Bên cạnh vựa thóc có hai chiếc xe ngựa đỗ. Trên thềm nhà mấy người mặc đồng phục hình như đang bàn bạc điều gì...

Anton thấy chủ về thì chạy đến. Vladimira bực bội hỏi:

- Cái gì thế này? Bọn người kia là ai thế? Họ đến đây làm gì?

- Ô! Cậu Vladimira Andrêevich ạ! - người lão bộc hỗn hển đáp. - Tòa án đã đến rồi đấy. Họ định mang chúng tôi trao cho Tơrôiêkuróp, họ định bắt chúng tôi phải xa cậu đấy!..

Vladimira cúi đầu. Nông dân xúm quanh người chủ đáng thương. Họ đến hôn tay Vladimira và nói:

- Cậu là cha chúng tôi, chúng tôi chỉ muốn làm tốt cho cậu, chứ nhất định không làm cho ai khác cả. Cậu ra lệnh đi, chúng tôi sẽ trị cho bọn tòa án này một mẻ. Chúng tôi thà chết, chứ quyết không chịu bỏ cậu!..

Vladimira nhìn họ, và những cảm xúc kỳ dị quay cuồng trong tâm hồn chàng, chàng nói với nông dân:

- Các người đứng yên, còn tôi sẽ nói chuyện với bọn này. Trong đám đông có nhiều tiếng thét:

- Cậu nói rõ cho chúng nó biết! Cậu dạy cho cái

bọn chết rắp ấy biết điều một tí!

Vladimira đến gần bọn nha lại, Sabaskin đội mũ lưỡi trai trên đầu, tay chống cạnh sườn vênh vác nhìn quanh. Viên cảnh sát trưởng là một người cao lớn khoảng chừng năm mươi tuổi, mặt đỏ ửng râu mép. Thấy Dubrópxki về, y đằng hắng và cất giọng khàn khàn nói:

- Vậy tôi xin nhắc lại những điều mà tôi đã nói rồi, là theo quyết định của tòa án huyện từ rày bọn các người là người của Kirila Pêtrôvích Tôrôiekurốp mà ông Sabaskin đây là đại diện. Các người phải nhất nhất nghe theo lệnh ông ta, còn các mục đàn bà kia phải yêu quý và kính trọng ông ta, vì ông ta vốn là người rất thương yêu phụ nữ.

Nói xong câu khôi hài tế nhị này, viên cảnh sát trưởng cười ha hả, và Sabaskin cùng bọn tùy tùng cũng cất tiếng cười theo. Vladimira thấy lòng sôi lên vì công phần. Chàng cố lấy giọng bình tĩnh hỏi viên cảnh sát trưởng đang cười toe toét:

- Xin ngài cho biết như vậy nghĩa là thế nào.

- Như vậy nghĩa là chúng tôi đến đây để chuyển cái điền trang này sang quyền sở hữu của Kirila Pêtrôvích Tôrôiekurốp và yêu cầu *một số người khác* liệu mà xéo đi cho sớm.

- Nhưng đáng lẽ ra trước khi nói với nông dân của tôi, thì các ông cũng nên gặp tôi, cho tôi biết là đã hết quyền sở hữu thế nào chứ...

Sabaskin nhìn Vladimira một cách hỗn xược:

- Anh là ai mới được chứ, quyền chủ nhân là Andrây con Gavril họ Dubrópxki đã chết vì ý Chúa, ta không biết anh là ai, và cũng không cần biết anh là ai hết.

Trong đám đông có tiếng nói:

- Vladimira Andrêêvích là chúa trẻ của chúng tôi.

Viên cảnh sát trưởng quắc mắt nạt:

- Đứa nào dám mở cái mồm ra đây, chúa, chúa nào, Vladimira Andrêêvích nào? Chúa của chúng mày là Kirila Pêtrôvích Tôrôiekuróp, đã nghe chưa, lũ đầu bò!

Giọng nói lúc này lại đáp:

- Đừng hòng!

Viên cảnh sát trưởng quát:

- À ra chúng bay làm loạn à! Ê, lão trưởng thôn đâu!

Lão trưởng thôn bước ra.

- Lão tìm ngay đứa nào dám nói với ta như thế, rồi ta cho biết tay!

Lão trưởng thôn quay lại hỏi đám đông xem ai nói, nhưng mọi người đều im lặng; một lúc sau từ phía cuối bồng nổi lên một tiếng lầm rầm cứ lan rộng và to dần lên, và chỉ trong chốc lát đã trở thành những tiếng la ó kinh khủng; viên cảnh sát trưởng hạ giọng và muốn phân trần. Bỗng mấy người nông dân quát:

- Còn đứng nhìn chúng nó làm gì nữa! Anh em ơi!

Cho chúng nó một trận! Đánh bỏ mẹ nó đi! - và đám đông ủa tới.

Sabaskin và bọn quan lại hấp tấp chạy vào nhà đóng sập cửa lại. Giọng nói lúc này thét:

- Anh em ơi! Trói chúng nó lại! - và đám đông bắt đầu đổ xô đến.

Dubrôpxki quát lớn:

- Dừng! Các anh làm cái gì thế, đồ ngốc? Các anh làm lụy cho các anh, mà hại cả tôi nữa. Về nhà đi và để yên đấy cho tôi. Dừng sợ gì hết! Đức vua ngài rất khoan hồng, tôi sẽ lên cầu xin ngài. Ngài sẽ không để chúng ta bị ức hiếp. Chúng ta đều là con ngài cả. Các anh làm loạn lên như vậy, ngài còn bệnh các anh thế nào được nữa!

Lời lẽ của Vladimira Dubrôpxki, giọng nói sang sảng và dáng điệu oai nghiêm của chàng làm cho nông dân thấy kính nể. Họ im dần và giải tán. Bấy giờ trong sân không còn ai nữa, nhưng bọn nha lại vẫn ngồi trong cửa chưa dám ra. Một lúc sau Sabaskin mới từ từ hé cánh cửa lộ mặt ra nhìn, rồi bước ra ngoài thêm, gật đầu lia lịa kính cẩn cảm ơn Dubrôpxki đã có lòng tốt can thiệp hộ.

Vladimira khinh bỉ nghe hắn nói và lặng thinh không đáp. Viên bồi thẩm tiếp:

- Chúng tôi đã quyết định, nếu ngài cho phép, ngủ lại ở đây; vì bây giờ tối quá, nếu đi về có thể bị nông

dân của ngài chặn đánh dọc đường. Xin ngài làm ơn cho chúng tôi một ít rạ vào phòng khách là được rồi; hễ trời sáng là chúng tôi về.

Dubrôpxki đáp xẵng:

- Các ông muốn làm gì thì làm; tôi bây giờ chẳng còn là chủ nhân ở đây nữa.

Nói đoạn chàng bỏ vào phòng của cha chàng và khóa trái cửa lại.

CHƯƠNG VI

“Thế là hết, - Dubrôpxki tự nhủ, - mới khi sáng ta còn có góc nhà mà ở, còn có miếng bánh mà ăn, thế mà ngày mai là đã phải rời bỏ ngôi nhà này. Ta đã ra đời trong ngôi nhà này, cha ta đã mất trong ngôi nhà này, thế mà ngày mai phải để nó lọt vào tay chính kẻ đã làm cho cha ta phải chết và làm cho ta phải bần cùng”. Và mắt chàng đăm đăm nhìn vào bức chân dung của mẹ chàng treo trên tường. Họa sĩ đã vẽ mẹ chàng đứng tựa lan can, mặc áo dài buổi sáng màu trắng, trên tóc cài một đóa hoa hồng đỏ thắm. “Thế mà bức chân dung này sẽ lọt vào tay kẻ thù của gia đình ta; chúng sẽ vứt nó vào phòng chứa đồ cũ cùng với mấy chiếc ghế gãy, hoặc đưa treo ở phòng đợi: bọn giữ chó của Tơrôiêkurôp sẽ tha hồ nhạo báng - và trong phòng của mẹ ta, trong cái phòng... mà cha ta đã tắt thở, sẽ có một tên quản lý của Tơrôiêkurôp ở, hoặc giả hẳn

sẽ cho làm nơi chứa gái. Không! Hắn đuổi ta đi, nhưng nhà này không thể lọt vào tay hắn được". Vladimira nghiêng rặng lại - những ý nghĩ khủng khiếp nảy ra trong óc chàng. Tiếng sai bảo của bọn nha lại từ phòng khách vẳng đến; chúng nó lên giọng chủ nhà, yêu sách này nọ, giọng nói khá ồ của chúng đến quấy rầy Vladimira trong khi chàng đang triển miên trong những ý nghĩ buồn bã của mình. Nhưng cuối cùng tất cả đều im lặng.

Vladimira mở các ngăn kéo ra và điếm qua giấy tờ của cha. Phần lớn đều là những giấy tờ tính tiền và những thư từ về công việc. Vladimira xé những thứ đó đi, không đọc. Trong tập thư từ này có một cái gói đề là: *thư của vợ tôi*. Lòng bồi hồi khôn xiết, Vladimira mở ra đọc. Những bức thư này viết từ hồi chiến dịch Thổ Nhĩ Kỳ⁵ từ thôn Kixtênhốpca gửi đến đơn vị Andrây Gavrilôvích. Mẹ chàng tả cho chồng nghe cảnh sống cô đơn ở nhà và những công việc nội trợ mà bà phải cáng đáng, dịu dàng than thở về nỗi vợ chồng xa cách và cầu mong Andrây Gavrilôvích sớm về với vợ hiện đang mòn mỏi ngóng trông. Trong một bức thư bà kể cho chồng nghe nỗi lo lắng của mình về sức khỏe của cậu bé Vladimira, trong một bức thư khác bà vui mừng về khiêu thông minh sớm nảy nở của con trai và tin tưởng rằng Vladimira sau này sẽ có một đời sống hạnh phúc và một tương lai rục rờ. Vladimira mê mải đọc, quên hết mọi chuyện ở trên đời: tâm hồn

chàng lẳng sâu vào cái thế giới của hạnh phúc gia đình; chàng không để ý gì đến thời gian đang trôi qua nữa. Đồng hồ treo tường điểm mười một tiếng. Vladimira bỏ tập thư vào túi, và cầm cây nến đi ra khỏi phòng. Trong phòng khách, bọn viên chức trên huyện về đang nằm ngủ ở giữa sàn. Trên sàn có mấy cái cốc không của bọn họ uống rượu lúc nãy. Trong phòng nồng nặc mùi rượu rôm. Vladimira kinh tởm rảo bước qua chỗ họ nằm và đi ra phòng ngoài. Cửa đóng kín và khóa kỹ. Không thấy chìa khóa đâu, Vladimira trở vào phòng khách: chìa khóa nằm ở trên bàn. Vladimira mở cửa ra thì vấp phải một người nép ở góc tường, tay cầm một cây rìu sáng loáng. Giơ cây nến lên soi, Vladimira nhận ra Áckhíp, người thợ rèn. Chàng hỏi:

- Anh đến đây làm gì?

- Vladimira Andrêevich, cậu đây à? - Áckhíp thì thảo đáp, - Chúa phù hộ cho cậu! May quá, may mà cậu mang theo cây nến!

Vladimira kinh ngạc nhìn anh thợ rèn. Chàng hỏi:

- Thế anh nấp ở đây làm gì ?

- À tôi... tôi đến xem xem có mất mát gì không, - Áckhíp ấp úng đáp khẽ.

- Thế thì mang rìu đến làm gì ?

- Cái rìu ấy à ? Thì thời buổi này đi đêm phải mang rìu theo chứ. Cậu cũng biết đấy. Cái tụi nha lại ấy thật là đồ vô lại, cũng nên đề phòng chúng nó.

- Anh này say rượu hử; quăng riu đi, rồi về mà ngủ.

- Tôi say ấy à ? Cậu Vlađimia Andrêvích, nói có trời chứng giám, tôi không hề uống qua một giọt... còn lòng dạ nào mà uống rượu lúc này nữa hả cậu. Có đời thuở nào bọn nha lại lại dám đến nạt nộ chúng tôi, dám đến đuổi chúng tôi ra khỏi nhà như vậy. À chúng nó ngáy, cái đồ chết rắp - cho chúng mỗi đứa một nhát là xong cả.

Dubrôpxki cau mày. Im lặng một lúc, chàng nói:

- Anh nghe tôi, anh Áckhíp ạ, anh làm thế không tốt đâu. Bọn họ cũng chẳng phải thủ phạm trong việc này. Anh đốt đèn lên, rồi theo tôi!

Áckhíp lấy cây nến trong tay chủ, tìm cây đèn lồng kính sau lò sưởi, thắp lên và cả hai im lặng bước xuống thềm ra sân; người gác đêm đánh vào mảnh gang máy tiếng; chó sủa ran. Dubrôpxki hỏi:

- Ai gác đây ?

- Thưa cậu chúng tôi đây ạ, Vaxilixa và Lukêria đây ạ.

- Đi về đi, không cần gác nữa đâu.

Áckhíp đệm theo: “Đẹp!”

- Cám ơn cậu, cha nuôi chúng tôi, - hai người đàn bà đứng gác nói đoạn đi thẳng về nhà.

Dubrôpxki đi một quãng nữa, thì thấy hai người đang tiến lại phía chàng; họ cất tiếng gọi chàng. Dubrôpxki nhận ra giọng nói của Antôn và Grisa.

- Sao các anh chưa đi ngủ?

- Còn bụng dạ nào mà ngủ nữa! - Antôn đáp. - Ai ngờ đến nông nổi này!

- Khế chứ! U già Êgôrôpna đâu?

- Trong nhà ấy, trong buồng u ấy, - Grisa đáp.

- Đi gọi u ra đây, gọi tất cả mọi người ở trong nhà ra. Đừng để sót một người nào hết, trừ bọn nha lại, còn Antôn đóng ngựa vào chiếc xe đi!

Grisa đi vào và một lúc sau đưa mẹ đến. U già đêm hôm ấy không cởi áo ngoài: trừ bọn nha lại ra, trong nhà không có ai chợp mắt. Đubrôpxki hỏi:

- Mọi người đã ra đây cả chưa? Còn ai ở trong nhà nữa không?

- Chẳng còn ai! Chỉ còn bọn nha lại thôi, - Grisa đáp.

- Mang rơm ra đây! - Đubrôpxki nói.

Mọi người chạy vào chuồng ngựa, ôm những bó rơm lớn trở ra.

- Chát cả lên thêm. Thế, thế... thôi, nào bây giờ châm lửa!

Áckhíp mở nắp kính cây đèn lồng. Đubrôpxki lấy một que đóm châm lửa. Bỗng chàng quay lại phía Áckhíp:

- Khoan đã, hình như lúc nãy tôi vội quá quên mở cửa trước, anh đưa chùm chìa khóa đến mở ngay ra.

Áckhíp chạy lại phía cửa - cửa vẫn mở. Áckhíp khóa trái cửa lại, miệng lầm bầm:

- Đừng hòng!.. Này thì mở này!

Dubrópxki đưa đuốc châm lửa. Rạ bốc cháy, một ngọn lửa bùng lên, soi sáng cả khoảng sân. Êgôrôpna rên rĩ:

- Trời ơi! Vladímia Andrêêvích, cậu làm gì thế hử cậu!

- U im đi! Thôi bây giờ xin từ biệt, tôi đi nhé, Chúa cho đi đâu thì đi đấy; chúc các anh em mạnh giỏi ở lại với chủ mới.

Nông dân nhao nhao nói:

- Cậu ơi! Cha nuôi của chúng tôi! Chúng tôi thà chết còn hơn rời cậu, cậu đi đâu chúng tôi cũng xin đi với cậu.

Ngựa đã sẵn sàng; Dubrópxki và Grisa ngồi lên xe ngựa và hẹn với mọi người sẽ gặp nhau ở khu rừng Kixtênhópca. Antôn dắt ngựa và chiếc xe rời khỏi sân.

Gió nổi lên, chỉ trong một phút ngọn lửa đã bùng lên vây kín cả ngôi nhà. Một đám khói đỏ quần quai ở phía trên mái. Kính nứt vỡ rơi loảng xoảng, những thanh xà cháy gãy sập xuống sàn. Những tiếng kêu thất thanh nổi lên: “Chúng tôi cháy mất! Ai cứu với! Cứu tôi với!” Áckhíp bình thản ngắm ngọn lửa, trên môi nở một nụ cười tinh quái:

- Đừng hòng!

Êgôrôpna khấn khoản anh thợ rèn:

- Anh Áckhíp ơi! Anh cứu cái bọn chết tiệt ấy với, Chúa sẽ phù hộ anh!

- Đừng hòng, - anh thợ rèn đáp gọn.

Lúc đó bọn nha lại hiện ra cửa sổ, cố sức phá các khung cửa lắp đôi. Nhưng mái nhà bỗng đổ xuống âm ầm và những tiếng kêu la im bật.

Chẳng bao lâu tất cả các gia nhân đều chạy ra khắp sân. Đàn bà gọi nhau í ới, chạy về nhà cứu lấy mấy cái áo rách.

Trẻ con nhẩy nhót mừng rỡ xem cảnh cháy nhà. Tàn lửa bay theo gió thành từng đám cuộn cuộn như bão tuyết, và chẳng bao lâu mấy ngôi nhà gỗ ở chung quanh bắt đầu bốc cháy.

Áckhíp nói:

- Bây giờ thì ổn cả rồi. Xem cháy ghê chưa! Đứng bên Pôkrôpxcôie mà nhìn sang thì đẹp tuyệt.

Vừa lúc ấy một việc khác xảy ra làm cho anh thợ rèn chú ý: một con mèo đang chạy trên mái nhà kho, loay hoay tìm chỗ thoát - bốn bề đều có lửa. Con vật tội nghiệp cất tiếng kêu thảm thiết để cầu cứu. Bọn trẻ con thấy con mèo hoảng hốt như vậy ôm bụng cười sằng sặc. Anh thợ rèn tức giận quát:

- Cười cái gì mà cười, hử đồ quỷ sứ! Chúng mày không biết sợ Chúa à, một tạo vật của Chúa sắp chết, thế mà chúng mày thì vui mừng một cách ngu độn!

Rồi Áckhíp dựng một chiếc thang tựa vào mái nhà đang bốc cháy và leo lên bắt con mèo. Con vật hiểu ý anh thợ rèn, lộ vẻ mừng rỡ và biết ơn, hấp tấp bám

lấy ống tay áo của anh ta. Anh thợ rèn, mặt mày cháy sém, mang con mèo tụt xuống. Anh ta chào mọi người đang ngơ ngác:

- Thôi anh em ở lại nhé, tôi đi đây, chả ở đây làm gì nữa. Chúc anh em may mắn, trước nay có gì bỏ quá cho tôi nhé!

Anh thợ rèn đi rồi, lửa còn cháy to một hồi lâu. Cuối cùng ngọn lửa dần và tắt hẳn, nhưng những đồng than vẫn còn đỏ rực trong đêm tối. Chung quanh đấy, bóng những người dân bị nạn của thôn Kixtênhốpca vật vờ qua lại.

CHƯƠNG VII

Hôm sau tin làng Kixtênhốpca cháy bay đi khắp vùng. Mọi người bàn tán xôn xao, người đoán thế này, người đoán thế khác. Người thì cho rằng nông dân nhà Đubrốpski đưa đám về uống rượu say khướt, rồi vô ý để lửa bén, người thì đổ tội cho bọn nha lại đã quá chén mừng nhà mới, nhiều người lại quả quyết rằng cả Đubrốpski lẫn bọn nha lại và bao nhiêu gia nhân bên ấy đều đã cháy ra tro cả. Cũng có người đoán biết được sự thật và quả quyết rằng thủ phạm chính vụ cháy làng này chính là Đubrốpski vì cùng đường và căm phẫn quá đâm ra tuyệt vọng mà làm liều như vậy.

Cũng ngày hôm ấy Kirila Pêtơrôvích Tơrôiêkurốp

đến nơi cháy nhà và thân hành lập biên bản, thì thấy rằng viên cảnh sát trưởng, viên bồi thẩm của tòa án huyện, viên đại biện và viên thơ lại cũng như Vladimia Đubrôpxki, u già Êgôrôpna, anh người nhà Grisa, bác đánh xe Antôn và anh thợ rèn Áckhíp không biết biến đi đâu cả... Nông dân đều làm chứng là bọn nha lại đã chết cháy lúc mái nhà sập xuống; người ta bối được những mẫu xương cháy đen của họ. Hai người đàn bà là Vaxilixa và Lukêria nói rằng họ gặp Đubrôpxki và Áckhíp mấy phút trước khi cháy nhà. Anh thợ rèn Áckhíp thì ai cũng nhận là còn sống, và cho rằng anh ta là thủ phạm chính, nếu không phải là thủ phạm duy nhất của vụ đốt nhà. Những mối ngờ vực nặng nề trút lên đầu Đubrôpxki. Kirila Pêtôrôvích gửi cho quan tỉnh trưởng một tờ biên bản kể lại những việc đã xảy ra, và một vụ án mới bắt đầu được tiến hành.

Được ít lâu lại có những tin tức mới làm cho dư luận tò mò xôn xao bàn tán. Một bọn cướp xuất hiện ở N. và gieo rắc kinh hoàng khắp vùng lân cận. Những biện pháp của chính quyền nhằm đối phó với bọn cướp đều vô hiệu. Những vụ cướp mỗi ngày một táo bạo liên tiếp xảy ra. Đi trên đường cái hay ở trong làng đều không an toàn tí nào hết. Những toán cướp cưỡi xe tam mã phóng đi khắp vùng giữa ban ngày, chặn đường các xe cộ, đột nhập vào các làng mạc, cướp phá và đốt cháy các nhà địa chủ. Thủ lĩnh của bọn cướp

nổi tiếng là người rất thông minh và can đảm, lại có lòng hào hiệp. Người ta kể những chuyện thần kỳ về người này. Tên Đubrôpxki được mọi người nhắc nhở, họ đều tin chắc rằng chính Đubrôpxki là người đứng đầu đảng cướp gan dạ này. Chỉ lạ một điều là điền trang của Tơrôîêkurôp chưa bị cướp phá gì cả; bọn cướp chưa từng động đến một vựa thóc nào, một chuyến xe nào của nhà này. Với cái giọng dương dương tự đắc thường ngày, Tơrôîêkurôp cho rằng sở dĩ như vậy cũng chỉ vì cái uy danh lừng lẫy của lão ta ở trong vùng cũng như vì sự canh phòng nghiêm ngặt mà lão đã tổ chức trong địa phận của lão. Lúc đầu những người láng giềng đều cười với nhau chế giễu cái thái độ huênh hoang này, và mọi người đều chờ nghe tin các quý khách đến thăm ấp Pôkrôpxcôîê, ở đó có lắm việc đáng cho họ làm lắm, nhưng rồi cuối cùng họ cũng phải thừa nhận rằng bọn cướp kiên nhẫn Tơrôîêkurôp hẳn hoi, vì lý do gì không ai hiểu được... Tơrôîêkurôp lấy làm đắc chí lắm, và hể cứ nghe tin Đubrôpxki cướp ở đâu là lão ba hoa nhạo báng bọn tỉnh trưởng, huyện trưởng, nha lại và cảnh sát trưởng đến nay vẫn chưa làm gì nổi Đubrôpxki.

Cho đến ngày mồng một tháng Mười, ngày hội nhà thờ ở thôn ấp Tơrôîêkurôp... Nhưng trước khi bắt đầu tả lại ngày hội hè long trọng này, chúng tôi phải để độc giả làm quen với những nhân vật mà độc giả chưa biết, hoặc giả chỉ biết sơ sài vì chúng tôi mới chỉ nhắc qua loa ở đầu câu chuyện.

CHƯƠNG VIII

Chắc độc giả cũng đã đoán ra rằng người con gái của Torôiekurôp mà chúng tôi mới chỉ nói qua có dăm câu, là nhân vật nữ trung tâm của câu chuyện này. Hồi ấy nàng được mười bảy tuổi và sắc đẹp của nàng đang thời kỳ nảy nở. Kirila Pêtrôvich quý con như diên như đại, nhưng cũng đối xử với nàng tùy theo những lúc thay đổi tính khí đột ngột mà lão thường có: khi thì lão chỉ chực chiều theo tất cả những ý thích dù là nhỏ nhặt nhất của nàng, khi thì lại làm cho nàng phải khiếp sợ vì những cách đối xử thô bạo và đôi khi hung ác của lão. Mặc dầu Kirila Pêtrôvich biết chắc rằng Masa rất kính yêu mình, lão vẫn chưa bao giờ làm cho con gái tin lão được cả. Nàng đã quen giấu giếm không cho cha biết những tình cảm, những ý nghĩ của nàng, vì không bao giờ có thể biết trước được thái độ của Kirila Pêtrôvich đối với những tình cảm, ý nghĩ đó sẽ ra sao. Nàng không có bạn gái, và lớn lên trong cảnh cô đơn. Vợ con những người láng giềng rất ít khi đến nhà Kirila Pêtrôvich, vì những câu chuyện và những trò giải trí thường ngày của lão thì chỉ có bạn bè nam giới mới thưởng thức nổi, chứ đàn bà con gái thì không thể có mặt những lúc đó được. Ít khi cô thiếu nữ kiêu diễm của chúng ta thân

hành ra tiếp các tân khách đến tiệc tùng ở nhà Kirila Pêtrôvích. Một tủ sách đồ sộ, phần lớn gồm có những tác phẩm của các nhà văn Pháp ở thế kỷ XVIII được dành riêng cho nàng. Cha nàng không bao giờ đọc sách, có chăng chỉ đọc cuốn “Chị đầu bếp tuyệt vời”⁶, cho nên không thể hướng dẫn nàng chọn sách đọc, và cố nhiên là sau khi giở qua đủ các thứ sách, Masa chú ý nhất đến tiểu thuyết. Việc dạy dỗ cho nàng là như vậy đó. Việc dạy dỗ này hồi trước do măm-den’ Mimi đảm nhiệm. Người này được Kirila Pêtrôvích rất mực tin cậy và đối xử rất tử tế. Được ít lâu thì Kirila Pêtrôvích phải kín đáo cho măm-den’ đổi sang ở nơi khác, vì những cách đối xử rất tử tế của lão đã đến lúc có những hậu quả quá ư rõ rệt. Măm-den’ Mimi ra đi để lại một kỷ niệm khá dễ chịu. Cô ta là một người thiếu phụ tốt, và không bao giờ lạm dụng ảnh hưởng của mình trước Kirila Pêtrôvích đối với những người phụ nữ mà lão vẫn thường thay đổi luôn luôn. Còn Kirila Pêtrôvích hình như cũng yêu cô ta hơn hết thấy mọi cô khác, cho nên một đứa con trai lên chín nghịch ngợm, mắt đen láy, vẻ mặt nhắc nhở những nét đặc biệt miền nam của măm- den’ Mimi, được nuôi nấng bên cạnh lão ta và được lão nhận làm con; trong khi đó thì một lũ trẻ đi chân không, giống Kirila Pêtrôvích như hai giọt nước, chạy chơi ở dưới nhà

* Túc mademoiselle - cô (tiếng Pháp).

và bị xem như đày tớ. Kirila Pêtrôvích đã nhờ người bà con trên Mátxcơva thuê một ông giáo người Pháp để về dạy cho thằng Xasa ấy, người gia sư này đến ấp Pôkrôpxcôie trong khi xảy ra những chuyện mà chúng tôi đang kể dở.

Kirila Pêtrôvích rất bằng lòng với vẻ mặt sáng sủa và dáng điệu hiền lành của anh ta. Người gia sư đưa trình Kirila Pêtrôvích các tờ chứng chỉ văn bằng và một bức thư giới thiệu của người bà con của Tôrôiekurôp ở Mátxcơva. Anh ta đã làm gia sư cho người ấy được bốn năm. Kirila Pêtrôvích xem qua tất cả các giấy tờ. Lão chỉ không bằng lòng một điều: là cái anh chàng người Pháp này trẻ quá. Không phải hề mắc cái khuyết điểm không lấy gì làm đáng ghét này thì không có được đức tính kiên nhẫn và những kinh nghiệm cần thiết để làm nghề dạy trẻ, nhưng lão ta thấy có điều e ngại và quyết định nói ra cho người gia sư biết. Vì thế lão cho gọi Masa đến (Kirila Pêtrôvích không nói được tiếng Pháp, nên Masa phải làm thông ngôn cho lão).

- Masa, lại đây cha bảo! Con nói với cái me-xù này là thôi được, cha nhận hẳn ta ở đây, nhưng phải nhớ một điều là phải liệu cái thần xác đừng có lém phéng với bọn hầu gái nhà này, không thì ông cho cái đồ chó đẻ kia biết tay... Thôi dịch đi.

Masa đỏ mặt, và quay sang phía người gia sư, nàng nói bằng tiếng Pháp rằng cha nàng hy vọng ở thái độ

khiêm tốn và hạnh kiểm đúng mực của thầy giáo.

Người Pháp nghiêng mình và trả lời rằng dù không được hưởng đại lượng của chủ nhân chẳng nữa, anh ta cũng hy vọng sẽ xứng đáng được chủ nhân nể vì.

Masa dịch câu trả lời sát từng chữ một.

- Được rồi, được rồi, - Kirila Pêtrôvích nói, - hấn không cần đến đại lượng hoặc vì nể gì cả. Việc của hấn là chăm cho thằng Xasa và dạy ngữ pháp với địa dư cho nó, dịch cho hấn nghe đi con!

Trong khi dịch Maria Kirilópna* cô làm dịu bớt những lời thô lỗ của cha, và Kirila Pêtrôvích cho anh gia sư người Pháp đi về căn phòng dọn riêng cho anh ở cuối dãy nhà ngang.

Masa không hề để ý đến người Pháp trẻ tuổi; được giáo dục theo những thành kiến quý tộc, nàng xem những người thầy giáo cũng như những người đầy tớ hay thầy thợ, mà đầy tớ hay thầy thợ thì không thể kể là đàn ông được. Nàng cũng không để ý đến cái ấn tượng mà nàng đã gây ra cho me-xù Đêphoócgiơ, không nhận thấy vẻ bối rối và sự xúc động nó làm cho giọng nói của anh ta thay đổi đi. Luôn mấy ngày sau nàng cũng thường gặp anh ta, nhưng cũng vẫn không để ý gì hơn. Cho đến một hôm có một chuyện xảy ra làm cho quan niệm của nàng về người gia sư thay đổi hẳn.

* Túc Masa

Trong sân của Kirila Pêtrôvích thường có nuôi mấy con gấu con. Những con gấu này là một trong những trò ưa thích nhất của chủ nhân ấp Pôkrôpxcôie. Lúc còn bé gấu con hàng ngày được đưa vào phòng khách cho lão chơi. Kirila Pêtrôvích ngồi đùa nghịch hàng giờ với chúng nó, bắt mèo, chó con đến, rồi thúc giục mấy con vất cắn nhau. Khi gấu lớn lên, người ta đem xích lại để đợi ngày thả ra làm môi săn. Thỉnh thoảng người ta lại cho chúng ra ngoài sân phía trước cửa sổ của chủ nhân, và lặn ra trước mặt con gấu cái thùng rượu rỗng, đóng đinh tua tua, mũi đinh chĩa ra ngoài; con gấu đến ngửi ngửi cái thùng, đưa chân sờ; bị chích, con vậ nổi xung lên xô vào thùng mạnh hơn, và lại càng đau thêm. Nó lông lên như điên và gầm ghè xông vào cái thùng, cho đến khi người ta chịu mang cái đối tượng của sự căm thù vô bổ của nó đi. Cũng có khi người ta mang buộc hai con gấu vào một chiếc xe, bắt một vài người khách ngồi lên và cho gấu kéo xe chạy đi đâu thì chạy. Nhưng cái trò mà Kirila Pêtrôvích cho là thú vị nhất là trò sau đây.

Người ta nhốt một con gấu đói vào một căn phòng. Con gấu bị xích vào một cái vòng sắt đóng ở góc tường. Cái dây xích rất dài, cho nên chỉ có phần góc phòng ở bên kia là con gấu không chồm lên được. Người ta thường dẫn một người khách mới quen đến trước cửa phòng, bắt thỉnh linh đẩy họ vào phòng và đóngập cửa lại. Thế là nạn nhân bị bỏ mặc một mình với tên tù lông lá. Người khách khốn khổ kia, áo quần rách

mướp, da thịt xây xát, chẳng bao lâu tìm thấy cái góc an toàn, nhưng thường phải hàng hai ba giờ đồng hồ đứng nép sát vào góc tường mà nhìn con thú điên cuồng chỉ cách mình hai bước gặm thét, lồng lộn, đứng thẳng hai chân lên, cổ giật đứt dây để vồ mình. Những trò giải trí sang trọng của một lãnh chúa Nga là như vậy đấy!

Người gia sư đến được mấy ngày thì Tôrôkiêkurôp sực nhớ đến anh ta và quyết định đái anh ta một buổi thăm phòng gấu. Một buổi sáng, lão ta dẫn Đêphoócgiơ đi qua mấy dãy hành lang tối om. Đột nhiên một cánh cửa bên cạnh mở ra, hai người đẩy tở đẩy người Pháp vào và khóa sập cửa lại. Trán tỉnh lại, người gia sư thấy một con gấu bị xích, con thú gặm gừ tức tối và bắt đầu đánh hơi người khách của hắn, rồi bỗng nhiên đứng thẳng người lên và chồm tới... Người Pháp không hoảng sợ, không bỏ chạy, cứ đứng yên đợi con gấu đến. Khi con gấu vừa đến sát, Đêphoócgiơ rút trong túi ra một khẩu súng tay nhỏ, đưa sát vào mang tai con thú và bóp cò. Con gấu ngã xuống. Mọi người ủa chạy lại. Người ta mở cửa ra. Kirila Pêtơrôvích bước vào, rất ngạc nhiên về cách kết thúc bất ngờ của trò đùa.

Kirila Pêtơrôvích nhất định tìm cho ra nguyên do của việc này - ai nói trước cho Đêphoócgiơ biết mà đề phòng, vì sao anh ta lại mang súng trong người. Lão cho đi gọi Masa. Masa chạy đến và dịch các câu hỏi của cha cho người Pháp nghe. Đêphoócgiơ đáp:

- Tôi không hề biết trong phòng này có gấu, nhưng tôi vẫn thường mang súng trong mình, vì tôi không muốn để cho ai làm nhục. Mà thân phận hèn kém như tôi thì bị làm nhục không thể có cách gì khác để đòi hỏi bồi thường.

Masa kinh ngạc nhìn người gia sư và dịch cho Kirila Pêtrôvich nghe câu trả lời đó. Kirila Pêtrôvich không nói gì thêm. Lão sai mang con gấu ra và lột lấy da; ngay sau đó, quay lại phía người nhà, lão nói: “Anh chàng này cừ thật! Hắn không sợ. Trời! Thế mà hắn không sợ tí nào!” Từ phút đó lão thấy mến Đêphoócgiơ và không nghĩ đến việc mang anh ta ra xử nữa.

Nhưng đối với tâm hồn Maria Kirilốpna thì câu chuyện đó đã gây nên một ấn tượng còn mạnh hơn. Trí tưởng tượng của nàng bị kích động: nàng hồi tưởng thấy lại con gấu nằm chết. Đêphoócgiơ điềm nhiên đứng bên xác gấu và bình tĩnh nói chuyện với nàng. Và nàng hiểu rằng lòng can đảm và lòng tự trọng không phải chỉ là của riêng gì một đẳng cấp. Từ đó nàng thấy mến phục người gia sư trẻ tuổi, và lòng mến phục đó ngày càng khiến nàng chú ý đến Đêphoócgiơ hơn. Họ bắt đầu làm quen với nhau. Masa có một giọng hát rất hay và có nhiều năng khiếu về âm nhạc, Đêphoócgiơ tình nguyện dạy nàng học đàn. Sau khi đã nói như vậy rồi thì độc giả cũng chẳng khó khăn gì mà không đoán được rằng Masa đã bắt đầu thấy yêu Đêphoócgiơ, mặc dù chưa thú nhận với mình như vậy.

TẬP THỨ HAI

CHƯƠNG IX

Trước ngày hội một hôm, khách khứa bắt đầu kéo đến. Một số trọ trong nhà của chủ nhân và trong hai dãy nhà phụ, một số trọ ở nhà viên quản lý, một số nữa ở lại nhà ông cố đạo, một số khác ở lại nhà những người nông dân khá giả. Các chuông ngựa đều chập ních, các khoảng sân, các nhà chứa đồ xếp đầy xe cộ. Chín giờ sáng tiếng chuông nhà thờ gọi con chiên đến xem lễ, và tất cả đều kéo ra ngôi nhà thờ bằng đá do Kirila Pêtrôvích dựng lên và hàng năm cúng tiền tu sửa trang hoàng. Các con chiên quyền quý đến đông quá thành ra nông dân không len nổi vào nhà thờ và đành đứng ở bậc thềm hoặc ở ngoài sân. Buổi lễ chưa bắt đầu - còn phải đợi Kirila Pêtrôvích. Lão ta đi xe lục mã đến và long trọng bước vào nhà thờ, đi theo có Maria Kirilôpna. Mất những người đến dự lễ dù là đàn ông hay đàn bà đều đổ dồn về phía nàng, đàn ông thì thán phục sắc đẹp của nàng, đàn bà thì chăm chú ngắm ngía trang phục của nàng. Buổi lễ bắt đầu. Đội đồng ca của nhà Tơrôiêkurôp đứng hát ở trên bậc. Chính Kirila

Pêtrôvích cũng hòa giọng hát theo và khi câu nguyện không hề liếc mắt sang bên này bên nọ; lão cúi mình sát đất với một vẻ từ bi đầy kiêu hãnh khi người làm lễ nhắc đến tên người đã sáng lập ra ngôi đền này.

Buổi lễ chấm dứt, Kirila Pêtrôvích bước lên hôn thánh giá trước tiên. Mọi người đều lần lượt lên theo. Sau đó các tân khách xúm lại kính cẩn hỏi thăm Kirila Pêtrôvích. Các bà các cô thì quây quần xung quanh Masa. Ra khỏi nhà thờ, Kirila Pêtrôvích mời mọi người đến nhà lão dự tiệc, rồi ngồi lên xe lục mã trở về. Tất cả đều kéo theo sau. Các phòng trong nhà đều chật những khách khứa. Cứ một lúc lại thêm những người khách mới đến. Họ chật vật lắm mới len được lại gần chủ nhân mà chào hỏi. Các phu nhân mặc áo kiểu cũ sang trọng, nhưng đã sờn, đeo đầy những ngọc và kim cương, trang trọng ngồi quây thành hình bán nguyệt. Các vị khách nam giới quây quần quanh món trứng cá và mấy chai vốt-ca, cất giọng ồm ồm cãi nhau ầm ĩ. Trong gian phòng khách lớn bày một bàn tiệc tám mươi người ăn. Bọn đầy tớ đi lại vội vã, đặt chai cốc, sửa lại khăn bàn. Cuối cùng người đầu bếp cả tuyên bố: “Tiệc đã dọn xong”, và Kirila Pêtrôvích ngồi vào bàn trước tiên, rồi đến các phu nhân long trọng ngồi vào chỗ theo thứ tự ngôi bậc, các tiểu thư xúm xít với nhau như một bầy dê non sợ sệt và chọn chỗ ngồi nép vào gần nhau. Trước mặt các cô các bà là khách nam giới. Người gia sư ngồi ở cuối bàn bên cạnh là cậu bé Xasa.

Gia nhân bắt đầu dọn thức ăn theo thứ tự ngôi bậc, và trong những trường hợp khó xử họ theo phương pháp ước đoán của Laphate⁷ một cách rất có kết quả. Tiếng thìa đĩa chạm vào nhau kêu lách cách, chen lẫn với tiếng nói chuyện ồn ào của khách khứa. Kirila Pêtrôvích vui vẻ điếm qua bàn tiệc và khoái trá hưởng lấy cái thú của người đãi tiệc... Vừa lúc đó một chiếc xe lục mã đi vào sân. Chủ nhân hỏi:

- Ai đến đây?

- Antôn Pápnutích đây ạ. - Một tiếng trả lời cùng cất lên lao xao.

Cửa mở và Antôn Pápnutích Xpítxun, một người béo phịch phịch tuổi khoảng năm mươi, mặt tròn và rõ, cầm ba ngấn, huỳnh huých bước vào phòng ăn, chào chào hỏi hỏi, miệng cười nhăn nhó tìm câu xin lỗi...

- Mang thêm một bộ đĩa ra đây! - Kirila Pêtrôvích quát.- Xin mời ông Antôn Pápnutích ngồi xuống và kể cho chúng tôi nghe vì sao ông không đến xem lễ, mà đến dự tiệc cũng muộn. Xưa nay đâu có thế? Ông thường mộ đạo lắm, mà cũng thích chè chén lắm cơ mà!

Antôn Pápnutích vừa buộc chiếc khăn tay vào cổ áo vừa đáp:

- Tôi thật là không phải, xin bác Kirila Pêtrôvích xá lỗi cho. Quả tình tôi ra đi từ sớm, nhưng mới đi được mười véc-xta thì bánh xe trước bị gãy vành -

biết làm thế nào được? May mà cũng gần làng mạc, thế là kéo vào, đi tìm thợ rèn, loay hoay mãi ba tiếng đồng hồ mới xong, không có cách gì khác. Đi tắt qua con đường rừng Kixtênhópca thì tôi không dám, thế là cứ phải quanh theo đường cái quan...

Torôiêkuróp ngắt lời;

- Ê hê! Thế ra ông bạn này cũng chẳng lầy gì làm can đảm cho lắm nhỉ? Thế ông sợ cái gì nào?

- Chao, sợ cái gì à, thưa bác? Sợ cái thằng Đubrốpxki chứ còn sợ cái gì nữa? Nhỡ chẳng may rơi vào tay hắn thì khôn to - hắn là tay đao để lắm, hắn chẳng tha ai, còn như tôi đây thì có lẽ hắn lột xác ra chứ chẳng chơi!

- Vì sao hắn lại chiếu cố đặc biệt đến ông như vậy?

- Còn vì sao nữa, thưa bác? Vì cái vụ kiện sinh thì lão Andrây Gavrilôvích chứ còn vì sao nữa! Thì chính tôi đã vì bác, nghĩa là... vì lương tâm và công lý, mà làm chứng rằng họ nhà Đubrốpxki chẳng có quyền gì ở ấp Kixtênhópca, chỉ nhờ bác dung tha cho mà được làm chủ ở đây chứ còn ai? Sinh thì lão ta (Chúa cứu lấy linh hồn lão!) đã hứa thế nào cũng cho tôi biết tay, và thằng con của lão thế nào cũng giữ trọn lời hứa đó. Kể cho đến bây giờ, thì Chúa vẫn phù hộ cho tôi - cả thầy chỉ có một lần tôi bị cướp một cái nhà kho nhỏ, nhưng rồi thế nào bọn hắn cũng vào đến dinh thự.

- Chà! Nó mà vào được dinh thự ông thì tha hồ cướp

nhỉ! Tôi chắc cái tráp đỏ của ông đầy ứ ra rồi còn gì?

- Đâu có, thưa bác. Đạo trước thì đầy, chứ bây giờ chẳng còn gì.

- Thôi nói dối vừa vừa chứ, Antôn Pápnutích! Ai còn lạ gì ông: ông thì còn tiêu tiền đi đâu được, ở nhà thì sống như ăn mây, chẳng bao giờ mời khách khứa gì, nông dân thì ông vợ vét đến tận xương tuỷ, ông chỉ biết nhặt từng đồng xu thôi.

- Bác cứ quá đùa như vậy, bác Kirila Pêtrôvích, - Antôn Pápnutích lâu bầu cười gượng, - chứ chúng tôi, lay Chúa, quả là đã khánh kiệt thật, - và Antôn Pápnutích cho vào mồm miếng thịt tấm bột rán béo ngậy để nuốt trôi câu nói đùa của chủ nhân.

Kirila Pêtrôvích buông tha cho hấn và quay sang viên cảnh sát trưởng ngồi ở cuối bàn, gần chỗ người gia sư. Viên cảnh sát trưởng này mới được bổ nhiệm, hấn đến nhà Tơrôiekurốp lần này là lần đầu.

- Thế nào, thưa ông cảnh sát trưởng, ông cũng phải liệu mà bắt cái thằng Đubrôpxki đi chứ?

Viên cảnh sát trưởng luống cuống, cúi đầu, mím cười gượng nghịu, lắp bắp gì trong mồm một lúc và cuối cùng chỉ nói được:

- Thưa quan lớn, chúng tôi sẽ cố bắt.

- Hừm, cố bắt, cố bắt! Cố bao nhiêu lần rồi, mà chẳng ăn thua gì. Nhưng mà nghĩ cũng phải, bắt làm gì kia chứ! Những vụ cướp của Đubrôpxki là một dịp may cho các ngài cảnh sát - đi công cán này, lập biên

bản này, xe cộ này, tha hồ vợ tiền đút túi - tội gì đi bắt một người ân nhân như vậy? Có phải không ông cảnh sát trưởng?

Viên cảnh sát trưởng hoàn toàn rối trí. Hắn đáp:

- Thưa quan lớn, chính phải vậy ạ.

Khách khứa cười rộ. Kirila Pêtrôvích nói:

- Tôi ưa tính thật thà của cái anh này. Nhưng tôi vẫn tiếc anh cảnh sát trưởng Tarát Alếchxêevích chết đi, giá mà anh ta không bị chết thiêu thì bây giờ trong vùng có lẽ yên ổn hơn. Thế còn Đubrôpxki dạo này ra sao rồi.

Vừa rồi hắn xuất hiện ở đâu?

Một giọng đàn bà nheo nhéo:

- Ở nhà tôi, bác Kirila Pêtrôvích ạ, hôm thứ ba vừa rồi hắn ta ăn bữa trưa ở nhà tôi đấy...

Bao nhiêu con mắt đều đổ dồn về phía Anna Xavisna Glôbôva, một mẹ đàn bà góa giản dị, được mọi người mến vì tính tình vui vẻ và hiền lành. Ai nấy đều tò mò lắng tai nghe mẹ kể.

- Số là cách đây ba tuần tôi cho viên quản lý ra trạm gửi tiền cho thằng Vanhia nhà tôi. Tôi không nuông con đâu, vì cũng chẳng có gì để mà nuông chiều nó, nhưng các ông các bà cũng biết rằng đã làm sĩ quan cận vệ thì cũng phải cho nó tươm tất một tí, cho nên tôi có được bao nhiêu cũng gửi ra cho thằng Vanhia. Thế là hôm đó tôi gửi cho hắn hai nghìn rúp;

tuy tôi cũng có sợ Đubrôpxki, nhưng tôi nghĩ lên phố gần chỉ độ bảy véc-xta chắc Chúa cũng phù hộ cho. Thế rồi đến tối thấy viên quản lý đi bộ về, mặt tái xanh, quần áo rách mướp; tôi hét lên: “Mày làm sao thế? Việc gì thế?” Hắn thưa: “Thưa bà Anna Xavisna, bọn cướp lấy cả rồi, suýt nữa thì chúng nó giết tôi - chính Đubrôpxki có mặt ở đấy. Hắn định treo cổ tôi, nhưng sau lại thương hại và thả cho về - nhưng mà hắn lấy tất, cả xe ngựa hắn cũng lấy”. Tôi nghe mà rụng rời: trời đất, kiếm đâu ra tiền cho thằng Vanhia nữa? Thế là tôi đành gửi thư cho nó, kể lại mọi chuyện và gửi lời ban phước cho nó mà chẳng có kèm một xu.

Một tuần trôi qua, rồi một tuần nữa. Bỗng một hôm có một chiếc xe ngựa đi vào sân nhà tôi. Một ông võ quan nào đó muốn gặp tôi, tôi nói: “Xin mời ông quá bộ vào nhà”. Một người chừng ba mươi lăm tuổi, da ngăm ngăm đen tóc đen, có ria mép và râu quai nón, trông giống y như Kulnhốp⁸ tự giới thiệu là bạn đồng ngũ với mô ma chồng tôi là Ivan Andrêevích. Ông ta nói là nhân thể đi ngang qua, nghe nói tôi ở đây liền ghé lại thăm người quả phụ của bạn cũ. Tôi kiếm thức ăn thết ông ta, nói chuyện linh tinh, và cuối cùng chuyển sang chuyện Đubrôpxki. Tôi kể cho ông ta nghe cái tai nạn vừa xảy ra cho tôi. Ông võ quan mặt sa sầm lại. “Thật là kỳ quặc, - ông ta nói thế, - tôi có nghe nói là Đubrôpxki không phải bạ ai cũng cướp, chỉ cướp mấy nhà giàu nào đấy thôi, mà có cướp cũng không cướp cả, chỉ chia lấy một phần; còn như giết

người thì chẳng bao giờ nghe ai nói. Có lẽ có điều gì uẩn khúc đây chẳng, bà cho gọi viên quản lý ra đây xem”. Tôi cho gọi viên quản lý ra, hần trông thấy ông võ quan thì choáng người đi. “Anh kể cho tôi nghe xem Đubrôpxki cướp của anh và toan treo cổ anh như thế nào nào”. Thế là viên quản lý nhà tôi run lên cầm cập và sụp xuống lạy ông võ quan. “Bẩm lạy ngài, con trót đại, con trót nói dối ạ”. - “Nếu vậy, - viên võ quan đáp, - nếu vậy thì anh làm ơn kể cho bà chủ nghe xem việc xảy ra như thế nào, ta sẽ ngồi nghe với”. Viên quản lý ấp úng mãi không nói lên lời. Ông võ quan nói: “Thế nào anh kể đi ta nghe, anh gặp Đubrôpxki ở chỗ nào?” “Ổ gần hai cây thông ạ, thưa ngài gần hai cây thông ạ”. - “Thế Đubrôpxki nói với anh thế nào? - “Dạ, ông ấy hỏi con là ai, đi đâu, có việc gì ạ”. - “Rồi sao nữa?” - “Rồi ông ấy bắt con đưa thư và tiền cho ông ấy ạ”. - “Sao nữa?” - “Con đưa thư và tiền cho ông ấy ạ”. - “Thế ông ta làm sao, hả? Thế ông ta làm gì nào?” - “Thưa ngài, con trót đại ạ”. - “Nhưng mà ông ta làm gì nữa mới được chứ!” - “Dạ ông ấy trả thư và tiền lại cho con, rồi nói: anh đi yên ổn nhé, mang thư ra trạm đi”. - “Thế còn mày?” - “Dạ con trót đại ạ”. Ông võ quan giọng dữ tợn nói: “Ta sẽ cho mày biết tay, còn bà chủ, bà cho soát rương hòm của tên ăn cắp này, và giao hần cho tôi trị, tôi sẽ cho hần một bài học. Bà nên biết rằng chính Đubrôpxki ngày trước cũng là sĩ quan cận vệ, và không đời nào lại đi cướp giật của bạn đồng ngũ”. - Tôi đoán ra quan lớn là ai

rồi, tôi chẳng có gì bàn với ngài nữa. Bọn xà ích trói viên quản lý vào ghế xe - người ta đã tìm ra số tiền; ông vô quan ăn cơm ở nhà tôi xong đi ngay, mang cả viên quản lý đi. Hôm sau người ta tìm thấy viên quản lý nhà tôi ở trong rừng, bị trói vào một cây sồi, mình mẩy xây xát ra như một thân cây bóc vỏ.

Tất cả mọi người đều im lặng nghe câu chuyện của Anna Xavisna, nhất là các cô thiếu nữ. Nhiều cô thầm mong mỗi cho Đubrôpxki gặp điều may mắn vì thấy chàng như một nhân vật tiểu thuyết - nhất là Maria Kirilôpna, một cô gái có tâm hồn thơ mộng và say sưa, đầu óc luôn vấn vương với những hình ảnh kinh hoàng và bí ẩn của Rátclíp⁹.

Kirila Pêtrôvích lên tiếng:

- Thế là bà Anna Xavisna cho rằng chính Đubrôpxki đến nhà bà đấy. Thế thì bà nhầm to rồi. Tôi không biết người đến nhà bà hôm đó là ai, nhưng nhất định không phải là Đubrôpxki.

- Thế nào, thưa bác! Không phải Đubrôpxki thì còn ai vào đấy nữa, mà lại có lối chặn đường bắt người ta mà lục soát như vậy ?

- Không biết, nhưng nhất định người hôm đó không phải là Đubrôpxki. Tôi còn nhớ hồi hăn còn bé, không biết bây giờ tóc hăn có thể nào đen đi được không, chứ hồi đó tóc hăn quăn và vàng, hơn nữa tôi biết chắc chắn rằng hăn hơn con Masa nhà tôi năm tuổi, và như vậy năm nay hăn không phải năm năm tuổi,

mà chỉ độ hăm ba thôi.

Viên cảnh sát trưởng nói:

- Bẩm quan lớn đúng thế đấy ạ. Tôi có mang theo đây một bản nhân dạng và đặc điểm của Vlađimia Đubrôpxki. Trong giấy có nói rõ là năm nay hắn đúng hai mươi ba tuổi.

Kirila Pêtrôvích nói:

- À, thế thì đúng lúc lắm: anh đọc lên nghe xem, cũng nên biết nhân dạng đặc điểm của hắn, nhờ may gặp hắn sờ sờ trước mắt mà cũng không biết thì thật...

Viên cảnh sát trưởng rút trong túi ra một tờ giấy khá bản, mở ra với một dáng điệu long trọng và bắt đầu ê a đọc:

“Nhân dạng của Vlađimia Andrêevích Đubrôpxki lập ra theo lời những người nguyên gia nhân của y tả lại:

Tuổi: hai mươi ba. *Hình vóc:* tầm thước. *Mặt:* nhẵn (thường cạo râu). *Mắt:* nâu. *Mũi:* thẳng. *Tóc:* màu hung nhạt. *Đặc điểm cá biệt:* không có”.

- Thế là hết đấy phỏng? - Kirila Pêtrôvích nói.

- Vâng hết đấy ạ, - viên cảnh sát trưởng vừa gấp tờ giấy lại, vừa đáp.

- Tôi xin có lời khen ông cảnh sát trưởng. Chà! Giấy má thật ra trò! Cứ theo bản nhân dạng này thì tìm thấy Đubrôpxki dễ như bỡn. Ai mà lại chẳng người tầm thước, tóc hung nhạt, mũi thẳng và mắt nâu kia

chứ! Tôi đánh cược rằng có thể đứng nói chuyện hàng ba tiếng đồng hồ liền với chính Đubrôpxki mà không hề hay biết gì đấy. Chả phải nói, đầu óc bọn nha lại thật là...

Viên cảnh sát trưởng đáng nhẽ nhục bỏ tờ giấy của y vào túi và im lặng quay ra tấn công vào con ngỗng nấu bắp cải; trong khi đó bọn gia nhân đã đi được khắp lượt bàn ăn mấy lần, rót rượu vào cốc cho từng người. Mấy chai rượu được mở nút kêu bôm bốp, người ta gọi nó là sâm-banh và hân hoan đưa cốc ra hứng lấy. Mấy cái mặt bắt đầu ửng đỏ, tiếng nói chuyện to hơn lên, những câu chuyện nở ra rộn rã hơn, ít mạch lạc hơn và vui vẻ hơn.

Kirila Pêtrôvích nói tiếp:

- Không, không còn có được một viên cảnh sát trưởng nào như sinh thì Tarát Aléchxêvích! Cái anh ấy mới thật là ra trò. Thật là đáng tiếc rằng hắn lại chết cháy mất, nếu không thì cả bọn không thoát lấy được một móng. Hắn sẽ bắt được tất, ngay cả thằng Đubrôpxki nữa cũng không lọt nổi hắn. Tiền thì hắn cứ lấy, nhưng người thì hắn cứ bắt, lệ của hắn là như vậy. Rõ ràng chẳng có cách gì hơn là tôi thân chinh kéo người nhà tôi đi đánh cướp. Đầu tiên là tôi cho độ hai mươi người vào căn quét khu rừng chúng ở; người của tôi là người gan dạ cả, ai nấy đều đã ném mùi buồng gấu rồi - họ sẽ không lùi bước trước bọn cướp.

Antôn Pápnutích nghe nói đến buồn gấu lại sự nhớ đến người bạn lông lá của mình ngày trước - có đạo lão ta cũng đã từng là nạn nhân của những trò đùa như vậy, lão liền hỏi thăm:

- Con gấu của bác có khỏe không, bác Kirila Pêtrôvích ?

Kirila Pêtrôvích đáp:

- Con Misa* đã mệnh chung rồi, nó đã chết một cái chết vẻ vang vì bàn tay kẻ thù. Kẻ đã chiến thắng nó kia kìa, - Kirila Pêtrôvích chỉ vào Đêphoócgiơ. - Ông nên tôn thờ cái anh người Pháp nhà tôi mới phải. Anh ta đã trả thù cho sự... có thể nói là sự... của bác, bác còn nhớ đấy chứ?

Antôn Pápnutích gãi đầu đáp:

- Không nhớ sao được ạ, nhớ lắm chứ! Như vậy là con Misa đã chết rồi. Tội nghiệp cho nó chưa. Con gấu đến là hay! Thật là một con vật thông minh! Khó kiếm đâu ra con gấu như vậy. Nhưng mà tại sao me-xơ kia lại giết nó đi ?

Kirila Pêtrôvích vô cùng khoái trá bắt đầu kể lại cái chiến công của anh người Pháp của lão, vì lão có cái may mắn là có thể hãnh diện với bất cứ cái gì ở chung quanh mình. Khách khứa chăm chú nghe kể câu chuyện con Misa chết và kinh ngạc nhìn

* Tên thường dùng để chỉ con gấu.

Đêphoócgiơ. Người gia sư bảy giờ không hề hay biết rằng người ta đang nói chuyện về chiến công anh dũng của mình, anh ta điềm nhiên ngồi ở cuối bàn, nghiêm nghị quở trách những cử chỉ thiếu lễ độ của thành học trò.

Buổi tiệc kéo dài luôn ba tiếng đồng hồ mới xong; chủ nhân đặt khăn ăn xuống bàn - ai nấy đều đứng dậy và đi ra phòng khách uống cà-phê, đánh bài, và tiếp tục cuộc vui đã bắt đầu một cách linh đình trong phòng ăn.

CHƯƠNG X

Đến khoảng bảy giờ tối một vài người khách muốn về, nhưng chủ nhân cao hứng lên vì rượu pun-sô, ra lệnh đóng các cổng lại và tuyên bố không cho ai ra khỏi nhà từ giờ đến sáng mai. Một lúc sau âm nhạc nổi lên, các cửa ở phòng khách mở ra và cuộc khiêu vũ bắt đầu. Chủ nhân và các bạn thân ngồi ở góc phòng, chén tạc chén thù ngồi ngấm nhìn thanh niên vui chơi. Các bà già thì đánh bài. Cũng như ở bất cứ nơi nào không có một lũ đoàn kỵ binh đóng, hôm ấy số khách nhảy nam giới ít hơn là nữ giới, và hễ người đàn ông nào nhảy được là bị huy động ra cả. Người gia sư nhảy trội hơn hết, anh ta nhảy nhiều hơn mọi người khác, các tiểu thư đều thích chọn anh ta và cho rằng nhảy với anh ta rất dễ. Anh ta nhảy mấy bài van-xơ với

Maria Kirilópna, và các tiểu thư nhìn theo họ cười tủm tỉm. Cuối cùng vào khoảng nửa đêm chủ nhân đã mệt bèn ra lệnh chấm dứt cuộc khiêu vũ, cho dọn bữa ăn khuya và cáo từ đi ngủ.

Kirila Pêtrôvích đi khỏi rồi thì khách khứa thấy tự do hơn và không khí náo nhiệt hẳn lên - các khách nhảy nam giới dám đến ngồi bên cạnh các cô các bà - các tiểu thư cười khanh khách, nói chuyện thì thào với những người ngồi cạnh; các bà lớn khéo chuyện rất to tiếng qua bàn ăn. Đàn ông thì uống rượu, cãi nhau và cười ha hả - nói tóm lại, buổi ăn khuya đặc biệt huyền não vui vẻ và để lại nhiều kỷ niệm rất thú vị.

Chỉ có một người không hưởng ứng không khí vui vẻ chung: đó là Antôn Pápnutích. Lão im lặng ngồi thừ ra, mặt mày sa sầm xuống, ăn uống một cách lơ đãng và có vẻ hết sức lo lắng. Những câu chuyện cướp bóc đã kích động trí tưởng tượng của lão rất mạnh. Lát nữa ta sẽ thấy rằng lão lo lắng như vậy là có lý do.

Khi lấy Đức Chúa trời làm chứng rằng cái tráp đồ của lão không có gì, Antôn Pápnutích không hề mắc tội nói dối, - quả thật cái tráp đồ rỗng tuếch: tiền bạc trước kia cất ở đây bây giờ đã di chuyển sang một cái túi da mà lão nhét ở trong ngực, dưới lần áo sơ-mi. Chỉ có cách đề phòng cẩn mật như vậy lão mới yên tâm được một phần: lão vốn nghi ngờ hết thấy mọi người và không giây phút nào không lo ngay ngáy. Phải ngủ lại nhà người khác, lão sợ rằng người ta sẽ cho lão ngủ trong một căn phòng trơ trọi nào đó mà

kẻ trộm có thể lọt vào. Lão đưa mắt quanh phòng kiểm một người bạn có thể tin cậy để ngủ cùng với lão. Và cuối cùng lão chọn Đêphoócgiơ. Dáng người cứng cáp của anh gia sư và nhất là lòng can đảm mà anh ta đã biểu lộ ra trong khi gặp con gấu (nhớ đến con gấu Antôn Pápnutích không khỏi rùng mình) đã quyết định việc chọn lựa này của lão.

Khi buổi ăn khuya đã xong và mọi người đứng dậy, ra khỏi bàn ăn, Antôn Pápnutích cứ lượn đi lượn lại quanh anh gia sư người Pháp, ho ho, đằng hắng mấy cái và cuối cùng nói với anh ta:

- Hừm, hừm, me-xừ có thể cho tôi ngủ trong phòng của me-xừ một tí, vì rằng thì, me-xừ cũng rõ là...

- *Que désire monsieur?* - Đêphoócgiơ lễ phép nghiêng mình hỏi.

- Chà, phiền quá, cái me-xừ này chưa học tiếng Nga. *Giờ vợ, moa, sê vu cu-sê**, hiểu không?

- *Monsieur, très volontiers*, - Đêphoócgiơ đáp. - *Veuillez donner des ordres en conséquence****

Rất hài lòng về sự thông thạo tiếng Pháp của mình, Antôn Pápnutích lập tức sai người đi dọn buồng.

Khách khứa bắt đầu cáo từ nhau, và ai nấy đều về phòng riêng dành cho mình. Còn Antôn Pápnutích

* Thưa ngài cần gì? (tiếng Pháp).

** Tôi muốn ngủ ở phòng ông (tiếng Pháp bồi).

*** Thưa ông, xin sẵn lòng, vậy xin ông cứ ra lệnh dọn buồng (tiếng Pháp)

thì theo người gia sư về căn phòng ở dãy nhà dọc. Đêm hôm ấy trời tối như mực, Đêphoócgiơ cầm đèn soi đường, Antôn Pápnutích theo sau một cách khá mạnh bạo, thỉnh thoảng lại đưa tay lên sờ sờ cái bọc da giấu trong ngực để cho chắc bụng là tiền hây còn.

Vào phòng, người gia sư thắp một cây đèn nến lên và hai người bắt đầu cởi quần áo ngoài; trong khi đó, Antôn Pápnutích đi đi lại lại trong phòng, xem xét các ổ khóa và các cửa sổ, lắc đầu có vẻ không yên tâm lắm về các thứ đó. Cửa ra vào thì chỉ cài một then, mà cửa sổ thì chưa lắp khung đôi¹⁰. Lão muốn than phiền với Đêphoócgiơ, nhưng cái vốn tiếng Pháp của lão quá hạn chế, không đủ dùng để nói những điều phức tạp như vậy, cho nên anh người Pháp không hiểu lão muốn nói gì và Antôn Pápnutích đành phải thôi. Giường của họ đặt cạnh nhau, cả hai đều nằm xuống và người gia sư tắt đèn.

- *Puóc-qua vu tắt-tê, puóc-qua vu tắt-tê?* - Antôn Pápnutích kêu lên như vậy: lão chia bữa động từ tắt theo kiểu Pháp. - Tôi không thể *đoóc-mia*” trong bóng tối thể này được.

Đêphoócgiơ không hiểu những lời ca thán đó và chúc lão ngủ ngon giấc. Antôn Pápnutích trùm chăn kín mít, miệng lẩm bầm:

* Tại sao ông lại tắt đèn? (tiếng Pháp bồi).

** Ngủ (tiếng Pháp bồi).

- Rõ đồ chết rấp! Hấn việc gì phải tắt đèn kia chứ. Mặc kệ hấn, ông nhất định không thể tối om thế này mà ngủ được. Này me-xù! Me-xù! *Giờ vơ a-véc vu pác-lê!**

Nhưng người Pháp không trả lời, và được một lúc thì bắt đầu ngáy khò khò. Antôn Pápnutích tự nhủ: “Cái thằng Pháp chết tiệt này nó ngáy, thế mà mình thì chẳng nghĩ đến chuyện ngủ được nữa - không khéo bọn kẻ trộm sẽ mở được cửa lớn hay leo qua cửa sổ mà vào thì bỏ mẹ, còn cái đồ súc vật này thì súng thần công cũng không thức hấn dậy được”.

- Me-xù! Này me-xù!.. Đồ chết rấp!

Antôn Pápnutích im bật. Sự nhọc mệt và hơi rượu mạnh dần dần lấn át những nỗi lo sợ của lão: lão bắt đầu thiu thiu, rồi chẳng bao lâu thì ngủ say.

Một cuộc thức giấc kỳ dị đang chờ lão. Trong giấc mơ màng lão có cảm tưởng như có ai khê kéo cổ áo của lão. Antôn Pápnutích mở mắt ra - và trong ánh sáng lờ mờ của một buổi bình minh mùa thu nhợt nhạt, lão thấy Đêphoócgiơ đứng trước mặt: một tay tên Pháp cầm một khẩu súng ngắn và tay kia đang mở cái túi da quý báu của lão. Antôn Pápnutích choáng người đi. Lão cất giọng run run nói:

- *Két-xơ cờ xê, me-xù, két-xơ cờ xê***

* Tôi muốn nói với ông (tiếng Pháp bồi)

**Cái gì thế? Cái gì thế? (tiếng Pháp bồi).

- Im ngay! Không được nói! - Người gia sư trả lời bằng một thứ tiếng Nga rất thuần túy. - Im ngay, không thì chết bây giờ! Ta là Đubrốpki.

CHƯƠNG XI

Bây giờ thì chúng tôi xin phép độc giả giải thích rõ câu chuyện trên đây bằng cách kể lại những việc đã xảy ra từ trước, mà chúng tôi chưa có thì giờ nói đến.

Ở trạm N., trong nhà của viên coi trạm mà chúng ta đã có nhắc đến một lần trước kia, có một người hành khách có vẻ hiền lành và nhần nhục đang ngồi ở một góc. Bộ dạng của người hành khách chứng tỏ hẳn ta là người bình dân hoặc là người ngoại quốc, nghĩa là cái thứ người mà vào trạm cũng chẳng có vai vế gì. Chiếc xe ngựa của hắn đỗ ở ngoài sân, đang đợi người ta cho dầu mỡ. Trong xe có một chiếc va-li nhỏ, kích thước chật hẹp của chiếc va-li chứng tỏ rằng chủ nhân của nó hoàn cảnh cũng chẳng lấy gì làm phong lưu. Người khách không gọi chè, cũng không gọi cà-phê; hắn ngồi nhìn ra cửa sổ và huýt sáo khe khẽ làm cho mục vụ viên coi trạm ngồi bên kia tấm liếp nghe mà lộn ruột lên. Mục lẩm bẩm:

- Đấy, trời đã phái một anh huýt sáo đến đây, cha chả là huýt, sao mà huýt mãi được thế, cái đồ chết rấp!

Viên coi trạm nói:

- Thì đã sao nào!

- Thế ông không biết đây là điếm gì à?

- Điếm gì? Thôi sáo thì thôi bay cả tiền đi chứ gì? Ôi giáo! Bà Pakhômôpna nhà nó ạ, nhà ta thì có huyết hay không huyết cũng chả bao giờ có được tí tiền nào.

- Thì ông cho hắn đi quách đi có được không, ông Xidôrôvích, còn giữ lại làm quái gì nữa. Đưa ngựa ra cho nó, rồi tổng cổ đi.

- Để cho hắn đợi đây bà nó ạ; trong chuồng chỉ có ba cỗ ngựa, cỗ thứ tư nghỉ, phải phòng khi có khách sang đến chứ; tôi đại gì để họ đánh cho ốm đòn chỉ vì cái thằng Pháp khỉ này. Đây kìa, nghe thấy không, có tiếng ngựa phi. Ái chà! Phi rất là nhanh, có lẽ phải đến cấp tướng chứ chả chơi!

Chiếc xe dừng lại ở trước thềm. Một người hầu nhảy xuống mở cửa xe và một phút sau một người trẻ tuổi mặc áo khoác nhà binh và đội mũ lưỡi trai trắng bước vào nhà viên coi trạm - người hầu bưng một cái tráp theo sau và đặt nó xuống khung cửa sổ. Viên sĩ quan cất giọng hách dịch nói:

- Ngựa đâu!

- Có ngay, thưa ngài, - viên coi trạm đáp. - Xin ngài cho xem giấy lộ trình¹¹.

- Ta không có giấy lộ trình. Ta đi đến... Thế anh này không nhận ra ta là ai à?

Viên coi trạm cuống lên và vội chạy đi giục bọn phu trạm. Người khách trẻ tuổi bắt đầu đi đi lại lại

trong phòng, rồi sang bên kia tấm liếp và hỏi mục chủ trạm xem người hành khách ngồi ở góc phòng là ai. Mục đáp:

- Có trời biết được, một thằng Pháp nào đấy. Hắn ngồi đợi ngựa và huyết sáo năm tiếng đồng hồ rồi đấy. Cái thằng cha khó chịu lạ.

Người trẻ tuổi nói với người hành khách bằng tiếng Pháp:

- Ông đi đâu đấy ạ?

- Tôi đi đến thị xã gần đây, và sau đó đi về nhà một lão địa chủ đã nhấn người thuê tôi làm gia sư. Tôi tính ngày hôm nay là đến nơi rồi, nhưng mà ông coi trạm hình như không muốn như vậy. Ở cái xứ này, thưa ngài sĩ quan, khó tìm đâu ra ngựa lắm.

- Thế anh về làm với lãnh chúa nào ở vùng này? - Viên sĩ quan hỏi.

- Với ông Tơrôiekuróp ạ, - người Pháp trả lời.

- Với ông Tơrôiekuróp? Tơrôiekuróp là ai thế nhỉ?

- Ma foi, mon officier...* Tôi nghe người ta nói nhiều điều chẳng lành về ông này. Họ bảo rằng ông ta là người hách dịch, hay dở chứng, mà với người nhà thì đối xử rất hung ác, rằng không ai có thể hợp với ông ấy được, rằng ai nghe đến tên ông cũng phải run sợ,

* Thực tình, thưa ông sĩ quan (tiếng Pháp).

họ lại còn nói rằng ông chẳng kiêng nể gì bọn gia sư (*avec les outchitels*¹) và có hai người đã bị ông ta đánh gần chết.

- Trời! Thế mà ông lại định đến ở với một con quái vật như vậy ư?

- Biết làm thế nào được, thưa ngài sĩ quan? Ông ta trả lương hậu, mỗi năm ba nghìn rúp, cơm ăn áo mặc. May ra tôi có phúc hơn mấy người trước chẳng. Tôi có một mẹ già, một nửa số lương tôi sẽ gửi cho mẹ tôi, còn lại thì trong năm năm cũng có được một số vốn nho nhỏ đủ cho tôi tự lập, và đến lúc đó thì *bonsoir*^{**}, tôi sẽ đi Pari buôn bán.

- Ông có quen biết ai ở nhà Tơrôiêkurốp không?

- Chả quen ai cả, ông ấy nhấn bà con ở Mátxcova thuê hộ. Chả bác đầu bếp của người bà con ông ta là chỗ đồng hương với tôi, nên có giới thiệu tôi. Cũng xin ngài biết cho rằng tôi định làm nghề bánh kẹo, chứ không phải làm nghề gia sư - nhưng nghe nói ở nước các ngài làm nghề gia sư kiếm được nhiều tiền hơn...

Viên sĩ quan nghĩ ngợi một lúc, rồi nói với người Pháp:

- Ông này, nếu có người biểu ông một vạn rúp tiền mặt với điều kiện là ông đi ngay về Pari, thì ông nghĩ thế nào?

* Tiếng Pháp trong nguyên bản. Chữ "outchitel" vốn là tiếng Nga, người ngoại quốc thường dùng để chỉ người gia sư.

** Xin chào (*tiếng Pháp*).

Người Pháp kinh ngạc nhìn viên sĩ quan, mỉm cười lắc đầu. Vừa lúc ấy viên coi trạm đi vào báo:

- Thưa đã có ngựa rồi đấy ạ.

Người đầy tớ cũng vào báo như vậy. Viên sĩ quan nói:

- Được, các anh ra ngoài một lát.

Viên coi trạm và người đầy tớ đi ra. Viên sĩ quan nói tiếp bằng tiếng Pháp:

- Tôi không nói đùa đâu, tôi có thể đưa cho ông một vạn rúp, tôi chỉ yêu cầu ông đi nơi khác và để giấy má lại cho tôi.

Nói đoạn viên sĩ quan mở trap lấy ra mấy tập giấy bạc. Người Pháp giương mắt tròn xoe. Hắn không biết nghĩ thế nào nữa. Hắn kinh ngạc lặp lại:

- Tôi đi nơi khác... để giấy cho ngài. Đây, giấy tờ của tôi đây... nhưng chắc ngài nói đùa: lấy giấy tờ của tôi làm gì kia chứ?

- Đó không phải là việc của ông. Tôi xin hỏi: ông có bằng lòng hay không nào?

Người Pháp vẫn chưa dám tin là thật. Hắn chìa giấy tờ cho viên sĩ quan trẻ tuổi. Người này nhìn qua giấy tờ đó một lượt.

- Giấy hộ chiếu của ông...tốt! Nào, thư giới thiệu, xem nào. Giấy khai sinh, tốt lắm. Nào! Đây tiền của ông, xin ông quay lại Mátxcơva cho. Chào ông...

Người Pháp đứng đực ra.

Viên sĩ quan lại quay vào:

- Tí nữa tôi quên điều quan trọng nhất. Ông phải lấy danh dự mà hứa với tôi rằng tất cả chuyện này đều phải giữ hết sức kín, chỉ có tôi và ông biết thôi, ông phải lấy danh dự mà hứa đi.

- Xin lấy danh dự mà hứa. Nhưng mà giấy tờ của tôi... không có giấy tờ thì tôi biết làm thế nào được?

- Hề đến thị xã nào trước là ông trình rằng bị Đubrôpxki chặn cướp. Họ sẽ tin ông và sẽ cấp những giấy tờ cần thiết cho. Thôi chào ông, chúc ông sớm về đến Pari và gặp mẹ được mạnh khỏe.

Đubrôpxki ra khỏi phòng, lên xe và phóng đi.

Viên coi trạm nhìn qua cửa sổ và khi xe đi khỏi, liền bảo vợ:

- Bà Pakhômôpna này, có biết cái gì không? Đubrôpxki đấy!

Mụ vợ chồm ra cửa sổ, nhưng đã muộn rồi. Đubrôpxki đi đã xa. Mụ quay lại mắng chồng:

- Ông thật không sợ Chúa, ông Xiđôrôvích ạ, sao lúc này ông không nói, để cho tôi xem mặt Đubrôpxki một tí, bây giờ thì đời nào có dịp thấy lại được nữa. Ông thật đến là tệ!

Người Pháp vẫn đứng đực ra đấy. Việc thỏa thuận với viên sĩ quan, món tiền bổng dung nhận được, hẳn có cảm tưởng như đều là giấc mộng. Nhưng mấy tập giấy bạc đang nằm sờ sờ trong túi hẳn xác nhận rằng cái sự việc lạ lùng vừa xảy ra là có thật.

Hắn quyết định thuê ngựa ra thị xã. Người phu trạm cho ngựa kéo xe đi bước một, và mãi đến đêm họ mới lê đến thị xã.

Khi sắp đến một cái trạm gác - gọi là trạm gác nhưng cũng chỉ có một cái chòi canh đã mục nát chả có ai đứng canh cả - người Pháp cho đỗ xe lại, xuống xe đi bộ và lấy tay ra hiệu nói với người phu trạm là hắn cho anh ta cái va-li và cái xe làm tiền uống rượu. Người phu trạm cũng kinh ngạc trước sự hào phóng ấy như trước đây chính người Pháp đã kinh ngạc trước lời đề nghị của Dubrôpxki. Sau khi kết luận rằng cái anh chàng ngoại quốc này đã phát điên, người phu trạm cúi sát đất cảm tạ hắn ta, và thấy rằng không nên vào thị xã làm gì, anh ta đánh xe đến một quán rượu quen thuộc, mà chủ nhân vốn là bạn cũ. Người phu trạm la cà suốt đêm ở đây, và hôm sau đánh cổ ngựa không về nhà, không có xe, không có va-li, mất bự ra và mất đồ ngẫu.

Dubrôpxki cầm giấy tờ của người Pháp ngang nhiên đến trình diện với Tơrôiekurốp, như ta đã thấy, và vào ở trong nhà lão. Không biết chàng có ý định gì (về sau chúng ta sẽ rõ) nhưng hạnh kiểm của chàng suốt thời gian làm gia sư không hề có điều gì đáng chê trách. Quả tình chàng ta có ít chú ý đến việc giáo dục cậu bé Xasa, để cho cậu bé tha hồ đùa nghịch, và cũng ít khi quở trách cậu ta về bài vở - những bài vở đó chỉ ra cho có lệ - ngược lại Dubrôpxki chăm chú

theo dõi những bước tấn tới của Masa về âm nhạc và thường ngồi hàng mấy giờ liền với cô nữ sinh của mình trước chiếc dương cầm. Ai cũng mến người gia sư trẻ tuổi - Kirila Pêtorôvích thì thích cái tính can đảm và sự nhanh nhẹn của chàng khi đi săn, Maria Kirilópna thì mến lòng tận tâm không bờ bến và những cử chỉ săn sóc rụt rè của chàng, Xasa thì ưa tính dễ dãi của chàng đối với những trò nghịch ngợm của nó, gia nhân thì ưa tính hiền lành và rộng rãi hào phóng rất hiếm có ở địa vị chàng. Còn chàng thì có vẻ như quyến luyến với cả gia đình và tự xem như đã thành một người nhà rồi vậy.

Kể từ khi chàng đến nhậm chức gia sư cho đến cái ngày hội đáng ghi nhớ nọ, đã được trọn một tháng, thế mà không hề có ai dè rằng cái anh gia sư người Pháp hiền lành này lại chính là cái tên đạo tặc ghê gớm mà tên tuổi đang làm cho tất cả các lãnh chúa trong vùng phải khiếp sợ. Trong suốt thời gian đó Đubrôpxki không ra khỏi ấp Pôkrôpxcôie, nhưng những tin tức về cướp bóc vẫn không thưa thớt, nhờ trí tưởng tượng phong phú của dân làng cũng có, nhưng cũng có thể là bọn cướp trong khi vắng chủ tưởng vẫn cứ tiếp tục hành động như thường.

Cùng ngủ chung buồng với một người mà chàng có thể xem như một kẻ thù riêng, một trong những kẻ đã làm cho chàng sa cơ lỡ vận, Đubrôpxki không cưỡng nổi sự cảm động. Chàng biết hẳn có cái túi da, và quyết

định lấy cái túi đó. Chúng ta đã thấy chàng làm cho lão Antôn Pápnutích đáng thương kia kinh hoàng như thế nào vì sự biến dạng đột ngột của chàng từ gia sư thành tướng cướp.

Vào lúc chín giờ sáng các khách khứa ngủ lại ở Pôkrôpxcôie lục tục đến tụ tập ở phòng khách. Ở đây Maria Kirilópna mặc áo dài buổi sáng đã đốt ấm xamô-va pha trà và Kirila Pêtrôvích mình mặc áo bông, chân đi giày vải đang uống nước trà trong một cái chén to như cái chậu. Antôn Pápnutích ra sau cùng; lão ta trông xanh xao và có vẻ hoảng sợ đến nỗi ai cũng phải ngạc nhiên, và Kirila Pêtrôvích phải hỏi thăm lão xem có ốm đau gì không. Antôn Pápnutích trả lời líu nhíu chẳng có mạch lạc gì cả, và chốc chốc lại đưa mắt sợ sệt nhìn anh gia sư lúc bấy giờ đang ngồi đấy, vẻ điềm tĩnh và hiền lành, như không có việc gì xảy ra cả.

Vài phút sau một người nhà vào báo với Antôn Pápnutích rằng xe ngựa đã chờ sẵn - lão vội vã cáo từ mặc dù chủ nhân thiết tha nài lão ở lại chơi, lão vẫn hấp tấp ra khỏi phòng và lập tức lên xe đi mất. Người ta không hiểu lão có việc gì và Kirila Pêtrôvích kết luận rằng lão ta bị bội thực. Sau buổi tiệc trà và buổi ăn điểm tâm tạm biệt, khách khứa lần lượt ra về, và chẳng bao lâu áp Pôkrôpxcôie lại trở lại với nếp sống thường lệ.

CHƯƠNG XII

Vài ngày qua, chẳng có gì đặc biệt xảy ra cả. Đời sống của những người ở Pôkrôpxcôie trôi qua một cách đơn điệu, ngày nào cũng như ngày nào. Kirila Pêtrôvích ngày ngày đi săn; Maria Kirilópna thì xem sách, đi dạo và học âm nhạc - nhất là học âm nhạc. Nàng đã bắt đầu hiểu được lòng mình, và bất giác bối rối khi nhận thấy rằng mình không hẳn là đứng đưng đối với những đức tính tốt đẹp của chàng thanh niên người Pháp. Về phía người gia sư thì anh ta không vượt quá giới hạn của sự kính cẩn và bao giờ cũng giữ một khuôn phép lễ độ nghiêm khắc, và nhờ thế mà khỏi chạm vào lòng tự trọng của nàng và tránh khỏi những ý nghi ngại của nàng. Nàng ngày càng tin cẩn buông mình theo cái thói quen dễ chịu được sống cạnh chàng. Không có Đêphoócgiơ thì nàng thấy buồn chán và khi có chàng bên cạnh nàng luôn luôn chú ý đến chàng, việc gì cũng muốn biết ý kiến của chàng và bao giờ cũng đồng ý với chàng. Có lẽ nàng chưa yêu, nhưng chỉ cần một sự ngăn cản gì, một nỗi éo le trắc trở gì của số phận cũng đủ cho ngọn lửa yêu đương tha thiết bùng lên trong lòng nàng.

Một hôm nàng đi vào phòng học nhạc như thường

lệ; nàng rất ngạc nhiên nhận thấy vẻ mặt người gia sư tái xanh đi và trông chàng có vẻ bối rối. Nàng mở đàn dương cầm, hát qua vài nốt, nhưng Đubrôpxki kêu nhức đầu và xin lỗi nàng, bỏ dở buổi học. Khi gấp sách nhạc lại, Đubrôpxki kín đáo đưa cho nàng một mảnh giấy. Maria Kirilôpna không kịp suy nghĩ, cầm lấy mảnh giấy và lập tức thấy hối hận, nhưng Đubrôpxki đã đi ra mất rồi. Maria Kirilôpna về phòng riêng, mở tờ giấy ra và đọc những dòng sau đây:

“Tôi nay, lúc bảy giờ, xin cô ra ngôi nhà bát giác bên bờ suối. Tôi có chuyện rất cần muốn thưa với cô”.

Trí tò mò của nàng bị kích thích rất mạnh. Từ lâu nàng đã đoán rằng chàng sẽ có lúc bày tỏ, và nàng vừa mong ước, vừa lo sợ điều ấy. Nàng muốn được nghe chàng xác nhận những điều mà nàng đã phỏng đoán, nhưng nàng cảm thấy rằng nghe những lời như vậy của một người mà hoàn cảnh không cho phép hy vọng lấy được nàng là một việc không đúng đắn. Nàng quyết định đến chỗ hẹn hò, nhưng chỉ còn do dự một điều: nàng sẽ tiếp nhận những lời bày tỏ đó như thế nào, với một thái độ công phẫn quý phái chăng, đưa ra những lời khuyên nhủ ôn tồn chăng, hay là vui vẻ giễu cợt, hay là im lặng? Trong khi chờ đợi, cứ phút phút nàng lại đưa mắt nhìn đồng hồ. Trời tối dần, người ta thắp nến lên, Kirila Pêtrôvích ra ngôi đánh bài pô-stông với mấy người láng giềng mới đến; đồng hồ trong phòng ăn điểm sáu giờ bốn mươi năm, và

Maria Kirilópna nhè nhẹ đi ra thêm nhìn quanh một lúc, rồi chạy ra vườn.

Đêm tối như mực, mây đen phủ đầy trời, cách hai bước đã không trông thấy gì rồi, nhưng Maria Kirilópna đi trong bóng tối, lần theo những lối đi quen thuộc và một phút sau đã đến chỗ nhà bát giác. Nàng dừng lại thở để khi gặp Đêphoócgiơ cho có vẻ thản nhiên và ung dung. Nhưng Đêphoócgiơ đã đứng trước mặt nàng. Chàng nói khẽ, giọng buồn rầu:

- Tôi xin cảm ơn cô đã không từ chối lời thỉnh cầu của tôi. Ví thử cô không bằng lòng đến thì tôi đến tuyệt vọng mất.

Maria Kirilópna trả lời một câu đã chuẩn bị sẵn:

- Tôi hy vọng rằng ông sẽ không làm cho tôi hối hận vì sự khoan dung của tôi.

Chàng lặng thinh một lúc và hình như cố lấy hết can đảm ra. Cuối cùng chàng nói:

- Hoàn cảnh bắt buộc... tôi phải từ giã cô. Có lẽ cô sẽ nghe người ta nói chuyện về tôi, nhưng trước khi ra đi, tôi phải giải bày để cô rõ...

Maria Kirilópna im lặng. Nàng cho rằng đó là những câu mở đầu cho cuộc bày tỏ tình yêu mà nàng mong đợi.

Chàng cúi đầu nói tiếp:

- Tôi không phải như cô vẫn tưởng, tôi không phải người Pháp Đêphoócgiơ, tôi là Đubrốpski.

Maria Kirilópna kêu lên một tiếng.

- Cô đừng sợ, tôi van cô, cô đừng sợ tên tôi. Vâng, tôi là con người khốn nạn, đã bị cha cô cướp mất miếng ăn, đuổi ra khỏi nhà và bắt buộc phải đi cướp trên các đường trường. Nhưng xin cô đừng sợ - dù là sợ cho cô hay sợ cho cha cô. Tất cả đều đã qua. Tôi đã tha thứ cho cha cô. Cô biết không, chính cô đã cứu cho cha cô thoát chết. Đáng lẽ hành động đẫm máu đầu tiên của tôi sẽ nhằm vào người ấy. Tôi đã đi quanh nhà cô, định sẵn sẽ phóng hỏa những nơi nào, định sẵn sẽ lọt vào buồng ngủ của cha cô bằng lối nào, làm thế nào để chặn hết đường tẩu thoát của cha cô - trong giờ phút đó cô đã đi qua trước mặt tôi, như một bóng thiên thần, và lòng tôi đã dịu xuống, tôi đã hiểu rằng nơi cô ở là thiêng liêng, hiểu rằng những người có liên hệ máu mủ với cô không thể bị tôi nguyên rủa được. Tôi từ bỏ ý định trả thù như từ bỏ một ý nghĩ điên rồ. Có những ngày tôi chỉ lang thang quanh các khu vườn của ấp Pôkrôpxcôie, hy vọng được đứng nhìn từ xa xa tà áo trắng của cô. Trong những buổi đi dạo vô tư và bất cẩn của cô, tôi đã đi theo cô, len lỏi từ khóm cây này sang khóm cây khác, sung sướng vì nghĩ rằng đang được bảo vệ cô, rằng ở đâu tôi bí mật có mặt là cô được an toàn. Cuối cùng một dịp may đã hiện ra. Tôi đến ở trong nhà cô. Ba tuần lễ ấy đối với tôi là những ngày đầy hạnh phúc, kỷ niệm của những ngày ấy sẽ là một nguồn an ủi cho cuộc đời buồn khổ của tôi... Hôm nay tôi nhận được một tin cho biết rằng

tôi không thể ở đây được nữa. Tôi phải xa cô kể từ hôm nay... kể từ giờ này... Nhưng trước khi đi, tôi phải bày tỏ với cô để cô đừng nguyên rửa tôi, đừng khinh tôi. Xin cô thỉnh thoảng nghĩ đến Đubrôpxki. Xin cô biết cho rằng con người đó đáng lẽ sinh ra để sống một cuộc đời khác, rằng tâm hồn người đó đã biết yêu cô, rằng không bao giờ...

Đến đây chợt có tiếng huýt khê, và Đubrôpxki im bật, chàng cầm lấy tay Masa áp vào đôi môi nóng bừng của chàng. Lại có tiếng huýt, Đubrôpxki nói:

- Xin lỗi cô, người ta gọi tôi, chỉ một phút nữa là tôi có thể nguy. - Chàng bỏ đi. Maria Kirilópna đứng yên. Đubrôpxki bỗng quay lại và nắm lấy tay nàng.

- Nếu có bao giờ, - chàng nói rất âu yếm, giọng cảm động, - nếu có bao giờ cô có việc chẳng may xảy đến mà cô không biết trông mong ai giúp đỡ hay che chở, cô có hứa với tôi là cô sẽ nhờ đến tôi, đòi hỏi tôi làm tất cả những gì có thể cứu cô được không? Cô có hứa là sẽ không hắt hủi lòng tận tụy của tôi vì cô không?

Maria Kirilópna im lặng khóc. Tiếng huýt lại nổi lên một lần thứ ba. Đubrôpxki giục:

- Cô làm tôi phải chết mất. Tôi nhất định không đi, nếu cô chưa trả lời. Cô có hứa với tôi như vậy hay không?

- Tôi xin hứa, - người con gái đáng thương nói khê.

Maria Kirilópna trở vào nhà, lòng vô cùng xúc động vì cuộc gặp gỡ với Đubrôpxki. Nàng thấy hình như

người trong nhà đang chạy nhốn nháo, cả nhà đều kinh động lên, trong sân lối nhỏ những người, dưới thêm có một cỗ xe ba ngựa đỗ. Nàng nghe tiếng Kirila Pêtrôvích nói xa xa và nàng hấp tấp trở vào nhà, sợ người nhà để ý thấy nàng vắng mặt mà sinh nghi. Trong phòng khách nàng gặp Kirila Pêtrôvích, khách khứa đang xúm quanh ông bạn quen của chúng ta là viên cảnh sát trưởng mà hời hợt rồi rít. Viên cảnh sát trưởng mặc áo đi đường, võ trang từ đầu đến chân, trả lời họ với một dáng điệu bí mật và quan trọng.

Kirila Pêtrôvích hỏi con:

- Nãy giờ con ở đâu hả Masa? Con có gặp mẹ-xù Đêphoócgiơ không?

Masa cố bình tĩnh trả lời là không gặp.

- Mày thử tưởng tượng, - Kirila Pêtrôvích nói tiếp, - thằng cha cảnh sát trưởng này đến đây để bắt hấn và nói quả quyết với tao rằng hấn là Đubrôpxki thì có lạ không chứ!

Viên cảnh sát trưởng kính cẩn nói:

-Bấm quan lớn theo nhân dạng thì đúng là hấn đấy ạ.

Kirila Pêtrôvích ngắt lời:

- À, cái anh này, anh mang tờ nhân dạng của anh xéo đi đâu thì xéo. Ta sẽ không nộp cái thằng Pháp ấy cho anh đâu, phải để ta tự điều tra lấy việc này đã. Làm sao mà tin được cái thằng cha Antôn

Pápnútích, một thằng dốt như cây và suốt đời nói dối; hẳn nằm mơ thấy anh gia sư muốn cướp tiền của hẳn chứ gì? Thế sao ngay sáng hôm ấy hẳn lại không nói cho ta biết?

Viên cảnh sát trưởng đáp:

- Bẩm quan lớn, tên Pháp dọa nạt hẳn, và bắt hẳn thề là sẽ im hơi lặng tiếng.

- Toàn chuyện láo cả, Kirila Pêtrôvích kết luận, - ta sẽ làm cho ra ngô ra khoai ngay bây giờ. Này anh gia sư đâu? - Lão hỏi người đầy tớ mới đi vào.

- Dạ, bẩm chả thấy đâu cả ạ, - người đầy tớ đáp.

- Thế thì phải đi tìm ngay đi, - Tơrôiekurốp quát, bây giờ lão ta bắt đầu thấy nghi nghi. - Đưa cái tờ nhân dạng trú danh của anh đây ta xem nào!

Viên cảnh sát trưởng lập tức đưa tờ giấy cho lão.

- Hừ! Hừ! Hai mươi ba tuổi... Đúng thế, nhưng vẫn không phải là một bằng chứng. Thế nào, thằng gia sư đâu?

Người nhà đáp lại:

- Thưa không tìm thấy đâu cả ạ.

Kirila Pêtrôvích bắt đầu lo lắng. Maria Kirilópna như người mất hồn. Cha nàng nhận xét:

- Con xanh lăm Masa ạ, bọn chúng làm cho con sợ phải không?

- Thưa cha không ạ, con chỉ nhức đầu thôi ạ.

- Con vào buồng mà nằm đi, đừng lo lắng gì cả.

Masa hôn tay bố và vội đi vào phòng riêng; nàng lẫn ra giường khóc nức nở trong một cơn ưu uất dữ dội. Bọn đầy tớ gái chạy vào cởi áo cho nàng, lấy nước vã vào mặt và cho uống đủ các thứ rượu thuốc; họ đặt nàng nằm yên và nàng thiếp đi.

Trong khi đó người ta vẫn chưa tìm ra anh người Pháp. Kirila Pêtrôvich đi đi lại lại trong phòng khách vẻ dữ tợn mồm huýt sáo điệu “Sấm chiến thắng vang lên”. Khách khứa ghé vào tai nhau thì thầm, viên cảnh sát trưởng vẫn cứ đứng đực ra đấy - anh người Pháp vẫn không thấy đâu cả. Có lẽ hắn đã có thì giờ trốn đi, vì đã được báo trước. Nhưng ai báo, báo bằng cách gì, cái đó vẫn còn là một điều bí mật.

Đồng hồ đã điểm mười một tiếng, mà chẳng ai nghĩ đến chuyện đi ngủ. Cuối cùng, Kirila Pêtrôvich giận dữ nói với viên cảnh sát trưởng:

- Thế nào, thôi chứ? Chả nhẽ anh lại ở đây đến sáng à? Nhà ta có phải là cái quán hàng đầu, cái thá anh thì có mà bắt được hắn, nếu hắn quả là Đubrôpxki. Về nhà đi và từ rày cố khôn ngoan lên một tí. Mà cả các ngài nữa, - lão quay sang phía khách khứa nói tiếp. - Cũng đến lúc nên về rồi đấy. Các ngài bảo thẳng ngựa đi cho, còn tôi thì đã buồn ngủ lắm rồi.

Nói xong lời cáo biệt không lấy gì làm lịch sự đó, Tôrôiekurốp bỏ đi ngủ.

CHƯƠNG XIII

Một thời gian trôi qua. Không có gì quan trọng xảy ra cả. Nhưng vào khoảng đầu mùa hạ năm sau, có nhiều biến đổi lớn trong đời sống gia đình của Kirila Pêtrôvích.

Cách nhà lão độ ba mươi véc-xet, có một khu điền trang lớn của công tước Vêrâyxki. Công tước lâu nay sống ở nước ngoài để lại ruộng đất, nhà cửa cho một viên thiếu tá về hưu quản lý, và giữa hai ấp Pôkrôpxcôie và Acbatôvô, không có liên hệ giao dịch gì cả. Nhưng vào cuối tháng Năm công tước ở ngoại quốc về: từ bé đến lớn, công tước về quê lần này là lần đầu. Quen chơi bởi ở nơi đô hội, Vêrâyxki không chịu được cảnh cô quạnh ở nhà, và về được ba bốn hôm thì công tước đến ăn tiệc ở nhà lão Tôrôiekurôp mà công tước đã từng quen ngày trước.

Năm ấy, công tước khoảng độ năm mươi tuổi, nhưng trông lão có vẻ già hơn. Những lối chơi bởi quá độ đã làm cho sức khỏe của lão suy sụp, và để lại những dấu vết không thể xóa được. Tuy vậy trông lão cũng dễ ưa, vì quen giao thiệp nhiều trong xã hội thượng lưu nên lão có những kiểu cách rất nhã nhặn, nhất là đối với phụ nữ. Lão luôn luôn cần đến những trò giải

trí và luôn luôn thấy buồn chán. Kirila Pêtrôvích rất bằng lòng với vị khách quý và xem cuộc viếng thăm này như một dấu hiệu chứng tỏ lòng kính nể một con người lịch duyệt, trải đời. Vẫn theo thường lệ, lão dẫn khách đi xem các tổ chức của lão và cuối cùng dẫn khách vào sân nuôi chó. Nhưng công tước suýt chết ngạt trong cái bầu không khí sặc mùi chó này, và phải vội vàng lấy khăn mùi-soa tắm nước hoa bịt mũi bỏ đi ra. Khu vườn kiểu cổ trồng bồ đề xén lá, với cái ao vuông vắng và những lối đi đều đặn không làm cho công tước hài lòng; lão này vốn thích những khu vườn kiểu Anh và cái thứ gọi là “thiên nhiên” hơn, nhưng lão vẫn hết lời khen ngợi và thần phục; một người đầy tớ đến báo rằng thức ăn đã làm xong. Họ về ăn bữa trưa. Công tước mỗi chân vì cuộc đi chơi đã bắt đầu đi khắp khiêng và đâm ra hối hận về cuộc viếng thăm này.

Nhưng đến phòng khách thì họ gặp Maria Kirilópna ra đón và lão già đa tình lập tức bị sắc đẹp của nàng quyến rũ. Tơrôiekuróp xếp lão ngồi bên cạnh nàng. Công tước được ngồi bên cạnh người đẹp, cao hứng lên, cười nói vui vẻ và nhiều lần làm cho Maria Kirilópna chú ý bằng cách kể những chuyện rất kỳ lạ. Kirila Pêtrôvích rủ công tước cưỡi ngựa đi chơi, nhưng công tước xin lỗi, chỉ vào đôi ủng bằng nhung và vui vẻ che giấu cái bệnh thống phong của mình. Lão nói là thích đi dạo bằng xe ngựa hơn để khỏi phải xa cô bạn láng giềng đáng yêu của lão. Người

ta thắng xe ngựa, hai lão già và cô con gái ngồi lên xe đi dạo. Câu chuyện vẫn tiếp tục, Maria Kirilópna đang vui thích ngồi nghe những lời lẽ vui vẻ và nịnh đầm của lão già lịch thiệp, thì bỗng Vêrâyxki quay sang Kirila Pêtrôvích hỏi cái ngôi nhà cháy đổ kia là thế nào và có phải của lão không. Kirila Pêtrôvích cau mày; tòa dinh thự cháy đổ này gợi lên trong lòng lão những kỷ niệm rất khó chịu. Lão đáp rằng đất này bây giờ là của lão, nhưng ngày trước là đất của Đubrôpxki, Vêrâyxki hỏi lại:

- Của Đubrôpxki à? Thế nào, của cái tên tướng cướp nổi tiếng ấy à?

- Của cha hấn, - Tơrôiekuróp đáp, - nhưng cha hấn thì cũng là một tay tướng cướp thôi.

- Thế bây giờ cái anh chàng Rinandô¹² ấy ở đâu? Còn sống không, đã bị bắt chưa?

- Hấn vẫn còn sống, vẫn tự do, và chừng nào mà bọn cảnh sát trưởng vẫn còn thông đồng với bọn cướp, thì chả ai làm gì nổi hấn, à này, thưa công tước, thế Đubrôpxki có đến thăm trại Acbatôvô lần nào không?

- Có, hình như năm ngoái hấn có đến cướp bóc hay đốt phá cái gì đấy... Cô Maria Kirilópna này, giá mà làm quen đôi chút với cái anh chàng nhân vật tiểu thuyết ấy cũng thú vị đấy nhỉ?

Kirila Pêtrôvích nói:

- Làm quen! Nó thì quen với Đubrôpxki quá đi rồi, thằng cha ấy dạy âm nhạc cho nó suốt ba tuần lễ,

nhưng cũng may, nhờ trời nó chẳng lấy tiền công gì cả.

Đến đây, Kirila Pêtrôvích bắt đầu kể lại câu chuyện anh gia sư người Pháp, Maria Kirilôpna thấy như đang ngồi trên bàn chông. Vêâyxki chăm chú nghe kể, vẻ mặt trầm ngâm, rồi nhận xét rằng câu chuyện thực là kỳ lạ và nói lảng sang chuyện khác. Khi trở về, công tước bảo đánh xe ra, và mặc dầu Kirila Pêtrôvích hết lời khấn khoản lão ở lại, lão vẫn nhất định ra về ngay sau buổi trà. Nhưng trước khi đi, lão mời Kirila Pêtrôvích cùng quý nữ đến chơi nhà lão và cái lão Kirila Pêtrôvích kiêu căng ấy cũng ưng thuận, vì rằng sau khi xét cái tước công của Vêâyxki, hai ngôi sao¹³ và con số ba nghìn nông nô của lão, Kirila Pêtrôvích cũng thừa nhận một phần nào rằng Vêâyxki là người ngang hàng với lão.

Hai ngày sau, Kirila Pêtrôvích cùng với con gái đến nhà công tước Vêâyxki, khi gần đến Acbatôvô lão không thể không thán phục cái vẻ sạch sẽ và vui tươi của các túp nhà gỗ làm cho nông dân ở và tòa nhà bằng đá của chủ nhân xây theo kiểu lâu đài Anh. Trước mặt nhà, có một bãi cỏ xanh um tỏa rộng, trên bãi những con bò cái giống Thụy Sĩ đang ăn cỏ, nhạc đeo ở cổ kêu leng keng. Một khu vườn rộng bao bọc bốn phía nhà. Chủ nhân ra đứng ở bậc thềm đón khách và đưa tay cho Masa vịn; họ đi vào một căn phòng lớn trang hoàng lộng lẫy. Trên bàn ăn đã dọn sẵn ba bộ đồ ăn cho ba người. Công tước dẫn khách ra cửa sổ và

một phong cảnh tuyệt đẹp hiện ra trước mặt khách. Sông Vônga chảy dưới cửa sổ, trên sông những chiếc sà-lan chở nặng căng buồm trôi, những chiếc thuyền đánh cá mà người ta thường gọi một cách bóng bẩy là thuyền mất mạng đi lại trông thành. Bên kia sông, những quả đồi và những cánh đồng chạy dài, lác đác có vài thôn xóm làm cho phong cảnh thêm sinh động. Sau đó họ đi xem các dãy phòng bày những bức họa mà công tước đã mua từ nước ngoài mang về. Công tước trình bày cho Maria Kirilópna nghe nội dung của các bức tranh, tiểu sử của các họa sĩ, chỉ rõ những ưu khuyết điểm của tranh. Công tước khi nói về hội họa không dùng những lời lẽ rập khuôn của những người chơi tranh rơm đời và khoe khoang, trái lại lão tỏ ra là một người thưởng thức hội họa có tâm khí và giàu trí tưởng tượng. Maria Kirilópna nghe công tước nói rất lấy làm vui thích.

Họ ra bàn ăn, Tơrôiêkurốp hết lời khen ngợi rượu của chủ nhân và tài nấu bếp của người nhà Vêâyxki. Còn Maria Kirilópna thì hoàn toàn không thấy có gì ngượng ngập hay miễn cưỡng trong khi nói chuyện với một người mà nàng mới gặp lần này là lần thứ hai. Sau bữa ăn, chủ nhân mời khách ra vườn. Họ uống cà-phê dưới mái nhà bát giác, bên bờ một cái hồ rộng, rải rác có những hòn đảo con con nhô lên. Bỗng nhiên có tiếng nhạc vẳng lại và một chiếc thuyền sáu người chèo cặp bến sát dưới chân nhà bát giác. Họ lên thuyền đi trên mặt hồ, quanh các hòn đảo, thỉnh thoảng lại

ghé lên xem một vài hòn. Trên một hòn đảo có một pho tượng cẩm thạch, trên một hòn khác có một cái động vắng vẻ, trên một hòn thứ ba nữa lại có một đài kỷ niệm đề những dòng chữ bí ẩn kích thích tính tò mò của người con gái, mà những câu nói úp mở nhã nhặn của chủ nhân không thể làm thỏa mãn được. Thời gian trôi qua rất nhanh mà không ai để ý. Trời đã bắt đầu xâm xẩm tối. Công tước lấy cớ là sương xuống lạnh hồi hải mời quý khách về. Âm xa-mô-va đã đun sẵn đợi họ. Công tước thỉnh cầu Maria Kirilópna đóng vai bà chủ nhà cho bữa tiệc trà của người độc thân thêm phần ấm cúng. Nàng vừa rót trà vừa nghe những câu chuyện thao thao bất tuyệt của vị chủ nhân lảm lòi mà nhã nhặn ấy. Bỗng nhiên có tiếng nổ lốp bốp và một chiếc pháo bông tỏa sáng rực lên trên nền trời. Công tước giúp Maria Kirilópna quàng khăn san và mời nàng cùng Tơrôiekurốp ra lan can. Trước mặt nhà, trong bóng tối, những ngọn lửa muôn màu nổ bùng ra, xoay tít, bay cao lên, tỏa ra thành những bó lửa, những chiếc lá dừa, những vòi nước và rơi xuống như mưa, như sao băng, tắt đi rồi lại cháy bùng lên. Maria Kirilópna vui thích như đứa trẻ. Công tước Vêâyxki rất mừng khi thấy Masa vui thích như vậy, còn Tơrôiekurốp thì rất bằng lòng với chủ nhân, vì lão cho rằng *tous les frais** của công tước là một bằng chứng cho thấy rằng công tước kính nể và

* Tất cả các chi phí (tiếng Pháp)

muốn chiều lão.

Bữa ăn tối cũng sang trọng chẳng kém gì bữa ăn trưa. Hai quý khách được đưa vào các phòng ngủ dành riêng cho họ, và sáng hôm sau họ chia tay với vị chủ nhân nhã nhặn kia, hứa với nhau rằng sẽ sớm gặp lại nhau.

CHƯƠNG XIV

Maria Kirilópna đang ngồi thêu trong phòng riêng, trước khung cửa sổ. Nàng không lẫn đường kim như tình nhân của chàng Côn-rát¹⁴, vì mơ tưởng đến người yêu mà thêu hoa hồng bằng chỉ xanh. Dưới mũi kim của nàng, đường thêu mô phỏng đúng y như hình mẫu. Tuy vậy ý nghĩ của nàng không để vào công việc, ý nghĩ của nàng đang gửi đến một chốn nào xa xăm lắm.

Đột nhiên một bàn tay nhẹ nhàng thò qua khung cửa sổ; có người vừa đặt một bức thư lên bàn thêu và biến mất trước khi Maria Kirilópna kịp trấn tĩnh lại. Vừa lúc đó một người đầy tớ vào gọi nàng ra cho Kirila Pê-tơ-rô-vích. Nàng bồi hồi giấu bức thư vào khăn quàng và vội vàng đến phòng làm việc của cha.

Kirila Pê-tơ-rô-vích không ngồi một mình. Công tước Vê-rây-xki cũng đang ở đây. Khi Maria Kirilópna bước vào, công tước yên lặng đứng dậy cúi chào nàng với một dáng điệu lúng túng mà trước đây lão không hề có.

Kirila Pê-tơ-rô-vích nói:

- Con lại đây, Masa, cha cho con biết một tin mà

cha hy vọng sẽ làm cho con vui mừng. Đây, vị hôn phu của con đây: công tước đến hỏi con đây.

Masa vô cùng kinh ngạc. Mặt nàng tái xanh đi như người chết. Nàng lặng thinh. Công tước đến gần nàng, cầm lấy tay nàng và có vẻ cảm động hỏi nàng có bằng lòng ban hạnh phúc cho lão ta không. Masa lặng thinh.

Kirila Pêtrôvích đỡ lời:

- Bằng lòng, nhất định là bằng lòng rồi! Nhưng công tước còn lạ gì, đàn bà con gái chúng nó cũng khó nói thẳng ra như vậy. Nào, các con hôn nhau đi chứ, chúc các con hạnh phúc.

Masa đứng đờ ra, không nhúc nhích. Công tước hôn tay nàng. Đột nhiên hai giọt nước mắt từ từ lăn trên khuôn mặt tái xanh của nàng. Công tước hơi cau mày.

- Thôi đi đi, đi đi, - Kirila Pêtrôvích nói, - đi mà lau nước mắt đi và trở lại đây mặt mày cho tươi tỉnh.

Rồi lão quay sang phía công tước nói tiếp:

- Ấy đàn bà là họ thế cả đấy mà, cứ đến lễ đính hôn là thế nào cũng khóc, cái thói ấy đã thâm căn cố đế lắm rồi... Công tước ạ, bây giờ chúng ta bàn về công việc thôi, nghĩa là về số tiền hồi môn ấy mà...

Maria Kirilópna vội vàng lợi dụng cơ hội để xin phép lui ra. Nàng chạy về phòng riêng khóa cửa lại và để mặc cho nước mắt tha hồ tuôn chảy. Nàng hình dung phải làm vợ lão công tước già; nàng bỗng dung thấy lão khả ố và kinh tởm lạ lùng... nàng thấy ghê

sợ việc hôn nhân như ghê sợ tử thần. Nàng đau đớn tự nhủ: “Không! Không! Thà chết, thà đi tu, thà lấy Đubrôpxki còn hơn”. Đến đây nàng sức nhớ đến bức thư và vội vã đưa thư ra đọc, vì nàng đoán chắc đó là thư của Đubrôpxki. Đúng thế, chính là thư của chàng viết; trong thư chỉ vắn tắt có mấy chữ:

“Mười giờ tối nay, ở chỗ cũ”.

CHƯƠNG XV

Trăng sáng, đêm tháng Bảy yên tĩnh. Thỉnh thoảng có một ngọn gió hây hây thoảng qua và một tiếng rì rào nhẹ nhẹ lan đi khắp vườn.

Như một cái bóng nhẹ, cô thiếu nữ đến gần chỗ hẹn hò. Nàng còn đưa mắt tìm kiếm, thì bỗng Đubrôpxki từ phía sau nhà bát giác bước tới. Chàng nói, giọng dịu dàng và buồn rầu:

- Tôi biết hết rồi, xin cô nhớ giữ lời hứa.

Masa đáp:

- Anh hứa che chở cho tôi, nhưng - xin anh đừng giận - tôi sợ sự che chở đó lắm. Bây giờ anh sẽ giúp cho tôi bằng cách nào?

- Tôi có thể giúp cô thoát hẳn con người mà cô thù ghét.

- Trời ơi! Anh đừng động đến người ấy, anh không được động đến người ấy, nếu anh yêu tôi. Tôi không

muốn vì tôi mà gây nên một việc gì khủng khiếp...

- Tôi sẽ không động đến người ấy, ý muốn của cô đối với tôi là thiêng liêng. Hẳn sẽ nhờ cô mà khỏi chết. Không bao giờ tôi lấy danh nghĩa vì cô mà làm tội ác. Ngay trong những tội ác của tôi, cô vẫn phải được trong trắng. Nhưng tôi làm thế nào để cô thoát khỏi người cha ác nghiệt ấy?

- Vẫn còn hy vọng được. Tôi hy vọng sẽ làm cho cha tôi động lòng, thấy tôi khóc, thấy tôi tuyệt vọng mà thương tôi. Cha tôi rất khó đổi ý kiến, nhưng cha tôi quý tôi lắm.

- Cô đừng hy vọng hão: thấy cô khóc, cha cô cho đó là những giọt nước mắt lo lắng và ghê sợ của bất cứ người con gái nào khi họ đi lấy chồng không phải vì tình yêu mà vì lý trí; nếu cha cô nhất quyết tự mình xây dựng hạnh phúc cho cô, mặc dù cô không muốn, bức bách cô đến trước bàn thờ để vĩnh viễn gửi cuộc đời vào tay một người chồng già, thì cô tính sao?

- Nếu thế thì... thì mặc, anh đến với tôi, tôi sẽ là vợ anh.

Dubrópxki run lên, khuôn mặt đang nhợt nhạt của chàng đỏ ửng lên, rồi phút chốc lại trở lại nhợt nhạt hơn. Chàng cúi đầu im lặng hồi lâu.

- Cô hãy lấy hết sức van lơn cha cô, lay lục cha cô, cô hãy vạch rõ cho cha cô thấy tất cả cái tương lai khủng khiếp đang chờ cô, cái tuổi trẻ của cô sẽ phải tàn tạ bên một ông già ốm yếu và truy lạc. Cô phải có can đảm nói một cách quyết liệt rằng: nếu cha cô cứ

một mực không lay chuyển, thì... thì cô sẽ tìm đến một sức bảo vệ vô cùng kinh khủng... cô sẽ nói rằng của cải không thể đem lại cho cô được một phút nào hạnh phúc... Sự xa hoa chỉ an ủi được những người nghèo vì họ không quen xa hoa, mà cũng chỉ an ủi được trong chốc lát. Cô không được để cho cha cô ngồi yên lấy một phút, cô đừng sợ những cơn giận dữ, những lời dọa nạt. Tôi van cô trong khi hãy còn hy vọng, dù chỉ là một tia hy vọng mong manh, cô cũng đừng rời cha cô một phút. Nhưng nếu không có cách gì nữa...

Đến đây, Đubrôpxki đưa hai tay lên bụng lấy mặt, chàng như nghẹn thở. Masa khóc...

Đubrôpxki thở dài cay đắng:

- Không hiểu sao tôi lại khổ đến thế này? Tôi sẵn sàng hy sinh cả cuộc đời vì cô. Được đứng xa xa mà nhìn cô, được chạm vào tay cô là những phút sống thần tiên. Và đến lúc có thể ôm cô vào bên trái tim xúc động của mình mà nói: "Nàng tiên của tôi ơi, chúng mình hãy cùng chết bên nhau", thì tôi lại phải sợ cái hạnh phúc ấy, phải lấy hết sức mà gạt nó ra... Tôi không dám quỳ xuống chân cô để cảm ơn trời đã cho tôi một phần thưởng quá lớn lao mà tôi không xứng đáng được hưởng. Ô, đáng lẽ tôi phải oán con người đã... Nhưng tôi cảm thấy rằng trong lòng tôi không còn chỗ để chứa đựng oán thù nữa.

Chàng dịu dàng ôm lấy tấm thân mảnh dẻ của nàng và âu yếm ép vào lòng. Nàng tin cần ngả đầu vào vai

người tướng cướp trẻ tuổi. Họ im lặng.

Thời gian trôi nhanh.

Cuối cùng Masa nói:

- Thôi anh ạ, đã đến lúc phải chia tay rồi.

Dubrôpxki như bừng tỉnh một giấc mơ. Chàng cầm lấy tay nàng và đeo một chiếc nhẫn cho nàng. Chàng nói:

- Nếu Masa nhất định đến tìm tôi, xin Masa đem bỏ chiếc nhẫn vào cái hốc ở thân cây sồi này. Tôi sẽ biết là phải làm gì.

Dubrôpxki hôn tay nàng và lát sau đã khuất sau rặng cây.

CHƯƠNG XVI

Việc dạm hỏi của công tước Vêâyxki không còn là một điều bí mật gì đối với những người lân cận nữa. Kirila Pêtorôvích đã bắt đầu nhận được những lời chúc mừng. Người ta chuẩn bị lễ cưới. Masa ngày này qua ngày khác vẫn thoái thác không chịu trả lời dứt khoát. Trong khi đó, thái độ của nàng đối với công tước rất lạnh nhạt và gượng gạo. Công tước không hề băn khoăn về điều đó. Lão ta không đòi hỏi Masa yêu mình. Lão chỉ cần nàng im lặng và nhẫn nhục như vậy.

Nhưng thời gian trôi qua, và cuối cùng Masa quyết định hành động. Nàng viết một bức thư cho công tước

Vêrâyxki; nàng cố gắng thức tỉnh trong tâm hồn lão những tình cảm cao thượng, và nói thẳng thắn rằng nàng không hề có chút cảm tình gì với lão, van lơn lão đừng hỏi nàng làm vợ nữa, và xin lão tự mình đứng ra nói hộ với cha nàng. Nàng bí mật trao thư cho công tước Vêrâyxki: lão mang thư về đọc một mình, nhưng không mấy may cảm động vì những lời lẽ chân thành của Masa. Trái lại, lão thấy cần tiến hành thật gấp công việc cưới xin và muốn vậy lão bèn đưa bức thư cho bố vợ tương lai xem.

Kirila Pêtrôvích giận điên lên. Công tước khẩn khoản mãi lão mới thỏa thuận là sẽ không lộ ra cho Masa biết rằng lão đã xem bức thư này. Nhưng lão quyết định tiến hành công việc thật gấp, và định đến ngày hôm sau là cho làm lễ cưới. Công tước thấy như vậy là rất phải. Lão đến gặp vị hôn thê và nói rằng bức thư của nàng đã làm cho lão rất buồn, nhưng lão hy vọng rằng với thời gian, lão sẽ làm cho nàng mến lão hơn, rằng chỉ nghĩ đến việc thiếu Masa thôi, cũng đủ làm cho lão khổ tâm quá chừng. Lão không thể ưng thuận bản tuyên án xử tử hình được. Nói đoạn, lão kính cẩn hôn tay Masa và ra về, không nói gì với nàng về quyết định của Kirila Pêtrôvích.

Nhưng công tước vừa đi khỏi sân, thì Kirila Pêtrôvích hầm hầm bước vào phòng con, và không chút kiêng dè ra lệnh cho Masa chuẩn bị sẵn sàng để mai làm lễ cưới. Maria Kirilópna đã xúc động mạnh

vì cuộc nói chuyện với công tước, nghe cha nói vậy thì khóc nức nở và quỳ xuống chân Kirila Pêtrôvích van lơn:

- Ba ơi, ba đừng để cho con phải chết, con không yêu công tước, con không thể làm vợ ông ấy...

Kirila Pêtrôvích giận dữ nói:

- Như thế là nghĩa lý gì? Mấy hôm nay mày vẫn im lặng ưng thuận, rồi đến bây giờ mọi việc đã xong xuôi thì mày lại giở chứng ra như thế à? Mày đừng có bày trò với tao, cái lời ấy không ăn thua gì đâu.

- Ba đừng để cho con phải chết, vì sao ba lại đuổi con đi, bắt con ở với một người mà con không yêu, ba chán con rồi chẳng, con chỉ muốn ở với ba như trước thôi, ba ạ, không có con rồi ba sẽ buồn, và sẽ buồn hơn khi nghĩ rằng con đang sống khổ sở. Ba ơi, ba đừng ép uống con, con không muốn lấy chồng...

Kirila Pêtrôvích cảm động, nhưng cố giấu đi và gạt con ra, sừng sộ nói:

- Toàn là những chuyện vớ vẩn cả, mày nghe chưa? Tao biết rõ hơn mày: cái gì cần cho hạnh phúc của mày. Khóc lóc cũng chẳng ăn thua gì đâu. Ngày kia là làm lễ cưới.

Masa kêu lên:

- Ngày kia! Trời ơi! Không! Không thể được, không thể như vậy được. Ba ạ, ba nghe con nói đây, nếu ba nhất định bắt con phải chết như vậy thì con sẽ tìm

một người bệnh vực cho con mà ba không thể ngờ tới, rồi ba sẽ thấy, ba sẽ phải kinh hoàng khi thấy ba đã đẩy con đến chỗ nào.

- Cái gì? Cái gì? Dọa à? Mày lại dọa tao à, con cái hôn xước thế à? Mày có biết là tao sẽ làm cho mày một việc mà mày không thể tưởng tượng không? Mày dám đưa một người bệnh vực ra mà dọa tao à? Xem nào, cái người bệnh vực ấy là ai nào?

- Vlađimira Đubrôpxki, - Masa tuyệt vọng đáp.

Kirila Pêtrôvich tưởng nàng đã phát điên, kinh ngạc nhìn nàng. Lão im lặng một lúc, rồi nói:

- Được lắm, mày hy vọng ai giải thoát cho mày thì cứ hy vọng, còn bây giờ thì mày hãy tạm ngồi trong phòng này cho đến khi làm lễ cưới.

Nói đoạn, Kirila Pêtrôvich đi ra và khóa trái cửa lại.

Người con gái đáng thương ngồi khóc giờ lâu, hình dung thấy tất cả những việc đang chờ mình; nhưng cuộc gặp gỡ nói chuyện quyết liệt vừa rồi làm cho nàng thấy nhẹ nhõm, và bây giờ nàng đã có thể bình tĩnh suy nghĩ về số phận của nàng và về những việc mà nàng sẽ phải làm; cần nhất là phải thoát khỏi cuộc hôn nhân quái gở này; làm vợ một anh tướng cướp, Masa thấy là một cảnh thiên đường so với số phận mà người ta đang dành cho nàng. Nhìn chiếc nhẫn mà Đubrôpxki để lại, nàng tha thiết mong được gặp chàng một lần nữa trước cái phút định đoạt và bàn

bạc cho kỹ với chàng. Nàng có linh cảm rằng tối nay Đubrôpxki sẽ đến chỗ nhà bát giác như lần trước, và nàng quyết định tối đến là sẽ ra đẩy đợi chàng. Hoàng hôn xuống, Masa sửa soạn ra đi, nhưng cửa đã khóa. Người hầu phòng trả lời qua tấm cửa rằng Kirila Pêtrôvích cấm không được để cho nàng ra ngoài. Nàng đã bị giam. Tủ nhục không sao kể xiết, nàng ra ngồi bên cửa sổ và ngồi đấy mãi cho đến khuya, mắt đăm đăm nhìn bầu trời tối mịt. Gần sáng nàng thiếp đi, nhưng những giấc mơ buồn thảm cứ chập chờn trong giấc ngủ của nàng và những tia sáng đầu tiên của mặt trời mọc đã đánh thức nàng dậy.

CHƯƠNG XVII

Nàng vừa thức giấc thì trong tâm trí lại hiện ra rõ mồn một tất cả cái tình cảnh khủng khiếp của nàng. Nàng rung chuông gọi, một người đầy tớ gái vào và khi nàng hỏi thì cho biết rằng tối hôm qua Kirila Pêtrôvích đi sang ấp Acbatôvô và trở về muộn, rằng lão đã ra lệnh cấm ngặt không cho nàng ra khỏi phòng và không để cho một ai được tới nói chuyện với nàng, rằng ngoài ra không thấy có những việc chuẩn bị gì đặc biệt để làm lễ cưới, chỉ thấy ra lệnh cho ông cố đạo là không được ra khỏi làng bất cứ vì lý do gì. Trả lời xong, chị ta đi ra và khóa cửa lại.

Lời người đầy tớ gái làm cho cô thiếu nữ bị giam

cắm vô cùng căm tức, đầu nàng như muốn vỡ ra, máu nàng như muốn sôi lên; nàng quyết định cho Dubrópxki biết hết mọi việc và bắt đầu nghĩ cách bỏ chiếc nhẫn vào hốc cây sồi. Vừa lúc ấy có ai ném một viên sỏi vào cửa sổ nàng, và vào kính đánh “cách” một cái. Maria Kirilópna nhìn ra sân và thấy cậu bé Xasa đang ra hiệu bí mật gọi nàng. Biết là Xasa rất mến mình, Maria Kirilópna mừng lắm. Nàng mở cửa sổ.

- Em Xasa đây à? Em gọi gì chị thế?

- Em đến xem chị có cần gì không. Ba đang giận và cấm cả nhà không cho ai đến gần chị, nhưng chị muốn gì cứ bảo, em làm hộ cho.

- Cám ơn em lắm, em Xasa rất ngoan của chị ạ, em nghe đây, em có biết cây sồi già có cái hốc ở gần nhà bát giác không?

- Em có biết chị ạ.

- Vậy nếu em thương chị, em chạy thật nhanh ra đây và bỏ chiếc nhẫn này vào hốc, nhưng đừng để cho ai trông thấy đấy nhé.

Nói đoạn, nàng ném chiếc nhẫn cho Xasa và đóng cửa sổ lại.

Xasa nhặt chiếc nhẫn lên và cắm cổ chạy thật nhanh, chỉ ba phút sau là đến chỗ cây sồi. Đến đây, nó dừng lại thở hổn hển, nhìn quanh quất một lúc và bỏ chiếc nhẫn vào hốc cây. Làm tròn nhiệm vụ rồi, nó toan chạy về báo với chị, thì bỗng một đứa trẻ mất lác, tóc hung đỏ, ăn mặc rách rưới nấp sau nhà bát

giác, chạy ra thò tay vào hốc cây. Xasa nhanh như một con sóc, nhảy đến chộp lấy đứa trẻ. Nó cất giọng hách dịch hỏi:

- Mày làm gì ở đây?

- Việc gì đến mày? - Đứa trẻ con vừa vùng vẫy vừa đáp.

- Mày đưa ngay chiếc nhẫn đây, đồ tóc hung đỏ, nếu không tao sẽ cho mày biết tay.

Thằng bé không đáp, nó thúc mạnh tay vào mặt Xasa, nhưng Xasa không buông hấn ra và bắt đầu kêu giật giọng:

- Có trộm! Có trộm! Đây, phía này này.

Thằng bé cố vùng chạy, cứ trông bề ngoài thì nó hơn Xasa độ hai tuổi và khỏe hơn nhiều, nhưng Xasa lại nhanh nhẹn hơn. Hai thằng bé vật nhau một lúc và cuối cùng đứa trẻ tóc hung thắng thế. Nó vật ngã Xasa xuống đất và chộp lấy cổ thằng bé.

Nhưng lúc đó, có một bàn tay gân guốc túm lấy bộ tóc hung lờm chờm như bàn chải của thằng bé và người làm vườn Xtêpan nhấc bổng nó lên.

- À, cái thằng tóc hung này, sao mày dám đánh con chúa. Xasa đã có thì giờ đứng dậy và trấn tĩnh lại. Nó nói:

- Mày nắm phải nách tao, chứ không thì tao chả ngà đâu. Giả chiếc nhẫn đây và cút đi.

- Đừng hòng! - Đứa trẻ đáp, và bỗng quấy mạnh

một cái, nó giật đầu tóc ra khỏi nắm tay của Xtêpan. Nó toan bỏ chạy. Nhưng Xasa đã đuổi kịp, xô vào lưng nó làm cho nó ngã nhào ra. Người làm vườn lại tóm lấy nó và lấy thắt lưng trói lại.

- Trả chiếc nhẫn đây! - Xasa thét.

- Cậu đợi một tí, - Xtêpan nói, - ta sẽ mang nó về cho ông ấy trị cho một trận.

Người làm vườn dắt tù nhân vào sân nhà chủ, Xasa thì đi theo, lo lắng nhìn cái quần thụng rách bần của mình. Đột nhiên cả ba thấy mình đứng trước mặt Kirila Pêtrôvích, bấy giờ lão đang ra xem xét chuồng ngựa. Lão hỏi Xtêpan:

- Việc gì thế?

Người làm vườn vẫn tắt kể lại sự việc. Kirila Pêtrôvích chăm chú nghe. Lão quay sang Xasa hỏi:

- Còn mày, đồ quỷ sứ, sao mày lại đi đánh nhau với nó?

- Nó ăn cắp chiếc nhẫn trong cây sồi ba ạ, ba bảo nó giả chiếc nhẫn cho con.

- Nhẫn gì? Trong cây sồi nào?

- Thì chị Maria Kirilốpna bảo con... nhưng mà chiếc nhẫn này... - Xasa đâm hoảng, lúng túng.

Kirila Pêtrôvích cau mày. Lão lắc đầu nói:

- Maria Kirilốpna có dính dáng gì đến việc này. Mày phải thú hết, không thì tao đánh cho một trận nhừ tử.

- Trời ơi, ba ạ, con... ba ạ, chị Maria Kirilópna không sai con làm gì cả ba ạ.

- Xtêpan, mày đi lấy cho tao một cây roi bạch dương thật tươi vào đây...

- Khoan đã ba ạ, để con nói, con xin nói hết. Lúc này con chạy chơi ở ngoài sân, chị Maria Kirilópna mở cửa sổ ra, thế là con chạy lại - và chị ấy vô ý để rơi chiếc nhẫn, thế là con mang giấu vào cây sồi, và... cái thằng này định ăn cắp chiếc nhẫn.

- Chị ấy vô ý đánh rơi, thế là mày mang giấu vào cây sồi... Xtêpan, đi lấy cho tao cây roi, nhanh lên.

- Ba ạ, khoan để con kể hết. Chị Maria Kirilópna sai con chạy đến cây sồi và bỏ chiếc nhẫn vào trong hốc, thế là con chạy đi bỏ chiếc nhẫn - và thằng bé khốn kiếp này...

Kirila Pêtrôvích quay sang thằng bé khốn kiếp và dữ tợn hỏi:

- Mày là người nhà ai?

- Tôi là nông nô của các chúa Đubrôpxki, - thằng bé tóc hung đáp.

Mặt Kirila Pêtrôvích sa sầm lại:

- Mày có vẻ không muốn nhận tao là chúa của mày nhỉ. Được, thế mày làm gì trong vườn của tao?

Thằng bé hết sức điềm nhiên trả lời:

- Tôi hái trộm mấy quả mâm xôi.

- À, ra tớ cũng như chủ. Mèo nào mướn ấy. Nhưng

ở nhà tao thì cây sồi cũng sinh ra quả mâm xôi à?

Thằng bé lặng thinh.

- Bà ạ, ba bảo nó trả chiếc nhẫn đây.

- Thằng Xasa im ngay, mày đừng quên rằng mày còn phải đền tội với tao. Đi vào phòng mà ngồi. Còn mày, thằng lác kia, mày có vẽ lấu cá lăm. Đưa trả chiếc nhẫn đây mà đi về nhà.

Thằng bé chìa tay không, ra điều không có gì cả.

- Nếu mày chịu thú cả, tao sẽ không đánh mày, lại cho thêm năm xu ăn kẹo. Nếu không thì đừng có trách ông. Thế nào?

Thằng bé im lặng và cúi đầu, làm ra vẻ một thằng ngu ngốc thực sự.

- Thôi được, giam nó lại và cẩn thận kéo nó trốn, nếu không tao lột xác cả nhà chúng bay ra.

Xtêpan dẫn đứa trẻ đến chuồng bồ câu, giam nó vào dẫy và bắt mụ chăn gà vịt Agaphia đứng trông. Kirila Pêtrôvich đứng nhìn theo thằng bé, rồi nói:

- Ra huyện gọi cảnh sát trưởng về đây ngay. Mà nhanh lên đấy.

“Bây giờ không còn nghi ngờ gì nữa. Con bé vẫn có liên lạc với thằng Đubrôpxki chết tiệt kia, nhưng chả nhẽ nó lại cầu cứu thằng ấy thật à? - Kirila Pêtrôvich ngẫm nghĩ, đi đi lại lại trong phòng, mồm huýt sáo khe khe “Sấm chiến thắng vang lên”. - Có lẽ lần này thì tìm được dấu vết của hắn, phen này hắn khó lòng

mà thoát. Phải lợi dụng cơ hội này. A, có tiếng nhạc ngựa, đúng là thằng cảnh sát trưởng”.

- Ê, dân thằng bé bị bắt ra đây!

Trong khi đó, chiếc xe ngựa đã vào đến sân, và viên cảnh sát trưởng quen biết của chúng ta đi vào phòng, quần áo lấm tấm bụi đường.

Kirila Pêtrôvích nói:

- Một tin bất hủ: ta đã bắt được Đubrôpxki.

Viên cảnh sát trưởng làm ra vẻ hân hoan nói:

- Bẩm quan lớn, thế thì hay quá, thế hẳn đâu rồi ạ?

- Nghĩa là không phải bắt được chính Đubrôpxki, nhưng bắt được một tên lâu la của hắn. Thằng này sẽ giúp ta tìm manh mối bắt luôn cả thằng chủ tướng. Sẽ cho dẫn hắn đến đây ngay bây giờ.

Viên cảnh sát trưởng tưởng đâu là một tên cướp hung dữ, nên rất ngạc nhiên khi chỉ thấy một thằng bé khoảng mười ba tuổi, trông có vẻ hơi ốm yếu. Hắn ngơ ngác quay sang phía Kirila Pêtrôvích và đợi lão giải thích thêm. Kirila Pêtrôvích bắt đầu kể lại câu chuyện xảy ra hồi sáng, nhưng không nhắc đến Maria Kirilópna.

Viên cảnh sát trưởng chăm chú nghe lão nói, chốc chốc lại nhìn thằng ranh con. Thằng bé làm ra vẻ đần độn và không chú ý gì đến những việc ở chung quanh.

Viên cảnh sát trưởng nói:

- Bẩm quan lớn, xin phép quan lớn được thưa

chuyện riêng. Kirila Pêtrôvích dẫn hắn vào một căn phòng khác và đóng cửa lại.

Nửa giờ sau hai người lại ra phòng khách, nơi tên tù đang đợi người ta định đoạt số phận của nó. Viên cảnh sát trưởng nói:

- Cụ chủ đây muốn bỏ mây vào nhà tù trên huyện, cho lính lọc mây ra đánh, rồi đưa mây đi đây, nhưng tao đã thừa cụ lớn tha cho mây. Cởi trói ra cho nó.

Người nhà cởi trói cho thằng bé.

- Mây cảm ơn cụ chủ đi.

Thằng bé lại gần Kirila Pêtrôvích và hôn tay lão.

Kirila Pêtrôvích nói với nó:

- Đi về nhà đi! Và từ rày đừng có hái trộm mâm xôi ở hốc cây sồi nữa đấy!

Thằng bé đi ra, vui sướng nhảy xuống bậc thềm và cầm cổ chạy ra đồng thẳng một mạch về Kixtênhốpca, không ngoái cổ lại. Chạy đến nơi, nó dừng lại trước một túp nhà gỗ ở đầu làng và giơ tay gõ vào cửa sổ mấy cái. Cửa sổ mở và một bà già thô đầu ra.

- Bà ơi, cho cháu miếng bánh, - thằng bé nói, - cháu từ sáng chả ăn tí gì, đói chết đi được.

- À, mây đầy hở, Michia, chứ mây đi đâu mất mặt thế, đồ quý sứ, - bà già đáp.

- Rồi cháu kể, bây giờ bà cho cháu ăn miếng bánh đã.

- Thế vào đây đã nào!

- Không kịp bà ạ, cháu còn phải chạy đi nơi khác.

Bánh đậu, trời ơi, đưa bánh đây nào!

- Cái đồ ôn con, - bà già làu nhàu, - đây, này cầm lấy một khúc, - và bà già đưa cho nó một khoanh bánh mì đen. Thằng bé hối hả gặm một miếng và vừa nhai vừa chạy biến đi.

Trời bắt đầu xâm xẩm tối, Michia len lỏi qua các vườn rau, các nhà phơi thóc và chạy lên khu rừng Kixtênhốpca, đến một nơi có hai cây thông đứng sừng sững như hai tên lính gác tiền tiêu của khu rừng, nó dừng lại, nhìn quanh một lúc, huýt lên một tiếng chói tai và dứt quăng, rồi lắng tai nghe ngóng, có tiếng huýt khê và kéo dài đáp lại, một người ra khỏi lùm cây và đi về phía nó.

CHƯƠNG XVIII

Kirila Pêtrôvích đi đi lại lại trong phòng khách, mồm huýt sáo khỏe hơn bao giờ hết cái điệu quen thuộc của lão. Cả nhà đều nhộn nhịp hẳn lên - gia nhân chạy đi chạy lại, bọn hầu gái xun xoe sắm sửa, trong nhà xe, người ta đang chuẩn bị thắng ngựa. Ngoài sân, người đứng đông nghịt. Trong phòng trang điểm, trước một tấm gương soi, một bà mệnh phụ có nhiều đầy tớ gái giúp đỡ đang trang điểm cho Maria Kirilópna bấy giờ đứng yên như khúc gỗ, mặt tái ngắt. Dầu nàng mệt mỏi trĩu xuống dưới sức nặng của chiếc mũ dát kim cương; nàng khê giật mình khi một bàn

tay vô ý nào nhờ đưa kim chích phải nang, nhưng nang im lặng, mắt đờ đẫn nhìn vào tấm gương.

Ngoài cửa có tiếng Kirila Pêtrôvích hỏi:

- Sắp xong chưa?

- Xong ngay đây, - bà mệnh phụ đáp, - Maria Kirilópna đứng đây xem nào, thế này đã được chưa?

Maria Kirilópna đứng dậy và lặng thinh. Cửa mở.

Bà mệnh phụ nói với Kirila Pêtrôvích:

- Cô dâu đã sẵn sàng, xin ngài cho lên xe thôi ạ.

- Chúa phù hộ chúng ta, - Kirila Pêtrôvích đáp, và lấy một bức ảnh thánh ở trên bàn, lão cất giọng cảm động nói: - Masa, con lại đây, cha cầu phước cho con...

Người con gái đáng thương sụp xuống dưới chân cha mà khóc nức nở:

- Ba, ba ơi... - nàng lắp bắp, nghẹn ngào không nói được nữa.

Kirila Pêtrôvích hỏi hỏi làm dấu cầu phước cho con - người ta đỡ Masa dậy và vực lên xe. Bà mẹ chủ hôn và một người đầy tớ gái lên xe với nàng. Họ vào nhà thờ. Ở đây chú rể đã đứng đợi sẵn, lão ra cổng đón vị hôn thê và bối rối khi thấy khuôn mặt xanh xao và phong độ khác thường của nàng. Họ cùng đi vào ngôi nhà thờ lạnh lẽo và vắng vẻ. Người ta đóng cửa lại. Lão linh mục từ bàn thờ bước ra và bắt đầu làm lễ. Maria Kirilópna không thấy gì hết, không nghe

gì hết, nàng chỉ nghĩ đến một điều: từ sáng sớm nàng đã đợi Đubrốpski, không một phút nào nàng thôi hy vọng, nhưng khi linh mục quay về phía nàng hỏi những câu thường lệ nàng rùng mình và lặng đi, - nàng vẫn muốn trì hoãn, nàng vẫn đợi. Linh mục không chờ cho nàng đáp lại. Lão đọc lên những lời không bao giờ còn có thể hoán cải được nữa.

Hôn lễ đã xong. Nàng cảm thấy cái hôn giá lạnh của người chồng, nàng nghe những lời chúc tụng vui vẻ của những người đến dự, mà vẫn chưa thể tin được rằng cuộc đời của nàng thế là vĩnh viễn bị giam cầm, chưa thể tin được rằng Đubrốpski không bay đến cứu nàng. Công tước quay sang nói với nàng những lời âu yếm, nhưng nàng không hiểu; họ đi khỏi nhà thờ. Trên thềm, nông dân ở Pôkrôpxcôie đứng đông nghịt, nàng đưa mắt lướt nhanh qua đám đông, và trở lại đờ đẫn như trước. Cô dâu chú rể ngồi lên xe và đi về Acbatôvô. Kirila Pêtrôvích cũng lên xe đi trước về sân đầy để đón họ.

Ngồi một mình trong xe với người vợ trẻ, công tước không chút nao núng trước cái vẻ lãnh đạm của nàng. Lão không bắt nàng phải nghe những lời giải bày về vĩnh hay phải chứng kiến những cơn mừng rỡ lộ bịch. Lời lẽ của lão giản dị và đều không đòi hỏi nàng phải trả lời. Họ đi như thế trong khoảng mười véc-xta, ngựa họ chạy nhanh trên những mô đất của con đường tắt, và nhờ những chiếc díp Anh, chiếc xe hầu như

không lắc một chút nào. Đột nhiên có tiếng quát tháo, chiếc xe dừng lại. Một **tốp** người có khi giới vây quanh lấy xe và một người **bịt** mặt đến mở cửa xe ở phía có công tước phu nhân ngồi. Người đó nói:

- Cô đã được tự do, cô ra đi.

Công tước kêu lên:

- Cái gì thế, mày là ai?

- Đây là Đubrốpxki, - công tước phu nhân nói.

Không mất bình tĩnh, công tước rút một khẩu súng tay đặt bên cạnh và bắn vào người **bịt** mặt. Công tước phu nhân kêu lên một tiếng và kinh hoàng đưa tay lên bưng lấy mặt. Đubrốpxki bị thương ở vai, máu chảy đỏ loang tẩm áo. Không để lỡ một phút, công tước rút ra một khẩu súng khác, nhưng chưa kịp bắn thì cửa xe đã mở tung ra và những nắm tay rắn chắc đã kéo lão ra khỏi xe và giật khẩu súng đi. Những con dao sáng quắc vung lên loang loáng trên đầu lão.

- Đừng chạm vào người ấy, - Đubrốpxki quát; các thủ hạ của chàng lui ra.

Đubrốpxki quay lại phía người con gái mặt tái xanh đang ngồi trong xe nói tiếp:

- Cô đã được tự do.

- Không, muộn rồi, tôi đã làm lễ cưới, tôi là vợ của công tước Vêâyxki.

Đubrốpxki tuyệt vọng kêu lên:

- Cô nói gì vậy? Không, cô không phải là vợ hắn, cô

đã bị ép uống, cô không bao giờ có thể ưng thuận...

Nàng quả quyết trả lời :

- Tôi đã ưng thuận trước bàn thờ Chúa, công tước là chồng tôi, xin anh bảo họ cưới trời cho công tước và để tôi đi với ông ấy. Tôi không hề lừa dối anh. Tôi đã đợi anh đến phút cuối cùng... nhưng bây giờ tôi xin nói với anh rằng đã quá muộn rồi. Anh thả chúng tôi ra.

Nhưng Đubrôpxki không còn nghe nàng nói gì nữa. Vết thương đau buốt và sự xúc động quá mạnh đã làm cho chàng lịm đi. Chàng ngã xuống bên cạnh bánh xe ngựa, toán cướp xúm quanh chủ. Chàng cố sức nói với họ mấy tiếng, họ vực chàng lên ngựa, hai người đỡ chàng, một người nữa dắt cương ngựa, và tất cả bỏ đi, để lại chiếc xe ngựa giữa đường, gia nhân của Vêâyxki vẫn còn bị trói gô lại, nhưng họ không lấy một tí gì và không làm đổ một giọt máu nào để trả thù cho vết thương của chủ tướng.

CHƯƠNG XIX

Giữa một khu rừng rậm rạp, trên một khoảng đất hẹp cây mọc thưa thớt có dựng lên một cái đồn nhỏ bằng đất, có một cái lũy và một cái hào, phía sau có mấy mái nhà lá và mấy túp lều.

Bên ngoài có một toán đông người mà cứ trông cách ăn mặc hỗn tạp và các thứ vũ khí họ mang cũng đủ

đoán biết họ là những tay kẻ cướp. Họ để đầu trần và ngồi ăn uống quanh một cái chảo lớn. Trên lũy, gần khẩu súng thần công nhỏ có một người gác ngồi xếp chân bằng tròn; anh ta đang vá một cái áo, và cầm kim một cách khéo léo, tỏ rằng trước kia anh ta là một người thợ may có kinh nghiệm. Cứ chốc chốc anh ta lại nhìn ra khắp bốn phía.

Mặc dầu cái gáo rượu đã được họ chuyển tay mấy lượt, họ vẫn im lặng một cách khác thường. Ăn xong, họ lần lượt đứng dậy, rồi người thì đọc kinh cầu nguyện, người thì chui vào lều, người thì tản vào rừng hay lăn ra đánh một giấc, theo phong tục Nga.

Người ngồi gác đã vá xong. Anh ta giữ giữ cái áo, ngấm nghĩa chỗ vá, gài kim vào ống tay, ngồi cưỡi lên khẩu súng thần công và cất giọng oang oang hát một bài dân ca cổ buồn bã:

Hãy nín lặng hỡi rừng xanh yêu mến,

Để cho ta, chàng tráng sĩ, trầm tư...

Vừa lúc đó, cánh cửa một túp nhà lá mở ra, và một bà già đội mũ vải trắng, ăn mặc sạch sẽ và có vẻ hơi cầu kỳ, hiện ra trong khung cửa, bà già giận dữ nói:

- Có im đi không, Xtêpan. Chủ thì nằm nghỉ mà anh thì cứ gào tướng lên, anh thật chẳng có lương tâm, chẳng có lòng thương người gì hết.

- Tôi xin lỗi, Êgôrôpna ạ, - Xtêpan đáp, - thôi chả hát nữa, chủ nhân cứ việc ngủ yên cho chóng khỏi.

U già đi vào và Xtêpan bắt đầu đi đi lại lại trên lũy.

Trong túp nhà lá có u già vừa đi ra lúc nãy, sau một tấm liếp, Đubrôpxki bị thương nằm trên một cái chông. Trước mặt chàng, trên một cái bàn có đặt mấy khẩu súng tay, còn thanh kiếm của chàng treo trên đầu giường. Sàn và vách của túp nhà lá có trải những tấm thảm sang trọng và trong góc có một bộ dụng cụ trang điểm của phụ nữ bằng bạc, và một tấm gương. Đubrôpxki cầm một quyển sách mở, nhưng mắt chàng nhắm nghiền, và u già lúc ấy đang quan sát chàng qua tấm liếp, không thể biết là chàng đã ngủ hay chỉ là đang nghĩ ngợi liên miên.

Bỗng Đubrôpxki giật mình: trong đồn có hiệu lệnh báo động và Xtêpan chạy đến thò đầu vào cửa sổ. Anh ta thét:

- Cậu ơi! Vlađimira Andrêevích! Người của ta báo hiệu là có người đến đây.

Đubrôpxki nhảy xuống giường vợ lấy vũ khí và ra khỏi nhà. Những tay kẻ cướp đang ồn ào ở ngoài sân thấy chàng thì im bật. Đubrôpxki hỏi:

- Tất cả có mặt ở đây chưa?

- Thưa đủ cả đấy ạ, trừ mấy người canh bên ngoài.

Đubrôpxki quát:

- Về chỗ!

Mọi người chạy về vị trí chiến đấu đã định.

Vừa lúc ấy ba người gác chạy về cửa đồn. Đubrôpxki

ra đón họ, chàng hỏi:

- Việc gì thế?

- Quân lính đã vào đến rừng, chúng ta bị vây rồi!

Dubrôpxki ra lệnh đóng chặt các cổng lại, và thân hành đến xem khẩu súng thần công. Trong rừng có tiếng người nói, ngày càng gần. Toán cướp im lặng chờ. Bỗng nhiên ba bốn người lính trong rừng đi ra, và lập tức lùi lại nổ súng để báo hiệu cho đồng đội.

- Chuẩn bị chiến đấu! - Dubrôpxki hô lớn, và trong hàng ngũ quân cướp có tiếng lịch kích một lúc, rồi tất cả lại im lặng.

Lúc đó, đã có tiếng quân lính tiến đến rầm rập, vũ khí đã lấp lánh sau rặng cây và chừng một trăm rưỡi bộ binh xông ra khỏi rừng, vừa hô xung phong vừa xông lên đánh đồn.

Dubrôpxki châm ngòi - phát súng thần công rất trúng đích, một tên lính bị mất đầu, hai tên khác bị thương. Trong hàng ngũ quân lính có vẻ nao núng, nhưng viên sĩ quan xông lên, quân lính ủa theo và chạy xuống hào, toán cướp dùng súng trường và súng tay bắn vào quân lính và lăm lăm cầm rìu để bảo vệ lũy, vì lúc đó những tên lính hăng máu đã bắt đầu trèo lên, để lại dưới hào đến hai mươi tên bị thương. Một trận giáp lá cà bắt đầu. Quân lính đã trèo được lên lũy, toán cướp bắt đầu lùi, nhưng vừa lúc ấy, Dubrôpxki giáng súng vào ngực viên sĩ quan và bóp cò.

Hắn ngã nhào xuống. Mấy tên lính vội vàng xóc nách khiêng viên sĩ quan vào rừng, những tên khác thấy mất người chỉ huy, liền ngừng lại. Toán cướp phần khởi quay lại đánh tới tấp và lừa họ xuống hồ. Họ bỏ chạy, toán cướp reo hò đuổi theo. Trận thắng đã rõ. Đubrôpxki biết chắc rằng quân địch đã hoàn toàn bại trận, ra lệnh dừng lại. Sau khi đã thu lượm những người bị thương, tăng cường canh phòng và cấm không ai được vắng mặt, Đubrôpxki và đồng đảng vào đồn đóng chặt cổng lại.

Các biến cố vừa rồi làm cho chính phủ phải chú ý đặc biệt đến những hành động táo bạo của đảng cướp. Người tra thu thập tài liệu về sào huyệt của Đubrôpxki. Một đại đội bộ binh được phái đến bắt sống hoặc giết chết Đubrôpxki cho kỳ được. Họ bắt được vài người trong toán cướp, và những người này cho biết rằng Đubrôpxki không ở với họ nữa.

Mấy ngày sau...*, Đubrôpxki đã tập hợp tất cả đồng đảng lại, nói với họ rằng chàng có ý định vĩnh biệt họ và khuyên họ thay đổi cách sinh sống.

- Dưới sự chỉ huy của tôi, các anh đã trở nên giàu có. Mọi người đều đã có đủ giấy tờ tùy thân để có thể đến một nơi nào thật xa mà làm ăn lương thiện và sống phong lưu cho đến già. Nhưng mà các anh toàn

* Tiếp đó trong bản thảo có một đoạn bỏ trống.

là những tay đầu trộm đuôi cướp cả và có lẽ các anh cũng chẳng muốn bỏ cái nghề này.

Nói đoạn, Đubrốp xki từ biệt tất cả, chỉ đem theo một người là X. Không ai biết chàng đi đâu, lúc đầu người ta còn nghi ngờ những lời khai trên đây, vì ai cũng biết rằng tất cả toán cướp đều hết lòng quý mến chủ tướng của họ. Người ta cho rằng họ muốn nói dối để cứu chủ tướng, nhưng những sự kiện về sau xác nhận là những điều họ nói đều đúng. Những cuộc đột nhập kinh khủng, những vụ đốt nhà và cướp của ngừng hẳn, các tuyến đường đều được yên tĩnh. Theo một vài nguồn tin khác thì Đubrốp xki đã trốn ra nước ngoài.

1833

Cao Xuân Hạo dịch



CON ĐÀM PÍCH

Con đăm pích có nghĩa là điều thủ địch ngầm ngầm.

Sách bồi toàn mới nhất.

I

Còn vào những ngày mưa gió xấu trời
Họ thường tụ họp;
Tặng gấp đôi số tiền đặt cọc
Từ năm mươi
Lên đến một trăm,
Và họ được thua.
Lấy phần chép ghi như vậy đó,
Công việc họ làm là như thế.¹

Hôm ấy có đám bạc ở nhà Narumóp, trung úy trong đội kỵ mã cận vệ. Một đêm đông dài đã trôi qua mà không một người nào để ý đến, và khi dọn bữa ăn khuya ra, thì đã năm giờ sáng rồi. Kể được bạc thì vào bàn ăn rất ngon miệng, những người khác thì thần thờ ngồi nhìn bát đĩa đã cạn thức ăn. Nhưng rồi rượu sâm-banh dọn ra, chuyện lại nổ ran, ai cũng lên tiếng góp vào. Chủ nhân hỏi một người bạn:

- Xurin, hôm nay anh có đánh chác gì không?

- Cũng như mọi khi thôi, tôi lại thua. Thực, tôi đen quá. Tôi chơi “*mia-răng-dôn*”², không bao giờ tôi nóng

mặt, không bao giờ tôi rớt trí, ấy thế mà tôi cứ thua hoài!

- Thế nào, suốt cả đêm, anh không thử đặt tiền vào bên đó một lần nào à?... Thực tôi cũng phục cái gan lì của anh đấy.

Một tân khách chỉ một sĩ quan công binh trẻ tuổi nói:

- Các anh thấy Gherman thế nào? Suốt đời, cậu ta chưa hề cầm một quân bài, chưa hề chơi một ván bài, thế mà chịu khó ngồi xem bọn mình đánh đến năm giờ sáng.

Gherman nói:

- Tôi cũng thích đánh bạc, nhưng tôi không phải là người máu mê đến nỗi mang những đồng tiền cần dùng ra để liều lĩnh mong vợ được những đồng tiền thừa vô ích...

Tôm-xki nhận xét:

- Gherman là người Đức, anh ta tính chi li, thế thôi. Nhưng bà tôi mới thật là một con người khó hiểu: tôi muốn nói bá tước phu nhân Anna Phêđôtopna ấy mà.

Tân khách đều thốt lên hỏi:

- Làm sao? Thế nào?

Tôm-xki tiếp:

- Tôi không thể hiểu tại sao bà tôi lại không bao giờ đánh bài.

Narumốp nói:

- Một bà cụ tám mươi tuổi mà không đánh bài, thì

có gì là lạ!

- Thế các anh không biết gì về chuyện bà tôi cả hay sao?

- Không! Quả là chả biết gì cả.

- Ô, thế thì để tôi kể cho mà nghe. Cách đây khoảng sáu mươi năm, bà tôi có đi Pari, và hồi đó tiếng tăm bà tôi đã vang dậy cả một thời ở đấy. Người ta chạy theo bà tôi để xem mặt *la Vénusmoscovite**. Risliô phải lòng bà tôi, và bà tôi quả quyết rằng chỉ một chút xíu nữa thì hẳn phải nổ súng vào óc mà tự tử vì bị bà tôi nghiệt ngã quá.

Thời ấy, phụ nữ thường hay đánh bài Pha-ra-ông. Có lần, trong một canh bạc ở Hoàng cung, bà tôi thua công tước Oóclêăng và nợ miêng mất một số tiền rất lớn. Về đến nhà, bà tôi vừa tháo bỏ các nốt ruồi giả, cởi các váy xòe, vừa nói với ông tôi rằng mình vừa bị thua bạc và xin tiền trả nợ.

Nếu tôi không nhớ nhầm, thì hồi sinh thời, ông tôi chỉ là một thứ quản gia cho vợ mà thôi. Ông tôi vốn sợ bà tôi như sợ lửa, nhưng nghe đến số tiền bà tôi thua, ông tôi cũng phát khùng lên, lập tức đem sổ sách ra tính cho bà tôi thấy rằng trong sáu tháng, bà tôi đã phung phí mất nửa triệu bạc, rằng ở Pari chẳng làm gì có những lợi tức đất cát như ở nhà, trong những

* Thần vệ nữ Mátxcơva (tiếng Pháp).

quận hạt Mátxcơva và Xaratốp đầu, và thế là ông tôi nhất định không chịu xuất số tiền nợ. Bà tôi tát ông tôi một cái, rồi đêm hôm ấy ngủ riêng giường để tỏ rõ cái phần nợ của mình.

Hôm sau bà tôi lại cho gọi ông tôi đến, hy vọng rằng cái hình phạt gia đình vừa rồi có hiệu quả gì chăng, nhưng ông tôi vẫn một mực không lay chuyển. Thế là lần đầu tiên trong đời, bà tôi chịu hạ mình xuống để bàn bạc và giảng giải cho ông tôi nghe. Bà tôi cố cắt nghĩa cho ông tôi hiểu rằng không phải món nợ nào cũng giống món nợ nào, và đối xử với một vị vương công mà như với một thằng đánh xe như thế thì còn gì là thể diện nữa. Nhưng ông tôi đã từ chối: “Đã bảo không là không, thế thôi!” Bà tôi không còn biết ăn nói làm sao được nữa.

May sao hồi ấy, bà tôi lại quen một người rất lỗi lạc. Chắc các anh cũng đã có nghe nói đến bá tước Xanh-Giécmanh³ là người mà hồi đó người ta gán cho biết bao nhiêu chuyện kỳ lạ. Ông ta tự xưng mình là một tu sĩ, là kẻ đã phát minh ra nước phép trường sinh và hòn đá luyện vàng. Người ta cười nhạo ông ta là một lão lang bịp, còn Cadanôva⁴ thì có viết trong tập Hồi ký, rằng ông ta là một tên gián điệp. Nhưng, mặc dầu trong đời Xanh- Giécmanh có những điều bí ẩn như vậy, tưởng mạo ông ta vẫn rất đường hoàng bề bề, và trong khi giao thiệp, ông ta tỏ ra là rất lịch duyệt hoà nhã. Ngay đến tận bây giờ, bà tôi đối với

ông ta vẫn còn giữ được một cảm tình sâu sắc, hề nghe ai nói đến ông ta một cách vô lễ là bà tôi nổi giận lên ngay. Bà tôi biết rằng bá tước sẵn có rất nhiều tiền. Bà tôi liền quyết định cầu cứu bá tước. Bà bèn biết cho ông ta một phong thư, mời ông ta đến nhà ngay.

Cái lão gàn dở đó quả nhiên đến ngay và thấy bà tôi đáng buồn rầu vô hạn. Bà tôi dùng những màu sắc hết sức thê lương ảm đạm miêu tả cho ông ta nghe sự tàn nhẫn dã man của chồng, và cuối cùng nói rằng chỉ còn hy vọng trông vào tình bằng hữu và lòng tốt hay giúp người của ông ta nữa mà thôi. Xanh-Giécmánh suy nghĩ một lát, rồi nói:

- Thưa phu nhân, tôi rất sẵn sàng ứng ra số tiền mà phu nhân cần dùng, nhưng tôi biết rằng một khi mà phu nhân chưa hoàn lại được số tiền đó thì phu nhân sẽ cứ thắc mắc không yên tâm. Mà tôi thì tôi không muốn để phu nhân phải mang thêm một nỗi lo âu như vậy. Tôi có một cách khác: phu nhân có thể đánh gở lại số tiền đó...

- Nhưng thưa bá tước thân mến, tôi đã có thưa chuyện với ngài rằng tôi không còn một xu nhỏ nào nữa.

Xanh-Giécmánh tiếp lời:

- Phu nhân không cần đến tiền. Chỉ xin phu nhân hãy nghe tôi.

Thế rồi ông ta, truyền cho bà tôi một bí quyết, mà tôi chắc chúng ta đây, ai cũng sẵn sàng mua bằng một giá rất đắt...

Tất cả các sĩ quan trẻ tuổi đều lắng tai nghe hết sức chăm chú. Tômxki ngừng lại để châm lửa lên tẩu thuốc, rít một hơi dài, rồi mới kể tiếp.

- Ngay đêm hôm đó, bà tôi đến Vécxây, *au jeu de la Reine*^{*}. Công tước Oóc-lê-ăng lại cầm cái. Bà tôi xin lỗi qua loa rằng nay chưa đem tiền đến trả nợ được, rồi ngồi vào đặt tiền cửa. Bà tôi chọn ba lá bài: lá thứ nhất được, bà tôi đặt tiền gấp đôi vào lá thứ hai, lại được, lại đặt gấp đôi vào lá thứ ba. Rút cục, bà tôi gỡ lại được toàn bộ số tiền đã thua.

Một trong những sĩ quan trẻ tuổi nói:

- Chỉ là gặp may thôi!

Gherman nhận xét:

- Chuyện bịa.

Một người thứ ba tiếp lời:

- Có thể bài có dấu chăng?

Tômxki nghiêm trang trả lời:

- Tôi không tin là có dấu.

Narumốp nói lớn:

- Thế nào, bà cậu biết ba lá bài ăn tiền, thế mà cậu còn chưa biết xin bà cụ truyền bí quyết lại cho à?

Tômxki đáp:

- Ô! Chính việc kỳ quái là ở chỗ ấy đấy. Bà tôi có bốn người con trai, mà cha tôi là một. Cả bốn người đều là những tay máu mê cờ bạc cả, ấy thế mà không

* Đến phòng đánh bạc của Hoàng hậu (*tiếng Pháp*).

một người nào có thể moi được của bà tôi cái điều bí mật đó. Ô, giá mà biết được thì có phải cả cha tôi, các chú tôi, lẫn tôi nữa đã sung sướng biết chừng nào? Nhưng mà này, các anh hãy nghe tôi kể lại lời của chú tôi, bá tước Ivan Ilích, ông đã lấy danh dự mà nói với tôi như thế này: lúc sinh thời ông Tsáplítxki, người đã chết trong cảnh bần hàn sau khi đã vung phí hàng triệu bạc, ngày còn trẻ có lần đã từng thua bạc (tôi nhớ đâu là thua Dôrich⁵ thì phải) đến ba mươi vạn rúp. Ông ta tuyệt vọng. Bà tôi xưa nay vốn rất nghiêm khắc đối với những lối chơi bạc mạng của thanh niên, lần ấy không biết làm sao lại rủ lòng thương hại Tsáplítxki: bà tôi truyền cho ông ta biết ba lá bài, lá nào đánh trước lá nào đánh sau, và bắt ông ta phải thề là sau đó suốt đời không được đánh bạc nữa. Tức khắc Tsáplítxki đi tìm Dôrich để xin gỡ. Lá bài thứ nhất ông ta đặt cửa năm mươi ngàn rúp. Được, ông ta đặt cửa gấp đôi. Kết cục với ba lá bài đó, ông ta gỡ được số tiền đã thua mà lại còn được thêm nữa là đằng khác...

Nhưng đến giờ đi ngủ rồi đấy, đã sáu giờ kém mười lăm rồi.

Quả nhiên trời đã hửng sáng. Ai nấy cạn chén, rồi mọi người từ biệt nhau ra về.



II

- *Il paraît que monsieur est
décidément pour les suivantes.*
- *Que voulez-vous, madame?*
*Elles sont plus fraîches**
- Đàm thoại giới thượng lưu.*

Lão bá tước phu nhân ngồi trước gương trong buồng trang điểm. Ba chị hầu phòng đứng quanh bà: một người cầm một bình phấn hồng, người thứ hai một hộp đánh ghim, người thứ ba cầm một cái mũ chụp rất to thêu đăng-tên, có những dải đỏ như màu lửa. Bá tước phu nhân không hề may mắn có một ảo tưởng gì về sắc đẹp đã tàn tạ từ lâu của mình, nhưng bà vẫn giữ những thói quen ngày còn trẻ, phục sức theo thời trang khoảng những năm bảy mươi và ăn mặc trang điểm một cách cẩn thận tỉ mỉ, mất nhiều thời giờ như sáu mươi năm về trước vậy. Một cô tiểu thư, con nuôi của bà, đang ngồi thêu bên khung cửa sổ.

Một sỹ quan trẻ tuổi bước vào căn phòng, lên tiếng:

- Cháu xin chào *grand' maman*^{**}. *Bonjour, mademoiselle Lise*^{***}. *Grand' maman*, cháu muốn đến

* Hình như ông nhất quyết ưa bọn hầu gái hơn.

- Thưa bà, biết làm sao được ? Chúng tươi hơn (*tiếng Pháp*)^e.

** Bà (*tiếng Pháp*).

*** Chào cô Lida (*tiếng Pháp*).

khẩn cầu bà một việc.

- Việc gì thế cháu. *Paul?**

- Bà cho phép cháu giới thiệu với bà một người bạn của cháu và xin bà cho phép cháu được đưa anh ta đến dự buổi khiêu vũ của bà vào thứ sáu sắp tới.

- Cháu cứ dẫn anh ta đến dự buổi khiêu vũ của bà, rồi cháu sẽ giới thiệu anh ta với bà ở đấy cũng được. Hôm qua cháu có đến thăm tiểu thư N. không?

- Có chứ ạ! Vui quá! Khiêu vũ mãi đến năm giờ sáng. Tiểu thư Êlétxkaia đẹp thật!

- Này, cháu ạ, cô ấy thì có gì là đẹp. So với công tước phu nhân Đaria Pêtrốpna, bà nội cô ta, thì có thấm vào đâu? À, nhưng mà này, có lẽ bây giờ công tước phu nhân Đaria Pêtrốpna đã cũng già lắm rồi đấy nhỉ?

Tôm-xki lơ đễnh trả lời:

- Thế nào, già hả bà? Thưa bà ấy chết đã bảy năm nay rồi ạ.

Cô tiểu thư ngẩng đầu lên và ra hiệu cho người sĩ quan trẻ tuổi. Anh chợt nhớ ra rằng ở đây đã có lệnh phải giấu không cho bá tước phu nhân biết tin những người cùng lứa tuổi với bà đã chết. Anh ta liền mím môi lại, nhưng thật ra thì phu nhân lại rất bình thản khi biết cái tin đối với bà là mới mẻ. Bà nói:

- Chết rồi à, ừ thế mà bà không biết đấy. Ngày trước

* Pôn (*tiếng Pháp*).

bà ta với bà cùng được cử làm ngự tiền phu nhân và lúc vào ra mắt, thì hoàng hậu...

Đến đây lão bá tước phu nhân kể lại đến lần thứ một trăm một câu chuyện trong thời thanh xuân của bà. Kể đến đoạn cuối bà gọi:

- *Paul*, cháu đỡ bà đứng dậy. Lida, hộp thuốc lá của tao đâu?

Rồi bá tước phu nhân cùng với ba chị hầu phòng đi ra phía sau tấm bình phong để trang điểm nốt cho xong. Còn một mình Tômxki ngồi đối diện với cô tiểu thư.

Lidavêta Ivanópna cất tiếng hỏi khẽ:

- Công tử định giới thiệu ai với phu nhân thế?
- Narumóp. Cô biết anh ta à?
- Không. Quan võ hay quan văn?
- Quan võ.
- Sĩ quan công binh à?
- Không, kỵ binh. Tại sao cô lại cho rằng anh ta là sĩ quan công binh?

Cô tiểu thư cười, không đáp. Bá tước phu nhân từ đằng sau tấm bình phong gọi vọng ra:

- *Paul*, cháu gửi cho bà một cuốn tiểu thuyết mới nhé, cuốn nào cũng được, nhưng mà đừng gửi loại tiểu thuyết thời bây giờ, nghe không?

- Thưa *grand' maman*, thế là thế nào cơ ạ?

- Nghĩa là truyện nào trong đó nhân vật chính không bóp cổ cha cổ mẹ, với lại không có người chết đuối ấy. Bà sợ nhất là những người chết đuối.

- Bây giờ thì kiểm đầu ra được loại tiểu thuyết ấy. Bà không thích đọc tiểu thuyết Nga sao ạ?

- A! Lại có cả tiểu thuyết Nga nữa kia à? Thế thì cháu gửi cho bà một cuốn nhé. Đừng quên đấy.

- Được ạ. Thôi cháu xin *grand' maman* thứ lỗi, cháu vội lắm. Chào cô Lidavêta Ivanốpna^{*}. Tại sao cô lại cho rằng Narumóp phải là sĩ quan công binh nhỉ?

Và Tôm-xki bước ra khỏi phòng trang điểm.

Lidavêta Ivanốpna ngồi lại một mình: nàng bỏ tấm khăn thêu xuống và bắt đầu nhìn ra cửa sổ. Một lát sau, từ phía sau một nhà lán giếng ở góc phố một chàng sĩ quan trẻ tuổi hiện ra phía bên kia đường. Má cô tiểu thư ửng hồng. Cô lại cầm tấm khăn lên thêu thùa, đầu cúi gằm xuống sát bức thêu. Cũng vừa lúc đó, bá tước phu nhân đã trang điểm xong lại trở vào phòng. Bà truyền:

- Lida, bảo thắng ngựa vào xe đi. Ta đi dạo chơi một vòng.

Lidavêta Ivanốpna đứng dậy xếp gọn đồ thêu lại.

- Thế nào, cái con bé này, mây điếc hay sao? Đi bảo chúng nó thắng ngựa vào xe ngay tức khắc cho ta.

Cô tiểu thư vội đáp:

- Con đi ngay đây ạ - Rồi cô chạy ra phòng ngoài.

Một gia nhân vào, mang theo mấy cuốn sách của công tước Paven Alếchxandrôvích gửi lại.

* Tức là Lida.

- Cảm ơn lắm lắm. Lida! Lida! Chạy đi đâu thế?
- Thưa, con định đi thay áo ạ!
- Không vội đâu, cô ạ! Ngồi xuống đây, lấy quyển thứ nhất đọc to lên cho ta nghe...

Cô tiểu thư cầm cuốn sách lên đọc một vài dòng.

- Đọc to lên, cô làm sao thế? Cô khản tiếng à? Yên hẵng, xích cái ghế dài lại gần đây... gần nữa... được!

Lidavêta Ivanốpna đọc thêm hai trang nữa; bá tước phu nhân ngáp dài.

- Quảng cái quyển sách ấy đi. Thật là một mớ giấy lộn. Gửi trả lại công tước Paven Aléxhândrôvich và nói ta cảm ơn lắm lắm. Thế xe ngựa thế nào?

Lidavêta Ivanốpna vừa nhìn ra cửa sổ, vừa trả lời:

- Thưa, xe đã chờ sẵn kia rồi ạ.

- Này, thế cô chưa đi thay áo à? Bao giờ cũng cứ phải chờ cô thế này à? Thật không thể nào chịu nổi.

Lida chạy về buồng riêng. Cô mới vào buồng chưa đầy hai phút, bá tước phu nhân đã lại rung chuông gọi ầm cả lên. Ba chị nữ tỳ từ một cửa chạy vào, một anh hầu phòng cũng vào từ một cửa khác. Bá tước phu nhân la lên:

- Sao gọi mãi không thưa là thế nào hả? Đi gọi cô Lidavêta Ivanốpna, bảo là tao đang phải đợi cô ấy đấy.

Vừa lúc đó Lida mình vận một cái áo khoác, đầu đội mũ bước vào phòng. Bá tước phu nhân day nghiêng:

- May quá, cô đã đến! Nhưng mà cô ăn mặc cái kiểu

gì thế này? Để làm gì thế?... Cô định chài ai vậy? Cô thử xem giờ đất hôm nay ra làm sao? Cô không thấy giờ nổi gió đây à?

Anh hầu phòng bẩm:

- Thưa cụ lớn, không ạ. Hôm nay trời dịu lắm ạ.

- Mà thì bao giờ cũng nói liều. Mở cái cửa sổ con trên kia ra. Đây, tao nói có sai đâu... Gió lạnh ghê người lên được ấy! Bảo chúng nó tháo ngựa ra, Lida, hôm nay không đi chơi nữa. Trang điểm cho đẹp thế mà làm gì, vô ích, con ạ.

“Cuộc sống của ta đây!” - Lidavêta Ivanópna trầm nghĩ.

Thật thế, Lidavêta Ivanópna quả là một kẻ bất hạnh vô cùng. Dẫu có nói rằng miếng cơm nhà người nuốt vào đắng miệng, ngưỡng cửa nhà người cao quá khó trèo qua⁷. Nhưng có ai biết rõ nỗi tủ nhục của cảnh sống lệ thuộc hơn mà một cô thiếu nữ đáng thương phải ở làm con nuôi một bà già quyền quý? Thực ra, bá tước phu nhân cũng không phải là một con người độc ác, nhưng bà lại có thói hay dở chứng của một người đàn bà được xã hội nuông chiều. Bà biến lặn, ích kỷ một cách lạnh lùng như tất cả những người đã hết thời, xa lạ đối với cuộc sống hiện tại. Bà tham dự vào tất cả những cuộc vui của giới thượng lưu, la cà ở khắp các nơi khiêu vũ. Phấn sáp ngồn ngộn, ăn mặc theo kiểu cổ xưa, bà đến đây, ngồi ở một góc phòng, hình như để làm một thứ ngáo ộp, một thứ trang trí quái gở của phòng khiêu vũ. Người

nào, khi mới bước vào phòng, cũng đến cúi rạp xuống chào bà, nhưng xong cái thủ tục ấy rồi thì không một người nào đến nói với bà lấy nửa lời nữa. Ở nhà bà, bà tiếp tất cả thành phố, giữ lễ nghi một cách hết sức chặt chẽ, nhưng chẳng biết mặt người nào cả. Bà có vô số những người hầu hạ; họ đều là những kẻ đã phì nộn, đã bạc đầu ra trong các phòng ngoài, phòng trong nhà bà. Đám gia nhân đó tha hồ muốn làm gì thì làm, ra sức ăn bớt, ăn xén của bà già đã gần kề miệng lỗ. Cuộc đời của Lidavêta Ivanốpna là một chuỗi cực hình cứ tiếp diễn ngày này qua ngày khác. Cô hầu trà, thì bị mắng là phí phạm đường. Cô đọc tiểu thuyết cho bá tước phu nhân nghe thì bị đổ lên đầu tất cả những cái ngu ngốc của tác giả. Cô đi theo hầu bà trong khi dạo chơi, thì cô phải chịu trách nhiệm về nỗi đường sá gập ghềnh và thời tiết khó chịu. Người ta định cho cô một số lương, nhưng không bao giờ trả đủ số lương đó, thế mà người ta bắt buộc cô phải may mặc như “tất cả mọi người”, nghĩa là như ít người có thể được. Trong xã hội thượng lưu cô đóng một vai trò hết sức thảm hại. Ai cũng biết cô, nhưng không ai để ý đến cô cả. Trong các cuộc khiêu vũ, cô chỉ được nháy khi nào người ta thiếu một người *vis-à-vis**. Các bà đến khéo tay cô và dắt cô ra khỏi phòng khách, khi nào họ cần phải nhờ cô sửa lại một chỗ nào đó trên phục trang của họ. Cô có tự ái và cảm thấy sâu sắc tình

* Những đứng đôi diện (*tiếng Pháp*).

cảnh hèn kém của mình. Cô nóng lòng chờ đợi một chàng quân tử đến giải thoát cho cô. Nhưng, các chàng trai trẻ, mặc dù trong những lúc bông lông vẫn không phút nào quên tính toán: họ không hề chú ý tới Lidavêta Ivanópna, mặc dù nàng còn xinh đẹp gấp trăm lần những tiểu thư trơ trẽn và nhạt nhẽo mà các chàng vẫn lượn quanh. Đã bao lần, nàng lén ra khỏi căn phòng khách lộng lẫy và tẻ ngắt, trở về khóc trong căn buồng tồi tàn của mình, trong có bày một tấm bình phong cũ kỹ dán giấy hoa, kê một cái tủ đựng quần áo, một chiếc gương nhỏ, và một cái giường gỗ sơn với cây nến mỡ lợn cháy leo lét trên chiếc đế đồng!

Có một lần (hôm ấy là hai ngày sau canh bạc đêm ở nhà Narumốp, và một tuần lễ trước cái cảnh mà chúng tôi mới phác hoạ ở trên) vào buổi sáng, Lida đang ngồi thêu ở trước cửa sổ, chợt ngẩng đầu lên lơ đãng nhìn ra ngoài phố, thì thấy một sĩ quan công binh đang đứng ngây người nhìn về phía khung cửa nàng ngồi. Cô cúi đầu và lại tiếp tục thêu thùa một cách chăm chú hơn. Khoảng năm phút sau, cô lại nhìn ra phố, thì thấy viên sĩ quan vẫn đứng ở chỗ cũ. Vốn không quen với những thói lẳng lơ đưa đẩy cùng những chàng sĩ quan lảng cháng trước cửa, cô lặng ngồi gằn trợn hai tiếng đồng hồ, mắt không dám rời khỏi khung thêu, cho đến khi người nhà lên mời cô đi dùng bữa chiều. Lúc ấy cô đứng dậy để xếp dọn đồ đạc, và tình cờ nhìn ra phố, cô vẫn thấy viên sĩ quan

đứng nguyên ở chỗ cũ. Cô thấy việc này có điều hơi lạ. Sau bữa cơm chiều cô lại tới gần bên cửa sổ, có phần xao xuyến, nhưng ngoài phố không thấy bóng viên sĩ quan đâu nữa và cô cũng quên bằng người ấy đi.

Hai ngày sau, sắp sửa bước chân lên xe ngựa với bá tước phu nhân, cô lại thấy người đó đứng sừng sững trước cửa; nửa mặt dưới che khuất sau cái cổ áo lông, đôi mắt đen sáng ngời long lanh dưới vành mũ. Lida bỗng dưng không hiểu sao thấy nao nao sợ hãi, cô bước vội vào trong xe ngồi, người vẫn còn run.

Khi trở về nhà, cô lại chạy ra cửa sổ, trông ngực đập rộn ràng; người sĩ quan đã lại đứng ở chỗ mọi ngày, đôi mắt như hai hòn than rừng rực, nhìn cô không chớp. Cô vội lùi vào, nhưng trong lòng thắc mắc như hun đốt, cả tâm hồn tràn ngập một cảm xúc dị kỳ mà cô chưa hề bao giờ biết.

Từ hôm đó trở đi, không có ngày nào người sĩ quan trẻ tuổi kia không có mặt dưới cửa sổ của cô. Chẳng bao lâu giữa cô và người đó, một mối cảm thông thầm lặng đã bắt đầu. Ngồi vào khung thêu, cô cảm thấy rằng người kia đã ở đó; cô ngẩng đầu lên và mỗi ngày lại nhìn người ấy lâu hơn hôm qua. Anh chàng tỏ ra cảm kích vô cùng đối với cái ân huệ ấy. Mỗi một lần hôn mắt gặp nhau, với cái nhìn sắc bén của tuổi trẻ, cô lại bắt chợt đôi má trắng xinh của người sĩ quan ửng hồng. Sau một tuần lễ, cô đã gửi cho anh ta một nụ cười...

Cho đến khi Tômxki đến xin phép bá tước phu nhân để giới thiệu một người bạn, thì trái tim của người con gái đáng thương đó đã đập rộn rã biết chừng nào. Nhưng khi cô biết rằng Narumóp không phải là sĩ quan công binh, mà là sĩ quan kỵ binh, cô lại xót xa hối hận, giận mình đã chót hỏi một câu hớ hênh để lộ điều thầm kín nhất của lòng mình với một người thiếu chín chắn như Tômxki.

Gherman là một con người Đức tới lập nghiệp ở Nga. Cha anh đã để lại cho anh một cái vốn nhỏ. Cương quyết muốn giữ cho đời mình không phải phụ thuộc vào ai, anh đã tự nghiêm cấm mình không bao giờ được đụng đến những hoa lợi đó, chỉ sống bằng đồng lương của mình, và không bao giờ dung túng cho mình một điều ngông cuồng nào dù rất nhỏ. Anh ta rất ít cởi mở, có nhiều tham vọng, và điều đó khiến cho bạn hữu khó kiếm được dịp mà châm chọc tính tàn tiện quá đáng của anh. Dưới một bề ngoài bình tĩnh, anh ta giấu bên trong những thèm muốn hung bạo, một trí tưởng tượng hừng hực như lửa đốt, nhưng lúc nào anh ta cũng làm chủ được mình và đã tránh khỏi được những phút sai lầm thường tình của tuổi trẻ. Cho nên, tuy vốn sẵn cái máu mê cờ bạc trong huyết mạch, không bao giờ anh sờ đến một quân bài, vì anh hiểu rằng, (và anh cũng đã nói ra mồm) hoàn cảnh của anh không cho phép anh được *mang những đồng tiền cần dùng ra để liều lĩnh mong vợ được những đồng tiền thừa vô ích*; ấy thế mà anh đã thức nhiều

đêm đến sáng, ngồi trước chiếu bạc, đầu óc bưng bưng như lên cơn sốt, trong khi theo dõi những cục diện đỏ đen thay đổi nhanh chóng trong canh bạc.

Câu chuyện ba con bài của bá tước Xanh-Giéc manh đã đập vào trí tưởng tượng của anh rất mạnh, và suốt đêm, đầu óc anh chỉ quanh quẩn nghĩ đến chuyện ấy; chiều tối hôm sau, trong khi đi dạo chơi trên những đường phố của thành Pêterburg, anh lại nghĩ vẩn vơ: “Giá bà bá tước già ấy truyền cho ta cái bí quyết kia nhì! Giá bà ấy vui lòng chỉ bảo cho ta ba con bài ăn tiền ấy nhì! Việc gì không thử cầu may một chuyến xem sao. Ta phải tìm cách để được giới thiệu với bà ta, ta phải tranh thủ lòng tin của bà ta, nếu phải trở thành tình nhân của bà ta... Nhưng làm những việc đó phải có đủ thời giờ mới được, bà ta đã tám mươi bảy tuổi đầu rồi còn gì nữa! Có thể là, trong tuần này, có thể là vài ngày nữa, bà ấy chết thì làm thế nào... và lại ngay cả câu chuyện này... Liệu có tin được không? Không, tiết kiệm, điều độ, chăm làm, - đó mới là ba con bài ăn tiền của ta! Chính ba con bài ấy sẽ giúp ta tăng gấp ba, gấp bảy vốn liếng của ta. Chính ba con bài đó sẽ bảo đảm cho đời sống của ta nhàn hạ, và không phải phụ thuộc vào ai!”

Cứ vừa đi vừa mơ mộng như vậy, anh đã thấy mình đứng trước một căn nhà kiến trúc kiểu cổ dựng ở một dãy phố lớn của thành Pêterburg. Đường phố xe ngựa như nệm lằn lượt đỏ trước bậc thềm thấp đèn sáng trưng. Từ mỗi cánh cửa xe mở ra, anh thấy bước

xuống đường khi thì bàn chân nhỏ nhắn của một thiếu phụ xinh đẹp, khi thì chiếc giày ủng kỵ mã kêu cộp cộp, lúc thì một đôi tất kẻ sọc, lúc thì một đôi giày đại sứ. Áo khoác, áo choàng tiếp theo nhau điếu qua trước mắt một người gác cổng oai phong lẫm liệt.

Gherman dừng lại, hỏi một viên cảnh binh gác đêm đang đứng thu hình trong chòi canh:

- Nhà này của ai thế?

- Thưa, của bá tước phu nhân...

Gherman giật mình. Câu chuyện ba quân bài lại vụt hiện ra trong trí tưởng tượng của anh. Anh bèn đi đi lại lại trước ngôi nhà, vừa đi vừa ngẫm nghĩ đến cái người đàn bà ngự trong ngôi nhà đó, đến cái quyền lực huyền bí của người đó. Mãi đến khuya khi Gherman trở về cái ngôi nhà lụp xụp của mình, anh trần trọc mãi mới ngủ được; và khi bắt đầu thiêm thiếp, anh lại mơ màng thấy những quân bài, chiếc bàn trải thảm xanh, hàng đồng tiền vàng, hàng thếp giấy bạc hiện ra nhảy múa trước mắt anh. Anh mê thấy mình đánh hết tiếng bạc này sang tiếng bạc khác, mỗi lần lại đặt cửa gấp đôi tiền, mà bao giờ cũng được, nhét hàng đồng tiền vào túi, nhồi hàng xấp giấy bạc vào ví. Sáng hôm sau Gherman dậy muộn. Khi tỉnh giấc anh lại thở dài không thấy những cửa cải huyền hoặc ấy đâu nữa, rồi lại lang thang dạo chơi trong thành phố, lại đến trước nhà bá tước phu nhân... Hình như một sức mạnh huyền bí nào đã lại lôi kéo anh

đến đây. Anh dừng bước và nhìn lên cửa sổ. Đằng sau một tấm kính, thấp thoáng một mái đầu son trẻ có những làn tóc đen nhánh, đang cúi xuống. Có lẽ là đang đọc sách, hay thêu thùa gì đấy. Mái đầu ngẩng lên. Anh nhìn thấy một khuôn mặt xinh tươi, với một đôi mắt huyền. Giây phút đó đã quyết định số phận đời anh.

III

**Vous m' écrivez, mon ange, des lettres
de quatre pages plus vite
que je ne puis les lire***

Thư từ trao đổi

Lidavêta Ivanốpna vừa cởi chiếc áo choàng và bỏ mũ ra, thì bá tước phu nhân đã lại cho người sang gọi cô và lại bắt thẳng ngựa vào xe. Lúc ra cửa, khi hai tên hầu đang lấy hết sức bình sinh nâng bà phu nhân già lên xe, thì Lidavêta Ivanốpna đã nhác thấy người sĩ quan trẻ tuổi đến sát bên nàng; nàng cảm thấy người đó nắm lấy tay nàng; nàng bàng hoàng sợ hãi chưa kịp trấn tĩnh lại thì người sĩ quan đã đi biến mất rồi; trong tay nàng còn lại một mảnh giấy. Nàng vội vã đem mảnh giấy giấu vào trong đôi tất tay. Suốt dọc đường đi nàng không nhìn, không nghe thấy gì cả. Bá tước phu nhân, có cái thói hễ ngồi xe là luôn

* Thiên thần của tôi, nàng viết bốn trang thư cho tôi còn nhanh hơn là tôi kịp đọc hết những dòng ấy (*tiếng Pháp*).

mồm hỏi chuyện:

- Người vừa chào chúng ta là ai ấy nhỉ? Cái câu này là câu gì? Cái biển kia đề những chữ gì thế?

Lidavêta Ivanópna trả lời chẳng có đầu đuôi gì cả, khiến bá tước phu nhân nổi giận.

- Con bé này, hôm nay cô làm sao thế? Cô lú ruột ra rồi hẳn? Hay là cô không nghe thấy ta nói? Nhờ trời ta không nói ngọng mà cũng chưa đến nổi lẫn kia mà?

Lidavêta Ivanópna cũng chẳng nghe ra bà ta nói gì nữa. Về đến nhà, nàng vội chạy lên phòng riêng đóng cửa lại, và rút cái thư trong chiếc tất tay ra: thư không dán kín. Lidavêta Ivanópna liền gỡ ra đọc. Đó là một bức thư tỏ tình lời lẽ vừa âu yếm vừa cung kính, - dịch nguyên văn từng câu từng chữ một từ một cuốn tiểu thuyết Đức ra. Nhưng Lidavêta Ivanópna không biết tiếng Đức, nên nàng thấy rất vui sướng trong lòng.

Nhưng nàng cũng lại hết sức bối rối. Đây là lần đầu tiên trong đời, nàng có quan hệ thư từ lén lút với một người trai trẻ! Sự liều lĩnh của chàng trai làm nàng phát rùng mình. Nàng tự trách mình sao lại quá hớ hênh như vậy; nhưng cũng không biết tính cách nào cho ổn. Không ngồi thêu bên cửa sổ nữa, rồi tỏ thái độ thờ ơ, làm cho anh chàng sĩ quan trẻ tuổi kia phải chán nản không theo đuổi nữa, như vậy có nên chăng? Hay trả lại bức thư cho anh ta? Trả lời anh ta một cách lạnh nhạt và quyết liệt chăng? Làm cách

nào bây giờ? Nàng không có ai là bạn bè, cũng không có người nào chỉ bảo; cuối cùng thì nàng quyết định trả lời.

Nàng ngồi vào bàn, lấy giấy bút ra và ngồi suy nghĩ rất lung. Đã mấy lần nàng bắt đầu viết, nhưng rồi lại xé. Lúc thì nàng thấy lời lẽ của mình quá xẵng, lúc thì lại thấy giọng thư quá dễ dãi. Sau cùng, mất bao nhiêu công phu, nàng mới thảo ra được vài dòng mà nàng lấy làm vừa ý lắm. Nàng viết như thế này:

“Tôi tin rằng những ý định của tôn ông là ý định của một người đứng đắn và tôn ông không nở nhục mạ tôi bằng một thái độ thiếu suy nghĩ chín chắn. Nhưng xin tôn ông hiểu cho rằng, chúng ta không thể bắt đầu làm quen với nhau theo cách như thế được. Tôi xin gửi trả lại tôn ông bức thư, và tôi mong rằng tôn ông sẽ không để tôi phải khổ tâm vì một thái độ bất kính mà tôi không đáng phải chịu”.

Ngày hôm sau, vừa thoáng trông thấy Gherman, nàng bỏ khung thêu xuống, sang buồng khách, mở cửa sổ con, và vứt cái thư xuống đường phố, tin chắc rằng người sĩ quan trẻ tuổi ấy sẽ không để lạc mất nó đâu. Quả nhiên Gherman nhặt lấy phong thư ngay và vào một tiệm bán bánh kẹo để đọc. Xé phong bì ra, Gherman thấy bức thư của mình và bức thư trả lời của Lidavêta Ivanốpna. Gherman đã lường trước được việc này; anh trở về nhà, suy nghĩ rất nhiều về thủ đoạn vừa rồi của mình.

Ba ngày sau, một thiếu nữ có đôi mắt hết sức tinh anh đến đưa cho Lidavêta Ivanốpna một phong thư nói là do một bà bán hàng thời trang gửi đến. Lidavêta Ivanốpna vừa bóc bì thư vừa thấy lo lo, đồ rằng không khéo lại là một bức thư đòi nợ chằng; nhưng khi mở mảnh giấy ra, nàng hết sức ngạc nhiên thấy nét chữ của Gherman.

- Thưa cô, cô lầm rồi, cái thư này có phải gửi cho tôi đâu.

Cô hàng thời trang mỉm một nụ cười tinh quái trả lời:

- Không! đúng là gửi cho tiểu thư đấy ạ! Xin tiểu thư hãy bớt chút thời giờ đọc cái thư đi đã.

Lidavêta Ivanốpna liếc mắt đọc qua. Gherman xin được gặp mặt nói chuyện. Lời yêu cầu vội vã đó, cũng như cách chuyển thư, đều làm nàng hoảng sợ, nàng vội nói:

- Không thể được! Cái thư này không phải gửi cho tôi. - Rồi nàng xé tan cái thư ra nghìn mảnh.

Cô hàng thời trang lúc đó mới lên tiếng:

- Nếu cái thư này không phải của tiểu thư, sao tiểu thư lại xé nó đi? Đáng lẽ phải để tôi gửi trả cho người gửi chứ?

Lidavêta Ivanốpna đỏ mặt lúng túng trả lời:

- Trời ơi, cô bạn tốt, cô tha lỗi cho tôi; tôi van cô, cô đừng bao giờ mang thư đến cho tôi nữa, và xin cô hãy về nói lại với cái người đã phai cô đến đây rằng anh

ta đáng ra phải biết xấu hổ...

Nhưng Gherman có phải là cái người dễ bỏ mối như thế được đâu. Khi thì bằng cách này, khi thì bằng cách khác, chẳng ngày nào là Lidavêta Ivanópna không nhận được một bức thư của chàng. Bây giờ thì chàng không gửi cho nàng những bản dịch từ tiếng Đức ra nữa. Gherman viết dưới sự chi phối của một tình cảm say đắm, nên đã nói lên những lời lẽ, đúng là lời lẽ của anh. Những bức thư này đều biểu lộ những nỗi thèm khát mãnh liệt và một trí tưởng tượng phóng túng. Lidavêta Ivanópna chống chọi sao được những suối lời sôi nổi ấy. Nàng không gửi trả các thư từ đó lại nữa, nàng khao khát đợi thư, rồi chẳng bao lâu, nàng bắt đầu trả lời. Những bức thư phúc đáp cứ mỗi ngày một dài thêm, âu yếm thêm. Rồi cuối cùng, nàng vút qua cửa sổ lá thư sau đây:

“Hôm nay, ở nhà đại sứ N. có khiêu vũ. Bá tước phu nhân sẽ tới đó. Phu nhân và em sẽ ở đó đến hai giờ sáng. Anh sẽ có dịp đến gặp em một mình. Khi bá tước phu nhân đã đi khỏi rồi, thì bọn người nhà chắc cũng tan tác hết. Ở phòng ngoài, sẽ chỉ còn người gác cửa, mà người đó thì thường thường cũng bỏ về buồng mà ngủ. Anh hãy tới vào lúc mười một rưỡi, đi thẳng vào cầu thang lên gác. Nếu anh thấy có ai ở phòng đợi, thì anh hãy hỏi bá tước phu nhân có nhà không. Người ta sẽ trả lời anh là bá tước phu nhân đi vắng rồi, và lúc đó, anh đành phải dẫn lòng mà ra đi vậy. Nhưng có lẽ anh sẽ chẳng gặp ai hết. Những chị hầu

của bá tước phu nhân thì đến ở cả một căn buồng xa. Đến phòng khách, anh rẽ sang trái, rồi cứ thẳng trước mặt mà đi cho đến khi nào anh vào đến phòng ngủ của bá tước phu nhân. Ở đây, anh sẽ thấy đằng sau một tấm bình phong lớn có hai cái cửa. Cửa bên phải thì mở vào một căn buồng tối đen, mà phu nhân không bao giờ vào, cửa bên trái thì mở ra hành lang, đầu hành lang có một cái thang cuốn nhỏ: cái thang đó đưa đến phòng em”.

Gherman đứng chờ đợi giờ hẹn, bồn chồn như một con hổ đói. Mới mười giờ anh đã tới đứng trước cửa nhà bá tước phu nhân. Hôm ấy thời tiết rất kinh khủng. Gió rú lên từng hồi, tuyết ẩm rơi xuống từng bông lớn. Đèn ngoài đường sáng mờ mờ, phố xá vắng lặng. Thịnh thoảng một người xà ích đánh con ngựa gầy còm kéo chiếc xe đi qua, mong tìm lấy một người khách bộ hành chậm trễ.

Gherman trên mình chỉ khoác có một cái áo lễ phục mỏng, nhưng không hề cảm thấy hơi lạnh thấu xương của gió tuyết. Đợi mãi rồi mới thấy cái xe của bá tước phu nhân đánh ra. Anh trông thấy hai người đầy tớ diu cái bóng ma lụ khụ ủ kín trong cái áo su ba lông chồn nâu đặt lên xe. Ngay sau lúc đó thoảng thấy bóng Lidavêta Ivanốpna, mình khoác một cái áo choàng mỏng, đầu tóc trang điểm như hình những đoá hoa tươi, chạy vụt lên xe. Cửa xe được đóng lại, chiếc xe nặng nề chuyển bánh trên tuyết xốp. Người

gác ra đóng cửa lại. Đèn ở các cửa sổ tắt phụt. Gherman đi đi lại lại trước cửa toà nhà vắng ngắt; một lát, anh bước tới gần một cột đèn để xem đồng hồ. Mười một giờ hai mươi phút. Đứng tựa cột đèn, hai mắt nhìn chăm chú vào kim đồng hồ, anh sốt ruột đếm những phút còn lại. Đúng mười một giờ rưỡi, Gherman bước lên mấy bậc thềm, và bước vào phòng ngoài thấp đèn sáng trưng. Không hề thấy bóng người gác cửa đâu cả. Gherman nhanh nhẹn chạy lại bậc thang lên gác, tới phòng đợi, ở đây, dưới một cây đèn, một người đầy tớ đang nằm ngủ trong một chiếc ghế bành cũ kỹ đầy những vết loang lổ. Gherman nhẹ nhàng và mạnh dạn bước qua trước mặt hắn. Phòng khiêu vũ và phòng khách tối om. Ngọn đèn ở phòng đợi hắt vào một vệt sáng lơ mờ. Gherman bước vào phòng ngủ. Trước cái tủ thờ đựng đầy những ảnh thánh cổ kính, một cây đèn bằng vàng cháy leo lét. Dọc theo những bức tường căng lụa Tàu, những ghế bành, những ghế tràng kỷ thếp vàng đã phai màu và hoen ố có gối đệm căng phồng, được bày biện cân đối trông thật buồn tẻ. Trên tường có treo hai bức chân dung do *m-me Ledrun** vẽ ở Pari. Trên bức thứ nhất người ta thấy một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi, to béo, sắc màu hồng hào, mặc một cái áo màu xanh sáng, trên ngực có đeo một chiếc huân chương. Bức thứ hai là chân dung của một thiếu phụ xinh đẹp, vẻ người thanh lịch, mũi dọc dừa, tóc mai vén cao lên ở hai bên thái dương, một đoá hoa hồng cài trên mái

tóc rắc phấn. Nhìn quanh trong buồng, góc nào cũng thấy có những bức tượng người chần cừ bằng sứ, những đồng hồ để bàn-tác phẩm của Leroy⁹ danh tiếng, những hộp, những chiếc ru-léc¹⁰, những cái quạt, và trăm nghìn thứ đồ chơi khác của phụ nữ, phát minh vào cuối thế kỷ trước, cùng một lúc với khinh khí cầu của Môngônphe¹¹ và thuật thôi miên của Métxme¹². Gherman bước ra đằng sau chiếc bình phong che một cái giường bằng sắt nhỏ. Anh trông thấy hai cái cửa đã nói trong thư, cửa bên phải mở vào căn buồng tối, cửa bên trái dẫn ra hành lang. Anh mở cái cửa này, nhìn thấy cái cầu thang cuộn hẹp đưa lên buồn cô tiểu thư đáng thương kia... Nhưng anh quay trở lại và bước vào căn buồng tối om.

Thời gian trôi qua một cách chậm chạp. Trong nhà im phăng phắc. Chiếc đồng hồ treo ngoài phòng khách điểm mười hai tiếng, khắp các phòng những chiếc đồng hồ khác cùng điểm lần lượt mười hai giờ, rồi mọi vật lại im lặng. Gherman đứng tựa vào một cái lò sưởi lạnh tanh. Anh rất bình tĩnh. Nhịp tim anh đập rất đều, như nhịp tim của một người đã quyết định làm một việc nguy hiểm, nhưng không thể tránh được. Anh nghe thấy đồng hồ điểm một giờ, rồi hai giờ; rồi tiếp sau đó là tiếng xe ngựa từ xa xa vọng lại. Gherman bất giác thấy nôn nao trong lòng. Chiếc xe ngựa đi gần lại rất nhanh, rồi đỗ lại. Gherman nghe rõ tiếng thang bậc trên xe buông xuống. Trong nhà rộn rịp hẳn lên. Người nhà chạy rầm rập gọi bảo nhau

ý ới; tất cả các buồng đều sáng trưng lên, ba mẹ hầu phòng già bước vào trong phòng ngủ. Rồi cuối cùng là bá tước phu nhân hiện ra: một thứ xác ướp biết đi, nặng nhọc lê tới một chiếc ghế bành to kiểu Vôngte và ngã ngồi vào đấy. Gherman nhìn qua khe cửa. Anh thấy Lidavêta Ivanốpna đi ngang sát gần anh. Rồi anh nghe thấy những tiếng bước chân nằng vội vã trên chiếc cầu thang cuốn. Trong đáy lòng, anh cũng cảm thấy có cái gì như một niềm hối hận, nhưng rồi cũng chỉ như gió thoảng qua. Anh như đã hoá đá.

Bá tước phu nhân bắt đầu thay trang phục trước tấm gương. Người ta tháo cái mũ chụp trang điểm hoa hồng trên đầu xuống, dỡ cái mớ tóc giả rắc phấn ra khỏi đám tóc thật, cao, ngắn, lởm chởm, bạc trắng của bà ta. Những danh ghim rơi ra lả tả chung quanh. Cái áo vàng, thêu chỉ bạc, tụt xuống dưới đôi chân sưng phù. Gherman bắt đắc dĩ chứng kiến tất cả những chi tiết không lấy gì làm đẹp mắt lắm của một cuộc lau rửa ban đêm. Rồi cuối cùng bá tước phu nhân chỉ còn lại trên mình một chiếc áo ngủ và cái mũ đội đêm. Ăn mặc như vậy hợp với tuổi bà ta hơn, nên trông cũng đỡ sợ và bớt quái dị đi một chút.

Cũng như phần lớn những người già cả, bá tước phu nhân cũng bị chứng khó ngủ. Sau khi đã thay xong trang phục, bà ta ngồi vào ghế bành bên cửa sổ, rồi cho phép các mẹ hầu lui ra. Họ tắt hết nến, và trong phòng chỉ còn lại ánh sáng leo lét của cây đèn đặt trước các tranh thờ thánh. Bá tước phu nhân ngồi

đỏ, môi mũi vàng khè, nhăn nhăn, nhúm nhúm, đôi môi chảy thông xuống, người khe khẽ lắc lư sang phải, rồi sang trái. Trong đôi mắt đã mất hết tinh anh của bà, không còn một vết tích gì báo hiệu rằng con người kia hãy còn suy nghĩ. Trông bà ta lắc lư như vậy, người ta tưởng rằng những cử động này không phải do ý chí tạo ra, mà có lẽ bởi một cơ chế bí mật nào khác chi phối.

Đột nhiên, bộ mặt của người chết này biến sắc. Đôi môi ngừng run rẩy, đôi mắt sinh động lên. Đứng trước bá tước phu nhân là một người đàn ông lạ mặt vừa xuất hiện.

-Thưa phu nhân, xin phu nhân đừng sợ hãi!- Gherman nói nhỏ, nhưng tách rõ từng tiếng một. - Tôi van phu nhân, phu nhân đừng sợ hãi. Tôi không có ý định làm một mảy may gì tổn hại đến phu nhân. Trái lại, chính là tôi đến để van xin phu nhân ban cho một đặc ân.

Bà lão già im lặng nhìn anh, coi bộ như không hiểu. Anh tưởng bà ta điếc, nên cúi sát vào tai bà ta, nhắc lại lời cầu xin. Bá tước phu nhân vẫn ngậm miệng không nói.

Gherman nói tiếp:

- Phu nhân có thể bảo đảm được hạnh phúc cho suốt một đời tôi mà không phải tốn mất một chút gì. Tôi biết rằng phu nhân có thể chỉ bảo cho tôi ba con bài, mà...

Gherman ngừng bật. Bá tước phu nhân chắc đã hiểu người ta mong muốn gì ở bà; có lẽ bà đang tìm một câu trả lời. Bà ta nói:

- Đó là một câu chuyện đùa... Tôi thề với ông như vậy, một câu chuyện đùa thôi!

- Thưa phu nhân, không phải, - Gherman tức giận đáp lại. - Phu nhân hãy nhớ lại Tsáplítxki: ông ấy đã nhờ phu nhân mà gỡ được tiền thua...

Bá tước phu nhân tỏ vẻ rất bối rối. Trong một thoáng giây nét mặt bà lộ vẻ xúc động mãnh liệt, nhưng rồi lại trở lại ngay với cái vẻ ly kỳ đần độn như trước.

Gherman nói:

- Phu nhân không thể chỉ cho tôi ba con bài được tiền ấy hay sao?

Phu nhân vẫn nín lặng. Anh lại tiếp:

- Phu nhân giữ bí quyết này cho ai? Cho các cháu của phu nhân à? Không có bí quyết ấy thì họ cũng đã giàu lắm rồi. Họ lại không biết giá trị của đồng tiền. Ba con bài của phu nhân có giúp ích gì được cho những lũ phá của ấy đâu. Mà kẻ nào đã không biết giữ gìn gia sản của cha ông để lại, thì rồi sẽ chết trong cảnh nghèo túng, dù kẻ ấy có phép thuật sai khiến được quỷ dữ đi nữa cũng mặc. Còn tôi, tôi là một người chí thú; tôi biết giá trị của đồng tiền. Ba con bài của phu nhân sẽ không uống phí. Nào!...

Anh ngừng lại, người run lên chờ đợi một câu trả

lời. Bá tước phu nhân vẫn ngậm miệng làm thinh.

Gherman quỳ xuống:

- Nếu trái tim phu nhân đã có lần rung động vì tình yêu, nếu phu nhân hồi tâm nhớ lại những phút say sưa dịu dàng ấy, nếu phu nhân đã có bao giờ mỉm cười khi nghe tiếng khóc của một trẻ sơ sinh mới lọt lòng mẹ, nếu còn có một chút tình nhân đạo nào làm xao xuyến trái tim phu nhân, tôi van xin phu nhân hãy vì tình yêu của một người vợ, một người tình nhân, một người mẹ, hãy vì tất cả những cái gì là thiêng liêng trên cõi đời này, xin đừng gạt bỏ lời cầu khẩn của tôi. Thế nào. Hay điều bí quyết đó có ràng buộc với một tội lỗi nào ghê gớm, đến sự tan vỡ hạnh phúc vĩnh viễn của phu nhân? Hay người đã có một khoản ước nào cùng quý dữ chẳng?... Phu nhân hãy nghĩ xem, người cao tuổi lắm rồi, người chẳng còn thọ được bao lâu nữa. Tôi sẵn sàng để linh hồn hứng lấy tất cả tội lỗi của người, tôi sẵn sàng một mình lên chịu những tội đó trước Thượng đế ! Hãy nói cho tôi biết điều bí quyết của người. Phu nhân hãy nghĩ rằng hạnh phúc của một con người nằm trong tay của phu nhân, và không phải chỉ mình tôi, mà tất cả con cái, cháu chắt của tôi đều cầu nguyện cho vong linh người, và sẽ kính thờ người như một vị nữ thần.

Bá tước già vẫn không đáp lại một lời.

Gherman đứng dậy. Anh nghiêng rặng, kêu lên:

- Con mụ phù thủy khôn kiếp này, tao sẽ có cách

bắt mày phải nói...

Và anh rút trong túi áo ra một khẩu súng tay.

Trông thấy khẩu súng, bá tước phu nhân lại một lần nữa tỏ vẻ hết sức xúc động. Đầu bà né ra phía sau, bà giơ hai tay ra đằng trước như để đỡ lấy phát súng, nhưng, rồi bỗng nhiên, bà ngã người ra đằng sau và ngồi im không động đậy nữa.

Gherman nắm lấy hai tay bà mà nói:

- Thôi đi, đừng giữ cái trò trẻ con ấy ra nữa. Tôi khẩn cầu bà một lần cuối cùng: bà có nói cho tôi biết ba con bài của bà hay không? Có hay không?

Bá tước phu nhân không trả lời. Gherman chợt nhận ra rằng phu nhân đã chết.

IV

7 Mai ¹⁸...

Homme sans mœurs et sans religion!"

Thu từ tra^o đổi

Trên mình còn mang nguyên bộ y phục khiêu vũ, Lidavêta Ivanópna ngồi ở phòng riêng, chìm đắm trong một niềm tư lự sâu thẳm thẳm. Vừa về đến nhà, nàng đã vội vã cho phép mụ hầu phòng đi nghỉ, nói thác rằng nàng sẽ cởi áo một mình, không cần phải

* 7 tháng Năm 18... Một con người không có những nguyên tắc đạo lý và cái gì là thiêng liêng cả! (tiếng Pháp).

giúp nữa, và nàng chạy vội lên buồng riêng, lòng bồn chồn, vừa hy vọng được gặp mặt Gherman, lại vừa mong muốn không thấy chàng ở đó. Mới nhìn qua gian buồng, nàng đã biết ngay rằng chàng không ở đấy thật rồi, và thậm cảm ơn sự may rủi đã làm lỡ cuộc hẹn hò đêm nay. Nàng cũng chẳng buồn thay y phục, ngồi suy nghĩ, điểm lại trong ký ức tất cả những tình tiết của một cuộc tình duyên, tuy mới nhóm lên chưa được bao lâu mà đã dẫn nàng đi xa đến thế. Chưa đầy ba tuần lễ, từ ngày ngồi bên cửa sổ, nàng nhìn thấy người sĩ quan trẻ tuổi kia, mà nay nàng đã thư tử đi lại với người ấy, và người ấy cũng đã đẩy được nàng đến chỗ phải hò hẹn ban đêm! Nàng có biết tên người đó thật, nhưng cũng chỉ vì thư chàng gửi có ký tên. Nàng chưa bao giờ trò chuyện với người đó, và đến âm thanh tiếng nói của người đó ra sao nàng cũng chưa từng biết nữa. Mà cũng kỳ lạ thay, cho đến tận đêm hôm nay, chưa bao giờ nàng nghe thấy ai nói đến con người đó cả. Đêm hôm nay, Tômxki, nhác trông thấy công tước tiểu thư Pôlina trái với mọi ngày lại đang chuyện trò lơ lửng với một người khác, nên anh muốn trả thù bằng cách làm ra vẻ mặt lạnh lùng: anh đã mời Lidavêta Ivanốpna nhảy với anh một bài ma-du-rơ-ca dài lê thê, tưởng đến không bao giờ hết được. Trong lúc nhảy, anh luôn luôn bỡn cợt Lidavêta Ivanốpna về sự thiên vị của nàng đối với các sĩ quan công binh và làm ra bộ mình biết nhiều chuyện hơn là nàng có thể tưởng. Một vài câu bỡn cợt của chàng

ta tình cờ lại đúng quá, khiến Lidavêta Ivanópna nhiều lần tưởng chuyện bí mật của mình đã bị phát giác ra rồi. Nàng vừa cười vừa nói:

- Thế nhưng mà, thật ra ai nói cho công tử biết thế.
- Một người bạn của cái người sĩ quan nào mà cô biết ấy. Một người rất kỳ dị.
- Thế cái người kỳ dị ấy là ai?
- Tên anh ta là Gherman.

Nàng không trả lời, nhưng cảm thấy trên tay mình bỗng dưng giá lạnh. Tômxki tiếp:

- Gherman là một nhân vật hết sức lãng mạn. Anh ta có cái diện mạo của Napôlêông và tâm hồn của Mêphixtôphên. Tôi tin rằng trong lương tâm anh ta cũng phải có đến ba án mạng là ít. Nhưng sao trông cô tái xanh đi thế!...

- Tôi bị nhức đầu. Thế, cái ông... Gherman, có phải tên ông ta thế không nhỉ? Ông Gherman ấy đã nói với công tử những gì?

- Gherman rất không hài lòng về người bạn của anh ta. Cái người sĩ quan công binh mà cô quen biết ấy. Anh ta nói rằng nếu ở địa vị anh ta, thì anh ta sẽ hành động khác hẳn. Thế với lại, tôi còn đoán rằng Gherman đâu như cũng để ý đến cô rất nhiều thì phải, chả thế mà anh ta có vẻ không thân nhiên tí nào khi nghe những lời tâm sự yêu đương của người bạn kia.

- Thế ông ta đã nhìn thấy tôi ở đâu?
- Có lẽ ở nhà thờ, có lẽ ở chỗ dạo chơi!... Có trời

mà biết được là ở đâu nữa. Có lẽ ở ngay trong buồng riêng của cô, khi cô đang ngủ cũng nên. Anh ta thì không từ một việc cả gì.

Vừa lúc đó, theo tục lệ nhảy điệu này, có ba phu nhân tiến đến mời Tômxki lựa chọn - *oubli ou regret?*¹³ - nên làm ngắt đoạn mất câu chuyện đang kích thích một cách xót xa đau đớn trí tò mò của Lidavêta Ivanốpna.

Cô bạn nhảy được Tômxki chọn, lại chính là công tước tiểu thư N. Trong khi quay theo những vũ hình tiếp diễn của bước nhảy, và trong lúc nhảy rất từ từ cùng với Tômxki đến ghế ngồi, công tước tiểu thư đã kịp phân trần mọi chuyện. Đến khi Tômxki trở về chỗ cũ, thì anh không còn nghĩ gì đến Gherman, mà cũng chẳng để ý gì đến Lidavêta Ivanốpna nữa. Nàng đã cố hết sức gợi tiếp câu chuyện, nhưng không được, điệu nhảy lại cũng vừa chấm dứt, và ngay sau đó, bá tước phu nhân đã đứng dậy ra về.

Những câu nói dở chừng của Tômxki chẳng qua chỉ là những câu chuyện sáo mếp thông thường mà người ta vẫn dùng để nói với nhau trong khi nhảy ma-du-rơ-ca, nhưng nó đã đi sâu vào tâm hồn thơ mộng của người thiếu nữ kia. Nàng thấy bức chân dung mà Tômxki vừa phác họa kia giống hình ảnh nàng tưởng tượng ra quá; và nhờ những quyển tiểu thuyết lãng mạn gần đây, nàng đã nhìn thấy trong cái diện mạo cũng khá tầm thường của người si tình kia những nét đủ khiến cho nàng vừa sợ hãi lại vừa say mê. Nàng

ngồi lặng, khoanh đôi tay trần, mái đầu hầy còn cài mấy đoá hoa, cúi gục xuống bộ ngực để lộ... Vừa lúc đó bỗng nhiên cửa xích mở và Gherman bước vào.

Nàng giật mình, run rẩy cất tiếng hỏi:

- Bây giờ anh ở đâu?

- Trong phòng ngủ của bá tước phu nhân. Tôi vừa mới bỏ bà ta mà lên đây: bà ấy chết rồi.

- Trời ơi!... Anh nói gì vậy!

Gherman tiếp:

- Và tôi sợ rằng chính tôi là người đã gây ra cái chết của bà ấy.

Lidavêta Ivanốpna hết sức kinh hoàng nhìn hấn; câu nói của Tôm-xki lại trở lại trong trí nhớ của nàng: *"Trong lương tâm anh ta cũng phải có đến ba án mạng là ít!"* Gherman ngồi bên cạnh cửa sổ và kể lại cho nàng rõ tất cả.

Nàng hẫi hùng lảng tai nghe. Thế là những bức thư say đắm kia, những lời cầu xin nồng cháy kia, cả những ngày theo đuổi tảo bạo nhường ấy, kiên trì nhường ấy, tất cả té ra không phải là do tình yêu xui khiến. Cái đã làm bốc cháy tâm hồn của con người ấy chỉ là tiền, duy nhất chỉ có tiền mà thôi! Không phải nàng có thể làm thoả mãn mong ước của hấn và làm cho hấn sung sướng được. Tội nghiệp cho nàng quá! Nàng đã mù quáng làm tay chân cho một thằng tướng cướp, cho một tên sát nhân đã giết hại người lão ân nhân của nàng. Tâm hồn quằn quại trong nỗi hối hận quá

muộn màng nàng òa lên khóc nức nở. Gherman đứng im lặng nhìn nàng; lòng hắn cũng thấy xốn xang, nhưng những giọt nước mắt của người con gái đáng thương, sắc đẹp diệu kì của nàng trong cơn đau khổ đều không thể lay chuyển nổi cái tâm hồn sắt đá của hắn. Hắn không hề mảy may hối hận khi nghĩ đến cái chết của bà bá tước. Chỉ có một ý nghĩ làm cho hắn lo sợ: cái bí quyết mà hắn trông mong đoạt được để làm giàu, thì nay đã mất hắn, không thể nào cứu vãn được nữa rồi.

Im lặng một hồi lâu, Lidavêta Ivanốpna kêu lên:

- Anh thật là một quái vật.

Hắn lạnh lùng trả lời:

- Tôi không chủ bụng giết bà ta; súng của tôi không lấp đạn. Hai người yên lặng.

Trời đã sáng dần, Lidavêta Ivanốpna tắt cây nến đang tàn lụi trên vành đèn. Ánh sáng ban mai nhạt nhòa vào căn buồng. Nàng lau đôi mắt đầm lệ, ngẩng lên nhìn Gherman. Hắn vẫn ngồi cạnh cửa sổ, hai tay khoanh lại, đôi lông mày nhíu xuống. Trong cái dáng điệu ấy, nàng lại chợt thấy hắn giống chân dung Napôlêông một cách lạ lùng. Điều đó càng khiến nàng kinh hãi. Mãi rồi nàng mới nói được:

- Làm thế nào cho anh ra khỏi nơi này bây giờ? Tôi định đưa anh thoát ra ngoài bằng một cái cầu thang bí mật, nhưng lại phải đi qua phòng bá tước phu nhân, mà tôi thì sợ quá...

- Chỉ cần cô chỉ cho tôi cái cầu thang bí mật đó ở

chỗ nào thôi. Tôi sẽ đi một mình được.

Nàng đứng dậy, lục tìm trong ngăn kéo lấy một chiếc chìa khoá trao cho Gherman và dặn hẩn tất cả những điều cần thiết, Gherman cầm lấy bàn tay giá lạnh và mềm nhũn của nàng, đặt một cái hôn lên mái đầu nàng đang cúi gằm xuống, rồi bước ra.

Hắn xuống chiếc thang cuốn, và vào trong phòng bá tước phu nhân. Người chết vẫn ngồi cứng đờ trong chiếc ghế bành, nét mặt thanh thản. Hắn đứng dừng lại trước mặt bá tước phu nhân, nhìn ngấm hồi lâu, như để nhận cho kỹ cái sự thật kinh khủng này. Rồi hắn bước vào căn buồng tối, dờ dẫm trên những bức tường căng lụa Tầu, tìm thấy một cái cửa nhỏ mở xuống một cầu thang. Trong khi xuống thang, những ý nghĩ lạ kỳ quay cuồng trong đầu óc hắn. Hắn nghĩ thậm có lẽ cũng trên chiếc cầu thang này, sáu mươi năm trước đây, vào giờ này, có thể có một gã tình nhân nào đó, mình mặc áo thêu, tóc chải "*à l'oiseau royal*", tay ghì chiếc mũ ba góc áp vào ngực, khê lên vào phòng ngủ này. Cái gã có số đào hoa ấy bây giờ đã tan rữa từ lâu dưới đáy mộ, và chính ngày hôm nay đây, trái tim của cụ nhân tình già của gã cũng ngừng đập...

Đi đến chân cầu thang, hắn thấy một cái cửa khác. Hắn dùng chiếc chìa khoá lúc nãy mở ra, bước vào một hành lang dẫn thẳng ra phố.

* Kiểu con hạc (tiếng Pháp).

V

Đêm hôm ấy, nữ nam tước quá cố phân V. lại hiện về gặp tôi. Bà ta mặc toàn màu trắng và bảo tôi: “Xin chào ngài tham biện”.

Svedenborg¹⁴

Ba ngày sau cái đêm bị đất đó, vào khoảng chín giờ sáng Gherman đến tu viện là nơi sẽ cử hành tang lễ cho lão bá tước phu nhân. Hắn không thấy hối hận; nhưng một tiếng nói đâu ở bên trong vẫn nhắc nhở rằng hắn là kẻ sát nhân giết hại bà lão này. Do lòng thành tín, hắn đâm ra có nhiều thành kiến. Hắn tin chắc rằng, vong hồn của bá tước phu nhân thế nào rồi cũng sẽ theo dõi báo hại đời hắn, nên hắn muốn đến dự tang lễ của phu nhân, để may ra có thể làm nguôi dịu được oan hồn của người đã chết.

Nhà thờ chật ních những người, hắn phải chen chúc mãi mới len vào được. Quan tài đã được đặt trên một bệ cao lộng lẫy, dưới một cái tán nhung. Bá tước phu nhân nằm trong quan tài, hai tay chấp lên ngực, mình vận một chiếc áo ta-tăng trắng, đầu đội mũ trùm viền đăng-ten. Gia quyến đứng tụ tập cả chung quanh: gia nhân đầy tớ trong nhà thì mặc áo nẹp đen, trên vai có tết một dải băng thêu gia huy bá tước, tay mỗi người

cầm một cây bạch lạp. Thân nhân gồm con cái, cháu chắt thì mặc y phục đại tang. Không một ai khóc cả; những giọt nước mắt lúc này e có thể bị coi là *une affectation**. Bá tước phu nhân đã già quá rồi, đến nỗi cái chết của bà chẳng làm cho ai phải ngạc nhiên cả, vì cũng từ lâu, họ hàng đã quen coi bà không còn ở trên cõi đời này nữa rồi. Đức giám mục trẻ tuổi nói vài lời ai điếu. Bằng một vài câu giản dị và đầy cảm xúc, vị này tả lại phút lâm chung êm thấm của một con người chính trực công minh đã dọn mình hàng bao nhiêu năm một cách thật cảm động để đón chờ một cái chết ngoan đạo. Thuyết sư nói: “Thiên thần tử vong đã đến rước phu nhân đi trong khi tâm hồn đang trầm tư kính tín, đang thức để chờ đợi vị hôn phu Nửa đêm”¹⁵. Tang lễ được cử hành một cách trang trọng u buồn. Thân nhân là những người đầu tiên đến vĩnh biệt người đã khuất. Sau đó là đông đảo các quan khách đến nghiêng mình lần cuối cùng trước một con người, mà từ bao nhiêu năm nay đã có mặt trong các cuộc vui ồn ào của họ. Gia nhân của bá tước phu nhân tiến lên sau cùng. Người ta nhận thấy một bà lão quần gia, đồng tuổi với người đã khuất, có hai chị hầu phòng khác điu dờ hai bên. Bà lão yếu quá không cúi sát xuống đất được, nhưng khi hôn tay bà chủ, thì bà lão là người duy nhất rõ vài hàng nước mắt. Sau bà lão, Gherman quyết định tiến lên bên linh cữu. Hấn quỳ

* Lâm điệu (tiếng Pháp).

gối một lúc trên sàn đá có trải những cành thông. Rồi hấn đứng dậy, mặt tái cũng như người đã chết, hấn treo lên mấy bức bệ đặt linh cữu và nghiêng mình... Nhưng hấn đột nhiên cảm thấy như người chết đang nháy một mắt, giữu cợt nhìn hấn. Gherman bật lùi lại và ngã ngửa ra đằng sau. Mọi người vội đỡ hấn lên. Cũng vừa lúc đó, trên tiền đình nhà thờ Lidavêta Ivanópna cũng hôn mê lịm xuống. Những việc này đã làm náo loạn lên trong vài phút sự trang nghiêm của tang lễ. Những người tới dự tang lễ thì thảo bàn tán, và một viên thị vệ mặt xương xẩu, có họ gần với người chết, đã thăm thì vào tai một người Anh đứng gần đó: “Viên sĩ quan trẻ tuổi ấy là con riêng của bá tước phu nhân, đấy”, và người Anh lạnh lùng trả lời: Oh?

Suốt ngày hôm đó, Gherman cảm thấy vô cùng bứt rứt. Trong quán vắng vẻ hấn vẫn dùng bữa thường ngày, hôm nay hấn uống rượu nhiều, khác hấn thói quen mọi khi, những tưởng đẹp được cơn nôn nao xúc động trong lòng. Nhưng rượu vào lại chỉ càng làm cho trí tưởng tượng của hấn bốc lửa thêm. Hấn trở về nhà sớm, và cứ để nguyên quần áo trên người, ngã lưng xuống giường ngủ say như chết.

Khi hấn tỉnh dậy thì đêm đã khuya: ánh trăng sáng chiếu rọi vào buồng hấn. Hấn xem đồng hồ: lúc đó là ba giờ kém một khắc. Hấn không thấy buồn ngủ nữa, mới ngồi trên giường mà nghĩ vợ vẫn đến tang lễ lão bá tước phu nhân.

Lúc đó ở ngoài phố có người đi lại gần cửa sổ như để nhìn vào trong phòng hắt, rồi lại đi ngay. Gherman cũng chẳng thèm để ý xem là ai nữa. Độ một phút sau, hắt nghe thấy có người mở cửa gian buồng chờ. Hắt tưởng đó là người lính hầu của hắt như mọi ngày say rượu và đi mò mẫm ở đâu suốt đêm bây giờ mới về; nhưng rồi hắt lại nhận thấy những tiếng bước chân là lạ. Có người bước vào gian buồng, chân kéo khê lê đôi giày vải trên sàn. Cánh cửa xịch mở, và một người đàn bà mặc áo dài trắng toát tiến vào buồng hắt. Gherman tưởng đó là người u già của hắt, và lấy làm lạ không biết đương đêm có việc gì mà bà ta lại tới đây. Nhưng người đàn bà mặc đồ trắng đã lướt nhanh qua gian buồng, và chỉ một loáng đã đến bên giường hắt, và Gherman nhận ra là bá tước phu nhân! Bà nói bằng một giọng đanh thép:

-Ta bắt đắ dĩ phải đến với mày. Ta được lệnh phải chấp nhận lời cầu khẩn của mày. Con ba, con bảy, và con xì sẽ lần lượt làm cho mày được bạc. Nhưng mỗi ngày mày chỉ được đánh một con bài, và sau đó, suốt đời mày, mày sẽ không được đánh bạc nữa! Còn về cái chết của tao, tao sẽ tha tội cho mày, nếu mày chịu lấy đứa con nuôi Lidavêta Ivanópna của tao làm vợ mày...

Nói đến đây bà lại đi về phía cửa và ra ngoài, chân kéo lê đôi giày vải trên sàn. Gherman nghe tiếng cánh cửa căn buồng chờ đóng lại đánh sầm một cái, rồi

một lát sau lại thấy một bóng người nhòm vào cửa sổ.

Gherman ngồi lặng đi một hồi lâu; rồi hần đứng dậy và đi vào căn buồng bên cạnh. Người lính hầu của hần đang nằm ngủ trên sàn. Hần phải khó nhọc lắm mới đánh thức người này dậy được, nhưng cũng chẳng hỏi biết được gì cả: cũng như mọi ngày, người lính hầu say bí tỉ. Căn buồng chờ vẫn khoá. Gherman trở về buồng riêng và ghi lại rõ ràng tất cả tình tiết của sự hiển hiện vừa rồi.

VI

- *A tánde*¹⁶.

- Sao nhà ngươi dám nói với ta *atánde*?

- Bẩm đức ông, tôi nói *atánde* cơ mà!

Hai ý nghĩ cố định không thể cùng một lúc tồn tại trong thế giới tinh thần được, cũng như trong thế giới vật chất, hai vật thể không thể đồng thời cùng chiếm một chỗ được. Ba-bảy-xì chẳng bao lâu đã xóa nhòa hần trong trí tưởng tượng của Gherman hình ảnh bà già tắt thở. Ba-bảy-xì không ra khỏi đầu óc hần nữa, và luôn luôn mấp máy trên miệng hần. Gặp một cô thiếu nữ trên đường phố, hần cũng lăm bắm: “Một thân hình xinh đẹp làm sao! Trông nàng thật giống một con “ba cơ””. Người ta hỏi giờ hần, thì hần trả lời: “Bảy chuồn kém một khắc”. Tất cả những người to béo mà hần trông thấy đều nhắc hần nhớ đến con

xì. Ba-bảy-xì theo hắn vào cả trong những giấc mộng và hiện ra dưới những hình thể thật kỳ lạ. Hắn trông thấy những con ba nở rộ như những bông hoa đại mọc lan đang xoè cánh, những con bảy uốn thành vòm như những cánh cửa kiểu gô-tích, những con xì treo lơ lửng như những con nhện quái đản. Tất cả tư tưởng của hắn chỉ tập trung vào một mục đích duy nhất: lợi dụng cho được cái bí quyết mà hắn đã phải mua bằng một cái giá đắt đến thế. Hắn đã nghĩ cách xin giải ngũ và đi du lịch. Hắn tự nhủ: đến Pari thế nào hắn cũng phải tìm được một sòng gá, mà chỉ đánh ba tiếng bạc là hắn đủ làm giàu rồi. Chẳng bao lâu, một sự ngẫu nhiên đã làm cho hắn được toại nguyện.

Lúc đó ở Mátxcova có một bọn giàu sụ, tụ tập nhau lại thành một sòng bạc dưới sự chủ tọa của Tsékalinxki, một người nổi tiếng đã từng tiêu cả một cuộc đời vào trong nghề đen đỏ, đã từng vớ được hàng triệu bạc, mà được thì hắn được toàn những ngân phiếu, còn thua chỉ thua toàn bạc trắng. Vì có kinh nghiệm lâu năm trong nghề ăn chơi, nên hắn được bạn bè tin cậy và nhờ có thái độ niềm nở, lại thêm một anh đầu bếp nấu nướng rất ngon, nhà của thì bao giờ cũng mở rộng đãi khách, cho nên hắn cũng được mọi người kính nể. Một hôm, hắn đến Pêterburg. Thế là tất cả thanh niên ủa tới những phòng tiếp khách của hắn, bỏ rơi hết những buổi khiêu vũ để đến đánh bạc, mê say những cảm giác trên chiếu bạc hơn là những

chuyện là lời quyến rũ của người tình. Gherman cũng được Narumóp đưa đến nhà Tsêkalinxki.

Hai người đi xuyên qua một dãy buồng lõng lầy, buồng nào cũng đầy những kẻ hầu vừa lễ phép vừa nhanh nhẩu. Mấy vị tư lệnh đang đánh bài uýt với mấy quan tư vấn, những thanh niên nằm ngả trên những cái đi-văng vừa ăn kem, vừa hút ống điếu. Trong buồng tiếp khách chính, khoảng hai chục con bạc ngồi chen chúc xung quanh một cái bàn dài. Chủ nhân ngồi trước bàn, cầm cái một canh bạc pha-ra-ông. Đó là một người trạc sáu mươi tuổi, dáng người chững chạc, mái tóc bạc trắng như tuyết, khuôn mặt đầy đặn và tươi tắn biểu lộ một tính tình đôn hậu, đôi mắt lúc nào cũng roi rói một nụ cười bất tuyệt. Narumóp giới thiệu Gherman với lão. Tsêkalinxki thân ái siết chặt tay hắn, chào mời đơn đả, xin cứ tự nhiên không phải khách sáo gì cả. Nói rồi lão lại tiếp tục đánh bài.

Ván bài kéo dài rất lâu. Khách chơi đặt tiền trên ba mươi cửa. Sau mỗi tiếng bạc, Tsêkalinxki lại ngừng lại để cho những người đánh bạc có đủ thời giờ suy tính sửa soạn, lão ghi lại những số tiền thua, nhả nhận lắng nghe những lời khiêu nại, và càng nhả nhận hơn nữa uốn lại những góc quân bài mà một bàn tay lơ đãng nào đó đã bẻ cong lên¹⁷. Cuối cùng ván bài đã xong, Tsêkalinxki trang bài và sửa soạn đánh ván khác.

Gherman từ chỗ một người to béo ngồi lấp cả một góc bàn, đưa tay ra và nói:

- Xin phép tôn ông, tôi lấy một quân.

Tsêkalinxki mỉm một nụ cười rất có duyên, lễ phép nghiêng mình tỏ ý sung sướng được chiều lòng quý khách. Narumốp cười khen ngợi Gherman đã qua khỏi thời gian khổ hạnh dai dẳng, và chúc hấn may mắn trong những bước đầu vào con đường cờ bạc. Gherman lấy phấn viết một con số lên lưng con bài, rồi nói:

- Nào!

Nhà cái chớp mắt hỏi lại:

- Bao nhiêu ạ? Thưa, xin lỗi, tôi nhìn không được rõ.

Gherman nói:

- Bốn mươi bảy ngàn rúp.

Mấy tiếng này đã làm mọi người phải ngẩng đầu lên ngay nhìn cả về phía Gherman. Narumốp nghĩ có lẽ hấn mất trí rồi cũng nên. Tsêkalinxki vẫn với nụ cười bất tuyệt nở trên môi, đáp:

- Xin tôn ông cho phép tôi được thưa lại rằng, số tiền đặt cửa của tôn ông quả có hơi cao một chút. Ở đây, chưa có ai đặt quá hai trăm bảy mươi lăm rúp một cửa đánh đầu.

Gherman nói:

- Vâng, nhưng tiếng bạc của tôi, tôn ông có đất hay không đất, xin cho được biết rõ.

Tsêkalinxki nghiêng mình ra hiệu ưng thuận.

- Tôi chỉ xin trình để tôn ông được rõ ràng, mặc dầu tôi hoàn toàn tin cậy ở các bạn hữu của tôi, nhưng tôi chỉ có thể đánh bài với tiền mặt giam ngay mà thôi. Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng lời nói của tôn ông đáng giá ngàn vàng, nhưng vì để cho ván bài được đúng phép và dễ tính toán, tôi trân trọng xin tôn ông đặt tiền mặt lên trên lá bài.

Gherman móc túi lấy ra một tờ ngân phiếu, trao cho Tsêkalinxki. Tsêkalinxki liếc mắt nhìn qua, rồi đặt lên trên con bài của Gherman.

Lão lật bài: bên phải ra một con chín, bên trái ra một con ba, Gherman chia quân bài của hắn ra nói:

- Tôi được.

Trong đám bạc có tiếng xôn xao. Đôi lông mày của nhà cái nhú lại, nhưng chỉ một khoảnh khắc nụ cười thường xuyên đã lại xuất hiện trên khuôn mặt lão. Lão hỏi người được bạc:

- Có cần giam tiền ngay không ạ?

- Vâng, nếu ngài sẵn lòng tốt.

Tsêkalinxki móc những tờ giấy bạc ở trong ví ra và trả tiền ngay. Gherman nhặt số tiền được bạc bỏ túi, và rời khỏi bàn bạc. Narumốp vẫn ngây người ra vì ngạc nhiên. Gherman uống một cốc nước chanh, rồi trở về nhà.

Tối hôm sau, hắn trở lại nhà Tsêkalinxki, lúc đó cũng còn đang đánh bài. Gherman tiến lại bàn bạc; các con bạc lập tức ngồi xích lại, nhường chỗ cho hắn.

Tsêkalinxki nghiêng mình chào hần rất nhã nhặn, có vẻ âu yếm nữa là khác.

Gherman chờ một ván bài mới, cầm một lá bài, đặt lên đấy bốn mươi bảy ngàn rúp và thêm vào đó cả số tiền được bạc ngày hôm qua.

Tsêkalinxki bắt đầu chia bài. Bên phải ra một con bồi, bên trái ra một con bảy. Gherman giơ con bảy của hần ra.

Mọi người à lên một tiếng. Tsêkalinxki lộ vẻ bối rối. Hần đếm chín mươi tư ngàn rúp giam cho Gherman. Gherman lạnh lùng giơ tay nhận lấy, đứng dậy và ra về ngay.

Tối hôm sau, Gherman lại đến. Tất cả mọi người đều chờ hần. Mấy vị tư lệnh và mấy quan tư vấn cũng bỏ cả ván bài ulyt để đến dự cái canh bạc kỳ lạ đó. Mấy viên sỹ quan trẻ tuổi đã rời khỏi mấy cái đi-văng, tất cả gia nhân trong nhà cũng đến đứng chật ních cả phòng chơi. Mọi người xúm xít chung quanh Gherman. Khi hần bước vào, tất cả các con bạc khác đều ngừng đặt tiền cửa, sốt ruột muốn xem hần chơi nhau với nhà cái như thế nào.

Tsêkalinxki mặt tái đi, nhưng vẫn cười nụ, nhìn hần tiến đến bàn bạc và sẵn sàng đánh một mình với hần. Mỗi người cùng mở một cỗ bài. Tsêkalinxki trang bài. Gherman rút một quân, và lấy một đồng giấy bạc phủ kín lên. Người ta tưởng như hai người đang sửa soạn một cuộc đấu kiếm. Chung quanh im phăng phắc.

Tsêkalinxki bắt đầu giở bài. Tay lão run run. Bên

phải người ta thấy ra một con đầm, bên trái một con xì.

Gherman mở quân bài của hắn ra và nói:

- Con xì được.

Tsêkalinxki đáp lại bằng một giọng ngọt như đường:

- Con đầm của tôn ông thua mất rồi.

Gherman giật mình. Đáng lẽ là một con xì, thì trước mặt hắn là một con đầm pích thật. Hắn tưởng mất hần loá, và cũng không hiểu làm sao mà hắn lại nhằm đến thế được.

Nhìn sững xuống con bài ác hại này, hắn tưởng như trông thấy con đầm pích đang nháy mắt và mỉm cười chế nhạo hắn. Hắn kinh hoàng nhận ra con đầm pích này giống bá tước phu nhân một cách kỳ dị.

Hắn hoảng sợ kêu thét lên:

- Con mụ đáng nguyên rủa này!

Tsêkalinxki khê vợ lại hết số tiền được bạc. Gherman ngồi lặng một hồi lâu như người mất hồn. Hắn vừa rời khỏi bàn bạc, mọi người xúm lại bàn bạc âm ỉ. Bọn con bạc kháo nhau: “Thật là một nước bạc long trời lở đất!”

Tsêkalinxki trang bài, rồi canh bạc lại tiếp tục.

KẾT LUẬN

Gherman đã hoá điên. Hiện nay, hắn nằm ở bệnh viện Ôbukhốp, phòng số mười bảy. Hỏi gì hắn cũng

không trả lời, nhưng suốt ngày người ta nghe hán lẩm bẩm: “Ba-bây-xì! Ba-bây-đâm!...”

Lidavêta Ivanốpna lấy một chàng thanh niên rất đáng yêu con người quản gia của cố bá tước phu nhân. Anh ta có một chỗ làm tốt, và lại cũng có một gia tài kha khá. Lidavêta Ivanốpna đem một đứa cháu gái họ nghèo về nuôi và dạy dỗ.

Tôm-xki được thăng chức đại đội trưởng kỵ binh. Chàng ta đã làm lễ thành hôn với công tước tiểu thư Pôlina.

Năm 1833

Phương Hồng dịch.



ĐÊM AI CẬP

CHƯƠNG I

- *Quel est cet homme?*
- *Ha c'est un bien grand talent, il fait de sa voix tout ce qu'il veut.*
- *Il devrait bien, madame, s'en faire une culotte¹.*

Isarxki là một trong những người dân gốc gác ở Pêterburg. Tuổi chàng chưa đến ba mươi; chàng chưa có vợ; chàng không phải chịu cảnh tù túng của những người viên chức. Ông bác của chàng thời oanh liệt đã từng làm phó tổng trấn, khi chết đi đã để lại cho chàng một gia tài khá khá. Chàng có đủ điều kiện để sống một cuộc đời rất dễ chịu. Nhưng chẳng may chàng lại có cái tật làm thơ và cho in các bài thơ ấy ra. Trong các báo chí người ta gọi chàng là thi sĩ, còn trong giới bồi bếp thì họ gọi chàng là ông sáng tác.

¹ - Ông ấy là người thế nào? - Ô, đó là một người rất tài hoa, với giọng nói của mình, ông ấy muốn làm cái gì cũng được. - Thưa bà, nếu vậy thì ông ấy phải đem giọng nói làm quần mà mặc mới phải (*tiếng Pháp*)¹.

Mặc dù các nhà thơ có những ưu thế rất lớn (cũng nên thừa nhận rằng ngoài cái quyền dùng đối cách ở chỗ đáng lẽ phải dùng sinh cách và một số những cái gọi là quyền tự do khác của thi ca, thì chúng tôi không biết các nhà thơ Nga có còn được những ưu thế nào không) - dù sao thì các nhà thơ, tuy có đủ các ưu thế như vậy, nhưng cũng phải chịu đủ các thứ thiệt thòi và tai ương rất lớn. Cái tai vạ chưa xót nhất, khó chịu đựng nhất đối với nhà thơ chính là danh hiệu và biệt hiệu của anh ta, những cái đó cứ như một dấu ấn khắc lên mặt tội đồ, không sao gột rửa đi được. Công chúng xem anh ta như vật sở hữu của mình; theo ý họ, thì nhà thơ sinh ra là để phụng sự *lợi ích và lạc thú* của họ. Giả dụ anh ta có đi chơi đâu ở vùng quê trở về, thì người đầu tiên gặp anh đã hỏi ngay: anh đi chuyến này về có mang lại cho chúng tôi được cái gì mới không? Hoặc giả nếu anh ta có nghĩ ngợi đến những tình trạng rối ren trong công việc của anh hay về bệnh tình của một người thân, thì lập tức sẽ được nghe một câu nói nhảm tai kèm theo một nụ cười nhảm mắt: chắc anh đang sáng tác cái gì hử! Hoặc giả nhà thơ có phải lòng ai, thì người đẹp của anh ta lập tức sẽ vào cửa hàng Ăng-lê mua một quyển an-bom, rồi ngồi đợi các bài ai thi của anh. Nếu nhà thơ có đến nhà một người nào đó, đôi khi hầu như không quen biết, để thương lượng một việc gì quan trọng thì người này đã vội gọi đứa con trai nhỏ ra bắt nó đọc thơ cho

mà nghe; và thằng bé liền cho thi sĩ nghe một tràng thơ của chính thi sĩ làm ra, nhưng sai lạc, què quặt đi, không còn ra cái gì nữa. Thế mà những cái đó còn là những bông hoa của nghề nghiệp đấy! Bông hoa của nghề nghiệp mà còn như thế, thì những hẩm hiu của nghề nghiệp không biết còn đến thế nào nữa? Tsarxki thú nhận rằng những lời chào mừng, hỏi han, những quyền an-bom và những thằng bé con đã làm cho anh ta chán ngấy đến nỗi anh ta luôn luôn phải cố kìm giữ mình để khỏi vắng tục.

Tsarxki đã cố gắng dùng đủ mọi biện pháp để tẩy gột cho sạch cái danh hiệu khổ sở ấy đi. Chàng tránh giao thiệp với các bạn đồng nghiệp, thích giao du với những người thượng lưu hơn, dù cho họ có là những con người rộng tuếch nhất cũng được. Câu chuyện của chàng nói nghe rất tầm thường và không bao giờ đả động đến văn chương. Trong cách ăn mặc chàng bao giờ cũng chú ý theo cho đúng thời trang mới nhất, với cái vẻ rụt rè và mê tín của một chàng thanh niên Mátxcơva mới đến Pêterburg lần đầu tiên trong đời. Phòng làm việc của chàng bày biện như phòng ngủ của một thiếu phụ quý tộc, tuyệt nhiên không có gì cho biết rằng đây là phòng của một nhà văn; sách vở không thấy vút bừa bãi trên các bàn và dưới các gầm bàn; chiếc đi-văng không thấy có những vết mực loang lổ, không hề thấy có cái cảnh mất trật tự thường chứng tỏ sự có mặt của nàng Thơ và sự vắng mặt của cái

chối. Không có gì làm cho Tsarxki khổ tâm hơn là bị một người bạn trong giới thượng lưu bắt gặp khi đang cầm bút trên tay. Thật khó lòng mà tin được rằng một người có tài và có tâm hồn như chàng lại có thể đi đến chỗ tủn mủn nhỏ nhặt như vậy. Khi thì chàng giả vờ làm ra vẻ một người chơi ngựa say mê, khi thì lại giả vờ là một tay cờ bạc bê tha, khi thì lại làm ra vẻ một tay sành ăn vào bậc nhất; thế nhưng chàng thì vốn dĩ có bao giờ phân biệt nổi giống ngựa miền Bắc Cápcadơ với giống ngựa A Rập, có bao giờ nhớ nổi một con chủ bài, và trong thâm tâm vẫn thích ăn khoai tây bỏ lò hơn bất cứ thứ cao lương mỹ vị nào của Pháp. Chàng sống một cuộc đời hết sức bông lông; chàng lảng cháng khắp các vũ hội, dự tất cả những bữa tiệc ngoại giao và trong các buổi tiếp tân chàng đã trở thành một món thường xuyên như món kem sữa Rêdanốp² vậy.

Tuy thế chàng là một nhà thơ, và lòng yêu thi ca của chàng là một tình cảm say mê không sao cưỡng lại được: cứ mỗi lần bị cái *cơn phải gió* ấy đến quấy rầy (chàng thường gọi cảm hứng là “*cơn phải gió*” như vậy), Tsarxki khoá cửa phòng lại và ngồi viết từ sáng sớm cho đến tận đêm khuya. Chàng thừa nhận với các bạn bè chân thành của mình rằng chỉ có những lúc ấy chàng mới thấy mình thật sự có hạnh phúc. Thì giờ còn lại thì chàng đi chơi, đến nơi nào cũng phải làm bộ và vờ vịt, và cứ phút phút lại nghe hỏi:

dạo này ông có viết thêm được bài nào mới không?

Một buổi sáng kia Tsarxki đang khoan khoái hưởng lấy cái tâm trạng rất dễ chịu, khi những ước mơ của ta hiện rõ nét ra trước mặt và giúp ta tìm thấy những từ sinh động, đột ngột, để thể hiện những hình ảnh chờn vờn trước mắt ta, khi vần thơ dễ dàng tuôn chảy dưới ngòi bút và những âm vận nhịp nhàng sẵn sàng đến đón lấy những ý thơ thanh nhã. Tâm hồn Tsarxki đang lâng lâng trong cõi quên lãng ngọt ngào... xã hội, dư luận của xã hội, và cả những ý nghĩ gần gũi của chính chàng nữa, bây giờ đều như tiêu tan đi đâu hết. Tsarxki đang làm thơ.

Bỗng cửa phòng kẹt mở, và một cái đầu lạ hoắc thò vào. Tsarxki giật mình và cau mặt.

- Ai đấy? - Chàng bực dọc hỏi, trong bụng thầm nguyên rủa bọn gia nhân không bao giờ chịu tức trực ở phòng ngoài.

Người lạ bước vào.

Đó là một người cao lớn và hơi gầy, trạc chừng ba mươi tuổi. Gương mặt rậm rắng của anh ta có những nét rất sinh động: cái trán cao và tái xanh viền những mớ tóc đen nhánh, đôi mắt sáng quắc, cái mũi điều hâu và chòm râu đen rậm rạp bao quanh đôi má hóp vàng sạm, tất cả những nét đó đều chứng tỏ rằng khách là một người ngoại quốc. Người lạ mặc một cái áo lễ phục màu đen, đường chỉ đã bạc trắng cả ra, một cái quần mặc mùa hạ (mặc dù bây giờ đã là vào

tiết cuối thu); phía dưới chiếc cra-vát đen sần cũ, trên cái ngực áo sơ-mi màu vàng nhờ nhờ, long lanh một hột kim cương giả; chiếc mũ dạ hình dáng gồ ghề hình như đã được ném đủ mùi nắng mưa sương gió. Đi trong rừng mà gặp một người như thế, các bạn sẽ tưởng rằng đó là một tên cướp; giữa chốn đô hội, bạn sẽ đoán rằng đó là một người có chân trong một âm mưu chính trị; gặp ở phòng ngoài, bạn sẽ cho rằng đó là một anh bán thuốc hôi nách và thuốc thạch tín.

- Ngài cần hỏi việc gì? - Tsarxki hỏi khách bằng tiếng Pháp. Khách cúi chào rất thấp, rồi đáp:

- *Signor, lei voglia perdonarmi se...**

Tsarxki không mời khách ngồi mà tự chàng đứng dậy. Câu chuyện giữa hai người tiếp tục bằng tiếng Ý.

- Tôi là một nghệ sĩ người Nêapôn, - người lạ nói, - hoàn cảnh bắt buộc tôi phải lìa bỏ quê hương; tôi đến nước Nga, hy vọng dùng tài năng để sinh sống.

Tsarxki nghĩ bụng chắc anh chàng người Ý này định biểu diễn mấy buổi hoà nhạc và đang đi từng nhà để bán vé. Chàng đã toan tổng khứ số tiền hai mươi lăm rúp còn lại cho anh ta để anh ta đi cho khuất mắt, nhưng người lạ đã nói thêm:

- Thưa *Signor*, tôi hy vọng rằng ngài sẽ vui lòng giúp đỡ một người bạn đồng nghiệp và giới thiệu tôi

* Thưa ngài, xin ngài thứ lỗi... (tiếng Ý).

với những nơi mà bản thân ngài có quen biết và thường lui tới.

Không có gì có thể xúc phạm đến lòng tự ái của Tsarxki hơn thế nữa. Chàng vênh mặt kiêu hãnh nhìn cái con người đã có gan dám gọi chàng là bạn đồng nghiệp của mình.

- Xin hỏi ngài là ai và ngài cho tôi là người thế nào? - Tsarxki hỏi, bấy giờ chàng phải cố gắng lắm mới kìm nổi lòng công phẫn.

Người lạ để ý thấy vẻ bức bối của chàng. Hấn lúng túng đáp:

- *Signor, ho creduto... ho sentito... la vostra Eccellenza mi perdonera...**

- Ngài cần hỏi việc gì? - Tsarxki hỏi lại, giọng rất xẵng.

- Tôi đã được nghe nói rất nhiều về tài năng trác việt của ngài, - khách đáp, - tôi tin chắc rằng các bậc quyền quý ở đây thế nào cũng hết sức che chở cho một nhà thơ lỗi lạc như ngài, vì vậy cho nên tôi đánh bạo đến xin ra mắt ngài...

Tsarxki ngắt lời khách:

-Thưa *Signor*, ngài lầm rồi. Ở nước chúng tôi không có cái danh hiệu thi sĩ. Các nhà thơ của chúng tôi không hề được các bậc quyền quý che chở; các nhà

* Thưa ngài, tôi tưởng... tôi thấy... mong ngài thứ lỗi...(tiếng Ý)

thơ của chúng tôi tự mình làm chủ lấy mình, và nếu như các Métxenát³ của chúng tôi (quý bất họ đi cho rảnh) không biết điều đó thì mặc kệ họ. Ở nước chúng tôi không có những cha cố rách rưới mà một nhạc sĩ có thể nhặt ở ngoài đường để soạn cho mình một cốt vở nhạc kịch. Ở nước chúng tôi các nhà thơ không đi lang thang từ nhà này sang nhà khác để tìm xin người ta giúp đỡ. Chắc người ta nói đùa với ngài rằng tôi là một nhà thơ đại tài chứ gì? Quả tình hồi trước tôi cũng có viết một vài bài thơ trào phúng rất dở, nhưng nhờ trời, tôi không có gì dính dáng đến các ngài thi sĩ và tôi không hề có ý muốn dính dáng tới họ một mảy may nào.

Người Ý đáng thương đâm lúng túng. Anh ta đưa mắt nhìn quanh. Những bức tranh, những bức tượng bằng cẩm thạch, bằng đồng đen, những thứ đồ chơi đắt tiền bày trên những chiếc giá kiểu gô-tích khiến cho anh ta bối rối thêm. Người lạ hiểu rằng giữa chàng *dandy*** kiêu căng mặc áo choàng lụa Tầu thêu kim tuyến, thắt khăn san vóc Thổ Nhĩ Kỳ, đội mũ chụp gấm có tua đang đứng trước mặt anh ta, một nghệ sĩ nghèo đi tha phương cầu thực, cổ thắt cra-vát cũ sờn, mình mặc chiếc áo lễ bạc thếch, không hề có gì giống nhau cả. Khách bèn lấp bấp vài câu xin lỗi vô nghĩa, cúi chào và toan lui ra. Cái vẻ lủi thủi tội nghiệp của anh ta làm cho Tsarxki mũi lòng thương hại: mặc dù

** Người thích ăn diện, công tử bột (tiếng Anh).

tính tình có phần nhỏ nhen, nhưng Tsarxki cũng không phải không có một tấm lòng cao thượng biết thương người. Chàng thấy hồ thẹn về cái tính tự ái quá dễ phát bản của mình.

- Ông đi đâu thế? - Tsarxki hỏi khách. - Ông đợi một tí... Vừa rồi tôi chỉ muốn từ chối một danh hiệu mà tôi không đáng được nhận và thú nhận với ông rằng tôi không phải là một nhà thơ, chỉ có thể thôi. Nào bây giờ ta nói chuyện về công việc của ông. Tôi rất sẵn sàng giúp đỡ ông, nếu là những việc tôi có thể làm được. Ông là nhạc sĩ, có phải không?

- *Eccellenza**, không ạ, - người Ý đáp, - tôi chỉ là một người làm thơ ứng tác thôi ạ.

- Làm thơ ứng tác? - Tsarxki thốt lên, bấy giờ chàng đã thấy rõ tất cả cái tàn nhẫn của thái độ mình lúc này. - Tại sao ông không nói từ đầu, rằng ông là một nhà thơ ứng tác? - Và Tsarxki siết chặt tay khách, lòng thành thật hồi hận.

Thái độ vồn vã của chàng làm cho người Ý vững dạ. Anh ta liền thật thà trình bày cho Tsarxki nghe những dự định của mình. Tương mạo của anh ta không có gì hấp dẫn; mà nay thì cần tiền; anh ta hy vọng rằng sang Nga may ra có thể kiếm được ít nhiều để gia đình đỡ túng bần. Tsarxki chăm chú nghe anh nói. Chàng bảo người nghệ sĩ nghèo:

* Thưa ngài (tiếng Ý).

- Tôi hy vọng rằng ông sẽ thành công: công chúng ở đây chưa bao giờ được nghe một nhà thơ ứng tác. Lòng hiếu kỳ sẽ được kích thích rất mạnh; sự thật thì ở đây ít người biết tiếng Ý, họ sẽ không hiểu được lời thơ của ông cho lắm; nhưng cũng chẳng sao cả; cái chính là làm sao để ông trở thành một người thời thượng.

Nhà thơ ứng tác suy nghĩ một lát, rồi nói:

- Nhưng nếu ở đây không có ai hiểu tiếng Ý thì ai người ta đến nghe tôi làm gì?

- Ông đừng sợ, thế mà họ cứ đến đấy; người thì đến vì tò mò, người thì đến để giết thì giờ, lại có người đến để tỏ ra rằng ta cũng biết tiếng Ý; tôi đã bảo là chỉ cần làm sao ông trở thành một người thời thượng thôi; mà ông thế nào cũng trở thành một người thời thượng, tôi xin cam đoan như vậy.

Sau khi ghi lại địa chỉ của nhà thơ ứng tác, Tsarxki thân ái chia tay với anh ta, và ngay chiều hôm đó chàng bắt tay lo liệu cho anh ta.

CHƯƠNG II

**Ta là vua, ta là nô lệ
ta là sâu bọ, ta là thánh thần**

Dergiavin⁴

Ngày hôm sau Tsarxki đi vào dãy hành lang tối tăm và bẩn thỉu của một quán trọ tìm phòng số 35. Chàng dừng lại trước cửa phòng và đưa tay gõ mấy

tiếng. Người Ý hôm qua ra mở cửa.

- Đại thắng lợi! - Tsarxki nói. - Công việc của ông ổn lắm rồi. Công tước phu nhân X, cho ông mượn phòng đây; hôm qua trong một buổi dạ hội tôi đã rủ được nửa thành Pêterburg rồi đấy. Ông cho in vé và quảng cáo đi. Tôi xin cam đoan với ông là nếu không thành công chẳng nữa, thì cũng thu được một số tiền kha khá...

- Mà đó mới là cái chính! - Người Ý kêu to, đồng thời biểu lộ nỗi vui mừng bằng những cử chỉ khoa chân múa tay thường thấy ở những người quê phương Nam. - Tôi biết rằng thế nào ông cũng giúp tôi mà. *Corpo di Bacco!* Ông cũng như tôi, đều là nhà thơ cả; người ta nói thế nào thì nói, chứ đã là thi sĩ thì thế nào cũng là người tốt! Tôi biết lấy gì để cảm ơn ông đây? Xem nào... hay tôi ứng tác cho ông nghe một bài nhé?

- Ứng tác à?... Chả nhẽ ông có thể ứng tác mà không cần có công chúng, không cần âm nhạc, không cần tiếng vỗ tay?

- Cần gì, cần gì! Tìm đâu ra một công chúng tốt hơn nữa? Ông là nhà thơ, ông sẽ hiểu tôi hơn họ nhiều, và sự tán thưởng im lặng của ông đối với tôi còn quý gấp mấy những tràng vỗ tay âm ỉ của họ... Ông ngồi tạm đâu đấy và ra đề cho tôi đi.

* Quý tha ma bắt! (tiếng Ý).

Tsarxki ngồi lên trên một chiếc va-li (trong căn phòng chật hẹp có được hai chiếc ghế, thì một chiếc chiếc đã bị gãy, còn chiếc kia thì chất đầy giấy má và áo quần). Nhà thơ ứng tác với lấy cây đàn ghi-ta để trên bàn và đứng trước mặt Tsarxki đưa mấy ngón tay xương xẩu dạo qua vài nốt đờn chàng ra đề.

Tsarxki nói:

- Đây, ông thử làm đề này: nhà thơ tự chọn lấy đối tượng sáng tác; đám đông không có quyền chỉ phối cảm hứng của thi sĩ.

Mắt người Ý sáng lên, anh ta dạo qua vài hợp âm, kiêu hãnh ngẩng đầu lên, và những thi tiết nồng nhiệt, thể hiện một cảm xúc tức thì, nhịp nhàng tuôn ra trên đôi môi của thi sĩ... Tsarxki nhớ thuộc lòng bài thơ đó. Một người bạn của chàng có ghi lại và chuyển cho chúng tôi. Bài thơ như sau:

*Thi sĩ đi, tròn đôi mắt mở,
Nhưng mắt chàng nào có thấy chi;
Một người qua giữa đường đi
Dừng chân kéo áo thăm thì hỏi han...
Sao chàng cứ lang thang thơ thẩn,
Thả mặc dòng nước vẫn trôi xuôi?
Bước lên tới chốn cao rồi,
Mắt đà trông xuống vội rời chân đi.
Anh sống thế ích gì anh hỡi
Trong cuộc đời u tối mù sương;
Để thân mệt mỏi chán chường,*

Vì bầu máu nóng dễ thường tới đâu.
Kìa vật mọn ai nào tưởng tới
Cũng làm anh bối rối lòng say;
Thiên tài phải vút lên mây
Cánh nhà thơ phải tung bay giữa trời.
Dây đàn phải lựa lời say đắm,
Ca bao tình bay bổng chàng ơi!
- Vì sao gió chẳng lên trời
Quay cuồng gió chẳng chịu rời khe sâu?
Tung ngọn lá lên cao, cao mãi
Cuốn bụi mù bay lại bay qua?
Khi trên nước biếc bao la
Con thuyền khát gió nơi xa đợi chờ.
Vì sao tự lũng mờ sương ấy,
Băng tháp cao tung dậy trời mây,
Đại bàng sải cánh đang bay
Sà chân đậu xuống mảnh cây cỗi còm
Sao Đêđêmôn⁵ đẹp thế
Lại yêu chàng trắng sỡ da đen
Như vầng trăng sáng điểm huyền
Sao yêu bóng tối trời đêm mịt mù.
Vị ngọn gió cùng chim bằng ấy
Vội nổi lòng cô gái đang xuân
Luật nào ép nổi mà tuân
Và lòng thi sĩ ví bằng thế thôi.
Như ngọn gió những người thi sĩ
Cuốn về đâu mặc ý riêng lòng.
Cao bay như cánh đại bàng
Và không bận hỏi lòng nàng yêu ai.

Người Ý ngừng ngâm... Tsarxki lặng thinh, ngạc nhiên và xúc động. Nhà thơ ứng tác hỏi:

- Sao, ông thấy thế nào?

Tsarxki nắm lấy tay anh ta và siết thật chặt.

- Thế nào ông? - người Ý lại hỏi. - Có được không?

Nhà thơ đáp:

- Thật là kỳ diệu. Một ý nghĩ của người khác vừa mới thoáng qua tai ông mà đã vụt trở thành vật sở hữu của ông, tưởng chừng như là ông đã từ lâu ôm ấp phát triển nó không ngừng. Vậy ra ông không hề thấy khó khăn, thấy ngượng lạng, cũng không hề có cái tâm trạng bứt rứt bất an thường thấy trước những phút cảm hứng?... Kỳ diệu, thật là kỳ diệu!...

Nhà thơ ứng tác đáp:

- Tài năng là một cái gì thật khó hiểu. Làm sao chỉ trông thấy một khối đá cẩm thạch sù sì nhà điêu khắc lại có thể thấy rõ hình thần Giupite để rồi dùng búa và đục mà đưa cái hình thù ấy ra ánh sáng? Tại sao một ý nghĩ khi từ trong óc nhà thơ tuôn ra đã được vũ trang bằng bốn âm vận và phân bổ thành những câu đều đặn nhịp nhàng? Nghề làm thơ ứng tác cũng vậy, ngoài bản thân người ứng tác ra không ai có thể hiểu cái ấn tượng nhay bén, cái liên hệ chặt chẽ giữa nguồn cảm hứng riêng của mình với cái ý chỉ bên ngoài của một người khác - tôi có giảng giải cho ông nghe cũng vô ích thôi. Nhưng... bây giờ cần phải nghĩ đến

buổi ra mắt đầu tiên của tôi trước công chúng mới được. Ông thấy thế nào? Nên định giá vé là bao nhiêu, để cho công chúng khỏi kêu đắt và đồng thời tôi cũng không đến nỗi thiệt thòi? Nghe nói là la *signora Catalani*“ lấy 25 rúp một vé thì phải? Giá ấy được đấy ông nhỉ...

Phải từ những đỉnh núi cao vọi vọi của thi ca tụt xuống cái quây đềm tiền như vậy, Tsarxki rất lấy làm khó chịu, nhưng chàng cũng hiểu rõ nhu cầu sinh sống của anh bạn và đành bắt tay vào những cuộc tính toán tiền nong với anh chàng thi sĩ người Ý. Trong dịp này nhà thơ ứng tác tỏ rõ một lòng thêm khát tiền bạc say sưa, đến nỗi Tsarxki đâm bực mình, và chàng vội vàng từ giã người Ý, để khỏi mất hẳn cái cảm giác mến phục mà nhà thơ ứng tác đã gây ra trong lòng chàng. Nhà thơ Ý đang mải tính toán, nên không để ý thấy sự thay đổi này. Anh ta tiễn Tsarxki ra hành lang, cúi chào chàng rất kính cẩn và quả quyết với Tsarxki rằng sẽ đời đời nhớ ơn chàng.

CHƯƠNG III

Giá vé 10 rúp; mở màn lúc 7 giờ.

Tờ quảng cáo

Gian phòng của công tước phu nhân X. Được dành cho cuộc biểu diễn của nhà thơ ứng tác. Người ta đã dựng lên một cái bục. Ghế ngồi được xếp thành mười

hai hàng. Đèn ngày đã định, đúng bảy giờ tối, gian phòng thấp đèn sáng trưng. Trước cửa đặt một cái bàn con có một người đàn bà mũi dài ngồi bán vé, đầu đội mũ dạ màu xám có cắm những chiếc lông chim gáy xơ xác, tay đeo dây nhẫn. Ngoài cổng có mấy viên cảnh binh đứng. Công chúng bắt đầu lục tục kéo đến. Tsarxki là một trong những người đến sớm nhất. Chàng rất thiết tha với buổi biểu diễn và muốn gặp nhà thơ ứng tác để hỏi xem chàng ta đã hài lòng về những việc tổ chức trang trí chưa. Tsarxki gặp nhà thơ người Ý đang sốt ruột ngồi nhìn đồng hồ trong gian phòng bên; người Ý ăn mặc như một diễn viên trên sân khấu. Chàng ta vận toàn màu đen từ đầu đến chân. Cái cổ sơ-mi thêu đăng ten để hở ra, và màu da trắng bệch trên cổ tương phản một cách kỳ dị với bộ râu đen rậm rạp. Mái tóc nhà thơ rủ xuống từng chùm viền lấy vầng trán và đôi lông mày. Những thứ đó không làm cho Tsarxki vừa lòng lắm: chàng thấy khó chịu khi thấy một nhà thơ mà lại ăn mặc như một thằng hề như vậy. Tsarxki hỏi thăm anh ta dăm ba câu và ra ngồi ở phòng ngoài. Bảy giờ công chúng đến mỗi lúc một đông.

Chẳng bao lâu các dãy ghế bành đã chật những khách nữ giới ăn mặc cực kỳ sang trọng. Nam giới thì đứng vòng quanh thành một cái khung chật ở cạnh bục, dọc hai bên tường và sau hàng ghế cuối cùng. Các nhạc công đặt giá nhạc và ngồi ở hai bên bục. Ở giữa, trên một chiếc bàn có đặt một cái bình sứ. Công

chúng đến rất đông. Mọi người đều nóng lòng chờ buổi biểu diễn bắt đầu. Cuối cùng đến bảy giờ rưỡi các nhạc công rục rịch soạn sửa, rồi bắt đầu chơi đoạn nhạc mở màn của vở Tängkrét⁷. Mọi người đều ngồi vào chỗ và im lặng. Những phách cuối cùng của đoạn nhạc mở màn đã cử xong... Nhà thơ ứng tác bước ra, tiếng vỗ tay từ bốn phía nổi lên vang dội. Người Ý vừa cúi chào, vừa đi ra đến tận ngoài lề cái bục.

Tsarxki sốt ruột chờ xem cái phút đầu này gây một ấn tượng như thế nào, nhưng chàng để ý thấy rằng cách phục sức của người Ý mà chàng thấy khó chịu, lại không hề gây nên trong công chúng một ấn tượng như thế. Ngay bản thân chàng cũng không thấy anh ta có gì buồn cười khi trông thấy anh ta ở trên bục, khuôn mặt tái xanh, dưới ánh sáng rục rỏ của dây đèn treo và đèn nền. Tiếng vỗ tay đã ngớt, tiếng nói chuyện im hẳn... Người Ý dùng một thứ tiếng Pháp lơ lớ thỉnh cầu các quý khách ra cho một số đề, vị nào ra đề sẽ viết nó vào một mảnh giấy riêng. Trước lời thỉnh cầu đột ngột đó mọi người đều im lặng đưa mắt nhìn nhau, chẳng thấy ai đáp lại lấy một lời. Người Ý đứng đợi một lát, rồi nhắc lại lời thỉnh cầu lúc nãy với một giọng rụt rè, nhỏ nhẹ. Tsarxki bấy giờ đứng ngay ở bên cạnh bục. Chàng bắt đầu thấy lo lắng bứt rứt: chàng thấy trước rằng không có chàng thì e việc này không xong, và thế nào rồi chàng cũng phải viết đầu đề của mình ra. Quả nhiên mấy cái đầu phụ nữ

đã quay sang phía chàng và bắt đầu cất tiếng gọi chàng, lúc đầu còn gọi khe khẽ, sau càng ngày càng to dần. Nghe tên Tsarxki, nhà thơ ứng tác liền đưa mắt tìm chàng ở phía dưới chân mình, rồi trao cho chàng một cây bút chì và một mảnh giấy, miệng mỉm cười thân ái. Phải đóng một vai trò trong tấn hài kịch này, Tsarxki rất khó chịu, nhưng bây giờ không còn biết làm thế nào nữa; chàng cầm lấy cây bút chì và mảnh giấy trên tay người Ý viết mấy chữ vào đấy. Người Ý từ trên bục bước xuống, đến lấy cái bình để trên bàn đưa cho Tsarxki. Tsarxki bỏ mảnh giấy của mình vào bình. Gương mặt của chàng có tác dụng ngay; hai nhà báo, với tư cách là những người hoạt động văn học, tự thấy có nhiệm vụ mỗi người viết một đề. Viên thư ký đại sứ quán Nêapôn và một chàng thanh niên vừa mới đi du lịch về và trí óc còn đang mơ tưởng thành Phlôrenxi cũng ra để bỏ vào bình. Cuối cùng một cô gái xấu xí, theo lệnh của bà mẹ, nước mắt lưng tròng, cũng viết mấy dòng bằng tiếng Ý và đỏ mặt tía tai đưa cho nhà thơ ứng tác, trong khi các bà các cô khác nhìn cô ta, trên nét mặt thoáng vẻ giễu cợt. Trở về bục, nhà thơ ứng tác đặt chiếc bình lên bàn và bắt đầu lần lượt lấy mấy mảnh giấy ra đọc to từng mảnh một;

Gia đình Tsentsi

(La famiglia dei Cenci.)

L'ultimo giorno di Pompeia.

Cleopatra e i suoi amanti.

La primavera veduta da una prgione.

Il trionfo di Tasso^{*}

- Thưa quý vị, ý quý vị thế nào ạ! - Người Ý rút rè hỏi đám công chúng. - Bây giờ tôi tự chọn lấy một trong các đề tài đã ra hay cần phải bắt thăm để quyết định ạ?

Trong đám đông có tiếng nói:

- Bắt thăm!

- Bắt thăm, bắt thăm! - Công chúng lặp lại.

Nhà thơ ứng tác lại từ trên bục bước xuống, tay cầm chiếc bình, hỏi công chúng: - Vị nào vui lòng muốn rút thăm xem cần phải chọn đề nào đây ạ? - Nhà thơ ứng tác đưa mắt van lơn nhìn qua mấy dãy ghế trước. Trong số các cô, các bà ăn mặc sang trọng ngồi ở đây không có ai nhúc nhích. Nhà thơ Ý chưa quen với cái vẻ lạnh nhạt của người phương Bắc nên hình như khổ tâm lắm... Chợt chàng trông thấy phía bên cạnh có một bàn tay nho nhỏ đi găng trắng giơ lên. Chàng háo hức quay sang phía đó ... đến gần một thiếu nữ xinh đẹp ngồi một cách trang trọng ở cuối dãy ghế thứ hai. Cô thiếu nữ không chút ngượng nghịu thò bàn tay quý phái vào bình và, với một cử chỉ hết sức tự nhiên đơn giản, rút ra một mảnh giấy.

Nhà thơ ứng tác bảo thiếu nữ:

* Gia đình Tsentsi. - Ngày cuối cùng của thành Pômpei. - Clêôpatra và các tình nhân của bà ta. - Mùa xuân nhìn qua cửa ngục. Cuộc khởi loạn của Tasso (*tiếng Ý*)⁸.

- Xin cô làm ơn mở ra và đọc lên cho.

Cô thiếu nữ mở mảnh giấy ra và đọc:

- *Cleopatra e i suoi amanti.*

Cô thiếu nữ đọc rất khẽ, nhưng trong phòng bấy giờ im phăng phắc nên ai nấy đều nghe rõ mồn một. Nhà thơ ứng tác cúi mình rất thấp chào cô thiếu nữ, với vẻ biết ơn sâu sắc, và trở về chiếc bục của mình, quay về phía công chúng nói:

- Thưa quý vị, như vậy là tôi phải ứng tác theo đề tài “Clêôpatơra và các tình nhân của bà”. Tôi xin trân trọng yêu cầu vị nào đã ra đề này cho biết rõ ý: vị đó muốn nói đến những người tình nào, *perché la grande regina n'aveva molto...**

Nghe nói đoạn nhiều vị khách nam giới cười rất to tiếng. Nhà thơ ứng tác hơi luống cuống. Chàng nói tiếp:

-Tôi muốn hỏi vị nào đã chọn đề tài này xem vị đó có ý ám chỉ cố sự lịch sử nào... Nếu vị đó có lòng giải thích rõ, tôi xin cảm ơn vạn bội.

Không có ai chịu trả lời ngay cho. Một vài thiếu phụ nhìn sang phía người thiếu nữ xấu xí lúc nãy đã viết đề theo lệnh của bà mẹ. Người con gái đáng thương nhận thấy sự chú ý thiếu thiện cảm này và cảm thấy bối rối, đến nỗi nước mắt chảy ướt cả hàng mi... Tsarxki trông thấy thế không sao đành lòng được. Chàng quay sang phía nhà thơ ứng tác và nói

* Vì vị nữ hoàng vốn có nhiều tình nhân lắm... (tiếng Ý).

với anh ta bằng tiếng Ý:

- Đề đó chính tôi ra. Tôi muốn nói đến một mẩu chuyện do Avrêlia Víchto⁹ kể lại. Theo câu chuyện này thì nữ hoàng Clêôpatơra có lần đã định giá một đêm ái ân của mình là một mạng người, và đã có những người không thấy sợ hãi và ghê tởm trước điều kiện này... Nhưng tôi thấy hình như đề tài này hơi khó khăn một chút... có lẽ nên chọn một đề tài khác chẳng?...

Nhưng nhà thơ ứng tác đã bắt đầu cảm thấy hơi thở của thần thi ca... Chàng ra hiệu cho các nhạc công bắt đầu cử nhạc. Sắc mặt chàng tái xanh đi một cách kinh khủng, chàng run lên như đang cơn sốt; mắt chàng sáng lên một tia lửa thần diệu; chàng lấy tay hất mái tóc đen nhánh, dùng khăn mùi-soa lau vầng trán cao lấm tấm mồ hôi... rồi bỗng bước tới trước, khoanh tay trước ngực thành hình chữ thập... Âm nhạc ngừng... Cuộc ứng tác bắt đầu.

*Lâu dài rực sáng. Tiếng đồng ca,
Tiếng đàn ngân theo tiếng sáo chung hoà.
Nữ hoàng đấy, mắt đưa cùng tiếng nói
Làm tung bừng thêm tiệc lớn nguy nga;
Những trái tim vươn sát tới ngai vàng,
Bỗng nữ hoàng nghiêng mái đầu diễm lệ
Trên chén vàng, dáng trầm lặng nghĩ suy...*

*Và tiệc lớn huy hoàng như lặng thiếp ngay đi...
Khách bật tiếng và im ngừng giọng hát.*

Nhưng nữ hoàng lại bừng vui khoé mắt,
Ngẩng đầu lên đông dạc tiếng truyền đưa:
- Được ái ân cùng ta là diễm phúc các người ư?
Diễm phúc ấy các người mua được đấy!
Hãy im lặng nghe lời ta phán dạy:
Giữa chúng ta, ta muốn xoá rào ngăn,
Ai sẽ đến cùng ta mua bán ái ân?
Ái ân ấy phen này ta sẽ bán;
Hãy nói đi ai là người sẽ dám
Mua một đêm ái ân với riêng ta,
Và trả bằng tính mệnh chẳng kêu ca!

Nữ hoàng phán - và mọi người kinh hãi
Và bao trái tim rung vì lửa lòng rực cháy...
Nàng lắng nghe: bỗng rồi tiếng thì thầm,
Gương mặt lạnh lùng, ngao nghê dừng đứng,
Và khinh khỉnh mắt đưa nhìn mọi kẻ
Đang ước mơ mình mà nổi lòng không dám hé...
Bỗng một người rẽ vội dám đông lên,
Và tiếp bước là hai chàng khác nữa.
Thế hiện ngang, mắt ngời như ánh lửa;
Nàng đứng lên nghênh tiếp ba người
Lòng thuận lòng ba tối trắng mua vui
Và chặn gỏi côi âm đang dập dồn gọi họ.

Và kìa trông các thầy phù thủy nọ
Đã dốc bình định mệnh sẵn trong tay
Trước mặt bao người đang lặng đứng nơi đây;

Ba chiếc thăm định kẻ sau người trước.
 Và Phlavi là tên người thứ nhất,
 Đã lũng danh tay trắng sĩ can trường,
 Trong đoàn quân La Mã ruổi muôn phương;
 Từng dạn gót bàn chân nơi trận địa;
 Không chịu nổi nữ hoàng kia ngạo nghệ,
 Quá khinh người vênh váo kiêu căng;
 Chàng nhận lời thách thức ái ân
 Như đã nhận, những ngày trên trận tuyến
 Lời thách thức bước vào huyết chiến.
 Tiếp theo chàng: vị hiền triết Critôn,
 Tuổi thiếu niên, nhưng tiếng đã vang đồn,
 Chàng sinh trưởng trong cánh rừng hút gió
 Của Êpiqueya¹⁰ và tôn thờ ngưỡng mộ
 Kiprida¹¹, Kharít¹² và Amua¹³.
 Trông dáng chàng mắt ngắm thấy đều ưa,
 Như một đoá hoa xuân vừa hé nở.
 Người sau rốt, tên chẳng truyền trong sử,

Trên má chàng mơn mớm chớm lông tơ,
 Trên mắt chàng lóng lánh lửa say mơ,
 Và sức mạnh ái ân dường sóng bể
 Sôi sục dậy trong tim chàng son trẻ,
 Và nữ hoàng kinh ngạc ngược trông chàng.
 - Ôi! Nữ thần của lạc thú truy hoan,
 Ta nguyện sẽ cúi bên người phụng sự
 Như một kẻ trên đời chưa từng có
 Ta tới nơi như một kẻ nữ tỳ

Trên gỏi chăn của ân ái mê ly.
Hãy nghe đây, hồi nữ thần Kiprida
Các người nữa, hồi các thần địa ngục,
Hồi các thần của Ait¹¹ hung tà!
Ta nguyện thề đến tận sáng mai ra
Cho đến phút bình minh bùng toả sáng,
Ta nguyện quyết sẽ làm cho thỏa mãn
Những lòng người lửa dục đang bùng lên,
Ta sẽ làm mê mẩn đến cuồng điên
Những kẻ chiếm thân ta và sẽ làm sáng rõ
Những bí quyết ái ân đã từng che giấu họ,
Và khoái lạc thần tiên mãn nguyện tràn đầy.
Nhưng hề chúa bình minh vĩnh cửu đã vung tay
Tung ánh sáng lên trời cao chói đỏ,
Ta thề - dưới lưỡi dao thần đao phủ
Đầu những người diễm phúc sẽ băng rơi.

Năm 1835
Thuỷ Nguyên dịch



NGƯỜI CON GÁI VIÊN ĐẠI ÚY

Hãy giữ gìn danh dự từ khi còn trẻ trung.

Châm ngôn

CHƯƠNG I

TRUNG SĨ QUÂN CẬN VỆ

- Vào cận vệ, nay mai thăng đại úy.
- Cần gì, vào quân chiến đấu là hơn.
- Phải đấy! Cho nó nếm đời binh sĩ...

.....
Nhưng mà này, thế cha nó là ai?

Knhiagionhin'

Cha tôi là Andrây Pêtrôvích Grinhốp, thời còn trẻ đã từng tòng ngũ dưới quyền bá tước Miních², và đến năm 17... thì về hưu với chức trung tá. Từ đấy, cha tôi sống ở làng quê miền Ximbiécxcơ, làm bạn với mẹ tôi, tức là bà Ápđôchia Vaxiliépna lu., con một người quý tộc nghèo ở trong vùng. Chúng tôi cả thấy được chín anh chị em. Các anh các chị của tôi đều mất từ khi còn bé.

Tôi hãy còn nằm trong bụng mẹ thì đã được ghi

tên vào làm trung sĩ ở trung đoàn Xêmiônốpki³, nhờ ơn quan thiếu tá cận vệ là công tước B., một người có họ gần với nhà tôi. Vì thử trái với lòng mong đợi của mọi người mà mẹ tôi lại sinh ra một đứa con gái, thì cha tôi sẽ thông báo cho những nơi có thẩm quyền hay rằng chàng trung sĩ kia không đến trình diện được vì đã tử trận, và câu chuyện đến đây ắt là hết. Từ khi lên năm, tôi được giao cho bác giám mã Xavêlich trông nom. Bác này vì hạnh kiểm tốt, không hay rượu nên được thăng chức lên làm gia sư của tôi⁴. Nhờ ông gia sư này chăm sóc, đến năm mười hai tuổi, tôi đã biết đọc biết viết chữ Nga, và đã có thể nhận xét một cách thành thạo về những cái hay cái dở của một con chó săn. Đến lúc này, cha tôi thuê một ông thầy người Pháp gọi là me-xư Bôprê. Người này được nhà tôi gửi đặt từ Mátxcơva về cùng với cỗ rượu vang và dầu ô-liu, từ vùng Prôvanxơ để dành dùng quanh năm. Xavêlich thấy ông ta đến thì rất bức mình. Bác câu nhàu: “Lạy Chúa, đứa trẻ thế là cũng được ăn no, tắm rửa, chải chuốt sạch sẽ rồi, chứ còn gì. Việc gì phải tốn tiền vô ích đi thuê một me-xư về, cứ như ở nhà không có người nữa ấy!”

Bôprê khi ở Pháp làm nghề thợ cạo, sau đó thì đi lính sang Phổ, rồi sau lại sang Nga *pour être outchitel**,

* Để làm thầy giáo (tiếng Pháp).

tuy cùng chẳng hiểu rõ ý nghĩa của danh từ này cho lắm. Bôprê là một con người cũng hiền lành, nhưng bông lông và phóng đảng hết chỗ nói. Nhược điểm chính của ông ta là quá ưa phái đẹp, nhiều khi vì quá si tình như vậy mà bị những trận đòn về nằm rên suốt mấy ngày liền. Ngoài ra (theo lối nói của ông ta) thì Bôprê cũng không phải là một *kẻ thù của chai be*, nghĩa là (nói theo lối Nga), rất thích quá chén. Nhưng vì ở nhà chỉ dọn rượu vang vào bữa ăn trưa, mà lại chỉ rót từng cốc nhỏ một, hơn nữa người hầu bàn lại thường lơ hẩn ông giáo, cho nên ông Bôprê của tôi chỉ ít lâu là quen với rượu mùi Nga, thậm chí lại đam ra thích thứ rượu này hơn cả các thứ rượu nho ở nước nhà nữa là khác, vì rượu của Nga bổ dạ dày hơn không biết bao nhiêu mà kể. Bôprê với tôi lập tức thấy hợp nhau, và tuy cứ như trong giao kèo thì lẽ ra ông ta phải dạy tôi *tiếng Pháp, tiếng Đức và tất cả mọi thứ khoa học*, nhưng ông ta lại chỉ thích tôi bày cho đàm câu tiếng Nga nói lồm bồm, và sau đó thì mỗi người chúng tôi quay ra làm việc riêng của mình. Bôprê và tôi sống với nhau rất tâm đầu ý hợp. Tôi không hề ao ước có một ông thầy nào khác hơn là thế. Nhưng chẳng bao lâu số phận buộc chúng tôi phải xa nhau. Đầu đuôi như thế này.

Chị thợ giặt Palasca, một cô gái to béo, mặt rỗ, cùng chị chăn bò chột mắt là Acunca không biết làm sao mà như đồng tình cùng một lúc vào quý sụp xuống

van lay mẹ tôi, tự thú là đã quá yếu đuối mà thành tội lỗi, và khóc lóc than thở về nỗi mẹ-xù kia đã lạm dụng sự đại dốt của họ mà quyến rũ họ. Mẹ tôi vốn không ưa đùa với những chuyện như thế, liền đem mách lại với cha tôi. Cha tôi xử trí rất nhanh và gọn. Người lập tức cho gọi cái tên Pháp chó chết ấy đến. Người nhà thưa rằng mẹ-xù đang dạy tôi học. Cha tôi liền đi vào phòng tôi. Lúc ấy, Bôprê đang nằm ngủ rất ngon lành trên giường. Tôi thì đang bận một công việc rất thú vị. Số là người ta có gửi mua cho tôi một bản địa đồ ở tận trên Mátxcova mang về. Nó cứ nằm chết gí ở trên tường, không hề được dùng đến một máy may, và đã từ lâu nó quyến rũ tôi vì tờ giấy rộng mà tốt quá. Tôi quyết định lấy bản địa đồ ấy làm điều và thừa khi Bôprê đang yên giấc, tôi liền khởi công. Cha tôi vào đúng cái lúc mà tôi đang dính cái đuôi điều vào chỗ mũi Hảo Vọng. Trông thấy tôi đang thực tập về địa lý như vậy, cha tôi liền xách tai tôi mấy cái, rồi chạy đến chỗ Bôprê nằm, lay ông ta dậy không chút nề nang và mắng cho ông ta một thôi một hồi. Bôprê trong cơn bàng hoàng muốn nhồm dậy, nhưng không sao nhấc người lên được: ông thấy người Pháp bất hạnh ấy đang say bí tỉ. Thật là bậy tội, một đền. Cha tôi túm lấy cổ áo Bôprê dựng ông ta dậy, tổng cổ ra ngoài cửa và ngay hôm đó đuổi Bôprê ra khỏi nhà, khiến cho Xavêlich vui mừng không sao kể xiết. Việc dạy dỗ cho tôi đến đây là chấm dứt. Tôi sống như

một thằng nhãi ranh⁵, đi đuổi bò câu và chơi nhảy cừu với bọn trẻ, con cái những người nô bộc trong nhà. Thấm thoát tôi đã được mười sáu tuổi. Đến đây thì cuộc đời tôi thay đổi hẳn.

Hồi ấy là vào mùa thu. Một hôm mẹ tôi đang ngồi trong phòng khách nấu mứt trộn mật, còn tôi thì liếm môi liếm mép lân la đứng xem những cái bọt tăm sủi lên trên nồi mật. Cha tôi ngồi cạnh cửa sổ đọc quyển “Niên lịch Triều đình”⁶ mà hàng năm người vẫn nhận được. Quyển sách này bao giờ cũng có tác động rất mạnh đối với cha tôi: không bao giờ người đọc quyển ấy mà lại không bị nó lôi cuốn một cách đặc biệt, và hễ cứ mỗi lần đọc như vậy thì cha tôi lại cáu bẳn la thườn. Mẹ tôi vốn thuộc lòng những tập quán và tính tình gàn dở của chồng, nên bao giờ cũng giấu quyển lịch này vào một chỗ thật kín. Thành thử nhiều khi cha tôi hàng mấy tháng không trông thấy mặt mũi quyển “Niên lịch Triều đình” đâu cả. Nhưng hễ khi nào tình cờ tìm thấy nó thì cha tôi hàng mấy tiếng đồng hồ không rời nó ra được. Hôm đó cha tôi đang đọc quyển “Niên lịch Triều đình”, thỉnh thoảng lại nhún vai lẩm bẩm: “Trung tướng à!... Thằng cha này hỏi ở đại đội tao mới chỉ là trung sĩ chứ mấy!... Lại cả hai Huân chương Nga-la-tư nữa!... Thì mới đây thôi chứ có lâu la gì đâu, mình vừa...” Cuối cùng cha tôi vất quyển lịch xuống đi-vang và bắt đầu suy nghĩ miên man, về trầm ngâm chẳng báo hiệu một điều gì tốt

lành cả. Bỗng người quay sang hỏi mẹ tôi:

- Bà Ápdôchia Vaxiliépna này, thế chú thằng Piôt nhà ta mấy tuổi rồi nhỉ?

- Thế là gần được mười bảy tuổi rồi đấy, - mẹ tôi đáp. - Nó sinh đúng vào năm dî Naxtaxia Ghêraximópna hỏng mất một mắt ấy mà, hồi ấy hãy còn...

Cha tôi ngắt lời:

- Được rồi, đã đến lúc nó nhập ngũ được rồi đấy! Nó quần quanh trong nhà bọn hầu gái với leo chuồng bồ câu như thế cũng đủ rồi.

Nghĩ đến lúc sắp phải xa tôi, mẹ tôi xúc động đến nổi buột tay đánh rơi cái thìa vào trong nồi mứt và nước mắt người trào ra ướt cả hai bên má. Ngược lại, nỗi lòng hân hoan của tôi thì khó lòng mà tả nổi. Trong trí óc tôi, tòng ngũ có nghĩa là được sống tự do, tha hồ vui chơi ở Pêterburg. Tôi tưởng tượng mình được làm sĩ quan cận vệ mà mừng quýnh lên; theo ý tôi thì đó quả là một điều diễm phúc tuyệt trần rồi vậy.

Cha tôi vẫn không thích thay đổi ý định mà cũng không thích chần chừ trong việc thi hành những ý định ấy. Ngày tôi lên đường đã được ấn định. Trước đấy một hôm, cha tôi có nói rằng người sẽ viết thư cho cấp trên tương lai của tôi và sai đưa giấy bút ra. Mẹ tôi nói:

- Andrây Pêtrôvích, ông nhớ viết là tôi có lời gửi

chào công tước B. nhé; ông viết hộ là tôi hy vọng rằng công tước sẽ không quên che chở cho thằng Piốt.

Cha tôi cau mày đáp:

- Chỉ vớ vẩn! Việc gì tôi lại phải viết thư cho công tước B.?

- Thì ông vừa nói rằng ông định viết thư cho cấp trên thằng Piốt đấy thôi.

- Ủ, thì sao nào?

- Thì cấp trên của thằng Piốt là công tước B. chứ còn ai? Thằng Piốt chẳng đăng vào trung đoàn Xêmiônốpski là gì?

- Đăng với chả đăng! Tôi cần cóc gì nó đăng hay không đăng? Thằng Piốt không đi Pêterburg. Tòng quân ở Peterburg thì học được cái trò trống gì? Học tiêu tiền, học chơi bậy à? Không được! Phải cho nó vào đơn vị chiến đấu mà tập chịu khổ, nó phải ngửi lấy mùi thuốc súng. Nó phải trở thành một quân nhân, chứ không phải là một thằng công tử bột. Đăng vào quân cận vệ! Hộ chiếu nó đâu, đưa đây xem nào.

Mẹ tôi đi lục tìm tờ hộ chiếu của tôi cất trong cái tráp cùng với chiếc áo lót tôi mặc hồi làm lễ rửa tội, rồi tay run run cầm đưa cho cha tôi. Cha tôi chăm chú đọc tờ hộ chiếu, xong đặt nó xuống bàn phía trước mặt và bắt đầu viết thư.

Lòng tò mò cứ day dứt khiến tôi đứng ngồi không yên. Nếu không đi Pêterburg thì còn đi đâu nữa kia

chứ? Tôi nhìn không rời mắt khỏi chiếc bút lông ngỗng của cha tôi đang chậm chạp đưa trên tờ giấy. Cuối cùng cha tôi đã viết xong. Người bỏ bức thư và tờ hộ chiếu vào trong một phong bì, niêm lại, tháo mực kính, rồi gọi tôi lại bảo:

“Mây cầm bức thư này đưa cho ông Andrây Karlóvich R.⁸. Ông ấy là bạn đồng ngũ của tao đấy. Mây sẽ đi Ôrenburg mà tòng quân dưới quyền của Andrây Karlóvich, nghe chưa?”

Thế là tất cả những niềm hy vọng tốt đẹp của tôi đều đã sụp đổ tan tành. Như vậy tôi sẽ không được sống vui vẻ ở Pêterburg nữa, mà lại phải kéo lê cuộc đời tẻ ngắt ở một nơi xa xôi hẻo lánh. Chỉ mới một phút trước đây thôi, tôi đang hân hoan nghĩ đến cuộc đời lính, thế mà bây giờ đối với tôi nó đã là một điều bất hạnh vô cùng. Nhưng chẳng còn biết ăn nói ra làm sao được nữa. Sớm hôm sau một cỗ xe ki-bít-ca trượt tuyết có mui, đi đường trường đã đỗ trước thềm. Người ta chuyển lên xe một chiếc va-li, một cái tráp đựng bộ đồ trà, và những chiếc khăn gói mấy chiếc bánh mì, bánh nướng, những di tích cuối cùng của sự nuông chiều trong gia đình êm ấm. Cha mẹ tôi làm dấu cầu phước cho tôi. Cha tôi bảo: “Con đi đi nhé. Con phải phụng sự cho trung thành Đức vua mà con sẽ tuyên thệ; con phải tuân lệnh cấp trên; đừng có nịnh nọt, xin xỏ gì họ; đừng có xin thêm việc mà cũng đừng lẩn tránh công việc; phải nhớ lấy câu châm ngôn:

phải giữ gìn áo quần từ khi hầy còn mới, phải giữ gìn danh dự từ khi hầy còn trẻ trung”. Mẹ tôi ứa nước mắt dặn tôi phải giữ gìn sức khỏe và dặn dò Xavêlich phải trông non lấy tôi. Họ mặc cho tôi chiếc áo lông tu-lúp bằng da thỏ, rồi quàng ra ngoài một chiếc áo su-ba bằng da cáo. Tôi ngồi lên xe ngựa với Xavêlich và chiếc xe lên đường trong khi tôi khóc như mưa như gió.

Ngay đêm hôm ấy tôi đã đến Ximbiécxơ. Tôi phải ghé lại đây một đêm một ngày để mua sắm các thứ cần dùng: việc mua sắm đó đã giao cả cho Xavêlich. Tôi ghé vào quán trọ. Từ sáng Xavêlich đã chạy khắp các cửa hàng. Ngồi mãi ở cửa sổ nhìn ra cái ngõ bẩn thỉu ở trước mặt cũng chán, tôi đứng dậy đi bách bộ khắp các phòng. Tôi vào phòng bi-a, thì thấy một người cao lớn, tuổi chừng băm năm, râu mép đen, mình mặc áo khoác, tay cầm chiếc gậy bi-a và mồm ngậm ống điếu. Ông ta đang đánh bi-a với người chăm điểm. Người này hễ cứ thắng thì được uống một cốc vót-ca, còn hễ thua thì phải bỏ bốn cẳng chui qua bàn bi-a. Tôi đứng xem hai người đánh với nhau. Cuộc chơi càng kéo dài thì những cuộc du ngoạn bốn cẳng như thế càng diễn ra nhiều hơn, và rốt cuộc lão chăm điểm phải ngồi hẳn lại dưới bàn. Người kia nói mấy câu rất xăng như để đọc điếu văn cho kẻ bại trận, rồi mời tôi chơi một ván. Tôi từ chối vì không biết chơi. Hình như ông ta rất lầy lăm lẹ về điều này. Ông ta

nhìn tôi có vẻ thương hại; nhưng chúng tôi đã bắt chuyện. Tôi được biết rằng ông ta tên là Ivan Ivanovich Durin, là đại úy trong trung đoàn khinh kỵ N., đến Ximbiécxơ để đón lính mộ và hiện nay đang nghỉ tại quán trọ này. Durin mời tôi đánh chén với ông mấy món qua quýt gọi là, theo kiểu con nhà lính. Tôi vui vẻ nhận lời. Hai chúng tôi ngồi vào bàn. Durin uống rất nhiều rượu và rót mời cả tôi cùng uống, nói rằng phải uống để làm quen trước cuộc đời lính tráng; ông ta kể cho tôi nghe những mẫu giai thoại trong quân đội, làm tôi cứ ôm bụng cười lăn ra; khi chúng tôi ở bàn tiệc đứng dậy thì đã trở thành đôi bạn chí thân rồi. Đến đây, ông bạn tình nguyện dạy tôi đánh bi-a. Ông ta nói:

- Con nhà lính như chúng mình là cần phải biết chơi cái món này lắm đấy nhé. Trong khi hành quân chẳng hạn, có ghé vào một thôn ỏ nào đấy, thì phỏng biết làm trò trống gì. Chả nhẽ cứ đi đánh đập bọn Do Thái mãi sao? Đằng nào rồi cũng phải vào quán rượu đánh bi-a thôi, mà muốn thế thì phải biết đánh đã mới được chứ!

Tôi nghe bùi tai quá, liền hết sức chăm chỉ bắt tay vào học. Durin khen lầy khen để, trầm trồ tỏ ý kinh ngạc không hiểu tại sao tôi lại tiến bộ nhanh chóng đến thế! Thế rồi sau mấy bài dạy, ông ta rủ tôi đánh ăn tiền, mỗi điểm nửa xu thôi, chặc! - chả phải cốt ăn thua gì, chỉ để cho nó khỏi sưng thôi: theo ý ông ta

thì chơi sông là một thói rất tệ. Tôi lại ưng thuận, Durin gọi rượu pun-sờ bảo tôi uống thử, nhắc lại rằng cần phải làm quen với đời lính thì mới được, ai lại không có pun-sờ thì còn có ra cái đời lính đâu nữa! Tôi liền nghe theo lời ông. Trong khi đó cuộc chơi của chúng tôi kéo dài. Tôi càng nhấp thêm rượu lại càng hăng tiết. Mấy hòn bi-a của tôi phút phút lại lăn mạnh quá băng ra ngoài thành bàn, tôi nổi nóng lên, gắt mắng người chấm điểm: cái thằng cha đếm điểm chả ra làm sao cả; chốc chốc tôi lại tăng số tiền đặt lên-nói tóm lại tôi hành động như một đứa trẻ vừa mới được tháo cũi sổ lồng. Trong khi đó, thời gian trôi qua rất nhanh mà tôi không hề để ý. Durin liếc nhìn đồng hồ, đặt chiếc gậy bi-a xuống và tuyên bố rằng tôi đã thua một trăm rúp. Tôi hơi lúng túng: tiền của tôi ở như Xavêlich giữ cả. Tôi đã toan xin lỗi, nhưng Durin ngắt lời:

- Không sao! Anh đừng lo gì cả. Tôi đợi một tí cũng không hề gì kia mà; còn bây giờ thì ta hãy đến Arinusca một tí đã!

Biết làm thế nào được? Đầu ngày hôm ấy tôi hưng phấn ra sao thì cuối ngày hôm ấy tôi cũng hưng phấn như vậy. Chúng tôi ăn bữa tối ở nhà Arinusca. Durin cứ rót rượu liên hồi cho tôi, nói đi nói lại rằng phải tập làm quen với đời lính. Khi đứng dậy đi ra khỏi bàn, tôi cứ loạng choạng, chân bước không vững nữa... Đến nửa đêm, Durin dẫn tôi về quán trọ.

Xavêlich đứng chờ tôi ở bậc thềm. Khi thấy những dấu vết rành rành chứng tỏ tôi đã thiết tha với cuộc đời linh đến nhường nào, Xavêlich kêu ồ lên một tiếng và hỏi tôi, giọng thăm thiết:

- Làm sao thế hở cậu? Cậu đi chè chén tận những đâu mà đến nỗi thế này hở? Trời ơi là trời! Từ khi cha sinh mẹ đẻ thật chưa bao giờ đến nông nỗi này!

Tôi lè nhè đáp:

- Im đi, lão khom già! Lão say rồi hẳn? Thôi đi ngủ đi... và diu ta đi ngủ mấy!

Ngày hôm sau tôi thức dậy thì thấy đầu nhức buốt. Tôi ngồi thần thờ nhớ lại mang máng những việc đã xảy ra ngày hôm qua. Tôi đang suy nghĩ miên man như vậy thì Xavêlich bước vào, tay bưng một chén trà. Bác ta lắc đầu nói:

- Cậu bắt đầu chơi bởi như vậy sớm quá đấy, cậu Piôt Andrêevích ạ, sớm quá đấy! Cậu giống tính ai thế? Cả cụ cố, cả cụ thân sinh ra cậu cũng không khi nào say rượu be bét ra như thế; còn mẹ cậu thì không nói làm gì: từ thừa bé, bà nhà không bao giờ uống thứ gì ngoài nước cvát. Thế thì tại ai mà bây giờ đến nông nỗi này? Tại cái me-xu chết rấp kia cả. Cứ lâu lâu lại chạy đến phòng bà Antipiépna: "*Ma-dam, giờ vu pri, vót-ca*".^{*} Đấy cậu thấy chưa, *giờ vu pri* là thế

^{*} Thừa bà, tôi xin bà vót-ca! (tiếng Pháp phiên âm trong nguyên văn).

đấy! Hẳn dạy cậu đã nhiều điều hay ho chưa, cái đồ chó đẻ ấy! Thế mà cũng cứ thuê cho được một tên đi đạo như vậy về làm thầy giáo, làm như ở nhà không có người nữa ấy!

Tôi thấy ngượng quá, bèn quay mặt đi và bảo Xavêlich:

- Thôi lão ra đi, tôi không muốn uống nước trà đâu.

Nhưng một khi Xavêlich đã bắt đầu giảng đạo như vậy, thì rất khó lòng mà ngăn bác lại .

- Đấy, cậu Piôt Andrêevích, cậu đã thấy chơi bời rồi nó thế nào chưa? Vừa nhức đầu này, lại thêm cái chả thiết ăn uống gì cả. Thằng người uống rượu thì còn ra cái gì nữa. Cậu uống lấy ít nước dưa chuột pha với mật nhé, hay tốt hơn cả là uống lấy nửa ly rượu ngâm quả là rễ ngay đấy. Cậu thấy thế nào hở cậu Piôt?

Vừa lúc ấy một đứa bé đi vào và đưa cho tôi một mảnh giấy của I.I. Durin gửi. Tôi mở ra và đọc thấy mấy dòng sau đây:

“Piôt Andrêevích dễ mến, anh gửi hộ cậu bé này mang về cho tôi số tiền một trăm rúp mà anh thua tôi ngày hôm qua. Tôi nay cần tiền lắm lắm.

Người sẵn sàng giúp đỡ anh

Ivan Durin”.

Thôi, chả còn biết làm thế nào được nữa. Tôi làm ra vẻ thản nhiên như không và quay sang Xavêlich là người coi sóc tiền bạc, áo quần và công việc của tôi”.

bảo bác ta đưa cho cậu bé một trăm rúp. Xavêlich ngạc nhiên hỏi:

- Sao? Để làm gì?

Tôi làm ra vẻ lãnh đạm nói:

- Tôi nợ người ta đấy mà.

- Nợ à, - Xavêlich càng sửng sốt, - mới đấy mà sao cậu đã kịp nợ hẳn những ngàn ấy? Vô lý!.. Tuỳ cậu đấy, chứ tôi thì tôi không đưa tiền cho cậu đâu.

Tôi tự nhủ trong cái phút quyết liệt này mà không át giọng cho được lão già gan lì này thì về sau tôi sẽ khó lòng mà thoát khỏi ách kiểm chế của lão; thế là tôi vênh mặt lên kiêu căng nhìn lão, nói:

- Ta là chúa của lão, lão là đầy tớ của ta. Tiền là tiền của ta. Ta đánh bạc thua, là vì ý ta muốn như thế. Còn lão thì ta khuyên lão đừng làm khôn làm khéo, người ta bảo gì thì cứ thế mà làm.

Nghe tôi nói, Xavêlich choáng người đi, chập tay lại trước ngực nghe đánh bộp một cái và đứng ngẩn người ra. Tôi quát:

- Sao còn đứng đực ra đấy hả?

Xavêlich oà lên khóc, bác cất giọng run run nói với tôi:

- Cậu đừng bắt lão phải chết buồn chết khổ. Cậu ơi, cậu nghe lời lão mấy, lão già rồi, lão biết: cậu viết

giấy cho cái thằng ăn cướp kia, nói với hắn là hôm qua cậu đùa đấy thôi, chứ chúng ta không làm gì có ngân ấy tiền! Một trăm rúp à? Trời ơi là trời! Cậu cứ nói với hắn là các cụ nhà cấm ngặt cậu không được đánh chác gì, trừ phi đánh ăn hạt dẻ...

Tôi nghiêm nghị ngắt lời lão:

- Thôi đừng nói lái nhai nữa, đưa tiền đây, không thì ta tổng cổ đi bây giờ!

Xavêlich đưa mắt nhìn tôi, vẻ buồn rầu vô hạn, và lủi thủi đi lấy tiền. Tôi thấy ái ngại cho ông già đáng thương; nhưng tôi lại muốn tháo cũi sổ lồng, và chứng tỏ rằng mình không phải là đứa trẻ con. Số tiền đã được gửi trả Durin. Xavêlich vội vàng đưa tôi đi khỏi cái quán trọ khốn nạn ấy. Tôi rời Ximbiécxcơ, lặng thinh hồi hận, không buồn chào ông thầy dạy “đời lính” nọ và tin rằng không bao giờ còn gặp lại ông ta nữa.

CHƯƠNG II

NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG

Miền đâu vắng ngắt xa vời
Miền này khác lạ, quê người mệnh mông,
Chân ta tự bước trên đồng,
Hay vó ngựa hồng dẫn lối ta đi?
Đưa ta đến tận chốn này,
Là dòng máu nóng những ngày trẻ trung.

**Giục ta rong ruổi cánh đồng,
Là men rượu nồng ngôi quán viễn phương.**

Dân ca cổ¹⁰

Những ý nghĩ miên man của tôi trong lúc đi đường không lấy gì làm vui vẻ cho lắm. Cứ theo giá cả hồi bấy giờ thì số tiền tôi thua bạc không phải là nhỏ. Tôi không thể không thâm thú nhận rằng việc tôi làm trong quán trọ ở Ximbiécxơ thật là ngu xuẩn và cảm thấy mình có lỗi với Xavêlich. Tất cả những điều đó khiến tôi áy náy khổ tâm. Ông già Xavêlich ngồi ở thành xe phía trước, quay lưng lại phía tôi và lặng thinh, thỉnh thoảng chỉ khẽ ho lên mấy tiếng bực dọc. Tôi quyết định làm lành với bác ta, nhưng mãi không biết nên mở đầu thế nào. Cuối cùng tôi nói với bác:

- Thôi, thôi, bác Xavêlich ạ. Thế là được rồi, ta giảng hòa đi, tôi xin lỗi, hôm qua thật tôi hư hỏng quá, tôi đã làm phiền lòng bác một cách vô lý. Tôi hứa với bác là từ nay sẽ ăn ở khôn ngoan hơn và nghe lời bác. Thôi đừng giận nữa nhé. Nào ta làm lành với nhau đi, bác Xavêlich!

Xavêlich thở dài nãy nột đáp:

- Chao ôi, cậu Piôt Andrêêvích ạ, đây là tôi giận cái thân tôi đấy thôi; cơ sự chung quy là tại tôi cả chứ ai. Làm sao tôi lại có thể để cậu một mình ở trong cái quán ấy kia chứ? Biết làm thế nào được! Nghiệp chướng ở đâu ấy, tôi tự nhiên nảy ra ý đến thăm mộ vợ lão thầy trợ lễ là bạn đỡ đầu¹¹ của tôi ngày trước.

Thế đấy: đến nhà bạn đỡ đầu mà hoá ra chui đầu vào ngục. Thật là tai hại hết chỗ nói. Tôi làm thế nào mà dám vác mặt về nhà hai cụ bây giờ? Nếu hai cụ biết là câu rượu chè cờ bạc thế này, thì tôi còn biết ăn nói ra sao nữa?

Để an ủi bác Xavêlich tội nghiệp, tôi quả quyết hứa với bác là từ rày trở đi sẽ không tiêu lấy một xu nhỏ nào mà lại không xin phép bác. Bác dần dần yên tâm, mặc dầu thỉnh thoảng vẫn còn lắc đầu lẩm bẩm: “Chà, một trăm rúp, chứ có phải ít đâu!”

Xe tôi đi đã gần đến nơi đóng quân. Chung quanh tôi là những cánh đồng trống không bát ngát, buồn bã, ngổn ngang những mòm gò và những khe, hồ. Khắp nơi tuyết phủ trắng xóa. Mặt trời đã lặn. Chiếc xe đi theo một con đường nhỏ hẹp, hay nói cho đúng hơn là theo một cái vệt lờ mờ do những chiếc xe trượt tuyết của nông dân để lại. Bỗng nhiên người đánh xe nhìn sang bên cạnh, rồi quay về phía tôi, cất mũi nói:

- Thưa ngài, ngài có ra lệnh cho xe quay trở lại không ạ?

- Tại sao thế?

- Trời này rồi không biết nào. Gió đã thổi mạnh lên ít nhiều rồi đấy. Kìa, ngài xem: lớp tuyết ở trên gió đang quét bay lất phất kia kìa.

- Thế thì đã sao?

- Thế ngài có thấy cái gì không? (Người đánh xe cầm roi ngựa chỉ về hướng đông).

- Ta chả thấy gì cả, chỉ thấy thảo nguyên trắng xoá và trời quang, thể thôi.

- Nhưng phía kia kìa - đấy: cái đám mây con con ấy.

Quả nhiên tôi thấy ở về phía chân trời có một đám mây nhỏ màu trắng, mà thoạt mới trông tôi cứ tưởng là một ngọn đồi. Người đánh xe giảng giải cho tôi biết hề có đám mây như thế là sắp có bão tuyết đến nơi rồi.

Tôi đã từng nghe nói đến những trận bão tuyết ở vùng này và biết rằng nó có thể vùi lấp cả những đoàn xe thô. Xavêlich đồng ý với người đánh xe và khuyên là nên quay trở lại. Nhưng tôi thấy gió thổi không lấy gì làm mạnh lắm, tôi hy vọng có thể đến kịp ngôi trạm sau và bảo đánh ngựa chạy nhanh lên.

Người đánh xe cho ngựa phi nước đại, nhưng mắt thỉnh thoảng vẫn nhìn về hướng đông. Mấy con ngựa chạy rất đều chân. Trong khi đó, gió thổi mỗi lúc một thêm mạnh. Đám mây con con bây giờ đã thành một đám mây trắng rất lớn, nặng nề ùn lên cao, to dần lên mãi và dần dần che kín cả bầu trời. Tuyết bắt đầu rơi từng bông nhỏ, rồi bỗng nhiên đổ xuống từng mảng lớn. Gió rít lên từng hồi. Trận bão tuyết đã đến. Chỉ trong khoảnh khắc bầu trời tối mịt đã hoà lẫn với bề tuyết cuộn cuộn. Mọi vật đều chìm trong bóng tối. Người xà ích nói:

- Ngài đã thấy chưa? Khốn to rồi: bão tuyết đấy...

Tôi nhìn ra ngoài xe: chung quanh chỉ thấy bóng

tối dày đặc và những đám tuyết xoáy cuộn cuộn. Gió rít lên một cách kinh khủng nghe như một con vật khổng lồ đang hú; tuyết trùm lấy tôi và Xavêlich; ngựa đi bước một, rồi dừng hẳn lại.

Tôi sốt ruột hỏi người đánh xe:

- Sao không cho xe đi đi hả?

- Đi làm sao được? - Y vừa đáp vừa rời thành xe leo xuống, - bây giờ chả biết lối nào mà đi nữa: đường thì không có, xung quanh thì tối mịt.

Tôi đã toan mắng, nhưng Xavêlich lên tiếng bênh người đánh xe. Bác ta bực bội nói:

- Không chịu nghe ông ta có phải là... Nếu không thì bây giờ đã về đến trạm, uống chén nước trà, rồi đánh một giấc đến sáng, khi bão ngớt rồi đi có phải hơn không? Đi đâu mà vội nào? Nào có phải đi cưới vợ cho cam!...

Xavêlich nói đúng. Bây giờ thì chả biết làm thế nào nữa. Tuyết cứ đổ từng trận. Chung quanh xe đã ùn lên một đồng tuyết. Ngựa vẫn đứng yên, đầu cúi gầm xuống và chốc chốc lại rùng mình. Người đánh xe xằng xở quanh mấy con ngựa, anh ta không biết làm gì nữa, nên cứ sửa đi sửa lại mãi mấy sợi dây thắng. Xavêlich ngồi cầu nhàu; tôi nhìn ra bốn phía, mong trông thấy một dấu hiệu gì tỏ ra quanh đây có nhà ở hay có lối đi gì chẳng, nhưng chẳng nom thấy gì hết ngoài những đám tuyết xoáy cuộn cuộn... Bỗng tôi thấy một vật gì đen đen. Tôi gọi:

- Ê! Anh đánh xe! Anh trông kia kìa, anh có thấy cái gì đen đen kia không ?

Người đánh xe nhìn một lúc, rồi vừa ngồi vào chỗ vừa nói:

- Thưa ngài, có trời biết được: xe cũng chẳng phải xe, cây cũng chẳng phải cây, hình như nó nhúc nhích ấy, có lẽ là một con sói hay một người nào cũng nên.

Tôi bảo cho xe đến gần vật lạ lúc đó cũng đang đi về phía chúng tôi. Hai phút sau một người lạ mặt đã đứng ngang tầm xe. Người đánh xe nói to:

- Này, ông kia, ông có biết đường đi ở phía nào không ?

Người đi đường đáp:

- Đường thì đây rồi; tôi đang đứng trên mặt đường đất rắn đây. Mà sao kia hả?

Tôi nói với người lạ mặt:

- Nghe đây, bác mu-gích, bác có quen vùng này không? Bác có thể đưa chúng tôi đến chỗ nào nghỉ lại đêm được không ?

Người đi đường đáp:

- Vùng này thì tôi quen, nhờ trời tôi đã đi ngang về dọc khắp miền rồi. Nhưng trời thế này mà đi thì lạc mất. Tốt hơn là hăng đứng đây đã, rồi đợi khi nào bão ngớt trời quang hãy trông sao mà tìm đường.

Giọng nói bình tĩnh của người lạ mặt làm tôi yên lòng. Tôi quyết định phó mặc ý trời, ngủ lại một đêm

giữa thảo nguyên, thì người lạ mặt bỗng nhanh nhẹn ngồi lên thành xe và nói với người xà ích:

- Chà, may quá, gần đây có nhà ở, anh quay sang phải, đi đi!

Người đánh xe có vẻ không bằng lòng, y hỏi:

- Tại sao lại đi sang phải mới được chứ? Đâu, anh thấy lối đi ở đâu nào? Thế ra: ngựa của người khác, cương thắng cũng chẳng phải của mình, cứ tha hồ đánh cho chạy bạt mạng đấy phỏng?

Tôi thấy người đánh xe nói phải. Tôi bảo:

- Mà thật, tại sao bác lại biết là gần đây có nhà ở hả?

Người lạ đáp:

- Gió từ phía ấy thổi lại, tôi ngửi thấy có mùi khói; như vậy tức là gần đây có làng mạc.

Trí thông minh và cái khứu giác phi thường của người lạ mặt khiến tôi rất đổi kinh ngạc. Tôi ra lệnh cho đánh xe đi. Mấy con ngựa nặng nề bước trên lớp tuyết dày. Chiếc xe tiến chậm chậm, khi thì leo lên một gò đất, khi thì tụt xuống một chỗ lõm, nghiêng sang bên này, lắc sang bên kia; cứ như ngồi trên một chiếc thuyền đi giữa biển động vậy. Xavêlich chốc chốc lại kêu ái chà một tiếng khi xe nghiêng làm cho người bác thúc vào cạnh sườn tôi. Tôi buông tấm diềm phủ ngoài xuống, kéo áo khoác trùm cho thật kín và bắt đầu thiu thiu. Tiếng réo của trận bão và nhịp lắc lư của chiếc xe đi chậm chậm như ru tôi ngủ.

Và tôi mơ thấy một chuyện mà về sau không bao giờ tôi có thể quên được, và cho đến nay tôi vẫn còn thấy trong giấc mơ đó có một cái gì linh ứng lạ thường khi tôi đối chiếu lại những sự việc kỳ lạ đã xảy ra trong đời tôi. Độc giả sẽ lượng thứ cho tôi, vì có lẽ qua kinh nghiệm độc giả cũng biết rằng con người cũng rất dễ tin nhảm, mặc dầu người ta hết sức khinh miệt lối mê tín như vậy.

Tôi đang ở trong cái trạng thái mà sự thật dần dần nhường bước cho cõi mộng và pha lẫn với nó thành những hình ảnh mơ hồ khi ta bắt đầu chiêm thiếp. Tôi có cảm giác là trận bão hãy còn dữ dội và chúng tôi vẫn còn đi vu vơ trên cánh đồng hoang phủ tuyết... Bỗng tôi thấy một cái cổng và thấy xe đi vào sân đình thự nhà tôi. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là sợ rằng cha tôi sẽ nổi giận vì tôi đã vô tình trở lại nhà và tưởng rằng tôi đã cố ý trái lệnh người. Tôi lo lắng nhảy xuống xe và thấy mẹ tôi đứng đón tôi ở bậc thềm, vẻ buồn rầu vô hạn. Người bảo tôi: “Khế chứ, cha con ốm cấp qua đời rồi, đang mong được gặp lại con lần cuối cùng đây”. Tôi hốt hoảng theo mẹ tôi vào phòng ngủ. Tôi thấy gian phòng tối mờ mờ, bên cạnh giường có nhiều người đứng, vẻ mặt buồn rầu. Tôi rón rén bước lại phía giường. Mẹ tôi vén màn lên và nói: “Ông Andrây Pêtrôvích, thằng Piôt đã về đây rồi: nó biết ông ốm nên quay trở lại đây; ông làm dấu ban phước cho nó đi”. Tôi quỳ xuống và ngước mắt nhìn người bệnh. Ô,

sao thế này?.. Hoá ra đây không phải là cha tôi: người nằm trên giường là một người nông dân để bộ râu đen, đang vui vẻ đưa mắt nhìn tôi. Tôi bàng hoàng quay lại phía mẹ tôi, nói: “Như thế nghĩa là thế nào? Đây có phải là cha con đâu? Tại sao con lại phải đến cho một lão nông dân ban phúc?” Mẹ tôi đáp: “Cũng thế thôi con ạ, đây là cha chủ hôn của con đấy, con đến hôn tay người đi, để người làm dấu ban phúc cho con...” Tôi một mực không chịu. Lúc đó người nông dân từ trong giường chồm dậy, với tay rút một cái rìu ở sau lưng ra và bắt đầu vung lên tứ phía. Tôi muốn bỏ chạy, nhưng không sao chạy được; gian phòng đã đầy những xác chết; tôi cứ vấp vào các thân ma và trượt chân trên những vũng máu nhầy nhụa... Người nông dân kinh khủng kia ôn tồn gọi tôi lại nói: “Đừng sợ, lại đây ta ban phúc cho...” Tôi sợ hãi và bàng hoàng không sao tả xiết... Vừa lúc ấy tôi tỉnh dậy. Ngựa đã dừng lại, Xavêlich kéo tay tôi, bảo: “Xuống thôi cậu, đến nơi rồi”.

Tôi giụi mắt hỏi:

- Đến đâu rồi?

- Đến quán trọ. Nhờ trời, chúng ta đã đâm thẳng vào hàng rào nhà này. Xuống nhanh đi cậu, xuống nhanh vào mà sưởi cho ấm.

Tôi xuống xe. Trận bão tuyết vẫn còn tiếp tục, nhưng không dữ dội như trước. Trời tối đen như mực. Chủ quán đứng đón chúng tôi ở cổng, tay cầm cái đèn

che dưới vạt áo, và dẫn tôi vào một căn phòng chật hẹp, nhưng sạch sẽ, sáng mờ mờ ánh lửa vỏ bào. Trên vách có treo một khẩu súng trường và một chiếc mũ Cô-dắc chóp cao.

Chủ quán là một người Cô-dắc vùng sông Iaích¹², một nông dân trạc chừng sáu mươi tuổi, hãy còn mạnh khỏe và nhanh nhẹn. Xavêlich mang cái trap đựng ấm chén vào cho tôi và hỏi xin lửa đun nước pha trà. Chưa bao giờ tôi thấy cần uống chén trà nóng như thế này. Lão chủ quán thì xống xở đi dọn dẹp. Tôi hỏi Xavêlich:

- Thế người dẫn đường đâu?

- Thưa ngài đây ạ, - một giọng nói đâu ở phía trên đầu tôi đáp lại. Tôi ngược mắt nhìn lên giàn gác thì thấy một bộ râu đen và hai con mắt sáng quắc. Tôi hỏi:

- Thế nào, bác kia, rét lắm hả?

- Mặc một cái áo dạ thô thùng be bét ra thế này thì gì mà chả rét! Tôi cũng có áo tu-lúp, nhưng chả giấu gì ngài, tôi hôm qua tôi gán nợ cho lão chủ quán rượu rồi, chả là hôm qua trời có vẻ không lấy gì làm rét lắm.

Lúc ấy ông chủ quán bưng chiếc ấm xa-mô-va đang sôi vào, tôi mời người dẫn đường của tôi uống một chén; hắn ta liền từ trên giàn tụt xuống. Dung mạo của hắn khiến tôi chú ý: hắn trạc độ bốn mươi, người tầm thước, dáng xương xương, vai rộng. Bộ râu đen có điểm mấy đường hoa râu; đôi mắt to và linh hoạt

luôn đưa đi đưa lại. Về mặt hấn cũng dễ ưa, nhưng có một cái gì hơi quý quýệt. Tóc hấn húi thành một vòng tròn quanh đầu theo kiểu của người Cô-dắc, hấn mặc một cái áo dạ thô đã sờn rách và một cái quần thụng kiểu Tác-ta. Tôi đưa chén trà mời hấn uống; hấn nhấp một ngụm, rồi nhàn mặt:

- Thưa ngài, xin ngài làm ơn bảo đem cho một cốc rượu: Người Cô-dắc chúng tôi không quen uống nước trà đâu.

Tôi vui lòng chiều ý hấn. Chủ quán mở chạn lấy chai cốc mang lại, rồi nhìn chằm chằm vào mặt hấn, nói:

- Ê hê! Chú mày lại đến vùng này đây hử? Ở đâu đến thế?

Người dẫn đường của tôi nháy mắt một cái, vẻ hóm hình, rồi trả lời bằng một câu tục ngữ:

- Chim bay vào vườn, chim nhá hạt dẻ, bà già ném đá, may lại trượt tay. Thế còn công việc của bác ra sao rồi?

Chủ quán vẫn dùng lời nói lóng, trả lời:

- Việc chúng tớ ấy à? Cũng định là đến giờ rung chuông nguyện, nhưng bà cố đạo không cho: ông cố đạo đi vắng, mà quý ở ngoài mồ.

- Thôi bác im mồm đi, có trận mưa rào thì khắc có nồm, mà đã có nồm thì cũng khắc có gió. Nhưng bây giờ thì, - đến đây hấn lại nháy mắt, - giấu rìu sau lưng đã, có kiếm lâm đấy! Thưa ngài, xin nâng cốc

chúc ngài sức khỏe!

Nói đoạn hắn cầm cốc rượu, làm dấu thánh giá, rồi uống một hơi cạn sạch. Xong hắn cúi chào tôi, rồi leo lên giàn gác.

Lúc ấy, tôi nghe mấy câu nói lóng kia chẳng hiểu tí gì; mãi về sau tôi mới đoán ra rằng họ nói chuyện với nhau về công việc của đội quân Cô-dắc miền sông Iaích nổi loạn hồi 1772¹³ và bây giờ vừa mới bị dẹp yên. Xavêlich nghe hai người nói chuyện, vẻ rất khó chịu. Bác ta ngờ vực đưa mắt hết nhìn lão chủ quán lại nhìn người dẫn đường. Ngôi quán này - tiếng địa phương gọi là *umét* - dựng ở một nơi khuất nẻo, giữa thảo nguyên xa cách làng mạc, và có vẻ như một nơi hèn hờ của phường trộm cướp. Nhưng bây giờ chả còn biết làm thế nào được nữa. Chả nhẽ lại dùng dùng bỏ đi? Vẻ lo lắng của Xavêlich làm cho tôi buồn cười. Tôi bắt đầu dọn chỗ ngủ và nằm ra chiếc ghế dài. Xavêlich leo lên lò sưởi¹⁴, còn chủ quán thì nằm ở giữa sàn nhà. Chẳng bao lâu trong ngôi nhà gỗ, tiếng ngáy đã vang lên, và tôi thiếp đi, ngủ say như chết.

Sáng hôm sau tôi dậy hơi muộn, nhìn ra ngoài thì thấy cơn bão đã tạnh hẳn. Mặt trời sáng rực. Thảo nguyên mênh mông phủ tuyết trắng xóa nhìn chói cả mắt. Ngựa đã thắng xong. Tôi trả tiền trọ cho chủ quán: lão ta tính giá rất phải chăng, đến nỗi ngay cả Xavêlich cũng không kỳ kèo mặc cả như mọi khi, và những mối ngờ vực tối hôm qua trong đầu óc bác đều

tiêu tan đi đâu cả. Tôi gọi người dẫn đường lại, cảm ơn hắn đã giúp đỡ chúng tôi và bảo Xavêlich cho hắn năm hào uống rượu. Xavêlich cau mặt lại:

- Năm hào uống rượu à! Hắn làm được cái gì mà cậu thưởng? Hắn chỉ có việc ngồi xe của cậu đi đến tận quán trọ chứ có gì đâu mà cậu thưởng. Tùy cậu đấy, chứ bây giờ chả còn đồng năm hào nào thừa cả... Cứ bạ ai cũng cho tiền uống rượu, thì rồi chả mấy chốc mà chết đói.

Tôi không thể cãi lại Xavêlich được. Cứ như lời tôi đã hứa thì tiền bạc hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của bác ta. Song tôi rất lấy làm ân hận là không trả ơn được người đã giúp tôi thoát ra khỏi một tình cảnh nếu không phải là nguy hiểm thì ít ra cũng rất bức mình. Tôi thần nhiên nói:

-Thôi được, nếu bác không muốn cho người ta năm hào thì xem còn cái áo nào đấy bác lấy mà cho người ta vậy. Bác ấy ăn mặc phong phanh quá! Cho bác ấy cái áo tu-lúp da thỏ của tôi đi.

Xavêlich kêu lên:

- Trời, cậu Piôt Andrêevich! Hắn lấy cái áo da thỏ của cậu làm gì kia chứ? Rồi lại nướng ngay vào quán rượu cho mà xem.

Người dẫn đường nói:

- Đây tôi có nướng hay không nướng thì việc gì đến lão? Quan ngài đã có lòng tặng tôi cái áo trên vai ngài thì đó là ý muốn của ngài, còn lão thì chỉ nên

tuân lệnh ngài, chứ đừng cãi cợ gì cả.

Xavêlich giận dữ đáp:

- Đồ kẻ cướp, ra mày không sợ Chúa à? Mày cũng biết thừa ra rằng trẻ nó chưa khôn, thế mà thấy nó thật thà tốt bụng lại muốn ăn vôi của nó! Mày lấy cái áo con tí ấy làm gì? Làm thế nào mặc cho vừa cái thân hình chết tiệt ấy hử?

Tôi bảo bác Xavêlich:

- Thôi bác đừng nói khôn nói khéo nữa, bác đưa ngay cái áo tu-lúp ra đây cho tôi.

-Trời đất! Cái áo còn mới chứ có phải! Mà cho ai còn được, chứ lại đem cho cái quân say rượu này!

Tuy vậy cái áo tu-lúp da thỏ cũng được mang ra. Người nông dân kia lập tức ướm thử vào người. Thật ra chiếc áo này đến bây giờ tôi nhón rồi mặc cũng đã hơi chật. Nhưng người kia loay hoay một lúc rồi cũng mặc cố vào được. Chiếc áo bị kéo căng quá, đường may cứ đứt chỉ kêu bùng bực khiến Xavêlich nghe mà tiếc đứt ruột, suýt buột miệng kêu thành tiếng. Người dẫn đường rất hài lòng về món quà tặng của tôi. Hắn tiễn tôi ra xe và cúi rạp xuống chào tôi.

- Cám ơn ngài. Cầu Chúa ban thưởng cho lòng nhân đức của ngài. Đến ngàn đời tôi cũng không dám quên ơn ngài.

Nói đoạn hắn từ biệt chúng tôi và ra đi. Xe chúng tôi cũng lên đường. Tôi không hề để ý đến vẻ bực bội

của Xavêlich và chỉ một lát sau, tôi quên bằng trận bão tuyết đêm qua cùng người dẫn đường và cái áo tu-lúp da thỏ.

Đến Ôrenburg, tôi lập tức vào trình diện thiếu tướng. Andrây Karlôvích là một người cao lớn, nhưng lưng đã hơi cong vì tuổi tác. Mái tóc để dài của ông đã bạc phơ. Bộ quân phục phai màu khiến người ta hồi tưởng lại một quân nhân thời Anna Iôanôpna¹⁵, và khi ông nói, có thể nhận rõ cái giọng lơ lớ của người Đức. Tôi đưa bức thư của cha tôi gửi cho ông. Đọc thấy tên cha tôi, ông ta liếc nhìn tôi một cái, rồi nói:

- Trời ơi! Mới hồi nào Andrây Pêtrôvích cũng chỉ ngần này tuổi thôi, thế mà bây giờ đã có cậu con trai nhớn tướng thế này! Chà, thời gian! Thời gian thật là!..

Ông bóc bì thư ra và bắt đầu lẩm nhẩm đọc, vừa đọc vừa phê phán:

- “Andrây Karlôvích đại nhân các hạ, tôi hy vọng rằng đại quan nhân...” Cha chả là lễ nghi! Hứ hừ, viết lách cái lối ở đâu thế này! Đã đành là kỷ luật trên hết, nhưng viết thư cho *kamerad*¹ già ai lại... “Đại quan nhân hân chưa quên...” hừm... “và hồi... sinh thời nguyên soái Min...¹⁶ chiến dịch... và hân còn nhớ... cô bé Karôlinca...” Ê hê! *Bruder*^{**}! Thế là bác ta

* Bạn đồng ngũ (*tiếng Đức*).

** Người anh em (*tiếng Đức*).

hãy còn nhớ những trò quý sử của cánh ta ngày xưa đấy nhỉ! “Bây giờ xin bàn vào công việc... Xin gửi quan bác thằng con trời đánh của tôi”... hừm... “với nó phải đi găng lông nhím mới được”... Găng lông nhím là cái gì nhỉ? Chắc lại là một tục ngữ tục ngữ gì của Nga đây... “Găng lông nhím” là thế nào hử? - Ông quay sang hỏi tôi.

Tôi làm ra một vẻ mặt hết sức ngây thơ, đáp:

- Dạ, như thế nghĩa là đối xử dịu dàng, không nghiêm khắc quá, để cho tự do thoải mái, đi găng lông nhím là như vậy đấy ạ.

- Hừm, tôi hiểu... - Andrây Karlôvich lại đọc tiếp, - “và đừng để nó tự do”... không phải, cứ như ở đây thì đi găng lông nhím không phải như thế... “kèm theo đây... tờ hộ chiếu của nó...” Đâu nào? À đây rồi... “viết thư hộ cho trung đoàn Xêmiônốpski”... Được, được, rồi sẽ đâu vào đấy cả. “Quan bác cho phép tôi thân mật ôm hôn... và như một người bạn đồng ngũ già”-a! Bây giờ mới nhớ ra... và vân vân, vân vân...

Andrây Karlôvich đọc xong bức thư, đặt tờ hộ chiếu của tôi sang một bên, rồi nói:

- Thôi được rồi, cậu em ạ, mọi việc sẽ đâu vào đấy, cậu sẽ được chuyển về làm sĩ quan ở trung đoàn N. và để cậu khỏi mất thì giờ, sáng mai cậu sẽ lập tức đến đồn Bêlôgorxơ, cậu sẽ được sung vào đơn vị của đại úy Mirônốp. Ông ta là người hiền lành và trung thực. Ở đây cậu sẽ được sống cuộc đời lính chiến thực sự, sẽ học được tinh thần kỷ luật. Ở Ôrenburg thì

chả có gì cho cậu làm cả; nhân cơ hội bất tiện, nhất là đối với một thanh niên như cậu. Còn hôm nay thì mời cậu ở lại ăn bữa chiều ở nhà tôi.

Tôi nghĩ thầm: “Thật là càng ngày càng gay go! Ngay từ khi đang nằm trong bụng mẹ, đã đăng ký vào quân cận vệ, thế mà có ăn thua gì đâu! Kết quả là thế nào? Rút cục là vào trung đoàn N. Ở một cái đồn heo hút tận biên giới Kiécghidia Caidắc¹⁷. Tôi ăn bữa chiều với Andrây Karlôvích và người sĩ quan hầu cận già của ông. Cách dọn ăn trên bàn của ông lộ rõ nếp sống tiết kiệm khắc khổ của người Đức, và tôi nghĩ rằng sở dĩ ông ta vội vã cho tôi về nhậm chức ở đồn như vậy một phần chẳng qua cũng chỉ vì sợ có thêm khách ăn mà thôi. Ngày hôm sau tôi từ giả viên tướng lên đường tới nơi đóng quân.

CHƯƠNG III

ĐỒN ẨM

Lính tôi trấn thủ lưu đồn
Bánh mì nước lã chén ròn quanh năm.
Hễ mà quân địch gian tham
Cả gan kéo đến ngó nhòm chi đây,
Thì ta cho chúng biết tay
Đạn ria đại bác ta thét loài sói lang.
Bài hát của binh sỹ
Toàn những người cô lỗ cả thôi, cậu ạ.
Vị thành niên¹⁸

Đồn Bêlôgorxcơ cách thành Ôrenburg bốn mươi véc-xta. Con đường men theo bờ sông Iaích dốc đứng. Sông chưa đóng băng, và dòng nước màu chì buồn bã trôi về xuôi thành một dải đen sì nổi rõ giữa đôi bờ phủ tuyết trắng kéo dài một cách đơn điệu. Bên kia sông là những cánh thảo nguyên của vùng Kiécghi-dia. Tôi đắm mình vào những ý nghĩ miên man, phần lớn là buồn bã. Cuộc sống ở đồn ải ít có điều khiến tôi hứng thú. Tôi cố hình dung xem đại úy Mirônốp, thủ trưởng tương lai của tôi, là người như thế nào. Tôi tưởng tượng đó là một ông già nghiêm khắc, bản tính, ngoài nhiệm vụ ra không còn biết gì nữa và động một tí là ra lệnh phạt giam, bắt ăn bánh mỳ không với nước lã. Bây giờ trời đã bắt đầu xâm xẩm tối. Xe chúng tôi đi khá nhanh. Tôi hỏi người xà ích:

- Đến đồn còn xa không?

- Gần thôi, - anh ta đáp. - Đã trông thấy kia rồi.

Tôi nhìn tứ phía, chắc hẳn sẽ thấy những pháo đài, thành lũy và tháp canh uy nghiêm, nhưng mãi chẳng thấy gì, ngoài một thôn nhỏ, xung quanh có hàng rào ghép bằng những súc gỗ lớn. Ở một bên có dăm ba đồng cỏ khô tuyết phủ gần kín; bên kia là một cái chòi xay gió xiêu vẹo, cánh quạt bằng thứ vỏ cây buông thõng xuống một cách lười biếng. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Đồn đâu?

- Đồn đấy thôi! - Người đánh xe đáp, giơ tay chỉ

khóm nhà, và vừa lúc đó xe chúng tôi đi vào thôn. Bên cổng đồn, tôi thấy một khẩu đại bác cũ kỹ bằng gang; đường đi trong làng thì chật chội và quanh co; các túp nhà gỗ thấp lụp xụp, phần lớn đều lợp rạ. Tôi bảo đánh xe đến nhà viên đồn trưởng, và một phút sau, chiếc xe ngựa đỗ trước một ngôi nhà gỗ còn con, dựng trên một khoảng đất cao cạnh ngôi nhà thờ cũng làm bằng gỗ.

Không có ai ra đón tôi cả. Tôi đi vào phòng đệm và mở cánh cửa dẫn vào phòng khách. Một người thương binh già ngồi trên bàn đang vá một miếng vải xanh vào khuỷu tay một chiếc áo quân phục màu xanh lá cây. Tôi yêu cầu lão vào báo là có tôi đến.

Người thương binh đáp:

- Cậu cứ vào đi, có nhà cả đấy.

Tôi bước vào một căn phòng sạch sẽ, bày biện theo lối cổ. Trong góc dựng một cái tủ đựng chén đĩa, trên tường có treo một cái bằng sĩ quan lấp khung kính: bên cạnh có những bức tranh in mộc bản tô màu lòe loẹt, vẽ lại trận đánh chiếm Kixtơrin và Ôtsakôp¹⁹, một cảnh kén vợ và một cảnh đám ma mèò²⁰. Bên cửa sổ có một bà già mặc áo bông chần đầu đội khăn ngồi quần chỉ, một ông già chột mắt mặc áo khoác sĩ quan, dáng người nhỏ lắt choắt ngồi trước mặt, hai tay giơ ra căng chỉ cho bà kia quần. Bà già hỏi tôi, tay vẫn tiếp tục quần chỉ:

- Cậu đến có việc gì thế?

Tôi trả lời rằng tôi đến nhậm chức và y lệ đến trình diện với ngài đại úy; nói đoạn tôi định quay sang phía ông già chợt mất mà tôi tưởng là viên đồn trưởng, nhưng bà chủ liền ngắt lời tôi. Bà ta nói:

- Ivan Kudomích không có nhà; ông nhà tôi sang chơi bên nhà cha Ghêraxim rồi; nhưng chả sao cậu ạ, tôi là nội trợ nhà ông ấy đấy. Xin cậu cứ tự nhiên. Cậu ngồi chơi đã.

Bà sai người đầy tớ gái đi gọi viên đội Cô-dắc. Ông già chợt đưa con mắt độc long nhìn tôi một cách tò mò. Ông ta nói:

- Xin được phép hỏi, trước đây ngài tòng ngũ ở trung đoàn nào?

Tôi trả lời là ở trung đoàn Xêmiônốpski. Ông già hỏi tiếp:

- Thế tôi xin được phép hỏi, tại sao đang ở trong quân cận vệ ngài lại có lòng chuyển về đồn?

Tôi đáp rằng đó là ý muốn của cấp chỉ huy.

Ông già tò mò lại hỏi:

- Chắc lại vì những hành vi không xứng đáng với một sĩ quan cận vệ chứ gì?

Nhưng bà đại úy vội nói:

- Thôi đừng ba hoa nữa, ông không thấy cậu ấy đi đường mệt sao; cậu ấy hơi đầu mà chuyện trò vớ vẩn với ông... (giơ hai tay lên cho thẳng tí nào...). - Rồi bà quay sang tôi nói tiếp: - Còn cậu cũng đừng buồn phiền

vì bị đưa đến chỗ đèo heo hút gió này. Cậu không phải là người đầu tiên cũng chẳng phải là người cuối cùng. Ở lâu rồi cũng mến người mến cảnh. Đây có ông Alếchxây Ivanôvích Svabrin chuyển về đồn chúng tôi vì tội giết người đã năm năm nay. Có trời biết ma quỷ nào xui ông ta; chả hiểu sao ông ta với một viên trung úy nữa xách gươm ra ngoại thành rồi cứ thế mà đâm nhau túi bụi; ông Svabrin đâm chết ông trung úy kia, mà lại là trước mặt hai người làm chứng nữa! Nghiệp chướng nó xui ra thế thì chả còn biết làm thế nào!

Lúc đó viên đội bước vào phòng. Đó là một người Cô-dắc trẻ tuổi, đáng người vạm vỡ. Bà đại úy nói với anh ta:

- Mắcximích này. Tìm dọn cho ngài sĩ quan đây một căn nhà nhé, cho sạch sẽ vào đấy.

- Xin tuân lệnh, - viên đội đáp. - Để quan nhân đây ở nhà Ivan Pôlêgiaiép có được không ạ?

- Không được đâu. Ở nhà Pôlêgiaiép chật rồi; ông ta lại là bạn đỡ đầu của tôi và là người biết nể cấp trên. Anh đưa ngài sĩ quan... cậu tên là gì cậu nhỉ? Piôt Andrêêvích ạ?.. Anh đưa ông Piôt Andrêêvích đến nhà Xêmiôn Kudốp nhé. Thằng cha ấy hôm nọ thả ngựa chạy vào vườn rau nhà tôi, thật là đồ kẻ cắp. Thế nào, Mắcximích công việc ổn cả đấy chứ?

Người Cô-dắc đáp:

- Nhờ trời cũng yên ổn cả đấy ạ; chỉ có ông cai

Prôkhôrôp với cô Uxchinhia Nhegulina đánh nhau trong buồng tắm vì tranh nhau chậu nước nóng.

Bà đại úy nói với ông già chột mắt:

- Ông Ivan Ignatôvich này! Ông đi xử việc Prôkhôrôp với Uxchinhia xem ai phải ai trái đi nào. Rồi phạt cả hai đứa vào. Thôi, Mắcximích, anh đi đi, cậu Piôt Andrêêvích, cậu đi với Mắcximích về nhà ở nhé.

Tôi cúi chào tạm biệt bà đại úy. Viên đội dẫn tôi vào một ngôi nhà gỗ đứng trên bờ sông cao chót vót ở sát mé đồn. Một nửa ngôi nhà thì gia đình Xêmiôn Kudôp ở, một nửa dành cho tôi. Nửa này gồm có một gian phòng cũng khá thơm mát, có một tấm liếp ngăn đôi ra. Xavêlich bắt tay vào dọn dẹp; tôi thì ngồi bên khung cửa sổ nhỏ nhìn ra ngoài. Trước mặt tôi là cánh thảo nguyên buồn bã xa tắp. Chênh chênh một bên có mấy nếp nhà gỗ; ngoài đường có mấy con gà quanh quẩn đi ăn. Một bà già đứng trước thềm, tay cầm cái máng, lớn tiếng gọi lợn. Bầy lợn có vẻ mừng rỡ ụt ịt đáp lại. Đây, cái nơi mà tôi phải sống qua thời thanh xuân là thế này đây! Tôi thấy buồn quá. Tôi rời khung cửa sổ và đi ngủ, không buồn ăn bữa tối, mặc dầu Xavêlich cứ thuyết tôi mãi, luôn mồm kêu: “Trời đất! Chá chịu ăn uống gì cả. Nếu cậu bé sinh ốm thì biết ăn nói với cụ bà ra sao?”

Sáng hôm sau, tôi vừa mới bắt đầu mặc quần áo, thì cánh cửa phòng mở ra và một viên sỹ quan trẻ tuổi vóc người hơi thấp bước vào phòng tôi. Da mặt

viên sĩ quan ngăm ngăm đen, nét mặt anh ta xấu, nhưng rất linh hoạt. Viên sĩ quan nói với tôi bằng tiếng Pháp:

- Tôi đến làm quen với anh một cách đường đột như thế này thật không phải, anh thứ lỗi cho nhé. Hôm qua tôi vừa nghe nói có anh đến; tôi nóng lòng muốn được thấy một cái mặt cho ra hồn người quá, thành ra cảm lòng không đành. Anh ở đây ít lâu sẽ hiểu tâm trạng đó.

Tôi đoán ra rằng đây là người sĩ quan bị trục xuất ra khỏi quân cận vệ vì tội đầu kiếm. Chúng tôi lập tức làm quen với nhau. Svabrin là người rất sắc sảo. Anh ta có lối nói chuyện rất dí dỏm và hấp dẫn. Anh ta hóm hỉnh nói cho tôi nghe về gia đình ông đồn trưởng, về những bạn bè hay đến chơi nhà ông ta và về cái xứ sở mà số phận đã run rủi cho tôi đến. Tôi đang cười như nắc nẻ thì cái lão thương binh hôm qua ngồi vá áo trong phòng khách nhà ông đồn trưởng đến bảo là bà đại úy Vaxilixa Êgôrôpna cho mời tôi đến ăn trưa. Svabrin tự nguyện đi với tôi.

Khi gần đến nhà ông đồn trưởng, chúng tôi thấy trên một khoảng đất trống, có hai mươi người lính già ốm yếu, tóc tết bím dài, đầu đội mũ ba góc. Họ đứng thành đội ngũ. Trước mặt họ là viên đồn trưởng, một ông già cao lớn, nhanh nhẹn, đội mũ chup và mặc áo choàng bằng vải thô. Trông thấy chúng tôi, ông liền tiến đến gần, ôn tồn hỏi han mấy lời, rồi lại quay ra chỉ huy. Chúng tôi định đứng lại xem tập, nhưng ông

ta bảo chúng tôi cứ đến nhà đã có bà Vaxilia Êgôrôpna đấy rồi, còn ông sẽ về sau. “Chứ ở đây, - ông nói thêm, - chả có gì mà xem cả”.

Bà Vaxilia Êgôrôpna tiếp chúng tôi một cách xuê xoa và niềm nở, bà đối với tôi như người đã quen thân từ lâu lắm. Người thương binh già và Palasca trải khăn dọn bàn. Bà đồn trưởng nói:

- Chà, ông Ivan Kudômích nhà tôi sao hôm nay tập gì mà tập mãi thế không biết! Palasca! Đi mời ông chủ về ăn trưa nhé. Còn con Masa đâu rồi nhỉ?

Đến đây một người con gái tuổi chừng mười tám, khuôn mặt bầu bĩnh, hai má đỏ hồng, mái tóc màu hung nhạt chải trơn vắt ra sau hai tai đỏ ửng vì e thẹn. Thoạt trông tôi không thấy thích lắm. Số là vì tôi đã có thành kiến sẵn: Svabrin tả Masa, con gái viên đại úy, là một cô gái rất ngốc nghếch. Masa ngồi vào góc phòng và giở kim chỉ ra khâu. Trong khi đó, xúp báp cải đã dọn ra. Bà Vaxilixa Êgôrôpna không thấy chồng đâu, lại cho Palasca đi gọi lần nữa: “Mày nói với ông ấy là khách người ta đợi, mà canh thì nguội hết; nhờ trời còn chán thì giờ để mà hò với hét, ai tranh mất phần đi đâu mà sợ!”

Một lát sau ông đại úy cùng về với ông già chột mắt. Vợ ông nói:

- Làm sao thế hở ông? Thức ăn dọn ra từ lâu mà gọi mãi ông chả chịu về.

- À, là tôi còn bận việc: đang tập lính mà.

- Thôi đi! Tập vừa vừa ấy chứ! Nói thế chứ lính ấy

thì tập tành gì, mà ông thì cũng có biết quái gì đâu mà tập. Ngồi nhà mà cầu Chúa còn hơn. Thôi, xin mời các quý khách ngồi vào bàn cho.

Chúng tôi ngồi ăn trưa. Bà Vaxilixa Êgôrốpna không ngớt mồm lấy được một phút. Bà tới tấp hỏi tôi: cha mẹ tôi là ai, còn mạnh không, ở tỉnh nào, và của cải được bao lăm? Nghe nói cha tôi có ba trăm nông nô, bà trầm trồ:

- Ghê chưa! Sao lại có người giàu đến thế hử? Còn như “nông nô” nhà chúng tôi thì chỉ có một mình con Palasca đây thôi; nhưng nhờ trời sống cũng tạm tạm được. Chỉ phiền một nỗi là con Masa, ai lại con gái đến tuổi gả chồng rồi mà của hồi môn thì chỉ được một cái lược dày, một cái chổi với lại ba cô-pếch. Từng ấy thứ (lạy Chúa!) chỉ đủ để đi tắm là hết. May ra có tìm được người nào tốt bụng, chứ không thì đành ở vậy suốt đời thôi.

Tôi đưa mắt nhìn Masa, nàng đỏ mặt tía tai, nước mắt nhỏ giọt xuống đĩa ăn. Tôi thấy thương hại nàng và vội nói lảng sang chuyện khác. Tôi nói một câu chẳng ăn ý gì với chuyện đang bàn:

- Nghe nói bọn Baskiro hình như đang định tiến đánh ta phải không ạ?

Ivan Kudomích hỏi:

- Cậu nghe ai nói thế?

- Ở Ôrenburg người ta bảo thế, - tôi đáp.

- Chỉ vớ vẩn! Ở đây đã từ lâu chẳng nghe thấy gì.

Người Baskiơ bây giờ khiếp vía rồi, mà người Kiếghidia thì cũng đã biết thân biết phận. Chắc các chú chả dám bén mảng đến đây đâu; mà có bén mảng đến thì tôi cũng cho một mẻ kinh hồn, đến mười năm nữa cũng chẳng dám nhơ nhoe.

Tôi quay sang bà đại úy nói tiếp:

- Thế bà ở nơi đồn ải thế này mà không sợ nguy hiểm sao?

Bà đồn trưởng đáp:

- Quen đi thôi, cậu ạ. Hai mươi năm về trước, khi chúng tôi ở trung đoàn chuyển về đây, thì nói có trời đất, tôi cũng sợ cái quân tà giáo chết tiệt ấy lắm! Có khi hề thấy mấy cái mũ lông, hay nghe thấy chúng nó rít lên là hồn vía bay lên mây cả, cậu ạ! Nhưng bây giờ thì quen rồi, dù họ có bảo là bọn giặc đã ở ngoài đồn rồi, thì tôi cũng cứ bình chân như vại.

Svabrin làm ra vẻ trịnh trọng nói:

- Bà Vaxilixa Êgôrốpna là người rất cứng cỏi. Ông Ivan Kudômich đây có thể xác nhận điều đó.

- Thật đấy, - Ivan Kudômich nói, - cậu phải biết rằng bà nhà tôi không phải là thứ đàn bà dút dất đâu.

Tôi hỏi:

- Thế cô Maria Ivanốpna* thì sao ạ, có can đảm như bà không ạ?

* Maria Ivanốpna là tên gọi đầy đủ của Masa, con gái đại úy Ivan Kudômich Mirônốp

- Con Masa có can đảm không ấy à? - Bà mẹ trả lời.- Không đâu, nó nhát gan lắm cậu ạ. Cho đến bây giờ nó cũng không nghe được tiếng súng bắn: cứ giật mình thon thót lên ấy. Năm kia, nhân ngày lễ thánh của tôi, ông Ivan Kudomích tự nhiên bày chuyện đưa khẩu đại bác ra bắn, thế là con Masa nhà tôi sợ quá tưởng suýt chết kia đấy. Từ dạo ấy, chúng tôi chả bao giờ bắn khẩu đại bác chết tiệt ấy nữa.

Chúng tôi ăn xong đứng dậy. Hai vợ chồng ông đại úy đi nghỉ, còn tôi thì đến nhà Svabrin ngồi chơi với anh ta suốt buổi tối.

CHƯƠNG IV

ĐẤU KIỂM

**Nếu đã vậy thì xin mời người thủ thế.
Mũi kiếm này sẽ đâm suốt ngực người!**

*Knhiagionhin*²¹

Mấy tuần lễ trôi qua. Cuộc sống ở đồn Bêlôgorxcơ đối với tôi không những đã trở nên dễ chịu hơn mà lại còn có phần thích thú nữa. Ở nhà ông đại úy tôi được tiếp đãi như bà con ruột thịt vậy. Hai vợ chồng ông ta đều là người rất tử tế. Ivan Kudomích vốn là con của một người lính bình thường, lâu năm được thăng sĩ quan. Ông ta là người ít học thức, nhưng rất

thật thà và tốt bụng. Vợ ông cai quản ông, và điều đó cũng rất dễ hiểu, vì tính ông vốn rất vô tư. Bà Vaxalixa Êgôrôpna thì việc quân cũng xem như việc nhà và coi sóc đồn lính này y như coi sóc việc nội trợ của mình vậy. Maria Ivanôpna thì chỉ ít lâu sau đã không còn bên bên với tôi như lúc đầu nữa. Chúng tôi làm quen với nhau. Tôi thấy nàng là một cô gái thông minh và giàu tình cảm. Dần dần tôi thấy gắn bó với gia đình này, ngay cả ông Ivan Ignatôvich, trung uý chột mắt tôi cũng sinh mến, mặc dầu Svabrin có nói với tôi rằng ông ta với bà Vaxilixa Êgôrôpna có tăng tị gì với nhau, tôi không tin vì chuyện ấy vô lý quá.

Tôi đã nhậm chức sĩ quan. Đời binh sĩ tôi không thấy khổ cực gì cho lắm. Trong cái đồn này, nhờ trời chẳng có điểm binh, tập dượt, canh gác gì cả. Ông đồn trưởng khi nào hứng chí lên cũng có tập lính, nhưng đến nay vẫn chưa dạy cho họ nhớ được bên nào là bên phải, bên nào là bên trái, mặc dù nhiều người trong số họ, để khỏi nhầm, mỗi khi “đằng sau, quay!”, lại làm dấu thánh giá. Svabrin có một số sách tiếng Pháp. Tôi mượn đọc và bắt đầu thấy ham thích văn chương. Sáng nào tôi cũng đọc sách, tập dịch và đôi khi còn làm thơ nữa. Hầu như ngày nào tôi cũng ăn bữa trưa ở nhà ông đồn trưởng, và thường thường ở lại chơi suốt buổi chiều. Thỉnh thoảng cứ tối tối cha cố Ghêraxim cùng với vợ là bà Akulina Pamphilôpna lại đến chơi. Bà này là một người tài

kháo chuyện, biết nhiều tin nhất trong khắp vùng này. Svabrin thì dĩ nhiên hôm nào tôi cũng gặp, nhưng càng ngày tôi càng bớt ưa cái lối nói chuyện của anh ta. Hễ cứ nói đến gia đình ông đồn trưởng là anh ta lại cốt nhả làm cho tôi rất bực mình, nhất là anh ta lại hay có lối nói cạnh khoe, xỏ xiên đối với Maria Ivanópna. Còn thì trong đồn, tôi chẳng biết giao du với ai nữa, mà tôi cũng chẳng thiết giao thiệp với người nào khác.

Mặc dù có những tin đồn đạo trước, người Baskiro không hề thấy động tĩnh gì. Quanh đồn chúng tôi bốn bề đều yên tĩnh. Nhưng cuộc sống êm ả bỗng dưng bị một cuộc xích mích đến phá rối.

Vừa rồi tôi có nói rằng tôi có làm văn làm thơ. Đối với thời bấy giờ thì bước đầu thí nghiệm của tôi rất khả quan, và Aléchxandơ Pêtrôvích Xumarôkốp mấy năm sau đã có lời khen rất mực. Có lần tôi viết được một bài tình ca nho nhỏ, và rất hài lòng về tác phẩm đó. Chắc các bạn cũng biết rằng các nhà thơ đôi khi làm ra vẻ muốn hỏi ý kiến phê bình, nhưng thực ra là muốn tìm người thưởng thức và khen ngợi thơ mình. Thế là, viết xong bài thơ nọ, tôi liền đem đến nhà Svabrin. Trong đồn này chỉ có anh ta là người có thể đánh giá được tác phẩm của một nhà thơ. Sau mấy lời nói đầu vắn tắt, tôi rút quyển vở nhỏ trong túi ra và đọc cho Svabrin nghe những dòng thơ sau đây:

*Tình yêu ơi! Cho lòng ta yên tĩnh,
Muốn xua người ra khỏi đáy tim này,
Ôi Masa, bao ngày ta cố lánh
Để riêng lòng đang thả cánh tung bay...*

*Nhưng em ạ, có ngờ đâu đôi mắt,
Khoá thân tôi trong những cánh song tù.
Mắt ở nơi nơi, mắt người trước mặt,
Phút yên lành tan giữa lối thâm u.*

*Khi đã thấu mỗi tình anh nặng thế,
Hãy thương anh, em nhé, hỡi Masa!
Và khi thấy nơi xa này quanh quẽ,
Anh bị em giam cầm mãi không tha²².*

- Cậu thấy thế nào? - Tôi hỏi Svabrin, và chờ nghe những lời khen ngợi, vì tôi chắc chắn thế nào anh ta cũng phải khen tôi. Nhưng tôi thất vọng hết sức, khi thấy Svabrin thường ngày rất dễ tính, lúc bấy giờ lại dứt khoát nói rằng bài thơ của tôi rất dở.

Tôi cố giấu nổi bực mình, hỏi Svabrin:

- Sao vậy?

- Vì những câu thơ như vậy rất xứng với ông thầy tôi là Vaxili Kirilôvich Torêđiakôpxki²³ và rất giống với cái loại tình ca của ông.

Nói đoạn, Svabrin cầm lấy quyển vở của tôi và bắt đầu phân tích không thương tiếc từng câu, từng chữ một, vừa phân tích vừa nhạo báng tôi một cách hết

sức cay cú. Tôi không chịu được nữa, giật phắt quyển vở ra khỏi tay Svabrin và nói rằng từ nay không bao giờ thêm cho hắn ta xem thơ của tôi nữa. Svabrin lại chế nhạo luôn cả lời đe dọa này. Hắn nói:

- Để rồi xem cậu có giữ được lời hứa không? Làm thơ thì phải có người nghe, cái đó cũng cần như Ivan Kudomich cần cút rượu trước khi ăn trưa vậy. Thế còn cái cô Masa mà cậu than vãn thở dài những chuyện yêu với đương là ai vậy? Có phải là Maria Ivanópna không?

Tôi cau mày đáp:

- Cô Masa này là ai cũng không việc gì đến anh cả. Tôi không cần đến ý kiến của anh, mà cũng không thêm nghe những lời đoán mò của anh nữa.

- Ô hô! Thật là một nhà thơ giàu lòng tự ái, và là một anh si tình dút dặt, - Svabrin tiếp tục cợt nhả khiến tôi càng thêm tức, - nhưng xin khuyên cậu một lời chân thành: nếu cậu muốn thành công thì tôi khuyên cậu đừng dùng cái lối thơ ca ấy.

- Thế là nghĩa thế nào? Xin anh cứ nói rõ ra.

- Xin sẵn lòng. Như thế nghĩa là nếu cậu muốn cô Masa lên đến phòng cậu khi hoàng hôn xuống, thì đừng có làm thơ tặng, mà nên tặng cô ta một đôi hoa tai thì hơn.

Máu tôi sôi lên sùng sục. Tôi chật vật lắm mới kìm nổi lòng công phẫn:

- Tại sao anh lại cho cô ấy là người như thế? - tôi

hỏi. Svabrin cười gằn một tiếng nghe mà rợn cả người:

- À, vì tôi có kinh nghiệm bản thân về tập quán và hạnh kiểm của cô ta rồi.

Tôi điên tiết quát lớn:

- Đồ hèn mạt, mày nói dối! Mày nói dối một cách vô liên sỉ hết sức.

Svabrin biến sắc, hấn nắm lấy cổ tay tôi nói:

- Mày sẽ phải đền tội vì câu nói đó... Xin ngài định cho ngày đo kiểm.

- Rất sẵn sàng, lúc nào cũng được! - Tôi đáp, trong bụng mừng khắp khởi. Lúc ấy tôi chỉ muốn phanh thầy hấn ra.

Tôi lập tức đến gặp Ivan Ignatôvich, thì thấy ông ta tay cầm một cái kim khâu; bà đồn trưởng giao cho ông khâu nấp phoi để dành ăn mùa rét. Ông ta trông thấy tôi đến thì nói:

- A! Piôt Andrêevich đây à? Vào chơi! Xin được phép hỏi, cậu đến có việc gì thế?

Tôi trình bày vấn đề với ông ta rằng tôi với Svabrin có chuyện xích mích và yêu cầu ông ta làm chứng cho tôi. Ivan Ignatôvich chăm chú nghe tôi nói, con mắt đục long gương lên nhìn tôi chằm chằm.

Ông ta nói:

- Như vậy nghĩa là cậu muốn đâm thủng bụng ông Alếchxây Ivanôvich và muốn rằng tôi làm chứng cho cậu phải không? Xin được phép hỏi, có phải như thế

không nào?

- Đúng thế đấy!

- Thôi, tôi xin cậu! Cậu bày đặt ra làm gì những trò ấy? Cậu với ông Alếchxây Ivanôvích có cãi nhau à? To chuyện nhỉ? Chửi bới nhau thì cũng như nước đổ đầu vịt, Svabrin chửi cậu, cậu lại chửi Svabrin, hấn thụi cậu một quả vào mặt, cậu lại bóp hấn một bóp vào tai, rồi mỗi người đi mỗi ngả và chúng tôi sẽ hoà giải hai người. Còn cứ muốn đâm thủng ruột kẻ đồng loại như thế, thì xin hỏi: có hay ho gì không? Giá sử cậu đâm được Alếchxây Ivanôvích, ừ thì cũng còn khá, tôi cũng chẳng ưa gì anh ta, nhưng ví thử anh ta đâm thủng ruột cậu, thì có ra cái gì không nào? Xin hỏi: như vậy có ngốc hay là không?

Những lời bàn luận của ông trung úy biết điều ấy không hề làm tôi chùn bước. Tôi vẫn giữ vững ý định. Ivan Ignatôvích hỏi:

- Thì tuy cậu đấy, muốn làm gì thì cứ làm. Còn việc gì phải đưa tôi ra làm chứng? Vì lẽ gì? Người ta đánh nhau thì xin hỏi có gì là lạ mà xem? Nhờ trời tôi cũng đã đi đánh nhau với quân Thụy Điển, với quân Thổ, xem đánh nhau cũng đủ lắm rồi.

Tôi bắt đầu áp úng giảng giải cho ông ta hiểu nhiệm vụ người làm chứng là thế nào, nhưng Ivan Ignatôvích không sao hiểu được. Ông ta nói:

- Tuy cậu đấy, tôi mà có nhúng tay vào việc này, thì chẳng qua cũng là đến báo cáo với Ivan Kudômích

rằng trong đồn đang có người định âm mưu làm việc bậy bạ trái với quyền lợi nhà nước: xin ngài đồn trưởng cho thi hành những biện pháp thích đáng...

Tôi đâm hoảng và van lơn Ivan Ignatôvich đừng nói với ông đồn trưởng; tôi cứ khấn khoản ông ta mãi; cuối cùng ông ta quá quyết hứa với tôi là sẽ không nói gì, tôi mới dám ra về.

Tối hôm ấy, theo lệ thường, tôi cũng đến ngồi chơi nhà ông đại úy. Tôi cố gắng làm ra vẻ thản nhiên và vui vẻ để đừng khiến ai nghi ngờ gì và tránh những câu hỏi rầy rà; nhưng cũng xin thú thật rằng tôi không có được cái dũng dũng mà hầu hết những kẻ đang ở trong tình cảnh của tôi thường tự khoe là mình có được. Tối hôm đó tôi thấy căn buồng ẩm và dẹt dẹt. Tôi thấy quyến luyến Maria Ivanôpna hơn mọi hôm. Nghĩ rằng có lẽ đây là lần cuối cùng tôi được gặp nàng, tôi thấy nàng có thêm một cái gì làm cho tôi rất cảm động. Một lát sau, Svabrin cũng đến. Tôi kéo hắn ra một góc và cho hắn biết câu chuyện giữa tôi với Ivan Ignatôvich. Svabrin đáp xẵng:

- Việc gì phải người làm chứng? Không có cũng chẳng sao cả.

Chúng tôi thỏa thuận đấu kiếm sau mấy đồng rạ gần đồn và hẹn nhau đến sáng hôm sau sẽ đến đấy. Hình như chúng tôi nói chuyện với nhau có vẻ thân mật lắm thì phải, vì Ivan Ignatôvich mừng quá đâm ra ba hoa suýt nữa thì lộ chuyện, ông ta có vẻ rất hài

lòng nói với tôi:

- Thế có phải hơn không? Một điều nhin chín điều lành mà. Nhin nhục một tí mà sống khỏe mạnh có hơn không?

Bà đại úy bấy giờ đang ngồi búi tóc ở góc phòng, nghe nói liền hỏi:

- Cái gì, cái gì thế hở ông Ivan Ignatovich? Tôi chả nghe gì cả.

Ivan Ignatovich thấy tôi có vẻ không bằng lòng và sức nhớ lời hứa ban sáng, đâm ra luống cuống không biết trả lời ra sao cả. Svabrin vội đỡ lời:

- Ông Ivan Ignatovich ông ấy mừng chúng tôi làm lành với nhau đấy ạ.

- Thế cậu có chuyện xích mích với ai?

- Tôi với Piôt Andrêevich có chuyện xích mích khá lớn đấy ạ.

- Việc gì thế?

- Vì một chuyện không đâu: vì một bài thơ thôi, Vaxilixa Êgôrôpna ạ.

- Thế mà cũng cãi nhau được ! Vì một bài thơ, mà cũng... nhưng đầu đuôi thế nào?

- Thì có gì đâu: Piôt Andrêevich có làm một bài thơ, sáng nay đem ra ngâm cho tôi nghe, thì tôi lại giở cái bài của tôi ra:

Hỡi cô con gái ông đại úy

Đêm hôm khuya khoắt chớ đi chơi²⁴... Thế mà đâm

ra gây gổ nhau. Piôt Andrêêvich suýt giận tôi, nhưng sau anh ta lại nghĩ lại, thấy rằng ai muốn ngâm nga gì thì cứ ngâm. Thế là hết chuyện.

Lối ăn nói trâng tráo của Svabrin suýt làm tôi điên tiết lên; nhưng ngoài tôi ra, không ai hiểu những lời nói cạnh nói khóc của hắn; hoặc chẳng có ai để ý cả. Câu chuyện đang từ thơ ca lại chuyển sang các thi sĩ và ông đồn trưởng nhận xét rằng bọn họ đều là những tay bê tha trụy lạc rượu chè be bét và ôn tồn khuyên tôi đừng nên làm thơ, vì cái đó trái với sinh hoạt quân ngũ và chả được cái tích sự gì cả.

Sự có mặt của Svabrin làm cho tôi hết sức khó chịu. Được một lúc tôi cáo từ ông đồn trưởng và cả nhà, rồi ra về. Về đến nhà tôi lấy gương ra xem, thử lại mũi gương và đi ngủ, đến Xavêlich đến sáu giờ sáng thì đánh thức tôi dậy.

Sáng hôm sau đúng giờ đã định, tôi đã đứng sau máy đồng rạ đợi địch thủ đến. Một lát sau, Svabrin cũng ra. Hắn nói: “Họ có thể bắt chợt bất chúng ta đấy, nhanh nhanh lên mới được”. Chúng tôi cởi áo ngoài, chỉ mặc một sơ-mi, và tuốt kiếm ra. Vừa lúc ấy, sau đồng rạ, bỗng thấy Ivan Ignatôvich và năm người lính què xuất hiện. Ông ta đòi chúng tôi phải về ngay nhà đồn trưởng. Chúng tôi đành hậm hực tuân theo; mấy người lính vây quanh lấy tôi với Svabrin và chúng tôi theo Ivan Ignatôvich trở về đồn. Ông ta dẫn chúng tôi đi, về vô cùng đặc chí, chân

bước khệnh khạng, khí thế hùng dũng lạ thường.

Chúng tôi đi vào nhà đồn trưởng, Ivan Ignatôvich mở toang cửa ra và lên giọng trịnh trọng tuyên bố:

- Báo cáo, đã giải họ về!

Bà Vaxilixa Êgôrôpna ra đón chúng tôi:

- Chao ôi! Các bố ơi! Làm sao thế hử? Thế nào? Cái gì? Định gây ra án mạng trong đồn ta à? Ông Ivan Kudômic này, lập tức tổng giam họ lại! Piôt Andrêevich, Alếchxây Ivanôvich đưa kiếm đây, đưa đây, đưa đây! Palasca, đem hai thanh kiếm cất vào nhà kho cho tao. Cậu Piôt Andrêevich, tôi không ngờ cậu lại như thế. Cậu không biết xấu hổ à? Alếchxây Ivanôvich thì đã đành: ông ta đã từng bị đuổi ra khỏi quân cận vệ vì tội giết người, đến đức Chúa Trời ông ta cũng không tin, chứ còn cậu mà cũng đâm đầu vào đây à?

Ivan Kudômic hoàn toàn đồng ý với vợ và nói thêm vào:

- Đây, bà Vaxilixa Êrônôpna nhà tôi nói đúng đấy. Trong điều lệ quân đội là cấm ngặt cái khoản đấu kiếm đấy nhé.

Trong khi đó cô Palasca lấy gươm của chúng tôi đem cất vào nhà kho. Tôi không nhịn được cười. Svabrin vẫn giữ vẻ nghiêm trang. Hắn điềm tĩnh nói với bà Vaxilixa Êrônôpna:

- Tuy tôi rất kính trọng bà, tôi cũng không thể khoag xin thưa rằng bà bắt chúng tôi ra mà xử thế

này thật khí không phải. Xin bà để cho ông Ivan Kudomích làm việc đó... đây là việc của ông ấy.

Bà đồn trưởng đáp :

- Ôi giao ! Bô ơi, chả nhẽ vợ chồng chẳng phải là cùng hồn , cùng xác hay sao ? Ông Ivan Kudomích ! Sao ông cứ đứng đực ra thế ? Ông phải lập tức giam họ mỗi người một nơi, cho ăn bánh mì nước lã, cho họ sáng mắt ra; để rồi phải bảo cha Ghêraxim bắt họ chịu, giáo trừng²⁵, để họ cầu nguyện Chúa tha tội và ăn năn trước mọi người.

Ivan Kudomích không biết xử trí ra sao nữa. Maria Ivanópna thì mặt cứ tái xanh ra. Dần dần cơn phong ba cũng ngớt : bà đại úy bình tĩnh lại, và bắt tội với Svabrin hôn nhau giãng hoà. Palasca mang trà gươm cho chúng tôi. Ở nhà ông đồn trưởng ra, chúng tôi bề ngoài như đã làm lành với nhau rồi. Ivan Ignatôvich ra theo. Tôi tức giận nói :

- Ông đã hứa với chúng tôi là sẽ không nói gì, thế mà lại đi báo cáo với ông đồn trưởng. Thật ông không biết xấu hổ !

- Nói có trời đất, tôi có mách chuyện ấy với Ivan Kudomích đâu, đây là bà Vaxilixa Êrônópna, bà ấy moi ra đấy chứ. Chính bà ấy sắp xếp hết mọi việc, chứ ông đồn trưởng có biết gì đâu. Thôi, lạy Chúa, mọi việc ổn thoả như thế này là tốt lắm rồi.

Nói đoạn, ông quay về nhà. Tôi đứng lại một mình với Svabrin. Tôi bảo hấn :

- Không phải thế này mà xong được đâu.

- Cố nhiên, - Svabrin đáp, - anh phải lấy máu mà đền cái tội xác láo của anh; nhưng bây giờ có lẽ họ đang theo dõi chúng mình đấy. Phải vờ vịt ít ngày xem sao đã. Thôi chào anh !

Và chúng tôi chia tay nhau như không có chuyện gì xảy ra cả.

Về đến nhà ông đồn trưởng, cũng như mọi bận, tôi đến ngồi gần Masa. Ông Ivan Kudomich đi vắng, bà Vaxilixa Êgônốpna thì đang bận việc gì ở trong nhà. Chúng tôi nói chuyện nho nhỏ. Masa dịu dàng trách móc tôi đã gây gổ với Svabrin làm cho nàng lo sợ.

Masa nói :

- Tôi nghe họ nói các anh định đấu kiếm mà choáng váng cả người. Đàn ông các anh kỳ quặc quá ! Chỉ vì một lời nói mà có lẽ chỉ một tuần sau là đã quên khuấy đi, mà các anh cũng sẵn sàng đâm chém nhau, huỷ hoại tính mạng của mình đã đành, mà lại còn huỷ hoại cả lương tâm của mình và hạnh phúc của những người đang... Nhưng tôi tin chắc rằng người gây ra chuyện xích mích này không phải là anh, chắc ông Svabrin gây ra cả.

- Tại sao cô lại nghĩ như vậy, cô Maria Ivanốpna ?

- Thế thôi... tại ông ấy hay nhạo báng quá ! Tôi không ưa ông Svabrin. Tôi rất kính trọng ông ấy; mà cũng lạ : tôi lại rất sợ rằng ông ta cũng không thích tôi như vậy, vì nếu thế thì tôi rất lo ngại.

- Thế cô thấy thế nào, cô Maria Ivanópna ? Ông ta có thích cô không ?

Maria Ivanópna luống cuống đỏ mặt. Nàng nói :

- Hình như... tôi có cảm tưởng rằng ông ấy có thích.

- Vì sao cô lại có cảm tưởng như vậy ?

- Vì ông ấy có dám hỏi tôi.

- Dám hỏi ! Svabrin có dám hỏi cô ư ? Từ bao giờ thế ?

- Năm ngoái, hai tháng trước khi anh đến.

- Thế cô không bằng lòng à ?

- Thì anh cũng biết rồi đấy; ông Svabrin đã đành là người thông minh, con nhà tử tế, lại có của; nhưng hề tôi cứ nghĩ là đến khi làm lễ cưới phải để cho ông ta hôn trước mặt mọi người thì... Không đời nào ! Dù có được sung sướng đến thế nào cũng không thể được !

Mấy lời nói của Masa đã cho tôi hiểu khá nhiều việc. Tôi vỡ nhê ra tại sao Svabrin lại hay nói xấu Masa một cách hằn học như vậy. Có thể hẳn đã để ý thấy chúng tôi có cảm tình với nhau nên cố chia rẽ chúng tôi. Những lời lẽ của Svabrin đã khiến tôi với hẳn xích mích nhau, bây giờ tôi càng thấy bị ố hơn nữa : đó không phải là một lỗi bần cợt thô bỉ, mà rõ ràng là một lỗi vu khống có dụng ý. Tôi càng nóng lòng muốn trừng phạt kẻ ngấm máu phun người không biết dơ ấy, và sốt ruột chờ mong một cơ hội thuận tiện.

Tôi không phải chờ lâu. Hôm sau tôi ngồi sáng tác một bài ai thi và đang gặm bút chờ vắn, thì Svabrin đến, gõ mấy tiếng vào khung cửa sổ. Tôi bỏ bút, với lấy thanh

kiếm và đi ra ngoài với Svabrin. Hấn bảo tôi :

- Việc gì phải khắt ? Chẳng có ai theo dõi ta đâu. Ra bờ sông đi ở đấy chẳng có ai làm phiền ta được.

Chúng tôi im lặng bước đi men theo một con đường mòn dốc thẳng, chúng tôi xuống tận sát bờ sông và tuốt kiếm ra. Svabrin khéo léo hơn tôi, nhưng tôi khoẻ và gan dạ hơn, và *monsieur Beaupré*, trước kia đã từng đi lính, có dạy tôi mấy bài kiếm: tôi liền đem ra sử dụng. Svabrin không dè tôi lại là một đối thủ lợi hại như vậy. Đánh nhau hồi lâu, hai bên không đâm trúng nhau một mũi nào; cuối cùng nhận thấy Svabrin đã yếu sức, tôi liền công phá hấn dữ dội và dồn hấn đến sát mé nước, bỗng tôi nghe có ai lớn tiếng gọi tên tôi. Tôi nhìn lại thì thấy Savêlich đang men theo con đường dốc chạy xuống phía tôi... Vừa lúc ấy tôi thấy đau nhói một cái ở ngực chỗ phía dưới vai bên phải; tôi ngã xuống và ngất đi.

CHƯƠNG V

TÌNH YÊU

Hỡi cô con gái đang thì
Cô đã vội gì tính chuyện chồng con ?
Hỏi thầy hỏi mẹ thì hơn,
Hỏi thêm làng xóm bà con đã nào !
Vốn đời hãy góp cho cao
Của hồi môn nữa, thêm vào... cô ơi !

Dân ca

**Mai sau anh có gặp người
Đẹp hơn người cũ, anh thời quên tôi.
Mai sau anh có gặp người
Không bằng người cũ, anh thời nhớ tôi.**

*Dân ca*²⁶

Hồi tỉnh lại, tôi ngỡ ngác một lúc không thể nhớ và hiểu được việc gì đã xảy ra. Tôi thấy mình nằm trên giường, trong một gian phòng lạ, người một lả, Xavêlich cầm cây đèn nên đứng trước mặt. Có ai nhẹ nhàng nói lớp băng quấn quanh vai và ngực tôi. Dần dần tôi định thần lại. Tôi sức nhớ cuộc đấu kiếm và đoán rằng rồi đã bị thương. Lúc ấy cánh cửa kẹt mở, có tiếng thì thào :

- Thế nào ? Anh ấy ra sao rồi ?

Giọng nói khiến tôi giật mình. Xavêlich thở dài đáp:

- Vẫn cứ thế, vẫn cứ mê man, thế là đã đến năm ngày rồi còn gì.

Tôi muốn trở mình, nhưng không được.

- Tôi ở đâu thế này? Ai đấy ? - Tôi gượng gạo nói.

Maria Ivanópna lại gần giường tôi và cúi xuống :

- Thế nào ? Anh có thấy đỡ không ? - Nàng hỏi.

- Nhờ trời cũng đỡ, - tôi đáp, giọng yếu ớt. - Cô Maria Ivanópna đấy à ? Cô cho tôi biết..., - nhưng tôi không đủ sức nói tiếp, đành lặng thinh.

Xavêlich ồ lên một tiếng, vẻ mặt mừng rỡ :

- Tỉnh rồi ! Tỉnh rồi ! - Bác luôn mồm nói. - Cảm ơn

Chúa ! Trời ơi ! Cậu Piôt Andrêevich ! Cậu làm tôi sợ quá! Năm đêm năm ngày chứ có phải chuyện chơi đâu!

Maria Ivanópna ngắt lời bác Xavêlich :

- Đừng nói nhiều với anh ấy, bác ạ. Anh ấy hãy còn yếu.

Nói đoạn, nàng lui ra và nhẹ nhẹ đóng cửa lại. Đầu óc của tôi cứ rối tung lên. Thế là tôi đang nằm trong nhà ông đồn trưởng. Maria Ivanópna đã vào thăm tôi. Tôi muốn hỏi Xavêlich mấy câu, nhưng người lão bộc lắc đầu lia lịa và đưa tay bịt chặt lấy hai tai. Tôi hậm hực nhắm mắt lại và chẳng bao lâu thì ngủ thiếp đi.

Thức giấc, tôi cất tiếng gọi Xavêlich, nhưng lại thấy Maria Ivanópna trước mặt tôi, tiếng nói trong trẻo của nàng chào hỏi tôi. Tôi không sao tả nổi cái cảm giác ngọt ngào nó tràn vào người tôi lúc ấy. Tôi cầm chặt lấy tay Maria Ivanópna và nước mắt tôi trào ra ướt cả tay nàng. Maria Ivanópna không rút tay lại... Bỗng nhiên môi nàng chạm vào má tôi và tôi cảm thấy cái hôn nồng nàn và tươi mát của nàng. Một luồng lửa truyền khắp người tôi.

- Maria Ivanópna, em đáng yêu quá, em tốt quá, em hãy trở thành vợ hiền của anh nhé, em đừng từ chối nhé, chỉ có em mới có thể đem lại hạnh phúc cho anh.

Maria Ivanópna sực tỉnh. Nàng rút tay ra, nói :

- Trời ơi, anh bình tĩnh lại. Anh hãy còn mệt nặng, vết thương có thể lại chảy máu ra. Anh hãy nương

nhẹ lấy mình, dù chỉ để cho em đỡ khổ.

Nói đoạn nàng lui ra, để tôi nằm say sưa trong niềm hân hoan tột độ. Hạnh phúc đã làm tôi sống lại : Masa sẽ là của tôi ! Nàng yêu tôi ! Ý nghĩ này tràn ngập cả tâm hồn tôi.

Từ đây, tôi bình phục rất nhanh chóng. Bác thợ cạo của trung đoàn chữa cho tôi, vì trong đồn không có ông thầy thuốc nào khác, và may thay bác ta chẳng làm khôn làm khéo gì. Sức trai trẻ và thiên nhiên đã làm cho tôi chóng bình phục lại. Cả nhà ông đồn trưởng đều lo lắng chăm sóc cho tôi. Maria Ivanópna không rời tôi một bước. Dĩ nhiên hẳn cứ có dịp thuận tiện là tôi lại tiếp tục câu chuyện tâm sự bị gián đoạn hôm trước, và Maria Ivanópna đã chịu nghe tôi nói nhiều hơn. Không chút kiêu cách, nàng hồn nhiên thú thật với tôi rằng nàng yêu mến tôi chân thành, và nói rằng cha mẹ nàng nhất định sẽ vui mừng khi thấy nàng được hạnh phúc như thế này.

- Nhưng anh nghĩ cho kỹ đi anh ạ, - nàng nói thêm, - không biết về phía các cụ thân sinh của anh có trở ngại gì không ?

Tôi suy nghĩ, thấy không chút hồ nghi gì về lòng thương của mẹ tôi, nhưng vốn biết tính tình và nếp nghĩ của cha tôi, tôi cảm thấy rằng cuộc tình duyên của tôi sẽ không làm cho người cảm động lắm và người sẽ cho rằng đó chỉ là một thứ tình cảm bông lông của tuổi thanh niên nông nổi. Tôi cứ thật tình nói với

Maria Ivanópna như vậy, nhưng cũng quyết định viết cho cha tôi một bức thư thật chân tình và hùng hồn, xin người cầu phước cho chúng tôi. Tôi cho Maria Ivanópna xem : nàng đọc thấy bức thư hợp tình hợp lẽ, mà chân thành cảm động quá, nên tin chắc thể nào cũng được như ý và để mặc cho những tình cảm bùng bột trong trái tim dịu dàng của nàng lôi cuốn theo, với tất cả lòng tin cần của tình yêu và tuổi trẻ.

Với Svabrin thì tôi giảng hoà ngay từ những ngày đầu dưỡng bệnh. Ivan Kudómích trách mắng tôi về cuộc đấu kiếm. Ông bảo tôi :

- Chao ! Cậu Piôt Andrêévich ! Lý ra tôi phạt giam cậu mới phải, nhưng thôi, như thế là cậu cũng đã bị trừng phạt rồi. Còn Aléchxây Ivanôvích thì tôi đang cho ngồi trong kho lúa mì có lính gác, gươm của ông ta thì Vaxilixa Êgônópna bỏ buông khoá lại rồi. Để ông ta ngắm nghĩ mà hối cải lại.

Bây giờ thì tôi đang sung sướng quá, nên không thể nào giữ mối hiềm khích trong lòng được. Tôi xin tha cho Svabrin. Ông đồn trưởng tốt bụng ấy, sau khi được vợ chuẩn y, bèn quyết định thả anh ta ra. Svabrin đến thăm tôi, anh ta tỏ ý rất tiếc về những việc đã xảy ra giữa hai chúng tôi; anh ta thú nhận rằng mình hoàn toàn có lỗi và xin tôi quên cái dĩ vãng đó đi. Bản chất vốn không biết giận ai lâu, tôi thành thực tha thứ cho anh ta về câu chuyện xích mích và về vết thương mà anh ta đã gây nên. Tôi nghĩ rằng sở dĩ anh

ấy nói xấu Masa như vậy, chẳng qua cũng vì lòng tự ái bị tổn thương và tình yêu bị cự tuyệt, nên tôi rộng lượng tha thứ cho kẻ tình địch không may của tôi.

Chỉ ít lâu tôi đã khoẻ hẳn và có thể trở về nhà riêng. Tôi nóng lòng chờ đợi thư trả lời của cha tôi, lòng lo âu, chưa dám hy vọng gì, và cố gắng kìm bớt những linh cảm đang rộn rịp trong lòng. Tôi chưa thưa chuyện với bà Vaxilixa Êgônốpna và chồng bà; nhưng chắc lời cầu xin của tôi sẽ không làm họ ngạc nhiên. Tôi cũng như Maria Ivanốpna đều không có ý giấu giếm tình cảm của chúng tôi trước mặt hai ông bà và chúng tôi cũng đã thấy trước thế nào họ cũng bằng lòng.

Cuối cùng một buổi sáng nọ, Xavêlich vào phòng tôi, tay cầm một phong thư; tôi run run cầm lấy. Địa chỉ ngoài bì là chữ cha tôi viết. Điều đó khiến tôi đoán trước rằng có việc gì quan trọng đây, vì thường thường thư gửi cho tôi là do mẹ tôi viết, còn cha tôi thì chỉ đề thêm mấy dòng chữ ở cuối thư thôi. Tôi mân mê phong bì một hồi lâu không dám bóc ra, cứ đọc đi đọc lại mãi mấy chữ đề bì trang trọng : “Gửi con trai tôi là Piôt Andrêêvích Grinhốp ở tỉnh Ôrenburg, đồn Bêlôgorxơ”. Tôi ngấm nghĩa nét chữ cố đoán xem tâm trạng cha tôi khi viết bức thư này ra sao; cuối cùng tôi mạnh dạn mở phong bì ra và ngay từ mấy dòng đầu, tôi đã thấy rõ rằng việc của tôi thế là hỏng hết. Nội dung bức thư như sau :

“Piốt con ! Ngày 15 vừa rồi, cha mẹ đã tiếp được bức thư của mày gửi, trong đó mày có xin cha mẹ cầu phúc và cho mày kết hôn với cái con Maria Ivanópna họ Mirônốp. Tao không những không cầu phúc và không hề có ý định ưng thuận cho mày, mà còn định đến tận nơi sửa cho mày một trận địch đáng như sửa một đứa trẻ ranh, bất chấp cái cấp bậc sĩ quan của mày, vì mày đã tỏ ra chưa xứng đáng được đeo kiếm. Thanh kiếm giao cho mày là để bảo vệ tổ quốc, chứ không phải để đi đánh nhau với những thứ du côn cùng một giuộc với mày. Tao sẽ viết ngay một bức thư cho Andrây Karlôvích yêu cầu ông ta đổi mày ra một nơi nào thật xa để cho mày qua khỏi cơn yêu đương ngu xuẩn của mày đi. Mẹ mày nghe tin mày đầu kiếm bị thương, buồn phiền quá sinh bệnh nay hãy còn phải nằm. Mai sau mày sẽ thành cái thứ gì ? Tao cầu Chúa cho mày tu tỉnh lại, mặc dầu tao cũng không dám hy vọng rằng lòng thương cao cả của Chúa sẽ giúp mày.

Bố của mày A.G”

Đọc xong bức thư tôi thấy trong lòng rộn lên nhiều cảm xúc khác nhau. Những lời lẽ tàn nhẫn mà cha tôi dùng không tiếc trong bức thư làm tôi thấy nhục hết sức. Cái giọng khinh thị của cha tôi khi nhắc tới Maria Ivanópna, tôi thấy là không được đứng đắn mà cũng rất bất công. Nghĩ đến việc phải đổi đi nơi khác, tôi rất lo sợ; nhưng làm cho tôi buồn hơn cả là tin mẹ tôi ốm. Tôi căm giận Xavêlich vì tôi tin chắc rằng sở dĩ

cha mẹ tôi biết chuyện tôi đấu kiếm là vì bác viết thư về mách. Đang đi đi lại lại trong gian phòng chật chội của tôi, tôi đứng phắt lại trước mặt Xavêlich và nghiêm nghị nhìn thẳng vào mặt bác, nói :

- Vậy ra, tôi vì bác mà bị thương và suốt một tháng rong dờ sống dờ chết như vậy mà hình như bác vẫn chưa vừa lòng, bác còn muốn cho mẹ tôi phải chết buồn chết phiền nữa kia.

Xavêlich choáng người đi như bị sét đánh. Bác suýt khóc oà lên :

- Thưa cậu, cậu nói gì vậy ? Vì tôi mà cậu bị thương à ? Có trời chứng giám, tôi chỉ muốn chạy đến lấy thân mà đỡ mũi kiếm của Aléchxây Ivanôvich cho cậu, chỉ vì cái tuổi già chết tiệt này mà tôi chạy không kịp. Thế còn cậu bảo tôi làm gì đến nỗi cụ bà phải buồn phiền ?

- Bác làm gì ấy à ? - Tôi đáp. - Ai khiến bác viết thư về mách lẻo chuyện tôi ? Bác đi theo tôi để làm mật thám hay sao ?

Xavêlich ứa nước mắt đáp :

- Tôi ấy à ? Tôi mà đi mách lẻo chuyện cậu à ? Trời ơi ? Vậy cậu thử đọc xem thư của cụ nhà viết cho tôi như thế nào, rồi cậu sẽ thấy tôi mách lẻo chuyện cậu ra sao.

Nói đoạn bác rút trong túi ra một bức thư, đưa cho tôi đọc. Bức thư viết :

“Đồ chó già, mày thật không biết xấu hổ, tao đã

dẫn mây thế nào mà mây lại không cho tao biết tí gì về con tao, để người dưng họ phải mách những chuyện tình quái đại đột của nó. Mây làm tròn bốn phận và thừa hành ý chủ như vậy đây hử, rồi tao cho mây đi chặn lợn cho mây biết tay, cái đồ chó già, cho mây bỏ cái thói giấu giếm sự thật và nuông chiều làm hư hỏng con tao. Tao ra lệnh cho mây hãy nhận được thư này thì phải lập tức phúc đáp, báo cho tao biết sức khoẻ của nó bây giờ ra sao, nghe người ta bảo nó đã sắp khỏi, không biết có đúng không ? Phải nói cho rõ nó bị thương ở chỗ nào, và người ta chạy chữa cho nó có chu đáo không”.

Rõ ràng là Xavêlich không có lỗi gì, và tôi trách móc nghi ngờ làm khổ bác ta như vậy thật là vô lý. Tôi xin bác tha lỗi, nhưng người lão bộc không sao nguôi được. Bác cứ ngồi nói đi nói lại :

- Tôi sống đến bây giờ làm gì cho nó khổ thế này ? Tôi hầu hạ các chúa đến bây giờ, các chúa ban thưởng cho tôi thế này đây. Tôi vừa là con chó già, vừa là thằng chặn lợn, vừa là kẻ làm cho cậu bị thương. Không đâu, cậu Piôt Andreêvich ạ ! Lỗi có phải tại tôi đâu, tại cái me-xư chết rấp kia cả, hử dạy cậu đâm dùi sắt với lại giẫm chân giẫm cẳng, làm như là đâm dùi với giẫm cẳng như thế thì khỏi bị người ác hãm hại không bằng ! Thế mà cũng phải thuê lấy một me-xư cho phí tiền ra !

Nhưng nếu vậy thì ai đã đảm đương cái việc báo

cho cha tôi biết chuyện này ? Tướng Andrây Karlôvích ư ? Nhưng ông ta hình như có đoái hoài gì đến tôi đâu; mà Ivan Kudômích cũng không hề báo cáo về cuộc đấu kiếm ấy. Tôi cứ đoán xa đoán gần mãi mà vẫn không sao hiểu được. Nhưng mỗi ngày của tôi rất cực dòn vào Svabrin. Chỉ có hấn mới có lợi trong việc tố giác chuyện này, vì làm như vậy có thể tôi sẽ bị đổi đi nơi khác và đoạn tuyệt với gia đình ông đồn trưởng. Tôi đến nói rõ ngọn ngành cho Maria Ivanốpna nghe. Nàng đứng đợi tôi ở trước thềm. Thấy tôi đến, nàng nói :

- Anh làm sao thế ? Anh xanh quá đi mất.

- Hồng hết rồi em ạ, - tôi đáp và trao bức thư của cha tôi cho nàng.

Đến lượt nàng tái mặt đi. Đọc xong tay nàng run run trả lại bức thư cho tôi và giọng nàng run run nói:

- Thôi, thế là số phận em không được... Các cụ nhà anh không muốn nhận em về làm dâu trong gia đình. Thôi, cũng là ý Chúa cả ! Chúa biết rõ đường đi nước bước của ta hơn. Thôi chẳng còn biết làm thế nào nữa, anh Piôt Andrêêvích, ít nhất, chỉ cầu mong sao cho anh được hạnh phúc...

- Không thể thế được ! - Tôi kêu lên, và nắm chặt lấy tay nàng. - Em yêu anh; anh sẵn sàng làm tất cả. Chúng mình sẽ đến quỳ xuống chân cha mẹ em; hai bác đều là người bình dị, hiền lành chứ không phải là những kẻ kiêu kỳ tàn nhẫn như ai... Cha mẹ em sẽ

cầu phúc cho ta; chúng mình sẽ cưới nhau... Anh tin chắc rằng rồi đây anh cũng sẽ làm cho cha anh vui lòng; mẹ anh sẽ bệnh chùng mình; cha anh sẽ tha thứ cho chúng mình...

Masa đáp :

- Không được đâu anh ạ, cha mẹ anh mà không thuận thì em không thể lấy anh được, nếu không được cha mẹ ưng thuận không bao giờ anh có thể có hạnh phúc. Thôi ta đành chịu cúi đầu vâng ý Chúa. Nếu mai sau anh có yêu người khác thì em cũng xin mừng cho anh, anh Piôt Andrêevich ạ, còn em thì em sẽ xin cầu nguyện Chúa cho cả hai người...

Nói đến đây nàng khóc và bỏ tôi đấy mà đi vào nhà, tôi muốn vào theo, nhưng cảm thấy mình không đủ sức tự chủ nữa, nên đành quay về.

Tôi đang ngồi suy nghĩ miên man, thì bỗng Xavêlich đến cắt đứt dòng tư tưởng của tôi. Bác đưa tôi một tờ giấy viết chỉ chút những chữ, nói :

- Thưa cậu đây, cậu thử xem tôi có phải là kẻ đi mách lẻo chuyện chủ không, và có phải là tôi muốn làm cho bố con xích mích với nhau không ?

Tôi lấy tờ giấy xem : đó là bức thư của bác Xavêlich trả lời lại bức thư cha tôi gửi. Đây, nguyên văn bức thư như thế này :

“Kính gửi ngài Andrây Pêtrôvich

cha hiền chúng tôi !

Tôi đã nhận được thư ngài. Trong thư ngài có lòng

mắng kẻ nô bộc của ngài rằng sao dám trái lệnh chủ mà không biết xấu hổ, - còn như tôi đây thì không phải là đồ chó già, mà là người đầy tớ trung thành của ngài, xưa nay vẫn vâng lệnh chủ và luôn luôn một lòng một dạ hầu hạ ngài cho đến khi râu tóc bạc như ngày nay. Sở dĩ tôi không dám viết để ngài tường việc cậu Piốt Andrêevích bị thương là để ngài cùng phu nhân khỏi lo sợ, và quả nhiên bây giờ nghe nói bà nhà, mẹ chúng tôi là Ápdôchia Vaxiliépna cũng đã lo sợ quá mà sinh bệnh, và tôi xin cầu nguyện đức Chúa trời cho bà nhà chóng khỏi. Còn như cậu Piốt Andrêevích thì bị thương phía dưới vai phải, ngay chỗ dưới cái xương đòn gánh, vết thương sâu độ sáu phân, phải nằm ở nhà ông đồn trưởng, vì chúng tôi đã khiêng cậu từ ngoài bờ sông về đây, người chữa cho cậu là ông thợ cạo Xtêpan Paramônốp; và bây giờ thì nhờ trời cậu Piốt Andrêevích đã khoẻ mạnh, có viết về cậu ta thì cũng toàn là những tin lành cả. Nghe nói các cấp chỉ huy đều hài lòng về cậu nhà, còn bà đồn trưởng thì coi cậu như con ruột vậy. Còn như xảy ra chuyện gì không may như thế, thì cũng chẳng nên trách cậu ấy làm gì. Ngựa đi bốn cặp còn có khi vấp nữa là. Còn ngài có dạy rằng sẽ cho tôi đi chăn lợn, thì cũng xin tùy ý ngài. Đến đây xin kính cẩn cúi chào ngài.

Người nô bộc trung thành của ngài

Arkhip Xavêliép".

Trong khi đọc bức thư phúc đáp của người lão bộc đáng mến ấy, tôi không khỏi mỉm cười mấy lần. Tôi thấy không đủ sức trả lời cha tôi; còn để cho mẹ tôi yên lòng thì bức thư của Xavêlich tôi thấy cũng đủ.

Từ dạo đó, tình cảnh của tôi thay đổi hẳn. Maria Ivanópna hầu như không trò chuyện gì với tôi nữa và tìm đủ mọi cách để cố lánh mặt tôi. Nhà ông đồn trưởng đối với tôi đã trở thành một nơi rất khó chịu. Dần dần tôi đâm quen ngôi nhà một mình. Bà Vaxilixa Êgônópna lúc đầu còn trách móc tôi, nhưng sau thấy tôi cứ một mực như thế nên cũng đành để mặc. Ông Ivan Kudómích thì tôi chỉ gặp khi nào công việc bắt buộc. Còn Svabrin thì tôi cũng ít khi gặp, mà có gặp cũng là bắt buộc thôi, hơn nữa, tôi nhận thấy hắn có ý ngấm ngấm thù tôi, nên những mối ngờ vực của tôi càng được xác nhận. Cảnh sống của tôi bây giờ thật không sao chịu nổi. Tôi sinh ra lắm lì, suốt ngày nghĩ ngợi, cảnh cô độc và nhàn rỗi lại nuôi dưỡng thêm tâm trạng đó. Sống lẻ loi đơn độc như thế, tình yêu của tôi lại càng nồng nàn hơn, và mỗi ngày lại thêm giây vò tôi khổ sở. Tôi chẳng còn thiết đọc sách làm thơ gì nữa. Tinh thần tôi sút kém. Tôi lo một là phát điên, hai là đâm ra chơi bời truy lạc. Những biến cố đột ngột, có một ảnh hưởng quan trọng đến cả cuộc đời tôi bỗng đâu đến lay chuyển mạnh mẽ tâm hồn tôi, làm cho tôi trầm tĩnh lại.

CHƯƠNG VI

QUÂN PUGATSÓP

**Các cậu thanh niên hãy lắng nghe
Những người già lão kể chuyện**

Một bài hát²⁷

Trước khi bắt đầu vào kể những biến cố kỳ lạ mà tôi đã được chứng kiến, tôi thấy cần nói vài lời về tình hình tỉnh Ôrenburg vào cuối năm 1773.

Cái tỉnh rộng lớn và giàu có này vốn có nhiều dân tộc bán khai ở. Bọn họ mãi gần đây mới thừa nhận quyền cai trị của các vua Nga. Họ liên tiếp nổi loạn, lại không quen với luật lệ và sinh hoạt có quy củ, hơn nữa bản tính lại nhẹ dạ mà hung ác khiến chính phủ phải giám sát không ngừng, nhằm bắt họ phải khuất phục. Những nơi địa thế thuận tiện đều có xây đồn lũy. Dân cư ở đó phần lớn là những người Cô-dắc đã từ xưa chiếm cứ miền ven sông Iaích. Nhưng dân Cô-dắc vốn có nhiệm vụ duy trì yên tĩnh và an toàn ở miền này, ít lâu nay lại trở thành những thân dân không yên tĩnh và không an toàn tí nào đối với chính phủ. Năm 1772, trong thị trấn thủ phủ của họ có xảy ra một vụ rối loạn. Nguyên nhân vụ này là những

biện pháp khắc nghiệt do thiếu tướng Tơraobenbéc thi hành nhằm bắt quân đội phục tùng mệnh lệnh. Kết quả là Tơraobenbéc bị giết một cách man rợ, quân lính tự ý thay đổi bộ chỉ huy, và cuối cùng là cuộc nổi loạn bị trấn áp bằng đạn ria đại bác và những hình phạt tàn khốc.

Việc đó xảy ra ít lâu trước khi tôi đến đồn Bêlôgorxcơ. Bảy giờ bốn phương đã yên tĩnh, hay có vẻ như yên tĩnh; bộ chỉ huy quá dễ tin vào lòng hối hận của quân phiến loạn quý quyết. Họ vẫn ngấm ngấm nuôi lòng căm hận và chỉ chờ cơ hội thuận tiện là lại nổi loạn.

Tôi xin trở về câu chuyện đang kể.

Một hôm vào buổi tối (hồi ấy là vào thượng tuần tháng Mười năm 1773), tôi đang ngồi một mình ở nhà, lắng nghe tiếng gió thu rít lên từng hồi và nhìn qua cửa sổ ngắm những đám mây bay qua vàng trắng. Bỗng có người đến báo là ông đồn trưởng cho mời tôi lại. Tôi lập tức đến nhà ông. Ở đấy tôi gặp Svabrin, Ivan Ignatôvích và viên đội Cô-dắc. Trong phòng không thấy có bà Vaxilixa Êgônốpna mà cũng không thấy Maria Ivanốpna đâu cả. Ông đồn trưởng chào tôi, dáng tư lự. Ông đóng cửa mời mọi người ngồi xuống, trừ viên đội Cô-dắc thì vẫn đứng ở cửa. Ông đại úy rút trong túi ra một tờ giấy và nói với chúng tôi : “Thưa các sĩ quan, có một tin quan trọng, xin các ngài nghe tôi đọc bức thư của thiếu tướng”. Nói đoạn ông đeo mực kính vào và đọc những dòng sau đây :

“Kính gửi quan đồn trưởng đồn Bêlôgorxơ

Đại uý Mirônốp

Mật

Xin có thư báo đề ngài rõ rằng tên Êmêlian Pugatsốp, một tên Cô-dắc vùng sông Đôn và là một tên dị giáo đã cả gan lấy danh hiệu tiên đế Piôt Đệ Tam tự phong cho mình, đã chiêu nạp một bọn côn đồ quấy rối các làng mạc miền sông Iaích và đến nay đã chiếm và phá được một số đồn lũy, đi đến đâu cũng đều giết người cướp của. Vì vậy ngài đại uý nhận được thư này phải lập tức thi hành những biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn tên gian phi mạo danh kia và nếu có thể thì hoàn toàn tiêu diệt lũ giặc, nếu chúng đánh đến cái đồn mà cấp trên đã giao cho ngài cai quản”.

Đọc xong ông đồn trưởng cất mục kính và gấp tờ giấy lại.

- Thi hành những biện pháp thích hợp ! Nói thì dễ đấy. Có lẽ tên giặc này mạnh lắm, mà chúng ta thì cả thảy có trăm ba mươi người. không kể bọn Cô-dắc, vì bọn này chả đáng tin cậy tí nào. Nói thế anh đừng giận, anh Mắcximích nhé (viên đội cười nhạt). Nhưng cũng đành vậy chứ biết làm thế nào được nữa, thưa các ngài sĩ quan ? Các ngài phải cho cẩn thận, phải đặt lính canh và cho đi tuần tra ban đêm; nếu có giặc đến tấn công phải đóng cửa đồn lại và dẫn lính ra. Còn anh Mắcximích thì phải trông bọn Cô-dắc cho

kỹ. Khẩu đại bác phải xem lại và lau cho thật sạch. Mà nhất là phải giữ việc này thật kín, trong đồn đừng để ai biết sớm quá.

Sau khi ra lệnh cất đặt như trên, Ivan Kudomích cho chúng tôi giải tán về nhà. Tôi cùng đi ra với Svabrin, bàn bạc với nhau về những điều vừa nghe được. Tôi hỏi hắn :

- Anh nghĩ thế nào, rốt cục sẽ ra sao đây ?

Svabrin đáp :

- Có trời biết được. Rồi thử xem. Hiện nay thì tôi chưa thấy có gì nghiêm trọng cả. Còn nếu... - đến đây hắn ngấm nghĩ một lát, rồi bắt đầu huýt sáo khe khe một khúc ca Pháp.

Mặc dầu chúng tôi đã đề phòng như vậy, tin Pugatsóp xuất hiện cũng lan ra khắp đồn. Ivan Kudomích tuy rể vợ là thế, nhưng không đời nào lại để lộ cho vợ biết một chuyện bí mật về việc quân cơ. Khi nhận được bức thư của thiếu tướng, ông ta lừa cho bà đi nơi khác một cách khá tài tình, nói với bà Vaxilixa Êgônópna rằng đầu hình như cha Ghêraxim vừa nhận được những tin tức rất kỳ lạ ở Ôrenburg đưa về, những tin tức này cha giữ hết sức bí mật. Bà Vaxilixa Êgônópna lập tức muốn sang chơi nhà bà cô đạo, và theo lời khuyên của Ivan Kudomích bà đem cả Maria đi theo để cho cô ta khỏi buồn vì nổi phải ở nhà một mình.

Thế là Ivan Kudomích hoàn toàn làm chủ trận địa,

ông lập tức cho gọi chúng tôi lại, còn Palasca thì ông đem nhốt trong nhà kho để chị ta khỏi nghe trộm chúng tôi...

Bà Vaxilixa Êgônốpna chả moi được tin tức gì ở nhà bà cố đạo cả bèn trở về, và đến lúc đó mới biết rằng trong khi bà đi vắng, Ivan Kudơmích có họp hội đồng và Palasca thì bị nhốt. Bà đoán là bà đã bị chồng lừa, và bắt đầu tiến hành một cuộc hỏi cung. Nhưng Ivan Kudơmích đã chuẩn bị đôi phỏ. Ông không chút nao núng, trả lời trôi chảy những câu chất vấn của bà vợ tò mò :

- Số là thế này, bà nó ạ, các bà nhà ta tự dựng bày ra cái lối đốt lò sưởi bằng rơm; làm như vậy dễ xảy ra tai nạn như bồn, cho nên tôi ra lệnh cho các sĩ quan nghiêm cấm các bà không được dùng rơm đốt lò, phải dùng củi khô mà đốt.

- Thế tại sao ông lại nhốt con Palasca lại, - bà đồn trưởng hỏi, - nó có tội tình gì mà phải ngồi suốt trong nhà kho mãi cho đến khi tôi với con Maria về ?

Ivan Kudơmích chưa chuẩn bị trả lời câu hỏi này, ông ta đâm ra lúng túng và nói ấp úng mấy câu chả có đầu đuôi gì cả. Bà Vaxilixa Êgônốpna đã thấy rõ chồng bà có mưu mô gì đây, nhưng biết rằng có hỏi nữa cũng chẳng moi thêm được tí gì, bà đành chấm dứt cuộc thẩm vấn và quay ra bàn về cái khoản đưa chuột muối ở nhà bà Akulina Pamphilốpna : bà ta muối dưa theo một kiểu đặc biệt, ăn rất ngon. Suốt

đem bà Vaxilixa Êgônốpna không chộp mắt được, và không tài nào đoán được trong đầu óc chồng bà có những cái gì mà lại không thể cho bà biết được.

Ngày hôm sau đi xem lễ về, bà trông thấy Ivan Ignatôvich đang moi khẩu đại bác ra đủ các thứ giẻ rách, đá sỏi, vỏ bảo, xương vụn, rác rưởi mà bọn trẻ con đã nhét vào nòng súng.

“Những cuộc chuẩn bị quân sự này là thế nào đây? - Bà đồn trưởng nghĩ thầm. - Bọn Kiếgghidia sắp tấn công chắc ? Nhưng tại sao Ivan Kudômich lại đi giấu mình những chuyện vật ấy ?”

Bà liền lớn tiếng gọi Ivan Kudômich lại, với ý định quả quyết là sẽ hỏi cho ra những điều bí mật đang giẫy vò trí tò mò đặc biệt phụ nữ của bà.

Bà Vaxilixa Êgônốpna bắt đầu nói chuyện nhà chuyện cửa với ông ta như một ông quan toà bắt đầu cuộc thẩm vấn bằng những câu hỏi vu vơ để cho người bị hỏi dung sao nhãng việc đề phòng. Sau đó bà im lặng vài phút, rồi lắc đầu thở dài thườn thượt nói :

- Lạy chúa, cơ sự như thế đấy. Toàn những tin sét đánh ! Rồi đây sẽ ra sao không biết ?

- Thôi bà đừng lo nữa, bà ạ ! - Ivan Ignatôvich đáp. - Nhờ ơn Chúa, quân lính ta cũng đủ, thuốc đạn có thừa, khẩu đại bác thì tôi đã lau xong. Rồi ta sẽ đánh lui Pugatsốp. Chúa không nỡ bỏ ta đâu mà sợ.

- Thế Pugatsốp là cái thứ người gì vậy ? - Bà đồn

trưởng hỏi.

Đến đây thì Ivan Ignatôvich đã thấy mình lỡ lời và vội vàng im bặt. Nhưng muộn rồi. Bà Vaxilixa Êgônốpna bắt ông ta phải thú hết mọi sự, hứa với ông là sẽ không nói lại với ai hết.

Bà Vaxilixa Êgônốpna giữ đúng lời hứa và không nói lại với ai lấy một câu nào, trừ bà cố đạo ra, và sở dĩ như thế là cũng vì bà này còn thả bò đi ăn ngoài thảo nguyên, bò có thể bị bọn cướp bắt, cho nên bà mới phải nói thôi.

Thế là chẳng bao lâu mọi người đều xôn xao bàn tán về Pugatsốp. Mỗi người nói một cách. Ông đồn trưởng phái viên đội Cô-dắc đi trinh sát cho kỹ tình hình ở các đồn và các làng lân cận. Hai ngày sau viên đội trở về nói rằng cách đồn chừng sáu mươi véc-xta, trên thảo nguyên thấy có rất nhiều ánh lửa và nghe mấy người Baskiơ nói là không biết quân lữ nào mà có vẻ đông và mạnh lắm. Ngoài ra thì anh ta chả nói thêm được gì cho rõ, bởi vì sợ không dám đi xa hơn nữa.

Trong đồn, người Cô-dắc bắt đầu nhón nháo lạ thường, ở ngõ lối nào cũng thấy họ túm năm tụm ba nói thầm nói thì với nhau và khi trông thấy bóng một kỵ binh hay một người lính đồn thì họ lảng ra. Người ta phái mật thám trà trộn vào họ để dò xét. Iulai, một người Can-mức theo đạo, tổ giắc với đồn trưởng một điều quan trọng. Theo lời Iulai thì những báo

cáo của viên đội đều lão cả. Hôm trở về, anh chàng Cô-dắc ranh ma này nói với các bạn rằng anh ta đã gặp quân phiến loạn, lại còn đến trình diện với chủ tướng của họ nữa, được chủ tướng cho hôn tay và tiếp chuyện rất lâu. Ông đồn trưởng lập tức cho tổng giam viên đội trưởng lại và cử Iulai lên thay. Được tin này bọn Cô-dắc tỏ ý bất mãn ra mặt. Họ lớn tiếng kêu ca, và Ivan Ignatôvích, người thừa hành mệnh lệnh đồn trưởng, đã tự tai mình nghe họ nói : “Rồi nay mai con chuột đồn kia sẽ biết tay chúng tao !”

Ông đồn trưởng định ngày hôm ấy sẽ hỏi cung viên đội Cô-dắc. Nhưng hắn đã lọt qua lính gác trốn mất rồi, chắc có bọn đồng lõa giúp đỡ.

Một việc mới xảy ra làm cho ông đồn trưởng càng thêm lo lắng. Người ta bắt được một tên Baskiro, trong người có mang truyền đơn xúi giục nổi loạn. Nhân việc này ông đồn trưởng lại định triệu các sĩ quan lại và muốn tìm cơ để đẩy bà Vaxilixa Êgônốpna đi nơi khác. Nhưng vì Ivan Kudomích là người hết sức thật thà ngay thẳng, cho nên ngoài cái phương pháp đã một lần sử dụng trước kia ra ông chả tìm được cách nào khác cả.

Ông đằng hắng mấy tiếng, rồi nói với vợ :

- Nay bà Vaxilixa Êgônốpna, nghe nói cha Ghêraxim mới nhận được một tin ở tỉnh về...

- Thôi ông im đi, - bà đồn trưởng ngắt lời ngay, - ông lại định họp hội đồng bàn về Êmêlian Pugatsốp

mà không cho tôi dự chứ gì : không xong đâu, không lừa được tôi nữa đâu !

Ivan Kudơmích trợn tròn xoe mắt. Ông nói :

- Thôi bà đã biết hết mọi việc rồi, thì cứ ở nhà, chúng tôi sẽ bàn trước mặt bà vậy.

- Có thể chứ, việc gì ông phải làm mưu làm mẹo với tôi ? Thôi cho đi gọi các sĩ quan đến đi.

Chúng tôi lại họp, có cả bà Vaxilixa Êgônốpna dự. Ivan Kudơmích đọc cho chúng tôi nghe tờ hiệu triệu của Pugatsốp, do một gã Cô-dắc biết dăm ba chữ nào đó viết ra. Tên tướng cướp tuyên bố là hắn có ý định sắp đến đánh đồn chúng tôi. Hắn mời dân Cô-dắc và lính tráng cùng nhập bọn, và khuyên các cấp chỉ huy không nên kháng cự lại, dọa nếu không nghe sẽ bị hành hình. Lời lẽ viết trong tờ hiệu triệu thì thô lỗ, nhưng rất mạnh và chắc phải gây một ấn tượng rất nguy hiểm trong đầu óc của dân thường.

Bà đồn trưởng thốt lên :

- Thật là đồ bịp bợm ! Nó dám rủ rê ta làm cái gì thế hả ? Ra đón nó và mang cớ ra đặt xuống chân nó à ! Chà, cái đồ chó đẻ ! Nó không biết rằng nhà ta đã phục vụ bốn mươi năm nay trong quân ngũ và nhờ trời đã thấy chán chuyện ra rồi à ? Chả nhẽ lại có những người chỉ huy đi nghe lời một tên kẻ cướp hay sao ?

Ivan Kudơmích đáp :

- Chả làm gì có đâu. Nhưng nghe nói tên giặc đã chiếm được nhiều đồn rồi thì phải.

- Có lẽ nó mạnh thật, - Svabrin nói.

- Rồi sẽ thấy ngay nó mạnh thật hay không, - ông đồn trưởng đáp. - Bà Vaxilixa Êgônốpna đưa cho tôi cái chìa khoá mở kho đi. Ivan Ignatôvich, ông đem tên Baskiro ra đây và bảo Iulai lấy roi.

Bà đồn trưởng đứng dậy bảo :

- Khoan đã ông Ivan Kudomích, để tôi đem con Maria đi chỗ khác đã; không có nó nghe kêu nó sợ. Mà cả tôi nữa, thật tình cũng chẳng ham gì cái trò tra khảo. Thôi chào các ngài...

Ngày xưa việc tra tấn đã bắt rễ sâu vào thủ tục tư pháp đến nỗi bản sắc lệnh nhân đức bãi bỏ lệ này chẳng có hiệu lực gì cả trong một thời gian khá lâu. Người ta cho rằng phạm nhân có tự mình thú nhận thì việc ra án mới được trọn vẹn, - một quan niệm không những không có căn cứ, mà lại còn hoàn toàn trái với lương tri thông thường về pháp lý nữa : vì nếu cho rằng việc người bị cáo không chịu nhận tội không phải là một bằng chứng tỏ ra rằng hấn vô tội, thì việc hấn thú nhận tội cũng không thể xem là một bằng chứng để kết luận rằng hấn có tội. Ngay đến bây giờ tôi còn có dịp nghe những vị quan toà già than phiền về việc bãi bỏ cái tục lệ dã man này. Còn thời bấy giờ kể cả quan toà và người bị cáo, ai cũng cho rằng dĩ nhiên là thể nào cũng phải tra tấn. Cho nên nghe lệnh của ông đồn trưởng, trong số chúng tôi không hề có ai ngạc nhiên và xúc động. Ivan

Ignatôvich đi áp giải tên Baskiro đang ngồi trong nhà kho do bà đồn trưởng giữ chìa khoá và mấy phút sau tên tù được đưa đến phòng ngoài. Ông đồn trưởng ra lệnh dẫn hắn vào.

Người Baskiro chật vật bước qua ngưỡng cửa (chân hắn bị cùm), và cất cái mũ lông cao chóp, đứng lại một bên khung cửa. Tôi nhìn hắn mà rung mình. Không bao giờ tôi quên được người ấy. Hắn trông chừng đã quá bảy mươi tuổi. Hắn chẳng có mũi cũng chẳng có tai. Đầu hắn cạo trọc; ở cằm chỉ thấy đâm ra mấy sợi râu bạc thưa thớt, hắn người thấp bé, gầy gò và còng lưng, nhưng đôi mắt ti hí hầy còn long lanh sáng.

Trông những đặc điểm kinh khủng của người tù, ông đồn trưởng đã nhận ra tên phiến loạn bị trừng phạt hồi năm 1741²⁸. Ông nói :

- Con sói già này đã có qua các chuồng bầy của chúng ta rồi. Thế ra mày làm loạn không phải lần này là lần đầu, cho nên cái đầu bò của mày mới được bào nhẵn thế. Lại gần đây; thử nói xem ai phái mày đến.

Người Baskiro già lặng thinh nhìn ông đồn trưởng, vẻ hết sức ngơ ngác. Ivan Kudôvich nói tiếp :

- Sao mày lại lặng thinh ? Hay cái thằng này không hiểu tí tiếng Nga nào ? Iulai, thử dùng tiếng địa phương hỏi hắn xem ai phái hắn đến đồn chúng ta ?

Iulai hỏi lại bằng tiếng Tác-ta. Nhưng người Baskiro

vẫn trơ ra nhìn, vẻ vẫn đờn độn như cũ và không đáp lấy một tiếng.

Ông đồn trưởng nói :

- Được, để xem mày có làm thỉnh mãi được không ? Anh em ! Cởi cái áo dài sọc lỗ bịch của nó ra và quất vào lưng nó cho tôi. Iulai, anh phải xem đánh cho kỹ vào.

Hai người lính què bắt đầu cởi áo người Baskiro. Mặt người khôn nạn lộ vẻ lo lắng. Hắn ngơ ngác nhìn quanh như một con thú nhỏ bị trể bắt. Đến khi một người lính cầm lấy tay người Baskiro khoắc lên cổ và còng hắn lên, còn Iulai thì cầm roi vung cao lên, người Baskiro rên lên một tiếng yếu ớt có vẻ van lơn, rồi gật gật cái đầu và mở miệng ra : trong miệng không có lưỡi, chỉ thấy nhúc nhích một cục thịt cụt lủn.

Khi tôi hồi tưởng lại rằng những việc này xảy ra trong thời đại tôi, và tôi đã sống cho đến cái thời buổi yên lành của triều đại Alécxanđrơ, tôi không thể không ngạc nhiên khi thấy nền giáo dục tiên bộ nhanh chóng và các quy tắc nhân đạo được phổ biến rộng rãi như thế này. Bạn đọc trẻ tuổi của tôi ơi, nếu những dòng ghi chép này có lọt vào tay bạn, thì bạn hãy nhớ rằng những sự thay đổi tốt đẹp và vững chãi nhất là những sự thay đổi nào thực hiện bằng cách cải thiện tâm tính phong tục, không gây ra những cuộc rung chuyển thô bạo.

Ài nấy đều lặng người đi vì ghê sợ. Ông đồn trưởng nói :

- Thôi, thế này thì chả dò ra manh mối gì ở như thằng này được đâu. Iulai, anh hãy dẫn tên Baskiro vào kho đi. Còn các ngài thì hãy ngồi lại, chúng ta còn có việc phải bàn.

Chúng tôi bắt đầu bàn bạc về tình hình hiện tại, thì bỗng nhiên bà Vaxilixa Êgônốpna bước vào phòng, thở hổn hển có vẻ hết sức lo sợ. Ông đồn trưởng kinh ngạc hỏi :

- Bà làm sao thế bà ?

- Các ông ơi, khổ to rồi ! – Bà Vaxilixa Êgônốpna đáp. – Đồn Nigionêê Ôđêrô vừa bị chiếm sáng nay. Anh người nhà của cha Ghêraxim vừa ở đấy về. Anh ta đã thấy rõ khi chúng chiếm đồn, ông đồn trưởng và tất cả các sĩ quan đều bị treo cổ, quân lính đều bị bắt làm tù binh. Chắc bọn giặc sắp đánh đồn ta đến nơi rồi.

Cái tin đột ngột này làm tôi choáng váng người đi. Tôi vốn có quen đồn trưởng đồn Nigionêê Ôđêrô, một sĩ quan trẻ tuổi, hiền lành, ít nói, trước đây chừng hai tháng ông ta cùng với người vợ trẻ từ Ôrenburg đi ngang đây có ghé lại nhà Ivan Kudomích. Đồn Nigionêê Ôđêrô chỉ cách đồn chúng tôi chừng hai mươi lăm véc-xta. Như vậy là Pugatsốp có thể sắp sửa đánh đến chúng tôi. Tôi nghĩ ngay đến số phận của Maria Ivanốpna và tìm tôi như ngừng đập.

Tôi nói với ông đồn trưởng :

- Ivan Kudomích ạ ! Bón phận của chúng ta là bảo vệ

đồn này cho đến hơi thở cuối cùng, việc đó không nói làm gì nữa. Nhưng phải nghĩ đến việc đảm bảo an toàn cho đàn bà con gái. Ngải cho họ về Ôrenburg đi, nếu đường còn đi được, hoặc đưa họ đến một đồn nào thật xa mà chắc chắn hơn, ở nơi nào bọn giặc chưa kịp đến ấy.

Ivan Kudơmích quay sang phía vợ nói :

- Bà nghe không, thật tình cũng nên đưa hai mẹ con đi nơi khác, trong khi quân ta đang đánh nhau với bọn phiến loạn, bà thấy thế nào ?

- Chuyện vợ vẫn ! - Bà đồn trưởng nói. - Đồn nào mà chúng lại không đến được ? Đồn Bêlôgorxcơ này có gì là không chắc chắn nào ? Nhờ trời chúng tôi ở đây cũng đã được hơn hai mươi năm nay rồi. Bọn Baskirơ và bọn Kiếghidia chúng tôi đã từng thấy cả. Đến Pugatsốp nữa thì may ra cũng chống giữ được thôi !

Ivan Kudơmích nói :

- Ủ thôi, bà đã tin vào cái đồn này, thì bà cứ ở lại cũng được. Nhưng con Maria thì sao ? Nếu ta đánh lui được giặc hay chống giữ được cho đến khi viện binh đến thì chả nói làm gì; nhưng nếu giặc chiếm được đồn thì sao ?

- À, nếu thế thì... - đến đây bà Vaxilixa Êgônốpna liú liú lại không nói được nữa, về vô cùng bối rối.

Nhận thấy lời nói của mình có công hiệu, lần này có lẽ là lần đầu tiên trong đời, ông đồn trưởng nói tiếp :

- Không được đâu bà ạ. Con Maria không ở đây được đâu. Ta gửi nó về Ôrenburg ở ít lâu với mẹ đỡ đầu của nó. Ở đấy quân lính nhiều, súng ống đầy đủ, mà lại có thành lũy bằng đá. Còn bà cũng nên đến đấy với nó; bà già thì già, chú thử nghĩ xem chúng nó mà đánh chiếm được đồn thì sẽ ra sao ?

- Thôi được rồi, - bà đồn trưởng nói, cho con Maria nó đi. Còn tôi thì dù khi ông nằm mơ cũng đừng có mà bảo tôi đi : tôi không đi đâu, tôi già thế này việc gì phải bỏ ông mà đi tìm một cái mớ đơn chiếc ở nơi đất khách quê người. Đã sống có nhau, thì chết cũng phải chết bên nhau.

- Thôi cũng được, - ông đồn trưởng nói, - thôi, chần chừ mãi ! Bà đi sửa soạn cho con Maria nó lên đường. Sáng mai tờ mờ sáng là cho nó đi, để tôi phái theo một đội hộ tống, tuy chúng ta cũng chẳng thừa người. Nhưng con Maria nó đâu rồi nhỉ ?

- Ở nhà bà Akulina Pamphilópna, - bà đồn trưởng đáp. - Nó nghe tin Pugatsóp chiếm đồn Nigiônê Ôdêrô, sợ quá đâm ra khó ở; tôi sợ nó ốm mất. Trời đất, sao mà khổ sở thế này hở ?

Bà Vaxilixa Êgônópna đi sắp xếp hành lý cho con gái. Cuộc bàn bạc ở nhà ông đồn trưởng lại tiếp tục; nhưng tôi không tham dự gì vào đấy nữa, mà cũng chẳng nghe thấy gì. Đến bữa ăn tôi thấy Maria Ivanópna bước ra, gương mặt xanh xao, mắt đỏ hoe vì khóc nhiều. Chúng tôi im lặng ngồi ăn và đứng dậy

sớm hơn mọi bận; từ biệt cả gia đình ông đại úy chúng tôi ai về nhà nấy. Nhưng tôi cố ý bỏ quên thanh kiếm và quay lại lấy : tôi linh cảm rằng thế nào cũng sẽ gặp Maria Ivanópna một mình. Quả nhiên nàng đứng đợi tôi trong phòng khách và trao thanh kiếm cho tôi. Nàng ứa nước mắt nói :

- Piôt Andrêêvích, từ biệt anh nhé. Cha mẹ gửi em về Ôrenburg. Cầu mong cho anh mạnh khoẻ và hạnh phúc; có lẽ trời còn cho chúng mình thấy lại mặt nhau, còn nếu không...

Đến đây nàng oà lên khóc. Tôi ôm lấy nàng :

- Từ biệt em nhé, nàng tiên của anh, từ biệt em yêu dấu của anh ! Dù anh có thế nào chẳng nữa thì em hãy tin rằng ý nghĩ cuối cùng của anh và lời cầu nguyện cuối cùng của anh sẽ gửi về em !

Maria nép vào ngực tôi. Tôi hôn nàng nồng nàn, rồi vội vã ra khỏi phòng.

CHƯƠNG VII

TRẬN ĐÁNH ĐỒN

Cái đầu của tôi !
Cái đầu ngoan ngoãn
Đã từng tòng ngũ
Băm ba năm ròng.
Ôi, nó chả được
Lấy chút thú vui

**Không được một lời
Ôn tồn âu yếm;
Không cố địa vị
Quyền quý giàu sang;
Chỉ hai thanh dọc,
Với một thanh ngang,
Lại thêm sợi thừng
Thắt thành thông lọng.**

Dân ca

Đêm ấy tôi không ngủ và không cởi áo ngoài. Tôi định đến tảng sáng sẽ ra cổng đồn là nơi Maria Ivanópna lên xe đi Ôrenburg để từ biệt nàng lần cuối. Tôi thấy trong tôi có một sự biến đổi lớn lao : những xúc động đang lay chuyển tâm hồn tôi còn ít làm cho tôi khổ sở hơn là cái tâm trạng u uất mà ít lâu nay tôi đã trải qua. Cùng với nỗi buồn ly biệt, trong tôi còn pha lẫn cả những niềm hy vọng mơ hồ nhưng êm dịu, lòng nôn nóng đợi chờ cơn nguy hiểm và những tình cảm tự hào cao cả. Đêm trôi qua lúc nào tôi không để ý. Tôi đang định ra ngoài thì cửa phòng tôi vụt mở và một viên hạ sĩ vào báo cáo rằng đêm qua bọn Cô-dắc trong đồn đã trốn đi, bắt cả Iulai theo, và hiện nay gần đồn có những người lạ mặt cười ngửa qua lại. Nghĩ đến việc Maria Ivanópna chưa kịp lên đường, tôi thấy vô cùng lo sợ, tôi vội vã dẫn dò viên hạ sĩ mấy việc, rồi lập tức chạy đến nhà ông đồn trưởng.

Trời đã hửng sáng. Tôi đang cầm đầu chạy như bay, thì nghe có ai gọi tên tôi. Tôi dừng lại. Ivan Ignatôvích

chạy đến, bảo tôi :

- Cậu đi đâu thế ? Ông Ivan Kudomích đã ra ngoài
lũy và sai tôi đi gọi cậu đây. Pugatsốp đến rồi đấy.

- Maria Ivanópna đã đi chưa ? - Tôi hỏi, tim đập
mạnh.

- Không kịp, - Ivan Ignatôvích đáp, - đường đi
Ôrenburg bị cắt đứt; đồn bị vây tứ phía rồi. Ngay lắm
cậu Piôt Andrêévích ạ !

Chúng tôi đi ra lũy. Đó là một gò đất tự nhiên có
cắm thêm hàng rào bằng thân cây. Tất cả những người
ở trong đồn đều đổ xô ra đấy. Đội quân lưu đồn đã
bồng súng đứng thành hàng ngũ. Khẩu đại bác đã
được kéo ra đây từ hôm qua. Ông đồn trưởng đi đi lại
lại trước đội quân nhỏ bé của mình. Cơ nguy trước
mắt đã làm cho người chiến sĩ già trở nên linh hoạt
lạ lùng. Trên thảo nguyên, cách đồn không xa mấy,
có chừng hai mươi người cưỡi ngựa qua lại. Trông họ
có vẻ là những người Cô-dắc, nhưng trong đám họ
cũng có cả những người Baskirơ, có thể dễ dàng nhận
ra nhờ những chiếc mũ lông và những cái túi đựng
tên của họ. Ông đồn trưởng đi qua toàn đội một lượt,
ông nói với quân lính :

- Nào, các anh em, hôm nay ta sẽ chiến đấu cho
đức Nữ hoàng và sẽ chứng tỏ cho thiên hạ thấy rằng
chúng ta là những người can đảm và có danh dự!

Quân lính hô to đáp lại để tỏ lòng trung thành.

Svabrin đứng cạnh tôi và nhìn chăm chăm về phía quân địch. Những người cưỡi ngựa trên thảo nguyên, nhận thấy trong đồn có động liền xúm nhau lại và bắt đầu bàn bạc với nhau. Ông đồn trưởng ra lệnh cho Ivan Ignatôvich chia súng đại bác về phía đám người cưỡi ngựa và tự mình chằm ngòi. Hòn đạn kêu vù vù và bay qua đầu họ, không gây thiệt hại gì cả. Những người cưỡi ngựa vội tản ra nhoáng một cái đã phi đi mất và trên thảo nguyên không còn lấy một bóng người.

Đến đây thấy bà Vaxilixa Êgônốpna lên lữ. Marria cũng đi theo, vì không muốn rời mẹ. Bà đồn trưởng hỏi:

- Thế nào đấy? Trận mạc ra sao rồi? Quân địch đâu?

- Quân địch ở gần đây thôi, - Ivan Kudomích đáp, nhờ trời mọi việc sẽ ổn thoả cả. Thế nào, Maria, có sợ không con?

Maria Ivanốpna đáp:

- Thưa cha không ạ, ở nhà một mình sợ hơn chứ.

Nói đoạn nàng đưa mắt nhìn tôi và gương gao mỉm cười. Tôi bất giác siết chặt chuôi kiếm, tôi nhớ rằng hôm qua chính tay nàng đã trao kiếm cho tôi, dường như để tôi bảo vệ nàng. Tim tôi nóng bừng. Tôi tưởng tượng mình là trang kỵ sĩ của nàng. Tôi khao khát được chứng tỏ rằng tôi xứng đáng với lòng tin cậy của nàng và nóng lòng chờ phút quyết liệt.

Lúc đó phía sau một ngọn đồi cách đồn chừng nửa

véc-xta lại hiện ra những đám người cưỡi ngựa và chẳng bao lâu khắp thảo nguyên đã đông nghịt những người cầm giáo và cung tên. Trong đám họ có một người mặc áo ca-phơ-tan đỏ, cưỡi ngựa bạch, tay cầm một thanh gươm tuốt trần : người đó chính là Pugatsốp. Hắn dừng lại, bọn giặc đều xúm quanh, và hình như theo lệnh của hắn, bốn người tách ra và phi nước đại đến sát đồn. Chúng tôi nhận ra họ chính là mấy tên Cô-dắc trong đồn chúng tôi đã làm phản. Một người cầm tờ giấy giơ cao lên quá mũ, một người khác cầm cái thủ cấp của Iulai cầm trên một ngọn giáo : hắn vung giáo lên một cái, ném cái thủ cấp về phía chúng tôi. Đầu của anh Iulai đáng thương bay qua hàng rào, rồi rơi xuống ngay bên chân ông đồn trưởng. Bọn phản bội nói lớn :

- Dừng bắn : hãy ra ngoài đón đức vua, đức vua đến rồi.

Ivan Kudơmich quát :

- Đây tao cho chúng mày biết tay ! Anh em ơi, bắn !

Quân lính chúng tôi bắn một loạt súng. Tên Cô-dắc cầm bức thư lao đảo, rồi từ trên mình ngựa ngã nhào xuống; mấy tên kia vội quát ngựa quay trở lại. Tôi quay lại nhìn Maria Ivanốpna chết khiếp đi vì trông thấy cái thủ cấp đầm máu của Iulai và choáng váng vì tiếng súng nổ, nàng hầu như đã bất tỉnh. Ông đồn trưởng gọi một viên hạ sĩ lại và ra lệnh đi lấy tờ giấy ở tay tên Cô-dắc đã bị bắn chết. Viên hạ sĩ liền

ra ngoài lũy và một lát sau trở về dắt theo con ngựa của người chết. Y trao bức thư cho ông đồn trưởng. Ivan Kudomích nhẩm đọc bức thư, rồi xé vụn nó ra. Trong khi đó, bọn phiến loạn hình như đang chuẩn bị hành động. Chẳng bao lâu đạn bắt đầu bay vèo vèo bên tai chúng tôi và mấy mũi tên đã cắm xuống đất và vào hàng rào gỗ sát chỗ chúng tôi đứng. Ông đồn trưởng nói :

- Bà Vaxilixa Êgônópna ! Đây không phải là nơi của đàn bà con gái, bà đem con Maria đi đi; bà cũng thấy đấy chứ, con bé đang dở sống dở chết kia kia.

Bà Vaxilixa Êgônópna co ro dưới làn đạn, đưa mắt nhìn ra thảo nguyên : bây giờ quân phiến loạn đang dàn thành trận thế; bà quay lại phía chồng nói :

- Ông Ivan Kudomích ơi ! Sống chết đều do đức Chúa trời định đoạt cả : ông cầu phước cho con Maria đi. Maria lại với cha đi con.

Maria gương mặt tái xanh, run lẩy bẩy đến quỳ bên chân Ivan Kudomích và cúi rạp xuống đất lạy cha. Viên đồn trưởng già làm dấu thánh giá cho Maria ba lần, rồi đỡ nàng dậy, hôn nàng và nói, giọng thay đổi hẳn :

- Thôi chúc con hạnh phúc, con hãy cầu nguyện Chúa : người sẽ không bỏ con đâu. Nếu con tìm được người tốt, cầu Chúa hãy thương yêu và diu dắt các con. Các con hãy ăn ở với nhau như cha với Vaxilixa Êgônópna, mẹ con. Thôi, Maria, từ biệt con nhé. Bà Vaxilixa Êgônópna, bà đem con nó về nhanh đi. (Maria

ôm chằm lấy cha khóc nức nở).

Bà đồn trưởng oà lên khóc và nói :

- Chúng mình cũng hôn nhau đi thôi. Từ biệt ông Ivan Kudomích nhé. Nếu trước đây tôi có điều gì làm ông bức mình thì cũng xin ông tha thứ cho tôi.

Ông đồn trưởng ôm hôn người vợ già, ông nói : “Thôi, từ biệt, từ biệt bà nó nhé !... Thôi, thế là đủ rồi ! Về đi, về nhà đi; à nếu còn kịp thì mặc cho con chiếc áo xa-ra-phan nhé”.

Bà Vaxilixa Êgônốpna dẫn con gái đi. Tôi nhìn theo Maria Ivanốpna; nàng ngoái lại nhìn tôi và gật đầu. Đến đây Ivan Kudomích quay mình lại phía chúng tôi, bấy giờ tâm trí của ông đã đổ dồn cả vào phía quân địch. Quân phiến loạn đang phi ngựa quanh chủ tướng bỗng bắt đầu xuống ngựa. Ông đồn trưởng nói:

- Bây giờ giữ cho vững nhé, bọn chúng sắp xung phong đấy.

Vừa lúc ấy nổi lên những tiếng rít và tiếng la ó kinh khủng, bọn phiến loạn chạy ùa cả lại phía đồn. Khẩu đại bác của chúng tôi bấy giờ nạp đạn ria. Đồn trưởng để chúng đến thật gần rồi đột nhiên nổ súng. Đạn ria bắn đúng vào giữa đám đông. Quân phiến loạn giạt sang hai bên và lùi lại. Chỉ còn mình chủ tướng của họ đứng lại ở phía trước... Hấn vung gươm lên và hình như đang ra sức cổ vũ quân lính... Tiếng la hét im đi một phút, rồi lại lập tức nổi lên. Ông đồn

trưởng nói: - Thôi, bây giờ hãy mở cổng ra, đánh trống trận lên. Anh em ơi ! Tiến lên xuất kích, theo tôi !

Ông đồn trưởng, Ivan Kudomich và tôi nhaoáng một cái đã lao ra ngoài lũy đồn; nhưng quân lính vẫn trù trù đứng yên không nhúc nhích. Ivan Kudomich quát:

- Sao đứng đực ra đấy hử anh em; chết thì chết, phải cho tròn bốn phen chứ !

Vừa lúc ấy quân phiến loạn ập đến chỗ chúng tôi và ủa vào đồn. Trống trận im bật; quân lính hạ súng; tôi bị xô suýt ngã nhoài ra, nhưng đứng dậy ngay được và cùng đám quân phiến loạn đi vào đồn. Ông đồn trưởng bị thương ở đầu đứng giữa một đám giặc đang đòi ông trao các chìa khoá cho họ. Tôi toan lao đến cứu ông, thì mấy tên Cô-dắc lực lưỡng đã chộp lấy tôi và lấy thất lưng trời nghiêng tôi lại. Họ nói : “Rồi chúng bay sẽ biết thân, đồ khi quân”.

Quân giặc kéo lê chúng tôi điếu qua các đường làng, dân làng đem bánh mì và muối ra đón giặc. Chuông nhà thờ vang lên. Bỗng trong đám đông có tiếng reo : đức vua đang ngự ở quảng trường đợi tù binh đến và sắp làm lễ tuyên thệ. Dân chúng ủa ra quảng trường, chúng tôi cũng bị lừa ra đấy.

Pugatsốp ngồi trên một chiếc ghế bành đặt ở trước thềm nhà ông đồn trưởng. Hắn mặc một chiếc áo ca-phơ-tan Cô-dắc màu đỏ có dính lon, một chiếc mũ lông chồn nâu có tua kim tuyến đội xuống gần sát hai con mắt sáng quắc; tôi trong mặt hắn có vẻ quen quen.

Mấy lão trùm Cô-dắc đứng quanh hần. Cha Ghêraxim mặt xanh mét, run lẩy bẩy, đứng bên thềm tay cầm cây thánh giá và hình như đang lặng lẽ van lơn Pugatsốp tha cho những người sắp bị hành hình. Quân giặc đã cấp tốc dựng trên quảng trường một cái giá treo cổ. Khi chúng tôi lại gần, bọn giặc Baskiơ lừa dân chúng ra hai bên và dẫn chúng tôi vào cho Pugatsốp. Tiếng chuông nhà thờ thôi đánh, trên quảng trường im phăng phắc. Pugatsốp hỏi :

- Đứa nào là đồn trưởng ?

Viên đội Cô-dắc của chúng tôi trong đám đông len ra chỉ vào Ivan Kudomich. Pugatsốp đưa mắt dữ tợn nhìn ông già, rồi nói :

- Sao người dám chống lại ta, chống lại đức vua của nhà ngươi ?

Ông đồn trưởng kiệt sức vì vết thương, thu hết tâm lực, rần rỏi đáp :

- Mày không phải là vua của tao, mày là đồ trộm cướp và giặc cỏ, mày đã nghe ra chưa ?

Pugatsốp mặt hầm hầm cau mày lại và giơ tay vẫy cái khăn trắng một cái, lập tức mấy tên Cô-dắc chộp lấy viên đại úy già và kéo ông ta đến giá treo cổ. Trên cái xà ngang của chiếc giá có một người ngồi bỏ thõng cả hai chân xuống như người cưỡi ngựa. Đó là lão Baskiơ tàn tật mà chúng tôi vừa hỏi cung hôm qua. Lão cầm một sợi dây thừng trong tay và một phút sau ông Ivan Kudomich đáng thương đã bị treo lủng

lẳng trên không. Lúc ấy họ dẫn Ivan Ignatôvich đến trước mặt Pugatsốp. Tên tướng cướp nói :

- Mày tuyên thệ với đức vua Piôt Phiôđôrôvich đi !

- Mày không phải là vua của , - Ivan Ignatôvich đáp, lặp lại những lời vừa rồi của viên đại úy già, - mày là đồ trộm cướp và giặc cỏ.

Pugatsốp lại vẫy khăn, và viên trung úy hiền lành phút chốc đã bị treo lủng lẳng bên cạnh vị chỉ huy già của mình.

Bây giờ đến lượt tôi. Tôi nhìn thẳng vào mặt Pugatsốp, sẵn sàng lặp lại một lần nữa câu trả lời của hai bạn đồng ngũ dũng cảm của tôi, thì bỗng trông thấy viên chuẩn úy Svabrin trong đám giặc, không biết từ lúc nào đã kịp húi tóc thành vòng tròn, mình mặc áo ca-phơ-tan Cô-dắc. Tôi vô cùng sửng sốt. Svabrin đến gần Pugatsốp, ghé vào tai hắn nói thầm mấy tiếng. Pugatsốp nghe hắn nói, không đợi nhìn thấy tôi, đã ra lệnh : “Treo cổ nó lên !”. Họ thông dây thòng lọng vào cổ tôi. Tôi bắt đầu nhẩm đọc một bài kinh cầu nguyện, dâng lên Chúa lòng hối hận chân thành về tất cả những lỗi lầm trước đây, và cầu xin Chúa cứu vớt những người thân yêu của lòng tôi. Họ kéo tôi đến giá treo cổ.

- Đừng sợ ! Đừng sợ ! - Bọn giặc nói đi nói lại với tôi như vậy, có lẽ thực bụng muốn khích lệ tôi. Bỗng tôi nghe tiếng ai thét :

- Hãy khoan, quân mặt kiếp ! Thử tí đã !...

Bọn đao phủ dừng tay lại. Tôi quay lại nhìn : Xavêlich đang phục xuống chân Pugatsóp. Ông già đáng thương van lạy :

- Cha ruột của tôi ơi ! Ông giết đứa trẻ ấy làm gì ? Ông hãy thả nó ra; người ta sẽ gửi tiền chuộc cho; còn muốn làm gương hay ra oai thì ông cứ treo cổ già này cũng được !

Pugatsóp vẫy tay ra hiệu một cái, và họ lập tức cời trói thả tôi ra. Họ nói : “Cha chúng tao tha cho mày đấy !”

Lúc đó không thể nói rằng tôi vui mừng vì đã được thoát chết, nhưng cũng không hẳn là tôi lấy làm tiếc. Những cảm giác của tôi lúc bấy giờ quá mờ mịt. Họ dẫn tôi đến trước mặt Pugatsóp và ấy tôi quỳ xuống. Pugatsóp đưa bàn tay gân guốc ra trước mặt tôi.

- Hôn tay đi, hôn tay đi ! - Chung quanh tôi có tiếng giục.

Nhưng tôi thà bị hành hình một cách thảm khốc còn hơn là chịu làm một việc ô nhục như vậy. Xavêlich đứng sau lưng tôi thì thầm giục tôi :

- Cậu Piôt Andrêevích ! Đừng gan bướng làm gì ! Có mất gì đâu ! Đéch cần, cứ hôn tay tên gi..., à hôn tay ông ấy đi !

Tôi vẫn không nhúc nhích. Pugatsóp buông tay xuống, cười gằn nói :

- À quan nhân mừng quá ngậy người ra đấy mà, đỡ

quan nhân đây.

Họ đỡ tôi đứng dậy và để tôi tự do. Tôi bắt đầu đứng xem màn hài kịch kinh khủng ấy tiếp diễn.

Dân chúng bắt đầu tuyên thệ. Họ nối đuôi nhau đến hôn cây thánh giá và cúi lạy tên tướng giặc. Quân lính trong đồn cũng đứng đấy. Anh thợ may của đại đội cầm chiếc kéo cùn của mình cắt bím tóc cho họ. Họ vừa xốc áo cho sạch tuyết vừa lại gần Pugatsốp hôn tay hắn. Pugatsốp tuyên bố tha cho họ và nhận họ nhập bọn. Tất cả các nghi lễ đó kéo dài chừng ba tiếng đồng hồ. Cuối cùng Pugatsốp đứng dậy và cùng các lão trùm Cô-dắc bước xuống thềm. Một tên phiến loạn dắt đến cho hắn một con ngựa bạch trắng yên cương sang trọng. Hai người Cô-dắc đỡ Pugatsốp lên ngựa. Hắn bảo cha Ghêraxim rằng sẽ ăn trưa ở nhà ông ta.

Vừa lúc ấy có tiếng đàn bà kêu la. Một tên cướp đang kéo lê bà Vaxilixa Êgônốpna ra thềm.

Bà đồn trưởng đầu tóc bơ phờ, áo quần bị lột trần hết. Một tên cướp đã kịp diện chiếc áo bông của bà. Một tên khác kéo những đệm lông ngỗng, rương hòm, chén đĩa, áo quần và đủ các thứ giẻ rách. Bà già đáng thương kêu la : “Trăm lạy các bố, các bố tha cho tôi với ! Các cha đẻ của tôi ơi ! Cho tôi được gặp mặt ông Ivan Kudomích nhà tôi với”.

Bỗng bà trông thấy giá treo cổ, và nhận ra chồng mình, bà liền như điên như dại, hét lớn :

- Quân dã man ! Chúng bay làm gì chồng tao thế ?
Ôi ! Ông Ivan Kudomích ơi, ôi người lính già dũng cảm ! Mái đầu kiêu hãnh của ông, lưỡi lê quân Phổ cũng phải kiêng, đạn Thổ Nhĩ Kỳ cũng phải nể, thế mà bây giờ ông không chết giữa chiến trường, lại chết vì một thằng tù khổ sai vượt ngục !

Pugatsốp nói :

- Khoá mồm con mụ phù thuỷ lại.

Một người Cô-dắc trẻ tuổi bèn vung gươm chém lên đầu bà, bà gục xuống chết ngay trên bậc thềm. Pugatsốp cười ngửa đi, dân chúng chạy ủa theo.

CHƯƠNG VIII

KHÁCH KHÔNG MỜI

**Khách không mời mà đến
Tệ hơn giấc Tác-ta**

Tục ngữ

Trên quảng trường không còn lấy một bóng người. Tôi vẫn đứng nguyên ở chỗ cũ và không thể sắp lại những ý nghĩ đang rối bung lên trong đầu sau những ấn tượng khủng khiếp ấy.

Điều giây vò tôi hơn cả là không biết số phận Maria Ivanópna ra sao. Nàng ở đâu ? Có việc gì không ? Có trốn kịp không ? Trốn chỗ nào, có chắc chắn gì

không?... Lòng tôi bồn chồn lo lắng, tôi đi vào nhà ông đồn trưởng... Trong nhà trông trải tan hoang, bàn ghế tủ hòm đều bị đập gãy, chén đĩa đều vỡ nát, đồ đạc vất đổ lổn nhổn. Tôi leo lên chiếc cầu thang nhỏ dẫn tới gian phòng chính và lần đầu tiên trên đời tôi bước vào phòng ngủ của Maria Ivanópna. Tôi trông thấy chiếc giường của nàng nằm bị bọn cướp xáo tung lên; chiếc tủ bị phá vỡ toang và đồ đạc bị vơ vét sạch; ngọn đèn thờ vẫn còn leo lét trước chiếc ki-vốt²⁹ trống rỗng. Cái gương treo ở một góc tường vẫn còn nguyên... Người con gái sống trong căn buồng trinh bạch này bây giờ ở đâu ? Một ý nghĩ khủng khiếp vụt thoáng qua trí tôi. Tôi tưởng tượng nàng bị lọt vào tay bọn cướp... Lòng tôi như thất lại... Tôi gục xuống khóc nức nở và cất tiếng gọi tên người yêu... Vừa lúc ấy, tôi chợt nghe một tiếng động nhỏ, và Palasca mặt xanh xao, run cầm cập từ sau tủ bước ra.

Chị ta trông thấy tôi liền chấp tay lại nói :

- À, cậu Piốt Andrêêvích, khiếp quá, thật là một ngày kinh khủng...

Tôi sốt ruột hỏi :

- Thế Maria Ivanópna đâu ? Maria Ivanópna thế nào ?

- Cô tôi còn sống, - Palasca đáp. - Họ giấu cô ấy ở nhà bà Akulina Pamphilópna rồi !

- Ở nhà bà cố đạo à ! Trời ơi Pugatsóp đang ở đây kia mà !

Tôi lao ra khỏi phòng, vụt chồm ra ngoài đường và

cắm cổ chạy một mạch đến nhà ông linh mục, mắt mờ đi không thấy gì nữa. Trong nhà văng ra những tiếng hò hét nói cười và những tiếng hát... Pugatsốp đang tiệc tùng với đồng bọn. Palasca cũng chạy theo tôi. Tôi bảo chị vào gọi nhò bà Akulina Pamphinópna ra. Một phút sau bà cố đạo cầm một cái chai không bước ra phòng ngoài.

Tôi xúc động hỏi gấp :

- Bà ơi ! Maria Ivanópna đâu ?

Bà cố đạo đáp :

- Cô ấy đang nằm trong giường tôi, sau tấm vách ấy, chao ôi cậu Piốt Andrêévích ạ, suýt nữa thì chết cả, may mà tai qua nạn khỏi được thật là hứ vớ : tên cướp mới ngồi xuống bàn tiệc thì Marria bỗng tỉnh dậy và rên lên mấy tiếng. Tôi rụng rời tay chân ra. Hấn nghe thấy tiếng rên, liền hỏi : “Này, ai rên ở trong ấy thế hở bà già ?” Tôi cúi rạp xuống chào tên tướng cướp nói : “Thưa ngài cháu gái tôi đấy ạ ; nó ốm nằm hơn tuần lễ nay rồi đấy ạ”. – “Thế cháu bà còn trẻ không ?” – “Thưa ngài còn ít tuổi lắm ạ” - “Đâu ta xem cháu bà thế nào nào ?” Tim tôi đập đánh thót một cái, nhưng biết làm thế nào được. “Xin vâng ạ, có điều là cháu nó ốm không dậy ra chào ngài được”. - “Không sao, ta vào ta xem cũng được”. Thế là hấn vào thật, cái lão chết tiệt ấy; cậu thử nghĩ xem ! Hấn vén màn đưa đôi mắt điều hâu của hấn nhìn vào trong giường - thế mà chả sao cả... Lạy Chúa, cậu biết không,

tôi với ông nhà tôi yên trí thế nào cũng chết như những kẻ tử vì đạo rồi đấy. May thay cô ấy không nhận ra tên cướp. Lạy Chúa, thật là một cơn khủng khiếp. Chao, tội nghiệp cho ông Ivan Kudomích ! Ai ngờ... lại bà Vaxilixa Êgônốpna nữa... Rồi ông Ivan Ignatôvích ! Ông ta có tội tình gì ?... Làm sao mà hấn lại tha cho cậu thế ?... Còn Svabrin thì thế nào nhỉ ? Hấn đã cắt tóc thành vòng tròn và bây giờ đang ngồi ăn tiệc với họ đấy. Thằng cha ấy tài thật, chứ không phải !... À, khi tôi nói Maria Ivanốpna là cháu gái tôi ấy mà, cậu biết không, hấn cứ nhìn tôi chòng chọc, mắt sắc như dao ấy, may mà hấn không tố giác gì cả, thôi cũng cảm ơn hấn.

Vừa lúc ấy các khách dự tiệc cất giọng lè nhè gọi mang thêm rượu. Tiếp đến nghe tiếng cha Ghêraxim gọi bà Akulina Pamphinốpna. Bà cố đạo cuống lên, nói :

- Cậu Piôt Andrêêvích, thôi cậu về nhà đi, tôi bây giờ không hờ tay ra được cậu ạ; bọn cướp đang đánh chén. Nhờ may mà cậu gặp phải một tên say rượu thì khôn to. Chào cậu. Thôi, ra sao thì ra; may ra thì Chúa còn thương tình không bỏ rơi ta.

Bà cố đạo chạy vào. Tôi hơi yên tâm trở về nhà. Khi đi ngang quảng trường, tôi thấy mấy tên Baskiro đang chen chúc quanh chiếc giá treo cổ lột ủng của mấy người bị xử giáo; tôi giận quá, đã toan liều sống mái với chúng, nhưng nghĩ mình làm như vậy vô ích

nên lại thôi. Bọn cướp chạy khắp đồn cướp phá nhà các sĩ quan, khắp nơi đều vang lên tiếng reo hò của quân phiến loạn đang say rượu. Tôi về nhà, Xavêlich đang đứng ở ngưỡng cửa. Thấy tôi, bác ta reo lên :

- Lạy Chúa ! Thế mà tôi cứ tưởng bọn cướp lại bắt cậu nữa rồi. Chao ôi, cậu có biết không ? Chúng nó vào nhà ta vợ vét sạch cả : áo quần, đồ đạc, chén đĩa gì nó cũng vợ tuốt. Nhưng thôi ! Nó để cho cậu sống thế này là may rồi ! Nay thế cậu có nhận ra tên a-ta-man^{*} là ai không ?

- Không, không nhận ra, bác ạ, nó là ai thế ?

- Thế nào ? Cậu quên mất cái thằng say rượu, ăn vôi của cậu cái áo tu-lúp da thỏ ở quán trọ ấy rồi à ? Cái áo thì hãy còn mới chứ có phải không đâu, thế mà nó cứ mặc bữa vào người, đứt cả chỉ ra !

Tôi hết sức kinh ngạc. Quả thật Pugatsốp giống người dẫn đường dạo trước một cách kỳ lạ. Tôi vỡ lẽ ra rằng Pugatsốp với người đó chỉ là một, và hiểu rõ tại sao hắn lại tha chết cho tôi như vậy. Tôi không thể không lấy làm kinh dị về những sự việc rắc rối với nhau một cách thật kỳ lạ... Cái áo tu-lúp trẻ con mang cho người dẫn đường đã cứu tôi khỏi dây thòng lọng, còn gã say rượu lang thang khắp các quán trọ bây giờ lại đánh phá các thành lũy và làm rung chuyển cả nước.

* Thủ lĩnh Cô-dắc.

- Cậu ăn chút gì cậu nhé ! - Xavêlich hỏi; bác ta thật là người có những tập quán bất di bất dịch. - Ở nhà chả có gì ăn cả. Để tôi đi mò xem có cái gì làm thức ăn không nhé.

Ngồi lại một mình tôi bắt đầu suy nghĩ miên man. Bây giờ tôi phải làm gì ? Ở lại trong một cái đồn đã thuộc quyền quân giặc hay đi theo bọn chúng đều là những việc mà một người sĩ quan không thể làm được. Nghĩa vụ đòi hỏi tôi có mặt ở chỗ nào còn có thể giúp ích được cho Tổ quốc trong những hoàn cảnh nguy khốn hiện nay... Nhưng tình yêu lại cứ khuyên tôi ở lại bên Maria Ivanópna để bên vực che chở cho nàng. Mặc dù tôi đã thấy rằng hoàn cảnh chẳng bao lâu nữa nhất định sẽ thay đổi, tôi vẫn không thể không rùng mình khi nghĩ đến cái tình cảnh nguy hiểm của nàng.

Tôi đang suy nghĩ như vậy thì bỗng một người Cô-dắc đến báo rằng : “Đại vương ngài đòi ông đến”.

- Thế ông ta ở đâu ? – Tôi vừa hỏi vừa sửa soạn đi.

- Trong nhà ông đồn trưởng ấy, - người Cô-dắc đáp. - Sau khi dùng tiệc, vị cha chúng tôi tắm, bây giờ thì đang nghỉ ngơi. Này, quan ngài có biết không ? Rõ ràng đức vua là một người phi thường : bữa vừa rồi, ngài có lòng xơi hết hai con lợn sữa rán, hơi nước của ngài tắm nóng đến nỗi Tarax Kurótskin không chịu nổi phải trao túm chổi bạch dương lại cho Phômca Bichbaiép, rồi đi lấy nước lạnh xối lấy xối để. Thật vua chúa có khác, làm gì cũng đến là oai vệ. Còn đến

lúc vào buồng tắm thì nghe nói ngài có cho xem những dấu hiệu đế vương của ngài : trên ngực một bên có con đại bàng hai đầu, to bằng đồng xu năm, bên kia thì có hình đức ngài.

Tôi thấy không cần thiết phải cãi lại người Cô-dắc và cùng hắn đi đến nhà ông đồn trưởng, tưởng tượng trước cuộc gặp gỡ với Pugatsốp và cố đoán xem nó sẽ kết thúc ra sao. Độc giả chắc cũng đoán được rằng tôi không phải hoàn toàn đứng dưng trước cuộc gặp gỡ này.

Trời đã nhá nhem tối. Tôi đến nhà đồn trưởng. Cái giá treo cổ và những người bị chết in bóng đen ngòm trông rất dễ sợ. Xác của bà đồn trưởng đáng thương vẫn còn sóng soài bên bậc thềm, bên cạnh có hai người Cô-dắc đứng canh. Người Cô-dắc dẫn tôi đi vào nhà trước để báo rằng tôi đã đến, rồi lập tức quay ra và đưa tôi vào căn phòng mà hôm qua tôi đã âu yếm từ biệt Maria Ivanópna.

Trước mắt tôi, bày ra một quang cảnh rất kỳ dị. Bên cái bàn có trải khăn và đặt nhiều chai cốc, Pugatsốp và chín mười tên trùm Cô-dắc đang ngồi, đầu đội mũ chup, mình mặc áo cánh thêu chỉ màu. Mặt đỏ gay và mắt sang long lanh. Xem ra họ đã uống rất nhiều rượu. Trong số họ không thấy có Svabrin, cũng không thấy viên đội Cô-dắc, là những tên phản bội mới nhập bọn. Pugatsốp trông thấy tôi liền nói :

- À, quan ngài đây à ? Mời ngài vào chơi, xin các

ngài hãy kính trọng và nhường chỗ cho khách.

Những người kia ngồi dồn lại. Tôi im lặng ngồi xuống ở chỗ mé bàn. Ngồi bên cạnh tôi là một người Cô-dắc trẻ tuổi cao dong dỏng và đẹp trai, hấn rút cho tôi một cốc rượu nhỏ mà tôi không hề chạm tới. Tôi bắt đầu tò mò ngắm những người hợp mặt. Pugatsóp ngồi ở chỗ danh dự, chống khuỷu tay lên bàn, nắm tay gân guốc đỡ lấy chòm râu đen. Nét mặt hấn đều đặn và khá dễ ưa, không lộ vẻ gì hung ác. Hấn hay quay lại nói với một người trạc độ năm mươi tuổi, gọi lão ta khi thì là bá tước, khi thì là Timôphêvích và đôi khi lại tăng bốc lão lên làm bác. Mọi người đều ăn nói với nhau như những người bạn và không thấy tỏ vẻ gì tôn trọng đặc biệt vị chủ tướng của họ. Họ bàn tán về trận đánh đồn buổi sáng, về thắng lợi của cuộc nổi loạn và về những cuộc hành quân sau này. Mỗi người đều khoe khoang chiến công, trình bày ý mình và cãi lại Pugatsóp một cách tự do. Và chính trong buổi hội đồng quân sự dị kỳ này họ đã quyết định tiến đánh Ôrenburg : một cuộc hành quân táo bạo, suýt nữa thì thành công, gây cho quan quân một nguy cơ không thể lường được ! Họ ấn định đến mai sẽ xuất phát.

Pugatsóp nói :

- Thôi, anh em, trước khi đi ngủ ta hãy hát cái bài mà tôi ưa thích. Tsumacóp³⁰ ! Bắt đầu đi !

Người ngồi cạnh tôi cất giọng thanh thanh hát một

bài hát buồn náo ruột của những người kéo thuyền,
và tất cả đều hoà giọng hát theo :

*Hãy nín lặng hỡi rừng xanh yêu mến !
Để cho ta, chàng tráng sĩ, trầm tư,
Vì ngày mai ta đã phải già tù
Rừng yêu mến ! Trước Nga hoàng ta sẽ tới.
Và Nga hoàng uy nghiêm kia sẽ hỏi :
Hãy nói đi đứa con đẻ của dân cây !
Người đã từng trộm cướp với những ai,
Trong bọn người có còn nhiều đồng đảng ?
Ta sẽ nói, hỡi Nga hoàng nghiêm khắc,
Hết mọi điều trước mặt nhà ngươi !
Đồng đảng ta có cả thầy bốn người,
Người thứ nhất là đêm đen dày đặc
Người thứ hai là lưỡi dao sáng quắc,
Người thứ ba : con tuấn mã kiêu hùng
Người thứ tư là chiếc nỏ cây cung
Và sù giả của ta ngàn mũi tên bịt sắt.
Và Nga hoàng uy nghiêm kia sẽ nói :
Khá khen người đứa con đẻ của dân cây
Người tài trộm cướp mà cũng tài đối đáp
Nên ta ban cho người giữa cánh đồng xa vắng,
Một lâu đài cao rộng thênh thang :
Hai thanh dục lại bắc một thanh ngang³¹.*

Tôi không sao tả nổi cái ấn tượng mà bài dân ca này đã gây nên trong lòng tôi. Những lời ca về cái giá treo cổ đó lại là do những người sẽ làm mỗi cho cái

giá treo cổ hát lên. Những khuôn mặt dữ tợn, những giọng hát hài hòa của họ, cái điệu nhạc buồn man mác khiến cho lời ca đã có sức gợi cảm lại càng thêm có sức gợi cảm mạnh hơn, tất cả những cái đó truyền cho tôi một cảm giác kinh hoàng thật huyền bí.

Những người dự tiệc, uống thêm mỗi người một cốc rượu nữa, đoạn đứng dậy từ giả Pugatsốp ra về. Tôi định ra theo, nhưng Pugatsốp bảo tôi :

- Cứ ngồi đấy đã; ta muốn nói với anh một câu chuyện.

Tôi ngồi lại một mình giáp mặt Pugatsốp. Cả hai im lặng một lát. Pugatsốp chăm chăm nhìn tôi, chốc chốc lại nheo con mắt bên trái, có vẻ giễu cợt và ranh mãnh lạ lùng. Cuối cùng Pugatsốp phá lên cười, tiếng cười vui vẻ một cách hồn nhiên đến nỗi tôi nhìn hẩn rồi cũng phải bật cười theo, chẳng hiểu là cười cái gì.

Pugatsốp nói :

- Thế nào, quan ngài ? Lúc bọn trai tráng của ta trông đây vào cổ, quan ngài hoảng lắm nhỉ... thôi nhận đi, chắc cũng hoảng thật; mắt đã thấy ông bà ông vải rồi đấy... Giá thử không có lão đây tở thì quan ngài đã lủng lẳng trên giá treo cổ rồi. Ta nhận ra lão khom già ngay. Sao, ngài có bao giờ nghĩ rằng người đã đưa ngài đến quán trọ lại chính là đức Hoàng đế ? (Nói đến đây hẩn làm ra vẻ trịnh trọng và bí mật) Người rất có lỗi với ta, - Pugatsốp nói tiếp, - nhưng ta đã

tha cho người vì người đã có lòng tốt giúp ta khi ta
hãy còn phải trốn tránh kẻ thù. Rồi sau này người sẽ
thấy. Đến khi ta giành được cả nước rồi, thì ta còn sẽ
tạ ơn người hậu hơn nữa ! Người có hứa với ta là sẽ
trung thành phụng sự ta không ?

Câu hỏi của tên tướng bịp bợm và ý nghĩ lão xược
của hắn khiến tôi không nhìn được cười khẩy. Thấy
vậy, Pugatsốp cau mày hỏi :

- Người cười cái gì ? Hay người không tin rằng ta là
đức Hoàng đế ? Trả lời thẳng thắn đi ta nghe !

Tôi lúng túng : nhận tên tướng lang thang là vua
thì tôi không thể nhận được, tôi thấy rằng đó là một
việc hèn nhát không thể nào tha thứ. Mà nói thẳng
ra rằng hắn là đồ bịp bợm thì chẳng khác gì đưa mình
vào chỗ chết. Hồi sáng, khi đứng dưới giá treo cổ,
trước mặt đám đông dân chúng đông đúc và trong
khi công phần đến cực độ, tôi rất sẵn sàng đón nhận
cái chết. Nhưng bây giờ mà làm như vậy thì chỉ là
một lối liều mạng vô ích. Tôi do dự. Pugatsốp đợi tôi
trả lời, vẻ mặt hăm hăm. Cuối cùng (và mãi cho đến
nay tôi vẫn còn hài lòng mỗi khi nhớ lại phút ấy) tình
thần bốn phần trong lòng tôi đã thắng sự yếu đuối
thường tình của con người. Tôi trả lời Pugatsốp :

- Ông hãy nghe đây; tôi sẽ nói tất cả sự thật cho
ông nghe. Ông thử nghĩ xem tôi có thể nhận ông là
vua được không ? Ông là người biết nghĩ : nếu tôi

nhận như vậy ông sẽ thấy rằng tôi nói dối.

- Vậy thì theo ý người ta là ai ?

- Chỉ có đức Chúa trời mới biết ông là ai; nhưng dù ông là người thế nào chăng nữa thì việc ông đang làm cũng là một trò đùa nguy hiểm.

Pugatsốp đưa mắt nhìn tôi một cái rất nhanh.

- Thế người không tin rằng ta là đức vua Piôt Phiôđôrôvich ư ? Thôi được, tùy người, nhưng chớ nhẽ người dưng sĩ lại không thể thành công bao giờ sao ? Ngày xưa, Grisa Ôtôrêpiép³² chẳng đã lên ngôi là gì ? Người muốn nghĩ thế nào về ta thì nghĩ, nhưng hãy đi theo ta. Người cần gì so đo vua này với vua khác ? Vua nào mà chả là vua. Người phụng sự ta cho trung thành ngay thẳng, rồi ta sẽ phong người làm nguyên soái, làm quận công, người nghĩ sao ?

Tôi cứng cỏi đáp :

- Không. Tôi là một người dòng dõi quý tộc; tôi đã tuyên thệ với đức Nữ hoàng : tôi không thể theo ông được. Nếu ông thật bụng muốn giúp tôi, ông hãy thả tôi về Ôrenburg.

Pugatsốp ngẫm nghĩ một lát, rồi nói :

- Thế nếu ta thả cho người đi, thì ít nhất người cũng phải hứa với ta là sẽ không cầm vũ khí chống lại ta chứ.

Tôi đáp :

- Làm sao tôi có thể hứa với ông như vậy được ?

Chính ông cũng biết rằng cái đó có phải tự ý tôi quyết định được đâu. Nếu họ ra lệnh tôi đi đánh ông, tôi sẽ đi, không có cách nào khác. Bây giờ chính ông cũng là một cấp chỉ huy; chính ông cũng đòi hỏi quân lính của ông phục tùng mệnh lệnh. Khi quân đội đang cần đến tôi, mà tôi lại thoái thác, thì còn ra cái gì nữa. Tính mạng của tôi hiện ở trong tay ông; ông thả cho tôi đi, tôi xin cảm ơn, ông giết tôi, trời sẽ phán xét ông, còn tôi thì tôi đã nói thật với ông rồi đây.

Lòng thành thực của tôi khiến Pugatsốp kinh ngạc. Hấn vỗ vai tôi nói :

- Thôi cũng được. Đã giết là giết, đã tha là tha. Người hãy đi khắp bốn phương trời, muốn làm gì thì làm. Mai hãy đến đây từ già ta, còn bây giờ hãy về ngủ đi đã, ta cũng buồn ngủ lắm rồi.

Tôi cáo từ Pugatsốp và ra đường. Đêm hôm ấy yên tĩnh và giá lạnh, vầng trăng và các vì sao lấp lánh chiếu sáng quảng trường và cái giá treo cổ. Trong đồn mọi vật đều yên tĩnh. Đèn đuốc đã tắt. Chỉ có trong quán rượu là còn ánh lửa. Ở đây vẳng ra những tiếng reo hò của những khách chơi khuya. Tôi nhìn vào nhà ông cố đạo. Các cửa đều đóng kín, trong nhà mọi vật đều có vẻ yên tĩnh.

Tôi về nhà thì thấy Xavêlich đang sốt ruột đợi tôi về. Nghe nói tôi được thả cho đi tự do, Xavêlich mừng quýnh lên.

- Cảm ơn Chúa, - bác vừa nói vừa làm dấu thánh, -

hể trời hừng sáng là ta rời khỏi đồn và cứ nhắm thẳng trước mặt mà đi. Tôi đã làm mấy món ăn cho cậu đây, cậu ăn đi một chút cậu ạ, rồi ngủ đi một giấc cho đến sáng, như nằm trên lòng Chúa Giêsu vậy.

Tôi vâng lời và sau khi ăn một bữa rất ngon lành, tôi nằm ra giữa sàn và ngủ thiếp đi, mệt mỏi cả về thể xác lẫn tinh thần.

CHƯƠNG IX

CHIA LY

Êm thay buổi mới làm quen,
Xinh xinh cô gái dịu hiền bên ta;
Buồn thay cái phút lia xa,
Buồn như ta với hồn ta già từ

*Khêraxkôp*³³

Sáng hôm sau tiếng trống đánh thức tôi dậy. Tôi ra chỗ tập trung. Quân của Pugatsốp đã tập hợp quanh chiếc giá treo cổ, vẫn còn lủng lẳng xác mấy người bị xử giảo hôm qua. Quân Cô-dắc ngồi trên mình ngựa, bộ binh thì bồng súng đứng thành đội ngũ. Cờ xí bay phất phới. Mấy khẩu đại bác, trong số đó tôi nhận ra khẩu súng của đồn chúng tôi, được đặt lên trên những chiếc giá súng dùng khi hành quân. Dân chúng cũng đều ra đứng đây đứng đợi Pugatsốp. Trước thềm nhà viên đồn trưởng, một người Cô-dắc cầm dây cương một con ngựa bạch rất đẹp giống Kiécghidia. Tôi đưa

mất tìm xác bà đồn trưởng. Nó đã được kéo sang một bên và đắp một chiếc chiếu bằng thớ vỏ cây. Cuối cùng, Pugatsốp ở trong nhà bước ra. Dân chúng bỏ mũ chào. Một lão trùm Cô-dắc trao cho hắn một cái túi đựng tiền đồng và hắn bắt đầu vốc từng nắm tung ra. Dân chúng hò reo ủa ra nhật, xô đẩy nhau có người đến bươu đầu sứt trán. Xung quanh Pugatsốp là những đồng đảng thân cận của y, trong số đó có cả Svabrin. Luồng mắt chúng tôi gặp nhau, chắc hắn thấy rõ vẻ khinh miệt trong ánh mắt tôi, nên quay đi, về hẳn học thực sự pha lẫn với một vẻ ngạo nghễ giả tạo. Pugatsốp trông thấy tôi trong đám đông liền gật đầu chào và gọi tôi lại. Hắn nói :

- Hãy nghe đây. Người hãy đi ngay đến Ôrenburg và chuyển lời ta đến tên tổng trấn và tất cả bọn tướng tá ở đấy bảo họ đợi một tuần nữa thì ta sẽ đến. Người hãy khuyên họ tiếp đón ta một cách kính cẩn và phục tòng như con đón cha, nếu không nghe thì đừng hòng thoát khỏi tử hình. Thôi, chúc người lên đường mạnh khỏe.

Tiếp đến, Pugatsốp quay về phía dân chúng và chỉ vào Svabrin nói :

- Đây là vị chỉ huy mới của các người, các người hãy nhất nhất vâng lệnh ông ta, còn ông ta thì sẽ chịu trách nhiệm về các người và về đồn này.

Tôi nghe nói mà thất kinh, Svabrin được làm đồn trưởng, thế là Maria Ivanópna ở dưới quyền của hắn

rồi ! Trời ơi, rồi nàng sẽ ra sao !

Pugatsóp từ trên thềm bước xuống. Quân hầu dắt ngựa đến cho hắn. Hắn nhanh nhẹn nhảy lên yên không đợi những người Cô-dắc đang định chạy đến đỡ hắn.

Vừa lúc ấy, trong đám đông bỗng thấy bác Xavêlich nhà tôi bước ra, bác lại gần Pugatsóp và đưa cho hắn một tờ giấy. Tôi không thể nghĩ ra bác định làm gì như vậy.

- Cái gì đây ?

- Ông cứ đọc đi, rồi khắc biết, - Xavêlich đáp.

Pugatsóp cầm lấy tờ giấy ngắm nghía một lúc có vẻ chăm chú lắm. Cuối cùng hắn nói :

- Người viết cái gì mà ghê gớm thế. Đôi mắt anh mình của ta đọc chả hiểu được gì cả. Quan tổng thư ký của ta đâu ?

Một người trẻ tuổi dáng nhỏ nhắn mặc quân phục cấp hạ sĩ nhanh nhẹn chạy đến. Pugatsóp trao tờ giấy cho hắn bảo hắn đọc to lên. Tôi hết sức tò mò muốn biết bác Xavêlich nhà tôi bày chuyện viết lách cho Pugatsóp những gì thế. Quan tổng thư ký cất giọng oang oang đánh vần từng chữ đọc những dòng sau đây :

“Hai chiếc áo choàng, một bằng vải bông mịn, một bằng lụa sọc, giá là sáu rúp”.

- Thế nghĩa là thế nào ? - Pugatsóp cau mày hỏi.

- Ông cứ bảo đọc tiếp đi, - Xavêlich bình tĩnh đáp.

Quan tổng thư ký đọc tiếp :

“Một áo quân phục bằng dạ xanh, giá 7 rúp.

Một quần dạ trắng, giá 5 rúp

Mười hai áo sơ mi vải Hà Lan có măng-sét giá 10 rúp.

Một traps đựng đồ trà giá 2 rúp rưỡi...”

- Chuyện vợ vẫn ở đâu thế ? - Pugatsốp ngắt lời.-
Sao lại đi nói chuyện những chuyện traps hòm với quần áo măng sét với ta ?

Xavêlich đằng hắng một cái, rồi bắt đầu phân bua:

- Thưa ông, xin ông biết cho đây là danh sách những đồ đạc của chủ tôi bị bọn kẻ cướp...

- Kẻ cướp nào hả ? - Pugatsốp giận dữ hỏi.

- À quên, xin lỗi, - Xavêlich đáp. - Tôi chót nói nhịu, kẻ cướp thì không phải là kẻ cướp, thế nhưng quân của ông cũng có lục lọi vợ vét chút ít. Xin ông đừng giận, ngựa đi bốn cẳng còn có lúc vấp nữa là. Xin ông bảo đọc nốt cho.

- Đọc nốt đi, - Pugatsốp nói.

Quan thư ký đọc tiếp :

“Một chăn vải hoa, một chăn bông giá 4 rúp.

Một áo choàng lông cáo bọc ra –tìn³⁴ đồ giá 40 rúp.

Lại thêm một áo tu-lúp da thỏ, biểu đức ngài ở quán trọ giá 15 rúp”.

- Lại cái gì nữa thế ! - Pugatsốp quát, mắt quắc lên.

Quả tình bây giờ tôi lo cho ông lão bọc của tôi quá. Ông ta đang định phân bua nữa, nhưng Pugatsốp vội ngắt lời. Hắn giật lấy tờ giấy trên tay viên thư ký và

ném vào mặt Xavêlich quát lớn :

- Sao ngươi dám đưa những thứ vớ vẩn ấy ra đây quấy rầy ta ? Đồ Ngu ! Chúng nó lấy đấy : thì đã sao nào ? Lão khom già, lý ra ngươi phải suốt đời cầu nguyện Chúa cho ta và cho quân lính ta, để tạ ơn ta không cho ngươi với chủ ngươi lũng lẳng ở trên giá treo cổ cùng với bọn khi quân kia... Áo tu-lúp da thỏ! Để rồi ta cho ngươi áo da thỏ ! Thế ngươi có biết rằng ta sẽ lột da ngươi ra làm áo tu-lúp không ?

- Xin tùy ngài, - Xavêlich đáp, - chứ tôi là phận tôi tớ người ta nên phải giữ của cho chủ.

Có lẽ bác Xavêlich may gặp được lúc Pugatsốp đang đà vui vẻ rộng lượng. Pugatsốp quay ngoắt lại và thúc ngựa đi, không nói thêm một lời nào nữa. Svabrin và các lão trùm Cô-dắc liền đi theo. Quân phiến loạn kéo ra khỏi đồn rất có trật tự. Dân chúng ra tiễn đưa Pugatsốp. Tôi ở lại một mình với Xavêlich trên quảng trường. Người lão bộc cầm cái danh sách của mình trong tay mà ngẫm nghĩ có vẻ tiếc rẻ vô hạn.

Thấy Pugatsốp có chiều tử tế với tôi, bác ta định lợi dụng tình thế đó. Nhưng ý định khôn ngoan của bác không thành. Tôi định quở trách bác về nỗi nhanh nhẩu không phải lúc, nhưng không sao nhìn được cười. Xavêlich đáp :

- Cậu cứ cười đi, rồi thử xem đến khi phải sấm lại tất cả các thứ ấy, cậu có cười được nữa không ?

Tôi vội vàng vào nhà ông cố đạo gặp Maria

Ivanópna. Bà cố đạo ra đón tôi và cho tôi biết một tin buồn : đêm qua Maria Ivanópna lên cơn sốt nặng mê man đi, mồm luôn nói sảng. Bà cố đạo dẫn tôi vào phòng nàng. Tôi rón rén bước lại gần giường. Sự thay đổi trên gương mặt nàng khiến tôi kinh ngạc. Nàng không nhận ra tôi. Tôi đứng hồi lâu trước mặt nàng, không nghe thấy cha Ghêraxim và vợ ông nói những gì : hình như lúc ấy họ đang an ủi tôi thì phải. Những ý nghĩ đen tối cứ rối bời lên trong đầu óc tôi. Tình cảnh cô gái mồ côi đáng thương không nơi nương tựa, bơ vơ ở giữa bọn phiến loạn hung ác, cùng là sự bất lực của bản thân tôi, khiến tôi kinh hãi. Lại còn Svabrin nữa, tâm trí tôi bị giày vò nhiều nhất khi nghĩ đến hắn. Được Pugatsóp trao quyền hành cai quản đồn này, hắn có thể tha hồ ức hiếp người con gái khốn khổ và vô tội mà hắn thâm thù. Tôi có thể làm gì bây giờ ? Làm thế nào để cứu giúp nàng ? Làm thế nào cứu nàng thoát khỏi tay bọn cướp ? Chỉ còn mỗi một cách là lập tức đến Ôrenburg để giục họ đem quân đến giải phóng đồn Bêlôgorxơ và tự mình đem toàn lực góp vào cuộc chiến đấu này. Tôi chia tay với ông cố đạo và bà Abukila Pamphilópna, tha thiết dặn bà chăm sóc người mà bây giờ tôi đã xem như vợ tôi. Tôi cầm tay người con gái đáng thương ấy mà hôn. Nước mắt chảy ướt đầm cả tay nàng.

Ra tiễn tôi, bà Abukila Pamphilópna nói :

- Thôi từ biệt cậu Piôt Andrêévích nhé. May ra

chúng ta sẽ lại gặp nhau vào một thời buổi yên lành hơn. Cậu đừng quên chúng tôi, viết thư luôn cho chúng tôi nhé. Cô Maria Ivanópna bây giờ ngoài cậu ra không còn trông vào ai để lấy nơi nương tựa, không còn có ai làm niềm an ủi nữa đâu.

Ra đến quảng trường tôi dừng lại một lát, đưa mắt nhìn cái giá treo cổ, nghiêng mình chào, rồi ra khỏi đồn và đi theo con đường dẫn về Ôrenburg. Xavêlich theo tôi, không rời ra một bước.

Tôi đang vừa đi vừa nghĩ ngợi, thì bỗng nghe có tiếng chân ngựa ở phía sau lưng. Tôi ngoái cổ nhìn lại, thì thấy một người Cô-dắc từ phía đồn phi ngựa lại, tay dắt thêm một con ngựa giống Baskirơ. Từ xa hắn đã giơ tay ra hiệu cho tôi đợi. Tôi dừng lại và chỉ một phút sau đã nhận ra đó là viên đội Cô-dắc của chúng tôi trước kia. Đến chỗ chúng tôi đứng, anh ta xuống ngựa và đưa cho tôi cầm dây cương con ngựa dắt theo, nói :

- Thưa quan ngài, Đức vua chúng tôi có lòng biếu ngài con ngựa và cái áo trên vai ngài (ở yên ngựa có treo một chiếc áo tu-lup bằng lông cừu). - Rồi anh ta áp úng nói thêm: - Và lại còn à... biếu ngài... năm mươi cô-pếch... nhưng tôi đánh rơi ở dọc đường mất rồi, xin ngài rộng lượng tha thứ cho.

Xavêlich gườm gườm nhìn hắn và cầu nhàu :

- Đánh rơi dọc đường ! Thế chứ cái gì lèng xèng ở trong người ấy ? Đồ không biết dơ.

- Cái gì lẳng xềng trong người tôi ấy à ? - Viên đội đáp, không chút ngưng nghịu. - Chao, cái ông già này. Đây là cái hàm thiếc nó kêu lẳng xềng đấy, chứ không phải món năm mươi cô-pêch đâu.

Tôi vội cắt đứt cuộc cãi vã :

- Thôi được. Anh nói lại với người đã sai anh đến đây là tôi có lời cảm tạ; còn năm mươi cô-pêch đánh rơi dọc đường thì khi quay lại anh cố tìm cho ra, rồi giữ lấy mà uống rượu.

- Xin đa tạ quan ngài, - anh ta vừa đáp vừa cho ngựa quay trở lại, - đời đời tôi sẽ không quên cầu nguyện Chúa cho ngài.

Nói đoạn anh ta thúc ngựa phi trở lại, tay khư khư ôm cái túi áo và một phút sau đã mất hút.

Tôi mặc chiếc áo tu-lúp mới vào người và lên ngựa, bảo cả bác Xavêlich ngồi sau lưng tôi. Ông già nói :

- Đây cậu thấy không ? Tôi đưa cho thằng ăn cướp ấy tờ giấy tính tiền thế mà cũng không uống công : hắn cũng đâm ngưng; tuy cái con ngựa cao lêu đêu này với cái áo tu-lúp lông cừu, giá không được một nửa những thứ mà bọn hăn ăn cướp của ta với cái áo cậu cho hăn, nhưng thôi, cũng được, còn hơn không có.



CHƯƠNG X

HÃM THÀNH

Khi đã chiếm núi cao đồng rộng
Mắt chim ưng nhìn xuống thành này
Sai quân đắp chiến lũy dày
Đêm về kéo súng đặt ngay dưới thành
*Khêraxkôp*³⁵

Đến gần Ôrenburg, chúng tôi gặp một toán tù khổ sai chân bị xiềng, đầu cao trọc, mặt mày bị kìm kẹp của bọn đao phủ kéo cho sứt sẹo không còn ra mặt người nữa. Họ làm việc cạnh những hào lũy dưới sự kiểm soát của quân lính trong thành. Một số thì đẩy những chiếc xe cút kít chở những rác rưởi ở dưới hào bốc lên; một số khác thì đào đất; trên lũy thì những người thợ nề đang khiêng gạch đến chữa thành. Đến cổng thành lính canh bắt chúng tôi đứng lại hỏi giấy thông hành. Nhưng viên đội vừa nghe nói tôi ở đồn Bêlôgorxơ lại, thì lập tức dẫn thẳng tôi vào nhà thiếu tướng.

Lúc bấy giờ ông ta đang ở ngoài vườn, xem xét những cây táo bị gió thu cuốn trụi lá, và cùng với ông lão làm vườn lấy rạ ẩm cẩn thận ủ cho cây. Sắc mặt của ông lộ rõ vẻ điềm đạm, khỏe mạnh và hiền lành.

Ông thấy tôi đến thì rất mừng và bắt đầu hỏi han về những sự việc khủng khiếp mà tôi đã được chứng kiến. Tôi kể lại cho ông ta nghe từ đầu đến cuối. Ông già nghe tôi rất chăm chú, trong khi đó tay vẫn cắt các cành khô bỏ đi. Khi tôi kể xong, ông nói :

- Tội nghiệp cho ông Mirônốp quá ! Thật là một sĩ quan tốt. Còn ma-đam Mirônốp cũng là một người đàn bà rất tốt bụng, mà muối nắm thì không ai khéo bằng ! Thế còn Maria, con gái ông đại úy thì sao ?

Tôi đáp rằng Maria ở lại trong đồn với bà cố đạo. Thiếu tướng liền kêu lên :

- Ái chà chà ! Hồng, hồng ! Không thể nào tin vào kỷ luật của bọn cướp được. Cô bé tội nghiệp rồi sẽ ra sao ?

Tôi đáp rằng từ đây đến đồn Bêlôgorxcơ cũng gần và có lẽ đại quan nhân nên cấp tốc cho quân đến giải phóng những người dân đáng thương đang ở trong đồn. Viên tướng lắc đầu có vẻ ngờ vực. Ông nói :

- Để xem đã, để xem đã. Xin mời vào nhà tôi uống chén trà; hôm nay ở nhà tôi có họp hội đồng quân sự. Anh có thể cung cấp cho chúng tôi những tài liệu chính xác về Pugatsốp và quân đội của hắn. Bây giờ thì anh hãy đi nghỉ đi đã.

Tôi trở về gian nhà dành cho tôi ở. Xavêlich đã bắt đầu dọn dẹp sửa soạn như ở nhà. Tôi nóng lòng chờ đến giờ họp. Bạn đọc có thể dễ dàng hiểu rằng tôi có chết cũng phải cố đến dự cho kỳ được một buổi hội

đồng có liên quan mật đến vận mệnh của tôi như vậy. Đến giờ đã định tôi lập tức đến nhà thiếu tướng.

Ở đây tôi gặp một lão viên chức địa phương. Tôi nhớ đây là một viên giám đốc thuế quan thì phải. Đó là một lão già thấp bé, béo núc ních, mặt đỏ, mặc áo ca-phơ-tan bằng gấm bóng. Lão bắt đầu hỏi tôi về số phận ông Ivan Kudomich, mà lão gọi là bạn đỡ đầu của lão, và luôn luôn ngắt lời tôi để chêm vào những câu hỏi bổ sung và những lời khuyên răn về luân lý. Lời lẽ của lão ta nếu không có gì chứng tỏ rằng lão là một con người hiểu biết về việc quân cơ, thì ít nhất cũng lộ rõ ra rằng lão là người bản tính thông minh và có óc xét đoán. Trong khi đó những người được mời họp đã đến đông đủ. Trong số những người họp, ngoài thiếu tướng ra, không còn một quân nhân nào nữa. Khi mọi người đã yên vị và người chủ nhà đã bưng ra cho mỗi người một chén nước trà, thiếu tướng liền trình bày tình hình hiện nay một cách khá rõ ràng và đầy đủ. Rồi ông nói tiếp :

- Thưa các ngài, bây giờ cần phải quyết định xem ta nên hành động như thế nào để chống lại quân phản loạn : *nên tấn công hay nên phòng thủ* ? Trong hai phương sách này thì phương sách nào cũng có phần lợi và phần bất lợi. Hành động theo phương sách tấn công thì có nhiều hy vọng tiêu diệt quân địch hơn; còn phòng thủ thì chắc chắn và an toàn hơn... Đây, bây giờ ta bắt đầu thu thập ý kiến theo thứ tự thường

lệ, tức là bắt đầu từ cấp thấp nhất trở lên. Thưa ngài chuẩn úy ! - Thiếu tướng quay về phía tôi nói. - Xin mời ngài cho chúng tôi biết ý kiến.

Tôi đứng dậy và sau khi vắn tắt mô tả Pugatsốp và bè đảng của hắn, tôi quả quyết nói rằng tên phiến loạn không thể nào chống cự lại một lực lượng vũ trang chính quy.

Bọn viên chức trong khi nghe ý kiến của tôi tỏ ý khó chịu rõ rệt. Họ cho rằng đó chỉ là ý kiến bộp chộp và liều lĩnh của một thanh niên trẻ người non dạ. Họ xì xào phản đối, và tôi nghe rõ mồn một có tiếng ai nói khê : thằng ranh con... Viên tướng quay sang phía tôi mỉm cười nói : “Thưa ngài chuẩn úy ! Ở các hội đồng quân sự thì những ý kiến phát biểu đầu tiên thường thường là chủ trương hành quân tấn công; đó là một việc hợp lệ. Bây giờ ta tiếp tục lấy ý kiến. Thưa quan lục đẳng ! Xin ngài cho biết ý kiến !”.

Lão già thấp bé mặc áo ca-phơ-tan gấm trơn vội vàng uống chén trà thứ ba của lão, có pha thêm khá nhiều rượu rôm, rồi trả lời :

- Thưa đại quan nhân, tôi nghĩ rằng không nên tấn công, mà cũng không nên phòng thủ.

Viên tướng ngạc nhiên hỏi :

- Sao lại có thể như vậy được, thưa quan lục đẳng ? Trong chiến thuật không có phương sách nào khác : chỉ có thể hành binh theo thể tấn công hay phòng thủ...

- Thừa đại quan nhân, ngài hãy hành binh theo thể mua chuộc.

- E-hè-hè ! Ý kiến của ngài thể mà hay đấy. Trong binh lược cũng có cho phép hành binh theo thể mua chuộc như vậy đấy, và chúng tôi sẽ xin nghe lời khuyên của ngài. Có thể treo giải thưởng cho ai lấy được đầu tên giặc... chừng bảy mươi rúp hay có thể đến một trăm rúp nữa là khác... trích trong quỹ chi tiêu bí mật...

- Đấy cứ thể mà làm, - lão giám đốc thuế quan ngắt lời, - nếu bọn cướp mà không xiềng tay xích chân chủ tướng đem nộp cho ta thì tôi chỉ là một con cừu Kiếghidia, chứ không phải là quan lục đẳng gì nữa.

- Ta sẽ bàn thêm và suy nghĩ thêm về việc này, - viên tướng đáp, - nhưng dù sao cũng cần thi hành cả những biện pháp quân sự nữa. Thừa các ngài, xin các ngài cho biết ý kiến theo thứ tự thường lệ.

Các ý kiến bàn đều chống lại ý kiến của tôi. Tất cả các viên chức đều nói rằng quân đội không được vững, rằng chưa chắc đã thu được thắng lợi, rằng cần phải thận trọng, vân vân. Mọi người đều cho rằng nên cố thủ trong thành, có đại bác, có tường đá bảo vệ, thì hơn là đem quân ra cầu may ở giữa chiến trường. Cuối cùng sau khi đã nghe hết các ý kiến, viên tướng gõ gõ cái điều cho tàn thuốc rơi ra, rồi đọc một bài diễn từ như sau :

- Thừa các ngài ! Tôi cần phải tuyên bố để các ngài

rõ ràng về phía tôi, tôi hoàn toàn tán đồng ý kiến của ngài chuẩn úy. Vì ý kiến này căn cứ trên những quy tắc chiến thuật rất đúng đắn. Một chiến thuật đúng đắn hầu như bao giờ cũng chủ trương hành quân tấn công hơn là chủ trương phòng ngự.

Đến đây ông ta ngừng lại và bắt đầu cho thuốc vào ống điếu. Lòng tự ái của tôi được một phen đắc chí. Tôi kiêu hãnh vênh mặt nhìn các viên chức đang thăm thì với nhau có vẻ bực mình và lo lắng.

- Nhưng, thưa các ngài, - viên tướng nói tiếp, sau khi thở phào một cái, nhả ra một đám khói thuốc dày đặc, - tôi không dám đảm đương lấy một trách nhiệm nặng nề như vậy, một khi đây là vấn đề an toàn của những tỉnh mà đức nữ hoàng ngài đã giao phó cho tôi. Cho nên tôi tán đồng ý kiến của số đông các ngài, tức ý kiến cho rằng hợp lý và chắc chắn hơn cả là ở trong thành đợi quân địch đến bao vây, rồi dùng hỏa lực của pháo binh tấn công quân địch và (nếu có thể) xuất kích để đánh lui quân địch.

Bây giờ đến lượt các ngài quan chức ngạo nghễ nhìn tôi. Hội đồng giải tán. Tôi không thể không lấy làm tiếc về sự nhu nhược của vị tướng già, đã đành chịu bỏ quan niệm của mình để theo hùa những kẻ chả có hiểu biết, kinh nghiệm gì về quân sự.

Mấy ngày sau cuộc họp hội đồng trú danh này chúng tôi được biết rằng Pugatsốp, đúng như lời đã hứa, đang tiến quân đến gần Ôrenburg. Tôi đứng trên

thành cao đã trông thấy quân phiến loạn ở phía xa. Tôi có cảm tưởng rằng quân số của họ đã tăng lên gấp mười kể từ trận đánh đồn vừa rồi mà tôi đã được chứng kiến. Họ có cả pháo binh, gồm những khẩu đại bác mà Pugatsốp lấy ở những đồn nhỏ đã chiếm được. Nhớ lại những nghị quyết của buổi họp hội đồng hôm nọ, tôi đã thấy trước là thế nào cũng bị giam hãm trong thành Ôrenburg một thời gian rất lâu và uất ức đến phát khóc lên được.

Tôi sẽ không kể lại cuộc vây hãm thành Ôrenburg, vì cái đó thuộc về sử học, chứ không thuộc phạm vi những bút ký gia phả như thế này. Tôi chỉ xin nói vắn tắt rằng cuộc vây hãm này, vì sự thiếu thận trọng của nhà chức trách sở tại, đã làm cho dân cư vô cùng điều đứng, họ đã phải chịu đựng nạn đói và đủ các thứ tai ương khác. Có thể dễ dàng tưởng tượng đời sống trong thành Ôrenburg cơ cực đến thế nào. Mọi người đều chán ngán chờ xem số phận mình sẽ định đoạt ra sao; ai cũng than phiền về nạn đất đỏ kinh khủng trong thành phố. Dân cư đâm quen với những quả đại bác bay vào sân nhà họ; dần dần ngay đến những đợt tiến công của Pugatsốp người ta cũng không buồn tò mò chú ý đến nữa. Tôi buồn tưởng đến chết đi được. Thời gian trôi qua. Tôi không nhận được thư từ gì ở Bêlôgorxơ gửi đến cả. Đường sá đều bị cắt hết. Cảnh sống Maria Ivanópna đối với tôi thật không tài nào chịu nổi. Không được tin tức gì của

nàng, tôi không biết số phận của nàng bây giờ ra sao, và điều đó giày vò tôi hết sức khổ sở. Cách giải trí duy nhất của tôi là cưỡi ngựa xuất kích. Nhờ Pugatsốp tôi đã có được một con ngựa tốt, cùng chia sẻ miếng ăn nghèo nàn với nó và hàng ngày cưỡi nó ra ngoài thành bắn nhau với kỵ binh của Pugatsốp. Trong những cuộc độ súng như vậy ưu thế thường là về phía quân giặc vốn no say khỏe mạnh và có ngựa tốt. Đội kỵ binh còm cõi của thành phố Ôrenburg không tài nào át giọng nổi. Đôi khi cả đội bộ binh ốm đói của chúng tôi cũng ra chiến trường; nhưng tuyết dày quá khiến họ không thể hành động có hiệu quả chống lại những kỵ binh xuất trận tàn mạn của địch. Pháo đặt trên lũy bắn vu vơ chẳng trúng ai, còn ra giữa đồng thì súng lún sâu xuống tuyết kéo không nhúc nhích, vì ngựa đã kiệt sức cả. Tình hình chiến đấu của chúng tôi là như vậy đấy. Thế mà bọn quan chức ở Ôrenburg cứ gọi là thận trọng với hợp lý mãi.

Có lần không hiểu sao chúng tôi đánh tán loạn được một đội kỵ binh khá đông của địch và thúc ngựa đuổi theo. Tôi đuổi riết một người Cô-dắc tụt lại phía sau đồng đội. Tôi đã sẵn sàng vung thanh gươm Thổ Nhĩ Kỳ chém vào người hắn, thì bỗng hắn cất mũ chào, hét to :

- Chào cậu Piôt Andrêevích ! Cậu dạo này thế nào?

Tôi nhìn kỹ và nhận ra viên đội Mắcximích. Tôi mừng quá, bảo anh ta :

- Chào anh Mắcximích, ở Bêlôgorxcơ đến đã lâu chưa thế ?

- Mới đây thôi, cậu ạ; vừa mới trở về đây hôm qua. Tôi có một bức thư gửi cậu.

- Đâu ? Đâu ? – Tôi cuống quýt hỏi, mặt nóng bừng bừng lên.

- Đây, - Mắcximích đáp, tay chỉ vào túi áo. – Tôi đã hứa với Palasca là thế nào cũng tìm cách trao cho cậu.

Nói đoạn Mắcximích đưa cho tôi một tờ giấy xấp nhỏ và lập tức phóng ngựa đi. Tôi run rẩy mở tờ giấy ra và hồi hải đọc những dòng sau đây :

“Ý Chúa đã định cho tôi phải mất cha mất mẹ. Bây giờ trên cõi đất này tôi không còn ai là họ hàng thân thích, không còn lấy người nào che chở. Tôi xin đến nương nhờ anh, vì tôi biết rằng anh bao giờ cũng sẵn lòng giúp đỡ. Tôi cầu xin Chúa sao cho bức thư này đến tay anh ! Mắcximích có hứa với chúng tôi là sẽ trao thư cho anh. Palasca còn nghe Mắcximích nói lại rằng thường trông thấy anh xa xa trong những trận xuất kích và anh chẳng nương nhẹ mình một tí nào, không hề biết thương những người đang khóc hết nước mắt cầu Chúa phù hộ cho anh. Tôi bị ốm rất lâu; đến khi tôi khỏi, Alếchxây Ivanôvích Svabrin bây giờ làm đồn trưởng thay thầy tôi, liền đưa Pugatsốp ra dọa, bắt cha Ghêraxim phải trao tôi cho ông ta. Bây giờ tôi đang bị giam lỏng ở nhà thầy mẹ khi trước. Alếchxây Ivanôvích cứ ép uống tôi lấy ông ta và bảo

rằng ông ta đã cứu sông tôi vì đã không tố giác với Pugatsốp rằng tôi không phải là cháu gái của bà Akulina Pamphilópna như bà ấy nói. Nhưng tôi thì thà chết còn hơn là chịu lấy một người như Aléchxây Ivanôvích. Ông ấy đối xử với tôi rất tàn ác dọa tôi hề không chịu nghĩ lại mà ưng thuận lấy ông ấy, thì ông ấy sẽ đem tôi lại cho tên tướng cướp, và tôi sẽ cùng chung số phận với Lidavêta Kharlôva³⁶. Tôi xin ông Aléchxây Ivanôvích cho tôi nghĩ kỹ thêm. Ông ấy bằng lòng đợi cho ba hôm nữa; còn nếu sau ba hôm mà tôi vẫn không chịu thì không còn hòng thoát chết được nữa. Anh Piôt Andrêêvích ! Tôi chỉ còn biết nương nhờ vào anh nữa mà thôi, xin anh che chở cho người con gái đáng thương này. Anh hãy xin ông thiếu tướng và tất cả các vị chỉ huy sớm đem quân về cứu chúng tôi và nếu có thể xin anh cùng đến với chúng tôi. Tôi vẫn là đứa con gái mồ côi luôn kính mến anh.

Maria Mirônôva".

Đọc xong bức thư tôi suýt phát điên lên. Tôi quay trở về thành, thúc con ngựa tội nghiệp của tôi một cách tàn nhẫn. Dọc đường tôi bối óc nghĩ mãi cách cứu thoát người con gái đáng thương mà không sao nghĩ ra được. Về đến thành, tôi đi thẳng đến nhà thiếu tướng và lập tức chạy vào phòng ông.

Viên tướng đang đi đi lại lại trong phòng hút thuốc trong một chiếc ống điếu bằng đá bọt. Thấy tôi vào, ông dừng lại. Hình như dáng điệu của tôi làm ông

kính ngạc; ông liền ân cần hỏi tôi có việc gì mà đến tìm ông một cách vội vã như vậy.

Tôi nói với thiếu tướng :

- Thưa đại quan nhân, tôi đến cầu xin ngài, như cầu xin cha đẻ của tôi; vì Chúa, xin ngài đừng từ chối lời cầu xin của tôi : đây là việc định đoạt hạnh phúc của cả đời tôi.

Viên tướng già kính ngạc hỏi :

- Việc gì thế, anh ? Tôi có thể giúp anh việc gì ? Anh nói đi.

- Thưa đại quan nhân, xin ngài ra lệnh và giao cho tôi một đại đội bộ binh và năm mươi quân Cô-dắc, và cho tôi đến chiếm lại đồn Bêlôgorxơ.

Viên tướng nhìn tôi trừng trừng, hình như ông nghĩ rằng tôi đã phát điên rồi thì phải (mà nghĩ như vậy thì cũng chẳng sai là mấy).

Cuối cùng, ông mới nói :

- Sao ? Chiếm lại đồn Bêlôgorxơ à ?

Tôi quả quyết trả lời :

- Xin cam đoan là thế nào cũng thành công. Chỉ xin ngài cho tôi đi.

Viên tướng lắc đầu :

- Không được đâu, anh bạn trẻ ạ. Với một khoảng cách xa như vậy địch quân sẽ dễ dàng cắt đứt đường giao thông của anh với địa điểm chiến lược chủ yếu và đánh bại anh hoàn toàn. Đường giao thông mà bị

cắt thì...

Tôi thấy ông ta bắt đầu say sưa giở lý thuyết quân sự ra như vậy, liền hoảng hốt ngắt lời :

- Người con gái của đại úy Mirônốp có viết thư cho tôi : cô ấy xin cứu viện; Svabrin bắt cô ấy phải lấy hắn.

- Thế à ? Chà, cái thằng Svabrin này thật là một tên đại bợm, hắn mà lọt vào tay ta thì ta sẽ ra lệnh xử hắn trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ và sẽ đem bắn ở trên lũy thành ! Nhưng hiện nay tạm thời hãy kiên nhẫn mà đợi...

Tôi không tự chủ được nữa, kêu lên :

- Kiên nhẫn ư ! Trong khi đó thì hắn lấy Maria Ivanópna rồi còn gì !...

- Ô, thế thì cũng chưa việc gì; tạm thời tốt hơn là cứ hẵng lấy Svabrin đã : hiện nay hắn có thể che chở cho cô ta; còn đến khi ta xử bắn hắn thì lúc đó nhờ trời sẽ tìm cho cô ta một đám khác. Những cô quả phụ xinh xinh như thế chả bao giờ phải ở vậy mãi đâu; tức tôi muốn nói là đàn bà góa còn dễ kiếm chồng hơn là gái già nữa kia.

Tôi như điên như dại thét lên :

- Thà chết còn hơn nhường Maria cho thằng Svabrin!

- A chà chà chà chà ! – Viên tướng già nói. – Bây giờ thì tôi hiểu rồi : té ra là anh phải lòng cô Maria

Ivanópna. Ô, thế thì lại là chuyện khác! Chà, tội nghiệp cậu bé ! Nhưng tuy vậy tôi cũng không thể nào cho anh một đại đội bộ binh và năm chục quân Cô-dắc. Hành quân như vậy rất không hợp lý; tôi không thể chịu trách nhiệm về việc này được.

Tôi gục đầu xuống; hoàn toàn tuyệt vọng. Bỗng nhiên một ý nghĩ vụt qua óc tôi. Ý nghĩ đó ra sao, độc giả xem hồi sau sẽ rõ, như các truyện xưa thường nói.

CHƯƠNG XI

THÔN PHIẾN LOẠN

Bây giờ sư tử no say
Chứ loài ác thú xưa nay lạ gì !
Hỏi han ra dáng nhu mì :
“Đến hang ta có việc gì thế anh ?”

A. Xumarôkôp³⁷

Tôi từ già viên tướng và vội vã trở về. Xavêlich ra đón tôi với những lời khuyên răn như thường lệ.

- Sao cậu cứ thích đi đánh nhau với bọn kẻ cướp say rượu thế ! Có phải công việc của bậc quý tộc đâu? Nhỡ một cái có phải là chết oan chết uổng không ? Thà đánh nhau với quân Thụy Điển hay quân Thổ gì cho cam, chứ đánh với bọn này thì có ra cái quái gì ?

Tôi ngắt lời bác ta bằng một câu hỏi : tiền của tôi

cả thầy còn được bao nhiêu ? Bác liền trả lời, giọng rất đặc chỉ :

- Còn ỏi ! Bọn bịp bợm khi ấy lục lợi đến thế mà tôi vẫn cứ giấu kịp.

Nói đoạn bác rút trong túi ra một cái túi đan dài đựng đầy bạc. Tôi bảo Xavêlich :

- Thế thì bây giờ bác đưa cho tôi một nửa; còn một nửa thì bác cầm lấy. Tôi đi đến đồn Bêlôgorxcơ đây.

Người lão bộc cất giọng run run nói :

- Cậu Piôt Andrêevích ! Cậu không sợ Chúa à; làm sao mà đi được lúc này, quân cướp chần hết lối rồi còn gì ! Nếu cậu không biết thương cái thân cậu, thì cũng phải thương lấy hai cụ nhà chứ. Cậu đi đâu ? Có việc gì thế ? Hãy thư thả ít lâu : quan quân sẽ kéo đến đuổi bắt hết bọn cướp; lúc ấy rồi tha hồ muốn đi đâu cũng được.

Nhưng chỉ tôi đã quyết. Tôi đáp :

- Bây giờ không phải lúc bàn bạc nữa. Tôi phải đi. Tôi không thể không đi được. Bác đừng lo, bác Xavêlich ạ; may ra Chúa sẽ còn cho chúng mình gặp nhau lại ! Bác đừng có câu nệ và đừng hà tiện quá. Cái gì bác cần, bác cứ mua, dù có đắt gấp ba cũng đừng tiếc. Chỗ tiền ấy tôi biếu bác. Nếu trong ba ngày mà tôi không về...

Xavêlich ngắt lời tôi :

- Cậu nói gì mà lạ thế ? Cậu muốn tôi để cậu đi

một mình ư ? Ôi giao, cái đó thì dù có nằm mơ cậu cũng đừng có mà bảo tôi làm. Nếu cậu đã nhất quyết đi, thì tôi sẽ đi theo cậu, dù có đi bộ cũng được, chứ không đời nào rời cậu. Cậu bảo tôi ở lại một mình trong thành ấy à ? Chả nhẽ cậu tưởng tôi điên rồi sao? Tùy cậu đấy, chứ tôi thì không bao giờ chịu rời cậu.

Tôi biết rằng có cãi lại bác Xavêlich cũng vô ích, bèn cho phép bác sửa soạn lên đường. Nửa giờ sau tôi đã ngồi lên con ngựa Kiécghidia rất hay của tôi, còn bác Xavêlich thì cưỡi một con ngựa gầy gò mà lại khập khiễng, của một người dân ở trong thành cho không bác vì không còn biết lấy gì cho nó ăn nữa. Chúng tôi ra đến cổng thành, lính canh để chúng tôi đi qua; chúng tôi cưỡi ngựa ra khỏi thành Ôrenburg.

Trời bắt đầu xẩm tối. Đường tôi đi men qua thôn trấn Bêrda, sào huyết của Pugatsốp. Con đường thẳng tắp phủ tuyết trắng xoá; nhưng khắp thảo nguyên đều thấy có những vết chân ngựa : hễ tuyết rơi phủ kín các vết chân ngày hôm trước, thì hôm sau lại có những vết chân mới. Tôi cho ngựa tể nước kiệu. Xavêlich chật vật lấm mới theo nổi tôi, nhưng vẫn bị bỏ một quãng xa. Cứ phút phút bác ta lại kêu lên :

- Chậm chậm chứ cậu ! Trời ơi, cậu đi chậm chậm cho với ! Con ngựa khổ này không sao theo kịp con quỹ cao cẳng nhà cậu đâu. Đi đâu mà vội ? Đi ăn tiệc ăn cỗ gì cho cam, đằng này không khéo lại đi vào chỗ

chết ấy chứ... Piôt Andrêêvích!... Cậu Piôt Andrêêvích ơi... Đừng đi liều nhé !... Trời ơi, cậu bé rồi chết oan chết uổng mất thôi !

Chẳng bao lâu đã thấy lập loè những ánh lửa ở thôn Bêđa. Chúng tôi đang đi gần những cái hào thiên nhiên ở cạnh thôn. Xavêlich vẫn lèo đẽo theo sau, mồm than thở kêu trời không ngớt. Tôi đang hy vọng đi vòng qua thôn bình yên vô sự, thì đột nhiên trong bóng hoàng hôn thấy ngay trước mặt có năm sáu người nông dân tay cầm gậy gộc; đó làm trạm gác tiền tiêu của sào huyết Pugatsốp. Họ lớn tiếng hô chúng tôi đứng lại. Vì không biết khẩu lệnh, tôi định cứ lặng lẽ vượt qua; nhưng họ lập tức vây lấy tôi, và một người trong bọn họ nắm lấy cương ngựa tôi. Tôi tuốt gươm và chém vào đầu người ấy; cái mũ lông cừu cứu hấn thoát chết, nhưng hấn cũng lao đảo buông cương ngựa ra. Những người còn lại hoảng sợ giạt cả ra hai bên; tôi thừa cơ thúc ngựa phi thẳng.

Bóng đêm đã bắt đầu dày đặc, và tôi đã có thể vững dạ mà đi, không có sợ gì có nguy hiểm nữa, thì bỗng nhiên, nhìn lại phía sau, tôi không thấy Xavêlich đâu nữa. Ông già đáng thương cưỡi con ngựa què ấy không thoát khỏi bọn cướp rồi. Biết làm thế nào bây giờ ? Tôi đợi một vài phút và khi đã yên trí là bác bị giữ, tôi quay ngựa trở lại để cứu bác.

Gần đến hào, tôi nghe xa xa có tiếng ồn ào, nhiều tiếng quát tháo, có chen cả giọng nói của Xavêlich

nhà tôi. Tôi thúc ngựa chạy nhanh lại và gặp tốp nông dân đã chặn tôi lúc nãy. Xavêlich ở giữa đám họ. Họ kéo bác xuống ngựa và đang sắp sửa trói bác lại. Thấy tôi đến họ mừng rỡ reo lên, xông lại phía tôi và trong nháy mắt đã kéo tôi xuống ngựa. Một người trong bọn, chắc là người cầm đầu toán này, bảo với chúng tôi rằng họ sẽ lập tức đem chúng tôi vào trình đức vua. Hắn nói thêm :

- Rồi tùy ý đức vua sẽ cho treo cổ các người ngay bây giờ hay là đợi đến sáng mai.

Tôi không kháng cự; Xavêlich cũng theo gương tôi và toán quân canh gác chỉ dẫn chúng tôi đi.

Chúng tôi vượt qua hào và đi vào thôn trấn. Trong thôn, nhà nào cũng đốt lửa sáng. Khắp nơi đều có tiếng reo hò náo nhiệt. Trên đường tôi gặp rất nhiều người, nhưng trong bóng tối không ai để ý đến chúng tôi và nhận ra tôi là một sĩ quan ở Ôrenburg. Họ dẫn chúng tôi đến thẳng một ngôi nhà gỗ dựng ở một góc ngã tư. Ở cổng có mấy thùng rượu và hai khẩu súng thần công. Một trong những người nông dân áp giải chúng tôi nói :

- Cung vua đây rồi, ta sẽ lập tức vào báo đức vua.

Hắn vào nhà. Tôi đưa mắt nhìn Xavêlich; ông già làm dấu thánh giá, lẩm nhẩm đọc kinh. Tôi đứng chờ một hồi lâu; cuối cùng người nông dân quay ra và nói với tôi :

- Vào đi : đức vua bảo đưa viên sĩ quan vào.

Tôi bước vào ngôi nhà gỗ, hay vào cung điện, như mấy người nông dân vừa nói. Trong nhà có thấp hai cây nến bằng mỡ lợn, các bức tường đều dán giấy vàng; ngoài ra thì bàn ghế, cái chậu rửa tay treo trên sợi dây, cái khăn mặt treo trên đỉnh, cái nạng chìa đũa bếp ở góc nhà, cái bếp rộng xếp đầy chỗ nôi – tất cả đều y như trong một ngôi nhà nông dân thông thường. Pugatsóp ngồi ở chỗ có treo ảnh tượng, mặc áo ca-phơ-tan đỏ, đội mũ lông chóp cao, hai tay chống ngang sườn có vẻ oai vệ. Bên cạnh Pugatsóp có mấy tên đồng đảng thân cận đứng; họ làm ra vẻ khúm núm trước mặt chủ tướng. Rõ ràng là tin một sĩ quan ở Ôrenburg đến đã gợi trí tò mò của họ lên rất mạnh, và họ đã chuẩn bị tiếp tôi một cách hết sức long trọng. Pugatsóp thoát trông thấy tôi đã nhận ra ngay. Cái vẻ quan trọng giả tạo lúc này lập tức biến mất. Hắn vồn vã nói:

- À, ra quan ngài ! Thế nào, có khoẻ không ? Chúa đưa ngài đến đây có việc gì thế ?

Tôi trả lời rằng tôi đi có việc riêng và bị người của hắn giữ lại.

- Việc gì thế ? – Pugatsóp hỏi.

Tôi không biết trả lời ra sao. Pugatsóp đoán phỏng rằng tôi không muốn nói trước mặt mấy người kia, liền quay lại bảo họ ra ngoài. Tất cả đều vâng lời bỏ đi, trừ hai người vẫn đứng nguyên ở chỗ cũ. Pugatsóp nói :

- Cứ mạnh dạn mà nói trước mặt họ, với hai ông này ta không có điều gì giấu giếm hết.

Tôi liếc nhìn hai người đồng đảng của Pugatsốp. Một người đã già lụ khụ, lưng còng, dáng người thấp bé và yếu ớt, có một bộ râu ngắn đã bạc, người này không có gì đáng chú ý, ngoài một dải lụa màu xanh nhạt quàng qua vai một chiếc áo da thô màu xám. Nhưng người kia thì suốt đời tôi không thể nào quên được. Hẳn ta người cao lớn vạm vỡ, hai vai rộng, trông khoảng chừng bốn mươi lăm tuổi. Bộ râu rậm màu hung, hai con mắt xám sáng long lanh, cái mũi không có cánh mũi và những đám da đỏ đỏ trên trán và trên má, vết tích của cực hình, khiến cho cái mặt rộng mà rõ của hắn có một vẻ gì không sao tả nổi. Hắn mặc áo cánh rộng màu đỏ, ngoài khoác áo choàng Kiécghidia, và một cái quần thụng kiểu Cô-dắc. Người thứ nhất (như về sau tôi được biết) là viên cai đảo ngừ Bêlôbôrôđốp³⁸, người thứ hai là Aphanaxi Xôkôlốp³⁹ biệt hiệu là Khlôpusa, một tội đồ bị đày, đã ba lần trốn khỏi các hầm mỏ ở Xibiri. Mặc dù đang bị nhiều cảm xúc kích động mãnh liệt, cảnh tượng này vẫn hấp dẫn trí tưởng tượng của tôi rất mạnh. Tôi đang mê mải nhìn họ, thì một câu hỏi của Pugatsốp đã làm cho tôi sực tỉnh lại :

- Người hãy nói ta nghe : người từ Ôrenburg đi có việc gì ?

Tôi bỗng có một ý nghĩ kỳ lạ : tôi thấy hình như số

phận đã run rủi tôi đến với Pugatsốp hai lần như thế này là để tôi có dịp thực hiện ý định của mình. Tôi quyết định lợi dụng cơ hội này, và chưa kịp đắn đo gì, tôi đã trả lời :

- Tôi đến đồn Bêlôgorxcơ để cứu một người con gái mồ côi ở đây đang bị người ta làm nhục.

Pugatsốp quắc mắt quát :

- Trong quân ta có đứa nào dám bắt nạt một đứa mồ côi ! Dù hấn có ba đầu sáu tay cũng đừng hòng thoát khỏi trừng phạt. Người nói đi : đứa nào dám làm một việc khốn nạn như vậy ?

- Svabrin, - tôi đáp. - Hấn đang giam hãm người con gái mà ông đã có lần trông thấy, cái người bị ốm nằm trong nhà bà cố đạo ấy. Svabrin đang cưỡng ép cô ta lấy hấn.

Pugatsốp hầm hầm nói :

- Rồi ta sẽ cho thằng Svabrin biết tay. Hấn sẽ biết trong quân ngũ của ta mà lộng hành và ức hiếp dân thì sẽ ra sao ? Ta sẽ treo cổ hấn lên cho mà xem.

Khlôpusa cất giọng khàn khàn nói :

- Xin thưa một lời. Trước đây ông hấp tấp phong cho Svabrin làm trưởng đồn, rồi bây giờ ông lại vội vàng treo cổ hấn lên. Ông đã làm phật lòng dân Cô-dắc bằng cách cho một tên quý tộc lên chỉ huy họ; thì bây giờ ông đừng làm cho bọn quý tộc hoảng sợ bằng cách động một tí đã đem treo cổ chúng lên.

Ông già thấp bé quàng dải lụa xanh nói :

- Không việc gì phải thương xót hay nhẹ tay với bọn quý tộc. Giết quách thằng Svabrin cũng chẳng sao; mà ngay cả ngài sĩ quan đây cũng nên hỏi cung một trận cho ra trò. Quan nhân có lòng đến đây để làm gì ? Nếu hắn không chịu nhận ông là vua, thì không lý gì hắn phải đến nhờ ông phân xử, còn nếu hắn chịu nhận, thì tại sao cho đến nay hắn vẫn ngồi lì trong thành Ôrenburg với quân địch ? Có lẽ ông cũng nên ra lệnh dẫn hắn sang nhà quản trị đốt tí lửa thử gan hắn xem : tôi thì tôi chắc quan ngài đến đây là do bọn chỉ huy ở Ôrenburg phái đến.

Lý luận của tên cướp già nghe cũng khá xuôi tai. Tôi thấy lạnh buốt cả sống lưng khi nghĩ đến những cực hình mà họ có thể cho tôi nếm thử. Pugatsốp để ý thấy tôi luống cuống. Hắn ta nháy mắt một cái, rồi nói với tôi:

- Thế nào, quan ngài ? Hình như ông nguyên súy của ta nói cũng có lý đấy chứ. Ngài nghĩ sao ?

Giọng bờn cợt của Pugatsốp khiến tôi vững dạ trở lại. Tôi bình tĩnh đáp rằng nay tôi đã ở trong tay hắn thì hắn muốn đối xử với tôi thế nào tùy ý. Pugatsốp nói :

- Tốt lắm. Bây giờ người hãy nói ta nghe thành phố của các người ra sao rồi.

- Nhờ trời, - tôi đáp, - mọi việc đều êm thấm cả.

- Êm thấm à ? - Pugatsốp nhắc lại. - Dân trong

thành chết đói mà người bảo là êm thấm à ?

Pugatsóp nói đúng; nhưng vì bốn phen tôi cứ quả quyết nói rằng đó toàn là tin đồn nhảm, chứ ở Ôrenburg lương thực rất đầy đủ. Ông già thấp bé tiếp lời tôi :

- Đây, ông thấy hẳn nói dối một cách trơ tráo chưa. Tất cả những quân lính ở trong thành trốn ra đều trăm người như một nói rằng ở trong ấy đang đói và đang có bệnh dịch hạch, rằng người ta đang phải ăn thịt ngựa, mà được ăn thịt ngựa chết cũng đã lấy làm sung sướng lắm rồi đấy; thế mà quan ngài thì lại dạy rằng lương thực có thừa. Nếu ông định treo cổ Svabrin, thì nhân thể cũng nên treo chàng trai trẻ này lên một giá để khỏi có ai phân bì với ai.

Lời lẽ của lão già chết tiệt ấy hình như làm cho Pugatsóp phân vân. May thay, Khlôpusa đã lên tiếng bác lại ý của lão. Hẳn nói :

- Thôi đi ông Naumôvích. Ông thì chỉ biết bóp hấu và cắt họng. Ông là cái thứ hảo hán gì thế ? Ông thử xem cái thân tàn của ông còn có chỗ cho hồn ở nữa không ? Mình thì sắp xuống lỗ, mà cũng cứ muốn giết hại người ta. Trong lương tâm ông hãy còn có ít máu người lắm đấy !

Bêlôbôrôđóp vặn lại :

- Thế còn ông thì ra cái thá gì ? Ông lấy cái lòng từ bi ấy ở đâu ra thế ?

Khlôpusa đáp :

- Đã đành tôi cũng lắm tội; bàn tay này (nói đến

đây hấn nắm bàn tay xương xẩu của hấn lại và xắn tay áo lên để lộ cánh tay lông lá), và cánh tay này đã từng làm đổ máu nhiều con chiên của Chúa. Nhưng tôi giết là giết kẻ thù, chứ không giết khách; giết là giết ở giữa ngã ba đường hoặc trong rừng rậm, chứ không phải ở nhà khi đang ngồi bên bếp lửa; giết là giết bằng dao rựa, chứ không phải bằng giọng ton hót như đàn bà.

Lão già quay quay mặt đi và lẩm bẩm mấy tiếng :
“Đồ sứt mũi...”

Khlopusa quát :

- Cái lão khom già kia lẩm bẩm cái gì thế hả ? Rồi tao cho mày biết sứt mũi là thế nào; đợi đấy, rồi sẽ đến lúc mày cũng được ném mũi kìm kẹp... Còn bây giờ thì hãy coi chừng có ngày tao vặt hết mấy sợi râu kia !

Pugatsốp nghiêm nghị nói :

- Các ngài đại tướng ! Thôi đừng có cãi nhau nữa. Có đem treo cổ cả lũ chó ghê ở Ôrenburg lên một giá cũng chả sao cả; nhưng nếu mà chó nhà lại đi cắn cổ nhau thì thật là khốn. Thôi, giảng hoà đi.

Khlopusa và Bêlôgorxơ không nói gì nữa, chỉ ngồi nhìn nhau, vẻ mặt hằm hằm. Tôi thấy cần phải nói lảng sang chuyện khác, vì câu chuyện vừa rồi rất có thể kết thúc một cách chẳng có lợi cho tôi tí nào. Tôi quay sang Pugatsốp và vui vẻ nói :

- À, Suýt nữa tôi quên cảm ơn ông đã biếu tôi con

ngựa và cái áo tu-lúp. Không có ông thì tôi không tài nào đến được Ôrenburg được, đến chết còng giữa đường mất.

Mẹo của tôi đã thành công. Pugatsốp trở lại vui vẻ, hân nheo nheo mắt lại một cách hóm hỉnh và nói:

- Có đi có lại mới toại lòng nhau chứ. Bây giờ anh nói rõ cho ta nghe : làm sao anh phải chú ý đến người con gái đang bị Svabrin ức hiếp đến thế ? Chắc cô ấy đã làm rung động tấm lòng trai trẻ kia chứ gì ? Đúng không nào ?

Thấy hoàn cảnh đã thay đổi một cách thuận chiều và nghĩ rằng không cần phải che giấu sự thật làm gì, tôi trả lời Pugatsốp :

- Cô ấy là vợ chưa cưới của tôi.

- Vợ chưa cưới của anh à ! - Pugatsốp kêu lên. - Sao anh không nói từ trước ? Biết vậy thì ta đã làm lễ cưới cho anh và đánh chén một bữa mừng hai anh chị rồi ! - Rồi quay sang phía Bêlôbôrôđốp, Pugatsốp nói:- Ông nghe chưa, ông nguyên suý ! Ta với quan nhân đây là chỗ thân bằng cố hữu; nào, ta ngồi ăn tối với nhau, sáng mai thanh thiên bạch nhật ta sẽ bàn xem nên làm gì cho quan ngài.

Tôi cũng muốn từ chối cái vinh dự đó, nhưng chả biết làm thế nào được. Hai người thiếu nữ Cô-dắc, con gái của chủ nhà, mang khăn trắng giải lên bàn, bưng bánh mì và canh cá tươi ra, đặt mấy chai rượu nho với rượu bia lên và một lần nữa tôi lại cùng ngồi

một bàn tiệc với Pugatsốp và những người đồng đảng đáng sợ của hắn.

Bữa tiệc mà tôi buộc lòng phải dự kéo dài mãi đến khuya. Cuối cùng men rượu đã làm cho khách say mềm. Pugatsốp ngồi tại chỗ mà ngủ. Máy người lạ kia đứng dậy và ra hiệu bảo tôi ra ngoài. Tôi cùng ra theo họ. Theo lời dẫn của Khlôpusa, người lính canh dẫn tôi sang nhà quản trị. Xavêlich đang đợi ở đây. Họ để tôi ngồi lại một mình với người lão bộc và khoá cửa lại. Bác Xavêlich kinh ngạc trước những việc xảy ra, đến nỗi không còn biết hỏi tôi lấy một câu gì nữa. Bác ta nằm lăn ra trong xó tối, than vắn thở dài một hồi lâu; cuối cùng bác bắt đầu ngáy, còn tôi thì ngồi suy nghĩ miên man, suốt đêm không chợp mắt được lấy một phút.

Sáng hôm sau Pugatsốp cho người đến gọi tôi lại nhà. Trước thềm có một chiếc xe ki-bít-ca thẳng ba con ngựa Tác-ta. Dân chúng đứng chật cả đường. Vào đến phòng đệm tôi gặp Pugatsốp. Hắn ăn bận như người sắp đi đường trường, mặc áo khoác dài và đội mũ lông kiểu Kiécghidia. Máy người khách dự tiệc hôm qua vây quanh Pugatsốp, cố làm ra vẻ khúm núm, một thái độ rất trái ngược với tất cả những cảnh mà tôi đã được chứng kiến tối hôm qua. Pugatsốp vui vẻ chào hỏi tôi và bảo tôi lên xe với hắn.

Chúng tôi cùng ngồi vào xe.

“Đến đồn Bêlôgorxcơ”, - Pugatsốp nói với người

Tác-ta to lớn đứng cầm cương ở phía trước. Tim tôi đập mạnh. Ngựa bắt đầu chạy, nhạc ngựa kêu lanh lảnh, chiếc ki-bít-ca lướt như bay trên tuyết...

Bỗng có tiếng kêu thất thanh :

- Đứng lại ! Đứng lại.

Giọng người kêu lên mấy tiếng đó tôi nghe đã quá quen thuộc. Tôi thấy Xavêlich hốt hải chạy lại. Pugatsốp ra lệnh dừng xe. Người lão bộc kêu lên :

- Cậu Piôt Andrêevích, cậu đừng bỏ già này một thân một mình giữa bọn kẻ c...

- À, lão khom già đấy à. Chứa lại cho ta gặp nhau lại đây. Nào, thôi ngồi lên ghế đánh xe đi.

Xavêlich vừa leo lên cạnh người đánh xe vừa nói :

- Xin cảm ơn ngài, cha ruột của tôi ! Cậu Chúa cho ngài sống lâu trăm tuổi vì ngài đã chở che an ủi cái thân già này. Suốt đời tôi sẽ cầu nguyện Chúa cho ngài, và không bao giờ nhắc đến cái áo tu-lúp da thỏ nữa.

Cái áo tu-lúp da thỏ này rất cực có thể làm cho Pugatsốp nổi trận lôi đình lên chứ không phải vừa. May thay tên tướng cướp hoặc giả không nghe thấy, hoặc giả không thèm chấp lời nhắc nhở không phải lúc ấy. Ngựa phi nước đại; dân chúng trên đường đứng lại và cúi mình chào. Pugatsốp gật đầu bên này bên kia chào lại. Một phút sau xe chúng tôi ra khỏi thôn và lướt trên con đường trơn phẳng.

Chắc độc giả cũng hình dung được những cảm giác

của tôi lúc bấy giờ. Chỉ vài giờ nữa tôi sẽ gặp lại người con gái mà tôi đã tưởng chừng mất hẳn. Tôi tưởng tượng giây phút hai chúng tôi sẽ hội ngộ... Tôi lại nghĩ đến con người đang nắm vận mệnh của tôi trong tay, con người mà số phận đã gắn bó với tôi một cách thật là kỳ lạ và huyền bí. Tôi nhớ lại những hành động tàn ác không đả đo, những thói quen khát máu của con người đang đứng ra giải thoát cho người yêu của tôi! Pugatsóp không biết rằng nàng là con gái của đại úy Mirônốp. Svabrin đến lúc cùng quần có thể tố giác việc này ra; Pugatsóp cũng có thể biết được sự thật bằng cách khác... Lúc đó số phận Maria Ivanópna sẽ ra sao ? Tôi thấy lạnh buốt cả sống lưng, và tóc tôi cứ dựng ngược lên...

Bỗng Pugatsóp cắt đứt những ý nghĩ của tôi, hẳn quay sang phía tôi hỏi:

- Quan ngài nghĩ gì thế ?

Tôi trả lời :

- Không nghĩ ngợi sao được. Tôi là một sĩ quan và là một người quý tộc. Mới hôm qua tôi hãy còn đánh lại ông, mà hôm nay đã ngồi cùng xe với ông, và hạnh phúc của đời tôi lại nằm trong tay ông.

- Thế thì sao ? - Pugatsóp hỏi. - Anh sợ à ?

Tôi trả lời rằng hẳn đã tha chết cho tôi hai lần, nên lần này không những tôi hy vọng rằng hẳn sẽ dung tha tôi, mà còn mong hẳn giúp đỡ tôi nữa. Pugatsóp nói :

- Anh nghĩ thế là phải, rất phải ! Anh cũng thấy rằng quân sĩ của ta chẳng ưa gì anh; còn lão già thì hôm nay cứ một mực bảo rằng anh là thám tử, đòi phải tra tấn và treo cổ anh, - đến đây Pugatsốp hạ giọng xuống, để cho Xavêlich và người Tác-ta khỏi nghe, - nhưng ta không chịu, vì ta còn nhớ cốc rượu và cái áo tu-lúp của anh. Anh thấy đấy, ta chưa hẳn là một tay uống máu người không tanh như bọn các anh thường nói.

Tôi nhớ lại trận đánh chiếm đồn Bêlôgorxcơ; nhưng tôi thấy không cần phải cãi lại và lặng thinh không đáp.

Pugatsốp im lặng một lát, rồi hỏi :

- Ở Ôrenburg họ bàn tán về ta như thế nào ?

- Thì họ bảo rằng đánh ông thật là gay go; quả ông cũng không phải tay vừa.

Gương mặt Pugatsốp lộ vẻ đắc ý. Hắn vui vẻ nói :

- Phải, ta đánh đám cũng đã ra trò ! Ở Ôrenburg các người có nghe nói trận đánh ở Iudêêva⁴⁰ không ? Bốn mươi tên tướng bị giết, bốn quân đoàn bị bắt làm tù binh. Anh nghĩ sao, vua Phổ liệu có dám đo sức với ta không ?

Tôi thấy vẻ dương dương tự đắc của Pugatsốp cũng hay hay.

- Thế ông thì ông không nghĩ thế nào ? - Tôi hỏi lại.

- Liệu ông có chọi nổi Phrithêvích không ?

- Với Phiôđôrô Phiôđôrovích⁴¹ ấy a ? Sao lại không?

Tướng tá của các anh, ta đều đánh cho tơi bời ra cả; mà những tướng tá ấy thì đã từng đánh bại quân Phổ. Cho đến nay thì quân của ta lâm trận đều thắng lợi cả. Ít lâu nữa, ta sẽ tiến đánh Mátxcơva cho mà xem.

- Ông định tiến đánh Mátxcơva thật ư ?

Pugatsốp suy nghĩ một lát và đáp khê :

- Có trời biết trước. Đường ta đi thì chật hẹp; chỉ ta thì nông cạn. Bọn quân lính ta thì rất ranh ma. Chúng là đồ trộm cướp mà lại. Ta phải luôn luôn đề phòng; hễ bại trận một cái là chúng lấy đầu ta để chuộc lấy mạng ngay.

Tôi nói với Pugatsốp :

- Thật đấy ! Ông nên tự mình bỏ họ trước, khi hãy còn chưa muộn, và đến xin nữ hoàng ân xá cho, thế có phải hơn không ?

Pugatsốp cười chua chát, đáp :

- Không được, muộn rồi. Ta thì họ không tha đâu. Ta đã khởi đầu như thế nào, thì cũng sẽ cứ tiếp tục như thế cho đến cùng. Biết đâu rồi chẳng thành công! Kìa như Grisa Ôtôrêpiép chả lên ngôi ở Mátxcơva là gì?

- Thế ông có biết Ôtôrêpiép cuối cùng ra sao không ? Họ vứt hắn qua cửa sổ, chém nát như ra, rồi đem đốt lấy tro nhồi vào súng bắn.

Pugatsốp cất giọng trầm trầm bảo tôi, trong tiếng nói có một phong vị gì say sưa mà huyền bí !

- Anh nghe đây, ta kể lại cho anh một câu chuyện

cổ tích mà hồi bé có một bà già người Kan-mức đã kể cho ta nghe. Có lần đại bàng hỏi quạ : này quạ, mày thử nói ta nghe tại sao mày sống được ở thế gian này những ba trăm năm, còn ta thì cả thấy chỉ được ba mươi ba năm ? Quạ đáp : - Là vì mày uống máu tươi, còn ta thì ăn thịt chết. Đại bàng nghĩ : ta thử ăn như nó xem sao. Tốt lắm. Thế là đại bàng với quạ bay đi. Hai con chim thấy một con ngựa chết. Chúng sà xuống và đồ trên xác ngựa. Con quạ bắt đầu rửa ăn và khen lầy khen để. Đại bàng mổ một miếng, mổ miếng nữa, phẩy cánh một cái và nói với quạ : chịu thôi, quạ ạ, ba trăm năm sống bằng thịt rửa không bằng một lần được uống máu tươi; rồi sống được đến đâu thì sống! - Anh thấy câu chuyện cổ tích Kan-mức ấy thế nào ?

Tôi đáp :

- Cũng khéo nghĩ đấy ! Nhưng theo tôi thì sống bằng nghề giết người cướp của mới chính là ăn thịt xác chết.

Pugatsốp kinh ngạc nhìn tôi và lặng thinh. Cả hai chúng tôi đều yên lặng, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng. Người Tác-ta đánh xe cật giọng lê thê hát một bài buồn bã; Xavêlich lắc lư ngủ gật trên ghế xà ích. Chiếc ki-bít-ca lướt nhanh trên con đường tuyết trơn bằng phẳng... Bỗng tôi thấy một khóm làng nhỏ trên bờ sông Iaích dốc đứng, có hàng rào gỗ và tháp chuông, và mười phút sau chúng tôi đi vào đồn Bêlôgorxơ.

CHƯƠNG XII

NGƯỜI CON GÁI MỒ CÔI

Như cây táo nhỏ nhà tôi
Trọc trơ không ngọn, không chồi, không hoa
Thì cô quận chúa nhà ta
Cô đơn không mẹ, không cha, một mình
Không người mặc áo cho xinh
Không người khăn nguyện phước lành cho cô.

Bài hát đám cưới¹²

Chiếc Ki-bít-ca đỗ trước thềm nhà đồn trưởng, dân chúng nhận ra tiếng nhạc ngựa của Pugatsốp liền lũ lượt chạy theo. Svabrin ra đón ở ngoài thềm. Hắn ăn mặc theo kiểu Cô-dắc và để râu. Tên phản bội đỡ chủ tướng xuống xe, khúm núm tỏ vẻ vui mừng và kính cẩn. Trông thấy tôi, hắn ngẩn người ra một lúc, nhưng lại trấn tĩnh được ngay :

- Anh cũng nhập bọn ta rồi à ? Lẽ ra phải lâu rồi mới đúng !

Tôi quay mặt đi không đáp.

Lòng tôi se lại khi chúng tôi bước vào căn phòng đã từ lâu quen thuộc, trên tường vẫn còn treo cái bằng khen của viên đại úy đã quá cố, như một tấm mộ chí rầu rĩ của thời êm đẹp đã qua. Pugatsốp ngồi lên chiếc

trường kỷ mà ngày xưa Ivan Kudomích thường ngồi ngủ gật, trong khi vợ ông thao thao nói những chuyện trên trời dưới đất. Svabrin thân đem rượu ra rót mời chủ tướng. Pugatsốp uống một cốc, rồi chỉ tôi, bảo hấn :

- Rót cho quan ngài đây uống mấy.

Svabrin bưng khay lại phía tôi, nhưng tôi ngoảnh mặt đi. Hấn có vẻ rất bối rối. Với cái trí xét đoán rất nhanh của hấn. Svabrin chắc đã đoán ra rằng Pugatsốp có điều không bằng lòng hấn. Hấn có vẻ sợ hãi trước mặt Pugatsốp và thỉnh thoảng đưa mắt nhìn tôi có vẻ nghi ngại. Pugatsốp hỏi thăm tình hình trong đồn, những tin đồn đại về quân địch vân vân, và đột ngột hỏi Svabrin :

- Này, anh hãy nói ta nghe, hiện nay anh giam giữ người con gái nào ở trong nhà ? Đưa ra đây cho ta xem nào.

Svabrin tái mặt xám lại như người chết rồi. Hấn run run nói :

- Thưa ngài... Thưa ngài không phải giam đâu ạ... cô ấy ốm... cô ấy đang nằm trên phòng chính ấy.

Pugatsốp đứng dậy nói :

- Anh dẫn ta lên.

Không có cách gì thoái thác được nữa. Svabrin dẫn Pugatsốp lên buồng Maria Ivanốpna. Tôi liền theo sau.

Svabrin dừng lại giữa cầu thang.

- Thưa ngài ! Hấn nói. - Ngài có lòng bắt tôi làm gì

tôi cũng xin chịu; nhưng xin ngài đừng cho người lạ vào phòng ngủ của vợ tôi.

Tôi giết mình.

- Mày cưới rồi à ? - Tôi hỏi Svabrin, bây giờ tôi chỉ chực phanhtây hấn ra.

Pugatsóp ngắt lời tôi :

- Im ngay ! Đó là việc của ta. Còn anh, - Pugatsóp quay sang Svabrin nói tiếp, - còn anh thì đừng có lấu lăm bộ; vợ anh hay không phải vợ anh cũng mặc, ta muốn dẫn ai vào ta cứ dẫn. Thưa quan nhân, xin ngài theo tôi.

Đến cửa buồng Svabrin lại dừng lại và nói, giọng dứt quăng :

- Xin thưa trước với ngài rằng cô ta đang sốt nặng và đã ba ngày nay luôn mồm mê sảng .

- Mở ra ! – Pugatsóp nói.

Svabrin bắt đầu lục tìm trong các túi áo túi quần của hấn và nói rằng quên cầm chìa khoá. Pugatsóp liền lấy chân đạp vào cánh cửa; ổ khoá bật tung ra; cánh cửa mở, và chúng tôi bước vào.

Tôi nhìn vào phía trong và lặng người đi. Maria Ivanópna, mặt xanh xao và hốc hác, tóc bỏ xoã, mình mặc một bộ áo nông dân rách tả tơi, đang ngồi ở giữa sàn. Trước mặt nàng có một hũ nước, trên miệng hũ có đặt một mẩu bánh mì. Trông thấy tôi, nàng giật nảy mình kêu lên một tiếng. Lúc ấy tôi ra sao – nay

tôi không còn nhớ nữa.

Pugatsóp nhìn Svabrin và cười chua chát :

- Chà, nhà thương của anh tươm tất nhỉ !

Rồi lão tiên lại gần Maria Ivanópna hỏi :

- Nay cô bé, cô nói cho ta nghe, cô có tội tình gì mà chồng cô lại phạt cô như vậy ?

- Chồng tôi à ! – Nàng nói. – Hắn không phải là chồng tôi. Tôi sẽ không đời nào làm vợ hắn ! Thà tôi chết còn hơn, mà nếu không ai cứu tôi ra, thì tôi cũng chỉ có một chết mà thôi.

Pugatsóp đưa mắt dữ tợn nhìn Svabrin :

- Thế mà mày định lừa dối ta ! Mày có biết mày đáng tội gì không, tên súc sinh !

Svabrin quỳ sụp xuống... Giờ phút này lòng khinh bỉ đã át hết cả nỗi oán thù và căm giận trong lòng tôi. Tôi ghê tởm nhìn cái tên quý tộc đang quỳ lạy một tên Cô-dắc đào ngũ. Pugatsóp ngouï giận, bảo Svabrin:

- Lần này ta tha cho anh; nhưng anh phải nhớ là hễ lần sau còn làm xằng thì ta xử luôn cả tội này nữa nghe không.

Rồi Pugatsóp quay sang Maria Ivanópna nói :

- Đi ra đi, cô bé xinh đẹp kia; ta cho cô được tự do. Ta là đức vua đây .

Maria Ivanópna đưa mắt nhìn Pugatsóp rất nhanh và đoán rằng trước mặt nàng là kẻ đã giết cha mẹ nàng. Nàng đưa hai tay lên bụng lấy mặt và ngẩng ra

bất tỉnh. Tôi chồm lại, nhưng vừa lúc ấy, Palasca ở đâu đã mạnh dạn len vào phòng và bắt đầu đến chăm sóc cho cô chủ. Pugatsốp ra khỏi buồng, và cả ba chúng tôi đi xuống phòng khách.

Pugatsốp cười lớn mà rằng :

- Thế nào, quan ngài ? Thế là cứu được người đẹp rồi đấy ! Quan ngài nghĩ sao, cho mời lão cố đạo đến làm lễ cưới cho cháu gái lão thôi chứ ? Ta sẽ làm cha chủ hôn, còn Svabrin làm phù rể; ta sẽ đánh chén một bữa no say, xong rồi khoá cổng lại !

Điều mà tôi hằng lo sợ đã xảy ra. Svabrin, nghe Pugatsốp nói, liền nổi xung lên, hấn vội nói :

- Thưa ngài ! Tôi xin thú tội, tôi đã giấu ngài, nhưng cả tên Grinhốp này cũng lừa dối ngài. Người con gái ấy không phải là cháu ông cố đạo ở đây : nó là con tên Ivan Kudomích Mirônốp đã bị treo cổ khi đánh chiếm đồn này.

Pugatsốp đưa đôi mắt nảy lửa nhìn tôi. Hấn phân vân hỏi :

- Lại cái gì nữa thế hả ?

- Svabrin nói đúng, - tôi rần rôi đáp.

- Thế mà người không nói với ta ! - Pugatsốp nói, mặt hấn sa sầm lại.

- Ông nghĩ mà xem, - tôi đáp, - có thể nào ở trước mặt bộ hạ của ông mà lại nói rằng con gái của Mirônốp hãy còn sống không ? Họ xé xác ra ấy chứ. Lúc đó không gì có thể cứu cô ấy thoát được !

Pugatsóp cười xoa :

- Mà đúng thật. Bọn say rượu nhà ta không tha cho cô bé tội nghiệp ấy đâu. Bà cố đạo lừa chúng thế là phải.

Tôi thấy Pugatsóp đang vui, liền nói tiếp :

- Ông nghe tôi. Gọi ông là gì thì tôi không biết, mà cũng không muốn biết... Nhưng có trời chứng giám rằng tôi sẵn sàng đem cả cuộc đời tôi đền bù những việc mà ông đã làm cho tôi. Chỉ xin ông đừng bắt tôi phải làm những việc trái với danh dự và lương tâm tôi. Ông là ân nhân của tôi. Ông đã thương tôi thì thương cho trót : ông thả tôi với người con gái mồ côi đáng thương ấy ra, cho chúng tôi được đi theo đường Chúa đã định. Còn chúng tôi, thì dù ông là ai và dù sau này ông có ra sao đi nữa chúng tôi cũng sẽ hàng ngày cầu nguyện Chúa cứu vớt lấy linh hồn tội lỗi của ông...

Hình như tâm hồn hung dữ của Pugatsóp đã xúc động. Hắn nói :

- Thôi ta chiều ý anh ! Đã giết là giết, đã tha là tha, lệ của ta là như thế đấy. Anh đem người đẹp của anh đi đâu thì đi, và cầu Chúa hãy thương yêu và dìu dắt vợ chồng anh !

Nói đoạn Pugatsóp quay sang Svabrin và ra lệnh cấp cho tôi một tờ giấy thông hành để đi qua tất cả những đồn ải dưới quyền hắn. Svabrin choáng váng đứng ngẩn người ra. Pugatsóp ra xem xét đồn lũy.

Svabrin liền đi theo; còn tôi thì đứng lại, lấy cớ là chuẩn bị lên đường. Tôi chạy lên phòng Maria Ivanópna. Cửa buồng đóng kín. Tôi gõ cửa.

- Ai đấy ? – Có tiếng Palasca hỏi.

Tôi xưng tên. Từ sau cánh cửa vọng ra tiếng nói dịu dàng của Maria Ivanópna :

- Anh đợi một chút, anh Piôt Andrêêvích nhé. Em đang thay áo. Anh sang nhà bà Akulina Pamphilópna đi, rồi em sang ngay.

Tôi vâng lời đi sang nhà cha Ghêraxim. Cả hai vợ chồng ông cố đạo chạy ra đón tôi. Xavêlich đã nói cho họ biết trước.

- Chào cậu Piôt Andrêêvích, - bà cố đạo nói, - thế là Chúa lại cho chúng ta gặp nhau. Cậu mấy lâu nay ra sao ? Chúng tôi ngày nào cũng nhắc đến cậu. Tội nghiệp, Maria Ivanópna vắng cậu phải chịu bao khổ cực, thương cô bé quá. Nay cậu, làm sao mà cậu với Pugatsóp lại ăn ý với nhau thế ? Làm thế nào mà hấn lại không giết cậu hả ? May quá, thôi cũng cảm ơn hấn !

Cha Ghêraxim ngắt lời vợ :

- Thôi đi bà già... Chỉ được cái mồm xoen xoét bạ gì cũng nói. Ngôn đa trí thiếu, một lời nói một gói tội. Cậu Piôt Andrêêvích ! Mời cậu vào nhà. Lâu lắm mới gặp lại cậu.

Bà cố đạo đi lục lọi thức ăn dọn ra thết tôi, đồng

thời môm vẫn nói huyền thuyên. Bà kể cho tôi nghe chuyện Svabrin bắt hai ông bà đưa Maria Ivanópna cho hắn : Maria Ivanópna khóc và không chịu đi như thế nào, rồi Palasca giúp cô ấy liên lạc với hai ông bà ra sao (Palasca thật là một cô gái can đảm tháo vát, cả đến viên đội Cô-dắc chị ta cũng bắt phải nhảy múa theo tiếng sáo của chị); rồi đến chuyện chị ta khuyên Maria Ivanópna viết thư cho tôi vân vân... Đến lượt tôi kể lại cho họ nghe vắn tắt chuyện. Hai ông bà làm dấu thánh lia lịa khi nghe nói Pugatsóp đã biết là họ lừa hắn. Bà Akulina Pamphinópna nói :

- Trăm lạy cây thánh giá phù hộ cho chúng tôi tai qua nạn khỏi. Chà cái thằng Svabrin ! Người đâu lại có người tệ đến thế !

Ngay lúc ấy mở, và Maria Ivanópna bước vào, một nụ cười thoáng trên gương mặt tái xanh; nàng đã cởi bỏ bộ áo nông dân và trở lại ăn mặc như xưa, giản dị và xinh xắn.

Tôi cầm tay nàng và hồi lâu không nói lấy được một lời. Cả hai chúng tôi đều im lặng, vì lòng tràn ngập quá nhiều cảm xúc. Hai ông bà chủ nhà cảm thấy rằng chúng tôi bây giờ chẳng còn bụng dạ nào mà tiếp chuyện họ, nên bỏ chúng tôi đấy mà đi ra. Tôi đứng lại một mình với nàng. Chúng tôi quên hết mọi vật ở chung quanh. Chúng tôi nói chuyện hồi lâu mà không sao nói cho hết những điều bấy lâu chất chứa trong lòng. Maria Ivanópna kể cho tôi nghe tất cả những

sự việc đã xảy ra với nàng từ khi đồn bị chiếm. Nàng mô tả cho tôi thấy tất cả cái tình cảnh khủng khiếp của nàng, tất cả những nỗi khổ cực mà tên Svabrin đè mạt kia đã bắt nàng phải chịu. Chúng tôi cũng nhớ lại những ngày êm đẹp trước kia... Cả hai chúng tôi cùng khóc... Cuối cùng tôi bày tỏ cho nàng rõ những dự định của tôi. Để nàng ở lại trong một cái đồn đang ở dưới quyền Pugatsóp và do Svabrin cai quản thì không thể được. Mà cũng không thể nghĩ đến chuyện đi Ôrenburg. Thành này bây giờ đang trải qua tất cả những cảnh thảm khốc của một thành phố bị bao vây. Trên thế gian này nàng không còn lấy một người thân thuộc. Tôi bàn với nàng là đưa nàng về quê ở với cha mẹ tôi. Lúc đầu, nàng còn lưỡng lự : tôi biết rằng cha tôi sẵn không ưa gì nàng, nàng rất sợ hãi. Tôi an ủi cho nàng yên tâm. Tôi biết rằng cha tôi sẽ lấy làm sung sướng được đón tiếp người con gái của một chiến sĩ có công đã chết vì Tổ quốc, và hơn nữa sẽ thấy đó là một nhiệm vụ của mình. Cuối cùng tôi nói :

- Maria Ivanópna ! Anh coi em như đã là vợ anh. Những sự việc kỳ lạ đã vĩnh viễn gắn bó chúng ta lại với nhau, không còn có gì ở trên đời này có thể chia lìa chúng ta được nữa.

Maria Ivanópna yên lặng nghe tôi nói, vẻ hồn nhiên giản dị không có chút gì e thẹn kiêu cách, không đáp lại bằng những câu cầu kỳ. Nàng cảm thấy số phận của nàng đã gắn bó với số phận tôi. Nhưng nàng cũng

nói rằng chỉ khi nào cha mẹ tôi ưng thuận, nàng mới có thể là vợ tôi được. Tôi không cãi lại. Chúng tôi hôn nhau, nồng thắm, chân thành – và thế là mọi việc giữa hai chúng tôi đều đã giải quyết xong xuôi.

Một giờ sau viên đội Cô-dắc đem đến cho tôi một tờ giấy thông hành có mấy cái dấu ngoằn ngoèo của Pugatsốp thay chữ ký, và bảo tôi là Pugatsốp cho gọi tôi lại. Tôi đến thì thấy Pugatsốp đang sẵn sàng lên đường. Tôi không sao phân tích nổi những cảm xúc của tôi khi chia tay với con người đáng sợ này, một tên cướp, một quái vật đối với mọi người, trừ một mình tôi. Việc gì không nói thật ? Lúc ấy lòng tôi sao quặn luyến con người ấy một cách sâu sắc lạ thường. Tôi thiết tha muốn lôi Pugatsốp ra khỏi đám trộm cướp mà hấn cầm đầu, và cố cứu lấy tính mạng hấn trong khi hầy còn chưa muộn. Nhưng vì lúc ấy Svabrin và đám dân chúng đang xúm quanh chúng tôi, nên tôi không thể nói hết những điều đang tràn ngập lòng tôi.

Chúng tôi chia tay nhau như hai người bạn. Pugatsốp trông thấy bà Akulina Pamphinópna đứng trong đám đông, giơ ngón tay lên dọa và nháy mắt một cách hóm hỉnh; xong hấn ngồi lên xe ki-bít-ca, ra lệnh đi về Bêrđa. Khi ngựa bắt đầu chạy Pugatsốp lại ló đầu ra cửa xe và nói to :

- Thôi, từ biệt quan nhân nhé ! Có lẽ chúng ta còn có lúc gặp nhau lại.

Quả nhiên về sau chúng tôi có gặp lại nhau, nhưng

trong một trường hợp thật là bi đát !...

Pugatsóp đã đi khuất. Tôi nhìn hồi lâu cánh thảo nguyên trắng xoá còn in vết xe ki-bít-ca. Dân chúng giải tán ra về, Svabrin lánh mặt đi đâu mất. Tôi trở về nhà ông cố đạo. Mọi thứ đều đã được sắp đặt sẵn sàng cho chúng tôi lên đường; tôi không muốn trừu thêm nữa. Cửa cái của chúng tôi đều xếp lên chiếc xe ngựa cũ kỹ của ông đại úy. Những người xà ích thoát một cái đã thắng xong yên ngựa. Maria Ivanópna ra từ biệt nơi cha mẹ nàng yên nghỉ : mộ hai vợ chồng ông đại úy chôn ở phía sau nhà thờ. Tôi muốn đưa nàng ra đó, nhưng nàng xin tôi để nàng đi một mình. Mấy phút sau nàng quay lại, nước mắt lã lã chảy quanh. Xe đã đánh lại. Cha Ghêraxim và bà Akilina Pamphinópna đứng ở thềm tiễn chúng tôi. Maria Ivanópna, Palasca và tôi ngồi lên xe, bác Xavêlich thì ngồi ở ghế xà ích. Bà cố đạo nói :

- Thôi từ biệt Maria Ivanópna, con bồ câu nhỏ, con đi nhé ! Từ biệt cậu Piốt Andrêévích, con phượng hoàng của chúng tôi ! Lên đường mạnh khoẻ nhé và cầu Chúa ban hạnh phúc cho cả hai người !

Chúng tôi lên đường, xe đi ngang nhà ông đồn trưởng; tôi thấy Svabrin đứng ở cửa sổ. Mặt hần lộ vẻ hằn học hết sức. Tôi không muốn tỏ ra đắc chí trước một kẻ thù đã bị bại, bèn quay mặt sang phía khác. Cuối cùng chúng tôi đi qua cổng đồn và vĩnh viễn rời bỏ Bêlôgôrxcơ.

CHƯƠNG XIII

BỊ BẮT

Cũng là cái việc người sai
Tôi phải đưa ngài ngay đến nhà giam.
- Can chi, tôi đã sẵn sàng
Nhưng mong bày tỏ nỗi oan việc này.

*Knhiagionhin*⁴³

Được đoàn tụ một cách bất ngờ như vậy với người con gái mà mới sáng nay tôi còn lo là sẽ không bao giờ gặp lại, tôi không tin ở cảm giác của tôi nữa và tưởng tượng rằng tất cả những việc đã xảy ra ở đây chỉ là một giấc mơ huyền ảo. Maria Ivanópna đáng tư lự, khi thì nhìn tôi, khi thì nhìn ra đường, nàng có vẻ như chưa kịp hoàn hồn lại. Chúng tôi yên lặng. Tâm hồn chúng tôi đã mệt mỏi quá sức. Thấm thoát chúng tôi đã đi được hai tiếng đồng hồ, và xe ghé vào một cái đồn thuộc quyền Pugatsóp để đổi ngựa. Họ thắng ngựa lại rất nhanh, và cái lão Cô-dắc râu ria xồm xoàm mà Pugatsóp phong làm đồn trưởng ở đây tỏ vẻ ân cần vồn vã rất mực, cứ xem đây tôi cũng rõ là nhờ cái mồm lém lỉnh của người xà ích đánh xe cho chúng tôi, họ đã tiếp đón tôi như một người rất thân cận với Pugatsóp.

Xe lại lên đường. Trời bắt đầu xẩm tối. Chúng tôi đang đi gần đến một thị trấn nhỏ. Theo lời viên đội trưởng râu ria nọ thì ở đây có một đội quân rất mạnh đang kéo đến sáp nhập với quân của Pugatsóp. Chúng tôi bị quân canh chặn lại. Khi họ hỏi : ai ? - Người đánh xe lớn tiếng trả lời :

- Bạn đỡ đầu của đức vua cùng đi với vợ của ông ta!

Bỗng nhiên một toán lính khinh kỵ binh vây lấy chúng tôi, chửi bới loạn xạ. Một viên đội trưởng có bộ ria mép dài nói với tôi :

- Ra ngay, này thì bạn đỡ đầu của quý sứ. Rồi cả mày lẫn con vợ mày sẽ được một châu !

Tôi bước ra khỏi xe và đòi họ dẫn tôi vào gặp sĩ quan chỉ huy của họ. Trông thấy bộ quân phục sĩ quan, toán lính lập tức thôi chửi.

Viên đội trưởng kỵ binh dẫn tôi vào gặp thiếu tá. Xavêlich leo đéo đi sau lưng tôi, mồm làu nhàu :

- Đấy bạn đỡ đầu của đức vua mãi nữa đi ! Thật là tránh lửa than lại gặp lửa ngọn... Lay chúa ! Không biết rồi rốt cục sẽ ra sao nữa đây ?

Chiếc ki-bít-ca đi chậm chậm theo sau chúng tôi.

Năm phút sau chúng tôi đến một ngôi nhà nhỏ thấp đèn sáng trưng. Viên đội trưởng để tôi đứng với toán lính canh và vào nhà báo cáo. Chỉ thoáng một cái y lại quay ra, báo tôi rằng đại quan nhân không có thì giờ tiếp tôi, ra lệnh dẫn tôi vào nhà giam, còn người

đàn bà thì dẫn vào cho đại quan nhân.

Tôi lộn ruột lên quát :

- Như thế là nghĩa lý gì ! Đại quan nhân nhà anh điên rồi sao ?

Người đội trưởng đáp :

- Thưa, tôi không biết ạ. Thưa quan nhân, tôi chỉ biết rằng đại quan nhân ra lệnh bắt quan nhân vào nhà giam, còn quan nhân phu nhân thì dẫn vào cho đại quan nhân thôi, quan nhân ạ !

Tôi lao người lên thêm. Quân canh chưa kịp chặn lấy tôi thì tôi đã đi thẳng vào phòng. Sáu sĩ quan khinh kỵ đang đánh bài. Người cầm cái là một viên thiếu tá. Tôi vô cùng kinh ngạc khi thấy viên thiếu tá này chẳng phải ai xa lạ, mà chính là Ivan Ivanovich Durin, người xưa kia đã đánh bi-a với tôi trong quán rượu ở Ximbiécxơ. Tôi kêu lên :

- Có thể thế được chăng ? Ivan Ivanovich Durin ! Anh đây à ?

- A, chà, chà, chà, Piôt Andrêevich ! Số phận nào run rủi thế ? Ở đâu đến ? Hay quá. Đánh ván bài chơi nhé ?

- Xin cảm ơn. Tốt hơn là xin cất cho tôi một gian nhà.

- Cần gì nhà ? Ở lại nhà tôi cũng được.

- Không được : tôi không phải chỉ có một mình.

- Ở, thế còn cậu bạn nữa cũng dẫn nốt vào đây.

- Không phải là bạn; tôi... đi với một người phụ nữ.

- Một người phụ nữ ! Cậu này vợ được ở đâu thế ?

Chà anh chàng này ! (Nói đoạn Durin huýt một cái, có vẻ tinh quái đến nỗi mọi người đều cười rộ lên, còn tôi thì hoàn toàn rối trí).

Durin nói tiếp :

- Thôi thế cũng được. Sẽ có phòng cho cậu. Nhưng cũng tiếc... nếu không chúng ta đã có thể đánh chén với nhau như ngày xưa rồi... Này, anh kia ! Sao mãi không dẫn cô bạn đỡ đầu của Pugatsốp vào đây hả ? Hay con bé không chịu ? Nói với con bé là đừng sợ : quan nhân đây rất tốt, rất hiền lành, không việc gì đâu; bảo không nghe cú lòi tuột nó vào.

Tôi liền bảo Durin :

- Anh làm gì vậy ? Bạn đỡ đầu nào của Pugatsốp ? Đó là con gái của đại úy Mirônốp quá cố. Tôi đã cứu thoát được cô ta và bây giờ đang đưa cô về làng ở với cha mẹ tôi đây chứ.

- Thế nào ? Thế vừa rồi nó vào báo cáo là báo cáo về anh đấy ư ? Thế là cái quái gì ?

- Rồi tôi sẽ kể đầu đuôi cho anh nghe. Còn bây giờ thì anh hãy mau mau ra cho người con gái tội nghiệp ấy yên lòng đi – lính của anh làm cho cô ấy chẳng còn hồn vía nào nữa đấy.

Durin lập tức ra lệnh cho quân lính. Anh ta tự mình ra xin lỗi Maria Ivanópna về việc đã vô tình hiểu lầm, và ra lệnh cho viên đội trưởng dọn cho nàng căn nhà đẹp nhất trong thị trấn. Tôi ở lại ngủ với Durin.

Chúng tôi cùng ăn bữa khuya, ăn xong, khi mọi người

đều đã ra về, chỉ còn hai người ngồi với nhau, tôi kể cho Durin nghe những chuyện phiêu lưu của tôi. Durin nghe tôi rất chăm chú. Khi tôi kể xong, anh ta lắc đầu nói :

- Cậu ạ, tất cả những việc đó đều tốt cả; chỉ có một việc không tốt, là tại sao cậu lại cưới vợ làm quái gì thế ? Tôi là một sĩ quan có lương tâm, tôi không đời nào lại đi lừa cậu, cậu hãy tin tôi : lấy vợ là một việc rất điên rồ. Cậu hơi đầu mà suốt ngày quanh quẩn với vợ con ? Tôi thì tôi thềm vào ? Cậu nghe tôi : hãy buông cô con gái của ông đại úy ra. Đường đi Ximbiécxơ tôi đã quét sạch, bây giờ rất an toàn. Ngay từ ngày mai cậu cho cô ấy về nhà ông cụ bà cụ một mình; còn cậu thì ở lại tiểu đoàn tôi. Trở về Ôrenburg thì chẳng trở về làm gì nữa. Rồi lại rơi vào tay bọn phiến loạn lần nữa thì khó lòng mà thoát. Như vậy cơn yêu đương ngu ngốc kia sẽ qua và mọi việc sẽ êm đẹp cả.

Tuy tôi không hoàn toàn đồng ý với Durin, nhưng tôi cảm thấy rằng nhiệm vụ và danh dự bắt tôi phải có mặt trong quân đội của nữ hoàng. Tôi quyết định làm theo lời khuyên của Durin: cho Maria Ivanốpna về quê, còn tôi thì ở lại đơn vị của Durin.

Xavêlich vào cởi áo cho tôi; tôi bảo bác sửa soạn đến hôm sau lên đường với Maria Ivanốpna. Bác ta toan một mực từ chối.

- Cậu nói gì lạ thế ? Làm sao tôi lại rời cậu được ?

Ai sẽ theo hầu hạ cậu ? Hai cụ nhà sẽ nói ra sao ?

Biết rõ tính gan lì của người lão bộc, tôi bèn lựa lời chân thành và dịu ngọt cố sức thuyết phục bác.

Tôi nói :

- Bác Xavêlich ơi, bác đừng từ chối, bác hãy làm ơn cho tôi ? Ở đây thì tôi không cần người hầu hạ nữa, còn nếu Maria Ivanốpna mà đi đường một mình không có bác, thì tôi không sao yên tâm được. Bác hầu hạ cô ấy tức cũng như hầu hạ tôi rồi, vì tôi đã nhất quyết hể hoàn cảnh cho phép là cưới Maria Ivanốpna làm vợ.

Nghe nói, Xavêlich vỗ tay đánh đét một cái, vẻ kinh ngạc đến cực độ. Bác nói :

- Cưới vợ ! Cậu bé muốn lấy vợ ư ! Rồi cụ ông, cụ bà sẽ nghĩ ra sao đây ?

- Thầy mẹ tôi thế nào cũng bằng lòng khi đã biết cô Maria Ivanốpna. Tôi cũng hy vọng ở bác nữa. Thầy mẹ tôi rất tin bác : bác sẽ làm người nói lót cho chúng tôi có được không ?

Người lão bộc cảm động.

- Ôi, cậu Piôt Andrêevích của lão ! Tuy cậu nghĩ đến chuyện vợ con cũng hơi sớm, nhưng Maria Ivanốpna quả là một người con gái rất tốt, không lấy cũng tiếc đứt ruột. Thôi thì thế cũng được ! Tôi sẽ xin đưa cô thiên thần của Chúa ấy về nhà, và sẽ xin cung kính thưa lại với thầy mẹ cậu rằng một nàng dâu như thế thì chả cần của hồi môn làm gì.

Tôi cảm ơn Xavêlich và đi ngủ cùng một phòng với Durin.

Tinh thần bị kích động quá mạnh, tôi nói chuyện rất hăng. Durin lúc đầu tiếp chuyện với tôi rất vui vẻ; nhưng được ít lâu lời lẽ của anh ta dần dần thưa thớt và bớt mạch lạc; cuối cùng tôi hỏi một câu thì chỉ nghe tiếng ngáy khò khò và tiếng thở huyết lên như còi đáp lại. Tôi bèn thôi nói và noi gương Durin.

Sáng hôm sau tôi đến gặp Maria Ivanópna, nói rõ cho nàng biết những ý định của tôi. Nàng thấy như vậy là rất phải và đồng tình với tôi ngay. Tiểu đoàn của Durin sẽ xuất phát ngay hôm ấy. Không còn trù trừ làm gì nữa, tôi liền chia tay Maria Ivanópna, ủy thác cho Xavêlich trông nom nàng và trao cho nàng một bức thư gửi về cha mẹ tôi. Maria Ivanópna khóc, thủ thỉ nói với tôi :

- Thôi từ biệt anh, Piôt Andrêêvích nhé. Chúng mình còn được gặp nhau lại hay không chỉ có mình Chúa biết; nhưng suốt đời em sẽ không quên anh; cho đến khi xuống mộ trong tim em cũng chỉ có một mình anh.

Tôi không biết trả lời ra sao. Chung quanh chúng tôi đông người quá. Trước mặt họ tôi không muốn thổ lộ những cảm xúc đang tràn ngập lòng tôi. Cuối cùng nàng đi. Tôi trở về với Durin, buồn rầu và im lặng. Durin muốn làm tôi vui; tôi cũng cố tìm cách khuấy khoả; suốt ngày chúng tôi đùa nghịch thật ồn ào, rồi

đến tối thì cùng tiểu đoàn xuất phát.

Hồi ấy là vào cuối tháng Hai. Mùa đông cản trở những cuộc hành quân trong mấy tháng trước, bây giờ đã sắp trôi qua, và các tướng tá đã bắt đầu chuẩn bị phối hợp tác chiến. Pugatsốp vẫn vây hãm thành Ôrenburg. Trong khi đó chung quanh Pugatsốp các đội quân đã tập hợp lại và từ bốn phía tiến dần đến sào huyệt quân phiến loạn. Các làng mạc theo giặc khi thấy quan quân kéo đến đều lần lượt chịu khuất phục; ở khắp nơi các toán cướp gặp chúng tôi đều bỏ chạy, và mọi việc đều báo hiệu một sự kết thúc mau chóng và tốt lành.

Được ít lâu công tước Gôlitxun⁴⁴ đánh tan quân Pugatsốp gần thành Tatisêva, giải vây Ôrenburg và hình như đã giáng cho quân phiến loạn một đòn quyết liệt, đòn cuối cùng. Trong khi đó Durin được phái đi đánh một đội phiến loạn Baskiơ. Bọn này chưa gặp chúng tôi đã chạy toán loạn. Mùa xuân hãm chúng tôi lại trong một làng Tác-ta. Các sông ngòi đều ngập nước lũ, và các đường sá không thể nào qua lại được. Trong cảnh vô công rồi nghề buồn tẻ, chúng tôi chỉ còn biết tự an ủi bằng cách nghĩ rằng cuộc đánh đấm vật vãnh với lũ cướp và những người mọi rợ này chẳng còn bao lâu nữa sẽ chấm dứt.

Nhưng Pugatsốp vẫn chưa bị bắt. Hắn xuất hiện ở các xưởng máy Xibiri, chiêu nạp những toán quân mới và lại bắt đầu cướp phá. Tiếng đồn về những thắng

lợi của hắn lại bắt đầu truyền đi khắp nơi. Chúng tôi được tin nhiều đồn lũy ở Xibiri bị san phẳng – ít lâu sau tin Pugatsốp chiếm thành Ca-dan và tiến quân về Mátxcơva làm cho các tướng tá hoảng sợ – lúc bấy giờ họ đang ngủ gà ngủ gật, hy vọng vào sự bất lực của tên phiến loạn mà họ vốn coi thường. Durin được lệnh vượt sông Vôn-ga*.

Tôi sẽ không kể lại cuộc hành quân của chúng tôi và đoạn kết thúc của chiến tranh. Chỉ xin nói vắn tắt rằng những thảm họa mà nó gây ra đã lên đến cùng cực. Chúng tôi đi ngang những làng mạc bị quân phiến loạn đốt phá tan hoang, đành lòng phải giành giật của những người dân đáng thương những gì mà họ còn cứu lại được. Khắp nơi công việc hành chính đều bị chấm dứt; các lãnh chúa phải trốn vào rừng; nơi nào cũng có những toán cướp hoạt động; một số sĩ quan chỉ huy quân đội đánh đến đâu cũng tự ý trừng phạt hay ân xá; tình cảnh của cả một vùng rộng lớn, nơi cuộc biến loạn hoành hành dữ dội, thật là kinh khủng... Mong sao đừng bao giờ phải thấy lại một cuộc biến loạn của dân Nga, điên rồ và tàn nhẫn đến cực độ.

Pugatsốp thua chạy, bị tướng Ivan Ivanôvích Mikhenxôn⁴⁵ rượt đuổi. Ít lâu sau chúng tôi được tin

* Tiếp vào đoạn này là “Chương bỏ qua” do Puskin cắt bỏ và chỉ được lưu lại ở bản thảo viết nháp.

quân phiến loạn bị tiêu diệt hoàn toàn. Cuối cùng Durin nhận được thông báo là Pugatsóp đã bị bắt và đồng thời cũng nhận được lệnh dừng quân. Chiến tranh đã chấm dứt. Thế là tôi đã có thể trở về nhà. Nghĩ đến khi được ôm hôn thầy mẹ, gặp lại Maria Ivanópna mà mấy lâu nay tôi không hề được tin tức, tôi thật như mở cờ trong bụng. Tôi nhảy nhót như một đứa trẻ con. Durin thấy thế phá lên cười, nhún vai nói :

- Không có gì mà mừng đến thế ! Cưới vợ là hết đời!

Nhưng đồng thời một cảm xúc kỳ lạ đến làm vẩn đục niềm hân hoan của tôi. Nghĩ đến Pugatsóp, kẻ đã vấy máu biết bao nạn nhân vô tội, và nghĩ đến đoạn đầu đài đang chờ hắn, tôi bất giác thấy hoảng sợ. Tôi buồn bực nghĩ : “Pugatsóp, Pugatsóp, tại sao người lại không tìm cái chết dưới một ngọn lưỡi lê hay một tràng đạn ? Như vậy có phải hơn không !”. Biết làm sao được ? Khi nghĩ đến Pugatsóp, tôi không thể nào không nhớ rằng hắn đã tha chết cho tôi trong một giờ phút kinh hoàng nhất của đời hắn, và hắn đã cứu người yêu của tôi thoát khỏi tay tên Svabrin đốn mạt.

Durin cho tôi nghỉ phép. Chỉ mấy hôm nữa tôi sẽ lại được trở về với gia đình, thấy lại Maria Ivanópna của tôi... Bỗng nhiên một trận sấm sét bất ngờ lại nổ ra trên đầu tôi.

Hôm đó tôi đang sửa soạn lên đường về, thì đúng ngay vào lúc tôi đã sẵn sàng ra đi, Durin bước vào

nhà tôi trọ, tay cầm một mảnh giấy, gương mặt lộ vẻ băn khoăn. Có một cái gì nhói lên trong tim tôi. Tôi bỗng đứng thấy hoảng sợ, tuy không biết là sợ cái gì. Durin bảo người cần vụ của tôi ra ngoài, rồi bảo tôi là có chuyện cần nói với tôi. Tôi lo lắng hỏi:

- Cái gì thế ?

- Có chuyện hơi rầy rà một tí, - Durin đáp và đưa cho tôi mảnh giấy. - Đây cậu đọc đi, tôi vừa mới nhận được tức thì đây.

Tôi bắt đầu đọc: đó là một mật lệnh gửi tất cả các sĩ quan chỉ huy, ra lệnh phải bắt tôi dù tôi đang ở đâu, đi đâu, và lập tức cho lính giải tôi đến Cadan nộp Ủy ban điều tra vụ Pugatsốp.

Tờ giấy suýt rơi khỏi tay tôi. Durin nói:

- Không có cách gì nữa! Nhiệm vụ tôi là phải thi hành mệnh lệnh này. Có lẽ tin đồn về việc cậu đi lại với Pugatsốp không hiểu sao đã đến tai bộ chỉ huy. Tôi hy vọng rằng việc này sẽ không có hậu quả gì và cậu sẽ được thanh minh trước Ủy ban. Cậu đừng buồn gì cả, cứ đi đi.

Lương tâm tôi trong sạch: tôi không sợ toà án; nhưng nghĩ rằng phải trì hoãn phút gặp gỡ êm đẹp có lẽ đến mấy tháng, tôi thấy lòng tôi se lại. Chiếc xe ngựa nhỏ đã chờ sẵn. Durin thân ái từ biệt tôi. Người ta đưa tôi lên xe. Cùng ngồi với tôi có hai người lính khinh kỵ, gươm tuốt trần. Xe bắt đầu lăn trên con đường rộng.

CHƯƠNG XIV

RA TÒA

Miệng thế gian như làn sóng bể.

Ngạn ngữ¹⁶

Tôi tin chắc rằng cơ sự như thế này chẳng qua là vì tôi tự ý bỏ Ôrenburg mà đi. Cái đó thì tôi có thể tự thanh minh một cách dễ dàng: việc cưới ngựa xuất kích không những chưa bao giờ bị cấm đoán mà còn được khuyến khích bằng đủ mọi cách nữa là khác. Tôi có thể bị buộc tội là quá liều lĩnh, chứ không thể bị buộc tội là bất tuân thượng lệnh. Nhưng những quan hệ thân thiện giữa tôi với Pugatsốp có thể có nhiều người làm chứng xác nhận và chắc ít nhất cũng phải có vẻ rất khả nghi. Suốt trên đường đi tôi nghĩ ngợi về những cuộc tra hỏi đang chờ tôi, nghĩ sẵn cách trả lời, và quyết định khi ra trước toà sẽ nói hết sự thật. Tôi cho rằng đó là cách thanh minh đơn giản nhất, mà cũng là chắc chắn nhất.

Tôi đã đến Cadan. Thành phố vắng tanh, nhà cửa cháy trụi. Trên các phố chỉ thấy những đồng than, đây đó trôi lên những bức tường ám khói không còn cửa sổ, không còn mái. Đó là vết tích mà Pugatsốp đã

để lại! Họ dẫn tôi vào một cái đồn còn trơ lại ở giữa thành phố cháy trụi. Hai người lính khinh kỵ giao tôi cho viên sĩ quan thường trực. Viên sĩ quan liền cho gọi người thợ rèn đến, sai luồn xích vào chân tôi và tán chặt lại. Rồi họ dẫn tôi vào nhà giam và bỏ tôi lại một mình trong một thứ ổ chó tồi và chật, bốn bên là bốn bức tường trơ trụi với một khung cửa hẹp có chấn song sắt.

Những công việc khởi đầu như vậy không báo cho tôi một triệu chứng gì tốt lành cả. Nhưng tôi vẫn vững dạ, và không hề mất hy vọng. Tôi bèn nhờ đến cách an ủi của tất cả những người buồn khổ lần đầu tiên tôi đã ném cái phong vị ngọt ngào của những lời cầu nguyện toát ra từ một cõi lòng trong sạch nhưng đau khổ, và sau đó thiếp đi trong một giấc ngủ yên lành, không lo nghĩ gì đến số phận nữa.

Hôm sau người gác ngục thức tôi dậy, báo rằng Ủy ban đòi tôi vào. Hai người lính dẫn tôi đi qua một cái sân, rồi vào nhà đồn trưởng. Họ dừng lại ở phòng ngoài, để cho tôi đi một mình vào các phòng trong.

Tôi bước vào một gian phòng khá rộng. Sau một cái bàn bày đầy những giấy má có hai người ngồi: một viên tướng già, vẻ nghiêm khắc và lạnh lùng, và một viên đại úy cận vệ trẻ tuổi, trạc chừng hai mươi tám, vẻ bề ngoài rất dễ ưa, ăn nói khéo léo và hoạt bát. Bên cửa sổ, ở một bàn riêng có một người thư ký giắt một cây bút lông ngỗng trên vành tai, đang nghiêng

đầu trên tờ giấy, sẵn sàng ghi chép những lời khai của tôi. Cuộc thẩm vấn bắt đầu. Họ hỏi tên tuổi và chức vụ của tôi. Viên tướng hỏi thêm xem tôi có phải là con ông Andrây Pêtrôvich Grinhốp không. Nghe tôi trả lời là phải, ông ta nghiêm nghị nói:

- Thật tiếc rằng một người đáng kính trọng như vậy mà lại có một đứa con không xứng đáng như thế!

Tôi điềm tĩnh đáp rằng dù những lời buộc tội có ra sao chăng nữa, thì tôi cũng hy vọng rằng có thể thanh minh bằng cách thành thật trình bày hết sự thật ra. Về tự tin của tôi làm cho ông ta khó chịu. Ông ta cau mày nói:

- Anh có vẻ đáo dể lắm nhỉ, nhưng ta còn gặp những tay đáo dể hơn nhiều!

Lúc đó viên sĩ quan trẻ tuổi hỏi tôi: tôi nhập bọn với Pugatsốp từ khi nào, trong trường hợp nào, và Pugatsốp giao cho tôi những nhiệm vụ gì?

Tôi công phần trả lời: là một sĩ quan và là một người quý tộc, tôi không hề nhập bọn với Pugatsốp và không thể nhận nhiệm vụ gì của hắn giao cả.

Người hỏi cung tôi vặn lại:

- Vậy thì làm sao mà một người quý tộc và lại là một sĩ quan lại được tên phiến loạn tha chết một mình, trong khi tất cả các bạn đồng ngũ đều bị hành hình một cách tàn khốc? Làm sao cũng người sĩ quan và quý tộc ấy lại tiệc tùng vui vẻ với quân phiến loạn,

nhận quà tặng của tên đầu sỏ, gồm một áo choàng lông, một con ngựa và năm mươi cô-pếch? Vì sao có cuộc giao hảo kỳ lạ như vậy, và việc đó dựa trên cơ sở gì, nếu không phải trên sự phản bội, hay ít nhất là một sự hèn nhát tội lỗi và đê tiện?

Tôi thấy tủi nhục hết sức trước những lời lẽ của viên sĩ quan cận vệ và bắt đầu thanh minh cho mình một cách nhiệt thành. Tôi kể lại cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với Pugatsốp trên thảo nguyên hôm có trận bão tuyết; tôi kể lại trận đánh chiếm đồn Bêlôgorxcơ và trình bày việc Pugatsốp nhận ra tôi và tha chết cho tôi. Tôi nói rằng quả nhiên tôi có nhận chiếc áo tu-lúp và con ngựa của tên phiến loạn; nhưng tôi cũng đã bảo vệ đồn Bêlôgorxcơ cho đến phút cuối cùng. Sau cùng tôi viện thiếu tướng chỉ huy của tôi ra: ông ấy có thể xác nhận lòng tận tụy của tôi trong thời gian thành Ôrenburg bị vây hãm.

Viên tướng già có vẻ nghiêm khắc kia vớ lấy một bức thư đã bóc sẵn để trên bàn và bắt đầu đọc to lên:

“Nhân việc đại quan nhân có hỏi về chuẩn úy Grinhốp, mà người ta cho là có dính dấp vào vụ nổi loạn này và có những quan hệ với tên loạn tặc mà quy chế quân đội không thể dung thứ, và trái ngược với bốn phận của người đã tuyên thệ, tôi xin có lời tuyên bố rằng viên chuẩn úy Grinhốp nói trên phục vụ ở Ôrenburg từ đầu tháng Mười năm ngoái tức 1773 cho đến ngày 24 tháng Hai năm nay; đến ngày ấy viên

chuẩn uỷ bỏ ra khỏi thành phố, và từ dạo đó không thấy đến trình diện ở đại bản doanh nữa. Qua một số lính giặc chạy sang hàng có nghe nói là Grinhốp có đến thôn Pugatsốp đóng và cùng đi xe với hấn đến đồn Bêlôgorxơ là nơi trước đây viên chuẩn uỷ Grinhốp đã từng đóng; còn về hạnh kiểm của Grinhốp thì tôi có thể..." Đến đây viên tướng thôi đọc và nghiêm nghị nói với tôi:

- Bây giờ anh có thể nói gì để thanh minh nữa không?

Tôi đã định tiếp tục nói thật hết mọi việc như tôi đã bắt đầu, và trình bày cuộc tình duyên của tôi với Maria Ivanôpna một cách cũng thành thật như tất cả các sự việc khác. Nhưng tôi bỗng thấy có một cảm giác ngại ngùng không sao nén được. Tôi thoáng có ý nghĩ rằng nếu tôi nói tên nàng ra đây, thì ủy ban sẽ triệu nàng đến để đối chứng; và nghĩ đến khi tên tuổi nàng sẽ bị trộn lẫn với tên tuổi những bọn tố giác dê hèn và ngay bản thân nàng bị đưa ra đối chứng với bọn chúng, tôi thấy kinh hãi đến nỗi đâm rối trí, nói lắp bắp chả ra sao cả.

Các quan toà của tôi hình như đã bắt đầu nghe những câu trả lời của tôi với nhiều thiện cảm, nhưng nay thấy tôi có vẻ luống cuống, lại trở lại những định kiến cũ. Viên sĩ quan cận vệ đòi mang tôi ra đối chứng với tên tố giác đầu sỏ. Viên tướng ra lệnh gọi *tên giặc hôm qua*. Tôi háo hức quay ra nhìn cánh cửa, nơi kẻ

tố giác tôi sẽ xuất hiện. Vài phút sau có tiếng xiềng xích leng xeng, cửa mở và... Svabrin bước vào. Hắn thay đổi đến nỗi tôi phải kinh ngạc. Hắn gầy và xanh một cách kinh khủng. Tóc hắn trước đây đen nhánh như mun, bây giờ đã bạc trắng ra; bộ râu dài của hắn rối như tổ quạ. Hắn cất giọng yếu ớt, nhưng rần ròi nhắc lại những lời tố cáo của hắn. Theo lời hắn, tôi được Pugatsốp phái đến Ôrenburg để do thám; hàng ngày tôi cưỡi ngựa xuất kích để chuyển những thư từ cho biết tất cả những tin tức trong thành phố; cuối cùng thì tôi theo hắn Pugatsốp và cùng đi xe với hắn từ đồn này sang đồn nọ, cố dùng đủ mọi cách để hãm hại những kẻ phản bội như mình, để hồng chiếm lấy địa vị của họ và hưởng những món thưởng mà Pugatsốp ban phát cho họ. Tôi im lặng nghe hắn nói. Chỉ có một điều làm cho tôi hài lòng là tên của Maria Ivanópna không hề bị tên đồn mật ấy nhắc đến - có thể là vì lòng tự ái của hắn đau khổ khi nghĩ đến người con gái đã cự tuyệt và khinh bỉ hắn; hoặc cũng có thể trong lòng hắn cũng loé lên một tia sáng nhỏ của cái tình cảm đang khiến cho tôi im lặng - dù sao chẳng nữa, thì tên của người con gái viên đồn trưởng Bêlôgorxơ đã không bị chạm tới ở trước mặt ủy ban. Tôi càng cương quyết giữ vững ý định của tôi, và khi các quan toà hỏi: tôi có thể nói gì để cải chính những lời tố cáo của Svabrin không, thì tôi trả lời rằng tôi vẫn giữ vững những lời lẽ đã trình bày lúc đầu và không thể nói gì khác hơn để tự thanh minh nữa. Viên

tướng ra lệnh đưa Svabrin với tôi ra ngoài. Chúng tôi đi cạnh nhau. Tôi điềm tĩnh nhìn Svabrin, không nói với hắn lấy một lời. Hắn cười gằn một cách thâm hiểm, rồi nhấc xiềng lên, vượt qua mặt tôi và rảo bước đi lên phía trước. Người ta lại dẫn tôi vào nhà giam và từ đấy trở đi không còn tra hỏi gì nữa.

Tôi không được chứng kiến tất cả những điều mà tôi sẽ kể sau đây; nhưng số là tôi nghe kể đi kể lại nhiều lần quá thành ra chi tiết nào nhỏ đến mấy cũng khắc sâu vào trí nhớ tôi, đến nỗi tôi tưởng như mình đã vô hình có mặt ở đấy thật.

Maria Ivanópna được cha mẹ tôi tiếp đón một cách niềm nở chân thành, những người ở thế kỷ trước vốn thường có đức tính mến khách như vậy. Cha mẹ tôi đều cảm ơn Chúa đã cho họ có dịp che chở và nâng niu người con gái mồ côi tội nghiệp. Chẳng bao lâu cha mẹ tôi đã quyến luyến nàng một cách chân thành, vì ai đã biết rõ nàng rồi thì không thể không quý mến nàng được. Bấy giờ cha tôi không cho rằng tình yêu của tôi là một chuyện điên rồ nữa, còn mẹ tôi thì chỉ ước ao có một điều, là sao cho thằng Piốt của mình lấy người con gái đáng yêu này làm vợ.

Tin tôi bị bắt khiến cho cả nhà hốt hoảng. Maria Ivanópna kể cho cha mẹ tôi nghe về cuộc quen biết kỳ lạ giữa tôi với Pugatsốp một cách giản dị và ngây thơ đến nỗi không những đã làm cho cha mẹ tôi yên tâm, mà còn làm cho họ cười nôn ruột nữa là khác.

Cha tôi không thể tin rằng tôi lại có dính dấp đến cuộc nổi loạn bí ối đó, mà mục đích là lật đổ ngai vàng và huỷ diệt dòng dõi quý tộc. Người gọi Xavêlich đến tra hỏi rất nghiêm khắc. Người lão bộc không giấu giếm rằng tôi có ăn uống với Pugatsốp và được tên phiến loạn dung tha; nhưng bác thề rằng không hề nghe đến chuyện phản bội gì hết. Hai ông bà già yên tâm và bắt đầu nóng lòng chờ đợi những tin tức tốt lành. Maria Ivanópna thì rất lo sợ, nhưng nàng vẫn im lặng, vì nàng bấm tính vốn kín đáo và dè dặt hết sức.

Vài tuần trôi qua... Bỗng cha tôi nhận được một bức thư của người có họ với nhà tôi là công tước B. từ Pêterburg gửi về. Công tước viết thư nói về chuyện tôi. Sau những lời chào hỏi thường lệ công tước báo cha tôi rằng những điều ngờ vực về việc tôi có tham gia vào các âm mưu của bọn phiến loạn, tiếc thay, đều có căn cứ quá rõ rệt. Rằng đáng lẽ ra tôi phải bị xử tử để làm gương, nhưng đức nữ hoàng đã vì kính nể công lao và tuổi tác của người cha mà quyết định khoan hồng cho đưa con tội lỗi, tha cho nó tội chết và chỉ ra lệnh đày biệt xứ đến một miền xa xôi ở Xibêri đến trọn đời.

Nhận được cái tin đột ngột này, cha tôi đau đớn tưởng chừng chết đi được. Người mất hẳn tính rần ròi thường ngày. Trước đây cha tôi có việc gì buồn bực chỉ im lặng, nhưng bây giờ thì người luôn thốt ra

những lời than thở cay đắng. Cha tôi mất hẳn tự chủ, nhắc đi nhắc lại:

- Thế nào! Thằng con tôi có tham gia vào các âm mưu của Pugatsốp ư! Lạy Chúa, tôi còn sống đến ngày nay để thấy những điều ô nhục như thế này ư? Đức nữ hoàng tha tội chết cho nó! Thế thì có hơn gì cho tôi đâu? Cái đáng ghê sợ không phải là tử hình: ông tổ của dòng họ nhà tôi đã chết trên đoạn đầu đài vì đã bảo vệ những gì thiêng liêng nhất đối với lương tâm người; cha tôi đã từng chịu chết với Vólunxki và Khrutsốp⁴⁷. Nhưng một người quý tộc mà lại phản bội lời thề của mình, để nhập bọn với quân ăn cướp, quân sát nhân, với những tên nông nô đào tẩu!... Ôi, hổ thẹn và nhơ nhuốc thay cho dòng họ ta!...

Kinh hoàng trước nỗi tuyệt vọng của cha tôi, mẹ tôi không dám khóc trước mặt người và hết sức cố gắng an ủi cho người bình tâm lại. Mẹ tôi nói rằng tin đồn thường đơn sai, miệng lưỡi người đời thường không có gì chắc chắn. Nhưng cha tôi vẫn không sao nguôi được.

Maria Ivanópna là người đau khổ hơn cả. Tin chắc rằng tôi có thể tự thanh minh bất cứ khi nào, miễn là tôi muốn, nàng đoán ra được sự thật và tự xem mình là kẻ đã làm cho tôi phải khốn đốn. Nàng giấu giếm không để ai trông thấy nàng khóc và trong khi đó cố nghĩ cách cứu tôi.

Một buổi tối cha tôi đang ngồi ở trường kỷ, lần giờ

quyển “Niên lịch Triều đình”; nhưng tâm trí của người thì để tận đâu đâu, và quyển sách không hề có tác động gì đối với người như thường lệ nữa. Người huýt sáo khe khẽ một điệu hành khúc thời cổ. Mẹ tôi yên lặng ngồi đan một chiếc áo len, nước mắt lâu lâu lại nhỏ giọt xuống mảnh len đan dở. Bỗng nhiên Maria Ivanópna, bấy giờ cũng đang ngồi khâu vá cạnh mẹ tôi, nói rằng nàng cần phải đi Pêterburg và xin cha mẹ tôi cấp cho nàng phương tiện để đi đường. Mẹ tôi buồn rầu vô hạn, bảo nàng:

- Con đi Pêterburg làm gì? Maria Ivanópna, hay con cũng muốn bỏ chúng ta mà đi?

Maria Ivanópna đáp rằng tất cả cuộc đời tương lai của nàng sẽ định đoạt trong cuộc đi này. Nàng bảo là nàng xin đi tìm sự che chở và giúp đỡ của những người có quyền thế, với tư cách là con của một người đã chết vì lòng trung nghĩa.

Cha tôi cúi đầu: bất cứ một lời nào khiến người nhớ đến tội ác của đứa con trai đều làm cho người đau khổ, và người có cảm tưởng như đó là một lời trách móc chua cay. Người thở dài, rồi nói với Maria Ivanópna:

- Thôi, con cứ đi đi, con ạ! Chúng ta không muốn cản trở hạnh phúc của con đâu. Cầu Chúa cho con tìm được một người chồng tốt, chứ không phải là một tên phản bội bị người ta phỉ nhổ.

Nói đoạn cha tôi đứng dậy và bỏ ra ngoài.

Maria Ivanópna ngồi lại một mình với mẹ tôi, lập tức trình bày ý định của nàng cho mẹ tôi nghe. Mẹ tôi ứa nước mắt ôm nàng vào lòng và cầu Chúa cho công việc của nàng được như ý. Cha mẹ tôi liền sắm sửa cho Maria Ivanópna và vài hôm sau nàng lên đường cùng với chị Palasca và bác Xavêlich, hai người gia nhân trung thành của chúng tôi. Bác Xavêlich tuy buồn rầu vì phải lâu ngày xa cách tôi, nhưng cũng thấy nguôi nguôi khi nghĩ rằng ít nhất mình cũng hầu hạ người vị hôn thê của chủ.

Maria Ivanópna đến Xôphia⁴⁸ bình an vô sự, và được biết rằng Triều đình khi ấy đang ở Txarxkôie Xêlô, nàng bèn quyết định ở lại trạm xe thư ở đấy. Họ dành cho nàng một căn phòng nho nhỏ sau một bức bình phong. Người vợ ông trưởng trạm lập tức đến nói chuyện với nàng, bảo rằng bà ta là cháu của một người chuyên đốt lò sưởi trong cung, và mách bảo cho nàng rõ tất cả những điều bí mật của sinh hoạt trong triều đình. Bà ta kể cho nàng nghe những là đức nữ hoàng ngủ dậy lúc mấy giờ, mấy giờ thì xơi cà-phê, mấy giờ thì đi dạo, những lúc ấy thì có những quan đại thần nào bên cạnh ngài; những là hôm qua khi ăn bữa trưa ngài đã có lòng nói những gì, đến tối ngài tiếp ai, - nói tóm lại câu chuyện của Anna Vlaxiépnà có giá trị bằng mấy trang sử ký và có thể là một tài liệu rất quý giá đối với hậu thế. Maria Ivanópna chăm chú nghe bà ta nói. Họ ra vườn. Anna Vlaxiépnà kể cho

nàng nghe chuyện về mỗi lối đi trong vườn và mỗi chiếc cầu nhỏ, và sau khi đã dạo chơi thoả thích, họ bèn trở về trạm, hai người đều rất hài lòng nhau.

Sáng hôm sau Maria Ivanópna dậy rất sớm, mặc áo ngoài và lặng lẽ đi ra vườn. Sáng hôm ấy trời rất đẹp, ánh sáng chiếu trên ngọn các cây bồ đề lá đã vàng úa dưới hơi thở mát lạnh của mùa thu. Mặt hồ phẳng lặng sáng như một tấm gương. Mấy con thiên nga vừa ngủ dậy, từ những khóm cây in bóng trên hồ bơi ra, trang trọng lướt trên mặt nước. Maria Ivanópna đi bên một bãi cỏ xanh rất đẹp, giữa bãi vừa mới dựng lên một bức tượng kỷ niệm những trận thắng gần đây của bá tước Piôt Aléchxanđrôvích Rumianxép⁴⁹. Bỗng một con chó trắng giống Anh Cát Lợi sủa vang và chạy lại phía nàng. Maria Ivanópna hoảng sợ dừng lại. Ngay lúc ấy có một giọng đàn bà êm ái nói:

- Dừng sợ, nó không cắn đâu.

Và Maria Ivanópna thấy một bà mệnh phụ ngồi trên một chiếc ghế dài trước mặt bức tượng. Maria Ivanópna liền đến ngồi ở mép ghế. Người mệnh phụ chăm chú nhìn nàng; và Maria Ivanópna đưa mắt liếc nhìn sang cũng kịp ngấm bà từ đầu đến chân. Bà ta mặc áo dài buổi sáng màu trắng, và chiếc áo len không tay, đầu đội mũ chup. Trông bà khoảng độ bốn mươi tuổi. Khuôn mặt bà đầy đặn, da mặt hồng hào, phong thái trang trọng và điềm tĩnh, đôi mắt xanh và đôi môi hơi mỉm cười có một vẻ đẹp khó tả⁵⁰. Bà mệnh

phụ nói trước:

- Cô có lẽ không phải là người ở đây nhỉ?
- Thưa, vâng ạ. Tôi mới ở thôn quê lên đây từ hôm qua.
- Cô cùng đi với cha mẹ chứ?
- Không ạ. Tôi đến đây một mình.
- Một mình à? Nhưng cô còn ít tuổi thế kia mà.
- Tôi không còn cha mẹ nữa.
- Chắc cô đến đây có việc gì hẳn?
- Thưa vâng. Tôi đến để cầu xin đức nữ hoàng một việc.

- Cô là một người mồ côi. Chắc cô đến để than phiền vì có ai đối xử bất công hay có ai ức hiếp cô?

- Thưa không ạ. Tôi đến để xin khoan hồng, chứ không phải để xin xét xử.

- Cho phép tôi được hỏi cô là ai?

- Tôi là con gái đại úy Mirônốp.

- Đại úy Mirônốp à? Có phải viên đại úy chỉ huy một đồn lính ở Ôrenburg không?

- Thưa, đúng thế đấy ạ.

Bà mệnh phụ có vẻ cảm động. Bà nói, giọng càng dịu dàng hơn:

- Cô thứ lỗi cho, nếu tôi xen vào việc riêng của cô; nhưng tôi thỉnh thoảng có đến cung đình; cô cứ trình bày việc cô cho tôi nghe, may ra tôi có thể giúp cô được chăng.

Maria Ivanópna đứng dậy và kính cẩn cảm tạ bà mệnh phụ. Phong độ của bà ta có sức hấp dẫn lòng người và khiến cho người ta tự dưng thấy tin cậy. Maria Ivanópna rút trong túi ra một tờ giấy gấp tư lại và đưa cho người ân nhân lạ mặt. Bà mệnh phụ bắt đầu nhẩm đọc.

Lúc đầu bà ta đọc chăm chú và lộ vẻ thiện cảm, nhưng rồi bỗng nhiên sắc mặt bà thay đổi. Maria Ivanópna nãy giờ vẫn đưa mắt theo dõi mọi cử động của bà ta, thấy lo sợ trước vẻ mặt vừa đây còn hiền hậu và bây giờ bỗng trở nên nghiêm khắc lạ thường. Bà mệnh phụ hỏi, vẻ lạnh lùng:

- Cô xin cho Grinhóp à? Đức nữ hoàng không thể tha thứ cho hấn được đâu. Hấn đi theo tên phiến loạn không phải vì nhẹ dạ và dễ tin, mà vì hấn là một đứa vô lại và là một con người nguy hiểm.

- Ô! Không phải đâu! - Maria Ivanópna kêu lên.

- Thế nào, không phải ư? - Bà mệnh phụ hỏi lại, mặt đỏ ửng lên.

- Không đúng đâu, trời ơi, không đúng đâu! Tôi biết hết, tôi xin kể tất cả mọi việc để bà rõ. Chỉ vì tôi mà anh ấy phải chịu khổ sở như thế này. Sở dĩ anh ấy không thanh minh ở trước toà, chỉ vì anh ấy không muốn tôi phải dính dấp vào đấy thôi.

Đến đây nàng say sưa kể lại tất cả những việc mà độc giả đã biết.

Người mệnh phụ nghe nàng kể một cách chăm chú. Rồi bà hỏi: “Cô ở lại nhà ai?” - Và khi Maria Ivanópna đáp rằng nàng ở lại nhà bà Anna Vlaxiépná, thì bà mệnh phụ mỉm cười nói:

- À! Tôi biết rồi. Thôi chào cô, cô đừng nói cho ai biết là có gặp tôi. Tôi hy vọng rằng cô sẽ không phải đợi lâu: mong rằng thư của cô sẽ được phúc đáp sớm.

Nói đoạn bà đứng dậy và đi vào một con đường có lợp giàn hoa, còn Maria Ivanópna thì trở lại nhà bà Anna Vlaxiépná, lòng chan chứa hy vọng.

Bà chủ nhà la rầy nàng sao đi dạo sớm thế, bảo rằng khí trời mùa thu mà đi như thế là rất có hại cho sức khoẻ của một người thiếu nữ. Bà mang ấm xamô-va ra và, ngồi bên chén nước trà, bà đã toan bắt đầu giờ cái kho chuyện vô tận của bà về sinh hoạt trong cung đình ra, thì bỗng nhiên một chiếc xe ngựa của hoàng cung đỗ ở ngoài thềm, và một viên quan hầu cận vào báo rằng đức nữ hoàng có lời gọi cô Mirônôva vào cung.

Anna Vlaxiépná rất đổi kinh ngạc. Bà ta cuống quýt cả lên:

- Trời ơi! Đức nữ hoàng gọi cô vào cung! Làm sao mà ngài lại biết có cô ở đây? Cô làm thế nào mà vào trình diện với đức nữ hoàng được bây giờ? Tôi e rằng đến cách đi đứng ở hoàng cung cô cũng không biết nữa!... Hay là tôi phải đưa cô đi vậy? Dù sao tôi cũng có thể bày vẽ cho cô ít nhiều. Chả nhẽ cô ăn mặc như

thế này mà đi à? Hay để tôi cho người sang nhà bà đỡ mượn cái áo lụa vàng?

Viên quan hầu cận nói rằng đức nữ hoàng có lời dặn là cô Mirônôva sẽ đến một mình và đang ăn mặc như thế nào thì cứ để nguyên thế mà đi. Chả biết làm thế nào được nữa: Maria Ivanốpna ngồi lên xe và đi vào hoàng cung, Anna Vlaxiépna đành chỉ gửi theo nàng những lời khuyên nhủ và cầu chúc rồi rít.

Maria Ivanốpna linh cảm thấy rằng đây là lúc mà vận mệnh của chúng tôi sẽ được định đoạt. Tim nàng đập mạnh, rồi lại như lịm đi. Mấy phút sau chiếc xe ngựa dừng trước hoàng cung. Maria Ivanốpna run rẩy bước lên các bậc thềm. Các cửa vào cung trước mặt nàng đều mở rộng. Nàng đi qua mấy gian phòng lộng lẫy không có người; viên quan hầu cận chỉ lối cho nàng đi. Cuối cùng khi đến trước hai cánh cửa đóng kín, ông ta bảo rằng sẽ vào báo với đức nữ hoàng và để nàng đứng một mình ở đấy.

Nghĩ đến việc sắp gặp mặt đức nữ hoàng, Maria Ivanốpna sợ hãi đến nổi chân như muốn khụy xuống. Một phút sau cánh cửa mở, và Maria Ivanốpna bước vào phòng trang điểm của nữ hoàng.

Đức nữ hoàng đang ngồi trang điểm. Mấy viên cận thần đứng quanh ngài lễ phép nhường lối cho Maria Ivanốpna. Đức nữ hoàng ôn tồn nói với nàng, và nàng nhận ra đó là bà mệnh phụ mà nàng đã tiếp chuyện một cách cởi mở cách đây mới chỉ mười mấy phút. Nữ

hoàng bảo nàng lại gần và mỉm cười nói:

- Ta lấy làm mừng rằng đã có thể giữ lời hứa với cô và chuẩn y lời thỉnh cầu của cô. Việc của cô thế là xong. Ta đã tin chắc rằng vị hôn phu của cô vô tội. Đây là một bức thư ta nhờ cô làm ơn mang về cho ông bố chồng tương lai của cô.

Maria Ivanópna đưa tay run rẩy cầm lấy bức thư, nàng khóc và quỳ sụp xuống chân nữ hoàng. Nữ hoàng liền đỡ nàng dậy và hôn nàng, nói:

- Ta biết rằng cô không giàu, nhưng đối với con gái đại uý Mirônóp ta có món nợ phải đền. Cô đừng lo lắng về tương lai. Ta sẽ lĩnh lấy trách nhiệm gây dựng cho cô một gia tài.

Sau khi vỗ về người con gái mồ côi đáng thương, nữ hoàng cho nàng về. Maria Ivanópna lên chiếc xe ngựa lúc này trở về nhà trọ. Bà Anna Vlaxiépna này giờ sốt ruột chờ nàng, thấy nàng trở về thì hỏi han tíu tít cả lên; Maria Ivanópna trả lời câu được câu mất. Tuy không hài lòng với vẻ lơ đãng của nàng, bà Anna Vlaxiépna cho rằng nàng mới ở quê ra quá ngỡ ngàng trước cảnh cung điện nên mới ngần người ra thế, và vui lòng rộng lượng tha thứ cho nàng. Maria Ivanópna không buồn tò mò đi xem Peterburg và ngay hôm ấy vội trở về làng...

*

* *

Đến đây là hết những trang bút ký của ông Piốt Andrêêvích Grinhốp. Qua gia phả nhà ông, người ta biết rằng ông được thả ra khỏi nhà giam vào cuối năm 1774 theo lệnh của nhà vua; rằng ông ta có đi dự buổi xử tử Pugatsốp. Pugatsốp trông thấy ông ta trong đám đông và có gật đầu chào, cái đầu ấy một phút sau đã rơi xuống, máu me đầm đìa, và được giơ lên cho dân chúng xem. Ít lâu sau Piốt Andrêêvích cưới Maria Ivanốpna. Con cháu họ hiện nay còn sống ở tỉnh Ximbiécxơ. Cách đây chừng ba mươi véc-xta có một cái làng thuộc quyền sở hữu của mười người lãnh chúa. Ở đây có một ngôi nhà còn giữ bức thư của chính tay Êkatêrina Đệ Nhị viết, đóng khung kính treo trên tường. Thư này viết cho cụ thân sinh ông Piốt Andrêêvích; trong thư có thanh minh cho con trai cụ và có khen ngợi tấm lòng nhân hậu và trí thông minh của con gái đại uý Mirônốp. Bản bút ký viết tay của Piốt Andrêêvích Grinnhốp là do một người cháu nội của ông ta trao cho chúng tôi, khi người này biết rằng chúng tôi đang tiến hành một việc có liên quan đến thời đại mà tổ phụ mình có miêu tả. Chúng tôi bèn quyết định, với sự thoả thuận của con cháu ông, xuất bản tập bút ký này ra, thêm vào mỗi chương mấy câu giáo đầu thích hợp và tự ý thay đổi một vài tên họ.

19 tháng Mười 1836

*Người xuất bản
Cao Xuân Hạo dịch*

PHỤ LỤC

Người da đen của Piôt Đại đế (trang 8). - A.X. Puskin bắt đầu viết tác phẩm này ngày 31 tháng Bảy năm 1827, dự định sẽ dựng nên một tác phẩm lớn. Ông thực hiện công việc suốt những năm 1827 - 1828, nhưng sau năm 1828 chúng ta không tìm thấy dấu hiệu gì chứng tỏ tác giả còn tiếp tục công việc đó nữa.

Cơ sở cốt truyện Puskin lấy từ tiểu sử của một trong các ông tổ đảng mẹ của mình Abram Pêtrôvich Ganiban (trong truyện là Ibraghim), dòng dõi ở Abixinia (nay là Êtiôpia), từ nhỏ đã ở với Piôt I, được Piôt nhận làm con nuôi và cử đi Pari để học thành kỹ sư quân sự. Người ta không biết rõ lai lịch chính xác của anh Ả Rập và các hoàn cảnh đẩy anh đến với Piôt I. Trong bản tiểu sử viết tay bằng tiếng Đức của Ganiban còn giữ trong lưu trữ gia đình, sự thực lịch sử không phải bao giờ cũng được giữ đúng và nhiều sự việc trong cuộc đời ông mang tính chất rõ ràng là truyền thuyết. Tuy nhiên nhiều điều trong cuộc đời của Ibraghim miêu tả trong truyện thực ra là do Puskin sáng tác ra (chẳng hạn câu chuyện tình duyên với bá tước phu nhân).

Tác phẩm này không hoàn thành và mới được Puskin công bố một phần: trích đoạn chương bốn in trong tùng thư “Những bông hoa phương bắc” năm 1829 và trích đoạn chương ba in trong “Báo văn học” vào năm 1830, số 13. Cả hai trích đoạn chung tên “Hai chương trích tiểu thuyết lịch sử” được đưa vào tập “Các truyện do Alêchxandơ Puskin xuất bản” (1834). Tất cả sáu chương tiểu thuyết mà Puskin đã viết

xong hoàn toàn (trừ chương bảy, vừa mới bắt đầu), lần đầu tiên xuất hiện sau khi Puskin qua đời trong tạp chí “Người đương thời”, (t. VI, 1837) dưới nhan đề “Người da đen của Piôt Đại đế” do ban biên tập đặt. Các đề từ Puskin chuẩn bị cho tiểu thuyết này còn chưa phân bổ cho các chương (trừ đề từ cho chương IV), sau này các nhà biên tập đã áng chừng mà sắp xếp.

- 1 Đề từ cho toàn bộ tiểu thuyết, trích từ truyện dài bằng thơ “Ala” của nhà thơ Nga Nikôlai Iadukóp (1803 - 1846). - 8.
- 2 Đề từ cho chương I trích ở bài thơ bông đùa “Chuyến du lịch của N.N. đến Pari và Luân Đôn” (1803) của nhà thơ Nga Ivan Ivanôvich Đmitriép (1760 - 1837). - 8.

3 *Ibraghim* - Abram Pêtrôvích Ganiban tăng tổ phụ về đảng mẹ của nhà thơ (1697/98-1781). Con trai một công tước xứ Abixinia, được đưa từ Cônxtantinôpôn về Pêterburg. Cônxtantinôpôn là nơi Ibraghim bị giữ làm con tin trong cuộc chiến tranh với quân Thổ. Nhận thấy chú bé có những khả năng xuất chúng, Piôt I đã đích thân dạy chú học tiếng Nga và toán học. Năm 1717 Ibraghim đi du học ở nước ngoài 5 năm. Trước khi Piôt I chết (1725) Ibraghim phục vụ trong trung đoàn Prêôbragienxki, phụ trách phòng đồ án và thiết kế của nhà vua, dạy cho thanh thiếu niên quý tộc học toán và kỹ thuật.

Piôt Đại đế - Piôt Đệ Nhất Đại đế (1672 - 1725) - vua Nga từ năm 1682, từ 1721 - là hoàng đế đầu tiên của nước Nga. Là nhà hoạt động nhà nước vĩ đại, là thống soái, là tư lệnh hải quân và là một nhà ngoại giao. - 8.

- 4 Trên thực tế Ganiban đã ăn học tại trường pháo binh ở La Pherơ. Người ngoại quốc chỉ được nhận vào học ở trường này. Ganiban ở La Pherơ cho đến cuối năm 1722. Trường võ bị Pari mãi đến năm 1751 mới được thành lập. - 8.

5 *Chiến tranh Tây Ban Nha* - chỉ chiến tranh Anh và Pháp

chống Tây Ban Nha những năm 1718 - 1720. - 8.

- 6 *Luy XIV* (1638 - 1715) - vua Pháp từ năm 1643. Giai đoạn cầm quyền của ông ta là đỉnh cao của chế độ chuyên chế (truyền thuyết đã gán cho Luy XIV câu châm ngôn: “Nhà nước tức là ta”). - 9.
- 7 *Công tước Oóc-lăng Philip* (1674 - 1723) - quan phụ chính đại thần của vua Luy XV (1710 - 1774) từ năm 1715 đến 1723, khi nhà vua còn vị thành niên. - 9.
- 8 *Pale-Roian* - Cung điện của các công tước Oóc-lăng ở Pari. - 9.
- 9 *Giôn Lau* (John Law, 1671 - 1729) - nhà tài chính và kinh tế học người Scotlen, cầm đầu Tổng Ngân hàng Pari, Bộ trưởng Bộ Tài chính Pháp, là người đề xướng việc phát hành một số lượng tiền giấy mất giá, dẫn tới việc đổ vỡ về tài chính và nhiều cuộc phá sản. - 9.
- 10 *Công tước Risôliơ Luy Phranxoa Ácman duy Plexi* (1696 - 1788) - nguyên soái Pháp, một cận thần sắc sảo, nổi tiếng về những chuyện trăng hoa. - 9.
- 11 *Ankibiát* - một tướng lĩnh và nhà hoạt động nhà nước có tài của Aten thế kỷ V trước Công nguyên, đồng thời cũng nổi tiếng trụy lạc và vô đạo đức. Tên của Ankibiát đã đi vào thành ngữ để chỉ con người có tài năng xuất chúng, nhưng trụy lạc và vô đạo đức. Puskin dùng tên Ankibiát để chỉ công tước Risôliơ. - 9.
- 12 *Temps fortuné, marqué par la licence...* (nguyên văn tiếng Pháp) - trích trong ca khúc XIII trong bản trường ca “Nàng trinh nữ Oóc-lăng” (1755) của Vôn-te (1694 - 1778). Đoạn này nói về thói ăn chơi vô độ, hưởng lạc hết mức, quên hết mặt đạo đức của giới quý tộc thượng lưu lúc đó. - 10.
- 13 *Aruê* - tên thật của Vôn-te: Mari Phranxoa Aruê. - 10.
- 14 *Sôliê Hiom* (1639 - 1720) - linh mục, nhà thơ trữ tình Pháp, mặc dù có chức sắc tôn giáo, ông vẫn truyền bá tự do tư

- tướng và khoai lạc cuộc sống. Tác giả các ca khúc và thư văn vần, ca ngợi rượu và tình yêu. - 10.
- 15 *Môngteskiơ Sácơ Luy* (1689 - 1755) - nhà văn hài hước, nhà chính luận Pháp, nhà tư tưởng quân chủ lập hiến. - 10.
 - 16 *Phôngtơnen Bécna lơ Bôvie đơ* (1657 - 1757) - nhà văn khai sáng Pháp, tác giả các tác phẩm phổ biến khoa học. - 10.
 - 17 Nhà tu kín ở Pháp trước đây thường là nơi dạy dỗ các cô gái con nhà quyền quý. - 10.
 - 18 Đề từ cho chương II, trích trong tụng ca “Nhân cái chết của công tước Mêsơxki” (1779) của nhà thơ Nga nổi tiếng thế kỷ XVIII Gavrila Đơgiavin (1743 - 1816). - 14.
 - 19 *Kraxnôie Xêlô* - một vùng thuộc ngoại ô Pêterburg (hiện nay là một huyện lỵ của tỉnh Leningrát). - 17.
 - 20 *Êkatêrina I Alếchxépna* (1684 - 1727), hoàng hậu Nga (1725 - 1727), vợ thứ hai của vua Piôt I. - 18.
 - 21 Ôranhiênbaum (nay là thành phố Lômônôxốp) - dinh thự của Nga hoàng ở ngoại ô Pêterburg. - 18.
 - 22 *Trận Pôntava* năm 1709 - trận giao chiến quyết định giữa quân Nga và quân Thụy Điển trong cuộc chiến tranh Bắc phương 1700 - 1721. Quân Nga đứng đầu là Piôt Đại đế đã giành được chiến thắng oanh liệt, đánh tan tác quân Thụy Điển. - 19.
 - 23 *Mensikốp Alếchxanđơ Đanhilôvích* (1673 - 1729) - một trong những người cộng sự gần gũi nhất của vua Piôt, nhà hoạt động quốc gia và vị tướng lỗi lạc. - 19.
 - 24 *Công tước Đôngôruki Iakốp Phêdôrôvích* (1639 - 1720) - một trong số những phụ tá thân cận của vua Piôt, nổi tiếng vì những ý kiến độc lập. Thường thực hiện những sứ mệnh ngoại giao ở nước ngoài. - 19.
 - 25 *Bruýt Iakốp Vilimôvích* (1670 - 1735) - vị tướng, nhà ngoại giao và học giả người Nga, người biên soạn bản đồ Nga và niên lịch in đầu tiên của Nga có những dự báo về thời tiết,

- gọi là lịch “Bruýt”; quản lý nhà in dân sự ở Mátxcơva, xuất thân là người Scotlen. - 19.
- 26 *Phaoxtơ Giôhan* - một nhà giả kim thuật người Đức đã bán linh hồn cho quỷ dữ (theo lời kể của một truyền thuyết trung cổ). Vì những thí nghiệm vật lý và hoá học của mình, Bruýt cũng nổi tiếng như một thầy phù thủy vậy. - 19.
- 27 *Ragudinxki - Vladixlavích Xava Lukích* (khoảng 1670 - 1738) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, theo dẫn chứng trong tiểu sử tiếng Đức của Ganiban, thì hình như anh ta được đưa từ Cônxtantinôpôn cùng Ganiban về cho Piôt I. Thường thực hiện các sứ mệnh ngoại giao ở Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Quốc. - 19.
- 28 *Dêvie Antôn Manuilôvích* - người Bô Đào Nha, cận thần và là trợ thủ đắc lực của Piôt Đại đế, sau này là thiếu tướng cánh sát trưởng Pêterburg. - 19.
- 29 Đề từ trích không sát nguyên văn ở bi kịch “Những người Hy Lạp” của V. K. Kiukhenbeker (1797 - 1846) - một nhà thơ Nga tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Chạp, bạn của Puskin. - 20.
- 30 *Trung đoàn Prêôbragienxki* - do Piôt I lập nên, một đơn vị lâu đời có đặc quyền của quân đội Nga. - 20.
- 31 *Sêrêmêchêp Bôrit Pêtơrôvích* (1652 - 1719) - bạn chiến đấu của Piôt I, tướng Nga (1701), bá tước (1706). Một trong số rất ít những người thân cận nhất của Piôt I, thuộc một dòng họ quý tộc lâu đời. - 20.
- 32 *Gôlôvin Ivan Mikhailôvích* (1672 - 1737) - quan hầu cận của Piôt I, về sau là thủy sư đô đốc Nga. - 20.
- 33 *Pháp viện tối cao* - cơ quan hành pháp cao nhất ở nước Nga Sa hoàng có trọng trách giám sát các hoạt động của các cơ quan tư pháp, tài chính và chính quyền. Pháp viện tối cao do Piôt Đại Đế lập ra năm 1711 để thay thế cho Viện Đu-

- ma của bọn quý tộc địa chủ và tồn tại cho đến trước Cách mạng tháng Mười năm 1917. - 20.
- 34 *Buturlin Ivan Ivanovich* (1661 - 1738) - nghị sĩ, tướng, ủy viên Hội đồng quân sự Nga. - 20.
- 35 *Hội đồng hải quân* - cơ quan Nhà nước Trung ương quản lý hạm đội hải quân ở nước Nga (1718 - 1727). Phụ trách các xưởng đóng tàu, các nhà máy sản xuất vải gai và dây chèo, chỉ đạo việc xây dựng các cửa biển và hải cảng, huấn luyện và cung cấp trang thiết bị cho hạm đội. - 20.
- 36 *Phêôphan Prôkôpovich* (1681 - 1736) - Tổng giám mục Nôpôrôt, một chiến hữu gần gũi nhất của Piôt I, nhà thơ, học giả. Ông ủng hộ các cải cách của Nga hoàng mà giới tăng lữ phản động ra sức chống lại. - 21.
- 37 *Gauriin Burginxki* (1680 - 1731) - giám mục xứ Riadan, một tu sĩ uyên bác, từ năm 1721 là giám đốc các nhà in Peterburg và Mátxcơva, nhà văn, dịch giả. - 21.
- 38 *Kôpiêvich Ilia Phêđôrôvich* (chết khoảng 1707) - mục sư môn phái Luyte, dịch giả, người tổ chức xưởng in Nga ở Amsterdam. - 21.
- 39 *Koócaxakôp* - nguyên mẫu của nhân vật này là Rimxki-Koócaxakôp Vôn Iakôplêvich (1702 - 1757). Năm 1716 được cử sang Pháp ăn học, năm 1724 trở về Peterburg. - 21.
- 40 *Buổi vũ hội* - việc miêu tả buổi vũ hội, như chính Puskin xác nhận, là dựa theo tác phẩm của I. Gôlicôp “Những hoạt động của Piôt Đại đế” và tuyển tập “Lễ thói Nga” của A. Koécnilôvich. Trong tác phẩm, Puskin không thể nêu tên Koécnilôvich, người bị kết án vì tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Chạp. Cơ sở chủ yếu để miêu tả buổi vũ hội là bài báo của Koécnilôvich “Về những vũ hội đầu tiên ở nước Nga”. - 22.
- 41 *Natalia Kirilôpna* (1652 - 1694) - mẹ của Piôt I. - 24

- 42 *Mơ-nuy-ê* - điệu nhảy Pháp cổ xưa, rất phổ biến ở thế kỷ XVII - XVIII. - 25.
- 43 Đề từ trích trong chương IV trường ca “*Ruxlan và Lútmila*” (1820) của A. Puskin. - 27.
- 44 Thăng ngớt, mụ ngớt là những nhân vật có vào thời nước Nga cổ xưa, trong cung điện vua chúa và các gia đình khá giả là một sở hữu nhất thiết phải có. - 29.
- 45 Đây là nói đến cuộc viễn chinh của quân Thụy Điển tới Kurlinđia (thuộc lãnh thổ Látvia hiện nay) và Ba Lan sau khi chúng chiến thắng quân Nga ở gần Narva năm 1700. - 32.
- 46 Đề từ trích không chính xác ở nhạc kịch hài hước “Người thợ xay bột, gã phù thủy, tên lừa đảo và ông mối” (1779) của A.O Abléximốp (1742 - 1773). - 33.
- 47 Âm chỉ công tước Mensikốp, theo lời đồn, hồi nhỏ bán bánh rán. - 33.
- 48 *Txarêgrát* - tên gọi Nga cổ xưa của thành phố Cônxtantinôpôn - thủ đô của Đế quốc Bidanti (hiện nay là thành phố Xtambun ở Thổ Nhĩ Kỳ). - 35.
- 49 *Bôva Kôrôlêvích và Êruxlan Ladarêvích* - các nhân vật trong truyện dân gian Nga mà Puskin hằng quen thuộc qua các câu chuyện kể của bà nhũ mẫu và bà nội nhà thơ. - 35.
- 50 *Xtơ-rê-lét* là đội quân thường trực đầu tiên của Nga được trang bị súng ống. Do Ivan Hung bạo xây dựng vào thế kỷ XVI. Thoạt tiên lính Xtơ-rê-lét được lấy từ đông đảo các tầng lớp nhân dân thành thị và nông thôn. Sau đó họ phải phục vụ quân đội đến trọn đời và cha truyền con nối. Họ sống thành làng, có gia đình, làm các nghề thủ công và buôn bán. Cuối thế kỷ XVII họ tham gia vào vụ nổi loạn của kiều binh Xtơ-rê-lét. Năm 1698, sau nhiều

lần dấy loạn, đội quân Xơ-rê-lét bị Piôt I giải thể và quân đội chính quy Nga được thành lập. - 36.

51 Âm chi vụ nổi loạn của kiêu binh Xơ-rê-lét năm 1682. - 36.

52 Trong bản thảo không có con số 15, thay vào đó là một chỗ trống. Ibraghim Ganiban sinh ở Abixinia trên bờ sông Marép. - 37.

53 Tức là Alêchxanđơ Đanhilôvích Mensikóp. - 38.

54 Cácơ XII (1682 - 1718) - vua Thụy Điển, đầu tiên đánh thắng quân Nga một vài trận, nhưng năm 1709 bị Piôt I đánh cho thất bại tại bờ ở gần Pôntava và phải bỏ chạy sang Thổ Nhĩ Kỳ. - 43.

Tập truyện vừa của Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cổ (trang 45) được Puskin viết vào mùa thu năm 1830 tại Bônđinô. Thứ tự hoàn thành từng truyện như sau: “Ông chủ hiệu đám ma” viết xong ngày 9 tháng Chín, “Người coi trạm” - 14 tháng Chín, “Cô tiểu thư nông thôn” - 20 tháng Chín, “Phát súng” - 14 tháng Mười, “Bão tuyết” - 20 tháng Mười. Công việc viết lời mở đầu liên kết các truyện vào một chuỗi thống nhất và liên quan với người mà tác giả bịa đặt ra - Benkin, bắt đầu ngay từ mùa thu 1829, khi Puskin phác thảo bức thư của viên địa chủ... gửi cho nhà xuất bản (tác giả tương lai của “các truyện” ở đây mang tên là Piôt Ivanôvích Đ.).

Lần đầu tiên tác phẩm này của Puskin in ở Pêterburg tháng Mười năm 1830 dưới nhan đề “Tập truyện vừa của Ivan Pêtorôvích Benkin đã quá cổ”, do A.P. xuất bản”.

1 Đề từ trích trong vở hài kịch “Vị thành niên” (1782) của nhà văn và nhà viết kịch Nga Đ.I. Phônvidin (1745 - 1792). - 45

PHÁT SÚNG

2 Đề từ thứ nhất trích ở trường ca “Vũ hội” (1828) của nhà

- thơ Nga E.A. Baratunxki (1800 - 1844). - 49.
- 3 Đề từ thứ hai trích ở truyện dài “Một buổi chiều tối ở doanh trại lộ thiên” (1822) của nhà thơ Nga A.A. Bextugiép-Marlinxki (1797-1837), người đã tham gia cuộc khởi nghĩa chống Nga hoàng ngày 14 tháng Chạp năm 1825. - 49.
 - 4 Theo lệ đánh bài, khi nhà con gấp một góc con bài tức là đánh xấp tang, nghĩa là đặt gấp đôi số tiền lên. - 51.
 - 5,6 *Burtxốp Aléchxandra Pêtorôvích* (chết năm 1873) - một sĩ quan thuộc trung đoàn khinh kỵ Bêlôruxia, nổi tiếng ngô ngáo, bạn của nhà thơ chiến sĩ Dênix Vaxiliêvích Đavudốp (1784 - 1839), được Đavudốp ca ngợi trong bài thơ “Bữa tiệc linh khinh kỵ” (1804) và hai bài thơ thù tạc (“Gửi Burtxốp”). Đavudốp là bạn của Puskin. Năm 1812 Đavudốp đã lãnh đạo một đơn vị quân đội đánh du kích anh dũng chiến đấu cùng với những người nông dân du kích chống lại bọn xâm lược Pháp. - 54.
 - 7 *Etêrixto* - một tổ chức chính trị bí mật của Hy Lạp, thành lập vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX và đặt cho mình nhiệm vụ đấu tranh để giải phóng Hy Lạp khỏi ách áp bức của Thổ Nhĩ Kỳ. Ở đây muốn nói đến cuộc khởi nghĩa 1812 do Aléchxandơ Ipxxilanti (1792 - 1829) lãnh đạo chống lại ách áp bức Thổ Nhĩ Kỳ. - 61.
 - 8 *Xculani* - một địa phương nhỏ ở Mônđavia, gần sông Prút. Ngày 29 tháng Sáu năm 1821 một đơn vị nhỏ các chiến sĩ Etêrixto đã bị đánh bại khi chiến đấu chống lại quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. - 61.

BẢO TUYẾT

9. Đề từ trích trong bài ba-lát “Xvétlana” (1813) của nhà thơ Nga V.A. Giukốpxki (1785 - 1852). - 61.
10. Con dẫu (hay một cạnh của chiếc nhãn mặt đá quý) được

- dùng để chỉ người chủ con dấu đóng trên bức thư (tức là người gửi bức thư đó). Tula - một thành phố phía nam Mátxcova, nổi tiếng về sản xuất những đồ dùng bằng kim loại. - 63.
- 11 Giày có cựa - giày có lắp một mũi nhọn ở phía sau như cựa gà, của kỵ binh để thúc vào hông ngựa. - 64.
- 12 Trận Bôrôđinô - trận thắng lớn của quân Nga trong cuộc kháng chiến chống Napolêông ngày 26 tháng Tám năm 1812 do Kutudốp chỉ huy. Xem cả chú thích 28 ở truyện “Rôxlavliép”. - 68.
- 13 Áctêmixa - hoàng hậu, vợ vua Mápdôn ở xứ Galicarônát nổi tiếng về lòng chung thủy với chồng là Mápdôn (thế kỷ IV trước Công nguyên), bà đã dựng cho người chồng quá cố một lăng tẩm, thời xưa được coi là một trong “bảy kỳ quan thế giới”. - 68.
- 14 “Vive Henri-Quatre” (“Hoàng đế Ăngri Đệ tứ vạn tuế”) - các đoạn trích trong vở hài kịch “Chuyến đi săn của Ăngri Đệ tứ” (1774) của Sácơ Cô lê (1709 - 1783). - 68.
- 15 Tirôn - một vùng trên dãy Anpơ thuộc đất Áo. - 68.
- 16 Đây là nói đến vở nhạc hài kịch nổi tiếng “Giôcôngđơ, hay là người phiêu lưu” của nhạc sĩ Pháp Nicôlô Iduardơ (1775 - 1818) rất được hoan nghênh hồi năm 1814. - 68.
- 17 Trích từ vở kịch hài hước “Nỗi khổ vì trí tuệ” của A.X. Gribôiêđốp (1795 - 1829), nhà viết kịch và nhà ngoại giao Nga nổi tiếng. - 69.
- 18 Câu thơ này trích trong bài xô-nê thứ XXXII của nhà đại thi hào Ý Phranxetxcô Pêtorarca (1304 - 1374). - 69.
- 19 Những lời nói của Burmin giống như lời thú nhận tình yêu của St. Preux (Xanh Prơ) - nhân vật trong tiểu thuyết “Nàng Giulia, hay Êlôidơ mới” (1761) của Giăng Giắc Rút-xô

(1712 - 1778) - nhà văn và nhà triết học khai sáng lỗi lạc của Pháp. - 71.

NGƯỜI CHỦ HIỆU ĐÁM MA

- 20 Đề từ trích trong bài tụng ca “Thác nước” (1794) của nhà thơ Nga G.R Đergiavin (1743 - 1816). - 73.
- 21 Hai phố ở hai đầu khác nhau của Mátxcơva thời ấy. - 73.
- 22 Thân Amua cầm một cây đuốc chúc ngược xuống là biểu tượng của sự chết chóc. - 73.
- 23 Ở Nga ngày xưa, những nhà nghèo, khi có người chết, không đủ tiền mua quan tài tốt, họ thuê một quan tài loại tốt để quần thi hài trong khi người ta phúng viếng. Rồi lúc đem chôn thì dùng quan tài xấu hơn. - 73.
- 24, 25 *Séchxpia Uylia*m (1564 - 1616) - nhà thơ và nhà soạn kịch Anh vĩ đại, Uônơ Scốt (1771 - 1832) - nhà văn Anh, viết nhiều tiểu thuyết lịch sử. Ở đây Puskin muốn nói tới hình tượng những người phu đào huyệt trong vở bi kịch “Hăm lét” của Sếchxpia và trong tiểu thuyết “Cô dâu xứ Lamécma” của Uônơ Scốt. - 74.
- 26 *Hội tam điểm* là một tổ chức theo chủ nghĩa thần bí tồn tại vào nửa cuối thế kỷ XVIII. Hội này đặt cho mình mục tiêu phục hồi mặt đạo đức của loài người. Ba tiếng gõ cửa là một trong những nghi thức của hội viên hội tam điểm. Ở đây cách gọi ba tiếng gõ cửa “theo kiểu hội tam điểm” được dùng theo nghĩa pha trò. - 74.
- 27 Ở nước Nga đám cưới bạc là lễ mừng kỷ niệm 25 năm ngày thành hôn. Đám cưới vàng là kỷ niệm 50 năm ngày thành hôn. - 74.
- 28 Người Phần Lan ở vùng Bantích. - 75.
- 29 Viên phu trạm về hưu Ônuphrich - nhân vật trong truyện “Cô hàng kẹo ở Lêphoócôvô” (1825) của Antôn

- Pôgôrenxki (A.A Pêrôpxki, 1787 - 1836). - 75.
- 30 Chỉ việc Napôlêông chiếm Mátxcôva, kinh thành tự thiêu huỷ năm 1812. - 75.
- 31 *Kiểu Đôrida* - một trong ba kiểu kiến trúc chủ yếu cổ Hy Lạp (các loại bố cục kiến trúc). Các công trình xây dựng theo kiểu Đôrida nổi bật bởi tính hàm súc, giản dị và nghiêm trang về đường nét. - 75.
- 32 Trích trong truyện cổ tích bằng thơ “Mụ ngốc Pakhômôpna” của A.E. Idômailốp (1779 - 1831). - 75.
- 33 Câu trích không thật đúng theo hài kịch “Tay khoác lác” (1786) của Ia. B. Knhiagionhîn (1742 - 1791). - 76.

NGƯỜI COI TRẠM

- 34 Đề từ trích không thật đúng theo bài thơ “Thư trạm” (1825) của nhà thơ Nga P.A. Viademxki (1792 - 1878). Bảng phân loại về cấp bậc của Piôt I chia toàn bộ giới quan chức dân sự ra thành mười bốn ngạch bậc, viên chức đăng lục là thuộc bậc thấp nhất, bậc thứ mười bốn. - 80.
- 35 Bọn thơ lại nước Nga trước thời Piôt I nổi tiếng về chuyện ăn của đút và hối lộ. - 80.
- 36 Rừng cây ở vùng Murôm (tỉnh Vladimira) trên bờ phải sông Ôca là chỗ trốn tránh của bọn côn đồ trộm cướp. - 80.
- 37 Người đưa thư từ công văn. - 80.
- 38 Ý nói vùng ngoại vi của Pêterburg, nơi có doanh trại của trung đoàn Idômailốp. - 87.
- 39 Khách sạn loại sang ở Pêterburg trên bờ sông Môika, không xa đại lộ Nhepxki; bản thân Puskin cũng đã nhiều lần trọ ở đó. - 87.
- 40 Phụ nữ cưỡi ngựa thường có kiểu yên riêng, ngồi vắt hai chân sang một bên. - 88.

- 41 Chỉ những người say rượu lúc đêm khuya ngoài đường phố bị bắt buộc phải quét đường cho đến sáng dưới sự giám sát của cảnh sát và phu quét đường. - 89.
- 42 *Têrentích* - người hầu nô lệ, nhân vật trong bài thơ “Thầy đội kỵ binh về hưu” (1791) của I.I Đmitriép. - 89.

CÔ TIỂU THƯ NÔNG DÂN

- 43 Đề từ trích trong trường ca “Đusenka” (1775) của nhà thơ Nga Ipôlít Bôgđanôvích (1743 - 1803). - 91
- 44 Có nghĩa là vào đầu triều đại Paven I, ông vua độc đoán này có thái độ thù địch với đội cận vệ của Êcatêrina và bắt tay cái tổ quân đội theo kiểu Phổ. Điều này làm cho nhiều nhà quý tộc, đặc biệt là các sĩ quan cận vệ thời Êkatêrina căm ghét ông ta, vội vã bỏ về hưu. - 91.
- 45 “*Tin tức của Pháp viện tối cao*” - xuất bản phẩm (từ năm 1808) đăng các chỉ thị Nhà nước. - 91.
- 46 Trích trong “Thơ trào phúng” (1808) của nhà văn Nga A.A. Sakhốpki (1777 - 1864). - 92.
- 47 *Hội đồng giám hộ* - cơ quan cho vay vốn dưới hình thức ký quỹ bằng điền trang của quý tộc. - 92.
- 48 Khác biệt với các quan chức dân sự, thời đó các sĩ quan đều để ria. - 92.
- 49 *Giăng-Pôn* - biệt danh của nhà văn Đức Iôhannơ Paun Richter (1763 - 1825), tác giả những tiểu thuyết và bài báo có nội dung chính trị và triết học. Puskin ở đây muốn ám chỉ câu cách ngôn trong cuốn sách Pháp “Tư tưởng của Giăng-Pôn, lấy ra từ tất cả các tác phẩm của ông” (1829). - 93.
- 50 “*Pamêla*, hay đức hạnh được ban thưởng” (1741) - cuốn tiểu thuyết được ưa thích của nhà văn Anh Risa-xơn (1689

- 1761). - 94.

51 Một thứ đồ chơi cổ bằng đất, như con voi đất của Việt Nam. - 97.

52 *Madame de Pompadour* - phu nhân Pôngpađu (1721 - 1764), người được vua Pháp Luy XV sủng ái. - 105.

53 Phương pháp giáo dục do nhà sư phạm Anh Giôn Lencátxtơ (1771 - 1838) đưa ra, ở đây các học sinh khá hơn cả giúp thầy giáo trong việc giảng dạy. Phương pháp này phổ biến rộng rãi đầu thế kỷ XIX. - 106.

54 "Natalia, cô con gái nhà quý tộc" (1792) - truyện dài lịch sử của nhà sử học Nhicôlai Mikhailôvich Karamdin (1766 - 1826). - 106.

55 Ý muốn nói đến lời của Tarát Xcôtinin, nhân vật trong vở hai kịch "Vị thành niên" của Đ.I. Phônvidin. - 108.

Rôxlavliép (trang 111). - Tác phẩm được viết vào mùa hè năm 1831, nhằm tranh luận bằng hình tượng văn học với tiểu thuyết lịch sử "Rôxlavliép, hay những người Nga năm 1812" của M.N. Dagôxkin (1789 - 1852). Nhắc lại cơ sở cốt truyện - câu chuyện tình yêu của một cô gái quý tộc Nga đối với một sĩ quan Pháp, Puskin cơ bản đã thay đổi luận thuyết về các nhân vật và các sự kiện. Puskin đã đặt vào thế đối lập một cách rõ ràng chủ nghĩa yêu nước của các giới thượng lưu quý tộc, tinh cách bợ đỡ mù quáng của chúng trước phương Tây, thói háo danh của chúng với chủ nghĩa anh hùng tuyệt vời của nhân dân Nga và tình cảm yêu nước sâu sắc của Pôlina, nữ đại diện của giới trí thức tiến bộ.

Phần đầu tác phẩm này của Puskin dưới nhan đề "Trích các ghi chép chưa xuất bản của một bà" (1811) không có tên, tác giả lại kèm theo ghi chú "dịch từ Pháp văn" ở cuối văn bản được in ở "Người đương thời" tháng Chín năm 1836. Cả chương Puskin chưa in lần đầu tiên được công bố trong toàn

tập Puskin (1841, t. XI) và trong xuất bản phẩm của P.V. Annenkôp (1855, t. I).

- 1 Ý nói đến tiểu thuyết lịch sử “Rôxlavliép, hay những người Nga năm 1812” của nhà văn Nga M.N Dagôxkin. - 111.
- 2 Tương đương Bộ Ngoại giao. Đó là một trong ba hội đồng của nhà nước hợp thành cơ quan chính quyền Trung ương được thành lập từ thời Piôt I. Phụ trách các vấn đề đối ngoại. (Chính Puskin sau khi học xong trường Litxê cũng đã làm việc ở hội đồng ngoại quốc). - 112.
- 3 Chỉ có những quan đại thần mới được đi xe thăng ngựa như vậy. - 112.
- 4 Chiếc chìa khoá vàng trên chiếc dây băng màu lam là dấu hiệu của quan đại thần; ngôi sao là dấu hiệu của đệ nhất bộ tịch. Chiếc chìa khoá biểu thị rằng quan đại thần đó có thể ra vào trong nội điện. - 112.
- 5 *Crêbiông Clôt - Prôxter - Giôliô* (1707 - 1777) - nhà văn Pháp, tác giả nhiều tiểu thuyết và truyện cổ tích miêu tả phong tục. - 112.
- 6 Xumarôcôp Alêchxândrơ Pêtơrôvích (1717 - 1777) - nhà viết kịch và nhà thơ Nga, một trong những đại diện xuất sắc của chủ nghĩa cổ điển Nga. - 113.
- 7 “*Iuri Milôxlápxi*, hay Những người Nga năm 1612” (1829) - cuốn tiểu thuyết lịch sử Nga đầu tiên của M.N. Dagôxkin, được độc giả Nga thời ấy rất hâm mộ. Đã được Xôphia Kônrôt dịch ra tiếng Pháp và xuất bản ở Pari năm 1831. - 113.
- 8 *Lômônôxốp Mikhain Vaxiliêvích* (1711 - 1765) - nhà bác học, nhà tự nhiên học có tầm cỡ thế giới đầu tiên của Nga, nhà thơ, người đặt nền móng cho tiếng Nga hiện đại. - 113.
- 9 “*Lịch sử của Karamdin*” là bộ “*Lịch sử quốc gia Nga*” gồm 12 tập của N.M. Karamdin. Đó là bộ tư liệu xác thực đồ sộ đầu

tiên về lịch sử nước Nga đến cuối thế kỷ XVI. - 113.

10 *Xikhole* - các cửa hiệu thời trang ở Mátxcơva và Peterburg. - 113.

11 *M.me de Stael* (bà đỡ Xtan) - nữ văn sĩ Pháp Anna Luida Giêrmena đỡ Xtan (1766 - 1817). Những cuộc truy nã của Napôlêông đối với bà đỡ Xtan đã khiến bà trở thành một người phụ nữ nổi tiếng ở châu Âu. Bà là một người chống chế độ độc tài quân sự. Năm 1803 bà bị trục xuất khỏi Pari (mãi năm 1814 mới trở về). Cuốn sách "Về nước Đức" của bà viết năm 1810 đã bị đốt theo lệnh của Napôlêông. Năm 1812 sang thăm Pêterburg và Mátxcơva; bút ký về chuyến đi thăm nước Nga ("Mười năm lưu đày") xuất bản sau khi bà qua đời, vào năm 1820. Puskin đã đánh giá cao tài năng của người phụ nữ lỗi lạc này. - 114.

12 "*Còrina*, hay là nước Ý" (1807) - cuốn tiểu thuyết của bà đỡ Xtan được cả châu Âu hâm mộ. Tác phẩm hấp dẫn không chỉ bởi câu chuyện kể về tấn bi kịch tình thân của một người phụ nữ có học vấn cao, khao khát tự lập và bình đẳng, mà còn bởi tài miêu tả vẻ đẹp kỳ diệu của Ý, bởi khát vọng của tác giả muốn tái tạo không khí lịch sử và dân tộc của Ý. - 114.

13 *Satôbriăng Phranxoa, Ronêđơ* (1768 - 1849) - nhà văn lãng mạn Pháp. - 116.

14 *Bairôn Gioócgiơ Nôen Goócđan* (1788 - 1824) - nhà thơ Anh nổi tiếng, đại diện xuất sắc nhất của chủ nghĩa lãng mạn cách mạng, người sáng lập trào lưu văn học gọi là chủ nghĩa Bairôn. - 116.

15 *Luy XV* - hoàng đế Pháp từ năm 1715. Ông ta biện hộ cho cuộc sống nhơn nhơ, thiếu quan tâm đến công việc quốc gia bằng nguyên tắc: "Sau chúng ta dù có nạn hồng thủy cũng mặc!" - 116.

- 16 Tên một phố ở Mátxcơva, nơi có nhiều cửa hàng thời trang ngoại quốc, đặc biệt là các cửa hàng Pháp. - 116.
- 17 *Liên minh sông Ranh* - Liên hiệp các quốc gia phụ thuộc Pháp do Napoléon thiết lập trên lãnh thổ nước Đức những năm 1806 - 1813. - 116.
- 18 Truyền đơn chống Pháp, tác giả là thống đốc Mátxcơva, bá tước Ph. V. Raxtôpsin (1763 - 1826). - 116.
- 19 *Laphít* - một loại rượu vang đỏ của Pháp. - 117.
- 20 *Pôgiarxki Đmitri Mikhailôvich* (1578 - 1642) - công tước, một trong những người lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Nga chống sự can thiệp của Ba Lan - Thụy Điển vào đầu thế kỷ XVIII. Năm 1612 được cử ra thống lĩnh dân binh Nigioni Nôpgôrôt; cùng với Minin lãnh đạo việc giải phóng Mátxcơva. Từ 1613 là một bậc đại thần, một anh hùng nhân dân.
- Minin Côđôma* (? - 1616) - người tổ chức và lãnh đạo dân binh trong những năm 1611 - 1612 giải phóng Mátxcơva khỏi bọn can thiệp Ba Lan. Là một người thợ rèn ở Nigioni Nôpgôrôt. Năm 1613 được phong tước hiệu quý tộc Viện Đu-ma. Anh hùng nhân dân. Năm 1812 Minin và Pôgiarxki được dựng tượng kỷ niệm tại Quảng trường Đỏ ở Mátxcơva. - 117.
- 21 *Pale-Roian* - cung điện của các công tước Oóc-lăng ở Pari. Ở đây muốn nói tới nội cung, nơi có các cửa hàng và các chốn giải trí đủ loại. - 118.
- 22 *Sáclôt Coócđê* - một phụ nữ Pháp theo chủ nghĩa quân chủ đã mưu sát lãnh tụ phái Giacôbanh Pháp là Marát, một nhà hoạt động xuất sắc của cách mạng Pháp vào năm 1793. Sau đó đã bị tử hình. - 118.
- 23 *Marpha Pôxátnhitxa* - bà quá phụ tỉnh trưởng Nôpgôrôt là Ixaác Bôrétxki. Sau khi chồng chết bà đã cầm đầu nhóm

quý tộc ở Nốpgôrôt chống lại việc hợp nhất Nốpgôrôt với Mátxcôva. Năm 1478, sau khi Nốpgôrôt sát nhập với đại công quốc Mátxcôva, bà ta bị giam vào nhà tù. - 118.

24 *Công tước phu nhân Dascôva Ê.R.* (1743 - 1810) - người tham gia vụ đảo chính cung đình, kết quả Êcatêrina II lên ngôi Hoàng đế; sau này là chủ tịch đầu tiên của Viện Hàn lâm Nga (1783 - 1796). - 118.

25 Đoạn trích này lấy trong truyện dài của Satôbriăng "Ronê" (1802). - 118.

26 *Bá tước Đmitariép - Mamônốp M.A.* (1790 - 1863) năm 1812 đã dùng tiền của mình xây dựng một trung đoàn Cô-dắc và được cử làm chỉ huy. - 118.

27 *Proverbes* (ngạn ngữ - tiếng Pháp) - các vở hài kịch dựa vào đề tài các ngạn ngữ, một thể loại kịch xuất hiện vào thế kỷ XVIII ở Pháp. - 120.

28 *Trận Bôrôđinô* - diễn ra ở gần làng Bôrôđinô ngày 26 tháng Tám (7 tháng Chín) 1812 trong thời gian cuộc Chiến tranh ái quốc 1812. Dưới sự chỉ huy của Mikhain Ilariônôvich Kutudốp, quân đội Nga bằng cuộc phòng thủ anh dũng kiên cường đã phá vỡ mưu đồ của Napôlêông hùng đánh bại quân đội Nga, tiêu hao sinh lực và mở đầu cho việc đánh bại quân đội của Napôlêông I. - 121.

Đubrôpxki (trang 124) - tiểu thuyết này bắt đầu được viết ngày 21 tháng Mười năm 1832 ở Pêterburg. Thời điểm cuối cùng công việc viết tác phẩm này đến nay còn được biết: 6 tháng Hai năm 1833. Dự định của tiểu thuyết này được gợi ra do một chuyện có thật mà Puskin đã được anh bạn thân Paven Voinôvích Nasôkin (1801 - 1854) kể cho nghe: một quý tộc nhỏ người Bêlôruksia, họ là *Ôxtarôpxki*, kiện cáo với người hàng xóm về đất đai, thua kiện bị truất khỏi trang ấp, đã cùng với gia nhân, trở

thành kẻ cướp (tiểu thuyết này thoát đầu cũng mang tên là "Ôxtorôpxki"). Qua người quen của Nasôkin - viên quan chức Đ.V. Kôrôtki - Puskin lấy được một bản sao chép tay về vụ kiện có thực ở toà án huyện Côđrôlốp tháng Mười năm 1832. Tài liệu này Puskin đã đưa đầy đủ vào chương hai, chỉ thay đổi tên họ và chức vụ nhân vật. Ngoài ra trong tác phẩm này cũng phản ánh câu chuyện Puskin được biết về cuộc nổi loạn của nông dân dưới quyền địa chủ vùng Pôrkốp là Đubrôpxki, xảy ra năm 1737, trong đó chính viên địa chủ đứng về phía chống Chính phủ. Tác phẩm này của Puskin còn dở dang. Theo dự định của Đubrôpxki về sống ở Mátxcơva, về sau do sự tố cáo của một thú hạ của ông, ông đã bị cảnh sát bắt.

Lần đầu tiên được in (với nhiều chỗ lược bỏ và xuyên tạc) năm 1841, trong tập X, Tuyển tập tác phẩm của Puskin. Nhan đề "Đubrôpxki" là do người xuất bản đặt.

- 1 Đề từ trích trong bài tụng ca "Nhân cái chết của công tước Mêserxki" (1779) của nhà thơ Nga G.R. Đergiavin (1713 - 1816). - 138.
- 2 Câu đầu một bài hợp xướng trích từ bài thơ của Đergiavin, âm nhạc của Ô. A. Côđrôlôpxki viết nhân việc quân đội Nga chiếm được pháo đài Thổ Nhĩ Kỳ Idomain (1791). - 139.
- 3 Linh mục của giáo hội Nga có thể có vợ. - 141.
- 4 Lời trong Kinh thánh (điều 33, câu 15). - 143.
- 5 Ý nói đến cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1787 - 1791. - 146.
- 6 Có lẽ ở đây muốn nói đến một cuốn sách dạy nấu nướng. Có thể đó là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng một thời của nhà văn Nga thế kỷ XVIII M. Tsunkốp "Chị đầu bếp tuyệt vời, hay Những cuộc phiêu lưu của người đàn bà trác

táng". - 152.

- 7 Ở đây muốn nói đến cách xem tướng của Laphate I.C. (1741 - 1801) - nhà văn có tiếng thế kỷ XVIII của Thụy Sĩ chuyên xem tướng người ta qua cấu tạo của hộp sọ và nét mặt. - 156.
 - 8 *Kulnhóp Iakóp Pêtrôvích* (1763 - 1812) - một danh tướng tử trận trong cuộc chiến tranh chống Napôlêông (1812) ở Kliaxtitxư. Sau khi ông mất, ảnh chân dung in thạch bản của ông được phổ biến rộng rãi. - 159.
 - 9 *Rátclíp Anna* (1764 - 1823) - một nữ văn sĩ Anh nổi tiếng chuyên viết loại tiểu thuyết kể về những cuộc phiêu lưu bí ẩn và những chuyện khủng khiếp đủ loại, cuối cùng bao giờ cái thiện cũng được ban thưởng, và điều ác phải bị đền tội. - 160.
 - 10 Mùa đông ở Nga các nhà thường hay lắp hai khung cửa kính. - 164.
 - 11 Giấy chứng chỉ được dùng ngựa ở trạm. - 166.
 - 12 *Rinandô* - nhân vật chính trong quyển tiểu thuyết "Rinandô Rinandini - chàng tướng cướp" (1797) của nhà văn Đức Kh. A. Vulpius (1762 - 1827). Tiểu thuyết này là một chuỗi những cuộc phiêu lưu khó tin là có thật, không có liên quan gì với nhau, trong đó Rinandô xuất hiện khi thì như một chàng tướng cướp dũng cảm, lúc lại như một đảng tình nhân dịu dàng. - 177.
 - 13 Hai ngôi sao - hai huân chương cao nhất thường tặng cho những đại thần dưới thời Nga hoàng. - 177.
 - 14 *Côn-rát* - nhân vật chính trong thiên trường ca "Côn-rát Valen-rôt" (1828) của nhà thơ Ba Lan Adam Mítxkiêvích (1798 - 1855). Do lơ đãng, người tình của chàng đã thêu hoa hồng bằng chỉ xanh, và thêu lá bằng chỉ đỏ. - 179.
- Con đằm pích* (trang 195). - Puskin viết tác phẩm này ở

Bôndinô vào tháng Mười - tháng Mười một năm 1833. Có chứng cứ cho biết thoát đầu Puskin định đặt tên cho truyện này là “Phát đạn giả”. P.V. Nasôkin, người mà Puskin đọc cho nghe “Con đầm pích”, đã kể lại rằng “cốt truyện không phải bịa ra”. Bà lão nữ bá tước - đó chính là Natalia Pêtrôpna Gôlitxuna (mẹ của Đ.V. Gôlitxun, thống đốc Mátxcôva), quả thực có sống ở Pari hết như Puskin miêu tả. Ngày 7 tháng Tư năm 1834 Puskin đã ghi nhật ký: “Con đầm pích” của tôi được hâm mộ. Bọn con bạc đua nhau đặt con ba, con bảy và con xi. Ở trong triều người ta nhận ra sự giống nhau giữa nữ bá tước già và nữ công tước N. P. Gôlitxuna và, hình như, họ không bực tức”.

Lần đầu tiên “Con đầm pích” in trong “Tủ sách để giải trí” vào năm 1834 (t. II, quyển 3).

- 1 Đề từ là những câu thơ chính Puskin viết trong bức thư gửi đến người bạn là nhà thơ Piôt Viademxki đề ngày 1 tháng Chín năm 1828. - 195.
- 2 Thuật ngữ đánh bài, có nghĩa là không tăng số tiền đặt lên. - 195.
- 3 *Bá tước Xanh-Giécmanh* - một nhà giả kim thuật người pháp, một người nổi tiếng phiêu bạt thế kỷ XVIII; trong những năm 1760 đã đến thăm nước Nga. - 197.
- 4 *Cadanôva Giôvani Giacômô* (1725 - 1798) - người Ý nổi tiếng phiêu bạt, tác giả nhiều hồi ký hấp dẫn. - 197.
- 5 *Đôrích Xêmiôn Gavriloóvich* (1745 - 1799) - một trong những người được hoàng hậu Êkatêrina II sủng ái; một con bạc máu mê. - 199.
- 6 Thay cho đề từ của chương II, Puskin đã dùng những lời lẽ trong câu chuyện giữa nhà thơ Đ.V Đavudôp với M.A Narúskina, một phụ nữ quý tộc thân quen của ông. - 199.

- 7 Trích “Thần khúc” của văn hào Ý Dăngtơ Alighiêri (1265 - 1321) (“Thiên đường”, khúc XVII, câu thơ 58). - 202.
- 8 *Madame Lebrun* - bà Vigie Lơbroong (1755 - 1842) - một nữ họa sĩ vẽ chân dung thời thượng Pháp. - 210.
- 9 *Leroy - Lơoa Giuyliên* (1686 - 1759) và *Lơoa Pie* (1717 - 1785) - hai cha con người thợ làm đồng hồ nổi tiếng ở nước Pháp vào thế kỷ XVIII. - 211.
- 10 Một thứ đồ chơi phổ biến hồi cuối thế kỷ XVIII. Đó là một chiếc vòng có sơn màu, có thể chạy lên chạy xuống theo một sợi dây. - 211.
- 11 Khinh khí cầu của Môngônphiê - bóng lớn chứa khí nóng, do anh em Môngônphiê thả bay vào tháng Sáu năm 1783 ở Vécxây. - 211.
- 12 *Thuật thôi miên của Mếtxme* - các thực nghiệm về thôi miên của bác sĩ người Áo Ph. Mếtxme (1734 - 1815). Cơ sở của thuật này là khái niệm về “sự ám thị sinh vật”, bằng cách đó dường như có thể thay đổi được trạng thái của cơ thể, trong đó kể cả có thể chữa được bệnh tật. - 211.
- 13 “*Oubli ou regret*” tiếng Pháp có nghĩa là “lãng quên hay hối tiếc”. Trong điệu nhảy ca-đrin, ba bà của ba cặp nhảy đặt cho mình tên gọi bằng những chữ có tính chất quy ước và đề nghị bên nam chọn một trong mấy chữ đó. Bên nam chọn chữ nào có nghĩa là chọn người bạn nữ có tên gọi quy ước đó. - 215.
- 14 *Svedenborg Emanuin* (1688 - 1772) - nhà văn và nhà triết học thần bí Thụy Điển. Tác phẩm của ông vào những năm 30 thế kỷ XIX rất được hâm mộ, tên tuổi ông mang đầy huyền thoại. - 218.
- 15 *Vị hôn phu Nửa đêm* - tên gọi Khristô Giêxu trong câu chuyện ngụ ngôn Kinh thánh về 10 cô gái đồng trinh. - 219.

16 *Atánde!* (Từ gốc tiếng Pháp: *attendez!* - khoan đã!) - thuật ngữ đánh bài, có nghĩa là: “đừng đặt cửa vội!”. - 220.

17 Để cho khỏi nhầm là đánh gáp đôi. - 222

“*Đêm Ai Cập*” (tr. 225). - Thoạt đầu Puskin đặt tên cho truyện này là “*Clêôpatôra*”. Ông viết vào mùa thu năm 1835 ở Mikhailôpxkôie. Tác phẩm không được hoàn thành trọn vẹn. Có lẽ Puskin sử dụng trích đoạn trường ca bỏ dở “*Êderxki*” (1833) và bài thơ về Clêôpatôra viết năm 1824 và được viết lại năm 1828 của mình đưa vào truyện làm lời ứng tác của nghệ sĩ Ý. Hình tượng nhà thơ ứng tác, có thể có được do ấn tượng sau các buổi trình diễn của người Đức tên là Mắc Langhesvartxơ đến nước Nga năm 1832. Người bạn gần gũi của Puskin, nhà thơ Ba Lan Adam Mitxkiêvich cũng có tài ứng tác thơ. Ở hình tượng Tsarxki, Puskin đưa vào một số nét tiểu sử của bản thân. Truyện “*Đêm Ai Cập*” lần đầu in sau khi nhà thơ đã qua đời, trong tạp chí “*Người đương thời*” (1837, t. VIII).

1 Đề từ này lấy ở “*Tùng thư trò chơi chữ*” (1771) của hầu tước Biơvơ. - 225.

2 Món kem sữa làm ở cửa hàng kẹo bánh của Rêdanốp ở Pêterburg. - 227.

3 *Métxenát* - người đỡ đầu khoa học và nghệ thuật; gọi theo tên một nhà quý tộc giàu có ở Rôm, nổi tiếng che chở các nhà thơ và họa sĩ. - 229.

4 Đề từ trích trong bài tụng ca “*Thượng đế*” (1784) của G. Dergiavin. - 231.

5 *Dexdêmona* - nữ nhân vật trong bi kịch “*Ôtenlô*” (1604) của U. Sếchxpia. - 232.

6 *La singnora Catalani* - bà Catalani Angiêlica (1780 - 1849) - nữ ca sĩ nổi tiếng người Ý, những năm 20 thế kỷ XIX

sang biểu diễn ở Pêterburg. - 233.

- 7 “Tăngkrét” (1813) - nhạc kịch của nhạc sĩ Ý Gioakinô Rôxinhi (1792 - 1868) dựa trên cốt truyện bi kịch cùng tên của Vôn-te (1760). Được công diễn ở Pêterburg vào mùa biểu diễn năm 1834 - 1835. - 234.

- 8 Gia đình Tsentsi - một gia đình quyền quý ở La Mã. Năm 1598 các thành viên của gia đình này bị truy tố vì tội giết người cha của gia đình là Phrantsex - cô Tsentxi. Cảnh sát của Giáo hoàng Klimen VIII dò la được rằng tham gia vào vụ giết người này có con gái của Phrantsex - cô Bêatoritsê xinh đẹp, em trai cô ta và dì ghẻ của họ, vợ Phrantsex là Lukrêtxia Pêtônhi. Mặc dù toà án đã rõ ràng việc giết người có nguyên nhân là sự lăng nhục quá đáng của gã Phrantsex truy lạc và chuyên quyền đối với các thành viên trong gia đình, nhưng các bị cáo vẫn bị kết án tử hình. Thái độ cương quyết của Bêatoritsê thể hiện trong khi bị tra tấn và lúc lên đoạn đầu đài đã khiến cho mọi người thương cảm. Lịch sử gia đình Tsentsi là cơ sở cho một loạt tác phẩm văn học.

Ngày cuối cùng của thành Pômpei. - Chủ đề để ứng tác thơ có lẽ được gợi ra bởi bức tranh của Căclơ Pêtônôvich Briulốp (1799 - 1852) được trưng bày ở Pêterburg năm 1834 và gây tiếng vang lớn trong dư luận.

Clêôpătôra và các tình nhân của bà. - Clêôpătôra (69 - 30 trước Công nguyên) - nữ hoàng cuối cùng của Ai Cập. Triều đại của bà ta trùng với giai đoạn Ai Cập bị La Mã chinh phục. Nhằm giữ được quyền binh trong tay mình, Clêôpătôra đã gán bó số phận của mình khi thi với Xêda, lúc thi với Máccơ Antôni (thống lĩnh quân đội La Mã đã chạy sang phía Ai Cập). Khi Máccơ Antôni bị Ôctavian đánh bại, Clêôpătôra đã uống thuốc độc tự tử, và Ai Cập bị sát nhập với La Mã. Clêôpătôra nổi tiếng vì trí thông

minh, vì sắc đẹp hiếm có, vì trí thức và thói truy lạc. Hình tượng Clêôpatơra và số phận của bà ta là đề tài của nhiều tác phẩm văn học.

Mùa xuân nhìn qua cửa ngục. - Đề tài có lẽ được gợi ra bởi chi tiết trong cuốn sách nổi tiếng lúc đó của nhà văn và nhà hoạt động chính trị Ý Xinviô Penlicô (1789 - 1854) "Những nhà ngục của tôi" (1832).

Cuộc khai hoàn của Tasso. - Tócvatô Tasso (1544 - 1595) - nhà thơ Ý nổi tiếng thời Phục Hưng. Sống dưới triều quân công Phêrarôxki Anphôngxơ II. Do những mưu toan thoán đoạt trong cung đình nên bị giam vào ngục, đến cuối đời vẫn bị truy nã và bị chết trong nhà tù ít lâu trước khi được vòng nguyệt quế ở Kapitôlia. Về đề tài này K. N. Bachiuskôp (1787 - 1855) đã viết bản sâu ca "Tasso hấp hối" (1817). - 236.

9 Ý nói tình tiết trong cuốn sách "Về những con người danh tiếng của thành La Mã" mà người ta cho là của nhà văn và nhà sử học La Mã cổ đại Xêchxtơ Avrêlia Víchto (thế kỷ IV sau Công nguyên). - 237.

10 *Êpiqueya* - triết gia duy vật cổ Hy Lạp thế kỷ IV - III trước Công nguyên, cho rằng mục đích cuộc sống là hưởng khoái lạc. - 238.

11 Kipriđa - tên gọi nữ thần tình yêu của người Hy Lạp cổ đại. - 238.

12 Kharít - trong thần thoại cổ Hy Lạp thì ba chị em nữ thần tượng trưng cho sự duyên dáng và lời cuốn. - 238.

13 Amua - thần tình yêu của người La Mã cổ đại. Được thể hiện qua hình hài một chú bé trần truồng có đôi cánh sau lưng và bộ cung tên. - 238.

14 Aít - theo thần thoại cổ Hy Lạp, đó là thần của âm phủ và của vương quốc các người chết. - 238.

Người con gái viên đại uý (tr. 240). - Vào những năm 30, Puskin suy nghĩ rất nhiều về vấn đề các cuộc khởi nghĩa

của nông dân. Phạm vi công việc viết tiểu thuyết “Đubrôpxki” không cho phép đặt vấn đề này ra một cách rộng rãi. Puskin đưa ra giải quyết trong tiểu thuyết “Người con gái viên đại úy”. Đề cương đầu tiên của “Người con gái viên đại úy” được Puskin phác ra ngày 31 tháng Giêng năm 1833.

Cuối tháng Hai năm 1833 Puskin được phép vào nghiên cứu một loạt các tư liệu lưu trữ, và lòng say mê những tư liệu này đã cho ra đời “Lịch sử Pugatsốp”, mà theo yêu cầu của Nga hoàng phải đặt tên là “Lịch sử cuộc phiến loạn của Pugatsốp”, - đó chính là công trình nghiên cứu cơ bản về cuộc chiến tranh nông dân 1773 - 1775.

Công việc viết “Người con gái viên đại úy” kết thúc vào năm 1836, những dòng cuối cùng được đề ngày 19 tháng Mười 1836.

“Người con gái viên đại úy” được in trong tạp chí “Người đương thời” vào năm 1836 (tập IV - tập cuối cùng của tạp chí ra khi Puskin còn sống). Lần in này có một số chỗ bị kiểm duyệt bỏ. Thực ra trong quá trình viết về một đề tài xã hội gay gắt như thế này Puskin đã luôn luôn phải thận trọng nghĩ đến kiểm duyệt. Đáng chú ý là mặc dù như vậy ông vẫn xây dựng được hình tượng của chính Pugatsốp khá hấp dẫn và nhấn mạnh cảm tình của Grinhốp đối với nhân vật này. Có lẽ, chính vì suy tính đến kiểm duyệt mà ở bản thảo lần cuối cùng Puskin đã loại ra chương kể về cuộc nổi dậy ở chính làng của cha Grinhốp và việc nông dân ở đây hưởng ứng cuộc nổi dậy này. Có lẽ không hy vọng in được chương này, nên tác giả không sửa chữa lại, và chính ông gọi chương này trong bản thảo là “Chương bỏ qua”. Chương này được in lần đầu tiên vào năm 1880 (“Tư liệu lưu trữ Nga”, N 3).

- 1 Đề từ trích từ vở hài kịch “Tay khoác lác” của I.B.

Knhiagionhin. - 240.

- 2 Nguyên soái *Miních B.K* (1683 - 1767) - nhà quân sự và nhà hoạt động xã hội, thống soái quân đội Nga. Sau cuộc đảo chính cung đình năm 1741 bị đày đi Xibiri, sống ở đó suốt hai mươi năm, sau được Piôt III đưa trở về kinh đô. Trong cuộc chính biến 1762, kết quả là Êkatêrina II đoạt được chính quyền, thời gian đầu Miních đứng về phía Piôt III. Ông già Grinhốp về hưu đúng vào lúc Miních thất thế năm 1741. - 240.
- 3 *Trung đoàn Xêmiônôpxki* - một trung đoàn cận vệ. Từ thời Piôt I, quý tộc muốn được nhận cấp bậc sĩ quan thoát đầu buộc phải làm lính trong các trung đoàn cận vệ. Để tránh luật lệ này, các ông bố đẻ đăng lính cho con mình vào một trung đoàn cận vệ nào đó từ lúc nhỏ, để đến lúc thực sự đến tuổi tòng ngũ chúng đã được cấp bậc sĩ quan. - 240.
- 4 Tức là người gia nô chuyên coi sóc và dạy dỗ một đứa trẻ. - 241.
- 5 Ám chỉ con nhà quý tộc vị thành niên. Từ 1782, sau khi vở hài kịch "Vị thành niên" của nhà viết kịch Nga Đ.I. Phônvidin được trình diễn, trong đó thói lười biếng, thô bỉ, ngu ngốc của bọn quý tộc nhãi nhép bị chế nhạo, thì danh từ này mang sắc thái khinh bỉ. - 242.
- 6 "*Niên lịch Triều đình*" - một quyển lịch của Chính phủ in hàng năm, ngoài những thông báo lịch chung ra, trong đó có in cả danh sách các quan chức văn võ cao cấp, lịch trình các cuộc tiếp rước trong cung đình, v.v... Xuất bản từ năm 1735 đến năm 1917. - 242.
- 7 Tức hai huân chương cao nhất của nước Nga Sa hoàng: một là huân chương Anđrây Pervôdovanui, hai là huân chương Alêchxandơ Nhépki, đặt ra vào thời Piôt I và Êkatêrina I. - 243.

- 8 *Andrây Karlóvích R.* - người mẫu của nhân vật này là tướng Ivan Andrêévích Reinxđorphơ, thống lĩnh quân sự vùng Ôrenburg những năm 1768 - 1781. - 244.
- 9 Một câu trong bài “Gửi các gia nhân” (1769) của Đ.I. Phônvidin. - 247.
- 10 Đề từ chương II này, cũng như của các chương V, VI, VII trích từ “Tập các bài dân ca khác nhau” (1770 - 1774) của M.Đ. Tsuncốp. - 249.
- 11 Người làm cha hay mẹ đỡ đầu cho con mình, nói rộng ra là tiếng chỉ những người bạn thân thiết lâu năm. - 249.
- 12 Ngày nay là sông Uran. - 253.
- 13 Người Cô-dắc miền sông Iaich làm thành một tổ chức quân ngũ riêng, gọi là “đội quân Iaich”. Ngày 12 tháng Giêng 1722 đội quân Iaich phát động cuộc khởi nghĩa do quyền tự trị của nó bị hạn chế. - 255.
- 14 Nông dân Nga thường nằm ở giàn trên của lò sưởi cho ấm. - 255.
- 15 *Anna Ivanópna* (1693 - 1740) - nữ hoàng Nga những năm 1730 - 1740, cháu gái của Nga hoàng Piôt I. - 256.
- 16 Đây là ý nói đến Minich B.K. - 257.
- 17 Vùng ở phía sông Uran, bây giờ là lãnh thổ của nước Cộng hoà Xô viết Kadăcxtan. - 257.
- 18 Đề từ thứ nhất - bài ca binh sĩ - có lẽ do bản thân Puskin sáng tác ra. Đề từ thứ hai trích không thật đúng nguyên văn từ hài kịch “Vị thành niên” của Đ.I. Phônvidin. - 258.
- 19 Đây muốn nói đến Kixtơrin - một pháo đài của Phổ bị quân đội Nga vây năm 1758 trong cuộc Chiến tranh Bảy năm. Ôtsakốp là một pháo đài của Thổ Nhĩ Kỳ bị tướng Minich chiếm năm 1737. - 259.
- 20 Một bức tranh vẽ bảy chuột đem chôn con mèo, một trong

- những bức tranh mộc bản phổ biến nhất trong thế kỷ XVIII, có tính chất châm biếm. - 259.
- 21 Đề từ trích từ hài kịch “Những kẻ kỳ quặc” (1794) của I.B. Knhiagiơnhin. - 264.
- 22 Nguồn gốc của bài thơ đã được sửa chữa và rút ngắn đôi chút là ở “Toàn tập các bài dân ca Nga” của M. Tsuncốp, do nhà văn khai sáng N. Nôvicốp xuất bản, (1780, phần I). - 265.
- 23 *Tơrêđiakốpski Vaxili Kirilôvich* (1703 - 1768) - nhà thơ, dịch giả và nhà lý luận văn học. Thơ của ông thường gọi lên ở những người đương thời một thái độ châm biếm không phải bao giờ cũng công bằng. Cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX tên tuổi Tơrêđiakốpski là biểu tượng mọi cái hủ lậu trong văn học. - 266.
- 24 “Hỡi cô con gái ông đại uý” - lời một bài hát lấy trong tuyển tập của nhà soạn nhạc Nga, nghệ sĩ pianô Ivan Pratsơ “Tuyển tập các bài dân ca Nga” (1790). - 269.
- 25 Tức bắt ăn chay, đọc kinh lâu ngày. - 270.
- 26 Đề từ trích trong tuyển tập của M. Tsuncốp, đây là câu đầu tiên của bài hát về việc đánh chiếm thành Cadan. - 272.
- 27 Đây muốn nói tới lời hiệu triệu của Pugatsốp do một người Cô-dắc ít học nào đó thảo ra. - 280.
- 28 Ở đây muốn nói đến cuộc khởi nghĩa ở Baskiria bị quân đội của Nga hoàng đàn áp một cách cực kỳ tàn khốc. - 286.
- 29 *Ki-vôt* - một thứ tù thờ có đựng các ảnh thánh. - 396.
- 30 *Tsumacốp Phêđo* - một người Cô-dắc miền sông Iaich chỉ huy pháo binh trong quân đội Pugatsốp. Năm 1773 Tsumacốp 45 tuổi. Pugatsốp gọi y là bá tước Oóclop. Về

- sau Tsumacóp là một trong những kẻ đã bắt nộp Pugatsóp cho nhà cầm quyền, nhờ đó mà y thoát khỏi mọi sự trừng phạt. - 300.
- 31 Đây cũng chính là bài hát được nhắc tới trong thiên truyện “Đubrôpxki”. Trong bản thảo “Người con gái viên đại uý” bài hát này không được chép ra, mà chỉ ghi số trang trong “Toàn tập các bài dân ca Nga” (1780, phần I). - 301.
- 32 *Grisa Ôtôrêpiép* - con trai một dòng họ quý tộc, tu sĩ của tu viện Tsubóp ở Mátxcơva dưới tên hiệu là Grigôri, năm 1602 tự xưng là hoàng tử Đmitơri, con trai của Ivan Hung bạo tức Ivan IV (1530 - 1584) - đại công tước Nga từ 1533, hoàng đế Nga từ 1547. Được nhắc đến trong lịch sử dưới tên gọi là Đmitơri I - Người mao danh, tay chân của tầng lớp lãnh chúa quý tộc nhỏ Ba Lan. Năm 1605, sau khi Bôrit Gôđunốp chết, đã làm lễ đăng quang ở Mátxcơva và chỉ sau 11 tháng (1606) thì bị các quý tộc mưu phản giết chết. - 302.
- 33 Đề từ lấy từ bài thơ “Chia ly” của nhà văn Nga Mikhain Khêraxkóp (1733 - 1807). - 303.
- 34 *Ra-tin* - thứ len chải, lông xù. - 305.
- 35 Đề từ trích trong anh hùng ca của M. Khêaxkóp “Rôxiada” (1779) ca ngợi Ivan Hung bạo đánh chiếm thành Cadan. - 308.
- 36 *Lidivêta Kharlôva* - vợ của đồn trưởng đồn Nigiornee Ôdêrô, thiếu tá Kharlốp, người đã bị Pugatsóp giết chết. - 306.
- 37 Đề từ này do chính Puskin viết theo phong cách các bài ngụ ngôn của A. Xumarôkóp. - 315.
- 38 *Bêlôbôrôđốp Ivan Naumôvich* - một trong số những trợ thủ thân tín nhất của Pugatsóp. Đầu tiên phục vụ trong quân đội từ năm 1759, sau đó làm việc ở nhà máy chế tạo thuốc súng. Từ 1766, sau khi giải ngũ, sống ở làng

Bôgôrôtxcôie gần Kraxnôuphimxơ. Tháng Giêng 1774, khi quân Pugatsốp đến làng này, đã gia nhập nghĩa quân và lập ra một đội quân chủ yếu gồm toàn thợ khai mỏ. Đội quân này hoạt động ở vùng Êcatêrinburg. Pugatsốp phong cho Bêlôbôrôđốp chức đầu lĩnh quân đội và nguyên soái. - 319.

- 39 *Xôkôlốp Aphanaxi* (Khlopusa) - một trong những người chỉ huy tài giỏi nhất của quân Pugatsốp. Năm 1773 bị tù ở Ôrenburg. Được cử mang bản tuyên cáo dụ hàng của Chính phủ đến gặp Pugatsốp, nhưng Khlopusa đã lập tức đứng về phía nghĩa quân. Pugatsốp phong cho Khlopusa chức đại tá, sau này Khlopusa là một trong số những trợ thủ chủ chốt của Pugatsốp. - 319.
- 40 *Iudêeva* - một làng cách Ôrenburg 120 véc-xta; ở đây ngày 9 tháng Mười một năm 1773 quân của Pugatsốp đánh bại một đội quân tiếp viện gửi đến giải vây Ôrenburg. - 324.
- 41 *Vua Phổ Phridrich II* (1712 - 1786), một thống soái có tên tuổi, nhưng đã bị hàng loạt thất bại trước quân Nga trong cuộc Chiến tranh bảy năm (1756 - 1763) (Pugatsốp có tham gia cuộc chiến tranh này). Phridrich II là con vua Phổ Phridrich I Vinhhem, vì vậy mà Pugatsốp gọi tên và phụ danh là Phiôđôrô Phiôđôrôvích (thực ra tên Phridrich của Đức không tương ứng với tên Phêđô của Nga). - 324.
- 42 Đề từ là một dị bản hoặc một bản được sửa chữa lại của một bài hát đám cưới mà Puskin ghi lại được ở làng Mikhailôpxcôie. - 326.
- 43 Đề từ này do chính Puskin sáng tác theo bút pháp hài kịch của Iakôp Knhiagionhin. - 332.
- 44 *Gôlitsun Piôt Mikhailôvích* - trung tướng, chỉ huy các đơn vị quân đội do nữ hoàng Ekaterina II cử đi đánh Pugatsốp. - 336.

- 45 *Mikhenxôn Ivan Ivanóvich* (1740 - 1807) - một trong những tướng tá đã có công nhiều nhất và đã tỏ ra tàn ác nhất trong việc trấn áp cuộc khởi nghĩa Pugatsóp. Rượt đuổi theo Pugatsóp sau khi Pugatsóp rút khỏi Cadan, 25 tháng Tám năm 1774 Mikhenxôn đã giáng cho Pugatsóp đòn thất bại hoàn toàn. - 337.
- 46 Ngạn ngữ lấy làm đề từ rút ra từ “Toàn tập sưu tầm tục ngữ, ngạn ngữ Nga, sắp xếp theo vần chữ cái”. - 338.
- 47 *Vônluxki Artêmi Pêtrôvich* (1689 - 1740) - một quan thượng thư dưới thời nữ hoàng Anna Ivanópna. Khrusóp Andrây Phiôđôrôvich (1691 - 1740) - quan tư vấn bộ tư lệnh hải quân. Bị xử tử cùng với Vônluxki vào năm 1740 vì có tham gia vào vụ âm mưu lật đổ quyền bính của Birôn, sủng thần của nữ hoàng, trên thực tế nắm quyền cai trị đất nước. - 343.
- 48 *Xôphia* - một trạm xe thư gần Txarxcôiê Xêlô (hiện nay là thành phố Puskin tỉnh Leningrát). - 344.
- 49 *Rumianxép Piôt Aléchxandrôvich* (1725 - 1796) - một danh tướng ở thế kỷ XVIII, đã từng chỉ huy quân Nga đánh bại quân Thổ trên sông Kagun (1770). - 345.
- 50 Ở đây nói về Êkatêrina II Aléchxêépna (1729 - 1796) - nữ hoàng Nga từ 1762, được miêu tả theo bức chân dung của họa sĩ Nga V.L. Bôrôvicốpxki (1757 - 1825). - 345.



MỤC LỤC

• LỜI NÓI ĐẦU (<i>Về Puskin</i>).	5
• NGƯỜI DA ĐEN CỦA PIỐT ĐẠI ĐẾ.	8
• TẬP TRUYỆN VỪA CỦA ÔNG IVAN PÊTỜRÔVÍCH BENKIN ĐÃ QUẢ CỐ.	69
• RÔXLAVLIÉP.	178
• ĐUBRỐPXKI.	199
• CON ĐÀM PÍCH.	319
• ĐÊM AI CẬP.	369
• NGƯỜI CON GÁI VIÊN ĐẠI ÚY.	393

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ALÉCHXANDRƠ
PUSKIN

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN ĐĂNG LƯU

Biên tập: PHÒNG BIÊN TẬP TỔNG HỢP

Vẽ bìa: VĂN SÁNG

Trình bày: LÊ PHƯƠNG LINH

Sửa bản in: MINH ĐỨC

In 800 cuốn khổ 13x19 cm, tại Công ty In Khoa học kỹ thuật - Hà Nội

Số in: 91 - Giấy phép xuất bản số: 507/46

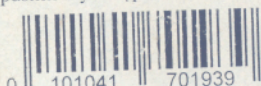
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2001

A. Puskin

TUYỂN TẬP VĂN HỌC



puskin tuyển tập văn học



0 101041 701939

65.000 VNĐ

Giá: 65.000đ